

Tắt đèn kể chuyện ma (Tập 1)

Contents

Tắt đèn kể chuyện ma (Tập 1)	2
1. Chương 01	2
2. Chương 02 - Part 1	5
3. Chương 02 - Part 2	10
4. Chương 02 - Part 3	14
5. Chương 03 - Part 1	18
6. Chương 03 - Part 2	23
7. Chương 03 - Part 3	28
8. Chương 04 - Part 1	32
9. Chương 04 - Part 2	38
10. Chương 04 - Part 3	43
11. Chương 05 - Part 1	46
12. Chương 05 - Part 2	52
13. Chương 06 - Part 1	56
14. Chương 06 - Part 2	60
15. Chương 06 - Part 3	66
16. Chương 07 - Part 1	72
17. Chương 07 - Part 2	78
18. Chương 07 - Part 3	83
19. Chương 07 - Part 4	88
20. Chương 08 - Part 1	94
21. Chương 08 - Part 2	99
22. Chương 08 - Part 3	104
23. Chương 09 - Part 1	110
24. Chương 09 - Part 2	114
25. Chương 10 - Part 1	118
26. Chương 10 - Part 2	122
27. Chương 11 - Part 1	125
28. Chương 11 - Part 2	130
29. Chương 12 - Part 1	134
30. Chương 12 - Part 2	139
31. Chương 12 - Part 3	143
32. Chương 13 - Part 1	147
33. Chương 13 - Part 2	152
34. Chương 13 - Part 3	156
35. Chương 14 - Part 1	161
36. Chương 14 - Part 2	164
37. Chương 14 - Part 3	169
38. Chương 14 - Part 4	173
39. Chương 14 - Part 5	178
40. Chương 14 - Part 6	182

41. Chương 14 - Part 7	186
42. Chương 14 - Part 8	190
43. Chương 15 - Part 1	195
44. Chương 15 - Part 2	198
45. Chương 15 - Part 3	203
46. Chương 16 - Part 1	206
47. Chương 16 - Part 2	212
48. Chương 17 - Part 1	216
49. Chương 17 - Part 2	220
50. Chương 18 - Part 1	224
51. Chương 18 - Part 2	228
52. Chương 18 - Part 3	233
53. Chương 18 - Part 4 (hết)	237

Tắt đèn kể chuyện ma (Tập 1)



Giới thiệu

Tắt Đèn Kể Chuyện Ma là thể giới của những câu chuyện liêu trai và cổ quái, là sự giao hoà của tri t

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/tat-den-ke-chuyen-ma-tap-1>

1. Chương 01

Chương 1: Phần mở đầu

Mặc dù rận là một loài côn trùng chẳng lấy gì làm tốt đẹp, nhưng cái việc “Bắt rận” mà được viết trên mặt giấy thì lại được coi là một thứ nghệ thuật hết sức tao nhã. Điều này cũng rất đối tự nhiên như chuyện Vương Cảnh Lược nói đến bắt rận mà cứ thản nhiên như không. Thành thử dùng ẩn ý này để đưa vào tên sách lại khiến người ta có cảm giác thú vị như Lý Bạch say sưa uống rượu họa thơ vậy.

Nhưng nghĩ kỹ lại ở đời loài rận cũng chẳng phải hoàn toàn “vô duyên” như thế. Một ngày mùa đông của hơn bốn mươi năm trước, khi tôi cùng với một quân đoàn kéo về từ phương Bắc, trên người chẳng có gì chỉ còn sót lại những con rận từ ba tỉnh Giang Tô, Chiết Giang và An Huy theo về, nếu cộng thêm một loạt học sinh, sinh viên từ các tỉnh khác, ngoại trừ đảo Đài Loan, thì các dân tộc rận từ hai mươi chín tỉnh thành và các khu tự trị có thể đã tề tựu đông đủ một nhà. Nhưng không hiểu sao lúc ấy chúng tôi lại không hề cảm thấy có cái gì đó ngứa ngáy, khó chịu, có lẽ do lũ rận đông đúc lúc này còn bận bịu tranh vương tranh tước với nhau, chẳng còn để ý tới những việc khác, hoặc cũng có thể do “tư tưởng đấu tranh giai cấp” trong chúng tôi lúc đó đã đạt đến độ nghiêm chỉnh, lại đúng vào thời khắc tâm hồn nhạy cảm đang “xúc động”

khiến cho da thịt tê dại đến cực độ, chẳng còn biết đến cảm giác gì khác nữa. Nhưng khi vừa bước tới cổng nhà, mẹ tôi ngay lập tức bắt lột hết quần áo đang mặc trên người xuống, sau đó đun mấy nồi nước sôi lớn, nhúng đi nhúng lại quần áo vào nước sôi sung sục trên bếp tới mấy lần, lúc này chỉ thấy hàng ngàn, hàng vạn con rận trôi nổi trên mặt nước bóng rẫy, thuận theo dòng nước mà chìm xuống, họ hàng nhà rận từ hai mươi chín tỉnh thành và các khu tự trị đã cùng sinh tử với nhau như thế. Giờ ngẫm lại những kỷ niệm hồi đó vẫn thấy có nhiều điều tiếc nuối: Mặc dù sống chung với rận suốt một thời gian dài, vậy mà tôi lại bỏ lỡ cái duyên “bắt rận làm vui”, quả thực là đáng tiếc!

Cho nên, hai chữ “bắt rận” ở đây chỉ là mượn cái ý vị trong câu “bắt rận nói hổ khách” của Vương tiên sinh từ hàng ngàn năm về trước để trang điểm cho vẻ bề ngoài của câu chữ, thực chất hoàn toàn chỉ là nói chuyện phiếm mà thôi.

Ý nghĩa thực ở đây là “nói chuyện ma”. Nhưng “nói chuyện ma” lại là việc “nói thì dễ mà làm thì khó”! Tô Đông Pha khi bị lưu đày ở Hoàng Châu^[1] thích nhất là nói chuyện ma, chính những câu chuyện ma quý ấy lại chất chứa trong đó bao nhân tình thế thái, bao sự đời được phản ánh một cách gián tiếp mà sâu sắc. Trong một tác phẩm của mình, Tô Đông Pha viết: Bắc khách nhọc lai hưu vấn sự, tây hồ huy hảo mặc ngâm thi. Trong bài thơ tặng Quách công phụ có đoạn: Mặc hướng giang biên lộng minh nguyệt, dạ thâm vô số thái châu nhân. Thơ viết ra không phải để ngâm, trăng trên cao không phải để thưởng, không gian tĩnh mịch như vậy không phải để nói chuyện ma thì nói chuyện gì? Nhưng vào thời đó vẫn chưa thịnh hành lối nói chuyện ma quý, chưa có chuyện xây lên những “ô đài quỷ ám”. Nói chuyện ma quý cũng chỉ là những ẩn ý sâu xa, chỉ là những gợi nhắc thoáng qua mà thôi. Nhưng từ những gợi nhắc sơ sài, qua quýt trong gần một ngàn năm trước ấy, đến thế kỷ XX lại trở thành một đề tài hấp dẫn được viết thành truyện.

[1] Hoàng Châu: một địa danh ở tỉnh Hồ Bắc

Những trò cấm ma bài quỷ trong những năm 50 của thế kỷ trước, chỉ là những mê tín dị đoan thuần túy, chứ tuyệt đối không có chút dụng ý sâu xa nào khác, những suy nghĩ hồi đó cũng chỉ là những tình cảm tốt đẹp theo hình thức “yêu ghét kiểu trẻ con”. Tôi còn nhớ như in một kỷ niệm hồi nhỏ khi xem kịch Cửu canh thiên, vở kịch dọa cho tôi sợ đến nỗi cả đêm không ngủ được, chỉ cần nhắm mắt lại là hình ảnh con ma không đầu lại hiện lên, chạy đến kêu oan. Vì vậy, để đưa ra quyết định cấm đoán những hình thức mê tín mù quáng kiểu như thế này, người ta cũng phải suy đi tính lại đến đau đầu bạc tóc cả rồi, mục đích là để hạn chế những nỗi sợ hãi đến mất hết lý trí như vậy. Nhưng đến năm 1957, thời kỳ “hữu khuynh”, trên sân khấu lại xuất hiện Họa bì, một câu chuyện ma đầy tính xác giới theo kiểu Liêu trai chí dị, biết bao bộ phim như thế xuất hiện cùng một thời điểm, trong các rạp chiếu phim toàn là những phim câu khách kiểu như vậy (số còn lại thuộc kiểu phim hài không được ăn khách cho lắm). Sau khi xem xong, đêm về hễ cứ nhắm mắt lại là những con yêu quái “mặt xanh nanh dài” lại hiện lên, so với con quỷ không đầu lần trước còn đáng sợ hơn nhiều. Nhưng hình ảnh ác quỷ giả dạng mỹ nhân là ám chỉ những “phản tử hữu khuynh”, rất có thể từ sự ám ảnh, sợ hãi mà chúng ta lại càng hiểu hơn về sự tàn nhẫn trong tư tưởng của phản tử quái hữu này. Việc mượn chuyện ma quỷ để gửi gắm những ẩn ý sâu xa từ đây lại trở thành một “bút pháp độc đáo” trong nghệ thuật, đó chính là một sự dụng tâm sâu sắc: Đừng nghĩ rằng tôi nói chuyện ma quỷ là chỉ để nói tới ma quỷ, mà qua chuyện ma quỷ tôi muốn nói tới chuyện con người, lấy ma quỷ để răn đe con người. Nhưng làm thế nào để biết người ta đang mượn chuyện ma để nói chuyện người? Đến năm 1959, để công kích lại phái phản động trong và ngoài nước, một loạt những câu chuyện cổ vũ cho tinh thần “Bài trừ ma quỷ” đã đồng loạt xuất hiện trên các diễn đàn. Cùng lúc đó, tư tưởng “mỗi người một dạ” của các phản tử trí thức có cơ hội được bộc lộ rõ ràng, vì thế những vở kịch như Lý Tuệ Nương, Tạ Dao Hoàn lại có cơ hội được trình diễn. Trong vở kịch, Lý Tuệ Nương đã nguyên rủa Giả Tự Đạo, qua đó chỉ trích quốc vương Hải Thụy. Nhưng có vở kịch lại cổ xúy cho tư tưởng ca ngợi “loài ma quỷ vô hại”. Điều này chẳng phải là công nhiên đề xướng tư tưởng dùng ma quỷ để “chống đối Đảng” sao? Thì ra khi nói tới chuyện ma quỷ, người nói đều có mục đích sâu xa cả. Và người cầm cờ khởi xướng là tác giả của một tác phẩm ký tên Lương Bích Huy được đăng trên Báo văn hồi của Thượng Hải, chủ đề ma quỷ vốn cấm kỵ, đến nay chính

thức bắt đầu được thừa nhận, lúc đó là vào năm 1963. Có người cho rằng đây là một cuộc “đại cách mạng trong văn hóa nghệ thuật” mà trước nay chưa từng có, góp một tiếng nói “tước ngôi Hải Thụy” trong vở kịch trước đây. Điều đó cho thấy chủ đề “ma quỷ” đã chiếm giữ vị trí quan trọng như thế nào trong cuộc đấu tranh tư tưởng, có lẽ đó cũng là điều hi hữu từ xưa đến nay.

Cho đến khi “kết thúc thời kỳ thái bình thịnh trị”, nhà vua vô cùng phần nộ, lệnh cấm ma quỷ bỗng trở nên nghiêm ngặt hơn. Nhưng có lẽ lệnh cấm đó đã không còn hữu hiệu, vì ngay cả người có quyền lực cách mạng tối cao, trên thực tế đối với những nhu cầu cơ bản về vật chất và tinh thần của người dân cũng không sao đảm bảo được, vì vậy quyền lực bị mất đi hoặc xoay chuyển cũng là điều dễ thấy. Sau năm 68, tôi về sống ở nông thôn. Ban ngày tôi chuyên tâm làm công việc phê bình, buổi tối lại chuyên tâm viết truyện ma quỷ, hai công việc chẳng có liên quan gì đến nhau nhưng lại cùng chung một bối cảnh của công cuộc Đại cách mạng văn hóa. Những người dân sống quanh tôi, họ hoàn toàn chẳng hiểu gì về chuyện hồn ma và “cách mạng văn hóa” (Ngược lại, họ chẳng sợ cái gì cả, thậm chí họ còn tỏ thái độ khinh miệt, một tinh thần mới, nói một cách khác, họ cho những việc tôi làm chẳng khác nào là “chuyện rỗi hơi”). Nhưng những đề xuất nông cạn của tôi lại gặp gỡ họ ở cái “nhu cầu tâm linh” huyền bí. Đương nhiên tôi không thể có cái tài làm a quỷ sống lại, càng không có năng khiếu dùng chuyện ma mà lấp đầy cái bụng trống rỗng của họ, chỉ là tích góp mỗi ngày một chút ít kinh nghiệm từ trời đất, làm một trận đại phê bình và với người cũng thích đấu tranh, nhưng ngược lại không đạt được cảm giác thích thú như mong đợi. Thế thì nói chuyện ma quỷ để tìm cảm giác gì ở trong đó, không chỉ là thú vị, kích thích, mà còn có cảm giác không thể có trong thực tế, cảm giác khiến người ta vừa sợ hãi lại vừa thích thú đến mê hoặc. Nhưng cũng không thể không đề cập tới tác động không nhỏ của Cách mạng văn hóa, trong đó cũng khó tránh khỏi một bộ phận không thích thú, thậm chí là sợ hãi, như những oan hồn phục thù hoặc một số loại tương tự.

Mở lối cho những lệnh cấm nói chuyện ma quỷ, tất nhiên phải đến sau thời kỳ Cách mạng văn hóa, thậm chí nếu công khai nói chuyện ma quỷ thì còn phải đợi đến một thời gian sau nữa. Trong ký ức của tôi, có lẽ phải đợi tới gần mười năm sau, Phùng Ký Tài tiên sinh mới viết một cuốn tùy bút đưa ra một đề xuất mang tính thăm dò: Có nên đi sâu nghiên cứu về vấn đề “văn hóa nói chuyện ma quỷ”? Sau này, nhà xuất bản ở Thượng Hải đã xuất bản một cuốn tiểu thuyết dịch có tên là Văn hóa ma quỷ. Mặc dù “văn hóa u minh” của Trung Quốc và “văn hóa ma quỷ” của phương Tây là hai phạm trù hoàn toàn khác biệt, nhưng đã tạo điều kiện cho những phong bế cấm kỵ nghiêm ngặt trước đây được dịp mở cửa hoàn toàn. Từ đó đến nay, những lệnh cấm đoán nói chuyện ma quỷ đương nhiên không còn tồn tại, chỉ cần lên mạng và tra cứu dòng chữ “liên bông quỷ thoại” là có thể thấy ngay tư tưởng đã được khai mở đến mức nào.

Từ nhỏ tôi đã thích nghe kể chuyện ma, vừa nghe vừa sợ, nhưng càng sợ lại càng muốn nghe, đến khi tôi biết đọc, biết viết, tôi liền tự tìm đến những cuốn sách ma để xem. Bây giờ có thể tự tin đọc được văn ngôn cũng chính là kết quả của thời niên thiếu ham thích những cuốn sách kiểu Liêu trai chí dị. Đọc nhiều truyện ma quỷ cũng giúp ta có thêm nhiều hiểu biết về thế giới u minh của người Trung Quốc, những câu chuyện xét về một khía cạnh nào đó còn là biểu hiện cho quan niệm về một thế giới cô hồn, thế giới của người chết theo phong tục lâu đời trong dân gian. Vì những điều đó, mỗi tác phẩm như vậy ra đời không chỉ là sản phẩm của cá nhân mà bao hàm trong đó là sự phản ánh nhiều kiểu quan niệm, suy nghĩ phức tạp về con người và thế giới, qua đó cũng có thể định hướng một cách thống nhất giữa những quan điểm rối ren, phức tạp và đầy mâu thuẫn. Cái chung nhất có thể cảm nhận được chính là cảm giác trải qua nỗi sợ hãi sau mỗi câu chuyện ma thú vị, nỗi sợ hãi ám ảnh khác hẳn với cái sợ sệt vẫn thấy trong cuộc sống hằng ngày. Nói một cách hình ảnh hơn thì chính những câu chuyện ma quỷ ấy lại có thể giúp người ta có được sự thú vị sâu sắc tận trong tâm hồn. Do đã đến cái tuổi nhàn rỗi đến nhàm chán, cho nên đã nảy sinh cái thú vị nói chuyện ma quỷ làm vui.

Mặc dù vậy nhưng để có được một cuốn truyện ma được đăng trên tạp san quả thực cũng không phải chuyện dễ dàng, đó còn chưa kể đến lệnh cấm nghiêm ngặt ở trên. Nhưng điều thôi thúc tôi đến với những câu chuyện ma nhất chính là cảm giác kỳ ảo, ma quái, không thể nói thành lời toát lên từ mỗi trang truyện.

Quả thực có những thứ thực sự khó lý giải mà người ta chỉ có thể tìm thấy tính hợp lý của nó ở trong những câu chuyện hấp dẫn này. Vì thế, khi tôi thử đặt bút viết cuốn sách này, trong lòng cũng có nhiều điều e sợ, sợ sẽ mang rắc rối đến cho người biên tập, càng sợ sẽ gây thêm phiền phức cho gia đình. Cho nên khi gửi bản thảo đi rồi mà nghe tin bị gửi trả hay một thông tin gì đó tương tự, tôi không hề cảm thấy bất ngờ chút nào. Nhưng điều nằm ngoài sự mong đợi của tôi là tạp chí Văn Tượng không những mạnh dạn chấp nhận mà còn hào phóng đề nghị mở một chuyên mục kể chuyện ma trên báo. Nhờ có sự khích lệ đó mà chỉ trong vòng hai, ba năm tôi đã nỗ lực không ngừng để có được một số lượng lớn các câu chuyện ma. Trong thời gian kể trên, bên cạnh sự hỗ trợ đắc lực của tạp chí Văn Tượng, tôi còn nhận được sự quan tâm, động viên không nhỏ của các độc giả, những người trẻ tuổi luôn yêu mến và cổ vũ tôi để tôi có được nỗ lực và quyết tâm hoàn thành cuốn sách như ngày hôm nay. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất.

Hiện nay, nhà xuất bản Văn học và Nghệ thuật Thượng Hải đang có ý định tập hợp những câu chuyện kể về ma này với những sáng tác có cùng chủ đề nói chuyện ma của những người bạn của tôi để xuất bản thành một bộ sách. Đây thực sự là một niềm vinh dự lớn đối với tôi. Như vậy, những câu chuyện tản mạn về ma của tôi trong suốt hai, ba năm bao gồm cả những sáng tác chưa một lần đăng tải trên tạp chí Văn Tượng, cũng được tập hợp và sắp xếp ấn định theo thời gian sáng tác, trong mỗi trang truyện có những câu từ còn chưa thực sự hoàn hảo, khi xem lại tôi đã xó sự điều chỉnh đôi chút ở bên dưới, sau này có thể cắt gọt bớt đi cho hàm súc. Đồng thời, trong quá trình viết truyện, khi viết xong mỗi chương đoạn tôi đều tạm thời dừng lại, sau khi lắng nghe mọi ý kiến đóng góp của bạn đọc rồi mới quyết định nên hay không nên viết tiếp, và nên lựa chọn viết như thế nào.

LOAN BÁO QUẦN - Một ngày mùa thu năm 2009

2. Chương 02 - Part 1

Chương 2: Lại nói về “ững thứ dưới nước”

Đường lão nhân khi xưa đã viết một cuốn sách bàn về “vạn vật sống trong nước”, cuốn sách nổi tiếng giới thiệu những loài “tôm, cá, cỏ, cây”. Chủ đề này thực sự đã gợi mở cho tôi nhiều suy nghĩ, vì thế cho nên tên đề mục mở đầu câu chuyện không nhất thiết phải nói rõ ràng cái ẩn ý “quỷ sông ma nước” mà chỉ cần gợi mở ra trong phạm vi rộng lớn của một lớp ngôn từ có tính bao quát, vừa mơ hồ, lại vừa bí ẩn. Hơn nữa, cũng không cần phải nhắc tới đặc thù hay sự nghiêm trọng của ma quỷ, mà chỉ cần nói tới vạn vật chung chung mà thôi. Nhưng hôm nay, vấn đề này lại được bàn luận một cách chi tiết, tỉ mỉ hơn. Giả dụ câu chuyện mà chúng ta đang bàn tới ở đây được đặt một tí chuyện giật gân “nói chuyện về những con ma chết đuối” hay văn nhả hơn là “thuyết nịch quỷ[1]”, thì điều này chắc hẳn rất khó tìm được một tạp chí thích hợp để đăng tải. Vì thế mượn lối nói của tiên nhân và đưa thêm vào dấu ngoặc kép, người viết không hề có ẩn ý gì sâu xa mà chỉ mong sao thoát khỏi được những mông lung, rối rắm trong nhan đề, để câu chuyện đến được với độc giả và nhận được sự đồng thuận, yêu mến. Đương nhiên sau khi tháo gỡ được những khó khăn này, vẫn không thể tránh khỏi nhiều ý kiến trái chiều, điều này cũng giống như khi đang sung sướng thưởng thức cá biển mà vẫn phải lo ngại về một điều gì đó ẩn sâu trong dòng nước. Tuy nhiên, đó là những câu chuyện của sau này, còn thực tại vẫn rất khó để có thể vượt qua nỗi mông lung, hỗn độn này.

[1] Thuyết nịch quỷ cũng có nghĩa là nói chuyện về những con ma chết đuối.

Trong tác phẩm của mình, Đường lão nhân có một đoạn nói rõ dụng ý việc chuyên tâm nói chuyện ma quỷ của mình, trong đó có đoạn viết: “Tôi có ý muốn lấy ma nước là đề tài tiên phong cho tác phẩm của mình, chính đề tài này sẽ gợi ra nhiều hứng thú ọi người trong việc nghiên cứu, thẩm định trên nhiều phương diện.” Trong khoảng bảy mươi năm sau khi có câu nói này, không biết đã có ai hứng thú làm công việc thẩm định, nghiên cứu về vấn đề này chưa, hoặc là sau những điều tra nghiên cứu cũng chưa thấy có ý kiến tranh luận gì. Nói tóm lại, tôi vẫn chưa phát hiện thấy có bài viết nào đề cập tới phương diện này. Thành phố tôi ở khi còn nhỏ là một vùng sông nước phương Bắc, có không ít sông, hồ, kênh, rạch chằng chịt, cho nên người dân nơi đây vẫn thường kể cho nhau nghe câu chuyện về những con ma chết đuối. Những câu chuyện ấy chỉ nhằm nhắc nhở trẻ con trong vùng không được chơi đùa ở những chỗ gần sông nước. Mặc dù tôi không còn nhớ rõ những câu chuyện hồi ấy có đặc sắc như những câu chuyện ma vùng sông nước Giang Nam hay không, nhưng đến bây giờ, mặc dù nước sông vùng Hoa Bắc đã cạn khô, lòng sông rộng lớn của mười mấy năm trước đây nay đã trở thành công trường đang thi công nạo vét, nhưng “vạn vật trong nước” ấy chính là những thứ được đào khoét nằm sâu trong lòng đất. Thành phố tôi sống bây giờ lại là nơi chẳng có lấy một dòng sông hay con suối, và đương nhiên cũng chẳng có những câu chuyện ma như trước kia. Mấy năm về trước, để cải thiện tình hình, thành phố đã cho đào một con sông nhân tạo, lòng sông được lát xi măng, hai bên bờ sông là những bậc thềm ngay ngắn, sườn dốc thoải, nhưng không hiểu vì sao, cứ sau ba đến năm bậc lại đột ngột hạ xuống mấy thước, kết quả là mấy năm liền đều có người bị rơi xuống nước chết đuối. ững ghi chép để lại về những vụ chết đuối ấy có lẽ cũng không nhiều lắm, chủ yếu đều là những ghi chép trên tinh thần khoa học, không nhuộm màu sắc mê tín dị đoan, cho nên cũng chỉ có mấy dòng tin tức, cảnh báo đăng rải rác trên các tạp chí, còn lại chẳng có gì được coi là dấu hiệu của những câu chuyện huyền bí về “người thế tội”. Nói thao thao bất tuyệt một hồi, mục đích của người nói cũng chỉ nhằm giải thích hai chữ “lại nói” có trong đầu đề chương chuyện. Thực tế thì những chuyện trên đây cũng chẳng liên quan gì nhiều với những điều mà Đường lão nhân đã viết, chỉ là từ trong những câu chuyện ấy có chứa đựng một vài thông tin thú vị về ma nước mà chúng tôi muốn bàn tới ở đây.

Chết đuối có thể được coi là biểu hiện phản ánh sự tiến hóa từng bước của con người, vì trong hành trình đi lên của nhân loại luôn luôn có những lối mòn và con người cứ theo cái lối mòn ấy mà đi. Chết đuối cũng là một trong những lối mòn như thế. Lội nước trượt chân và lũ quét dữ dội đều là những điều mà tổ tiên chúng ta không thể lường trước được. Đối với chúng ta, để có được một khái niệm về hồn ma thì rõ ràng cần phải có nhiều hơn những ghi chép về các vụ chết đuối, mà những hồn ma và những người chết đuối lại gặp gỡ nhau ở một quan niệm đã trở thành cố hữu trong tín ngưỡng dân gian là người chết đuối bao giờ cũng phải kéo theo người khác rơi xuống nước để làm kẻ thế thân ình thì mới có tư cách tham gia vào vòng luân hồi của những kiếp “ma nước”. Từ trước đó, thi thể của người chết đuối có thể bị chôn vùi hay chìm nổi lênh dênh theo dòng nước lũ làm mỗi cho cá dữ nhưng linh hồn của họ thì vẫn vẫn vơ nơi mờ mả hoặc men theo những người hợp duyên qua lại trên đường, những người chết này hầu như không có trường hợp ngoại lệ.

Linh hồn của người chết đuối mà có danh tính, địa chỉ quê quán rõ ràng, phần lớn đều được gọi với tên là “Phùng Di”. Cái tên Phùng Di này khẳng định đây là một sự vay mượn tạm thời vì vốn dĩ đó là tên gọi của Hà bá. Trong Hoài Nam Tử có đoạn viết: “Phùng Di đặc đạo, dĩ tiềm đại xuyên[2]” Từ thời nhà Hán trở về trước, dòng sông lớn được nhắc tới ở đây chính là sông Hoàng Hà. Trong những tài liệu còn ghi chép lại được đã xuất hiện câu chuyện lưu truyền trong dân gian về Phùng Di. Trong những câu chuyện ấy, Phùng Di hiện lên là một vị thần sông từ thời cổ đại vô cùng gần gũi với người dân vùng sông nước. Dường như vị thần sông ấy có nguồn gốc xuất thân từ một người bình thường trong dân gian, chỉ sau khi tu luyện “đắc đạo” mới trở thành thần sông nước: “Phùng Di, người vùng Hoa Dương, đắc đạo trở thành thần sông.” ưng làm thế nào Phùng Di có thể đắc đạo thành tiên? ững ghi chép giải thích về vấn đề này lại hoàn toàn không giống nhau, trong cuốn bốn truyện sâu tâm về thần thánh của Ca Bảo thời Đông Tấn đã hé lộ một số thông tin được lưu truyền trong dân gian:

Hoàng Nông Phùng Di là người vùng Hoa m[3], chết đuối trong một lần qua sông vào ngày Canh Thìn tháng Tám. Thiên hoàng thương xót phong làm Hà bá cai quản vùng sông nước. Trong sách Ngũ hành cũng viết:

“Hà bá chết vào ngày Canh Thìn. Không thể chèo thuyền qua sông, đắm thuyền mà chết.”

[2] Có nghĩa là: Phùng Di tu luyện thành công về ở ẩn nơi sông lớn.

[3] Tên địa danh ở tỉnh Thiểm Tây - Trung Quốc.

Thì ra, sự “đắc đạo” của Phùng Di xuất phát từ nguyên nhân chết đuối của ông ta. ững lúc đó vẫn chưa thịnh hành thuyết “thi giải[4]” thành tiên, ở đây ám chỉ sự chết đuối của Phùng Di. Trên thực tế, ông ta rơi vào tình cảnh tai ương như vậy thực sự chẳng có gì may mắn cả, cũng chẳng phải thoát xác hóa thần hóa thánh gì hết. Vì thế việc chết đuối và “đắc đạo” là hai chuyện không hề liên quan đến nhau. Vậy nhưng, tại sao Thiên hoàng lại phong tước cho ông ta là Hà bá? Để lý giải điều này người ta chỉ có thể dựa vào phỏng đoán. Đứng từ phương diện cái thiện mà nói thì sau khi Phùng Di qua đời, đảm nhiệm vai trò thần sông, xuất phát từ chính nỗi bất hạnh mà cuộc đời mình gặp phải, nên ông ra sức cứu giúp, bảo vệ người dân, tránh cho họ gặp phải tai nạn chết đuối. Đó là một việc làm đầy thiện tâm. ững đứng từ phương diện cái ác mà lý giải, theo thuyết Ngũ hành đã đưa ra lời khuyên cảnh báo tới những người chèo thuyền qua sông vào những ngày nước lớn phải hết sức cảnh giác, vì thời điểm đó chính là lúc Hà bá giận dữ sẵn sàng nhấn chìm bất cứ ai xuống vực nước sâu thăm thẳm. Tuy nhiên, trong tâm thức của con người, chúng ta vẫn tin vào tấm lòng thiện tâm của người quân tử, cho nên mỗi người dân vẫn thường không nghi ngại mà nhận định rằng việc làm quen thuộc, giản đơn của thần Hà bá chính là bảo vệ, cứu giúp những người qua sông được an toàn. Có thể đưa ra một ví dụ dễ thấy từ truyện Dinh tân phụ[5] trích từ cuối năm, Sưu thần ký[6]:

“Trên dòng sông Hoài Nam đã từng xảy ra cái chết thương tâm của một cô gái trẻ, vốn là một thiếu nữ xinh đẹp, mười sáu tuổi đã xuất giá. Câu chuyện về nàng thật thương tâm! Sống ở nhà chồng, nàng bị áp bức, đánh đập đến nỗi không thể chịu được. Vào đúng ngày mừng Chín tháng Chín, trong nỗi đau khổ, uất ức đến tột cùng, nàng tự tìm đến cái chết. Câu chuyện về người con gái bất hạnh ấy vẫn được người dân kể lại với nỗi thương cảm vô bờ. Trong những ghi chép của mình, Vu Chúc đưa ra lời khuyên: “ững người phụ nữ trong gia đình cần ghi nhớ trong ngày mừng Chín tháng Chín chớ nên làm bất cứ việc gì.”

[4] Thi giải: có nghĩa là thoát xác.

[5] Người vợ trẻ.

[6] ững ghi chép, sưu tầm chuyện về các vị thần.

Một oan hồn bị mẹ chồng đối xử tàn nhẫn mà chết, linh hồn hóa thành minh thần để bảo vệ những người phụ nữ bất hạnh, vị minh thần này cùng với oan hồn chết đuối nói ở trên chẳng phải cũng giống nhau ở hành động nhân nghĩa ấy sao?

Nếu phỏng đoán này là đúng, thì Hà bá chính là oan hồn đầu tiên được phong thần. Sự việc chết đuối mà hóa thành thần sông như thế, hàng ngàn năm sau, vào thời Nam Tống cũng lưu truyền trong dân gian câu chuyện nổi tiếng về Lý Hẫu khi qua sông bị quỷ ám mà chết. Cũng giống như Phùng Di, ông ta chết đuối và cũng được phong làm thần trị thủy. Một ví dụ khác trong Hữu đài tiên quán bút ký, cuốn chín, Tiên giang nữ thần của Du Việt có đoạn kể về một dân nữ họ Lưu sống ở huyện Hữu Tuyền, tỉnh Tứ Xuyên sau khi chết đuối: “Ở dòng sông Tiên Giang, mỗi khi có người rơi xuống nước thường có một vị thần xuất hiện cứu vớt. Vị thần này mỗi lần hiện lên thường mặc một chiếc áo trắng, dung mạo toát lên vẻ xinh đẹp của

một thiếu nữ còn xuân trẻ. Người ta cho rằng, rất có thể đó là linh hồn của người con gái họ Lưu kia. Đã trải qua bao đời mà linh hồn người đã khuất vẫn lẩn khuất đâu đây, người dân vùng này đã gom góp tiền bạc xây dựng miếu thờ nàng, trên thành miếu còn ghi tạc dòng chữ “Tiên Giang thủy thần miếu[7]”, lúc nào cũng nghi ngút khói hương.” Từ điều này có thể thấy, người dân sống vùng sông nước thường có một niềm tin, hy vọng tuyệt đối vào sức mạnh của những vị minh thần phù hộ cứu giúp mình vượt qua khó khăn, hoạn nạn.

[7] Nghĩa là: Miếu thờ thủy thần trên sông Tiên Giang.

ưng cũng có những điều trái ngược với tín ngưỡng này, đó là tư tưởng “giang Thành[8]”, linh hồn sau khi chết thường tìm đến lôi kéo những người khác vào chỗ chết đuối để làm người thế thân ình. Quan niệm “ma đưa lối, quỷ dẫn đường” này được nói tới sớm nhất trong cuốn ba, truyện truyền kỳ Bắc mộng tòa ngôn[9] của Tôn Quang Hiến, trong tác phẩm có đoạn viết:

Lưu vực hai bên bờ những dòng sông lớn thường có nhiều oan hồn chưa siêu thoát vẫn đi đi về về dụ dỗ những người qua lại ngã xuống nước, đắm thuyền mà chết, oan hồn người chết lại tiếp tục quẩn quanh dụ dỗ, hãm hại những người qua sông khác, tạo thành cái vòng luẩn quẩn đầy oan nghiệt.

[8] Nghĩa là: Ma đưa lối quỷ dẫn đường.

[9] Nghĩa là: ững ghi chép tản mạn về giấc mộng phương Bắc.

Cũng vẫn tác phẩm ấy, trong cuốn bốn có đoạn ghi:

Phàm là những người chết do hủ vờ, hay ngã nước thì linh hồn đều rất khó siêu thoát, họ thường vật vờ quanh quẩn tìm người thế mạng ình.

Sau này, hai chữ “giang thành” không còn được người đời sau sử dụng, thay vào đó học nhắc nhiều đến những chữ “oan hồn chết đuối”. Điều này đại khái là chỉ những kẻ chết đuối nếu không tìm được người thế mạng thì sẽ không đầu thai thành người được. Trên thực tế, những oan hồn cần tìm người thế mạng không chỉ có ở quanh ao, hồ, sông nước mà ngay cả oan hồn chết đuối dưới giếng cũng cần tìm người thế thân. Trong Tiền thị tư chí của Tiền Thế Chiêu thời Nam Tống có đoạn viết:

Vào thời Thiệu Hưng, Ngô Sơn Hạ có một cái giếng lớn, mỗi năm đều có nhiều người rơi xuống giếng chết đuối. Thái úy Đồng Đức đã cùng nhân dân hào phóng quyền góp tiền của xây cất giếng, có thể dùng thùng lấy nước, giúp hạn chế nhiều vụ tai nạn thương tâm xảy ra, có người trước khi chết còn nghe thấy từ trong giếng vọng ra tiếng nói: “Các người luôn sợ hãi trước cái chết, chúng ta có khả năng cướp đi sinh mạng của các người bất cứ lúc nào.”

Câu nói cuối cùng đó thực chất chỉ là thủ pháp “vẽ rồng thêm mắt” của người viết, rất có thể là ảnh hưởng từ truyện Tiểu lâm hoặc trích từ Phật môn. Còn đối với câu chuyện về oan hồn chết đuối, trong những cuốn tiểu thuyết từ thời Tống đã nhiều lần đề cập đến, tác dụng giáo dục mà những câu chuyện đó mang lại chính là khuyên mọi người đặc biệt lưu ý khi qua lại những khu vực ven sông, nơi đã từng có người bị

chết đuối, không những không nên lội nước mà tốt nhất hãy tránh xa khu vực đó một khoảng cách an toàn. Bài học có ý nghĩa cảnh báo đặc biệt với những ai sống trong khu vực nhiều sông, hồ, kênh, rạch.

Một khi những hồn ma đã tìm được người thể thân, họ sẽ ra sức tìm cách lôi kéo, dụ dỗ, hoặc sử dụng những trò lừa gạt, bịp bợm, hoặc dùng chính nhan sắc để mê hoặc. Người viết cố ý nhấn mạnh và đưa ra lời cảnh báo tới những gia đình sinh sống ở ven sông, vì trên thực tế, phần lớn những hồn ma chết đuối đều có liên quan tới những vụ án trên sông nước, cho nên những linh hồn ấy nếu chưa được siêu thoát chẳng khác gì lũ thổ phỉ chuyên gieo tội ác, hãm hại người vô tội. Trong Di kiên giáp chí, cuốn bốn Tướng Bảo vong mẫu của Hồng Mại thời Nam Tống có đoạn kể lại một cách súc tích, khúc triết và đầy sống động về vấn đề này:

Phác Tướng Bảo một mình một ngựa rong ruổi về quê, đang chìm đắm trong cảnh sắc thôn dã giữa đêm khuya tĩnh mịch, bỗng từ phía sau đi tới một giai nhân khoác trên mình bộ xiêm y trắng toát, cùng song hành đi tới bên nước trước mặt. Giai nhân mời mọc chàng cùng tắm tiên, nàng cầm vạt áo nhẹ nhàng cởi ra, rồi từ từ ngâm mình xuống nước. Bất chợt vang một lên tiếng gọi mơ hồ, ban đầu chỉ là những âm thanh vọng lại từ xa nghe không rõ, sau rõ dần, nghe ai oán như lời khóc mẹ. Trong lời than khóc có hàm ý răn đe: “Đồng hành giả phi hảo nhân, thiết bất khả dữ dục [10]” Lời nói vừa dứt, Phác Tướng Bảo vội vã lội vào bờ, phi ngựa chạy thẳng đến nhà dân gần đó. Khi trấn tĩnh ngoái đầu nhìn lại chỉ còn thấy chiếc áo trắng phát phơ, mập mờ rồi biến mất.

[10] Có nghĩa là: Người đi cùng không phải là người tốt, tuyệt đối không nên tắm chung.

Câu chuyện nhằm đưa ra bài học đề cao cảnh giác, ý nghĩa của bài học này không chỉ có tác dụng đối với nhân dân sống ở những vùng sông nước, mà suy rộng ra ở những nơi như tụ điểm cờ bạc, lầu xanh cũng có hiện tượng “ma đưa lối, quỷ dẫn đường” dưới nhiều dạng thức khác nhau. ư vậy có thể nói, tác dụng giáo dục của những câu chuyện ma quỷ là thiên biến vạn hóa, có thể áp dụng vào nhiều trường hợp khác nhau trong cuộc sống, tuy chưa thật đầy đủ nhưng cũng có thể bổ sung một cách phong phú và cụ thể hơn cho tư tưởng “thần giáo” theo quan niệm của dân gian.

Trong Tử bất ngữ của Viên Mai, cuốn ba, Thủy tiên điện có đoạn viết: Một chàng thư sinh, trên đường vào kinh hướng bỗng lộc vua ban, tình cờ gặp một người áo đen, người này đã dùng hết lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ chàng theo nàng ta xuống “Điện Thủy tiên” dạo chơi văn cảnh. Khi cánh cửa sơn son thiếp vàng mở ra, từ phía tây hồ nổi lên một cung điện uy nghi lộng lẫy, bên trong xuất hiện vô số các cung nữ với xiêm y lộng lẫy đang say sưa trong lời ca điệu múa. Người áo đen chỉ tay và nói: “Kia là chốn bông lai tiên cảnh, chàng hãy cùng ta ở lại đây ngắm nhìn các mỹ nữ, thưởng nhạc họa thơ, cuộc sống như vậy chẳng phải vui vẻ lắm sao?” Câu chuyện này còn ngụ ý một lời khuyên sâu sắc gửi tới các bạn thanh niên trẻ tuổi không nên ham mê quá đà vào những trò ăn chơi nơi vũ trường, quán xá. Với ý nghĩa đó, câu chuyện đã vượt qua cả giới hạn bó hẹp của phạm vi “kể chuyện ma quỷ” mà vươn ra tầm xã hội, mang đến những bài học giáo dục thiết thực nhất. ững câu chuyện ma quỷ được ghi chép lại trong Hữu đài tiên quán bút ký có sử dụng rất nhiều yếu tố huyền ảo nhằm huyền hoặc con người, chẳng khác nào dùng tấm màn che nhiều màu sắc che khuất tầm nhìn của người khác, khiến họ không thể thấy được lối đi mà chỉ còn cách men theo những thanh vịn lan can chơi với để qua cầu.

3. Chương 02 - Part 2

Từ những hành vi ma quỷ đó, có thể thấy đây đều là những âm mưu xấu xa nhằm hãm hại người khác để chuộc lợi về mình, vì thế cả “giang thành” và “hổ thành[11]” đều chẳng kém gì lũ lừa gạt, dê hèn, bỉ ổi, xấu xa... chúng đôi khi còn giống nhau ở ngay thủ đoạn và hành vi hại người. Như trong Tùng song mộng ngữ của Trương Hân đã ghi lại trường hợp hai thư sinh bị chết đuối trên sông. Để mình có thể được đầu thai luân hồi vào kiếp khác, họ đành phải hóa thành hai kiểu nữ chốn “thanh y” hồng dụ dỗ những chàng thư sinh tuần tú đồng môn của mình. Cho nên, điều bị coi là “ích kỷ” ở đây thực chất lại là những mong muốn chính đáng, không có sự lựa chọn nào khác buộc họ phải sử dụng những thủ đoạn tàn ác đẫm máu, đó chỉ là sự lựa chọn bất đắc dĩ của những hồn ma khát khao được luân hồi chuyển kiếp mà không còn cách nào. Thành thử suốt khoảng thời gian mấy chục năm về trước, một loạt những quy định nghiêm ngặt về “bạch phân chi ngữ” hóa ra đều là mong tìm được người thế mạng. Tuy nhiên, trong thời điểm đó cũng xuất hiện những hồn ma cao thượng, chịu chấp nhận số kiếp lưu đày khổ ải mà không cần thế thân. Câu chuyện của Vương Lục Lang trong Liêu trai chí dị chắc hẳn đã quá quen thuộc với mọi người, vì thương tình Vương Lục Lang mà Thiên đế đã ban cái chết ột cô gái làm oan hồn thế thân cho chàng ta, nhưng thật không ngờ sau bao ngày tháng trông mong có một vận may để đầu thai, siêu thoát, vậy mà đến lúc cần đưa ra quyết định, anh ta lại lựa chọn chấp nhận mãi mãi làm oan hồn lênh đênh chìm nổi trên mặt nước mà nhường lại cơ hội sống sót cho người con gái vô tội kia. (Câu chuyện này về sau còn được dùng để nói tới quan điểm về sự báo ứng ở đời, nhưng khi đưa vào “cảm ứng thiên bằng chứng” lại dùng để nói tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống). Một ví dụ khác trong Hữu đài tiên quán bút ký, cuốn sáu, có kể lại câu chuyện về một người chẳng may sa chân xuống nước mà chết đuối, mặc dù không giống hành động của Vương Lục Lang, nhưng nhân cách của anh ta cũng được xem là cao thượng, vì bắt đầu từ giây phút anh ta lia khỏi thế gian và chìm dưới đáy nước, anh ta cũng không hề có ý định hại người hồng thế mạng ình, cho nên những hồn ma chết đuối ấy tất nhiên cũng được nhân dân coi thờ như những vị thần tốt bụng luôn bảo vệ cuộc sống của con người.

Đối với những hồn ma tìm cách hãm hại người vô tội để thế mạng một cách vô lý, Viên Mai, nhà thơ nổi tiếng đời Thanh cũng đưa ra nghi ngờ, trong Viết tiếp tử bất ngữ, cuốn ba, Đả phá quỷ lệ có đoạn viết:

Đêm khuya thanh vắng, chàng thư sinh họ Lý đang say sưa đọc sách bên dòng suối cạnh nhà, bỗng từ xa vẳng lại một giọng nói đầy ma mị: “Ngày mai sẽ có người qua sông, và thế thân cho ta.” Ngày hôm sau, quả nhiên có người qua sông, chàng thư sinh họ Lý bèn tìm cách ngăn anh ta lại.

Đêm về, hồn ma hôm trước đến trách mắng: “Nhà ngươi cứ sao lại ngăn cản việc ta tìm người thế thân?” Chàng thư sinh họ Lý đáp: “Vạn vật đều có quy luật luân hồi, tại sao ngươi không chờ đợi đến kiếp luân hồi mà nhất nhất phải tìm người thế thân ình?” Hồn ma đáp lại: “Lệ thường dưới âm phủ trước nay đều như thế, ta cũng không thể làm khác. Ta đâu có được may mắn như người sống giữa chốn trần gian, đi học thì được cấp lương, được làm quan, chức quan còn trống tất nhiên sẽ có người được bổ khuyết, người nghĩ xem như vậy chẳng phải là quá may mắn hay sao?” Chàng thư sinh họ Lý đáp: “Nói như ngươi thì quả là nhầm lẫn quá rồi! Học trò đi học được nhà vua cấp lương thảo, quan lại được hưởng bổng lộc vua ban, người dân trong thôn cùng xóm vắng ai nấy đều có phần, vậy thì chẳng thể nói là lãng phí, tất cả đều có định mức được quy định rõ ràng, không thể là việc làm tùy tiện, bất đắc, bất nhiên được. Hơn nữa cuộc sống trần gian và địa phủ, giữa âm và dương vốn khác xa vời vợi, tự sinh tự diệt, mình làm mình hưởng, vì thế tạo hóa chỉ có công quản lý của cải và phân chia công bằng cho tất cả mọi người mà thôi.” Hồn ma lại nói: “Vậy với kẻ quân vương, hai chữ thịnh suy, thế ngôi thì giải thích làm sao?” Lý đáp: “Nhà ngươi còn hỏi tới chuyện thế ngôi sao? Các vương triều thay thế nhau là điều tất yếu của lịch sử, việc nhà ngươi đến để kéo ta làm người thế thân, lại còn hỏi ta về việc luân vương, thật chẳng khác nào mắng người trước mặt.” Hồn ma cười lớn, nhảy múa mà đi, từ đó không thấy quay lại nữa.

Viên Từ nói tới ma quỷ mà không tin ma quỷ, trong những câu chuyện cổ dân gian vẫn thường thấy có những cách hỏi vặn như vậy, qua đó hàm ẩn rất nhiều những kiến giải đặc sắc về cuộc sống, con người, về nhân tình thế thái. Ông đưa ra một ví dụ về chuyện ma quỷ ở thế giới địa phủ, nhưng từ chuyện cõi âm mà người ta có thể dễ dàng hình dung, liên tưởng tới cõi dương, đây là dụng ý lấy âm chỉ dương của người viết. Mục đích của câu chuyện không phải là chuyển luân vương mà là chính chúng ta, những con người đang sống trong thế giới thực tại.

Nhưng tại sao chúng ta lại không có cơ sở khoa học lý giải điều này mà phải mượn có hồn ma đáng thương tự tìm đến phiền phức trong câu chuyện để gửi gắm suy nghĩ của mình? Quả thực, ngay cả những gợi dẫn từ trong câu chuyện dân gian, Viên Từ cũng mới chỉ đưa ra những gợi ý cho những nghiên cứu sau này. Khiêm nhường đưa ra cách lý giải xuất phát từ căn nguyên của câu chuyện này để gửi thông điệp cảnh báo tới mọi người nên tránh xa những mếp nước nguy hiểm. Ngoài ra, thông qua câu chuyện này, người viết còn muốn đưa ra lời cảnh báo thứ hai, lời cảnh báo dành cho những ai có ý định nhảy sông tự tử, đừng coi thường mạng sống của mình, nói một cách khác chính là ông lên tiếng phản đối những suy nghĩ tiêu cực muốn tìm đến cái chết hòng trốn tránh cuộc đời. Tất nhiên, với những hồn ma tự vẫn như vậy ít có nhiều liên quan đến nguyên nhân do cuộc đời đưa đẩy.

Quả thực, những tài liệu nghiên cứu hiện đã có thể phản ánh phần nào một cách chân thực hoàn cảnh lịch sử của thời đại. Những câu chuyện về “nịch quỷ cầu đại[12]” xuất hiện muộn nhất vào cuối đời Đường. Nếu so sánh với những câu chuyện về “ải quỷ cầu đại[13]” xuất hiện vào thời Nam Tống thì là xuất hiện sớm hơn mấy trăm năm. Từ những ảnh hưởng khách quan, có thể thấy, so với “ải quỷ”, “nịch quỷ” có tác động xấu, phá hoại và làm ô nhiễm môi trường sinh thái của chúng ta, vì thế đối với “nịch quỷ”, mọi người thường có thái độ phản cảm. Nói một cách mang tính chất thăm dò thì mặc dù trong lịch sử có nhiều người chết vì treo cổ hơn những người chết vì chết đuối, nhưng có vẻ như càng về sau này số vụ chết đuối ngày càng tăng. Vấn đề đặt ra là có nên nâng cao trình độ “thuyết phục” một bộ phận những người có suy nghĩ coi thường mạng sống muốn nhảy sông tự vẫn sang treo cổ tự vẫn? Về vấn đề này thật khó để đưa ra những con số thống kê chính xác, chúng tôi cũng chỉ xin dừng lại ở một vài suy nghĩ mang tính chủ quan như vậy.

[12] Hồn ma chết đuối tìm người thể thân.

[13] Hồn ma treo cổ tìm người thể thân.

Nói đi nói lại, dù sao đã dám cả gan đề cập đến những vấn đề này thì cần phải có thái độ dứt khoát, hoặc là làm hoặc là không. Một khi đã nhắc đến hồn ma chết đuối thì phải nói thêm về những linh hồn vì treo cổ tự tử mà chết. Trên đây đã nhắc tới “ải quỷ cầu đại”, thì cũng nên nói rõ hơn về chủ đề này.

Hồn ma treo cổ

Trong Duyệt vi thảo đường bút ký của Kỷ Vân đã dẫn một câu chuyện nói về một tên côn đồ, qua đó phân biệt rõ hai loại hồn ma, một loại chết chìm dưới giếng, một loại khác treo cổ tự vẫn, cả hai hình thức tìm đến cái chết đó đều cần phải đắn đo vì chẳng ai có thể biết lựa chọn nào là thích hợp.

Trong Đường ngôn có một câu nói: “La bạch thái các hữu sở ái[14]”, một câu nói khác cũng có ý nghĩa tương tự: “Đầu hà thượng điều, các hữu sở hiếu[15]” Tại sao lại có những người dễ dàng tìm đến cái chết mà không biết trân trọng cuộc sống của mình? Tất nhiên phải tìm đến con đường không lối thoát như vậy cũng có nhiều nguyên nhân từ hoàn cảnh đến tâm lý, nhưng nghĩ kỹ lại thì còn có một nguyên nhân khác

xuất phát từ chính “sự thoải mái” trong quá trình đơn giản hóa cuộc sống và cái chết, nên những người tự tử ngày càng một gia tăng đã trở thành điểm nóng của xã hội.

[14] Ngay cả loài củ cải trắng còn có tình yêu.

[15] Cúi đầu trên mặt sông xót thương người đã chết cũng là biểu hiện của tình thương yêu.

Không biết là bắt đầu từ khi nào, thắt cổ tự vẫn đã trở thành phương thức thường dùng nhất của những người muốn tự sát. Mặc dù, đó không phải là cách thể hiện “oanh liệt” nhất, nhưng không thể nghi ngờ đó là hình thức tiện lợi và nhanh chóng nhất. Và đó cũng là hình thức thường dùng của các vị hoàng đế ngày xưa. Thời Xuân Thu, Sở Linh Vương, Ngô Vương là những vị hoàng đế cao quý đã lựa chọn đến với cái chết bằng cách treo cổ tự vẫn bên gốc cây trên đỉnh Vạn Tuế sơn. Còn đối với những người dân thường, thì trong Tự quái đông nam ký có miêu tả, từ những ngôi nhà tranh ven sông thường vọng đến những âm thanh thảm thiết, đó là tiếng khóc thương, than vãn của những người dân thường khi họ đi tới bước đường cùng buộc phải tìm đến cái chết trên xà nhà để giải thoát cho chính mình.

Ở thời cổ đại, hình thức tự sát rõ ràng không phải là “cái mốt đa dạng” theo kiểu “quang điện hóa khí” như thời hiện đại, nhưng cũng có một vài hình thức để lựa chọn. Vậy mà cách họ tự sát cũng oanh liệt chẳng kém gì Sở Bá Vương hay Vưu Tam Thư. Bởi lẽ ở họ có dũng khí, có sự lợi hại mà người bình thường không thể có, khi thì nhảy lầu, lúc lại rơi từ trên đài cao xuống... Hình thức tự sát ở thời cổ đại cũng có những đặc quyền nhất định, trong đó mức thấp nhất chính là hình thức bêu xâu trên khán đài, rồi ép uống thuốc độc, nhốt vào nhà lạnh hoặc xông khói độc... Không nói đến những phí tổn do các hình thức tự sát này gây ra, rõ ràng thời nay chúng ta không thể dễ dàng theo được cha ông ta về sự “tinh tế” và “mức độ sáng tạo” như thế. Nói đi nói lại, lựa chọn hình thức tự vẫn treo cổ hay nhảy sông vẫn đỡ tốn kém chi phí nhất. Hơn nữa, hình thức treo cổ lại không câu nệ về mặt thời gian, địa điểm hay bị người ngoài soi mói, bắt bẻ nhiều điều. Nói một cách khác thì hình thức này vốn không bị phụ thuộc vào địa hình, địa thế, chỉ cần chuẩn bị một sợi dây đủ đỡ trọng lượng cơ thể mình là có thể đạt được mục đích rồi. Từ những điểm trên có thể thấy treo cổ tự vẫn vẫn là hình thức tiện lợi mà từ những người bình dân đến dòng dõi quý tộc thường lựa chọn mỗi khi muốn tìm đến cái chết.

Một số lượng không nhỏ những người tìm đến cái chết là những kẻ nghèo đói và những người sống trong thời kỳ chiến tranh loạn lạc. Trong sách cổ thường có một số lượng lớn ghi chép về nỗi tuyệt vọng của những người buộc phải lựa chọn inh con đường chết. Đó là những người dân chạy loạn do chiến tranh hoặc những người dân lầm than cơ cực vì khổ sai lao dịch. Trên con đường đầy bất hạnh ấy, cứ cách mười bước chân lại có người đói khát treo mình trên cành cây. Thảm cảnh này thực sự là quá sức tưởng tượng. (Đương nhiên, nếu như có một vương triều không cho người dân cái quyền tự do giải thoát mình khỏi cái đói, cái khổ của cuộc sống bằng cách tự vẫn thì cũng chỉ là hình thức lấp liếm qua quýt để phô ra cái vẻ tốt đẹp bề ngoài mà thôi.) Nói đến thời kỳ loạn lạc, có thể dẫn ra đây một đoạn ghi chép từ cuốn bầy, Quang Châu bình mã trùng trong Di kiên chí quý tập:

Quang Châu (tức Hoàng Xuyên, Hà Nam ngày nay) trải qua thời kỳ chiến loạn bị thảm, tàn khốc trong lịch sử. Binh đao khói lửa vô tình khiến bao người dân vô tội chết thảm. Trong hoàn cảnh đó, nhiều anh hùng nhân kiệt như Thuần Hi Sơ, Trương Nhiêu Trịnh đã tìm mọi cách trấn thủ địa phận quận huyện mình cai quản. Thậm chí họ còn cho xây dựng hành lang trấn thủ kiên cố, vững chắc ở phía tây thành. Hối sai dịch của quan lại thì nhận được câu trả lời: “Những kho kiên cố đó đến nay chưa mở cửa một lần.” Trong suy nghĩ Trịnh Tổ Tham ắt có tư tưởng phục quốc. Đạp đổ xiềng xích, gông cùm, gươm đao... đó đều là những tư tưởng lệch lạc làm tổn thất đến lợi ích quốc gia nên không thể tin dùng. Hệ lụy xảy đến là hàng vạn

người treo mình trên xà nhà tự vẫn. Có người ghi lại: “Thời buổi loạn lạc, người dân chạy loạn kín đường, họ tự tìm cách giải thoát mình bằng sợi vải tơ thắt cổ tự vẫn.”

Hàng vạn người treo cổ tự vẫn trên xà nhà, con số này quả thực có sức mạnh tố cáo ghê gớm. Điều này đã trở thành một “hiện tượng” vô cùng kỳ lạ. Lần lượt hàng vạn người treo mình tự tử tạo nên một tình cảnh thảm thương, bi đát, xót xa đến cùng cực trong lịch sử Trung Hoa thời đó.

Mặc dù phần lớn những người tự vẫn đều thuộc tầng lớp dân đen con đỏ, những người rơi vào vào cảnh sống lầm than cơ cực, không lối thoát, nhưng đứng trên phương diện lịch sử mà nói thì đây quả thực là một giai đoạn lịch sử đen tối của đất nước. Một bộ phận không nhỏ những người tìm đến cái chết thời kỳ này là những trung thần hết mình vì đất nước, những liệt nữ kiên trinh tìm đến cái chết để bảo vệ phẩm giá cao quý của mình. Hành động ấy của họ tiêu biểu cho những con người trung nghĩa, chính trực trong vương triều, đối lập với những cái chết đê hèn của kẻ thất phu tiểu nữ chỉ bồi nhọ thêm cho nền thống trị vốn dĩ là linh thiêng thần thánh theo kiểu “tự kinh ư câu độc nhi mạc chi tri dã[16]”.

[16] Theo Luận ngữ.

Đặc biệt thời kỳ Tống, Nguyên sau này, khi cái lý học dần dần thấm nhuần trong tư tưởng của quần chúng nhân dân thì vấn đề tự sát được biểu hiện dưới những hình thức, thậm chí là những thủ đoạn đơn giản mà tinh vi hơn rất nhiều nhằm bảo vệ cái gọi là trung nghĩa, tiết liệt của người quân tử. Và dường như người ta cũng ưa lựa chọn cái “long xà” làm nơi thực hiện hành động treo thân mình tự sát để bảo vệ danh phẩm của mình. (Tất nhiên đây là việc làm của những người có thân phận cao quý trong xã hội.) Họ tìm đến hình thức tự sát này chẳng những để bảo vệ danh giá của gia tộc mà còn vì Tổ quốc. Mặc dù họ đã chết nhưng vẫn còn thế hệ con cháu sau này cung kính mà tưởng nhớ. Những hành động lập cờ biểu, lập bàn thờ, lưu danh sử sách đều là những thủ đoạn của những người đương quyền trong hiện tại hay quá khứ nhằm đề cao, tán dương những thứ được gọi là đạo đức hoàn thiện theo kiểu “dị dạng” đó. Thành thử hình thức này đã trở thành hành động “diễn trò” tồn tại trong suốt mấy triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Khi Sùng Trinh lên ngôi hoàng đế đã đưa ra lệnh chỉ những người thân cận, gần gũi nhất với mình mới được phép diện kiến, song hành cùng với nhà vua, còn những kẻ khác không có cơ hội này. Tin tức truyền đến, một số trung thần lũ lượt tìm cách treo mình lên xà nhà quyền sinh nhằm phản đối. Với hành động ấy, lẽ đương nhiên những người này sẽ được ghi danh trong sử sách. Một trường hợp khác, người mẹ khi biết con rể chết, người con gái đang còn xuân trẻ của mình buộc phải thủ tiết thờ chồng sẽ vô cùng khốn khổ. Bà đắn đo suy tính, hoặc là khuyên con nên bỏ đi cái chữ tam tòng, mặc kệ việc đánh mất danh tiết mà đi bước nữa, hoặc là giữ lấy hai chữ tiết trinh mà khuyên con mình treo cổ tự vẫn để trở thành tấm gương liệt nữ và được người đời sau truyền tụng, ngợi ca, lưu danh sử sách. Trong lịch sử những trường hợp như trên thường thấy rất nhiều.

Cho nên, dù không có số liệu thống kê một cách tuyệt đối nhưng nhìn một cách khái quát có thể quả quyết rằng treo cổ là phương thức tự vẫn được con người lựa chọn nhiều nhất trong lịch sử từ cổ chí kim. Mặc dù vậy nhưng ở thời cổ đại, một khoảng thời gian rất dài không có hồn ma treo cổ nào được quan tâm một cách đặc biệt. Chính vì vậy, có thể thấy loại hồn ma treo cổ xuất hiện tương đối muộn. Sau này, những người treo cổ tự vẫn đi vào các câu chuyện ma quỷ một cách rất tự nhiên, như ác ma đội lột thái tử trong Tả truyện hay người con gái họ Cung trong câu chuyện Hồng diệp truyện thì trích từ Bắc mộng tảo ngôn xuất hiện thời kỳ Ngũ Đại. Nhưng tất cả những linh hồn chết do thắt cổ tự vẫn này thường đều trở thành những linh hồn kỳ dị. Do những quy định nghiệt ngã của gia tộc đã chia cắt mối tình trong sáng giữa người con gái họ Cung xinh đẹp và chàng thư sinh Lý Nhân thông minh, tuấn tú. Tuyệt vọng, đau khổ vì tình yêu tan vỡ, nàng tìm đến cái chết. Nhưng:

Sau khi chết, linh hồn người con gái họ Cung vẫn vẫn vương, không rời chàng thư sinh họ Lý. Vài năm sau, Lý Nhân đột nhiên lâm bệnh nặng. Gia đình thuốc men tìm người chạy chữa khắp nơi vẫn không khỏi. Một hôm, có vị đạo sĩ già đi qua, người nhà bèn mời vào xem bệnh. Đạo sĩ phán “Người này có âm tà đeo bám” nên sắp ấy lá bùa hồng xua đuổi tà ma. Từ khi có những lá bùa yểm bên người Lý Nhân, linh hồn người con gái họ Cung không còn chỗ đeo bám đành phải cáo từ ra đi.

Xem ra linh hồn treo cổ tự vẫn ấy không những đa tình mà còn vô cùng lương thiện. Nhưng xét về diện mạo bên ngoài hay tính cách bên trong của người con gái họ Cung kia so với những hồn ma khác cũng không có gì khác biệt. Ngay cả việc dùng âm khí thâm nhập vào người ở dương thế cũng là chuyện rất đời thường như những hồn ma khác vẫn thường làm. Tất nhiên, trong những câu chuyện viết về đề tài ma quỷ không thể thiếu những chi tiết được người viết cường điệu hóa một cách đặc biệt. Đó là những yếu tố kỳ ảo làm nên nét độc đáo, cuốn hút cho từng câu chuyện. Và truyện về người con gái họ Cung dẫn ra trên đây cũng không phải là trường hợp ngoại lệ.

Nhưng để hình ảnh hồn ma treo cổ tự vẫn trở thành đề tài được định danh trong lịch sử các câu chuyện cổ thì ít nhất chúng ta cũng phải vượt qua được nỗi sợ hãi đơn thuần trước những câu chuyện ma quỷ đó. Đứng từ phương diện văn hóa mà nhìn nhận thì có lẽ bắt đầu từ thời Nam Tống, trong Di kiến chí, yếu tố ma quỷ đã chính thức xâm nhập vào trong các câu chuyện cổ. Tôi cho rằng hiện tượng này ít nhiều có liên quan đến những hạn chế nhất định trong khả năng trị quốc của triều đình đương thời, do đó có thể lý giải phần nào nguyên nhân khiến cho số lượng các vụ treo cổ tự vẫn ngày một gia tăng trong xã hội thời kỳ đó. Tuy nhiên, điều này chúng ta sẽ từ từ bàn đến sau.

4. Chương 02 - Part 3

Hình ảnh những hồn ma treo cổ tự vẫn trong Di kiến chí đương nhiên vẫn giữ được vẻ bề ngoài xinh đẹp có sức cuốn hút, hấp dẫn như những hồn ma thời Đường. Chắc hẳn nếu không có được dung mạo mê hoặc như thế thì làm sao có thể dụ dỗ những kẻ si tình say đắm đến điên đảo. Tất nhiên, trong số đó hi hữu cũng có những hồn ma treo cổ mà không có được vẻ bề ngoài hấp dẫn. Có những đôi lứa đang yêu nhau nồng thắm, nhưng khi một người bị vạch trần thân phận thực là một hồn ma treo cổ thì họ thành ra xa lạ, trở mặt thành thù, rồi xuất hiện những tình cảm oán hận lẫn nhau. Có thể thấy, từ thời Nam Tống trở đi, mặt “Ác” trong những hồn ma treo cổ đã dần dần bộc lộ. Trong Di kiến ất chí, quyển hai mươi Đồng ngân tượng, có đoạn miêu tả lại cảnh đối đầu giữa hồn ma treo cổ và người tình sau khi trở mặt nhau: “Từ trên xà nơi chính giữa gian nhà, hai hồn ma cùng thè ra hai cái lưỡi dài hơn hai thước để tiêu diệt lẫn nhau.” Hình ảnh hai cái lưỡi dài dữ tợn lao vào tương tàn, sát hại lẫn nhau quả thực từ trước đến nay chưa bao giờ có trong lịch sử văn học.

Với tư cách là loại hồn ma hung dữ, hình ảnh “lệ quỷ” trở nên rất đáng thương nhưng cũng vô cùng đáng sợ. Đương nhiên, hình ảnh này có sự liên hệ mật thiết với dung mạo người chết khi treo cổ tự vẫn: lưỡi thè ra, mắt nhìn trừng trừng về hung dữ, cổ ngoẹo sang một bên, tóc thả rũ rượi... Từ những hình ảnh trong thực tế đó, khi bước vào các câu chuyện ma quỷ bao giờ cũng có sự khuếch trương, phóng đại đến mức nào, thì bao giờ người viết cũng dụng công miêu tả chi tiết cái lưỡi như một điểm nhấn không thể thiếu khiến hình ảnh người chết hiện lên thêm phần rùng rợn, kinh hãi.

Cũng bắt đầu từ thời Nam Tống, xuất hiện một số câu chuyện về những hồn ma treo cổ không thể đầu thai chuyển kiếp. Những hồn ma ấy mãi mãi nằm sâu trong lòng đất, giữa chốn u minh tăm tối, tĩnh mịch, lạnh giá. Di kiên chi chí canh tập, cuốn sáu với tên gọi Xứ Châu khách điện, Tam chí dân tập, cuốn chín mang tên Tiêu dân kiến hồ nhất ti, hay trong Tam chí dã tập, cuốn bốn có tên Phó cửu Lâm tiểu nữ... đều ghi chép lại những chuyện có liên quan đến vấn đề nêu trên. Linh hồn những người treo cổ tự vẫn một khi đã không thể đầu thai thì họ chỉ có thể lưu lạc giữa chốn trần gian mà gây chuyện, quấy phá làm hại dân lành. Những linh hồn ấy phải đợi đến khi có người trần làm công đức thờ cúng, làm lễ giải hồn thì mới có cơ hội chuyển thể đầu thai kiếp khác. Nhưng điều làm chúng ta băn khoăn là tại sao có những người nguyện treo cổ tự vẫn để giữ gìn phẩm giá sáng trong, để giữ vững cái đạo trung, hiếu, tiết nghĩa của người quân tử, hay cả những kẻ đáng thương vì không may rơi vào hoàn cảnh trở trêu, phải đi tới bước đường cùng tự tìm đến cái chết, họ khi còn sống hoặc là những kẻ đáng thương, hoặc là những người đáng kính, vậy tại sao khi chết, những vong hồn ấy đều khiến người dân sợ hãi, thậm chí là ghét bỏ đến như vậy?

Không những thế, một thời gian rất lâu sau, đến triều đại nhà Minh lại xuất hiện hồn ma treo cổ tự vẫn bắt buộc phải có “Cầu đại[17]” mới có thể đầu thai chuyển thể được. Thẩm Đức Phù trong Vạn lễ dã hoạch biên có đoạn viết: “Theo truyền thuyết, hễ có một người treo cổ tự vẫn ắt phải tìm một người khác thế mạng ình thì mới có thể đầu thai sang kiếp khác.” (Điều này cũng được nói đến trong một cuốn sách khác có tên là Liễu phạm tứ huấn) Có lẽ chính nguyên nhân này đã khiến cho những hồn ma treo cổ càng trở nên đáng sợ hơn với con người nơi dương thế. Và tất nhiên, để có thể đầu thai chuyển kiếp được, những hồn ma này đã không tiếc dùng những thủ đoạn lừa gạt, dụ dỗ thậm chí là cưỡng ép người khác tự tìm đến cái chết trên xà nhà hiu quạnh. Cho dù khi còn sống những hồn ma này là những người trung nghĩa, lương thiện, nhưng khi chết tất cả những phẩm chất ấy đã thay đổi hoàn toàn, họ trở thành con người ích kỷ đến độ vô liêm sỉ. Viên Mai trong Tử bất ngữ, cuốn mười sáu Liễu như thị vi lệ[18] đã ghi chép lại những điều mờ ám trong nhân gian: những hồn ma treo cổ không chỉ dụ dỗ con người ta đi đến quyết định tự tìm cái chết trên xà nhà, mà còn xui khiến rất nhiều người dân treo cổ hàng loạt. Những hồn ma khi còn sống có nhân phẩm, tướng mạo trong sáng, tuấn tú còn như vậy, huống hồ những bọn chuyên làm hại người khi sống, chuyện khi chết có lẽ cũng chẳng cần bàn luận thêm.

[17] Tức là người dương thế cầu khẩn cúng tế.

[18] Liễu rủ như nhỏ lệ.

Dưới ngòi bút tinh tế, sắc sảo của Viên Mai, những câu chuyện ma quỷ được kể bao giờ cũng ẩn chứa nhiều bài học nhân sinh sâu sắc. Theo nhà văn, những hồn ma treo cổ tự vẫn mà linh hồn chưa siêu thoát vẫn thường lang thang khắp chốn dương gian để tìm người thế thân phù hợp với mình, phần lớn đều là những kẻ thất phu, tiểu nữ, nhân cách rất đối bình thường. Ngay cả cái chết của họ thực chất cũng chẳng khác gì cái chết theo kiểu “Tự kinh câu hách giả[19]”. Cho nên, nếu như Thượng Đế khai ân cho những kẻ chết đuối, cho họ hưởng đặc ân sau khi chết được luân hồi chuyển thể mà không nhất thiết phải thờ cúng, hương khói, cầu nguyện, thì những hồn ma treo cổ tự vẫn kia cũng cần được đối đãi như vậy. Thậm chí một số trường hợp đặc biệt cũng được phong là minh thần hoặc thần thổ địa. Như vậy, suy nghĩ của Viên Mai đã hình thành một giấc mộng đẹp về sự bình đẳng trong việc phân chia những đặc quyền đặc lợi giữa các linh hồn chưa siêu thoát. Tuy nhiên, theo kiến giải của chúng tôi, nhà thơ Viên Mai nên đưa ra quy định rõ ràng, đối với những dân nữ bình thường cũng phải hương khói chu toàn mới có thể được siêu thoát, nếu không “giấc mộng đẹp” kia sẽ rất khó được tán thành.

[19] Chẳng may rơi xuống nước mà chết đuối.

Từ thời Nam Tống đến nay, những hồn ma treo cổ tự vẫn được liệt vào các loại hồn ma “lách sách”. Vốn khi còn sống họ tìm đến cái chết thê lương, đau đớn là thế, vậy mà khi chết họ lại trở thành hồn ma chuyên đi làm những việc mờ ám, ác độc, sau này bị phạt không được đầu thai chuyển kiếp. Tất cả những điều này nên lý giải ra sao?

Người treo cổ tự vẫn trước đây phần lớn đều vì đói rét cơ hàn mà phải đi đến bước đường cùng là tự tìm đến cái chết. Nhưng từ thời Nam Tống trở lại đây, đa số những hồn ma treo cổ lại là các anh hùng, liệt nữ. Có người treo cổ trong hoàn cảnh binh đao loạn lạc, có người treo cổ vì chồng chết nên thủ tiết theo chồng, có người tìm đến cái chết để giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với vị hôn phu chẳng may qua đời, có người vì bị cưỡng hiếp, uất ức mà treo cổ tự vẫn, có người vì miệng lưỡi thế gian hiểm ác buộc phải tìm đến cái chết để giải thoát cho chính mình... Muôn hình vạn trạng những lý do khác nhau đã đưa đẩy con người ta đến với cái xà nhà lạnh ngắt để tự kết liễu đời mình. Hiện tượng này đã gây ảnh hưởng lớn đến việc hình thành quan niệm “tiết liệt dị dạng” ngày càng lan tràn trong đời sống xã hội, khiến cho hình thức treo cổ tự vẫn trở thành phương thức được lựa chọn nhanh nhất của những người vốn coi rẻ mạng sống của mình. Đối với triều đình thời đó, treo cổ tự vẫn đã góp phần tô điểm cho cái xã hội giả dối, bất lương. Với những người treo cổ khi còn sống họ bị ghê lạnh, coi thường, đến khi chết đi họ lại được triều đình liệt vào hàng trung thần liệt nữ, lập gian thờ thấp hương, thờ cúng trang trọng. Còn đối với gia đình, người thân và cả xã hội thì đó lại là một tổn hại ghê gớm đánh vào tâm thức của mỗi con người. Tự đáy lòng mỗi người dân, những con người coi rẻ mạng sống tự tìm đến cái chết vẫn được họ xem là một tai nạn đáng thương tâm không may xảy đến với mỗi gia đình. Trong Hữu đài tiên quán bút ký, cuốn một có đoạn viết:

Huyện Quảng Đông Hoa có một ngôi làng nhỏ. Người dân ở ngôi làng đó sống vui vẻ, quây quần bên nhau. Từ ngôi làng đi về phía thành phố khoảng hơn mười dặm, có một con sông nhỏ, nước chảy xiết, xanh biếc vắt ngang qua. Nổi hai bờ sông là cây cầu sắt. Bên bờ có một tảng đá dáng vẻ rất giống một ông lão không biết đứng đó tự bao giờ. Mọi người trong thôn đều gọi đó là “Kiều đầu thổ địa thần[20]”, hương hỏa rất cẩn thận. Sau này, trong làng có sáu người con gái đều ở vậy không lấy chồng, một hôm, họ cùng hẹn nhau đứng trên cây cầu mà nhảy sông tự vẫn. Từ đó, người dân nơi đây truyền tai nhau câu chuyện bi thương về sáu người con gái đang độ xuân thì ấy. Mặc dù có thần thổ công đứng bên cầu mà vẫn không thể bảo vệ họ thoát khỏi cái chết chìm bi đát. Thấy vậy, người dân nơi đây dần dần phá bỏ tục lệ thờ cúng tảng đá bên sông.

[20] Thần thổ công đứng ở đầu cầu.

Cả sáu người con gái cùng “thủ chí” đồng lòng tìm đến cái chết khi còn xuân trẻ, xét từ phương diện đạo đức thì điều đó tất yếu gây nên một tiếng vang lớn, một dư âm khó quên trong tâm thức người dân làng. Từ đó, nhân dân ngày đêm hương khói, cầu nguyện cho linh hồn họ sớm siêu thoát đầu thai kiếp khác, và mãi truyền tai nhau câu chuyện thương tâm này. Nhưng cũng phải thấy một điều trong trường hợp này, cho dù là thần thổ công cũng không có cách nào ngăn cản hành động tự sát bất ngờ và có chủ ý của họ, nên việc không còn tin tưởng và thờ cúng thần thổ công như trước của dân làng cũng cần phải xem xét. Mọi người đối với việc tự sát cũng tương tự như vậy, ngay cả trường hợp là những người trung nghĩa, liệt nữ, ngoại trừ trường hợp đặc biệt, còn lại là những người thân thiết của họ cũng không thể ngồi im mà nhìn con cháu mình tìm đến cái chết mà không ngăn cản hay ít ra là cầu nguyện cho họ, hướng chỉ là một vị thần. Trong Hữu đài tiên quán bút ký, cuốn tám có một đoạn tán dương câu chuyện ca ngợi thần thổ công cứu người tự sát. Để cứu những quả phụ mất lòng tin vào cuộc sống mà tìm đến xà nhà treo cổ tự vẫn, thần thổ công đã dùng cánh tay của mình đỡ lấy chân họ cho đến khi có người kịp đến cứu mới buông ra.

Từ rất sớm, vào khoảng cuối triều Minh, đã có người phản đối hành động treo cổ tự vẫn của những “người con gái chưa chồng”. Người con gái họ Tào buồn rầu, đau khổ vì vị hôn phu qua đời, nài than khóc, giam mình trong khuê phòng tuyệt thực rồi treo cổ lên xà nhà mà chết. Có lẽ chính cái chết thảm thương của

người con gái họ Tào đã cảm động đến Triệu Thời Xuân. Để biểu thị quan điểm phản đối của mình, ông đã viết Trinh nữ tiết phụ giải và cho rằng dân nữ họ Tào kia không nên vì vị hôn phu đã chết mà cũng tìm đến cái chết thảm thương như thế.

Sự phản đối của Triệu Thời Xuân trước hành động treo cổ tự vẫn của người con gái đang còn xuân thì đã tạo nên một hiệu ứng thông tin mạnh mẽ. Những người phản đối (trong đó có tác giả của Quốc xác) và ngay cả chúng ta cũng không có cách nào ngoài việc chỉ có thể dùng những câu chuyện ma quỷ để phản ánh hậu quả nghiêm trọng của việc treo cổ tự vẫn. Và tất nhiên, trong những câu chuyện ma quỷ đó sẽ không tránh khỏi việc miêu tả những tình tiết thê lương, bi thảm, thậm chí gây cảm giác sợ hãi cho người đọc. Chính những yếu tố này đã có tác dụng cảnh báo sâu sắc tới những người đang có ý định treo cổ tự vẫn. Họ, với tư cách là những người đang nhận được hương hoa mà nhân gian thờ cúng, thật khó tránh khỏi kiếp trầm luân trong cõi u minh tăm tối, và sự sa đọa trong đạo đức, thật đáng giận, đáng ghét! Chúng ta hãy hy vọng qua các câu chuyện ma quái có thể loại trừ một phần nào đó quan điểm về sự tiết liệt ác ý đầy tính dị dạng này.

Những câu chuyện được ghi lại trên đây tất nhiên sẽ có sự linh hội nhất định. Ông đã viết tất cả hai câu chuyện ma, trong đó đưa ra nhiều dẫn chứng, phân tích, kiến giải một cách sâu sắc. Thứ nhất, qua các câu chuyện, ông muốn mượn lời ma quỷ để phản đối, răn đe những con người coi thường mạng sống của mình:

Thượng Đế nhân từ biết bao! Người không bao giờ mong muốn con người tự ý ruồng bỏ sinh mạng quý giá của mình. Những trung thần tận trung với nước, những người phụ nữ tiết hạnh cao quý, họ đều chết một cách bất ngờ và đầy uẩn khúc. Còn những người không may mắn sống một cuộc sống nghèo túng, bẽ tắc, không tìm được con đường mưu sinh thích hợp, họ buộc phải đưa số phận của mình đến bước đường cùng trong đớn đau tuyệt vọng, treo thân mình lên xà nhà lạnh ngắt... Tất cả đều là những câu chuyện vô cùng thương tâm, cũng là những vòng quay luân hồi vô định của bánh xe cuộc đời. Có lẽ, chẳng thể định trước được số phận của mình, duy chỉ có điều “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo” là quy luật tất yếu của cuộc đời. Nếu như chỉ vì một chút giận dữ, một ít thất vọng, một vài đau khổ, khó khăn, cùng cực, giận mình, trách người mà khinh xuất treo mình trên cái dây thòng lọng thì quả thực đã phụ lòng yêu thương, hy vọng của biết bao người thân thương, của biết bao sinh linh vạn vật trong cuộc đời. Chính vì vậy, những linh hồn ấy sau khi chết sẽ bị đẩy xuống địa phủ, giam cầm trong cõi tối tăm, lạnh lẽo, trăm năm không được siêu thoát.

Ông cũng đưa ra những lời bình luận thêm:

Chắc hẳn ở chốn u minh tăm tối ấy, những linh hồn lạnh lẽo kia cũng sẽ tìm cách để được cứu thế, cầu siêu. Nhưng không biết với những luật lệ nghiệt ngã chốn âm ti, liệu có chấp nhận cho những người xấu số kia được đầu thai chuyển kiếp hay không? Tất nhiên, những người vốn coi thường mạng sống của mình cũng bị trừng phạt chẳng khác chi những kẻ hiểm ác, chắc chắn sẽ không dễ dàng, nhanh chóng được đầu thai. Từ những điều này, người viết muốn nhắn gửi một thông điệp tới những người đang sống trên trần gian: trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống, dù cho khó khăn, khắc nghiệt đến mức nào cũng phải biết giữ gìn và quý trọng mạng sống của chính mình!

Hai là, tác giả đã xuất phát từ chính những nỗi thống khổ của người treo cổ tự sát mà đưa ra lời khuyên:

Phàm là những người tiết tháo, kiên trung khi treo cổ tự vẫn, linh hồn thăng thiên từ trên đỉnh, cho nên cái chết thường đến với họ nhanh hơn, nhẹ nhàng hơn. Còn những người chết vì phần uất, đồ kỵ, ghen ghét, linh hồn thường từ trong tim giáng xuống, cho nên cái chết thường đến một cách dai dẳng, đau đớn. Trong

khoảnh khắc đoạn tuyệt với cuộc đời, hàng trăm tĩnh mạch bỗng nhiên ngừng đập, da thịt bỗng chốc tan vỡ, tê tái như có hàng trăm nhát dao cắt rời từng khúc, từng khúc một, ruột gan cũng cồn cào, quần thất tựa như xuất hiện ngọn lửa đang bốc cháy mãnh liệt trong lồng ngực, ra sức thiêu đốt đến bỏng rát, tái tê, không thể chịu đựng được... Và trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, hình ảnh sự sống ngày càng mờ xa.

Như vậy, một cách tinh tế và sâu sắc, Thảo Đường đã đưa ra những kiến giải độc đáo phân biệt rõ ràng hai loại người treo cổ tự vẫn: một loại treo cổ để giữ trọn tâm lòng trung nghĩa, loại khác treo cổ chỉ vì những ganh ghét, đố kỵ nhỏ nhen. Rõ ràng những kiến giải này khác hoàn toàn với những lý giải mà Tùy Viên đã nêu ra trước đó. Từ những nghiên cứu tưởng chừng vô căn cứ ấy, Thảo Đường đã khéo léo mượn những câu chuyện ma quỷ để phản đối, cảnh tỉnh những ai đang có ý định treo cổ tự vẫn hãy biết trân trọng mạng sống quý giá của mình. Lời cảnh tỉnh ấy đến sau này vẫn còn giá trị sâu sắc.

5. Chương 03 - Part 1

Chương 3: Thuyết cương

Nói một cách chính xác hơn, chữ “cương” mà chúng tôi đang bàn tới ở đây chính là “cương” trong “cương thi[1]”. Nhưng vì sao ngay từ đề mục người viết không nói rõ ý nghĩa này mà lại chỉ đưa ra một chữ “cương” đầy bí ẩn như thế? Quả thực, cách hiểu về hai chữ “cương thi” trên thực tế lại quá mơ hồ. Đa số mọi người thường hiểu hai chữ “cương thi” trên ý nghĩa sinh học thông thường của nó. Điều này được lý giải, ở người chết, máu huyết đông lại liền trở nên căng cứng, hiện tượng này được gọi là “cương thi”. Trong sách cổ thường nhắc đến những chữ như “cương thi biên dã[2]” hay “cương thi như ma[3]”. Đó chỉ là một số dẫn chứng sách vở thường gặp. Với cách hiểu trên, ngoài những nhà nghiên cứu y học ra chắc hẳn chẳng ai có hứng thú đặc biệt để tìm hiểu sâu sắc về vấn đề này. Tuy nhiên, thứ xác chết được coi là hiệp nghĩa có lẽ ngay cả những nhà nghiên cứu y học thực thụ cũng không dám đề cập sâu, đây chính là vấn đề mà chúng tôi muốn nói tới. Nhưng chính những xác chết cương cứng được coi là hiệp nghĩa nói tới ở đây cũng chỉ là một khái niệm mơ hồ, bản thân nó bao hàm cả hai loại tính chất “dị vật” không đồng nhất.

[1] Ý chỉ xác chết đã cương cứng.

[2] Xác chết nơi hoang dã.

[3] Xác chết bị tê liệt.

Chu Tác Nhân trong một bài viết về “những dị vật trong văn học nghệ thuật” cho rằng: “Những xác chết cương cứng được nói tới trong các tiểu thuyết Trung Quốc, về cơ bản được chia làm hai loại. Một loại là xác chết chưa phân hủy. Đó là những xác người mới chết có thể cảm nhận được rõ ràng nguồn thực khí trên thi thể. Loại xác chết này vẫn thường tác oai, tác quái tìm cách dụ dỗ, lừa gạt những người đang còn sống, dẫn dắt họ tự tìm đến cái chết. Cho nên tính cách của loại xác chết này vô cùng hung dữ và độc ác. Một loại khác là những xác chết để lâu trong quan tài không được đem đi chôn, theo thời gian thi thể ấy sẽ biến đổi, tính cách cũng trở nên tàn ác, xấu xa, là nhân tố tác động đến tình trạng hạn hán kéo dài, và có khả năng cản trở trời sinh mưa. Nhưng ở một khía cạnh khác, trong các truyền thuyết còn ghi lại hình ảnh những thi thể cương cứng xuất hiện trong những câu chuyện tình yêu cảm động, mang lại một màu sắc ấm áp, tươi vui, gợi ấn tượng sâu sắc cho người theo dõi. Hơn nữa, những câu chuyện về hồn ma trong đời

sống văn hóa tâm linh của người Trung Quốc lại rất có ý nghĩa giáo dục, có tác dụng cảm hóa tâm hồn con người. Thông qua nỗi sợ hãi, kinh hoàng, người đọc tự rút ra những bài học nhân sinh sâu sắc. Đó chính là một sự dụng tâm trong ngòi bút, cũng là một thành công của người viết. Trở lại vấn đề phân loại xác chết cương cứng làm hai loại, cơ bản cũng dựa trên nhiều căn cứ khác nhau. Trong Duyệt vi thảo đường bút ký, quyển mười có khẳng định:

Xác chết cương cứng có hai loại, một loại chỉ những thi thể mới chết, còn chưa mai táng bỗng nhiên nhảy lên vỗ lấy người khác; loại thứ hai đã chôn cất được một thời gian nhưng thi thể chưa phân hủy, tự biến đổi hình dáng trở thành loài ma quỷ kỳ quái, đêm đến thường đi lại khắp nơi, gặp người liền dọa dẫm, cướp bóc. Người ta thường nói: “Ma quỷ hành sinh ra hạn hán ở khắp nơi.” Có lẽ chưa ai giải thích được điều này.

Thực ra “cương thi” được nhắc tới ở đây trước tiên là để chỉ những thi thể đã cương cứng sau khi chết được một thời gian. Tình trạng cứng đờ của xác chết vốn dĩ là một hiện tượng sinh học hết sức tự nhiên. Nhưng điều đáng nói ở đây là việc để cho lũ tà ma có cơ hội mượn chính những xác chết ấy mà tác oai tác quái, làm điều xằng bậy hại người. Tuy nhiên, điều may mắn là trong thời gian diễn ra tất cả những trò tác yêu tác quái lại hoàn toàn tách biệt và chẳng liên quan gì đến linh hồn của những xác chết đó. Cho nên, chủ nhân của những thi thể bị ma quỷ mượn hình khi còn sống có thể là một người rất lương thiện, thậm chí còn có thể mang trên mình một thân phận cao quý. Sau khi lũ tà ma mượn xác chết ấy “giày vò, hành hạ” xong, nó lại thoát ra và thi thể trở lại nguyên vẹn là một người đứng đắn, ngay thẳng, thật thà. Những người thân trong gia đình và bạn bè trước đây vẫn ngày ngày tưởng nhớ, mặc niệm họ trong âm thầm, lặng lẽ, cảm động, hơn nữa họ còn viết lên những lời ai điếu khóc thương cho người đã khuất. Có thể nói chủ nhân của những thi thể đó, cũng như phần linh hồn của nó hoàn toàn không phải gánh chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với những hậu quả nghiêm trọng mà thể xác bị tà ma biến đổi gây ra. Lũ ma quỷ kia làm những chuyện ác đạo, bất lương dĩ nhiên không phải trên thi thể vốn có của anh ta mà là trên hình hài xác chết đã bị biến đổi.

Tuy nhiên, điều chủ yếu mà chúng tôi muốn nói ở đây chính là loại cương thi thứ hai. Điều mà chúng tôi muốn bàn tới căn bản cũng dựa trên chính “những biến đổi của xác chết đã được mai táng lâu ngày mà chưa bị phân hủy”, và quan trọng là bàn tới những tác hại, hay chính là tính nghiêm trọng của hiện tượng này. Loại xác chết này trong các câu chuyện ma quỷ và trong những công trình nghiên cứu hay trong quan niệm dân gian, người ta vẫn thường gọi chúng với cái tên ngắn gọn là “cương” (ý chỉ xác chết đã cương cứng mà chưa thối rữa). Nhưng sau này còn xuất hiện thêm một số cách gọi khác như “mao cương”, “bạch cương”, và những thi thể vẫn còn quấy, làm hại con người cũng được xếp vào một loại được gọi là “tẩu cương”. Tất cả những điều dài dòng mà chúng tôi dẫn dắt trên đây mục đích sau cùng cũng chỉ nhằm giải thích thêm lý do vì sao trong tên đề mục lại chỉ đưa ra một chữ “cương” mà thôi.

1

Loại thi thể đã mai táng, chôn cất lâu ngày mà vẫn không bị thối rữa, trước khi đạt tới độ “cương cứng” mà không bị “dị hóa” đã phải trải qua rất nhiều bước thăng trầm, thậm chí còn có thể gọi đó là cả một lịch sử huy hoàng. Ở thời kỳ cổ đại, người chết là những kẻ giàu có hay thuộc bậc đế vương quyền quý, họ tìm mọi cách để thi thể mình trường tồn mãi mãi mà không bị phân hủy theo thời gian. Để đạt được ước mong này, ban đầu họ tìm đến khấn nguyện trước các đấng thần linh. Nguyện cầu thất bại. Lúc đó họ buộc phải tự mình tìm tòi và làm đủ mọi cách để xác chết có thể đông cứng lại đến ngàn năm tuổi vẫn nguyên vẹn không bị phân hủy. Họ đem vàng, bạc, ngọc ngà, châu báu, thủy ngân, mi-ca... những thứ của cải quý giá chất đầy quanh người chết, thậm chí nhét đầy vào khoang bụng, đeo đầy lên cổ, tai, tay, chân... Cách làm

ấy không chỉ giúp cho thi thể đã trở nên cứng cứng, nguyên vẹn, trường tồn mãi mãi với thời gian, mà còn khiến cho kẻ thù của mình dù có dùng mọi cách để báo thù từ “bạo thi[4]”, “lục thi[5]”, “trách thi[6]” cho đến “liệt thi[7]”... cũng không thể làm cho xác người chết vỡ vụn thành trăm mảnh, thậm chí ngay cả dùng lửa thiêu đốt cũng không thể hủy diệt được những xác chết đã được làm cho cứng cứng bất tử kia.

[4] Làm điều bạo ngược hành hạ người đã chết.

[5] Chém giết xác chết thêm một lần nữa.

[6] Phanh thây thi thể.

[7] Làm mọi cách cho thi thể người chết nứt ra, vỡ ra.

Hiện tượng trên đã làm nảy sinh một cách nhìn hoàn toàn khác với những thi thể khi khai quật mộ phần mà vẫn còn nguyên vẹn. Họ cho rằng những thi thể này chính là phần xác của những con người khi còn sống hoặc là những người giàu có, hoặc là những nhân vật quyền quý, sang trọng, lúc sinh thời vốn là những người có đạo đức, có tiết hạnh. Vì thế, với những trường hợp này, theo họ cũng nên quảng bá rộng rãi trong quần chúng, thậm chí còn đến mức lưu truyền trong sử sách. Trong Tam thập quốc Xuân Thu có đoạn ghi lại một câu chuyện: “Vào thời Tấn Nghi Hi, trong dân gian còn truyền nhau câu chuyện về nhóm cướp cướp những con ngựa dưng mãnh đi cướp thi thể của Biện Hồ. Khi bị cướp, thi thể còn nguyên vẹn, hai bàn tay nắm chặt, móng tay để dài y như khi còn sống[8]” Khi Tô Tuấn tạo phản, để giữ yên triều chính, đồng thời thể hiện lòng trung thành tận tụy với đất nước, ông tình nguyện xuất binh chinh phạt, và không may bị hãm hại. Chính nhờ tấm lòng kiên trung, liêm liệt ấy mà thi thể của ông sau khi chết đã được triều đình chăm sóc cẩn thận, sắc diện hình hài vẫn y như lúc còn sống, thậm chí móng tay sau khi chết vẫn tiếp tục dài ra. Đó phải chăng là sự linh ứng của tấm lòng người trung thực mãi bất tử với thời gian. Lại có một ví dụ khác từ Tân ngữ đại sử - Mân thế gia kể về chuyện khi Vương Hi được phong làm thái tử, tính tình ngang ngạnh, khó trị. Tướng quốc Vương Đả thời đó được giao nhiệm vụ dạy dỗ, uốn nắn thái tử đã phải rất vất vả, gây ra không ít những điều khó chịu trong lòng thái tử. Sau này, Vương Hi lên ngôi, lúc đó Vương Đả đã chết, Hi liền lệnh cho phá mộ, giày xéo thi thể Vương tướng quốc. Khi mở nắp quan tài, hình hài Vương Đả vẫn còn nguyên vẹn, dung mạo tươi tắn y như còn sống. Khi mổ xẻ, phan thây xác chết vẫn còn thấy máu đỏ chảy ra khắp thân. Mặc dù đã chết nhưng thi thể của Vương Đả vẫn vẹn nguyên như khi còn sống, tấm gương của ông được lưu truyền trong sử sách. Người ta cho rằng, tất cả những điều này đều nhờ “chân khí” có liên quan mật thiết đến tấm lòng ngay thẳng, kiên trung và phẩm chất trong sáng của ông khi còn sống tạo nên. Nhưng lấy hiện tượng thi thể còn vẹn nguyên y như khi còn sống của người chết làm tiêu chuẩn để đánh giá phẩm chất trung nghĩa của anh ta, xem ra cũng không có cơ sở khoa học vững chắc. Để đưa ra những luận giải chính xác về phẩm giá của một con người không thể căn cứ vào những thứ có trong quan tài mà đánh giá. Việc làm này chỉ có thể xem là những giả định mang tính chủ quan về người chết khi tiến hành khai quật lăng mộ mà thôi. Có những trường hợp sau khi chết, phần đầu của những bậc trung thần nổi tiếng được lưu danh sử sách lại có hiện tượng nát rữa, ngược lại, phần đầu thi thể của những hoạn quan trải qua năm tháng vẫn còn nguyên vẹn trong quan tài mà không hề hấn gì. Giải thích điều này, người ta cho rằng đó là do ông trời cố ý làm như vậy, mục đích là để cho những hồn ma lang thang không có cơ hội mượn xác của những trung thần mà hoành hành, tạo ác. Hơn nữa, khi chúng nhập vào xác hoạn quan hay kẻ gian thần, đến khi nhập quan lại phải chịu sự trừng phạt, giày xéo thêm một lần nữa. (Những văn nhân như chúng tôi từ xưa vốn đã rất yêu thích Ung Chính, đối với thi thể còn vẹn nguyên y như còn sống ở Lũ Lưu Lang, chúng tôi cũng thử đưa ra nhiều cách lý giải khác nhau. Trong Kinh thánh, những người cầm bút có tài thường rất khéo léo và tinh tế khi biết cách biến hóa ngôi bút của mình, cho dù thế nào họ cũng có thể sáng tạo, tưởng tượng, hư cấu ra những “thiên ý” thuận lòng hoàng thượng, và cũng làm thỏa mãn tất cả mong muốn của người xem.)

[8] Trích trong Thái bình ngự lãm, cuốn 557.

Cũng với mục đích ca ngợi những tấm gương kiên trung, tận quốc, thời nhà Đường lưu danh Nham Chân Khanh, một trung thần vì can ngăn Lý Hi Liệt làm điều bạo ngược nên đã bị hấn ta ép treo cổ tự vẫn. Sau khi chết, thi thể của ông được ướp trong linh cữu mà không đem chôn cất. Sau này, Lý Hi Liệt cuối cùng cũng bị trừng phạt thích đáng. Chân Khanh gia di chuyển thi thể ông lên thượng kinh an táng. Đường đi gập ghềnh, hiểm trở, linh cữu bị hư hỏng, mục nát dần, nhưng hình hài xác chết vẫn trang nghiêm, ngay ngắn, các bắp thịt như được hồi sinh, chân tay trở nên mềm mại, thậm chí râu, tóc vẫn mọc xanh đen, “Mười ngón tay đan vào nhau không rời, móng tay mọc dài đến mu bàn tay”. Hiện tượng đó quả thực khiến cho “người người xa gần đều kinh sợ[9]”. Theo kiến giải của các nhà Nho học, nguyên nhân khiến cho thi thể của Nham Chân Khanh không bị thối rữa xuất phát từ chính khí chất trung nghĩa tiết liệt của ông, mặc dù linh hồn đã lìa khỏi thể xác nhưng nhân phẩm cao quý, trong sáng của ông còn sống mãi, cho nên thể xác mãi nguyên vẹn không bị phân hủy theo thời gian. Nhưng Nham Chân Khanh còn là một kẻ tu hành khổ hạnh theo đạo Phật, cho nên những đạo sĩ dựa vào những điều này để tạo ra những truyền thuyết ca ngợi sự bất tử của ông. Thi thể ông được đặt trong quan tài bằng gỗ đã cũ nhưng dung mạo vẫn “như sống”, nhưng khi được chuyển tới một chiếc quan tài mới, thể xác dần dần trở nên vô tri vô giác, thì ra ông đã sớm thoát xác thành tiên. Hiện tượng thi thể cương cứng khi hồn lìa khỏi xác được giải thích là đã thoát xác thành tiên, cách giải thích như vậy vốn cũng thường gặp rất nhiều trong sách vở. Ví dụ như Bảo Cái thời Hậu Hán, sau khi chết, an táng được hơn ba mươi năm, đột nhiên hiện về báo mộng cho thê tử rằng mình đang hồi sinh. Người vợ vội vàng chạy đến mở nắp quan tài, quả thực thi thể ông sắc diện như đang còn sống, duy chỉ có điều không thấy hơi thở thoát ra. Hơn nữa, trong mộ, đèn thắp suốt ba mươi năm vẫn không tắt[10]. Vào thời Ngũ Đại, giai đoạn cuối thời nhà Đường, viên đại tướng Quách Sùng Thao đem quân đi chinh phạt vùng Tứ Xuyên (thời Tiền Thục), đến Vãn Châu gặp một ngôi mộ cổ có thi thể như còn sống, liền truyền lệnh cho quân sĩ làm lễ mai táng một cách trang trọng. Khi đêm xuống, chủ nhân của thi thể đó hiện lên báo mộng: “Ta vốn là kẻ hầu người hạ của Thái Ất chân nhân, nay được nhà người mai táng, chôn cất tử tế như vậy, xem như nhà người đã có thể tránh được tai họa rồi.” (Theo Trương Thương Anh đời Tống trong Thục đào ngộ, quyển hạ. Nhưng Quách Sùng Thao sau khi chinh phục xong đất Thục lại bị kẻ gian vu oan buộc phải tự sát, vì thế những lời mà vị thần trước kia hiện về báo mộng đã không thể lường trước được điều này).

[9] Ngọc đường nhân thoại, quyển năm

[10] Trích trong Bảo khánh tứ minh chí, cuốn mười một, Dư địa chí.

Có lẽ chính những truyền thuyết đó đã khiến cho xác chết cương cứng có được chất “tiên khí” quý giá, vì thế mà có truyền thuyết cho rằng thịt của những thi thể cương cứng ấy có thể dùng làm các loại thuốc chữa bệnh. Những truyền thuyết kỳ lạ này xuất hiện sớm nhất vào thời Nam triều và còn được ghi chép lại trong các sáng tác văn đề thời Tống. Vào cuối thời Hán, lăng mộ của những nhà học thuật thường là mục tiêu của những kẻ trộm cắp. Những xác chết ấy sau khi bị đánh cắp, theo đúng quan niệm “thịt của những xác chết cương cứng có thể làm thuốc chữa bệnh”. Cho nên lũ trộm cắp mỗi người một tay một chân nhanh chóng mổ xẻ, chia chác nguồn dược liệu quý giá đó. Người thành tiên mà bị đem ra mổ xẻ, phanh thây thậm chí còn bị lăng trì hành hạ như vậy quả thật tu luyện đắc đạo thành tiên mà vẫn chưa được yên phận. Truyền thuyết này có lẽ phải đến thời Ngũ Đại mới được người ta tin tưởng. Trong Cựu Ngũ Đại sử - Chu Cẩn truyền có nói đến Chu Cẩn sau khi tự sát, quyền thần Từ Ôn bèn “đem thi thể của Cẩn bày ra giữa chợ, phơi dưới cái nóng như thiêu như đốt, hết ngày này sang ngày khác mà da thịt vẫn không hỏng, ngay cả ruồi nhặng cũng không dám tới đậu vào”. Do đó, “phàm những người có bệnh, dùng đất đắp trên nắm mộ chôn thi thể người chết đã được phơi kỹ, sắc lấy nước uống liền khỏi bệnh”. Ngay cả những người chết vừa mới được chôn cất “đúng thời điểm nhân dân trong vùng mắc bệnh sốt rét rất nhiều, họ tranh nhau đến lấy

đất trên nắm mộ sắc lấy nước uống, bệnh tình liền khỏi ngay, càng là những chỗ đất mới thì càng trở thành ngôi mộ quý được nhiều người săn tìm”. Chính vì lý do này mà thi thể của Chu Cẩn sau khi chết không bị thối rữa ngay, phần mộ ấy đã trở thành một hiệu thuốc chữa bệnh miễn phí cho người dân.

Tuy nhiên, một loại xác chết cương cứng không thối rữa đã đề cập trước đó, bởi lẽ để có được cái cơ hợp lý ục đích tìm kiếm vàng ngọc, mi-ca, báu vật, cho nên tìm được những thi thể cương cứng không thối rữa vẫn là một kết quả không như mong muốn. Chẳng hạn như trong Hậu Hán thư - Lưu Huyền Lưu bồn tử liệt truyện có nhắc tới thi thể một phi tần của triều Tây Hán: “Thi thể mai táng trong hộp ngọc, hình hài đẹp đẽ như còn sống, đôi lông mày nhuộm đỏ như cổ tình ve vãn người xem.” Tần Can Bảo trong Sư thần ký, tập mười lăm có đoạn kể về thời Ngô Tôn Hưu, người ta cho khai quật khu mộ phần có một nắm mộ uy nghi, đường vệ, to lớn như lăng mộ của một bậc công hầu nào đó. Khi người ta tiến hành phá quan tài, trong quan tài xuất hiện một thi thể với mái tóc hoa râm, xiêm y, mũ mào màu sắc vẫn còn tươi sáng, dung mạo xác chết như người còn sống. Trong quan tài chất mi-ca dày đến hơn mười thước, phần dưới xác chết dùng tới ba mươi tấm ngọc bích trải làm đệm, hai bên tai và trong lỗ mũi nhét đầy vàng bạc giống như cây tảo chất đầy ngọc châu vậy. Nguyên Đào Tông Nghi trong Nam thôn chuyết canh lục, cuốn mười một, Mộ thi như sanh có đoạn viết về một ngôi mộ cổ thời Tống như sau: “Khi tiến hành phá quan tài, không hề có uế khí thoát ra, sắc diện người chết vẫn như còn sống, nét môi vẫn sáng bóng. Những dụng cụ, đồ trang sức bằng vàng bạc rải khắp nơi.” Du Việt, người đời Thanh, trong Hữu đài tiên quán bút ký, quyển mười sáu, kể về người con gái họ Phan, khi mai táng: “Thi thể nằm trong quan tài, dung mạo vẫn như khi còn sống, y phục không hề bị nhàu nát. Nhìn kỹ những chữ số khắc trên quan tài thì thấy đã có đến hơn một trăm hai mươi tám năm, vậy mà tựa như người mới chết. Trên đó còn đề chữ: “Trong quan tài có châu báu, ngọc ngà, xác chết mới không bị phân hủy, đó là lời cổ nhân truyền dạy.” Gần đây Lưu Thành Ngu trong Thế tái đường tạp ức ghi chép lại câu chuyện Tôn Điện Anh khai quật lăng mộ của Tây Thái hậu[11]. Khi nắp quan tài vừa được mở ra liền xuất hiện một luồng hào quang chiếu rọi. Nhìn sâu vào bên trong, dung mạo của Tây Thái hậu vẫn tươi trẻ như khi còn sống, ngón tay thon dài, trắng trẻo. Ánh hào quang ấy là do muôn ngàn tia sáng lấp lánh từ vô số châu báu, ngọc ngà chất đầy trong quan tài phát ra.

[11] Tây Thái hậu là một tên gọi khác của Từ Hi Thái hậu.

Những ghi chép được tìm thấy gần đây, trong sách vở còn có rất nhiều, đại để là hầu hết các bậc đế vương quyền quý được sùng bái, suy tôn khi mai táng, chôn cất, đều được chôn theo rất nhiều vàng bạc, châu báu để mong được bất tử. Chính điều này đã dẫn đến một hệ quả tất yếu là những lăng mộ đó nghiêm nhiên trở thành mục đích của bọn cướp bóc hoặc tư doanh hoặc quan doanh. Như Khổng lão phu tử đã có lần nhắc nhở về việc đem của cải chôn cùng người chết, châu báu quý giá: “Điều đó chẳng khác gì hành động tàn bạo làm hại người chết thêm một lần nữa[12]” Làm như vậy, chẳng những báu vật bị lấy cắp, mà ngay cả thi thể xác người chết cũng bị lăng nhục, giày xéo, hủy hoại ghê gớm, thậm chí còn phải hứng chịu những hành động tàn ác hơn thế. Ngoài thi thể với hình ảnh lông mày nhuộm đỏ được nhắc tới trước đó, Can Bảo trong Sư thần ký, quyển mười lăm còn nhắc tới câu chuyện về Hán Hằng Đế Phùng, bảy mươi năm sau khi chết mà vẫn bị phát mả làm nhục. Thái bình quảng ký, quyển ba trăm ba mươi có tái hiện lại câu chuyện Đường Huyền Tông Hoa Phi Tử sau khi chết hơn hai mươi năm vẫn bị đào mả lên lăng mạ. Và ngay cả Hán Cao Lữ Thái hậu cùng với Từ Hi Lão Phật gia đã lớn tuổi như vậy mà cũng khó thoát khỏi tai ương. Có thể thấy, những tiểu thư khuê các và thái thái phu nhân miệng lưỡi lúc nào cũng tươi cười hời hợt thì lại có một cuộc sống âm áp, nhàn nhả hơn. Trước kia Dương Liên Chân gia đã cho khai quật lăng mộ của Chư đế, một vị vua thời Nam Tống, trong đó lăng mộ của Lý Tông được mai táng một cách chu đáo, cẩn thận nhất và thi thể cũng được xem là còn nguyên vẹn và đẹp nhất trong các thời đại đế vương trong lịch sử:

Thi thể của Lý Tông vẫn nguyên vẹn, đẹp đẽ như còn sống, có người nói ngài ngâm trong miệng viên dạ minh châu, nó có sức tỏa ngược lên thân cây, nhỏ xuống thành từng giọt nước bạc, cứ như vậy suốt ba ngày đêm. Cũng có người kể lại khi Tây Phiên Tăng tụng niệm theo phong tục phải lấy đầu lâu của đế vương thì

mới có thể yếm thắm, giàu có, không may tục truyền đến tai kẻ trộm cắp. (Chu Mật - Quý tân tạp thức biệt tập).

[12] Trích trong Lữ thị xuân thu của Mạnh Đông Kỳ, An Tử Thiên.

Từ những lý do trên có thể thấy, sự xuất hiện của những “xác chết cương cứng” đã có từ rất lâu và tồn tại trong một khoảng thời gian dài. Mọi người hoặc dùng nó như một phương thuốc chữa bệnh trong y học, hoặc căn cứ vào đó để tìm kiếm châu báu. Dù bằng cách này hay cách khác thì con người đã vô tình hay cố ý vẫn làm tổn hại, thậm chí là lãng nhục những thi thể xác quý giá đó. Ngay bản thân họ cũng chẳng khác chi ốc không mang nổi mình ốc, còn nói gì đến chuyện gieo rắc tai họa cho người khác? Đương nhiên, nếu những hành động càn quấy làm hại người khác của hồn ma cương cứng được hiểu theo nghĩa rộng thì rất có thể đó là hành vi của một số yêu nữ thoát xác biến hình ra khỏi ngôi mộ, nhập vào ai đó rồi lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt người khác. Như trong *Sưu thần ký*, cuốn mười sáu ghi lại câu chuyện về Chung Diêu có một người con gái xinh đẹp vẫn thường xuyên qua lại, lui tới thăm nom, sau một thời gian biệt vô âm tín, bèn tìm đến một ngôi mộ lớn tìm kiếm, trong mộ có một người con gái, dung mạo xinh đẹp giống y như người còn sống. Nhưng những tình tiết này vốn là câu chuyện thường thấy trong sách vở giữa một ma nữ và một chàng thư sinh nào đó, chỉ có điều thi thể của ma nữ kia vẫn chưa bị phân hủy mà thôi. Mặc dù những hồn ma đó hoàn toàn không mang lại lợi ích gì cho con người thời đó, nhưng đối với hậu thế sau này, những thi thể cương cứng lại trở nên hết sức hung bạo, độc ác. Những câu chuyện kiểu như thế từ trước thời nhà Thanh rất ít xuất hiện, và nếu có được nhắc đến thì đều là những tính cách rất đổi bình thường, không có gì đặc biệt hay nổi bật. Vì thế chúng tôi khẳng định câu chuyện về những thi thể cương cứng gieo rắc tai họa cho người khác thực sự xuất hiện tương đối muộn, căn cứ vào những tư liệu mà chúng tôi tổng hợp được thì phải tới triều đại nhà Thanh mới có những câu chuyện kiểu như thế.

6. Chương 03 - Part 2

2

Những thi thể cương cứng xuất hiện trong các câu chuyện thời nhà Thanh cũng chính là chữ “cương” trong hai chữ “cương thi” như các triều đại trước, hình dáng bên ngoài đã thay đổi trở thành con quỷ đầy vẻ ghê sợ. “Mặt mũi xấu xí, đen đúa như thịt cá sấu, hai con mắt thì sâu hoắm vô cùng đáng sợ.” (Theo Viên Mai trong *Tử bất ngữ*, cuốn mười ba, *Cương thi cầu thực*.) Đây đều là diện mạo của những thi thể cương cứng, những “mỹ nữ nơi lầu son gác tía” mới được khai quật gần đây, ước tính số lượng vàng ngọc châu báu được chôn theo vô cùng lớn. Nhưng cũng có thuyết cho rằng, những thi thể khô cứng này mỗi khi xuất hiện vào nửa đêm làm chuyện hại người thường thay đổi diện mạo, do đó mà nảy sinh truyền thuyết kể về những “Cương thi dạ phi trú sáu[13]”:

Theo lời Du Thương Thạch tiên sinh: Phàm những xác chết đợi khi màn đêm buông xuống thì hiện lên cướp bóc, tướng mạo trông béo tốt, đầy đặn chẳng khác gì người bình thường, nhưng đến khi trời sáng, mở nắp quan tài mới biết người nằm đó đáng vẻ gầy gò, khắc khổ như kẻ ăn mày, chỉ còn da bọc xương. Dem đốt còn nghe thấy tiếng khóc hu hu vọng lại. (Theo *Tử bất ngữ*, quyển hai mươi tư.)

[13] Những xác chết cương cứng ban đêm thì béo, ban ngày thì gầy.

Không biết Du tiên sinh đã phải quan sát tỉ mỉ qua biết bao nhiêu thi thể cương cứng hết ban ngày rồi tới ban đêm để có thể đúc kết được những kết luận như thế. Nhưng dù sao thì “nhất gia chi ngôn”, kết luận mang tính chủ quan ấy cũng không thể tránh khỏi những ý kiến trái chiều. Trong các ghi chép còn lại từ triều đại nhà Thanh, người ta cũng bàn luận khá nhiều về những thi thể cương cứng kiểu như vậy. Hình dạng của những “cương thi” trong các ghi chép ấy hoàn toàn không có chút gì được xem là cổ tình tăng bốc, hơn nữa trong đó đa phần đều là hình hài ma quỷ hiện lên với những bộ lông tóc màu sắc không giống nhau. Ví như trong Tử bất ngữ, quyển hai mươi ba, Cương thi báo Vi Đà: “Bên khắp cơ thể là một lớp lông mao màu trắng toát như loài chuột khoác lên mình bộ lông ánh bạc, lộ rõ trên khuôn mặt là hai con mắt thâm đen, ở giữa lông lên hai con ngươi xanh biếc phản chiếu những quang sáng lập lòe, lấp lánh.” Trong Duyệt vi thảo đường bút ký, quyển bảy có đoạn viết: “Lông mao trắng toát khắp cơ thể, hai con mắt ánh đỏ như chu sa, ngón tay cong lại như làm dấu hình móc câu, hàm răng chìa ra bên ngoài như dao cạo.” Rõ ràng những thi thể cương cứng chính là những thầy ma, những quỷ dạ xoa vô cùng lợi hại vẫn thường vơ vẩn bay lượn khắp đó đây. Đốn Liên Phân trong Ly biên hiên chất ngôn, quyển hai, Cương thi tam sắc có đề cập đến: “Sự thay đổi hình hài của một thi thể cương cứng có thể thấy qua một vài hình ảnh như: tóc tai dựng ngược, mặt mày dữ tợn, răng cái thụt cái thò chen nhau mọc.” Trong Tử bất ngữ, quyển mười hai, Phi cương cũng dẫn ra một câu chuyện, ở vùng Vân Sơn xuất hiện một xác chết đã cương cứng, có thể bay lượn trong không trung, bắt người qua lại, đặc biệt là trẻ em làm thức ăn.

Những “cương thi” đáng sợ và độc ác như vậy hầu như chưa xuất hiện trong các tiểu thuyết, ghi chép trước triều đại nhà Thanh. Nghe nói sự độc ác của những xác chết cương cứng này còn phân loại ở nhiều cấp độ khác nhau, căn cứ vào sự khác biệt hiển thị qua màu sắc của lông và tóc. Do màu sắc lông mao các loại cương thi không giống nhau cho nên lại có cách gọi tên căn cứ vào màu sắc để phân biệt như “bạch cương”, “hồng cương”... Từ Côn trong Độn trai ngẫu bút, quyển hạ, thuần túy miêu tả một loại xác chết được gọi là “bạch cương”. Du Phương Hàn trong Cao tân ngọc trai tạp trước đã nói rõ hơn về vấn đề này:

Bỗng nhiên bên ngoài cửa sổ xuất hiện một người, mặt trắng, toàn thân cháy màu đỏ lửa, nhìn vào bên trong cười đùa một cách hể hả. Một lát sau, người đó nhảy nhót đi vào, bước đến ngã lăn trên chiếc giường nhỏ hẹp, tay với màn, vặn vẹo cái đầu nhô lên hạ xuống cho dịch não tràn ra rồi lại chảy ngược vào trong đầu, hai bàn tay thọc xuống phần bụng, chộp lấy dạ dày, rồi lại nhảy nhót đi ra... Trong màn “biểu diễn” khủng khiếp ấy, may mắn thay xác chết đó vẫn còn giữ được vẻ mặt trắng toát, toàn thân cháy đỏ, nếu không cảnh tượng ấy không biết sẽ còn có sức chấn động ghê gớm đến đâu.

Hình hài “bạch cương” trong câu chuyện dẫn ra trên đây mới chỉ là giai đoạn đầu của xác chết được gọi là “hồng cương”, vậy mà đã lợi hại, độc ác như thế, nếu từ trắng mà chuyển thành đỏ thì sự hung dữ của những thi thể cương cứng còn tăng lên bội phần. Lúc đó thì đến cả thiên lôi từ trên trời được phái xuống trấn áp có lẽ cũng đành bất lực. Trong Tử bất ngữ, quyển chín, Quật trúng kỳ báo có liệt kê ra mấy loại “cương thi”, trong đó xác chết cương cứng có màu tím được gọi là “tử cương” không hề chứa sắc đỏ trên thi thể. Rất có thể đó là những sự vật đồng loại nhưng được gọi tên khác nhau, hoặc màu đỏ trên thi thể cương cứng ấy đã chuyển sang sắc tím, phát triển lên trạng thái cao hơn theo thời gian. Và mức độ phát triển cao nhất của các loại “cương thi” phải kể đến là “lục cương[14]”. Tử bất ngữ, quyển mười, có nói tới loại “cương thi” có “lớp lông màu xanh rất kỳ quái”. Trong Hữu đài tiên quán bút ký, quyển bốn, Túy trà chỉ quái của Lý Khánh Thần, quyển hai, có đoạn nói về “hạn bạt” đều nhắc tới loại xác chết “lục cương” kỳ lạ này. Mắt đỏ rực như lửa cháy, toàn cơ thể phủ một lớp lông màu xanh kỳ quái, chỉ với diện mạo ấy đã khiến người đọc hình dung ra vẻ khủng khiếp của loại “cương thi” đáng sợ này. Nhưng miêu tả một cách tỉ mỉ hơn, thì những hình nhân bằng giấy hay tượng đất nặn xuất hiện ở miếu Thành Hoàng, hay vào mỗi dịp “tam tiết” (tết Đoan Ngọ, tết Trung Thu, tết Nguyên Đán) còn kém xa về hình hài xác chết cương cứng về độ hung tợn và bạo ngược của nó. Về khủng khiếp của “lục cương” tất nhiên vẫn không thể vượt quá phạm vi tưởng tượng của con người. Trong các loại thi thể cương cứng còn phải kể đến một loại khác nữa, đó chính là “hắc

cương”. Loại này được ghi chép trong Tử bát ngữ, quyển hai, Tần trung mộ đạo với tên gọi là “hắc hung”, có lẽ đó là một cách gọi khác của người vùng Tây Bắc Trung Quốc:

Thời nhà Tần, dưới lớp đất rất dày, phải đào tới ba mươi lăm trượng vẫn chưa tìm thấy mạch nước ngầm. Chim phượng từng đàn bay về phía tây, nơi đây còn có phong tục kỳ lạ: Người chết không được đem chôn mà phải phơi ra giữa đồng, đến khi máu thịt phân hủy hết mới được đem chôn, nếu không sẽ gặp phải điều ác. Những thi thể chưa phân hủy mà đã đem chôn, nhiễm phải khí đất, ba tháng sau toàn thân mọc đầy lông mao, bạch giả biến thành bạch hung, hắc giả biến thành hắc hung, chuyên đi gieo rắc tội ác trong nhân dân.

[14] Xác chết cương cứng có màu xanh.

Cách gọi tên trắng, đỏ, xanh, đen này rõ ràng đều căn cứ vào màu sắc trên cơ thể và bộ mặt “cương thi”, nhưng màu sắc ấy ở đây đều không phải dùng để chỉ màu da mà là để chỉ màu lông trên cơ thể con người[15]. Cho nên hai chữ “mao cương” trong cách nói của Viên Mai chính là để chỉ màu sắc lông mao trên cơ thể những xác chết cương cứng, phân biệt với những “cương thi” tương tự nhưng không có lông. Vì vẫn còn không ít những câu chuyện có đề cập đến những thi thể cương cứng nhưng không có lông, cho nên những thi thể cương cứng này rõ ràng khả năng tu luyện của chúng còn chưa đạt, không thể cho là hại người được. Nhưng ngoài những loại “mao cương” kể trên, tất nhiên còn có những loại lông vũ được gọi là “phi cương”. Trong Hữu đài tiên quán bút ký, quyển bốn, có ghi lại một loại “cương vân”: “Nửa phần thân trên mọc lên loại lông giống lông thú, nửa phần thân dưới mọc lên loại lông giống lông chim.” Tử bát ngữ, quyển mười hai, cũng có đoạn nói về “phi cương” như sau: “Có thể bay được trong không trung, cơ thể như trẻ con vậy.” Ngoài những điều kể trên, xác chết cương cứng còn có loại có trọng lượng tương đối nhẹ được phân thành “du thi, mật thi, ba loại xương cốt không phân hóa[16]”, còn có thuyết về “can kỹ tử[17]”. Tất cả những thứ “cương thi” được coi là bạo ngược, hung ác được liệt ra trên đây đều là sản phẩm của triều đại nhà Thanh suốt gần một trăm năm gây dựng. Chính sự thực này lại khiến con người rất khó lý giải được nguyên do tồn tại của nó. Nhưng từ kết quả thu thập được thì các thi thể cương cứng mặc dù hầu hết đều bị coi là độc ác và đáng sợ, nhưng cũng cần phân biệt cái gì là chủ yếu trong tính cách ác độc, hung hãn của nó. Chính điều này lại phải căn cứ vào đặc điểm bộ lông trên cơ thể chúng. Hơn nữa thân thể, lai lịch của các loại “cương thi” lại là một câu đố mà có lẽ căn cứ vào đây cũng có thể lý giải được phần nào.

[15] Trong Động linh tiểu chí của Quách Tắc Vân có ghi chép: ở ngã tư đường Tây Tà, Bắc Kinh có một ngôi nhà bị ma ám, dưới gầm giường có hai xác chết, toàn thân bao bọc bởi một lớp lông mao màu vàng kim. Có lẽ những xác chết này đã tu luyện đến một thứ hạng nhất định nào đó, chỉ có điều ta chưa biết đó là thứ hạng nào mà thôi.

[16] Theo Viên Mai, Viết tiếp tử bát ngữ, quyển năm.

[17] Tức con hoẵng khô. Theo Viết tiếp tử bát ngữ, quyển bốn.

Những tài liệu mà chúng tôi có trong tay đại để có thể tổng hợp, phân tích như vậy. Tác giả của những ghi chép này ngoài Lý Khánh Thần, tác giả của Túy trà chí quái là người Thiên Tân ra, còn lại về cơ bản đều

là người phương Nam. Hơn nữa các câu chuyện về “cương thi” chỉ có không đến mười truyện có nguồn gốc từ phương Bắc, số còn lại hết thảy đều là sáng tác từ phương Nam, mà đặc biệt tập trung ở vùng Dương Châu, Nam Kinh và xung quanh khu vực Thái Hồ. Đây đều là những địa phương có kinh tế tương đối kém phát triển, nhiều sông ngòi, khí hậu ẩm ướt, gắn liền với những làng nghề sản xuất quần áo và vật dụng sinh hoạt hằng ngày, đặc biệt là nghề thuộc da, những việc có liên quan đến sự sinh trưởng của “lông” vốn chẳng lạ lẫm gì với người dân nơi đây. Thực ra ở phương Bắc, nhiều vùng cũng có kiểu thời tiết mưa dầm, ẩm ướt, theo thường lệ cũng sẽ xuất hiện hiện tượng như vậy, cho nên ở đây chúng tôi cũng có câu chuyện nói về “loại thời tiết ẩm ướt gây cảm giác khó chịu là điều kiện lý tưởng để lông tóc trên cơ thể con người mau chóng sản sinh”. Như vậy, đến đây, một vấn đề khác lại được đặt ra là: Vậy thì những xác chết cương cứng có khả năng mọc lông tóc nữa không? Có điều với những mỹ nữ thể xác đã khô cứng thông thường không còn hy vọng có thể mọc lại lông tóc, nhưng với những thi thể mới được chôn cất, thể xác còn chưa phân hủy khi được chôn sâu xuống lòng đất, lông tóc vẫn có điều kiện tiếp tục sinh sôi. Tôi không được trực tiếp thực hành, cũng không có cơ hội tận mắt chứng kiến tất cả những điều này, do đó chỉ có thể hình dung sự việc qua tưởng tượng mà thôi. Nhưng từ thời nhà Minh đến thời nhà Thanh đã có không ít những nhân tài uyên bác lên tiếng khẳng định vấn đề này, thậm chí còn được kiểm nghiệm trên thực tế. Như vậy có thể thấy bắt đầu từ triều đại nhà Thanh, trong dân gian xuất hiện phong tục đào mả, hơn nữa đối tượng đào bới chủ yếu là những ngôi mộ mới được chôn cất không lâu.

Như vậy chủ đề câu chuyện được dẫn ra là một hủ tục lâu đời về “Những xác chết cương cứng hóa thành hạn bạt[18]. Thần hạn hán vì sự sinh tồn của vạn vật mà luôn phải lánh mình ở những nơi xa xôi. Thuyết văn giải tự có nói tới hạn bạt, hạn quỷ, trong đó có đoạn ghi chép: “Thần nắng, thần hạn hán cũng từ những thầy ma bị phơi nắng khô cháy mà ra. Như vậy thần và quỷ chỉ khác nhau ở cách gọi mà thôi”. Tuy nhiên, “hạn thần” hay “hạn quỷ” từ thời cổ đại cũng có nhiều cách lý giải khác nhau. Theo những cách hiểu quen thuộc hoặc đó là thiên nữ nữ bạo, nữ thần hạn hán trong các thời đại hoàng đế xa xưa, hoặc hiểu theo cách hiểu trong Thần dị kinh - Nam hoàng kinh thì như thế này: “Phương Nam có người dài hai đến ba tấc, cơ thể trần truồng, hai mắt ở mãi trên đỉnh đầu, đi lại như bay, xưng danh là thần hạn hán, hễ nơi nào gặp đại hạn là đất đai lại đổ ngẫu cả mấy nghìn dặm.” Nhưng thần hạn hán và thi thể của người chết có liên quan gì đến nhau? Vào thời nhà Minh, những vùng đất thuộc phương Bắc như Sơn Đông, Hồ Bắc, Hồ Nam... mỗi năm thường xuyên xảy ra hạn hán, người dân những nơi này vẫn chỉ vào những thầy ma mới chôn cất mà cho rằng chúng chính là thần hạn hán, bèn hò nhau đến đào mả, lôi xác phan thầy người đã chết, trong dân gian gọi đó là “đả hạn cốt thung[19]”. Nhưng ngược lại, không phải thi hài nào cũng đều trở thành thần hạn hán, chỉ có những xác chết “mao cương” có khả năng mọc ra lông trắng mới có thể làm việc ấy. Hàng ngàn dặm khô hạn đến cháy đỏ hóa ra đều là do cái thứ xấu xa bên trong mồ mả ngấm ngấm gở trò quỷ phá, vì thế cho nên nó mới bị trừng phạt. Tuy nhiên, với những nấm mồ mới được chôn cất cũng nên điều tra tỉ mỉ, không thể cứ mở quan tài xem xét, nhìn ngắm thi hài một cách đơn giản, qua quyết là được, nhất định phải mời những chuyên gia hiểu biết đến tìm hiểu, đó cũng chính là những pháp sư, thầy mo ở ngay tại địa phương đó, với hiểu biết và kinh nghiệm vốn có, họ dễ dàng thu hẹp phạm vi điều tra. Ở Thận Hành thời nhà Minh, trong tác phẩm Cốc san bút chủ, quyển mười bốn, có ghi lại như sau: “Vào những đêm khuya, lấy lửa soi vào những nấm mộ ấy, nếu như thấy trên mộ có ánh hào quang phát ra thì chứng tỏ bên trong mộ chính là “mao cương”. Nhưng với mỗi nấm mộ, các thầy mo lại có cách thức và thủ đoạn tiến hành khác nhau. Thời nhà Minh, Tạ Triệu Chiến trong Ngũ tạp trở có nêu: “Chỉ có mộ của trẻ em mới có thể là nấm mộ có “mao cương”. Cách hiểu này có lẽ xuất phát từ chính quan niệm về hình ảnh thần hạn hán trong truyền thuyết miêu tả, chỉ cao khoảng hai đến ba tấc, vì thế chỉ có hình hài của một đứa trẻ mới tương xứng như thế. Nhưng nguyên nhân chủ yếu ở đây có lẽ là đào bới những nấm mộ của trẻ em so với đào bới nấm mộ của cha mẹ hay người thân của chúng ít bị phản đối, ngăn chặn hơn. Tất nhiên khi tiến hành luôn gặp phải những hành động phản đối, cấm đoán, do đó bao giờ cũng phải làm công tác giáo dục tư tưởng, thuyết phục họ phải biết lấy “đại cục” làm trọng, hơn nữa cần phải nói rõ cho họ hiểu, thi thể của người chết nằm dưới mồ lúc này đã bị thần hạn hán nhập vào nên linh hồn của quý công tử hay tiểu thư đều vô can, vì thế không ảnh hưởng đến danh tiếng của gia tộc, càng không thể ghi vào gia phả của dòng họ v.v... Nhưng đối với những kẻ cố chấp không chịu nghe theo, cũng không thể kéo dài cái luận điệu “nhẹ nhàng, cung kính” ấy được, lúc đó thường thường sẽ “những thành vũ đầu[20]”, lại tạo ra một số loại thi thể mới:

Trên đất Yên, Tề suốt bốn, năm tháng trời ròng rã không có lấy một giọt mưa, người dân nơi đây cho rằng vùng đất này bị ma quỷ trấn giữ, ắt phải đào lên mà đốt thì mới mong mưa xuống. Người ta cho rằng ma quỷ thường trá hình vào những nấm mộ chôn trẻ em mới chết, nên thường chỉ vào những nhà có trẻ em mới chết mà ám chỉ ma quỷ. Những người khác thì hòa nhau đến đào mả, hành hạ thi thể người chết. Trong khi đó, người nhà lại cực lực phản đối, chống lại hành động đánh đập dã man. Thường xuyên lời nhau lên công đường rồi làm đơn kiện tụng, thật là việc đáng cười[21]!

[18] Hạng Hạng: tức thần hạng hán.

[19] Tức là để đẩy lùi hạng hán cần đánh gãy xương người chết. Theo Minh Hoàng Vĩ, trong Bồng song loại ký, quyển hai.

[20] Ủ lâu thành ra đồng ý.

[21] Theo Ngũ tạp trở, quyển một.

Nhưng nếu như chỉ đào mộ chôn những đứa trẻ coi như là đã “khống chế” được tình hình, vậy thì giả dụ mộ của những đứa trẻ đào lên mà tình trạng hạng hán vẫn chưa được giải quyết, thái độ của người dân trở nên “phẫn nộ”, lúc đó hậu quả sẽ nghiêm trọng đến mức nào? Do vậy, ngay cả những ngôi mộ mới được chôn cất cũng cần phải xem xét kỹ lưỡng, “Làm gì cũng phải làm cho tới cùng”, không đào ra được thi thể mọc lông kia thì không được ngừng tay. Hơn nữa, ngay cả trong trường hợp xấu nhất, nếu đào mả mà vẫn ẩn thì ném thử trong đó có thứ gì ngon ngọt, thì chính là đã tìm thấy dấu hiệu của “mao cương”. Kết quả này cũng có thể là nấm mộ mới chôn nên không được may mắn cho lắm, thậm chí ngay cả những thứ chôn theo thi hài người chết trong mộ tự nhiên cũng không cánh mà bay. Vì thời đó đã có người phát hiện ra, ngay cả những phần tử được coi là đứng đầu trong cuộc vận động “đả hạng cốt thung[22]” ấy thực chất cũng xen lẫn những tư lợi cá nhân, không đơn giản chỉ là lấy danh nghĩa việc công để mưu lợi cá nhân, tranh thủ vợ vét một số của cải có giá trị, mà như trong Bồng song loại ký đã chỉ rõ: “Những kẻ xảo quyết thường cầu hạng hán để báo thù riêng.” Một số phần tử đứng đầu lại rất hay kích động, lôi kéo, xúi giục, tập hợp tới ngàn vạn người cùng vào cuộc, ra sức đổ thêm dầu vào lửa làm ô uế thuần giữa các bên càng trở nên gay gắt. Đối mặt với nhóm người đang trong cơn phẫn nộ, quá khích, trên người còn mang theo cả vũ khí, hễ ai đến gần là lập tức bị chĩa mũi nhọn vào đả kích, trừ khi tự biến mình thành “hạng cốt thung” mới thôi. Vào những năm Hoàng Trị trị vì đã phái cử quan Ngự sử có hiểu biết đến tìm hiểu sự việc và tâu trình lên triều đình nghiêm cấm những hành động nguy hại này, “Phải có hành pháp để trừng trị kẻ cầm đầu nhóm người gây rối, bắt chúng phải chỉ rõ ràng lai lịch, què quán những kẻ tay sai còn lại để bắt giữ (Cách làm này vẫn thường được gọi là “sung quân phát phốt”). Cái gọi là “bắt giữ” ở đây chỉ là một cách nói giữ thể diện mà thôi, trên thực tế thì căn bản vẫn không thể khống chế được họ.

[22] Đào mả đánh gãy xương người chết.

Bất luận là phung phí của cải cũng được, để lộ ra ngoài nỗi uất ức cá nhân cũng tốt, nhưng trên danh nghĩa mà nói, một số hành vi bạo ngược của những kẻ mông muội cũng có lý do chính đáng của nó. Lý do đó xuất phát từ hai chữ “kháng hạng[23]” mà ra. Những hành động bạo lực đấu tranh với hạng hán mặc dù nhận được không ít sự kháng cự, nghiêm cấm từ phía quan phủ, nhưng đối với những người nông dân hằng ngày phải đổ mắt nhìn tình cảnh hạng hán kéo dài đến tuyệt vọng thì những mệnh lệnh cấm đoán ấy dường như cũng chỉ là một tờ giấy vô nghĩa, ngay cả trong khoảng thời gian phải thi hành kỷ cương phép nước chẳng

qua cũng chỉ là một hình thức “kỳ phong sảo tập[24]” mà thôi. Trước tình hình ấy, quan phủ ở một số địa phương lại thi hành chính sách “làm ngư có điều kiện”, như Nhân Trai Thị trong Dạ đàm tùy lục, quyển hai, có ghi lại một chuyện xảy ra ở vùng ngoại ô Bắc Kinh, quan phủ nơi đây quy định, nếu người dân đào thấy xác chết “mao cương”, nhất định phải báo lại cho quan phủ, sau khi xác minh rõ ràng thân thể mới được đem đi hỏa thiêu. Những quy định “ràng buộc” như vậy chẳng khác gì thừa nhận tính hợp pháp của hành động dã man đào mả hành hạ người đã chết. Ở thời đại vốn được coi là “vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn” mà còn như vậy, thì làm sao có thể tưởng tượng được sau triều đại nhà Minh, khi pháp trị đã ngày một suy yếu thì làm cách nào để khống chế được tình hình đào mả dã thần không ngừng leo thang? Một trong những nguyên nhân dẫn đến các cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân cuối thời Minh một phần liên quan đến tình hình hạn hán kéo dài nơi đây. Tôi nghĩ sự việc này bắt đầu từ chính một số phần tử nổi loạn ở địa phương đã lợi dụng việc đào mả dã thần để mở màn cho những cuộc nổi dậy có quy mô sau đó.

[23] Chống lại hạn hán.

[24] Dùng ngọn gió thổi thoảng qua để dập tắt ngọn lửa lớn.

7. Chương 03 - Part 3

4

Nhưng cổ nhân căn cứ vào quan niệm giữa “cương thi” và “thần hạn hán”, hai loại này xưa nay vốn chẳng có quan hệ gì nhưng lại thường xuyên bị kéo vào một chỗ? Nếu tự nhiên kiểm tìm trong sách Nông cảnh toàn thư hay Thiên công khai vật sẽ không thể tìm ra được cái nhân duyên nào trong đó. Để lý giải được điều này chỉ có cách duy nhất là lục tìm trong một số ghi chép của những thầy mo sống lưu lạc trong dân gian. Trước triều đại nhà Minh hoàn toàn không có ghi chép nào về vấn đề này, nhưng ngược lại vẫn có thể tìm thấy những dấu vết mờ nhạt có liên quan đến nó. Hóa ra, phải tới triều đại nhà Tống mới có một loại học thuyết cho rằng “cương thi” là thứ có khả năng “hút nước”. Trong Di kiên ất chí, quyển năm, Lưu Tử Ngang có đoạn nói đến Hỏa Châu, Hỏa Phù, Lưu Tử Ngang vì có ma quỷ ẩn nấp nên phải mời về một vị đạo sĩ trừ yêu. Vị đạo sĩ này đã phân tích rằng ma quỷ đang tác yêu tác quái trong phủ chính là loài yêu quái, hơn nữa lại ở trong chính nha môn. Đạo sĩ tự có thuật “thám trắc”. Ông ta lệnh cho người gánh mấy chục gánh nước đổ vào cả một góc sân đến năm, sáu tắc, đợi đến khi nước rút cạn, đào sâu xuống, quả nhiên là một thi thể cương cứng hiện lên không thể làm hại người khác nữa.

Nhưng cao kiến này của đạo sĩ, dưới triều đại nhà Tống chỉ dùng để trừ yêu diệt quái, những bí quyết và kỹ thuật này ngày càng mai một theo thời gian, về sau đã bị thất truyền. Cho đến triều đại nhà Minh, những phần tử tri thức trong mỗi hương thôn đều có khả năng tìm hiểu các vật hữu hình, vô hình trong trời đất, nó sinh, nó diệt, nó hợp, nó ly như thế nào. Dường như từ những kinh nghiệm trong sách cổ cùng với những kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày đã gợi mở cho họ nhiều vấn đề khiến họ bưng tỉnh: “cương thi” có thể không thối rữa, hơn nữa còn có thể tiếp tục mọc lông, vì thế cần phải giữ được thành phần nước có trong thi thể. Đặc điểm này làm chúng ta tưởng tượng ra những “quái vật” có khả năng hút nước. Hơn nữa, năng lực liên tưởng của con người luôn luôn là vô hạn, rất có thể lại còn tưởng tượng ra đây là một xác chết cương cứng có khả năng hút hết nước từ khắp nơi trên trời dưới đất trong phạm vi rộng lớn hàng trăm dặm.

Và chỉ cần thần hạn hán bị đập vỡ là có thể phóng thích ra một lượng nước tương đương như thế, từ đó sẽ sinh ra mây, tạo mưa một cách tự nhiên.

Nhưng dưới triều đại nhà Minh, những thi thể cương cứng này bị “vu cáo, hãm hại” và bị đào mả bốc xương cũng chỉ vì trên cơ thể của chúng vẫn còn khả năng mọc lông mà thôi, nhưng ngược lại, cho dù là đáng kinh sợ thế nào thì chúng vẫn phải trải qua một quá trình bị hành hạ dã man từ đào mả, đánh đập, đến nện vỡ, rồi cuối cùng là thiêu cháy. Phần lớn những thi thể cương cứng bị hành hung như vậy đều “kêu” lên mấy tiếng “chít chít”, từ đó không có ai dám phản kháng, càng không thể nói là quá nghiêm khắc hay có điều ám muội. Cho nên, đến triều đại nhà Minh, những biểu hiện của thi thể cương cứng vẫn có thể nói là tương đương với các thân sĩ. Nhưng điều không may mắn là, đến triều đại nhà Thanh, ở phương Nam, tính chất của những “cương thi” này lại chuyển hóa dần sang những biểu hiện của tính ác, biến thành “mao cương” với nhiều màu sắc, hình dạng như đã giới thiệu ở trên.

Câu chuyện về “cương thi” bị đào mả bốc xương được khẳng định truyền từ phương Bắc đến phương Nam. Nhưng có lẽ, người phương Nam đã không vận dụng những kinh nghiệm chống hạn như người phương Bắc đã làm. Từ những ghi chép đều không thể tìm thấy những ví dụ thực tế về phương diện này. Và một cách tự nhiên, tình trạng khô hạn ở vùng Hồ Nam vẫn thường xảy ra ít hơn so với những vùng phương Bắc. Chu Tác Nhân cho rằng “cương thi” trong quan niệm của người dân “thường bị đánh đồng với thần hạn hán, có khả năng ngăn cản trời mưa”, điều này khiến cho người dân cảm thấy những thi thể cương cứng ở phương Nam dường như đã giúp ích rất nhiều cho nhân dân trong việc phòng chống lũ lụt, ngập úng. Đương nhiên, ở Hồ Nam cũng không có chuyện đào mả đào mả để tìm kiếm thần hạn hán, họ cho rằng những công thần nơi đây đã có những việc làm hữu ích, có tác dụng to lớn trong việc giúp dân tránh lũ lụt, hành động của họ chẳng khác nào việc làm của nữ thần hạn hán đã giúp dân đẩy lùi những trận mưa to bão lớn. Nhưng có vẻ như trong khi nói tới những mặt tốt đẹp của cương thi, họ đã phần nào bỏ sót, không đề cập tới mặt xấu, mặt ác của chúng. Đây hoàn toàn là “bỏ sót” chứ không phải là thái độ khoan dung đối với những “cương thi” này. Những thi thể cương cứng ở phương Bắc khi bị người dân đào lên đều là những vật ký sinh sống nhờ vào thể xác của người khác và trở thành thần hạn hán. Còn những “mao cương” ở phương Nam quấy phá làm hại người khác lại là những hành vi của chính thi thể đó. Trên thực tế, những tình tiết phạm tội nghiêm trọng của những xác chết cương cứng đều là do những “cương thi” ấy không làm chủ được hành vi của mình dẫn đến từ chỗ bị lôi kéo đã trở thành những thủ phạm phạm tội. Nếu như những xác chết cương cứng ở phương Bắc chỉ nằm trong quan tài và bị thần hạn hán nhập vào thể xác rồi điều khiển, khống chế tình hình hạn hán, ngược lại, những thi thể cương cứng ở phương Nam lại nhảy ra khỏi quan tài, giở thủ đoạn hại người, trở thành phần tử khủng bố hoàn toàn. (Lưu ý, cụm từ phương Bắc, phương Nam được nói tới trên đây chỉ là cách nói ước lượng chứ không có tính tuyệt đối[25])

[25] Ở phương Nam cũng có cách kiến giải đồng nhất khái niệm “cương thi” và “thần hạn hán”, câu chuyện điển hình nhất được nói tới chính là Động linh tục chí của Quách Tác Vân vào cuối đời nhà Thanh, đầu thời dân quốc. Trong quyển ba có một đoạn viết: “Giữa đời Vua Hàm Phong, tỉnh Phúc Kiến gặp hạn hán, mấy tháng trời không có lấy một giọt mưa. Mỗi lần mây đen kéo đến, tưởng rằng sẽ mưa, nhưng ngay sau đó lại có những áng mây đỏ rực như lửa bay tới mang theo gió lớn thổi tan đám mây đen. Một hôm, mây đen từ bốn phía hợp lại mỗi lúc một dày, từ dưới đất, những đám mây rực lửa lại từ từ bốc lên ra sức chống lại. Mây đỏ dần dần không chống đỡ được, đúng lúc đó trên đám mây xuất hiện vô số những con rồng và một con quái thú với màu vàng kim kỳ lạ từ giữa đám mây thò đầu ra. Đột nhiên, những tràng dài sấm chớp nổi lên, mưa đổ xuống như trút nước, hình bóng những con rồng và cả quái thú không còn xuất hiện. Cùng vào ngày hôm đó có người dân trong thôn chạy đến báo quan phủ: “Trong hang sâu xuất hiện ‘cương thi’ mọc ra hàng trăm cái đầu, hết cái này đến cái khác treo lơ lửng trên cành cây mà không rơi xuống. Rõ ràng quái thú có bộ lông màu vàng kim ấy chính là một loại ma quỷ. Trong Tử bất ngữ đã từng khẳng định đó cũng là một cách biến hóa độc đáo của ‘cương thi’. Xem ra, xác chết cương cứng có thể biến thành thần hạn hán, và thêm một lần biến hóa nữa sẽ là hình ảnh về một loài quái thú đáng sợ. Xác chết cương cứng với hàng trăm cái cổ dài và bộ lông màu vàng kim cùng vô số những con rồng lao vào một trận hỗn chiến. Cảnh chiến đấu ác liệt ấy quả là hùng vĩ, sấm sét vang động cả một vùng trời, dưới màn mưa trắng xóa,

thi thể cương cứng vươn ra hàng trăm cái cổ dài treo lơ lửng trên khắp các cành cây, chỉ cần nghĩ đến thôi cũng đủ khiến người ta giật mình hoảng sợ.

5

Những thi thể cương cứng muốn thoát ra khỏi quan tài cần có một điều kiện tối thiểu là nắp quan tài có thể mở ra được. Điều này lại xuất phát từ một số nguyên nhân hoặc đó là do mồ mả cũ chưa được tu sửa, phần gỗ của quan tài để lộ ra ngoài, hoặc như lời Chu Tác Nhân nói “Linh cữu để lâu không được đem đi chôn”, quan tài được bày ngay trên mặt đất, đối với những thi thể cương cứng, điều này quả thực chẳng khác gì ngôi nhà mà cánh cửa luôn có thể đóng mở, chuyển động một cách dễ dàng.

Từ Lục triều trở về trước, ở phương Nam có một phong tục cổ hủ là thi thể người chết sẽ được đặt trong quan tài một thời gian dài mà không được đem đi chôn. Tất nhiên hủ tục này rất ít thấy ở người phương Bắc, nhưng nói chung ít nhiều vẫn còn tồn tại. Những phong tục cổ hủ này đã nhận được sự quở trách của không ít những nhân sĩ vùng Trung Nguyên di chuyển xuống phương Nam. Đa số những ý kiến đưa ra đều tập trung vào vấn đề “Đạo lý” trong gia đình và phản ánh một khía cạnh trong văn hóa u minh của con người, đó chính là sự xuất hiện của một hiện tượng “sai lầm khi không chôn cất xác chết kịp thời, khiến chúng biến thành loài yêu quái[26]”. Nếu như thi thể người chết không được chôn cất kịp thời, theo thời gian, trong quan tài sẽ có sự tự sắp xếp, biến hóa thành yêu quái. Cách nói như vậy đã phản đối một cách tự nhiên hành động mê tín để linh cữu người chết trong nhà lâu ngày không đưa đi chôn, nhưng ngược lại cũng không đưa ra lời khẳng định chắc chắn rằng những thi thể yêu ma ấy chính là “cương thi”. Hơn một nghìn năm sau, từ Lục triều đến cuối đời nhà Minh, cả phương Nam và phương Bắc đều không còn xuất hiện câu chuyện về những xác chết để lâu ngày không đem chôn hóa thành yêu quái cần quấy dân lành. Ngay cả câu chuyện thành tinh, thành quái của những thi thể khô cứng trong quan tài cũng ít thấy xuất hiện. Thử nghĩ lại một chút, một đứa con bất hiếu đem quan tài của cha mẹ già phơi ra giữa trời đất, chỉ vậy thôi hai thân già đó cũng đã đủ đáng thương rồi, vậy mà còn cho họ trở thành “thi yêu”, vô tâm bắt nạt đi quấy quả người khác. Hơn nữa, hành động của đứa con bất hiếu kia cũng chính là kết quả của thói quen được nuông chiều từ nhỏ, hai thân già bị biến thành yêu quái, có thể cũng chỉ làm những việc quấy phá trong nhà người khác một chút, nhưng chính đứa con ấy lại không thay họ gánh vác tất cả trách nhiệm mà họ đã gây ra. Ngay cả hình dáng những “thi yêu” như vậy cũng không có bất cứ ý nghĩa giáo dục nào đối với chính đứa con của mình, tất yếu cũng chẳng cần quan tâm, dạy bảo chúng. Nhưng những câu chuyện ma quỷ khác có ý nghĩa phản đối hủ tục để xác lâu trong nhà không chôn xuất hiện không ít. Đa số đều là do âm phủ đứng ra trừng phạt những đứa con bị coi là bất hiếu đối với cha mẹ, như Giang Tu Phúc, người thời Tống, trong Lễ tuyên bút lục, quyển thượng, phần phụ lục có dẫn ra câu nói của một người hầu gái: “Vốn đang là một người tôn quý, chỉ vì cha mẹ chết mà không nổi chôn, nay bị giáng chức lưu đầy thành hạng ma quỷ đê hèn.” Hồng Mại thời Nam Tống trong Di kiên ất chí, quyển bảy, La Củng âm khiến có đoạn nói về La Củng thi cử nhiều lần mà chưa đỗ đạt, bèn đến miếu thần thấp hương hỏi rõ bước đường công danh, có vị thần hiện về báo mộng: “Cha mẹ nhà ngươi chết đã lâu rồi mà vẫn chưa được chôn cất, đang vô cùng khổ khổ giữa chốn âm phủ, hãy nhanh chóng trở về quê nhà, còn hỏi đến tiền đồ, công danh làm gì nữa!” Đến triều Minh - Thanh, những hình phạt như thế này càng trở nên nghiêm khắc, khiến cho thi thoảng xuất hiện câu chuyện về những hồn ma phải chịu đựng cực hình ghê gớm nhất. Như Đồng Hàm, sống vào khoảng đầu đời nhà Thanh, trong Thuần hương chú bút, quyển hạ, có nói tới một khả năng khác thi thể cha mẹ được an táng lại gây báo ứng cho chính những đứa con của mình, cuối cùng dẫn đến những cái chết đột tử một cách lạnh lùng không thương tiếc, chỉ cần những oán hận ấy thôi cũng đủ để khắc cốt ghi tâm. Nhưng dù cho như thế thì các nhân vật trong những câu chuyện này vẫn là những con người đáng thương, thật không nhẫn tâm để họ không thể an thân dưới lòng đất mà phải lang thang khắp chốn, trở thành những hồn ma hóa “lệ quỷ” hoặc “thi yêu”, cho nên cái gọi là “không chôn cất gấp điều chẳng lành, xác chết sẽ hóa yêu ma” thực chất rất khó để có thể duy trì hình ảnh này trong các câu chuyện ma quỷ.

[26] Theo Thuật dị ký của Nhiếp Phưởng.

Nhưng đến triều đại nhà Thanh, có lẽ nhận được những gợi ý từ trong các câu chuyện về “mao cương”, cho nên ý thức người dân đã tiến thêm một bước trong việc phát huy mặt tích cực trên tinh thần vứt bỏ những hủ tục trước đây. Vấn đề này trong thời kỳ đó đã trở thành một chủ đề văn hóa, đạo đức trong nếp sống của người dân. Trong các câu chuyện chỉ còn lấy đề tài “xác chết hóa yêu ma” làm chủ đề sáng tác. Đó là hàng loạt những thi thể cương cứng hóa thành yêu ma do xác chết để lâu ngày trong quan tài không được đem đi chôn cất mà thành. Trong Độn trai ngẫu bút, quyển hạ, Cương thi có đoạn viết: “Một người khách qua đường tìm được một căn nhà ba gian ngủ tạm qua đêm, trong căn nhà vắng vẻ, điều hiu đặt một chiếc quan tài ở chính giữa một gian.” Nhân Trai Thị trong Dạ đàm tùy lục, quyển hai, Thi biến có đoạn viết: “Dưới lầu, gần ngôi mộ cổ chôn chung nhiều xác chết lúc nào cũng ảm đạm, thê lương, ngoài con số một vạ, còn có thêm những chiếc quan tài mới chôn và có khoảng mười linh cữu khác nằm rải rác trong đám cỏ mọc rậm rạp, tốt tươi.” Du Phụng Hàn trong Cao hạnh nghiêm trai tạp ký viết: “Người con gái hàng xóm chết, không đủ sức để chôn, bèn gửi quan tài vào chùa nương nhờ nơi cửa Phật.” Trong Tử bất ngữ, quyển hai mươi hai, Cương thi báo vi đà cũng có đoạn nói về linh cữu người chết được gửi vào trong chùa. Hữu đài tiên quán bút ký, quyển bốn, viết: “Sau khi đạo binh nổi loạn ở Kim Lăng, từ trong nhà đến ngoài thành, mồ mả, thây ma người chết quăng quật tứ tung mà không được chôn cất tử tế.” Một số ví dụ được dẫn ra trên đây đều là những ví dụ tiêu biểu về quan tài của các thi thể cương cứng. Mặc dù con có một số câu chuyện cũng nhắc tới hiện tượng “mao cương” xuất hiện trong các ngôi mộ bị phá hủy, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, thi thể cương cứng trong quan tài luôn là chủ đề dẫn dắt của người viết trong các câu chuyện ma quái. Có thể nói, ở đó ẩn chứa một sự dụng tâm sáng tạo tuyệt vời của người viết. Đó chính là một thành công lớn trong việc tạo ra những bằng chứng xác thực nhằm khẳng định “Hậu quả nghiêm trọng của hành động để xác chết trong nhà không đem chôn cất, xác chết sẽ dễ dàng biến thành yêu ma quấy phá con người”. Mặc dù cái đích cuối cùng của những câu chuyện này vẫn là trở về với chủ đề đạo đức, đưa ra những bài học giáo dục, răn dạy cách sống sao cho phải đạo với mỗi cá nhân trong xã hội. Có người đã từng cho rằng, những câu chuyện về xác chết cương cứng đã “quên đi tầng lớp ý nghĩa mà luận bàn về nghệ thuật xây dựng truyện, đó đã là một thành công rồi”. Có lẽ ý nghĩa của những câu chuyện độc đáo này không thể dễ dàng cắt nghĩa được qua ngôn từ, vì thế trong cách hiểu đó vẫn hơi có phần võ đoán. Nhưng từ cách nói “cửu táng bất hủ[27]” theo thời gian đã được cải biên thành “cửu tẩn bất táng[28]”, càng không thể không khiến người ta khâm phục về sự chuẩn xác trong trực giác của người dân Trung Quốc thuở xa xưa.

[27] Để lâu không chôn không thối rữa.

[28] Bỏ mặc không chôn cất.

Chu Tác Nhân nói, trong câu chuyện về “cương thi”: “Một mặt nào đó lại có truyền thuyết về những câu chuyện tình yêu nồng nàn, say đắm, từ đó đã đem đến một chút sắc màu ảm áp, say mê.” Qua những cuốn sách mà tôi may mắn được đọc cũng không có cuốn sách nào có thể hấp dẫn hơn thế, cho nên không có phát hiện nào có khả năng dẫn dắt người ta chìm đắm trong những câu chuyện tình yêu đẹp đẽ, tinh tế, sâu sắc của những xác chết cương cứng một cách đầy mê hoặc đến thế. Nhưng các câu chuyện về thi thể cương cứng đến giai đoạn sau không hoàn toàn đem đến cho người ta cảm giác hưng dữ, sợ hãi, mà đã gia tăng không ít những nội dung nhân tính hóa, gần gũi với đời sống của con người và dần dần trở nên thực tế hơn rất nhiều. Có nhiều câu chuyện xoay quanh những xác chết cương cứng như: Chuyện về xác chết cương cứng nơi quán trọ, “cương thi” là người thân, tình yêu của hồn ma khô cứng... Những chủ đề này không chỉ đáng sợ, đáng yêu mà còn hết sức hài hước. Điều khiến chúng ta cần chú ý ở đây chính là trong các xác chết cương cứng còn có sự khồng chế, ngăn chặn giữa những “cương thi” với nhau, đặc biệt là giữa cương thi đồng loại với “cương thi” chuyên làm điều ác hãm hại dân lành. Những thay đổi theo chiều hướng tích cực này đã góp phần đem lại một chút “màu sắc ảm áp”, đặc biệt là “thấp sáng những hy vọng” ối chúng ta từ sau những câu chuyện ma quái huyền bí, hấp dẫn[29].

[29] Du Phượng Hàn trong Cao hạnh nghiệm trai tập ký có bàn về chuyện Thảm Mộng Nham ở nhờ trong ngôi chùa bên Tây Hồ, cạnh ngôi chùa là một căn nhà mười gian rộng rãi để đầy những chiếc quan tài chưa được chôn cất. Một hôm, có một vị tăng ni trong chùa gọi Thảm Mộng Nham đến và nói: “Thí chủ có mong muốn được mở rộng tầm mắt của mình không?” Nói xong, vị tăng ni liền bước đến ngôi nhà xếp đầy quan tài đó, tra khóa vào rồi mở ra. Sau đó, hiện lên trước mắt họ là trăm nghìn linh cữu hình thù vô cùng kỳ lạ, có loại chưa từng thấy bao giờ, ở chính giữa là một chiếc quan tài lớn nhất và cũng kỳ lạ nhất được bày đặt hương án bên trên. Thảm Mộng Nham đang định hỏi xem đó là linh cữu của ai thì vị tăng ni liền lên tiếng: “Đây là linh cữu của Chu Bát tướng quân cuối đời nhà Tống, vị tướng quân này trước kia đã từng thụ đồ nơi cửa chùa, sau khi chết gửi thân trong linh cữu này, tính đến nay cũng được trăm năm rồi.” Một lát sau khi quay trở lại nơi cư ngụ, vị tăng ni bất ngờ hỏi: “Thí chủ có mong muốn được như Chu Bát tướng quân không?” Thảm Mộng Nham vừa vui mừng vừa kinh sợ, hỏi lại: “Sao ạ?” Vị tăng ni đáp: “Mặc dù tướng quân đã chết, nhưng thực ra người vẫn không chết, vì người đã hóa thành địa tiên, thường du sơn ngấm thủy, thi thoảng lại trở về, khi trở về có thể gặp, hoặc có thể không. Nay trở về, mai lại ra đi.” Vị tăng ni bỗng nhiên hạ thấp giọng, trầm thì nói: “Nếu có duyên, một ngày nào đó ắt sẽ gặp tướng quân.” Để trai giới, suốt mấy tuần lễ, vị tăng ni vẫn thường xuyên lui tới ngôi nhà cất giữ linh cữu người chết và chăm chú nhìn vào chiếc quan tài đặt nơi chính giữa gian nhà, có một lỗ hổng nhỏ hình bán nguyệt, bỗng vọng vào một âm thanh kỳ lạ, quả nhiên ngoài hành lang xuất hiện một người, thân hình to lớn, râu tóc bạc phơ, bên ngoài choàng một chiếc áo dài chấm gót, tựa mình vào lan can ngắm trăng, chỉ trong khoảnh khắc soi bóng vào phòng, rồi biến mất không còn nhìn thấy nữa.

8. Chương 04 - Part 1

Chương 4: Tị sát chi mê [1]

Một trong những phong tục cổ hủ trong tang sự của người Trung Quốc thời cổ đại khiến người ta vừa cảm thấy khó hiểu, vừa cảm thấy sợ hãi nhất đó chính là “tị sát”. Lý giải trên mặt chữ có thể thấy “tị sát” chính là trốn tránh hung thần. Nhưng hai chữ “hung thần” được bàn tới ở đây lại khác hoàn toàn so với cách nói “hung thần ác quỷ” mà chúng ta vẫn thường nghe thấy trong cuộc sống hàng ngày. Nó là một loại sát quỷ đặc biệt chỉ xuất hiện khi nhà có tang sự. Chữ “sát” trong “tị sát” còn được viết là chữ “sát”[2], thời cổ đại còn gọi là “suy”[3], sau này gọi là “sảnh”[4], hoặc gọi thành “ương”[5]. Nhưng tôi vẫn cho rằng tất cả những chữ đó đều là biến âm của chữ “tang” mà ra. Ví dụ, có một số địa phương thường liên kết từ tạo ra một từ ghép hai tiếng là “sát ương”, mà “sát”, “ương” - hai chữ này hợp lại thì chính là một chữ “tang” mà thôi. Cho nên Chu Tác Nhân thường gọi “hồi sát” thành “hồi tang” là vì thế, và đó cũng có thể là nghĩa nguyên bản được tiếp cận gần đây nhất. Lại căn cứ vào cách dùng từ của các bậc tiền bối như Chu Tác Nhân, hay tác giả của Ký kham tứ chí, cuối đời nhà Thanh, trong quyển hai có một đoạn viết “quy sát” thành “chuyển sát”. Hơn nữa, nhất là vào thời nhà Minh, chữ “sát” ngay cả đọc hay viết đều có thể chuyển thành “tang” và ngược lại. Ngay cả khi đọc hai chữ “sảnh” và “suy”, trên thực tế cũng phát âm rất gần với chữ “tang”. Còn có một số địa phương, chữ “thần mã” trong “hung thần”, trên mặt chữ liền thay bằng “phi thương” hoặc “thương”[6]. Nếu đây chỉ là một sự phỏng đoán thì “hung thần” ở đây không thể coi là “tang thần” được.

[1] Thu mình lại trốn tránh hung thần trong cõi u mê.

[2] Tức “đánh, giết”.

[3] Tục “yếu, suy yếu”.

[4] Tục “tai nạn”, “sai sót”.

[5] Tục “tai họa, tai ương”.

[6] Tục “thương tích, tổn thương”.

Phong tục “tị sát” của người xưa đến nay đã không còn lại dấu vết, nhưng trong khoảng hai nghìn năm về trước đã từng rất phổ biến ở cả hai miền Nam, Bắc. Có thể do nó không có trong đám tang, vì những người cầm hốt mà xòe tay áo đỏ, quan viên hoặc những người thuộc tầng lớp thượng lưu lại thường vô đạo, điều đó càng khiến người ta cảm thấy xa lạ.

Thực ra, rất nhiều độc giả là những người đã từng chứng kiến và ghi lại những điều tương tự, thường thấy nhất là phần Khám kha ký thu trong Phù sinh lục ký có đoạn ghi chép lại một cách sinh động về “tị sát” như sau:

Trong tuần lễ hồi sát, có tục truyền là ban ngày linh hồn thường ẩn theo bóng ma mà trở về ngôi nhà cũ và sắp đặt lại mọi thứ y như khi còn sống, từ cái chiếu nằm, cái áo cũ khi còn sống vẫn để ở trên giường đến đôi giày cũ để ở dưới gầm giường. Mỗi lần quay trở về, hồn ma đều nhìn trước ngó sau, nghỉ đi nghỉ lại, rồi cố gắng “thu vào tầm mắt” tất cả mọi thứ hiện hữu xung quanh. Dùng mọi cách để kéo dài thời gian, trước với lấy cái giường sau lại gạt bỏ đi tất cả, gọi là “tiếp sanh”, ở Dương Châu còn có tục lệ bày sẵn cỗ bàn, tiệc rượu trong nhà người chết, nhất gia tận xuất, được gọi là “tị sanh”[7].

[7] Tục là “tránh sai sót”.

Ở đây là nói đến ngày hồi sát, vong linh của người chết cùng bóng ma trở về thăm lại ngôi nhà cũ vốn vô cùng gắn bó với mình, cũng chính là nói, bóng ma và người chết, hồn không lìa khỏi xác. Nhưng đây chỉ là sự khẳng định mang tính nhất thời, một phía. “Sát” và “vật”, nói thẳng ra là linh hồn và thể xác của người mới chết, và hơn thế, có cái gì đó là hung thần và ác quỷ. Để nói rõ hơn những khái niệm mơ hồ này, có thể hiểu hung thần được nói tới trên đây chính là một loài chim ác. Hiện nay, ở Vân Nam vẫn có khả năng tìm thấy một số hình ảnh về hung thần, đó là thứ có hình dáng giống như chim, mặt mũi có chút hung ác, dữ tợn, nhưng ngược lại rất khó để người ta tin tưởng vong hồn lại nhập vào chính loài vật như thế trở về nhà cũ mà nhìn trước ngó sau.

1.

Với Nhan thi gia huấn, quyển hai, Phong thao, có khẳng định Bắc Tề Nhan là một trong số những người bàn tới vấn đề “tị sát” sớm nhất trong các trước tác của mình. Thời ấy, ông gọi đó là “quy sát”, ông lý giải thêm, con người sau khi chết, linh hồn thường tìm cách quay trở về ngôi nhà cũ của mình, lúc trở về, nếu là ban ngày thì “chạy nhảy rong chơi cùng đám trẻ con, khi chắc chắn không có ai mới dám vào nhà”, chính vì thế người nhà thường tìm cách ra ngoài để trốn tránh linh hồn người chết trở về, có khi phải mời thầy

cúng đến “họa ngõa thư phù, tác chư yếm thảng”[8], “môn tiền nhiên hỏa, hộ ngoại liệt khô”[9]... đây đều là những tục lệ của người Trung Quốc xưa trong những gia đình có người mới hết. Khi cả gia đình đã trở về rồi cũng cần mời thầy cúng đến để “phát tổng gia quỷ”[10], cũng chính là “tổng sát”[11]. “Gia quỷ” được nói tới ở đây chính là chỉ vong hồn của người chết. Nhưng những ghi chép về “tị sát” xuất hiện sớm nhất có lẽ là vào thời Tam Quốc, trong Tam Quốc chí - Ngụy chí - Trần Quân truyện có nói đến ấu nữ của Ngụy Minh Đế sau khi ra đời chưa được đầy tháng thì chết yểu. Trần Quân Giám bèn tìm cách ngăn cản xa giá, nói tới chuyện “tị suy”, ông cho rằng: “Người đã chết dù sao cũng không thể quay về được nữa”. Rõ ràng lời khuyên can đó có ý nghi ngờ linh hồn người chết không thể quay về được. Cách nói này đã tỏ rõ thái độ hoài nghi đối với việc “quy sát” trong phong tục của người xưa. Ông lại nói: “Tám tuổi được coi là chết non, không phải để tang, vì thế cũng không cần sắm sửa đồ cúng lễ”. Cách kiến giải của Trần Quân Giám cũng có điểm gần gũi với quan niệm sau này về những đứa trẻ chết yểu, họ cho rằng: “Những đứa bé chết khi còn chưa mọc răng thì không có linh hồn, không thể quay về”[12]. Nhưng bởi vì nó được viết ra một cách vô cùng đơn giản, không như những lời “gia huấn” một cách tỉ mỉ, kỹ càng, cho nên nhiều người đã không chú ý tới.

[8] Ý chỉ vẽ những hình thù gì đó lên mái ngói để đánh dấu cho linh hồn người chết tìm về đúng chỗ.

[9] Ý nói trước nhà nhóm lên ngọn lửa, ngoài cửa bày ra một chút tro tàn.

[10] Cúng tiễn ma quỷ ra khỏi nhà.

[11] Tiễn vong hồn người thân về nơi âm thế.

[12] Theo Duyệt vi thảo đường bút ký - Như thị ngã văn.

Trong thời kỳ Nam - Bắc triều, đây là một tập tục được phổ biến rộng rãi từ Bắc đến Nam. Ở phương Bắc, với mỗi người dân, tập tục này vô cùng quen thuộc, một số thầy mo có chuyên môn còn có cả những cuốn sách ghi chép lại một vài nội dung liên quan đến tập tục này. Đến thời kỳ đầu nhà Đường, Bách kị lịch đã thể hiện khả năng tinh thông thiên văn, nhạc luật và thuật giả kim của người xưa. Đặc biệt, trong đó còn có nội dung bàn về cách thức tránh khỏi tang sát, cách tính thời gian “hồi sát”, phạm vi mà linh hồn người chết trở về thường hay lui tới, còn nói đến những phần như “hùng sát”[13], “thư sát”[14]. Cuốn sách gốc theo thời gian đã bị thất lạc từ lâu, đến nay những nội dung này chỉ có thể tìm thấy một phần trong Xuy kiếm tứ lục của Du Văn Báo, người thời Tống, trong đó có đoạn viết:

Không biết từ bao giờ, con người đã quan tâm đến vấn đề “tị sát”. Theo Đường Thái Thường trong “Bách kị lịch”, phần “Tang sát tổn hại pháp”, người con trai chết linh hồn nhập vào con chim đực, được gọi là “hùng sát”, bốn mươi bảy ngày sau bay trở về hồi sát, người con gái mới khoảng mười ba, mười bốn tuổi, thư sát, xuất phương Nam đệ tam gia, sát bạch sắc, là nam tử, hoặc họ Trịnh, Phan, Tôn, Trần, từ ngày hai mươi đến ngày hai chín sẽ có hai lần trở về tang gia. Mỗi thời tục lệ có thể nhau, nhưng đến những ngày ấy người nhà cần tránh đi nơi khác... Khi nhập niệm, ngay cả những đứa con có cha mẹ chết cũng phải tránh đi, thậm chí phụ nữ cũng không dám đứng lên trên, tất cả đều giao phó cho lão gia bọc lo liệu mọi sự.

[13] Tức là “linh hồn người chết trở về nhập vào loài chim đực”.

[14] Tức là “linh hồn người chết trở về nhập vào loài chim cái”.

Sau này, tục “tị sát” đã được ghi chép lại trong những cuốn tiểu thuyết, và số lần xuất hiện của nó cũng ngày một nhiều hơn. Để Phu Thị trong Nguyên hóa ký cho rằng “cần phải phòng tránh hung thần, quỷ thần đột nhập vào nhà làm tổn hại đến người và của”, cho nên toàn thể gia đình phải dọn đến ở nhờ nhà những người thân quen để tránh mỗi lần vong hồn người chết hồi quy. Trong Kỷ văn của Ngưu Túc, chữ “ ” (hung thần) được viết thành “ ” (giết, đánh)[15], gọi “ ” (quy sát) là “ ” (diễn ra hành động đánh, giết), cũng là “ ”, nói: “Trong nhà có người chết, liền mời ngay thầy mo đến cúng “tức ngôn kì sát xuất nhật, tất hữu phương hại, tử gia đa xuất tị chi”[16]”. Trong Kê thần lục của Từ Huyền thời Ngũ Đại Nam Đường cũng ghi lại những điều tương tự.

[15] Trong tiếng Trung

[16] Đại ý là, trong ngày vong hồn hồi quy tất yếu có hại cho gia chủ, vì thế ngày hôm đó, những người trong gia đình có người chết cần lánh đi nơi khác.

Đến thời nhà Tống, vấn đề “tị sát” ở phương Nam trở nên khá phổ biến. Trong Di kiến ất chí của Hồng Mai thời Nam Tống, quyển mười chín, Hàn thị phóng quỹ có bàn tới vấn đề “tị sát”, hơn nữa còn bắt đầu xuất hiện chuyện “dùng tàn tro làm dấu”, rõ ràng có thể xem đó là một dấu hiệu can thiệp vào sự tái sinh, chuyển thế đã nói ở trên:

Ở Giang Tô và Chiết Giang có tục tin vào những thầy mo cúng ma gọi quỷ. Tương truyền, người chết hồn lìa khỏi xác, lấy ngày đó để tính ngày vong hồn tìm về quy sát, cách phòng tránh tốt nhất là lúc ấy tránh ra bên ngoài, hành động ấy được gọi là “tị phóng”. Nhờ một người con trai khỏe mạnh hoặc vị tăng ni rắc tro xuống đất làm dấu, đến khi trời sáng sẽ nhìn rõ dấu vết ấy.

Trong Di kiến chi ất, quyển một, Đồng thành nhị lang cũng có đoạn nói:

Đến thời điểm vong linh người chết quy sát trở về, để cất giấu mọi thứ, người nhà thường làm theo tục lệ xưa, lấy cái dĩa hay cái sàng làm nhỏ lớp tro bụi trên bếp, phủ lên trên cái siêu sành, hay nồi đất để kiểm tra xem người chết có hồi quy hay không.

Dấu vết để kiểm tra ở đây là xem vết chân trên lớp tro mà phán đoán người chết có thể đầu thai sang kiếp sau là gì, thấy dấu chân gà nghĩa là đầu thai làm gà, thấy dấu chân chó có thể đầu thai thành chó... Họ cho rằng vào một ngày kia, người chết sẽ nhận được thông báo sang thế giới bên kia. Sự quay về “hồi sát” được nói tới ở đây chỉ là một cách để họ từ biệt những người thân yêu của mình còn đang sống trên dương thế. Du Văn Báo là người thật thà, chất phác, có tư chất thông minh, hiểu biết, sống vào thời Nam Tống, ông từng biểu thị sự phản đối kịch liệt đối với những hủ tục “tị sát” trong dân gian. Tại thời điểm đó, nhiều người đã dần dần từ bỏ tục lệ “tị sát”, không theo tăng đạo, không tin âm dương, có thể thấy lệ “tị sát” trong dân gian đã thịnh hành như thế nào.

Thâm Bạng, người triều Minh, trong Uyển thụ tạp ký, quyển mười bảy có nói đến “đóa sát”, một phong tục của người Bắc Kinh:

Những nhà âm dương học thường căn cứ vào năm tháng của người chết để tìm ra ngày mà hung thần sẽ đến hòng đưa cả gia đình đến nơi khác để ẩn tránh.

Thời nhà Minh có một người Triều Tiên thông hiểu tiếng Hán, là tác giả của cuốn sách Bỗ thông sự nổi tiếng, đã ghi lại tục lệ “thiếp ương bảng”[17]. Tục lệ này đã có từ trước đó rất lâu, từ thời Lã Tài đã có tục kiêng kỵ “sát phạm sinh nhân”, vốn chính là tục thông cáo ở làng quê. Trong Bỗ thông sự có ghi lại một đoạn đối thoại rất độc đáo:

“Trước nay người ta vẫn thường dán bản cáo phó trước cửa mỗi khi nhà có tang, anh đã nhìn thấy bao giờ chưa?” “Tôi chưa từng thấy qua. Người ta viết những gì trong bản cáo phó đó?” “Viết là: Ngày Mười hai, Đinh Mão, tháng Hai, Bính Ngọ, năm Nhâm Thìn, người thanh niên sinh năm Bính Thân, qua đời ở tuổi ba mươi bảy. Giờ Đinh, ngày Hai mươi tư tiến hành an táng tại cổng thành. Người có chi Tị, Ngọ, Hợi, Mão, kỵ với tuổi người chết”...

[17] Tức dán cáo phó.

Bản cáo phó, sau này ở một số địa phương còn gọi là “phê thư”, trong đó, ngoài những thứ như ngày sinh tháng đẻ của người chết, cảm tình của người thân trong gia đình được viết trên trang cáo phó, còn cần thông báo với làng xóm khi nào tiến hành tiểu liệm, khi nào đại liệm, khi nào nghênh thần (thần ở đây chính là để chỉ hung thần), cùng với những điều xung, kỵ cần tránh... những điều này không chỉ áp dụng trong ngày “tị sát”, mà còn cả trong suốt tuần lễ để tang, đối với một số người thì đây cũng chính là những ngày cần ẩn tránh. Khi nào thì mới được dán bản “phê thư” đó? Điều này cũng có những quy định của nó. Trước hết là yêu cầu cần thiết dán nghiêng giống như khi người ta dán giấy niêm phong trên tập tài liệu vậy. Nghĩ đến thời thơ ấu thường đến đầu phố dán những biểu ngữ khẩu hiệu hoặc “đả đảo” hoặc “vạn tuế”, mà chẳng cần biết ai đả đảo, ai nổi lên, chỉ biết cũng vẫn là một cách dán nghiêng như thế, tất nhiên lúc ấy đôi khi cũng có những người già đi qua thấy vậy liền đứng lại nói dán như thế là không được, chỉ nói có vậy rồi đi luôn chẳng giải thích rõ vì sao lại không thế. Bây giờ nghĩ lại, cách dán ấy chắc đã phạm phải một điều kiêng kỵ nào đó trong cách dán cáo phó hoặc giấy niêm phong.

Phong tục “tị sát” đến thời nhà Thanh dường như có xu thế ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Phong tục này có nơi còn gọi là “nghênh sát”, họ quan niệm bảy ngày sau khi trong nhà có người thân chết, cả nhà phải tạm rời đi chỗ khác để tránh tai ương. Theo nguyên tắc chung của người phương Nam, họ gọi đó là “hồi sát”, và theo thời gian kéo dài tới hai mươi bảy ngày kể từ sau khi người thân chết. Thời gian quy định ở Phố Đông - Thượng Hải là ngắn nhất, người chết đến ngày thứ ba được gọi là ngày quy sát, nguyên nhân vì họ cho rằng cần phải cúng linh hồn trước, vì vậy người ta gọi sự kiện đó với một cụm từ đầy hoa mỹ là “tác tam triều”, không biết người trong cuộc nghe thấy có cho rằng gia đình họ đã sinh ra một anh chàng béo tốt hay không? Người Bắc Kinh gọi đó là “xuất ương”[18], người Sơn Tây gọi đó là “hồi ương”[19].

[18] Theo Diêu Nguyên Chi trong Trúc điệp đình tạp ký, quyển bảy.

[19] Theo Từ Côn trong Độn trai ngẫu bút, quyển hạ.

Vấn đề “tị sát” được giới thiệu một cách tương đối rõ ràng, tỉ mỉ trong tác phẩm của Vương Gia Trinh là Tật dã nhĩ ngôn, quyển sáu, Hồi sát có đoạn viết:

Trong ngày hồi sát người ta thường phủ lên giường tấm vải khâm liệm, phía trước bếp đặt một mâm cỗ đầy đủ thịt rượu, ở giữa đóng một cọc âm, phía trước bếp đặt một chiếc nôi. Trong những ngày ấy, ngay cả gia nhân trong nhà cũng sợ hãi mà trốn tránh căn phòng đặt linh cữu. Sáng ngày hôm sau chuẩn bị đưa linh cữu đi chôn cất, người nhà quay vào kiểm tra thì thấy trong chiếc nôi đặt trước cửa hần rõ những dấu chân chim, trên mâm cỗ thiếu mất con gà cúng, tìm kiếm hồi lâu mới phát hiện ra giấu trong tấm vải khâm liệm, chiếc cọc âm cũng mất dấu, như có chuột lén vào ăn vụng vậy.

Hứa Thu Đà trong Văn kiến dị từ, quyển hai, có ghi lại một phong tục độc đáo của người Chiết Giang:

Chết chính là câu chuyện “nghênh sát”, kể về hung thần gõ cửa lần lượt theo thứ tự luân phiên nhau. Từ ngày Mười tám trở về trước đến ngày mừng Chín, từ rất sớm, những loài chim đã được triệu đến, thể xác người chết nằm ở trên giường nhưng linh hồn thì ở ghế dưới cái sàng được phủ lên trên lớp tro bếp, một lúc sau hần lên rõ vết chân chim, trông như những vết chân nhỏ bé, uyển chuyển của loài chim hồng vượt qua bùn tuyết, nó không phải là những dấu vết lẩn tránh hay làm hại đến ai. Duy chỉ có hung thần ở Huy Châu hung dữ nhất. Trong làng có người chết, từ rất sớm, người ta đã treo một lá cờ thông báo ọi người biết, sau đó tất cả những người thân thích, con cái, trai gái, lớn nhỏ đều phải quây quần xung quanh, không được trốn đi nơi khác.

Trên đây đã dẫn ra hai ví dụ cho thấy rõ sự khác nhau trong phong tục “tị sát” ở ba địa phương thuộc vùng Giang Nam, nhưng cái cách dùng tro bếp để nhận dạng dấu chân như trên thì không chỉ có hai cách. Điều này được Nhân Trai Thị ghi lại một cách tinh tế và sâu sắc trong tác phẩm của mình. Dạ đàm tùy bút, quyển hai, Hồi sát có kể lại câu chuyện “hồi sát” liên quan đến “đóa tị” mà người Bắc Kinh gọi là “đóa ương”:

Người chết có thuyết “hồi sát”, đều khiến người ta tin vào những chuyện kỳ lạ, khác thường. Có người, thậm chí cả gia đình trong suốt thời gian “hồi sát” phải đi ở nhờ nơi khác để tránh tai ương. Cho dù là những gia đình quyền quý, giàu có thì cũng phải để nhà không mà đến nơi khác để tránh tai họa, như thế gọi là “đóa ương”[20]. Cứ đến đúng ngày, người nhà lại phải thu dọn đồ đạc còn lại của người chết ở trong nhà, từ trên giường xuống dưới đất, dùng một tấm vải trải rộng ra rồi rắc lên đó một lớp tro đốt từ củ lau. Phàm có tiền đồng thì gói lại trong một lớp giấy trắng, làm a quỹ phải sợ hãi. Ở đầu giường bày sẵn một cốc rượu, một con gà luộc, đốt một ngọn đèn, đóng cửa và cài then lại. Ngày hôm sau, dùng một thanh sắt gõ vào cửa rồi mở ra, kiểm tra xem trên lớp tro rải dưới đất có dấu chân gà, dấu chân hổ, dấu móng ngựa, hay dấu vết rắn bò... hay không, các dấu vết đó phải hoàn toàn là một loại. Có lẽ người đã chết sẽ thuộc về một thế giới u minh nào đó, việc xem xét dấu vết để lại là để tìm hiểu xem nghiệp chương của người đó nặng nhẹ ra sao, gọi là tìm hiểu xem cái gông đeo nặng nhẹ thế nào để mà tìm cách hóa giải. Ngay cả cỏ cây, gà, chó... khi vô ý gặp phải tai ương cũng trở nên khô héo, hay ngã chết giữa đường. Phong tục di nhân, kể cả người đức hạnh cũng không thể tránh khỏi, điều này đã trở thành một tập tục phổ biến trong nhân dân không thể phá bỏ. Bởi lẽ tập tục này đã dần trở thành một đạo lý trong lòng người dân, không thể làm sai khác được, hoặc người chết có linh thiêng biết được mà quay về vấn vương thương nhớ hay sao?

[20] Tức là: trốn tránh tai ương.

Hồ Phác An trong Hoa toàn quốc phong tục chí, hạ biên, có một chương nói về “Chiết Giang”, ghi lại tục “nghênh sát” của người dân vùng Hải Ninh, trong đó đưa ra một số tình tiết nhỏ khá phiền phức: “Trong ngày nghênh thần, trước tiên cần đặt người chết nằm nguyên trên giường, lúc người đó sắp chết lấy một bộ quần áo lót phủ lên giường, bên trên dùng giấy buộc lại thành hình một cái đầu, sau đó lấy bốn cái bánh chưng giấu trong tay áo, ống quần tạo hình tay chân, để một cái bánh bao ở giữa làm thành bụng. Như vậy, tổng thể tạo hình giống như một người đang nằm. Phía dưới giường dùng tro phủ đều trên nền nhà. Ngoài

ra còn dùng giấy, tre, và hồ làm thành “hồn đình” - một “quán nghỉ chân của linh hồn”, gọi là “tọa đầu”, chính là nơi khi linh hồn quay trở về cần có cái chõng nghỉ chân. Những gia đình giàu có thường làm “chõng nghỉ chân của linh hồn” thành một lầu gác có đài tạ lễ quy mô hoành tráng. Ngày lễ nghênh thần thông thường kéo dài tới bảy ngày, ngày nào cũng phải hương hỏa, thờ cúng cẩn thận, thậm chí có khi kéo dài tới hơn hai năm, dài nhất là không qua đông chí của năm thứ ba. Cho nên câu đối treo trên “hồn đình” được viết là “nguyệt kinh thủy hoa, phù sinh nhất mộng, chỉ song trúc ốc, tiểu trú tam niên”. Phong tục vong hồn tìm về dương thế trong một thời gian dài như vậy ở các địa phương khác không hề nghe nói tới. Đây là nét khác biệt có lẽ chỉ thấy riêng ở vùng Hải Ninh, Chiết Giang mà thôi.

Dựa vào những tổng hợp trên đây có thể thấy, đến thời nhà Thanh, phong tục “tị sát” trong dân gian đã có dấu hiệu đi xuống. Trước tiên mời thầy âm dương đến tính thời gian “hồi sát”, rồi dán bản tai ương, đến đúng ngày cả gia đình di cư ra ngoài hồng tránh tai ương, hay còn gọi là “đóa ương”, “xuất ương”, và trên danh mục còn nhắc rõ ràng hai chữ “nghênh sát”, gọi là “nghênh”, chính là lấy tám vãi rải tro bếp lên trên, và sắp xếp, chuẩn bị đầy đủ những đồ cúng lễ... Ngày hôm sau, khi trời sáng trở về nhà lại có một loạt những nghi thức khác nữa gọi là “tống sát”[21], lúc này hung thần đã rời đi rồi, không cần phiền phức lại đi tiễn một lần nữa. Phong tục này tồn tại được gần một trăm năm thì dần mai một, nhưng vẫn còn sót lại một vài dấu vết trong những vở kịch trên sân khấu như trong vở diễn Quỳnh lâm minh có màn “đả côn xuất tương”[22], trong đó cũng có cảnh hung thần trên sân khấu, đó là hình tượng của ác quỷ mặt xanh nanh vàng. Nhưng từ sau thời kiến quốc, những tình tiết liên quan đến ma quỷ bỗng nhiên bị kiểm duyệt, rồi dần dần đào thải hết. Trong ngôn từ truyền thống thì thoảng có nghe thấy hai chữ “xuất ương” để nói một người nào đó với ý nghĩa giống như muốn xua đuổi tai ương đi vậy, không ít người nghe thấy cũng chẳng hiểu hết được ý nghĩa của nó, nhưng cũng biết được rằng đó chẳng phải là lời nói tốt đẹp gì.

[21] Tức là: tiễn hung thần.

[22] Tức là: màn đánh gậy.

9. Chương 04 - Part 2

2

Mặc dù “quy sát” là linh hồn người chết trở về, điều này đối với những người thân trên dương thế chẳng phải có thể xem là một cơ hội rất tốt để nói lời chia tay hay sao? Hơn nữa, rõ ràng ngày hôm đó sẽ là ngày để người thân bày tỏ niềm thương tiếc, tưởng niệm, truy điệu linh hồn người đã mất. Những người thân, bạn bè đều tề tựu đông đủ, nâng chén rượu tương giao và nói những lời cuối cùng với vong linh người chết, người thân nghe di huấn cuối cùng của người chết, sau đó nắm chặt bàn tay nhìn nhau trong nước mắt, vái chào lần cuối theo đúng nghi thức, há chẳng phải là thỉnh lễ đầy đủ cả nhân thân một cách ấm áp, sum vầy hay sao? Hơn nữa, ngay cả những điều tốt đẹp cũng không bao giờ là mãi mãi, như một người giàu có, quyền quý cũng có khi chết vì tình trường, sòng bạc, thương trường và cả quan trường... trong trường hợp này có thể bổ sung người lập di chúc. Có những người không may mất mạng trong tay thích khách

hoặc kẻ cướp hung bạo, khi ấy có thể chỉ rõ hung thủ là ai. Điều khiến người ta cảm thấy được an ủi nhất là ngay cả những người dân dốt, ngu ngốc đến mức nghiêm trọng trong một thời gian dài, đến khi “quy sát”, tinh thần cũng trở nên minh mẫn, rạng rỡ, ba năm không cất tiếng mà chỉ một tiếng kêu cũng khiến người khác giật mình kinh ngạc... Những điều như thế quả thực thôi thúc người ta mong muốn được thấy vong hồn người chết quay về. Vậy lẽ nào đến ngày “quy sát” mà bao người mong chờ ấy, người nhà lại bỏ trốn hay sao? Nhưng nghĩ kỹ lại, chuyện tốt đẹp này cũng là điều vừa muốn lại vừa không muốn. Thảm Tam Bạch đã đi sâu nghiên cứu những điểm yếu được coi là còn sơ hở của “quy sát”, nếu như ma quỷ bí mật hẹn hò với vong thê, sẽ sớm bị ông trời làm rõ, cho nên khi vong linh quay về cần phải bố trí, sắp đặt một người nào đó áp giải hung thần hoặc ác quỷ. Hay nói một cách khác, thân phận của vong linh lúc đó chính là một tội nhân, cần phải xem xét thần thái của anh ta lúc quay về, khi anh ta bước vào nhà phải theo dõi xem có biểu hiện nào đáng nghi ngờ được coi là chứng cứ phạm tội như bề ngoài dơ bẩn hoặc thái độ ngơ ngác tìm kiếm, nhặt bới mọi thứ hay không? Như vậy, những điều cam chịu đó khiến vong thê, vong thiếp tách ra, trở thành tiểu mệnh đa tình (vì hình như không thấy nói đến vợ chồng), đành phải cùng người nhà đi tránh hung thần. Nhưng trên thực tế, từ Lục triều đến đời Minh - Thanh, mặc dù về mặt “lý luận”, “hồi sát” được nói thành “vong linh quay về”, nhưng hiện nay trong các câu chuyện càng ít nói tới vấn đề này. Cũng chính là nói, trong các câu chuyện về “hồi sát” rất ít thấy nói đến tình tiết bản thân người chết tự mình hoặc bị áp giải trở về.

Ngưu Túc, người nhà Đường, trong Kỷ văn có ghi lại câu chuyện về thiền sư Nghi Quang ở chùa Thanh Long, Trường An. Câu chuyện kể về một vong hồn tự mình quay về “hồi sát”. Thời Đường Huyền Tông, có một vị quan triều đình vợ qua đời, bèn mời thiền sư Nghi Quang đến lập đàn cầu phúc cho vong hồn người chết. Nhưng đến ngày hồi sát, mọi người trong nhà lần lượt lén lút đi chỗ khác hòng tránh hung thần, chỉ còn lại một mình vị thiền sư già ở lại trong dinh phủ tụng kinh. Đến nửa đêm, đột nhiên trong phòng thoáng thấy có bóng người lướt qua, tiếp đó là tiếng cửa mở khe khẽ, và từ dưới bếp một người phụ nữ xuất hiện, múc nước thổi lửa, một lát sau bưng đến trước mặt thiền sư một bát cháo nóng. Đương nhiên, người phụ nữ này chính là người vợ mới chết của quan phủ, linh hồn vừa hiện về nhập vào thi thể nằm trên giường như “sống” lại. Vị “hung thần” này cứ chỉ y như người còn sống vậy, cũng không làm bất cứ chuyện gì có hại đến người khác.

Một câu chuyện khác về Bành Hồ Tử được viết trong Thái bình quảng ký. Mẹ của Bành Hồ Tử qua đời, đến ngày “hồi sát”, mọi người trong nhà đều lần trốn đi hết, chỉ còn lại Hồ Tử vốn không tin vào chuyện thần quỷ, nên nhất định không ra khỏi nhà. Thế là nửa đêm liền có chuyện xảy ra:

Có người đẩy cửa, rồi đi vào căn phòng phía tây, tìm người không thấy, vào phòng rồi lại đi ra, sau lần vào một căn nhà sơ sài. Hồ Tử bị bất ngờ không biết làm thế nào, cạnh đầu giường có một bình sứ lớn, anh vội vàng chui vào bên trong, lấy tấm ván làm nắp che đầu. Cảm giác như mẹ ở trên tấm ván, có người hỏi: “Dưới ván không có người sao?” Mẹ trả lời: “Không có.” Sau đó bỏ đi.

Trong câu chuyện xuất hiện vong hồn người mẹ đã chết của Hồ Tử, mặc dù theo cùng còn có những ác quỷ khác, những hồn ma ác quỷ này vào nhà để tìm kiếm người sống, và cũng để chứng nhận tạm thời rằng vong linh người chết đã quay lại một lần. Tiếc là sau đó không thấy xuất hiện câu chuyện nào giống như thế nữa. Đến thời Nam Tống, Hồng Mai trong Di kiên chí chí, quyển tám, có một đoạn nói về “Lý Sơn phủ thê”[23] kể chuyện vong linh người chết quay về, sống cùng người chồng của mình một thời gian, mặc dù mẹ chồng của nàng cũng rắc tro bếp lấy dấu (chi tiết dùng tro bếp lấy dấu không chỉ được dùng khi hồi sát, mà đến triều đại nhà Thanh vẫn còn phương thức hữu hiệu truyền lại trong dân gian để kiểm tra dấu hiệu của ma quỷ, điều này đã được Lý Khánh Thân bàn tới trong Túy trà chí quái) để kiểm tra xem cô có phải là ma quỷ hay không. Nhưng linh hồn của cô gái không phải trở về trong ngày hồi sát, mà đã vượt quá thời gian. Cho nên, đây chỉ có thể xem là loại chuyện kể về tình yêu nồng thắm của con người ngay cả khi đã trở thành hồn ma nơi âm thế, trong đó có một chi tiết liên quan đến tục “quy sát” trong dân gian. Mãi đến thời nhà Thanh, trong Tử bất ngữ của Viên Mai, quyển một, Sát thần thụ gia mới thấy xuất hiện câu chuyện hung

thần áp giải vong hồn quy gia. Vợ chồng Lý Mỗ chung sống bên nhau rất thuận hòa, đầm ấm, không thể tin rằng Lý Mỗ mới hơn ba mươi tuổi mà bệnh nặng qua đời, thi thể đã nhập liệm, người vợ của Lý Mỗ không tìm được nỗi đau, ôm ghì lấy quan tài, sớm hôm than khóc hết nước mắt. Đến ngày vong hồn người chết trở về, nàng nhất định không chịu rời đi ẩn trốn, mà một mình ngồi lại bên trong bức trướng chờ đợi:

Đến canh hai, bỗng nhiên một làn gió lạnh lẽo thổi tới, ngọn đèn dầu vốn leo lét chợt cháy lên ngọn lửa xanh biếc. Một bóng ma xuất hiện, đôi mắt tròn xoe, mái tóc hung đỏ, cao khoảng một trượng, bàn tay nắm chặt một cây xiên hình dấu gạch chéo bằng sắt, và một chiếc dây thừng kéo người chồng từ ngoài cửa sổ đi vào. Thấy trên quan tài có bày sẵn tiệc rượu, bèn hạ cây xiên xuống đất, giải thẳng người chồng vào trong, ngồi xuống và ăn. Người chồng vượt nhẹ lên mặt bàn, đau xót buông tiếng thở dài ai oán, rồi đi đến bên chiếc giường, nhẹ nhàng vén tấm màn lên. Người vợ khóc nức lên ôm chầm lấy chồng, tiếng gió thổi qua kéo theo một đám mây lạnh lẽo ủa vào, một cái bọc rơi xuống. Hung thần tóc đỏ giật mình đến cướp lấy. Người vợ kêu to, ra sức giằng về, hung thần tóc đỏ bước đi lảo đảo, nghiêng ngả. Người vợ nhanh chóng lấy cái bọc bắt lấy phần hồn để vào trong quan tài, thi thể dần dần có sinh khí, người vợ mừng rỡ bế xác chồng lên giường nằm nghỉ ngơi, mớm từng chút cháo loãng cho chồng, ngày hôm sau, thi thể người chồng hồi lại. Từ đó, hai vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau đến hơn hai mươi năm nữa.

[23] Nghĩa là: người vợ mới cưới của Lý Sơn.

Cũng trong Tử bát ngữ của Viên Mai, quyển chín, có đoạn nói về “Giang Dật Lâm”. Người vợ của Giang Dật Lâm qua đời, đến ngày “hồi sát”, anh ta nhất định không tránh đi nơi khác. Khi vong hồn của người vợ quay lại, Giang hỏi: “Nghe nói người chết có quỷ tay sai áp giải nên bị câu thúc, gò bó, mất tự nhiên, khi vong hồn quay về lại có hung thần theo sát, có sao nàng trở về lại chỉ có một mình vậy?” Người vợ đáp: “Hung thần chỉ quản thúc và lính lệ cũng vậy, có phạm tội thì mới bị dùng dây trói lại mà giải đi. Chốn âm phủ biết thiếp không hề phạm tội, lại vì một lẽ đường tiền duyên với phu quân vẫn chưa đoạn, nên cố ý cho thiếp một mình quay trở về.” Đây là một loại chuyện linh hồn mượn dịp hồi sát để phục sinh, cũng có thể liệt vào loại chuyện viết về vong linh hồi sát. Nhưng ngoài những điều kể trên, nguyên nhân khiến tôi dẫn ra một cách có mức độ những cuốn sách này làm ví dụ là vì không muốn bạn đọc phải xem lại những câu chuyện linh hồn quy sát mà về hình thức đều gần giống nhau. (Thanh Thang Dụng Trung trong Dục quynh bại biên, quyển sáu, có đoạn nói tới việc phân loại thành hai loại truyền về “hồi sát”)

Như vậy, trong loại chuyện kể trên, nói tới câu chuyện về hung thần, hồi sát, đó chẳng phải cũng là một hình tượng khác của vong hồn hay sao? Điều vốn bị coi là tai ương, là hung thần rốt cuộc lại chính là những vong hồn hay nói một cách khác chính là dị vật. Mặc dù trong cách nói, chúng ta vẫn thiên về khuynh hướng gọi đó là vong hồn, nhưng trên thực tế tất cả đều không thể khẳng định được một cách rõ ràng. Do đó, hình ảnh hung thần cũng chỉ là một cách nói theo quan niệm của số đông mà thôi. Vì không có ai từng tận mắt nhìn thấy hung thần, hoặc giả nếu có một người nào đó khẳng định anh ta đã từng nhìn thấy thần tai ương, thì chắc chắn anh ta chỉ nhìn thấy một cái gì đó khiến anh ta có cảm giác đó chính là hung thần mà thôi. Cho nên cái gọi là “sát” hay “ươg” ở đây bản chất chỉ là một hình dáng mơ hồ nào đó, là cái mà trong một cuốn sách gọi là sự vương vếu vô hình, khó diễn đạt. Như trong Dạ đàm tùy lục đưa ra năm ví dụ, cách diễn đạt thứ nhất là: “Đột nhiên có một cơn gió lốc ào tới thổi tắt đèn, một bóng đen ẩn hiện trên một tấm lưới đánh cá, ngọn lửa xanh biếc, long lanh như đá quý, sáng bóng như tiền.” Cách diễn đạt thứ hai: “Đột nhiên thấy một vật màu đen, trông như một đám tóc rối, từ dưới đất ngói lên, xoay tròn không ngừng. Lúc đầu thì to như mặt trời nhô lên cao, dần dần nhỏ như cái bát, rồi như cái chén, cuối cùng lăn lộn rồi chui vào trong một cái lỗ dưới gầm giường, một lát sau lại ra ngoài, co ro quay tròn không nghỉ, một lúc lâu sau thì mất tăm.” Cách hình dung thứ ba: “Ngọn đèn đột nhiên tắt lịm, một vật giống như cái vôi dài, hay đồ hút rượu mờ mờ ẩn hiện, phát ra tiếng động “gừm, gừm” đầy ghê sợ, rồi bỗng dưng ngã lăn xuống đất, biến thành một con mèo lớn, khuôn mặt trắng bệch như người đánh phấn, bám vào đất quay tròn mấy vòng như đang diễn trò cho người khác xem.” Cách hình dung thứ tư: “Đột nhiên một bà lão xuất hiện, cứ quanh quẩn bên dưới gầm giường, hai mắt sáng quắc như đỉnh ngọc, tay chống gậy, hóa thành một con

nhím, kêu lên những tiếng chít chít, rồi càng ngày càng co mình lại, bỗng nhiên hóa thành một làn khói dày đặc, cuộn cuộn tản ra tứ phía, hoặc chui qua vách tường, hoặc bay lên đỉnh lều, tản ra rồi đi mất.” Cách miêu tả thứ năm: “Một người con gái, cao khoảng gần mười tấc, đập mạnh vào khóa cửa sổ, từ cửa sổ hiện ra một làn khói đen mù mịt, đúng lúc có làn gió thổi qua cuốn đi mất.” Rõ ràng chi tiết miêu tả về hung thần trên đây đều là những hình ảnh “tận mắt chứng kiến”. Nhưng những hình ảnh đó rất có thể chỉ là một số cảnh sắc ban đêm, trong điều kiện ánh sáng mờ mịt không thấy rõ, lại đúng lúc đầu óc cũng đang mơ màng, trạng thái bần thần, sợ hãi, cho nên những điều trông thấy trở nên hư hư thực thực, huyền hoặc mơ hồ. Ngay cả người chứng kiến thần trí cũng không tỉnh táo dẫn đến nói những lời mê sảng, rối loạn... điều này rất đối tự nhiên. Nhưng nếu như có những ghi chép, thống kê một cách chi tiết, cụ thể về “hung thần”, thì sẽ phát hiện ra một điều rất đặc biệt, thì ra “hung thần” trong các truyền thuyết lại liên quan mật thiết đến một loài chim.

3

Điều này liên quan đến một tập tục khác trong dân gian, hoàn toàn không giống với tục “hồi sát” nói ở trên. Trong tục “xuất sát”, vị thần hung dữ không phải là sự trở lại của vong hồn người chết, mà xuất hiện chính từ trong linh cữu của người chết. Đường Trương Độc trong Tuyên thất chí có viết: “Tục truyền rằng, sau khi người chết được mấy ngày mà có một loài chim từ trong quan tài bay ra thì gọi là “sát”. Lại nói, có người khi đi săn, anh ta giăng lưới bẫy chim, bẫy được một con chim lạ, mình dài khoảng năm thước, nhưng đến khi mở lưới để bắt chim thì mới ngỡ ngàng vì con chim mắc vào lưới đã biến mất từ lúc nào không rõ. Vô cùng kinh ngạc, anh ta đem câu chuyện kỳ lạ vừa rồi kể cho người dân sống xung quanh đây nghe, một người nói: “Trong làng có người chết mấy ngày nay rồi, thầy bói xem quẻ nói, hôm nay sẽ có “sát thần” tới. Đến nhà người đó xem sẽ rõ, có con chim màu xám nhạt từ trong quan tài bay ra. Con chim anh kể có lẽ chính là con chim ấy?”.

Con chim màu xám nhạt trong câu chuyện được gọi là “la sát mị”, rõ ràng cũng thuộc lại ma quỷ đại diện cho cái ác. Trương Trạc trong Triều dã thiêm tái có nhắc đến một câu chuyện về một chàng thanh niên đang đi trên đường thì tình cờ gặp một cô gái cũng đang rảo bước một mình. Dung mạo xinh đẹp của cô gái đã khiến chàng trai mê mẩn. Chàng bèn mời cô về nhà. Ngày hôm sau, người nhà gõ cửa phòng hồi lâu mà không thấy anh ta ra mở cửa, họ bèn đứng bên ngoài nhìn qua cửa sổ thì thấy một cái đầu lâu vừa mới bị ăn xong. Người nhà kinh hãi phá cửa xông vào, thấy từ trên xà nhà tối âm u xuất hiện một con chim lớn, vươn cổ nhằm hướng cửa chính bay ra. Người ta cho rằng đó chính là loài “la sát mị” hung ác vẫn được nhắc tới trong dân gian. Viên Mai, thời nhà Thanh, trong Tử bất ngữ cũng nhắc đến loài chim la sát. Hứa Thu Trà trong Văn kiến dị từ đã dùng tro bếp để nhận dạng dấu vết và xem xét tỉ mỉ, kỹ lưỡng vết chân trên lớp tro bụi ấy là dấu vết của loài chim nào, rồi nói vui rằng: “Nhìn dấu chân này, người trần mắt thịt cũng biết ngay đó là loài chim la sát.” Có thể thấy, những câu chuyện dẫn ra trên đây đều có chung một mục đích khẳng định “la sát mị” chính là một loài ác quỷ, mà ác quỷ thì thường ăn thịt thì thể người chết.

Trong Thông u ký cũng nói tới một loài dị vật tương tự xuất hiện sau khi có người chết. Tính chất của loài ác quỷ cũng biểu hiện rất rõ ràng trong câu chuyện độc đáo này:

Chín năm trời giữ trọn tấm lòng kiên trinh, tận trung với nước, người cha của đồ độc xứ Bạc Châu, Lô Viện lâm bệnh nặng và qua đời. Hai ngày sau, đang giữa ban ngày, bỗng có một con chim lớn màu xám nhạt, không biết từ đâu bay đến sân nhà, bay lượn một vòng trên không trung, in bóng xuống mặt đất rộng khoảng bốn, năm thước. Cả nhà kéo nhau ra xem. Đột nhiên nó sà xuống cái giếng ở góc phía tây nam, rất lâu sau mới bay đi. Mọi người chạy đến xem, phát hiện thấy nước trong giếng đã cạn hết, bên trong còn có hai quả trứng, to bằng nắm tay. Mọi người vớt lên đập vỡ một quả, máu từ trong chảy ra lênh láng. Đến

sáng hôm sau, đột nhiên nghe thấy có tiếng khóc thảm thương của một người phụ nữ từ trong nhà phía tây. Lại gần xem, phát hiện ra một người con gái, tuổi chừng mười tám, mười chín, quàng một chiếc khăn mỏ quạ màu đen trên đầu khóc rất thê thảm. Hỏi từ đâu đến, người con gái nói trong tiếng khóc: “Tôi từ trong quả trứng dưới giếng chui ra, nào dám hãm hại ai?” Vừa dứt lời liền quay lại phía tây lòi ra một xác chết đã thối rữa, xong vung cánh tay lên rồi đi, ra đến cổng thì biến mất.

Đến thời nhà Tống, trong Thanh tôn lục, Liêm Bố cũng nói tới hình ảnh kỳ dị của một con vật lạ: “Một con vật trông giống như chim hạc, có màu xám đen, đôi mắt long lanh sáng rực như ngọn đuốc, đôi cánh lớn căng phồng đập gió vù vù.” Ông cũng cho biết thêm, đã có người nhìn thấy con vật kỳ dị này trong quan tài sau khi người chết được mấy hôm: “Thi thể người chết khi chất sẽ biến đổi thành la quỷ.” Hồng Mai trong Di kiến đình chí, quyển mười ba cũng kể lại một câu chuyện về Từ Cát Khanh ở Cù Châu, trong suốt thời gian sáu năm miệt mài hành đạo, ban ngày thường có một con vật lạ đến đậu ở chân tường, thân người, đầu chim, dài khoảng một trượng. Một hôm, bất ngờ người vợ lẽ trông thấy liền kinh động mà chết. Người con thứ tư của Từ Cát Khanh đang làm quan ở Tú Châu, ngày hôm sau nghe được tin dữ, cả ngày ám ảnh không dứt về loài chim lạ đó.

Đến triều đại nhà Thanh, sát quỷ được nói đến như là một loài chim lạ cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Đồng Hàm trong Thuần hương chuế bút có đoạn nói về “hung thần” là “một con gà, cao khoảng bốn, năm trượng, cái mỏ đỏ thẫm, cựa cứng như sắt, đứng trên một mô đất, vỗ cánh dài đến xà nhà, ngẩng cao đầu, nhìn từ bên ngoài vào.” Một tác phẩm khác của Vương Đồng Quỹ là Nhĩ đàm loại tạng, quyển hai tư cũng cho rằng “hung thần” chính là “một con gà trống to như loài ngỗng, mỏ quặp lại, mắt trợn trừng, bay đến đậu trên quan tài”. Tam tá lư bút đàm, quyển mười một có một đoạn miêu tả lại cảnh “gặp gỡ hung thần”, trong đó cũng chỉ rõ hung thần là một con ngỗng lớn, hai mắt long lanh màu xanh biếc. Tiền Vịnh trong tác phẩm Lý viên tùng thoại, quyển mười lăm, đã sánh thần cũng khẳng định “hung thần” là một con chim lớn, khuôn mặt, dáng đứng giống hệt con người, nhưng lại có thêm đôi cánh dững mãnh, mỗi lần vỗ cánh chẳng khác nào một trận gió lớn nổi lên. Trong Tử bát ngữ của Viên Mai, quyển hai, Lạc sát điều cũng nhắc đến một con chim lớn, màu hung đen, mỏ quặp lại, bàn chân như tuyết, đứng giữa nấm mồ bỏ hoang, nơi “mặt trăng chiếu rọi những vệt sáng mờ ảo trên thi thể người chết” mà biến hóa. Độn trai ngẫu bút, quyển hạ có một đoạn nói về chuyện “hồi ương” như sau: “Có một người nợ thấy một gia đình bỏ nhà không mà dắt díu nhau chạy trốn hung thần, trong nhà có đặt một chiếc quan tài, trên quan tài có một con vật lạ trông giống như gà nhà, liền nghi ngờ đó chính là thần tai ương hiện hình.” Tiết Phúc Thành trong tác phẩm Dung am bút ký, quyển sáu có một đoạn nói về “Dương Lão Liêm gặp phải hung thần”, và cho rằng hung thần hiện hình thành con gà trống dững mãnh, thường tụ tập trong mộ căn phòng lớn, hai mắt phát ra luồng ánh sáng xanh biếc chiếu thẳng vào mặt người. Cuốn Dục quynh bại biên, quyển năm có nói đến “sát thần” một cách vô cùng xác thực. Ông nhắc tới phong tục ma chay ở Thường Châu, người chết khi khâm liêm cần lấy những vại sành xếp trên mặt đất để làm nơi trú ngụ cho hung thần, khi đưa linh cữu đi an táng, mời thầy mo đến đọc bùa chú đập vỡ những vại sành, xua đuổi hung thần đi nơi khác, và hung thần ở đây cũng có hình dáng giống như một con gà. Gia đình Phùng Thị có người mới chết, không cẩn thận để lũ trẻ làm vỡ mất vại sành, nhân cơ hội đó hung thần trốn ra ngoài. Nhà hàng xóm có một lầu gác, đóng cửa đã lâu, đúng lúc đó bỗng nghe thấy có tiếng vỗ cánh, mở cửa lầu gác ra xem thì thấy “một con gà màu, cựa rất lớn không biết từ đâu đến, bị nhốt trong một cái lồng lớn, tự dưng lại thấy xuất hiện ở đây”.

Nói đến điều này, tôi chợt nhớ đến một câu nói trong Luận hành - Đỉnh quỷ của Vương Sung thời Đông Hán:

Theo phong tục dân gian, khi người thân một ai đó gặp phải điều bất hạnh, sẽ thấy một luồng sáng chiếu thẳng vào trong nhà, hay trông thấy thứ gì đó có hình dáng giống một con gà bất ngờ xuất hiện trong nhà.

“Người nhà gặp điều bất hạnh” ý muốn nói khi có người thân lâm trọng bệnh đến độ nguy kịch, sắp trút hơi

thở cuối cùng, lúc đó sẽ thấy xuất hiện những dị vật như trên. Ở đây mặc dù không nói đến “hung thần”, nhưng hình ảnh của ma quỷ lại được nhắc đến với “dáng vẻ của một con gà”. Vì vậy có thể thấy, trong giai đoạn sau này, mỗi khi nhắc tới sự xuất hiện của hung thần hay ác quỷ, người ta thường so sánh hoặc thay thế nó bằng hình ảnh của một con chim hoặc một con gà kỳ lạ nào đó. Chúng ta có thể suy đoán, từ nhà Đông Hán trước thời Tam Quốc có thể đã nói tới điềm báo mang tính dự đoán tai ương sắp ập đến. Nhưng tục trốn chạy hung thần thì đã có từ trước thời điểm dự đoán hơn hai trăm năm. Do xã hội Trung Hoa ngày càng văn minh, cho nên vấn đề mà các gia đình quan tâm nhất hiện nay chính là chỗ ở, vì thế, có lẽ tục “tị sát” cuối cùng đã không còn tiếp diễn đến ngày nay, mà vì một lý do nào đó trong dân gian đã xuất hiện một tục lệ ma chay đi ngược lại với lễ giáo của người Trung Quốc. Vì sao người dân lại phải trốn tránh hung thần? Và trốn tránh hung thần rốt cuộc là như thế nào? Vì sao người ta luôn cho rằng hung thần mang hình dáng của một loài chim nào đó?

10. Chương 04 - Part 3

4

Theo quan điểm của chúng tôi, ý nghĩa của chữ “tị” trong “tị sát” chính là ma quỷ “từ bên trong mà ra”, và cái gọi là “vong hồn quay trở lại” chỉ là một thủ đoạn nhằm đánh lừa lòng tin của người dân mà thôi. Vậy bản chất của ma quỷ từ bên trong mà ra là như thế nào? Trên thực tế, cổ nhân đã từng tiếp xúc và có những lý giải về vấn đề này. Đó chính là một số ma quỷ, hung thần trú ngụ trong quan tài hay nơi mồ mả bỏ hoang, gặp điều kiện thuận lợi liền hiện hình. Điều kiện thuận lợi nói tới ở đây chính là khi “thể xác gặp khí thiêu liên biến hóa”. Trở lại với vấn đề thời gian “hồi sát” thì như trong Độn trai ngẫu bút đã từng đề cập đến: “Theo quan niệm của các nhà âm dương học, ngày “hồi sát” chính là ngày mà phần khí thừa đã tích tụ trong một thời gian dài tan ra, tiếp xúc phản ứng không hết.” Cho nên gọi là sát quỷ cũng được, có điều sát quỷ ấy chính là “khí sinh ra từ thi thể người chết”. Vì thế có thể khẳng định một lần nữa, tị sát tức là chạy trốn khỏi tử khí là có thực, còn chạy trốn khỏi ma quỷ chỉ là lừa phỉnh mà thôi.

Đào Tiềm trong Tục tư thần ký cũng có đoạn ghi chép liên quan đến “sát ương”, mặc dù không trực tiếp nhắc đến vấn đề “tị sát”, nhưng có nói tới cái được gọi là “tà ma”. Quyển sáu cuốn sách này có viết: An phong Hầu Vương Nhang đã từng chứng kiến một chuyện xảy ra trong một đám tang, khi người chủ lễ đang khẩn đọc để đưa thi thể người chết nhập quan, các quan khách đến dự tang lễ đều đứng đợi đông đủ trong lễ đường, chỉ có Vương Nhang nằm nghỉ ngơi một mình trên xe. Đột nhiên, ynh ta nhìn thấy “trên không trung xuất hiện một con vật kỳ lạ, trông giống như một con chim”, sau đó thoát biến thành một chiếc xe ngựa màu đỏ nhạt, trong xe có một người, khăn áo màu đỏ nhạt, tay cầm một cái rìu. Con ngựa kéo xe mỗi lúc một nhanh trên mặt đất, người đó đánh xe đi thẳng vào con đường nhỏ, nơi chiếc xe của Vương Nhang đỗ, gọi Vương lại hỏi: “Xin tặng công tử một câu nói: Phàm là những người ruột thịt thân thiết mới đến khâm liệm, đưa tiễn linh hồn người chết, những người không thân thiết thì không nên tùy tiện, càng không thể nôn nóng đứng quanh đây.” Tại sao con quỷ đó lại nói những lời này với Vương Nhang? Phải chăng nó muốn dự báo trước cho Vương Nhang cái điều “đương trí vị tam công” sẽ xảy đến sau này. (Vương Nhang là một trong những “Trúc Lâm thất hiền” trong triều Ngụy Tấn, đến khi Tây Tấn suy phân tách thành Tam công.) Hoặc giả ngay trong thời điểm đó nó muốn báo trước một tai họa nào đó sẽ xảy đến chẳng? Trong giờ phút thi thể người chết sắp được nhập quan, tất cả quan khách đều hướng về thi thể nói lời từ biệt cuối cùng, con quỷ đó cũng lên vào, hòa lẫn trong đám khách khứa, lấy cây rìu ra giáng vào tấm ván bên cạnh quan tài. Những điều này đương nhiên chỉ có Vương Nhang có thể nhìn thấy. Có người thân đi đến gần

quan tài, cúi đầu xuống gần thi thể nói lời vĩnh biệt trong niềm đau xót vô hạn, đúng lúc con quỷ giờ cao cái rìu đánh thẳng vào đầu người đó, người này tức thời ngã lăn xuống đất, mọi người xung quanh vội vã đỡ dậy, đại để chỉ gây ra hiện tượng choáng váng rồi ngã xuống, chưa chắc đã đe dọa đến tính mạng.

Con quỷ quàng khăn đỏ, mặc áo đỏ, tay cầm rìu nói ở trên chính là thần tai ương. Nhưng vị thần tai ương này hoàn toàn không phải hồn ma người chết, mà chỉ là ác quỷ xuất hiện khi người chết được nhập quan. Trong câu chuyện này, mặc dù không nhắc đến tục “tị sát” nhưng có thể thấy bản thân câu chuyện chính là một lời khuyên hữu ích cho những người tham dự buổi lễ nhập quan người chết, rằng tuyệt đối không nên đứng quá gần thi thể người chết, với những người không phải là người thân hay có quan hệ đặc biệt nào với người đã mất thì tốt nhất không nên có mặt vào giờ phút nhập quan. Cho nên cái gọi là ác quỷ dùng rìu đánh vào đầu người khác thực chất là bị tử khí từ trong quan tài bốc lên làm choáng váng, ngã xuống mà thôi. Sau này, Lưu Nghị Khanh trong U minh lục cũng nói đến sự xuất hiện của dị vật sau khi có người chết:

Chu Tông thường nhìn thấy hình ảnh một đám đông đưa linh cữu đến nơi mai táng, phía trước quan tài cách khoảng ba thước có một vật màu xanh, hình dáng giống như một cái vỏ sù có nắp đậy (cái chum to đáy nắp). Đám đông tham dự tang lễ, người thì cúi mặt khóc thương, buồn bã, người lại đến gần ghé sát quan tài nhìn người chết thêm một lần nữa. Từ phần đầu thi thể đang bất động có một vật màu xanh bốc lên. Lại nói: Khi người đến tham dự tang lễ, trong tức khắc ma quỷ cũng nhanh chóng đến theo cùng.

Trong câu chuyện trên, đáng chú ý nhất là câu nói sau cùng, “khi người đến tham dự tang lễ, trong tức khắc ma quỷ cũng nhanh chóng đến theo cùng”, đó chính là ý nghĩa của hai chữ “tạm hoàn” (nhanh chóng góp mặt). Một cách tự nhiên, điều đó ám chỉ sự hiện hình của vong linh người chết hay với cách nói “vong hồn quy sát” của người phương Bắc cũng chính là một. Chỉ có điều hình ảnh quy sát hiện về là một “dị vật màu xanh” có hình dáng “giống như cái vỏ sù có nắp đậy” chứ không phải như hình hài người chết. Nhưng vì sao Chu Tông lại nói dị vật đó cách linh cữu người chết khoảng ba thước? Rõ ràng đó là một lời khuyên dành cho những người đi viếng đám ma nên đứng cách xa phần đầu người chết một khoảng cách nhất định, tối thiểu là ba thước, cũng chính là cần tránh khỏi vùng ảnh hưởng của tử khí người chết bốc lên, vì tử khí chủ yếu sinh ra từ phần miệng và mũi của người chết.

Trong vở tạp kịch Tử sinh giao phạm trương kê thử, phần thứ ba có kể lại câu chuyện Phạm Cự Khanh muốn được trông thấy thi thể của Trương Nguyên Bá trong linh cữu, nói: “Mọi người hãy mở nắp quan tài ra, ta muốn nhìn một lát.” Mẹ của Nguyên Bá nói: “Anh không nên làm vậy. Người đã chết khá lâu, sợ rằng tử khí sẽ bốc lên.” Như vậy, qua màn đối thoại này có thể thấy mọi người đã biết rõ thi thể người chết để lâu ngày sẽ có tử khí bốc lên, gây hại cho con người.

Có thể chứng minh những lời nói trên đây có cơ sở quan trọng, xuất phát từ chính việc “rãi tro bếp để nhận dạng dấu chân” phản ánh phong tục ma chay trong quan niệm dân gian. Ngày “tị sát”, trước khi người trôn ra ngoài để né tránh hung thần, cần phải “quét dọn sạch sẽ, cẩn thận phòng ốc của người chết, từ trên giường xuống dưới đất, sau đó lấy tro đốt từ loại cỏ lau rải xuống khắp nền nhà”. Nói là để xem khi vong linh người chết hồi sát có để lại dấu chân trên lớp tro bụi hay không, từ vết chân đó có thể nói cho người nhà biết người chết đã đầu thai chuyển kiếp thành loài vật nào. Nhưng rõ ràng lý do này thực sự chỉ khiến vong hồn thêm khó xử. Vì những dấu vết đó, ngoài dấu chân cầy mèo, chó, gà, vịt còn có cả dấu chân của kẻ trộm. Do vậy, ý đồ thực sự của việc “rãi tro bụi làm dấu” này đã xuất hiện từ rất lâu trong dân gian, sớm nhất là từ thời Nam - Bắc triều. Theo quan niệm của người dân, trong ngày “tị sát” nhất thiết phải “đốt một đám lửa ở trước cửa, bên ngoài rải một lớp tro bụi”. Tro ở đây chính là tro đốt từ cây cỏ, sau này, người ta cũng dùng nó để xua tan khí hôi bốc lên từ nhà vệ sinh, cho nên bộ vệ sinh còn được gọi là “khô đồng”, đồ bộ vệ sinh được gọi là “khái khô”, ngay cả đến thần trấn giữ nhà xí cũng được gọi bằng một biệt hiệu rất đáng yêu “khô thất cô nương”. Mục đích thực sự của việc “rãi tro bụi” chính là để nó hút vào

những tử khí độc hại bốc ra từ thi thể người chết, chứ hoàn toàn không phải để xem người chết đầu thai sang thế giới khác sẽ biến thành loài súc vật nào. Hơn nữa, những người bạn của tôi ở Nam Kinh còn giới thiệu rất kỹ lưỡng về vấn đề này. Họ cho biết, vào những ngày hè nóng nực, cần chú ý phủ một lớp tro bụi thật dày xuống dưới đáy quan tài, sau đó dùng một tấm vải phủ kín bên trên, để người ngoài không nhìn thấy được. Làm như vậy không những có thể xua tan được tử khí bốc ra từ thi thể mà còn có tác dụng hút hết nguồn nước rỉ ra từ xác chết. Những kinh nghiệm nêu trên không chỉ thấy duy nhất ở Giang Nam, mà nó còn là phát minh quan trọng được vận dụng trong suốt gần một thế kỷ qua. Cho nên có thể thấy, việc nhận thức được tính năng thẩm thấu của lớp tro từ cây cỏ là chuyện có từ rất sớm trong lịch sử. Còn đối với việc đốt một đám lửa ở trước cửa nhằm mục đích làm khí nóng bốc lên, dẫn đến áp suất không khí tập trung ở trước cửa thấp, hình thành một vòng tuần hoàn luân chuyển, khi ấy tử khí có hại từ trong nhà nhanh chóng được thoát ra ngoài. Ngày “tị sát”, cả nhà đều tránh ra ngoài, cửa ngõ đều mở hết, cũng là để cho tử khí được dễ dàng thoát ra. Thầy mo tính toán đúng ngày tị sát là nhờ căn cứ vào khoảng thời gian tử khí bốc lên nhiều nhất và gây nhiều độc hại nhất. Tro đốt từ cây cỏ hút hết tử khí sẽ khiến cho nguồn khí này tập trung gần mặt đất trong một khoảng thời gian ngắn và không thể ngay lập tức thoát hết ra ngoài, chính điều này sẽ khiến căn phòng được rải tro tích tụ một lượng lớn tử khí gây ảnh hưởng không tốt cho con người. Vì thế, ngay sau khi rải lớp tro thảo mộc lên nền nhà, người nhà cần tránh đi nơi khác, có lẽ đó chính là nguyên nhân thực tế của tục lệ “tị sát” lưu truyền trong dân gian. Mọi người trong nhà đều tránh đến nơi khác trong khoảng thời gian “hồi sát”, cửa ngõ đều mở rộng, những con gà, chó... sống nơi hoang dã ngửi thấy mùi thơm bay ra từ thức ăn bày biện trên mâm cỗ cúng lại không vào “hưởng thụ” mới là chuyện lạ, bởi vậy trên lớp tro rải dưới nền nhà có lưu lại những dấu chân động vật đi lại. Nhưng những con vật ăn thức ăn trên mâm cỗ cúng trong điều kiện tử khí bốc lên thường nhiễm độc mà chết, nói một cách khác thì đó chính là “cây, cỏ, gà, chó thường rơi vào tình cảnh khô héo, ngã chết giữa đường”. Trong Trung Hoa toàn quốc phong tục chỉ, quyền hạ, Giang Tô cũng có một chương nói đến tục “tị sát”, nhưng với một cách gọi khác là “bế ương” (có một số cuốn sách nhầm lẫn gọi đó là “tị ương”). Mọi người trước khi ra khỏi nhà phải rửa sạch toàn bộ nồi, niêu, xoong, chảo... nói là sợ khi vong linh người chết vào nhà sẽ chui vào đó. Nếu ma quỷ chui vào vại sành, giả sử nó không thể chui ra, vậy thì chắc chắn nó sẽ ở lại trong nhà cúng bái tổ tiên, thần, Phật, ý tưởng này quả thực cũng không tồi. Cho nên, việc làm lạ lùng này đã góp phần ngăn chặn các loại gà, chó, rắn, chuột... hạ cố đến thăm. Đối với một số địa phương có tục lệ như trong ngày “tị sát”, buộc một con gà trống vào chân bàn, khi hung thần đến sẽ nghe thấy tiếng gà kêu, nhưng có điều con gà trống đương nhiên sẽ trở thành “vật cảnh báo” làm cho những vị khách không mời thêm kinh hãi mà thôi.

Nhưng hành động chạy trốn khỏi tử khí thoát ra từ thi thể người chết nói trên đây lại đi ngược với truyền thống đạo hiếu vốn là tiêu chí quan trọng trong đạo học của Nho gia. Chúng ta làm sao có thể để lại người thân trong nhà mà ra đi khi hài cốt của họ còn chưa nguội lạnh? Vậy là chúng ta đã tạo nên câu chuyện ma quỷ về vong hồn người chết “hồi sát”, hồn ma sẽ trở về thăm lại ngôi nhà thân yêu của mình. Nhưng chuyện “về thăm” này không phải để thăm hỏi người thân mà chỉ là tự mình quay về ngắm nhìn lại tất cả trong niềm hoài nhớ, xót xa. Lý do này thực tế vẫn chưa thực sự đầy đủ, xác đáng. Vì ngay cả khi người nhà muốn quay trở về, họ cũng không thể thấy được sự hiện hữu của người quá cố, họ chỉ có thể đứng một bên, cố tìm ra cái cốt lõi hợp lý ẩn bên trong cái vẻ bề ngoài vô lý ấy. Tuy nhiên, ở đây vẫn còn có một số cái chưa thực sự thỏa đáng cần lý giải, ví dụ như con cháu có hiếu hoặc những cặp vợ chồng, những đôi nam nữ có tình cảm sâu sắc, họ đã vượt qua được cái giới hạn của cõi u minh. Những đứa con, đứa cháu có thể không nhìn thấy được ông bà, cha mẹ của mình, những người vợ hoặc chồng không thể nhìn thấy nhau nhưng ông bà, cha mẹ, chồng hoặc vợ lại có thể nhìn thấy con cháu, người vợ hoặc người chồng còn sống của mình. Cho nên một số học giả còn cho rằng, khi vong hồn người chết quay về, những người thân trong gia đình càng không nên tránh đến nơi khác, cả gia đình nên ở lại đoàn tụ xum vầy thành một “gia đình hạnh phúc” như thế mới thỏa đáng. (Du Văn Báo có dẫn ra câu nói của Trần Đông San như sau: “Trong đám tang cần có người thân ở bên, nhưng theo tục lệ mà toàn thể gia đình lại tránh xa khỏi tai họa, để linh cữu người chết một mình lẻ loi trong căn phòng trống vắng sao? Lại có người cha, người mẹ nào muốn hại con cái mình sao?”) Đó là lời nói đầy thức tỉnh của ma quỷ, hình ảnh “hung thần” trở về đó không phải là hình ảnh của người chết mà là bị một ác quỷ khác áp giải trở về, cho nên cái mà mọi người trốn chạy không phải vong linh người thân của họ, mà chính là tên ác quỷ đó. Điều này một cách vô thức đã gán a quỷ một số những hành vi tàn ác, mục đích chính là để người nhà có một lý do hợp lý để tránh khỏi nguồn “tà khí” độc hại kia.

Nếu nói như vậy thì xem ra Nhan Chi Thôi, Du Văn Báo, Trần Đông San, Đằng Nhật Dụng và một vài người khác lấy “đạo hiếu” trong Nho giáo để phê phán hủ tục “tị sát” về mặt lý luận có lẽ là chính xác. Nhưng từ góc độ “khoa học” mà nói thì lại hoàn toàn sai lầm. Hơn nữa, từ chính quan điểm Nho giáo cũng vẫn có thể bác bỏ được. Người xưa từ rất sớm đã hợp nhất tử khí và ma quỷ làm một, không những thế còn đưa ra được những lý giải vô cùng hợp lý. Trong Lễ ký - Nguyệt lệnh của Trịnh Huyền Chú, thời Hậu Hán đã dẫn ra một vài lưu ý “trên năm mộ lớn chứa đầy tử khí, khí độc ảm dật khiến a quỷ mang mầm bệnh dịch được dịp hoành hành”. Ma quỷ mang dịch bệnh được nói tới ở đây chính là quỷ ôn dịch, tích tụ từ thi thể người chết chôn sâu dưới những nấm mồ, thường là do chiến tranh hoặc dịch bệnh khiến người chết được chôn trong một nấm mồ chung, chính điều này đã khiến cho dịch bệnh dễ dàng lây lan trong một phạm vi lớn, khi đó ở mỗi đất nước, mỗi tỉnh thành đều phải tiến hành lễ cầu mát, còn gọi là “cửu môn trách nhượng”[24], chính là “lễ tiễn trừ ác khí”. Điều này trên thực tế chính là ngày “tị sát” được tiến hành trong toàn thành phố, khắp các vùng miền trên đất nước, chỉ có điều, lúc ấy sẽ chẳng còn nơi nào có thể chạy trốn được cho nên mọi người đành phải dùng cách mời thầy mo đến cúng bái xua đuổi tà ma.

[24] Tức là: tiến hành lễ tế thần nhằm giải trừ tai họa ở cả chín cổng lớn dẫn vào thành.

Vì thế mà Lưu Ngọc Thư, văn nhân thời nhà Thanh, trong tác phẩm Thường đàm có nói: “Tin rằng có tử khí bốc lên từ thi thể người chết, nếu tiếp xúc với nguồn khí gây dịch bệnh ấy con người sẽ dễ dàng mắc bệnh. Không tin rằng tai ương có thể giáng xuống đầu con người, nhưng bệnh dịch vẫn lén lút gây hại cho con người”. Tai ương và tử khí bốc lên từ thi thể người chết đều được nhắc đến, con người lại không tin vào quy sát, nhưng lại ra sức đề phòng tử khí, không thể không thừa nhận những kiến giải sáng suốt của người xưa.

Còn về việc hung thần thường bị mọi người cho rằng mang hình dáng của loài chim nào đó, điều này cũng không phải không thể lý giải được. Trước hết, trong tác phẩm Tuyên thất chí có đoạn viết: “Có con chim từ trong linh cữu bay ra.” Điều này tuyệt đối không phải việc thường thấy hay lặp đi lặp lại nhiều lần, giống như việc biểu diễn ảo thuật trên sân khấu, chỉ cần mở chiếc khăn tay lập tức có một con chim bồ câu bay ra. Nhưng cũng không có nghĩa là tự nhiên từ trong không khí mà chui ry, quan tài luôn có nắp che kín, làm sao có vật gì có thể chui vào được? Loài chim thích ăn thịt xác chết đương nhiên ngửi thấy mùi thịt thì phải “thích thú”, khi có người đến, nó không có lý do gì mà trở thành “con cú mèo sợ hãi”, đành phải làm “chim ưng” bay đi. Hơn nữa, khi có người sắp chết, một số loài vật thường lũ lượt kéo đến, khi quan tài tạm thời được đặt ở một nơi nào đó trước khi đưa đi chôn cất, chúng hoặc liệng quanh trên không trung, hoặc tập trung trong nhà. Chuyện như thế xuất hiện mấy lần, nhiều người nhìn thấy thì truyền tai nhau, khiến cho động vật biến thành “la sát mị”, lại từ đó mà biến thành hung thần trong các câu chuyện ma quái.

11. Chương 05 - Part 1

Chương 5: Ai Trành [1]

Tôn Quang Hiến thời Ngũ đại, trong tác phẩm Bắc mộng tảo ngôn có viết: “Phàm những người chết do hổ vồ, đắm nước thì được gọi là “trành”, cần phải tìm người thế mạng, tưởng chừng đó chỉ là chuyện phiếm nhưng thực ra lại có thật”. Từ quan điểm của Tôn Quang Hiến có thể thấy “trành” có hai loại: một loại chết do hổ vồ được gọi là “hổ trành”, một loại khác chết vì đắm nước gọi là “giang trành”. Loại thứ hai sau này còn được gọi với tên khác như “yêm tử quỷ”[2] hoặc “nịch tử quỷ”[3], hay như ở vùng Giang Nam còn

có một cách gọi khác là ma sông quỷ rước... Chính vì vậy, người dân nơi đây thường treo thờ chữ “ ” (trành), có lẽ vì “giang trành” và “hổ trành” đều giống nhau ở một điểm là phải “cầu thể thân”, tức là người thể mạng mới có thể mong được siêu thoát, đầu thai sang kiếp khác. Nhưng những hồn ma phải “cầu thể thân” không chỉ có hai loại nêu trên, mà còn có cả “dật tử quỷ”, “thực độc khuẩn quỷ” (bao gồm cả “trụ nhai quỷ”, “nghiêm nan quỷ” và còn một số loại khác tương tự nhưng không được gọi là “trành” mà chúng tôi không tiện nhắc tới ở đây). Đến thời đại nhà Thanh, lại có thêm một loại khác được gọi là “ngân trành”. Viên Mai trong *Viết tiếp Tử bất ngữ*, quyển bốn, có nhắc đến những kẻ trộm cắp vàng bạc, châu báu thường bị giày vò suốt đời, nên phải cầu đến cái chết để mong được giải thoát và phải đứng trước một sự lựa chọn: “nếu khi chết chấp nhận canh giữ hòm chứa vàng bạc thì sẽ không bị giày vò thêm nữa”, và dĩ nhiên phải bằng lòng, chấp thuận. Kể từ đó, những kẻ trộm cắp buộc phải tìm người thể thân, nếu như sau đó có người phát hiện ra hòm bạc, người thấy có mùi hôi thối kỳ lạ đến nỗi không thể đến gần, không thể tìm ra nguyên nhân, đó chính là đã gặp được “ngân trành”, lúc ấy chỉ cần làm công đức siêu độ, hồn ma kia lập tức sẽ được đầu thai sang kiếp khác, và mùi hôi thối kỳ lạ cũng tự biến mất. Nhưng trường hợp không ai phát hiện ra hòm bạc, thì lúc đó linh hồn của “ngân trành” sẽ mãi mãi bị giam cầm mà không thể siêu thoát được. Như vậy, những hồn ma có thêm chữ “trành” mặc dù không nhất thiết phải tìm người thể thân, nhưng xem ra để giải thoát vẫn phải dựa vào một điều khó khăn tương tự như vậy.

[1] Có nghĩa là: xót thương cho những kiếp ma quỷ long đong chẳng tìm thấy đường về.

[2] Tức là: ma chết đuối.

[3] Tức là: ma chết chìm.

Chữ “trành” trong sách cổ thường được dùng theo cách hiểu “trành trành nhiên”[4]. Tư Mã Ôn Công trong *Thích thiện kệ giải thích* “chữ “trành” theo quan điểm của các học giả mang ý nghĩa chỉ sự ngông cuồng mê muội”. Chữ “ ” (trành) hay còn được viết là “ ” (trướng)[5] chỉ sự tăm tối, mù mịt không biết gì, cũng không để tâm vào việc gì. Nhưng tại sao chữ “trành” lại dùng để chỉ một cái gì đó gắn liền với những hồn ma, quỷ quái? Điều này đến nay vẫn chưa có ai giải thích rõ, chỉ thấy Trần Thiệu, một tác giả thời nhà Đường viết trong *Thông u ký*:

Đường Kiến năm thứ hai, ở Giang Hoài nổi lên một tin đồn có quỷ dữ từ Hồ Nam đến. Loài ma quỷ này có người gọi là “mao quỷ”, lại có người viết là “mao nhân”, hoặc gọi là “trành”. Nói chung nó có rất nhiều tên gọi khác nhau. Nó có khả năng biến hóa khôn lường. Người ta nói rằng loài quỷ này “hảo thực nhân tâm”, thích moi tìm uống mật của những đứa trẻ dù gái hay trai. Thực sự là độc ác vô cùng.

[4] Tức là: một sự liều lĩnh thiếu thận trọng.

[5] “Trướng” có nghĩa là buồn phiền.

“ ” nay đọc là “cheng”, gần âm với từ “ ” (đọc là “chang”), không biết là do sai chữ hay là một sự biến âm, nhưng có thể giữa chúng có mối liên hệ nào đó với nhau. “Mao quỷ” được nhắc tới trên đây chính là để chỉ trên cơ thể có lớp lông mao kỳ lạ, còn gọi là “mao trùng” (sâu róm). “Ngoa ngôn”[6] () nói không rõ nghĩa, chúng tôi quả thực cũng đoán không ra, nhưng chữ “ ” thì có lẽ có nguồn gốc “du nhập” từ Hồ Nam đến, tìm trong vốn từ ngữ cổ của địa phương cũng không thấy có. Điều này cho thấy không thể căn cứ vào ý nghĩa hiện hữu trên mặt chữ để truy cứu mà tìm ra lớp nghĩa thực sự ẩn chứa sau lớp ngôn từ khó hiểu đó. Bỏ đi một số từ ngữ này thì ý nghĩa của từ “ ” cũng vẫn không rõ ràng, minh bạch, vì vậy đành phải

gác lại, chờ cơ hội để thỉnh giáo inh. Còn hai chữ “giang thành” đã có dịp nói đến trong phần “Những thứ ở trong nước” trên đây, chữ “trành” trong “hổ trành” cũng có ý nghĩa tương tự như vậy.

[6] Ngoa ngôn: tin đồn, tin vịt.

Chu Tác Nhân tiên sinh đã từng nói “Trong các câu chuyện ma quái Trung Quốc, “cương thi” dĩ nhiên được coi là hung tàn và độc ác nhất, còn “hổ trành” vẫn được xem là thâm thương và âm đạm nhất”. Hai chữ “âm đạm” dùng để nói đến “hổ trành” quả thực là sinh động như thật vậy. Mặc dù chưa một lần được chứng kiến, nhưng qua cách nói hình tượng này cũng giúp chúng ta thấy như hiện ra trước mắt một cõi lòng, một dáng vẻ, một thần thái âm u, mịt mờ, tăm tối...

“Vi hổ tác trành” đã trở thành một câu thành ngữ chỉ hành động “nổi giảo cho giặc”, đồng nghĩa với “trợ kiệt vi ngược”, nhưng xem xét kỹ lưỡng sẽ thấy, hai cách nói này vẫn có những điểm khác biệt nhất định. Điểm khác biệt nằm ở chỗ “vi hổ tác trành”, hiểu theo nghĩa rộng có thể thấy trong đó còn thể hiện một sự ép buộc, nô dịch, và hơn hết, chữ “ ” (trành) ở đây thể hiện một cái gì đó rất oán hận, căm ghét, thậm chí còn thể hiện một chút bi ai, thương xót. Để biểu đạt được ý nghĩa này, trên đề mục chương truyện, người viết đã mạnh dạn dẫn ra một chữ “ai” (), nhưng không biết liệu người đọc có gật đầu chấp thuận hay không?

1.

Cách gọi “hổ trành” xuất hiện sớm nhất vào thời nhà Đường, nhưng những hồn ma được coi là “vi hổ tác trành” thì phải tới thời kỳ Đông Tấn mới có. Lưu Kính Thúc, sống vào thời Lưu Tống, trong tác phẩm *Dị oán* của mình đã nêu ra hai câu chuyện, một câu chuyện thú vị xảy ra ở Hồ Nam được tác giả giới thiệu trong quyển ba, chuyện kể rằng:

Ngu Đức người Long Dương, Võ Lăng, một lần ngao du tới Ích Dương, trọ tại nhà Hạ Man. Ngộ Đức nhìn thấy trong nhà Hạ Man có một tờ giấy rộng chừng một thước, vẽ hình đầu người con gái Hạ Man, bèn lấy xuống xem. Một lúc sau, một con hổ chạy đến cổng nhà rồi lại chạy đi. Rồi lại thấy bà cụ Hà mang tờ giấy có hình đầu người con gái đặt về chỗ cũ, Ngộ Đức lại lấy nó xuống, hai người cứ một người lấy xuống một người cất lên nhiều lần. Cuối cùng, Ngộ Đức nói chuyện đó với Hạ Man, hai người mỗi người cầm một cây gậy đứng canh trước cổng. Một lúc sau con hổ quay lại, hai người cùng xông vào đánh hổ. Cuối cùng con hổ bị đánh chết.

Rõ ràng Ngu Đức là một người có khả năng đặc biệt. Ông ta có thể nhìn thấy những hồn ma mà người khác không thể thấy được. Bà cụ Hà và tờ giấy treo trên tường bình thường chỉ có lão hổ mới có khả năng nhìn thấy. Nhân vật bà cụ Hà được nói tới ở đây có thể khẳng định chính là hiện thân của “hổ trành”, những hành động được coi là “nổi giảo cho giặc” của bà ta chính là chỉ điểm cho lão hổ đến sát hại những người khác, mà cách thức chỉ điểm cũng rất giống với cách thức mua bán, trao đổi hàng hóa ngoài chợ, những thương nhân thường giải quyết mọi việc trên giấy tờ, chính là dán những lời nhấn quan trọng, cần lưu ý, được coi là đã nhận mua. Ích Dương, một vùng sông nước, người dân thường tụ họp phía tây dòng sông Tương để lấy gỗ, ngay cả những hành động của hổ quỷ ở nơi đây cũng giống như những nhà buôn gỗ. Những biểu hiện của “trành quỷ” với tư cách là kẻ trung gian buôn bán, giao dịch sau này không phải hoàn toàn mất dấu tích, chỉ là có sự biến đổi về mặt hình thức mà thôi, ví dụ như lấy tờ giấy đặt trên đầu khi ngủ[7], hay dùng tờ giấy trắng phủ lên mặt người[8], v.v... Vì vậy, có thể nghĩ tới một giả định xung quanh

những câu chuyện hổ quỷ bao giờ cũng có chung một nguồn gốc nào đó, nguồn gốc đó có lẽ đều xuất phát từ những vùng dân tộc thiểu số ở xung quanh khu vực sông Tương. (Chữ “ ” trong Tự Hồ Nam lai[9] được nói tới trong Thông u ký không biết có thể được coi là một bằng chứng chứng minh cho giả thiết trên hay không?) Tuy nhiên, những điều mà “trần quỷ” ám chỉ đã có không ít những tư tưởng bảo thủ bác bỏ, có thể thấy rõ điều này qua đoạn viết về “hổ trần” ở Triết Giang trong cuốn sáu:

Thời nhà Tấn, có một Mãnh phụ một lần lên rừng nhặt củi chẳng may bị hổ sát hại. Một năm sau, từ trong đám cỏ ngải đột nhiên có một người phụ nữ hiện lên nói: “Công từ hôm nay đi, ắt gặp phải sự chẳng lành. Nhưng tôi sẽ tìm cách giải trừ cho. “Sau đó, từ phía trước, một bầy hổ xuất hiện, nhảy nhót tiến về phía Mãnh phụ, có vẻ giống như đang che chở, bảo vệ cho chủ tướng của mình. Một lát sau, bỗng có một người từ bông hoa sen bước ra, bầy hổ được lệnh tấn công, Mãnh phụ chỉ tay thu lệnh về, bầy hổ đột nhiên thu mình quay trở lại.

[7] Theo Nguyên hóa ký, mục Liễu tịnh.

[8] Theo Di kiên binh chí, quyển ba, Hoàng hoa trần quỷ.

[9] Tự Hồ Nam lai: có nghĩa là đến từ Hồ Nam.

Ở đây có một vấn đề, đó là bầy hổ có chủ đích ăn thịt người từ trước hay do trần quỷ đưa lối chỉ đường? Rất rõ ràng, người chồng của vị trần quỷ này ban đầu vốn là bữa điểm tâm ngon lành cho lũ hổ, nếu không thì không cần lãng phí những rắc rối không cần thiết, chỉ cần thả cho anh ta trở về là có thể giải quyết được vấn đề rồi. Hay người phụ nữ Hồ Nam nói ở trên cũng chính là số trời định trước, nếu không phải như vậy thì bà cụ Hà đó làm sao có thể hết lần này đến lần khác dễ dàng dán tờ giấy có hình đầu cô gái, mặt khác, thịt cha mẹ cô gái chưa hẳn đã khó ăn hơn cô ấy. Từ những câu chuyện về trần quỷ (bao gồm cả “giang trần”) có thể thấy trong nội dung đều chú ý nhấn mạnh đến vấn đề “số mệnh”, giống như trong Liêu trai có đoạn kể về “Miêu Sinh”, xác định được rõ ràng thân thể của mình, nhưng chỉ cần khoác lên mình bộ y phục khác thì lũ hổ không dám giết thịt. Nhưng có rất nhiều truyện lại cho thấy “số mệnh” vẫn có thể thay đổi được, quan niệm nhân quả báo ứng “Định thị định, mao thị mao” của Phật giáo không phù hợp với quan niệm của người Trung Quốc, chữ “tình” của người Trung Quốc thông thường có thể chiến thắng cả “định luật” nghiệt ngã của thiên mệnh. Công năng của trần quỷ như vậy xem ra rất được chú ý, điều này thể hiện ở chỗ, ngay cả lũ hổ cũng không hề biết số mệnh đã an bài ai sẽ bị chọn dùng làm bữa điểm tâm, chỉ có trần quỷ mới biết, không có chỉ thị của trần quỷ, lũ hổ cũng không dám manh động, mà ngay chính trần quỷ trước đó không lâu cũng chính là bữa điểm tâm của lũ hổ. Con người đã trở thành món ăn của bầy mãnh thú đó, điều này thật khó lý giải. Một điều cũng khó đưa ra được lời giải thích là, nếu như lũ hổ không có trần quỷ dẫn đường chỉ lối thì không thể ăn thịt người, vậy thì, từ khi sinh ra, lần đầu tiên chúng giết người ăn thịt thì ai chỉ điểm. Lại nói, người bị hổ ăn thịt biến thành trần quỷ, vậy nói như giáo lý đạo Phật “chúng sinh bình đẳng”, đã có biết bao nhiêu loài động vật khác cũng làm mồi cho hổ, tại sao chúng không thể biến thành trần quỷ? Vấn đề này thật khó có thể đưa ra được một đáp án thỏa mãn, chúng tôi chỉ còn cách suy đoán trong mơ hồ vậy thôi.

2.

Câu chuyện về người vợ Nghiêm Mãnh có đề cập đến một vấn đề, đó chính là cô ấy mặc dù đã trở thành trần quỷ, hãm hại, lừa gạt người khác để làm mồi lấp đầy bụng hổ, nhưng xem ra trong tình huống này,

cô ta vẫn còn vương lại chút tình người. Tính cách con người khi trở thành trành quỷ luôn có sự biến đổi ghê gớm theo xu hướng tiến dần đến sự xấu xa, bản thủ, nhưng cũng không hẳn tất cả đều như vậy. Trong một số câu chuyện còn lưu truyền trong nhân gian, chúng ta có thể nhận thấy hình ảnh một số trành quỷ mà trong linh hồn ma quái của chúng vẫn còn le lói hiện lên một chút nhân tính. Nhân tính được nói tới ở đây chỉ là những tình cảm đặc biệt đối với người thân của họ, và hơn hết còn là lòng thù hận sâu sắc đối với bầy dã thú đã gây ra cái chết thảm thương cho chính mình. Trong Quảng dị ký của Đới Phu, một tác giả thời nhà Đường có kể lại một câu chuyện như thế:

Vào cuối thời Thiên bảo, ở Tuyên Châu có một đứa bé sống ở gần núi. Mỗi khi đêm về thường trông thấy một bóng ma dẫn theo sau một con hổ chạy đến như là báo trước số trời đã định. Đứa trẻ liền nói với cha mẹ: “Bóng ma dẫn hổ theo sau ắt không tránh khỏi cái chết. Người xưa thường nói: “Người nào làm mối cho hổ, khi chết oan hồn sẽ hóa thành trành quỷ”. Con chết, chắc chắn biến thành trành quỷ. Nếu hổ bắt con dẫn chúng vào trong thôn, nên đào sẵn một cái hố ở gần đường cái, lũ hổ có thể sẽ sập bẫy.” Ngày hôm sau, quả nhiên đứa bé bị hổ ăn thịt. Một thời gian sau, đứa bé báo mộng về cho cha mẹ, nói: “Con đã trở thành trành quỷ, ngày mai sẽ dẫn hổ đến, hãy chuẩn bị sẵn một cái bẫy lớn ở phía tây.” Cha mẹ và người dân trong thôn lập tức đào một cái hố rất sâu, ngày hôm sau, quả nhiên bẫy được một con hổ lớn.

Đứa bé trong câu chuyện từ trước đó vốn đã biết mình rất khó có thể thoát khỏi số mệnh làm mối cho hổ, nhưng đối mặt với nguy hiểm vẫn vững vàng không hề khuất phục. Cậu sáng suốt nghĩ cách sắp đặt đưa hổ vào bẫy, một mặt vừa để báo thù cho chính mình, mặt khác có thể giúp người nhà và dân làng thoát khỏi cảnh bị hại. Những trành quỷ như vậy thực sự rất ít thấy.

Nhưng đề cập đến vấn đề trành quỷ chắc chắn các văn nhân đều muốn qua hình ảnh này gửi gắm một thông điệp sâu sắc nào đó. Vì các văn nhân thời cổ đại phần lớn đều là những người có chức tước trong triều đình, nơi ấy vẫn thường có ma quỷ ẩn hiện, cho nên mọi cái đều có thể xảy ra. Một số văn nhân sau những lúc tâm huyết dâng trào khó tránh khỏi buồn bã chán tay mà dùng chính những kinh nghiệm của độc giả để viết ra một điều gì có thể đưa vào cuốn tiểu thuyết của mình. Trong Truyền kỳ của Bùi Hinh, một văn nhân thời nhà Đường có kể lại một câu chuyện liên quan đến trành quỷ: Mã Chứng Du dạo chơi đến núi Hành Sơn cùng Chúc Dung, suýt nữa không may trở thành miếng mồi ngon trong miệng hổ. Khi đi tới dòng suối uốn lượn quanh núi, tình cờ chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ, con hổ ấy trong phút chốc biến thành một lão tăng. Hai người tính kế đẩy lão tăng kia xuống suối, bỗng chốc lão tăng biến trở lại hình dáng con hổ ban đầu, hai người họ ra sức đẩy tảng đá lớn xuống suối để chết con hổ. Khi họ xuống núi, tình cờ gặp được Trương Cơ Đồ, một thợ săn dưng mãnh chuyên đi bắt hổ, họ bèn theo người thợ săn trèo lên cây dò xét. Đêm đến, bỗng có khoảng từ ba mươi đến năm mươi người qua đó, có tăng ni, có đạo sĩ, có đàn ông, có đàn bà... người thì ca hát, người thì nhảy múa, rồi có người đứng trước gò đất trước mặt mà quát lớn: “Lão hòa thượng của chúng ta vừa bị sát hại, ngay lập tức chúng ta phải tìm cho ra hai kẻ đã giết chết lão hòa thượng để báo thù, chúng còn muốn sát hại cả tướng lĩnh của chúng ta nữa!”, điều này khiến cho chúng mất đi người cheo lái quan trọng. Người thợ săn quay sang nói với hai người họ: “Những người này đều là trành quỷ, trước đây đều là người bị lão hổ ăn thịt”. Vì vậy, điều cốt yếu lúc này là phải bầu ra một bộ phận thống lĩnh toàn bộ. Ngay tức khắc, một con hổ trịnh tênh, kêu lên những tiếng gầm rú vang trời rồi chết. Đứng chôn chân tần ngần một lúc, đến khi hiểu chuyện gì đang xảy ra, tất cả lũ trành quỷ vội vàng chạy đến quỳ phục bên thi thể con hổ bị bắn, khóc than thảm thiết. Hai người họ đứng ngoài chứng kiến từ đầu đến cuối liền phần nộ, quát lớn: “Lũ quỷ mông muội kia, thật chẳng biết phân biệt đúng sai, tốt xấu. Xưa kia các người vốn bị hổ cắn chết, nay ta báo thù cho các người, các người không biết đường báo đáp mà lại còn khóc lóc, than vãn cái gì? Sao lại có đám ma quỷ không hiểu biết lễ nghĩa như các ngươi cơ chứ!”

Có thể thấy những ẩn ý trong câu chuyện trên đây đã được bộc lộ khá rõ ràng. Nói chuyện ma quỷ với cách nói cường điệu “cô vọng ngôn chi, cô vọng thính chi” theo nguyên tắc của phương Đông, như vậy có thể đem lại cho người đọc cảm giác hứng thú, khiến cho người ta có thể quên đi những toan tính, mưu lược mà say sưa thả hồn vào những câu chuyện “ngư tiên nhân thoại” nhẹ nhàng, hấp dẫn. Có lẽ, Tô Thich đã phải

chịu đựng không ít những nỗi khổ cực do kẻ tiểu nhân gây ra trong các cuộc đấu tranh đảng phái. Cho nên ông cảm thấy chỉ mấy câu mắng chửi này thôi thì không đủ để thỏa mãn và bù đắp cho những gì mình đã trải qua, vì thế cần phải tiếp tục cất cao giọng mắng mỏ lũ đàn độn, mông muội kia cho hả hê, vui sướng.

Trên khắp thế gian này không thiếu những hồn ma được coi là thành quỷ. Ví như muốn thắng tiến nhanh chóng để có nhiều lợi lộc, thành thử không từ mọi thủ đoạn xấu xa, bẩn thỉu nào, chẳng phải thành quỷ là như thế sao? Xảo trá, thủ đoạn như loài ưng khuyến quẩn quanh làm trò chỉ điểm quanh chân người, rong ruổi chạy theo kẻ ác làm điều dối trá. Chỉ sợ mình kém cỏi hơn người khác. Khi chưa đạt được mục đích, chúng tỏ ra ngông cuồng, kiêu căng, ngạo mạn, mưu mô, độc ác để phô trương uy thế của mình. Nhưng một khi không hoàn thành nhiệm vụ, không những chúng làm hỏng việc của mình mà còn bị đẩy đi biệt xứ, không biết sống chết ra sao!

Nghे những lời mắng chửi đầy sắc khoái ấy khiến người đọc cũng cảm thấy hết sức hả hê. Nhưng nghĩ kỹ lại thì hình ảnh thành quỷ trong những câu chuyện dân gian đâu đó vẫn có bóng dáng của lũ chó săn, chim săn. Chúng vô liêm sỉ là thế, hèn hạ, bỉ ổi là thế nhưng thật không công bằng khi chúng lại có trong tay quyền lực và địa vị xã hội! Tuy nhiên, nếu giải thích rõ ràng bản chất lũ thành quỷ này cũng chỉ uống công vô ích mà thôi, vì những câu chuyện về thành quỷ càng về sau lại càng trở nên sâu sắc và phong phú. Hơn nữa, trong nhân gian, phẩm hạnh của những kẻ làm quan vô liêm sỉ lại luôn bị những tên thành quỷ gian manh, xảo quyệt kia làm cho thêm nhơ bẩn, nhem nhuốc.

Do đó, vẫn có những thành quỷ từ trên núi ném xuống dưới không ít quần áo và những vật dụng hàng ngày, nhiều người đã lần theo những đồ vật đó để lượm nhặt, dần dần đến tận hang ổ của hổ và trở thành miếng mồi ngon cho chúng[10]. Lại có người nhờ có đôi chân khỏe mạnh, ra sức vùng vẫy mong chạy thoát, nhưng cuối cùng vẫn nằm gọn trong miệng cọp[11]. Còn có loại thành quỷ vui vẻ theo sau hổ, thích thú, cười cợt khi thấy nạn nhân bị lột trần rồi dần dần nằm gọn trong nanh vuốt loài hổ đói[12]. Lại có con hổ không may bị bắt, bèn gầm lên những tiếng khóc than thảm thiết suốt đêm ngày để đồng loại biết được mà kéo đến giải cứu và báo thù ình[13]... Những trạng thái bất thường trong nhân cách của thành quỷ như vậy phần lớn cũng từ trong nhân tình thế thái mà ra. Đây chẳng những là chuyện về lũ ưng khuyến có địa vị giàu sang quyền thế mà ở góc độ khác còn là câu chuyện đáng xấu hổ về giới chức quyền, cũng giống như nguyên hình của thành quỷ vậy.

[10] Theo Kỷ Vân trong Duyệt vi thảo đảng bút ký, quyển mười bảy.

[11] Theo Hồng Mai trong Di kiên chi mậu, quyển một.

[12] Theo Du Giao, trong Mộng tưởng tạp trước, quyển tám.

[13] Theo Lang Anh, trong Thất tu loại cáo, quyển mười bảy.

Nhưng phàm là những câu chuyện kể thì vẫn có những trường hợp đặc biệt. Hung bạo, xấu xa là vậy nhưng cũng có khi chính thành quỷ lại tự hiến dâng sinh mạng mình cho hổ đói. Kỷ Hiểu Lam trong Duyệt vi thảo đường bút ký, quyển mười bảy có ghi lại: Thành quỷ vút xuống những đồ dùng, quần áo hong dụ dỗ người đi đường lần theo dấu vết mà mắc bẫy, nhưng như thế cũng tức là chỉ điểm cho những người thợ săn biết được nơi ẩn náu của lão hổ. “Con người thành quỷ biến hóa vô lường, mọi sự đều có sự toan tính từ trước. Lão hổ cứ ngỡ thành quỷ giúp mình mà dẫn người đến, biết đâu có ngày ngay cả mình cũng bị sát hại”. Những ý kiến bàn luận của Kỷ tiên sinh trên đây chứa đựng nhiều ý nghĩa thật sâu sắc, có vẻ như

muốn ám chỉ bè lũ quyền cao chức trọng trong triều đình, luôn ngấm ngấm lợi dụng nước đục thả câu, cố tình dứt dây động rừng, hòng lợi dụng thành quỉ giúp mình một tay. Nhưng họ lại quên mất một điều rằng, lão hổ có thể ăn thịt không trừ một ai. Chẳng phải chính những kẻ gian tà, bất chính ấy luôn tìm cách vơ vét của cải làm hại dân, hại nước đó sao? Cho nên giữa chúng và lũ thành quỉ muôn hình vạn sắc kia cũng chẳng khác là bao.

Dù sao thì, một người có quyền thế, tự nhiên sẽ mời gọi được lũ thành quỉ vây quanh mình, mục đích cuối cùng của những hành động nổi giáo cho giặc ấy cũng là để làm lợi cho bản thân mà thôi. Nhưng điều đáng nói ở đây là giữa bọn họ ai lợi dụng ai, hay nói một cách khác, ai trở thành công cụ của ai? Chúng ta thường thấy một kẻ có quyền ngồi chễm trệ trên chiếc ghế quan, phía dưới là một đám tiểu nhân ra sức nịnh bợ lấy lòng, vậy thực chất đâu mới là kẻ “anh hùng hào kiệt”? Như vậy, lão hổ đã bị lôi vào một cuộc chơi do chính lũ thành quỉ sắp đặt, sau đó lại tự đưa mình lên đoạn đầu đài lúc nào không hay. Đến lúc ấy, thành quỉ đã sớm thay đổi kế sách từ trước hoặc đã tháo chạy thoát thân. Những câu chuyện ma quỉ của Trung Quốc ngấm ra ý nghĩa thật tuyệt vời, qua những câu chuyện ấy chúng ta hiểu được một sự thật bất ngờ trong cuộc sống, thì ra chính lũ thành quỉ lại là kẻ trực tiếp tạo ra lão hổ uy quyền giả tạo kia! Trong Quảng dị ký có dẫn ra một câu chuyện:

Ở Kinh Châu có một người đi men theo con đường bên sườn núi, bất ngờ gặp phải thành quỉ. Thấy chiếc mũ làm bằng da hổ bèn nhặt đội lên đầu, bỗng chốc biến thành hổ dữ, chịu sự chỉ huy của thành quỉ. Suốt ba, bốn năm liền chuyên đi hại người, bắt gia súc làm thịt ăn và trở thành một loài vật hoang dã, không thể thuần hóa được. Thân mặc dù biến thành hổ nhưng tâm thì vẫn miễn cưỡng, không hề muốn, tuy vậy cũng chẳng biết phải làm sao?

Con hổ đó sau này thừa dịp lén vào một ngôi miếu hoang, ẩn nấp ở đó một thời gian khá lâu, cho tới khi dần trút bỏ được lớp da hổ trên cơ thể. Nhưng đến một ngày ở cửa miếu tình cờ xuất hiện một thành quỉ khác, lại vớ được miếng da hổ choàng vào người anh ta, từ đó anh ta sợ đến nỗi không dám đặt chân đến cửa miếu. Tôi cảm thấy câu chuyện này hết sức có ý nghĩa, không chỉ đối với những kẻ quan quyền đang từng ngày lún sâu vào vũng bùn lầy đen tối, mà còn là lời cảnh tỉnh tới đám người mua danh bán lợi đầy rẫy trong xã hội ngày nay, vì thế càng đọc, càng ngấm ngấm lại càng cảm thấy thú vị vô cùng.

12. Chương 05 - Part 2

3.

Rốt cuộc là phải xuất phát từ một trải nghiệm cuộc sống như thế nào mà con người lại có thể sáng tạo ra hình tượng thành quỉ, một loại hồn ma đặc biệt đến như vậy? Thiết nghĩ, ngoài một vài nguyên nhân xã hội đã nói ở trên, còn phải kể đến một hiện tượng kỳ lạ có thể cũng có sự tác động tương tự, đó chính là sau khi thân thể những người xấu số trở thành miếng mồi ngon trong miệng hổ, thường vẫn thấy quần áo, y phục còn sót lại bao giờ cũng được gấp cẩn thận, gọn gàng. Do đó có thể tưởng tượng lão hổ trước khi ăn thịt người, đã lột bỏ hết tư trang, quần áo của người đó ra và còn gấp lại cho thật chỉnh tề, ngay ngắn. Đối với chúng ta đây quả thực không phải là một việc làm khó khăn, nhưng đối với loài hổ thì ngược lại, không thể làm được như thế. Vậy sự việc này cần phải giải thích ra sao? Chắc chắn chỉ có một cách là nhờ người khác giúp đỡ, mà “người” ở đây không ai khác, chỉ có thể là hồn ma của người đó.

Đoạn Thành Thức, văn sĩ thời Đường, trong Tây dương tạp trở, quyển mười tám cho rằng đó là do thành quỷ đã sai khiến linh hồn người chết làm: “Lão hổ giết người, lại có thể ra lệnh cho linh hồn người chết tự trút bỏ quần áo, gấp lại gọn gàng, rồi mới ăn thịt.” Nạn nhân sau khi bị cắn xé cho tới chết, linh hồn của anh ta lại phải tự cởi bỏ y phục, rồi gấp lại ngay ngắn, chỉnh tề, sự việc này cũng ám chỉ lúc đó anh ta đã trở thành thành quỷ, phải chịu mọi sự sai khiến, chỉ bảo của lão hổ. Hoàng Phủ Thị, thời Đường, tác giả Nguyên hóa ký, cũng đưa ra những kiến giải tương tự, có điều ông miêu tả một cách tinh tế hơn, khiến những điều xảy ra càng trở nên đáng sợ: Huyện úy Phiêu Thủy, Tuyên Châu nổi tiếng chính trực, luôn sống rất đạm bạc, không màng danh lợi cho tới khi mãn nhiệm. Trước khi cáo lui khỏi chốn quan trường, ông có tiền cử Trương Sĩ, vốn là trang khách trước kia của ông, dẫn theo gia đình đến Phiêu Thủy nhậm chức. Khi đang khởi hành giữa đêm khuya, thê tử của Trương Sĩ bị rút sau họ mười bước chân, trong nháy mắt đã bị hổ ăn thịt. Trương Sĩ thề rằng nhất định sẽ báo thù cho vợ.

Cánh tay kẹp hai mũi tên, dắt theo cây cung sau lưng, ông một mình ra đi giữa lúc đêm khuya. Đi được khoảng ba mươi dặm, lạc sâu vào chốn rừng rú âm u, biết bao nguy hiểm rình rập. Sau đó, lại đi tới một sơn cốc gần đó, có hàng trăm cây đại thụ bao quanh sào huyết của lão hổ, trên khuôn mặt thanh tú đẹp dễ ánh lên nỗi hoài nghi, dò xét ẩn nấp sau mỗi tán cây. Đúng lúc đó, nhìn sâu xuống chân núi, dường như có một vật gì đó đang trong tư thế phủ phục, dò xét với ánh mắt đầy ham muốn, vật đó chính là lão hổ. Người vợ yêu quý của mình bị hổ ăn thịt chết thảm thương, thi thể không còn lành lặn, món nợ này hôm nay sẽ tính toán hết với nhau. Lão hổ từ trong sào huyết của mình dẫn ra bốn con hổ con, đều to như một con cáo ngoe nguẩy cái đuôi của mình mà cười cợt, nhạo báng. Lão hổ dùng lưỡi liếm láp khắp thi thể người chết, rồi cả thay lao vào giành giật nhau từng miếng ăn.

Kết quả, vì báo thù cho vợ, Trương Sĩ cũng chết một cách thảm thương dưới nanh vuốt của năm con hổ lớn nhỏ.

Chuyện này còn tồn tại đến tận triều nhà Thanh. Du Thừa Đức, một văn sĩ thời nhà Thanh trong tác phẩm Cao tân nghiên trai tạp trước có ghi lại câu chuyện:

Có người một lần du hành đến một tỉnh nọ, vào ngày mưa một mình đi trong đêm khuya và bị lạc vào rừng sâu, bất ngờ nhìn thấy lão hổ, vội vàng rào bước thật nhanh nấp vào một ngôi chùa hoang gần đó. Một lúc sau, lão hổ trong miệng ngậm chặt một người đặt trên mặt đất, chân còn động đậy, con hổ quay lại, người đó đột nhiên đứng dậy, cởi bỏ quần áo đang mặc trên người, lão hổ vừa ngoe nguẩy đuôi vừa thưởng thức bữa tiệc ngon lành trong niềm hân hoan vui sướng, từng dòng máu tươi đỏ au rỉ ra từ mỗi miếng thịt, thấm ướt một khoảnh đất rộng.

Du Giao, một văn nhân khác thời nhà Thanh trong tác phẩm Mộng tưởng tạp trước, quyển tám, Thành quỷ ký có ghi chép lại một truyền thuyết khác: “Thành quỷ vui cười theo sau giúp cởi bỏ quần áo và gấp lại gọn gàng, lão hổ chỉ việc chờ đợi miếng mồi ngon của mình trần trụi không còn mảnh vải che thân rồi từ từ thưởng thức.” Như vậy, quần áo trên người nạn nhân không phải do người chết tự cởi, mà trước đó thành quỷ đã ra tay cởi bỏ. Điều này cũng cho thấy nạn nhân bị cắn chết, linh hồn đã trở thành đây tớ phục dịch lão hổ, và thành quỷ, người tiền nhiệm trước đó lúc này đã được giải thoát, có thể đầu thai chuyển kiếp, hoặc đứng trên một cương vị hoàn toàn khác.

Nhưng chúng ta có thể nhận thấy sự hình thành của thành quỷ rất có thể có liên quan tới những bí ẩn xung quanh chuyện cởi bỏ y phục trên người nạn nhân. Thành quỷ tự nhiên không thể làm được điều này, cũng không thể có nạn nhân nào bị lão hổ cắn chết mà vẫn tự mình làm được cái chuyện kỳ lạ kia. Nhưng tôi nghĩ, chuyện y phục được gấp lại gọn gàng, ngay ngắn kia chưa hẳn đã là chuyện bịa đặt, chỉ là quần áo đó không thể là người chết tự gấp lại mà thôi. Vì hầu hết những người bị hổ ăn thịt là những lữ khách độc

hành qua núi, trên người họ ắt phải mang theo một vài bộ quần áo để mặc thay đổi. Có người bị hổ rượt đuổi, quần áo trong tay nải rơi xuống đất, đó cũng là đoạn đường mà tránh quỷ thường vứt quần áo, đồ vật hòng dụ dỗ người qua đường mà đoạn trên có nói tới. Nạn nhân bị hổ đuổi bắt, trên đường tháo chạy vướng víu đầy những bụi rậm, những lùm cây gai góc, quần áo mặc trên người bị rơi rách, đến khi nằm trọn trong móng vuốt của hổ thì chỉ còn lại tấm thân trần trụi mà thôi. Viên Mai trong *Viết tiếp Tử bất ngữ, quyển bảy*, *Liệt Hộ* nói chuyện hổ có viết:

Tương truyền câu chuyện hổ tấn công người đều do tránh quỷ ra tay cởi bỏ y phục trên người nạn nhân cho hổ dễ bề ăn thịt. Lại có người nói rằng lão hổ có khả năng lệnh cho thi thể người chết tự mình cởi bỏ quần áo trên người, điều này quả thực là trái với tự nhiên. Trên thực tế, không ai nhìn thấy hổ trong thời điểm đó, vì thế, những suy luận trên chỉ là những suy đoán theo cảm tính mà thôi. *Trịnh Liệt Hộ* cho rằng: “Hổ bắt người, dùng hàm răng sắc nhọn cắn mạnh vào cổ, nạn nhân vô cùng đau đớn, ra sức chống cự, dồn sức vùng vẫy hòng thoát ra, quần áo trên người tự rơi xuống.”

Tình cảnh được nói tới trên đây thật hiếm có người nào được tận mắt chứng kiến. Những điều mà *Trịnh Liệt Hộ* nói tới có thể cũng chỉ là một sự lý giải bằng cách suy luận mà thôi. Bản chất của vấn đề “thoát y” này có thể dẫn dắt chúng ta đến nhiều sự liên tưởng khác nhau. Đầu tiên là thi thể nạn nhân tự mình cởi bỏ quần áo trên người, sau đó quần áo lại được gấp ngay ngắn, chỉnh tề trên mặt đất. Hai việc này lão hổ đều không thể thực hiện được, có khả năng làm những việc này chỉ có thể là một người nào đó. Câu chuyện tự mình lột sạch quần áo trên cơ thể, thậm chí làm một cách thuần thục rồi nằm lên cái mâm tự nguyện dâng hiến cho kẻ cường quyền, trong dân gian quả thực không phải là rất hiếm gặp. Cho nên, hình tượng tránh quỷ xuất hiện ở đây cũng chẳng cần phải dùng trí tưởng tượng quá nhiều cũng có thể hiểu ra nghĩa hàm ẩn sâu xa của nó.

Nhưng điều này cũng góp phần hé mở một số phận “đáng thương” của tránh quỷ.

4.

Tránh quỷ vốn dĩ là một kẻ rất đáng ghét, đáng khinh, nhưng nếu suy xét lại một cách thấu đáo, con người ấy lại khiến ta cảm thấy có gì đó đáng thương vô cùng.

Điều khiến ta thương cảm cho số phận của họ, trước hết vì chính họ vốn là những người không may mắn bị lão hổ ăn thịt đầu tiên. Nếu như “ải quỷ” và “nịch quỷ” có một số là tự mình tìm đến cái chết, thì tránh quỷ hoàn toàn ngược lại, luôn rơi vào tình thế hiểm nguy một cách bị động. Trong thâm tâm họ không hề mong muốn sẽ làm mồi cho hổ dữ, và cũng không bao giờ ngờ tới có một ngày mình lại trở thành miếng mồi ngon trong nanh vuốt hổ quỷ. Cho nên khi họ bị hổ vồ, không chỉ đơn giản là do bản năng thích ăn thịt người của loài ác thú mà kèm theo đó là cả một câu chuyện duy tâm về cái gọi là “thiên ý”, do ý trời sắp đặt. Mặt khác, cái gọi là “thiên ý” dĩ thường ấy cũng chẳng phải một cách sắp đặt tự nhiên của tạo hóa, bởi lẽ “thiên ý” thì cũng chỉ dám lựa chọn những kẻ yếu đuối chốn nhân gian mà đẩy vào miệng hổ, trong đó phụ nữ và trẻ em là sự lựa chọn hàng đầu của họ. Những đối tượng này không những không đủ sức phản kháng mà đến sức lực chạy trốn cũng không có. Quả thực họ đều là những nạn nhân thuần khiết và vô tội. Mặc dù yếu đuối chưa hẳn đã là nguyên nhân chủ yếu khiến họ trở thành người bị nạn, nhưng nói như *Kỳ Vân* trong *Viết vi thảo đường bút ký* thì mãnh hổ chỉ “ăn thịt những kẻ thiên lương”. Câu nói ấy quả có chút cảm tính, nhưng nhìn ở góc độ khác cũng phản ánh đúng một phần thực tế. Trên đây đã nhắc tới phụ nữ và trẻ em, vấn đề này thiết nghĩ cũng cần chỉ rõ một vài điểm đặc biệt. Thông thường, trong các câu chuyện về “tránh quỷ”, đa số đều miêu tả đáng về tránh quỷ mang hình hài của một đứa trẻ con.

Ví như trong Quảng dị ký có đoạn viết: “Vô tình gặp phải trành quỷ hình hài trông giống một đứa trẻ bảy, tám tuổi, trên người không một miếng vải che thân, cơ thể toát lên màu xanh ngọc bích kỳ quái.” Lại có đoạn viết: “Ở Khê Nam Thạch có một đạo sĩ Y Châu Y, có hai thanh y đồng tử đứng hầu hạ bên cạnh”, vị đạo sĩ đó chính là mãnh hổ biến thành, mà hai đồng tử đứng bên cạnh không ai khác chính là “trành quỷ”. Nguyên hóa ký cũng ghi lại câu chuyện về trành quỷ, thân cao hơn thước, hình dạng như con khỉ ma các. Trong Di kiên bính chí, quyển ba, Hoàn hoa trành quỷ cũng nói “có một đứa trẻ mặc áo màu xanh, lớn hơn thước, sắc mặt xám đen”. Cuốn thứ mười hai, Sư cô sơn hổ trong tập Di kiên chi mậu viết: “Vào ban đêm, có một phụ nữ trong thôn nằm mộng thấy bị hổ ăn thịt, kể lại: “Tôi phải nằm rạp xuống đất, cố bò vào rừng để tránh nạn, nhưng lại có hai đứa trẻ nhỏ túm lấy chân lôi lại, nên không thể tiến lên phía trước. Lúc ấy vì quá hoảng sợ, tôi ra sức kêu cứu mong ông trời rủ lòng thương mà giữ lấy tính mạng mình, nhưng bỗng chốc mãnh hổ đã ở bên cạnh, rồi lao vào ăn thịt.” Câu chuyện mãnh hổ vồ người cũng xuất hiện ở cuốn thứ tư, Tầm dương liệt nhân trong Di kiên chí (bổ sung) trong đó ghi: “Có một con ma nhỏ bé mặc áo màu xanh, tóc dài đến lông mày.” Việc các câu chuyện nói trành quỷ mang hình dáng một đứa trẻ như đã dẫn ra trên đây còn xuất phát từ thực tế rằng mãnh hổ ăn thịt một đứa trẻ là một việc quá đơn giản và dễ dàng. Do đó, trong các câu chuyện ma quỷ, những đứa trẻ bị hổ ăn thịt hóa thành trành quỷ nhỏ tuổi luôn tạo được nỗi cảm thương, xót xa nơi người đọc, đó cũng là nguyên nhân để tôi đưa hai chữ “ai trành” làm đề mục trên đây.

Tất nhiên, đó cũng là lý do thứ hai cho ta thấy loài trành quỷ chết trong tay mãnh hổ là vô cùng đáng thương. Chúng chết trong đau đớn, tủi hờn, đến khi chết rồi lại buộc phải làm tay sai cho loài cầm thú từng hành hạ mình. Đây là điều bất đắc dĩ, là kết cục không ai mong muốn, cũng chẳng ai có thể ngờ tới. Làm tay sai cho kẻ thù, nỗi đau trong họ một lần nữa bị giày xéo, xót xa hơn bội phần.

Sau khi con người bị hổ ăn thịt, hồn ma của họ nhất định phải tìm được người thay thế thì mới có thể siêu thoát. Lý do thực sự ở đây cũng giống như ma chết đuối, ma ngã xuống sườn dốc, ma cỏ rậm... đều nhằm mục đích cảnh báo con người hãy tránh xa những nơi nguy hiểm đó. Nhưng cái được gọi là “cảnh báo” mặc dù nhằm bảo vệ mạng sống của con người, nhưng đối với những hồn ma đã sa vào vòng tội lỗi, đây thực sự là một “quy tắc” cực kỳ tàn khốc. “Lăn lộn dưới đất”, cái này hình như vẫn có thể chấp nhận được, chỉ cần đứng dậy là xong, ngay cả khi bị đánh chết, hai mươi năm sau có thể lại trở thành một đấng hảo hán, nhưng nếu lại bị giẫm đạp lên cả nghìn vạn vết chân thì “vĩnh viễn không được đầu thai chuyển thế”, “quy tắc” ấy làm cho người ta chỉ nghĩ đến thôi đã không khỏi rùng mình kinh hãi. Chúng ta có lẽ không thể đưa ra những yêu cầu quá cao đối với trành quỷ, đặc biệt là những trành quỷ nhỏ bé đáng thương như thế. Thử nghĩ xem, ngay cả Bolcheviques của Bukharin hề một chút là lại ăn năn, cầu xin sự tha thứ, ai cũng như thế thì chắc hẳn chúng ta đã chẳng còn gì để nói. Họ không sợ lưỡi dao đồ tể sắc nhọn của Sa Hoàng, bởi họ tin rằng, ngay cả khi bản thân họ bị giết thì cũng chỉ là một giây phút bất ngờ “ngã xuống đất” mà thôi, thế gian này sẽ hiểu được họ, và khi ấy họ sẽ trở thành anh hùng, mãi mãi về sau họ sẽ được người đời tưởng nhớ đến. Còn nếu như ở trên “pháp đình của nhân dân”, tất cả những âm mưu, những hành động vu cáo, hãm hại, tàn sát người khác đều núp sau cái bóng của mỹ từ “vì danh nghĩa của cách mạng”, thì tiếng tăm ấy, sự xấu xa ấy đến nghìn đời sau cũng không rửa sạch. Đó chính là hình phạt thích đáng ột số những phần tử phản động phải chịu cực hình “mãi mãi không được đổi đời”. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh việc mãnh hổ bạo loạn cũng giống như bạo loạn chính trị vậy, “vĩnh viễn không được siêu sinh” và “vĩnh viễn không được đổi đời” đối với trành quỷ hay kẻ phản động kia cũng chẳng khác nhau là mấy. Một khi đã làm hồn ma dưới móng vuốt của mãnh hổ, thì sẽ không còn người thân thích ruột thịt hay bạn bè, chỉ có chủ nhân của nó - người đã đem nó làm đồ điểm tâm, bóc lột và sai khiến nó, bức ép nó phải giết người vô tội, hay một bài răn dạy: người chỉ có bán rẻ đồng loại của mình mới thể hiện được sự trung thành, nếu làm tốt thì đến một lúc nào đó, chủ nhân sẽ khai ân giải thoát hợp đồng làm nô lệ cho nhà người. Loại yêu ma chước quỷ như vậy nếu không có cái thần thái và tâm hồn bằng giá từ cõi “âm tàn” thì không thể có khẩu khí khôn ngoan, quỷ quyệt như thế!

Từ đó xuất hiện lý do thứ ba khiến loài trành quỷ trở nên đáng thương vô cùng. Nó không chỉ phải chịu sự áp bức tàn bạo của lũ hổ quỷ mà còn bị lừa gạt vào cái thuyết siêu sinh mù quáng do mãnh hổ vạch ra.

Những lời phỉn nịnh như vậy chẳng qua chỉ là một sự lừa bịp mà thôi. Ngay sau khi họ lôi kéo, dụ dỗ được một vài người đến làm mồi cho hổ, tự bản thân họ chưa chắc đã nhận được sự giải thoát thực sự. Thử nhìn lại hình ảnh thành quỷ ở những phần trước ắt sẽ thấy tự do với chúng rõ ràng là điều không tưởng, đương nhiên cái mà chúng nhận được lúc này là thể lực mỗi lúc một đông hơn, không còn đơn độc như trước, mà có tới mấy người, mười mấy người thậm chí là ba mươi, năm mươi người cùng kết bạn làm tay chân, làm “ma đưa lối quỷ dẫn đường” ăn hổ. Có thể thấy, ngay cả khi bán rẻ đồng loại của mình, thì những cơn ác mộng triền miên của thành quỷ cũng không hề có điểm kết thúc. Mãnh hổ không buông tha cho nó, hơn nữa còn tiếp tục kiểm tra sự trung thành của nó, đẩy nó lún sâu vào con đường tội lỗi, cho đến khi nhân tính trong nó hoàn toàn biến mất. Con đường tội lỗi ấy thật đáng giận mà cũng thật đáng thương. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp đặc biệt như trong Hà gian phụ của Liễu Tống Nguyên đã dẫn: “Từ một con người bị ức hiếp, mất đi danh tiết, nạn nhân bỗng trở thành một kẻ bất cần, sẵn sàng mở đường cho cái ác để cuối cùng tự nguyện thành thành quỷ, đồng đảng của mãnh hổ.” Những loài thành quỷ như vậy thực không đáng để người ta thương và hơn nữa, sự đặc ý của chúng trên thực tế cũng đâu đếm xỉa gì đến lòng xót xa, thương cảm của con người.

13. Chương 06 - Part 1

Chương 6: Bữa cơm nơi âm phủ

1.

Có những chuyện đã xảy ra rồi càng nghĩ lại càng khiến người ta thêm buồn bã. Rõ ràng ban đầu mọi người cùng chung sống bên nhau, yêu thương, gắn bó, thân thiết là vậy, nhưng rồi bỗng nhiên, không hề hẹn trước, một trong số họ đột ngột về với “thế giới bên kia”. Sinh ly tử biệt, âm dương xa cách nghìn trùng. Muốn gặp mặt hàn huyên đôi chút cũng không phải chuyện đơn giản, mà ngay cả cuộc sống hằng ngày cũng bị thay đổi, xáo trộn ít nhiều. Trong phút chốc đã biến thành “Bắc Hồ - Nam Việt”.

Thế nên Chu Tác Nhân tiên sinh trong Nói chuyện ma đã hoài cảm mà viết những dòng tâm sự như sau:

Phải chăng ma quỷ thực sự là thứ vô cùng thú vị và cực kỳ có ý nghĩa, cho nên chúng ta luôn tò mò, thích thú khi tìm hiểu về cảm xúc, về cuộc sống của ma quỷ. Từ các bài văn, bài báo đăng tải trên các tạp chí, sách vở, cho đến các phong tục tập quán ăn sâu vào nếp sống, nếp nghĩ của mọi người, ở tất cả mọi mặt, chúng ta đều miệt mài tìm kiếm, lý giải, cất nghĩa nó, tất cả cũng chỉ vì mong muốn hiểu thêm chút ít về cái gọi là “tình” mà thường ngày chúng ta khó nắm bắt. Nói cách khác, cái mà chúng ta say mê tìm kiếm chỉ có thể có trong thế giới ma quỷ huyền bí mà thôi. Giả dụ, nếu ta tập hợp và viết ra một cách tỉ mỉ, rõ ràng tất cả các câu chuyện kể về cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của loài ma quỷ ở Trung Quốc, tuy đó là công việc hết sức khó khăn, tương đương với việc hoàn thiện một luận văn Tiến sĩ, nhưng những điều đó lại vô cùng thú vị và có ý nghĩa. Trên thực tế, những điều ấy nếu được viết ra sẽ là một minh chứng sinh động, hùng hồn cho tấm lòng nhân nghĩa, chân thành của dân tộc Trung Hoa. Giá trị giáo dục của những trang viết này hơn hẳn kiểu “vô mồm”, “thùng rỗng kêu to” lúc nào cũng rao giảng về luân thường đạo lý, về cái đúng cái sai diễn ra hằng ngày trong cuộc sống mà vẫn khiến người ta đặt một dấu chấm hỏi đầy vẻ hoài nghi: Liệu có thể tin được không? (xem “Trúc dóa ký”).

Phải có con mắt cực kỳ tinh tường mới có thể có ý kiến tự nhiên, sâu sắc như vậy. Ngay cả giới nghiên cứu chuyên sâu về các phong tục ở Trung Quốc cũng rất hiếm khi thấy thảo luận về vấn đề này, nếu có thì phần lớn cũng chỉ đề ý đến thế giới hồn ma hay bàn thêm về mấy cuốn sách “văn hóa ma” mà thôi. Ví như nói về Thập Vương, quỹ đầu trâu mặt ngựa, các thủ đoạn “ngheh tiếp” linh hồn người chết về nơi “cực lạc”... Còn những chuyện liên quan đến cuộc sống sinh hoạt của ma như ăn, mặc, ở, đi lại... thì đều bị liệt vào chuyện vật vờ, linh tinh, chỉ đáng đưa ra ngoài lề trang chính sử, không đáng để các bậc học vấn uyên thâm đề ý tới. Viết về đề tài “Cuộc sống của con người sau khi chết”, quả là một sự lựa chọn mạo hiểm của người viết. Phải viết sao để có thể đáp lại một cách trọn vẹn kỳ vọng của độc giả? Phải viết như thế nào để có thể khiến ai nấy đọc xong cũng cảm thấy vô cùng thú vị? Đó là nỗi trăn trở khôn nguôi của người cầm bút.

Hơn nữa, xưa nay mấy ai có hứng thú khi nói về chuyện hồn ma ăn cơm. Mặc dù trong dân gian còn tồn tại không ít những phong tục tập quán được coi là kỳ quái, nhưng riêng chuyện ăn cơm thì từ cổ chí kim đều rập khuôn theo một cách thức có sẵn, luôn phải bắt đầu từ miệng mà vào, ở đây khó có sự “sáng tạo” nào mới hơn được. Thử hỏi trên đời có ai dùng lỗ mũi để ăn cơm? Nếu có thì tất yếu sẽ được coi là chuyện lạ, lưu truyền khắp nơi rồi. Những khi con người ta trở về với “thế giới bên kia”, mọi chuyện sẽ ra sao? Rõ ràng thế giới bí ẩn ấy sẽ là mảnh đất màu mỡ cho những câu chuyện kỳ quái, chưa hề có ở thế giới người phàm tục được gieo hạt, nảy mầm. Cho nên, có người đã từng cho rằng, nếu không có những hành động đi ngược với nhân thế thì dường như không thích hợp với thế giới của những hồn ma. Thế nhưng khi nói đến việc ăn cơm, chắc hẳn ở nơi kỳ quái đó cũng khó có thể sáng tạo ra chiêu trò gì mới hơn được nữa. Cũng từng có người thử sức sáng tạo trong lĩnh vực này, nhưng dường như họ đã không thành công. Ví dụ đã từng có người bị chặt ngang người mà chết, hồn ma của họ lúc ăn cơm cứ thế đặt thức ăn vào giữa bụng. Hay như trong cuốn Dị uyển của Lưu Kính Thúc, ở thời kỳ Lục triều, có kể lại câu chuyện như sau: Vào thời hậu kỳ tam quốc Tào - Ngụy, quyền lực chính trị nằm trong tay gia tộc Tư Mã. Thân tộc của Tào thị đặt hy vọng phục quốc vào Hạ Hầu Huyền, nhưng Hạ Hầu Huyền không may bị anh em nhà Tư Mã chém đầu. Người nhà ông ta lập bàn thờ cúng tế, họ nhìn thấy hồn Hạ Hầu Huyền đến ngồi ở bàn thờ ăn đồ cúng: “Tháo đầu đặt ở bên cạnh, đem thức ăn, cá thịt, hoa quả cho qua cổ, xong, lại lắp đầu trở lại như cũ.” Có người nói: “Ba đời làm quan, rất cần chú trọng đến chuyện ăn mặc.” Cháu của Hạ Hầu Huyền từ trước đến nay là người phong lưu nho nhã, đối với việc ăn, uống đương nhiên sẽ rất chú ý và coi trọng. Nhưng thật không ngờ sau khi chết, con người ấy lại có tướng ăn uống phàm phu tục tử như vậy! Tướng ăn này làm cho người khác không khỏi giật mình, e sợ. Sợ trước hết là hành động ăn uống tùy tiện, mất vệ sinh của viên mãnh tướng một thời. Cái sợ thứ hai là việc tháo đầu xuống dễ dàng như tháo đồ chơi, biến cái cổ giống như cái ống to bằng sắt làm nơi cho thức ăn vào. Hơn nữa, việc giải phẫu cơ thể người được miêu tả như trên quả là một việc làm vô cùng thiếu hiểu biết. Chính vì thế, sau này, chúng ta rất ít gặp những tình tiết hãi hùng như vậy trong các cuốn tiểu thuyết khác.

Vậy là việc đưa thức ăn vào trong cơ thể con người cuối cùng vẫn phải đi theo con đường cũ mà thôi. Không những thế, ngay cả thứ tự khi ăn như nhai, bài tiết, tiêu hóa, cũng chẳng thấy có chiêu trò gì mới trong các câu chuyện ma sau này. Có thể nói, tất cả đều giống như thói quen cũ đã được định hình ở chốn dương gian. Khổng Phu Tử nói: “Thờ thần như thần đang hiện hữu.” Câu nói ấy ngoài việc khuyên răn khi thờ tế thần thánh thì phải hết sức nghiêm túc, cung kính giống như thờ cúng tổ tiên vậy, tôi nghĩ nó còn có hàm ý nhắc nhở cả việc cần tôn trọng vấn đề ăn uống của người lớn tuổi, không được nhìn họ giống như dị loại, mà phải phục dịch như người đang còn sống. Về điểm này những con hiền, cháu thảo lại thường hay quên lãng. Chẳng hạn như việc “loại tửu”[1], chính là phản ánh hành động mời tổ tiên uống rượu. Đây là một nghi thức trang trọng nhưng không hợp với thực tế. Đó là chưa kể tới việc “loại tửu” thường thấy trên sân khấu hoặc trên truyền hình ngày nay chỉ mang tính hình thức, qua loa đại khái mà thôi. Họ hướng lên khán đài, mặt nhìn về đình viện, vén tay áo bên phải, sau đó đem rượu trong cốc rắc xuống đất từng ít, từng ít một. Đẹp thì đẹp rồi, nhưng làm như vậy thì mấy ai có thể uống được rượu vào miệng đây? Người thường còn vậy huống chi là một cụ già lưng gù, gầy yếu. Mà thậm chí, ngay cả một cậu thanh niên chân tay linh hoạt, hãy để cậu ta thử quỹ xuống đất, ngửa mặt lên trời, sau đó há to miệng, lựa theo hành động tưới rượu xuống đất mà thay đổi tư thế, thử xem có thể hứng được bao nhiêu rượu vào miệng? Tôn Quang Hiến, thời Ngũ Đại, trong phần thứ tám của cuốn Bắc mộng tảo ngôn có kể về một câu chuyện ở thời nhà Đường: “Tôn Hội Tông tập hợp tất cả thân quyến đến nhà mở hội, khi uống rượu có rắc rượu xuống đất

thể hiện ý nguyện là người và ma cùng chung vui. Một vị thân quyến có khả năng nhìn ma đoán quỷ, hôm đó bận việc đến chậm một bước. Vừa đi đến cổng, ông ta liền nhìn thấy một vị quan viên toàn thân nhếch nhác, tức tối đi ra, miệng không ngớt lầm bầm chữ mắng, mặt mũi và áo dài đều ướt hết. Thì ra đây chính là tổ tiên nhà anh ta, vị này hơi vội vã một chút, mặc dù đã chuẩn bị tư thế, nhưng khi rượu rót xuống lại đổ ập xuống đầu và mặt khiến cho vị này không khỏi tức tối, giận dữ mà bỏ đi.” Câu chuyện về ma chứng minh cho ta thấy, quan niệm cho rằng ma quỷ uống rượu đều phải quỷ xuống đất mà liếm hoặc ngửi như cách nghĩ của người ở dương gian là hoàn toàn sai lệch.[2]

[1] Có nghĩa là: tưới rượu xuống đất hoặc mờ mả khi cúng.

[2] Kỳ Vân trong Việt vi thảo đường bút ký, quyển mười có nói về một thí sinh rất bạo dạn: “Vào đêm trăng sáng, anh ta đem rượu đến cạnh một ngôi mộ ngồi uống, và còn gọi ma đến uống cùng. Sau đó, có khoảng mười người kéo đến, chàng thư sinh đã dùng bình đựng rượu thật lớn, rắc xuống đất để ma có thể ngửi được mùi rượu.” Đây là cách mà Kỳ tiên sinh nói về việc tưới rượu xuống đất để phê phán suy nghĩa và hành động sai lầm của chàng thư sinh nọ. Nghĩ kỹ lại một chút, hành động này dường như học được từ việc rắc thức ăn cho gà, vịt vậy. Đối với người được thờ cúng thì đó thực sự là điều rất vô lễ.

Vì thế, vấn đề ăn cơm nơi âm phủ tưởng rằng phức tạp nhưng thực ra lại rất đơn giản thường. Linh hồn từ khi rời bỏ cuộc sống nơi trần thế để trở về với thế giới u minh nơi địa phủ, họ đã vứt bỏ mọi lo toan về miếng ăn cái mặc hằng ngày, ngay cả tâm trạng hồi hộp, lo lắng khi lần đầu tiên vào nhà hàng Tây dùng bữa mà không biết dùng dao, dùng đĩa ra sao đến lúc này cũng không còn ý nghĩa. Thế giới đã thay đổi, nhưng về cách ăn, uống thì không hề có sự thay đổi. Điều này phải chăng đã làm cho các vị tiên sinh có tính hiếu kỳ, thích khám phá phải thất vọng? Nhưng cũng đừng quá nản lòng, vấn đề ăn uống ở chốn âm phủ tuy không có chuyện gì mới mẻ đến nỗi chỉ nghe thôi chỉ sờn da gà, nhưng vẫn còn có nhiều chuyện so với dương thế lại khác biệt rất nhiều. Việc rõ nhất chính là, mặc dù các hồn ma cũng biết đói, thậm chí là luôn miệng kêu đói, nhưng vĩnh viễn họ không bao giờ chết vì đói cả!

2

Người dân coi thức ăn là Trời[3]. Bởi lẽ, nếu không có cơm ăn thì điều đó đồng nghĩa với cái chết, cũng có nghĩa là sẽ trở thành ma đói. Từ kết cục này ta có thể thấy, dường như vấn đề ăn uống ở thế giới ma quỷ không nghiêm trọng bằng người sống ở chốn dương gian. Thậm chí đã là ma đói thì tiếp tục đói thôi, chứ còn biết làm sao nữa? Nhưng cảm giác đói của ma quỷ cũng chẳng khác chi người trần mắt thịt. Trong xã hội hiện đại ngày nay, thế hệ trẻ may mắn không phải trải qua cảm giác chịu đói và chết vì đói như xưa. Chỉ cần thấy đói, ngay lập tức họ có thể tìm nơi làm thỏa mãn cơn đói của mình: “Tôi đói rồi, tìm quán McDonald thôi!” Nếu là người tinh tế về chữ nghĩa khi nói chuyện, thì cái đói của những thanh niên kia chỉ có thể coi là “cơ” (: đói), chứ không thể gọi là “ngã” (: đói) được. “Cơ” là cái đói còn có thể chịu đựng được, còn “ngã” thì không thể nhẫn nại hơn được nữa, nếu còn phải chịu đựng nữa thì chỉ có thể đau đớn, khổ sở đến chết mà thôi. Người nào đã trải qua trận đói thảm khốc nhất trong lịch sử Trung Hoa mới có thể hiểu sâu sắc về nỗi giãy vò khi cái đói cận kề cái chết. Trong Ky tô sơn bá tước, Danglar’s đã dùng mười đồng tiền Pháp chỉ để mua một con gà, đây không phải do ông ta sợ chết mà vì ông ta không chịu nổi việc bị bỏ đói, không chịu nổi cảm giác bị giãy vò giữa sự sống và cái chết. Nỗi thống khổ của sự đói khát đối với ma quỷ cũng không có trường hợp ngoại lệ. Nhưng nếu ta bỏ qua cái kết cục của tầng thứ nhất thì việc không có đồ để ăn đối với ma quỷ lúc này cũng chẳng phải vấn đề gì quá nghiêm trọng nữa.

[3] Câu gốc: Dân dĩ thực vi thiên.

Không biết vì sao, chốn âm phủ ở Trung Quốc lại có quan, có dân, hơn nữa ở đó còn có công việc (nhưng phần lớn là đến trần gian làm việc), có trao đổi buôn bán (chợ của ma quỷ là trung gian giữa thế giới của người và ma). Chỉ có điều, chốn âm phủ không có nông dân, nơi ấy không có mùa xuân để trồng cây, mùa thu để thu hoạch như ở trần thế. Nhưng không có nông dân không có nghĩa là không cần ăn cơm. Vấn đề “quỷ do cầu thực”, được ghi chép và truyền từ trong Kinh thánh[4]. Từ xa xưa, ở dưới âm phủ, thức ăn của tổ tiên chúng ta là dựa vào đồ cúng của con cháu ở trần gian cung cấp. Nếu dòng họ bị diệt chủng thì linh hồn của tổ tiên ở nơi âm phủ chỉ có thể như “ma đói nhà họ Ngao mà thôi”. Vấn đề này dường như không phải là nét đặc sắc của riêng Trung Quốc, Chu Tắc Nhân tiên sinh đã từng dịch một câu chuyện của Hy Lạp có tên Chuyện liên quan đến đám tang, trong đó có đoạn viết: “Chất dinh dưỡng của họ chủ yếu dựa vào rượu và các thứ tế phẩm mà chúng ta thờ cúng đặt trên mộ, vì vậy, nếu như trên trần thế không còn thân quyến, bằng hữu nữa, thì những con ma này ở dưới âm phủ phải chịu đói đến suốt đời suốt kiếp mà thôi.” Nhưng đồ thờ cúng của con cháu không phải là cả một xe thực phẩm đông lạnh để tổ tiên từ từ hưởng thụ, mà chỉ là được quan tâm, để ý đến một số bữa nào đó mà thôi. Ngoài việc mời tổ tiên ăn nhiều hơn một chút vào những dịp ấy thì việc để dành cho tổ tiên gói ghém mang về khó mà được thực hiện. Chính vì thế, nếu hồn ma vẫn còn chưa thoát khỏi thói quen ngày ăn ba bữa ở trần thế, thì đến khi chết khó có thể tránh khỏi tình trạng bụng réo sôi ùng ục suốt ngày. Mặt khác, sau khi Phật giáo được truyền vào Trung Quốc, đối với vấn đề ăn uống nơi âm phủ cũng không có nhiều sự cải thiện theo chiều hướng “thêm dầu vào lửa”. Vương gia của đạo Bà La Môn (một tôn giáo cổ ở Ấn Độ) được coi là ông chủ lớn - người quản lý địa ngục, vì vậy “xã hội” ở đó giống như công đường và địa ngục, mà “nhà tù” ở đây không làm theo mô hình “tam sản”, vì thế “niềm vui lớn nhất của người nông dân là hạt lúa, hạt gạo” là điều không hề có, và đương nhiên cũng không có bột mì, càng không có bánh bao, đậu phụ, quán cơm, nhà ăn thì càng không cần nhắc đến. Vì vậy, việc ăn cơm đối với ma quỷ rõ ràng là cả một “vấn đề”.

[4] Theo Tả truyện.

Cổ Thần Tử người thời Đường, trong Bắc dị trí (trí lớn khác thường) có ghi chép lại tình cảnh của một con ma đói đang xót xa nài nỉ với người: “Tôi là người Giang Hoài, vì cơ hàn mà rời bỏ quê hương đi làm ăn, tháng trước tôi đến huyện này, chết trong phòng trọ. Bây giờ, tôi vừa đói vừa lạnh, tôi rất muốn làm tôi tớ cho ông, cầu một bữa ăn và xin thêm một chiếc mũ nhỏ chống rét, không biết như vậy có được không?” Đây là hình ảnh một con ma chết đường, chết chợ, do hoàn cảnh cơ hàn, sau khi chết không có nghề nghiệp gì, chỉ mong muốn làm tôi tớ cho con người để kiếm miếng cơm nhét vào cái bụng đói cho qua ngày. Một ví dụ khác dẫn từ cuốn thứ tám, Tú châu tư đại đình trong Di kiến át trí của Hồng Mai thời Nam Tống, lại có đoạn viết về một hồn ma đã chết hai năm rồi, tuy rằng trong túi không thiếu tiền nhưng không có nơi để mua đồ ăn, chỉ có thể dựa vào việc ăn trộm cơm thừa canh cặn trong nhà bếp ở chốn dương gian hoặc chiếm hưởng chỗ người khác thờ cúng để lấp đầy cái bụng đói cho qua ngày mà thôi.

Còn về những “minh dịch”, tức những người làm việc trong quân đội, phục dịch đất nước, ban đầu vốn dĩ là “ăn cơm quan”, cũng là bụng rỗng đi làm việc quan sai (chủ yếu là đi câu hồn). Kết cục cuối cùng “không có tiền không thể nuôi thanh liêm”, những người này chỉ cần ăn một bữa cơm khách nhà người là sẵn sàng tiết lộ thiên cơ hoặc thả người phạm tội ra chờ báo đáp. Trong Hội xương giải di lục từ thời nhà Đường có kể lại một câu chuyện như sau: “Vào một ngày tuyết rơi rất dày, Ngưu Sinh ngồi trong quán khách nơi thôn dã, vô tình mời một Minh sứ vừa đói vừa rét ăn bốn, năm bát mì to, vị Minh sứ này vô cùng cảm động, đã tiết lộ những bí mật về cuộc đời của Ngưu Sinh, biết Ngưu Sinh sẽ ba lần gặp hoạn nạn, liền học cách của Gia Cát Lượng viết ra ba cách giải cứu vào ba bức thư, để Ngưu Sinh khi gặp chuyện sẽ mở thư ra để giải hạn.” Trong cuốn Soạn dị ký của Lý Mai có ghi một câu chuyện như sau: “Có một vị Minh sứ bốn mươi năm mới có được một bữa ăn no, để cảm ơn về bữa cơm ấy, Minh sứ đã tha cho tên quan “Tham tiền háo sắc, gặp lợi quên nghĩa” mà không truy cứu những tội hấn gây ra.”

Minh sứ đã thế thì các quan cấp cao ở dưới âm phủ chắc hẳn cũng không phải ngoại lệ. Đới Phù thời nhà Đường, trong Quảng dị ký, có đoạn viết: “Quỷ thần thường đói khổ. Khi hóa vàng, có thể kèm chút rượu cơm, dùng hai bó cỏ dựng đứng lên, tôi có thể dựa vào cỏ mà ngồi, cũng có thể ăn được.” Trong cuốn sáu, Tế loại khinh cổ ngục[5] trong tập Di kiên chí bổ của Hồng Mai có dẫn ra một câu nói của vị quan lại dưới âm phủ: “Quỷ thần đều đói khổ, nếu con có thờ cúng thì sẽ được ăn no, còn không sẽ phải chịu đói.” “Quỷ thần đều đói khổ”, cũng có nghĩa là minh thần và hồn ma đều không được ăn no, đây dường như là tình trạng thường thấy trong thế giới u minh. Trong U minh báo ký của Đường Lâm, một nhân sĩ sống vào khoảng đầu thời Đường có viết về chuyện một vị quan nơi âm phủ kể khổ với người dân: “Quỷ thần cũng có thức ăn nhưng không được ăn no, thường chịu cảnh đói khổ. Nếu có thực phẩm của con người sẽ được ăn no tới một năm. Có rất nhiều hồn ma đi ăn trộm thức ăn của con người, nhưng tôi là bậc quan gia trọng lễ nghĩa, không thể đi ăn trộm được.” Vị quan ở âm phủ này tuy không được ăn no nhưng vì không muốn mất mặt nên không đồng ý đi ăn trộm, cố giữ gìn nhân cách chính trực, thanh liêm, không chịu đi làm quan phỉ. Trong các câu chuyện ma quỷ thường nói đến nếu liêm sĩ ở nhân gian, khi chết sẽ được vinh dự làm quan dưới âm phủ, viết đến đây có lẽ đã làm cho con người sống nơi dương thế không khỏi cúi mình cảm phục, ngưỡng mộ người làm quan thanh liêm. Nhưng tôi nghĩ, vì sao ông trời lại không ban thưởng cho những con người đáng kính như thế? Hơn nữa, phải chăng những vị thánh quan này khi ở dương gian đã sống cuộc đời bần hàn, đói khổ cho nên khi chết đi cứ tiếp tục cam chịu cảnh đói khổ như thế mà không thể làm hơn, thậm chí còn cố ý chịu đói để làm tấm gương sáng ọi người noi theo?!

[5] Có nghĩa là: câu chuyện chi tiết về cuộc sống trong ngục.

Ở chốn âm phủ, tự nhiên có được một bữa ăn no không phải chuyện dễ dàng. Chính hoàn cảnh ấy đã tôi luyện cho các hồn ma có được một bản lĩnh thép để có thể nhẫn nại sống chung với cơn đói. Vào ngày lễ tết, con cháu có cúng tế, lúc đó mới được ăn no, ngày bình thường thì không biết đến ăn là gì, nói tóm lại, ma quỷ thường xuyên chịu đói là điều dễ hiểu, vì vậy mới có chuyện “nhân đắc nhất bão, khả nại tam nhật, quỷ đắc nhất bão, khả nại nhất niên”[6]. (Một bữa cơm mà có thể no được ba ngày, cái bụng giải chịu đựng ấy quả thực đã làm cho bách dân ở nhân thế cảm thấy hổ thẹn!) Hồn ma bất luận như thế nào thì cũng là tổ tiên của người còn sống, nếu tổ tiên ở dưới âm phủ luôn không được ăn uống no đủ, vậy thì con cháu hiếu thuận không thể không cảm thấy trách nhiệm to lớn của mình. Vì vậy, cho dù họ không được ăn một ngày ba bữa nhưng đến mỗi dịp lễ tết đều phải cố gắng làm được điều đó đối với tổ tiên. Cái gọi là “quỷ đắc nhất bão, khả nại nhất niên” là giới hạn thấp nhất cho con cháu ở chốn dương gian.

[6] Có nghĩa là: người ăn no một ngày có thể nhịn được ba ngày, quỷ ăn no một ngày có thể nhịn một năm.

14. Chương 06 - Part 2

3.

Người đói đi tìm thức ăn, đó là điều không thể trách mắng, ngay cả đối với những kẻ lười biếng cũng vậy, cũng phải để họ nhét đầy cái bụng trống rỗng thì họ mới nghe và làm theo những điều quy định, giáo huấn, khuyên răn. Đối với ma quỷ khi đói thì ngay cả việc khuyên can cũng không còn ý nghĩa. Không có đất để canh tác, không có việc để làm, không có đồ để mua, trên đường trở về cõi âm, ngay cả tiếng “than thở” cũng không nghe thấy, vậy thì ma quỷ sẽ dùng cách nào để lấy được thức ăn, giải quyết được vấn đề của cái dạ dày đây? Ngoài việc một năm một hoặc vài lần con cháu cúng lễ, thì cái hy vọng duy nhất của họ là đợi người đời bố thí mà thôi. Nếu không chờ đợi như thế thì những cách khác đều là những cách không lấy

gì làm vẻ vang cho lắm. Nếu mưu trí, khỏe mạnh thì đi cướp, đi gặt, sức yếu một chút thì đi ăn trộm, ăn cắp, bần cùng nhất, đáng thương nhất là đi ăn xin, đi van xin lòng thương hại của người khác... Nhưng cũng đừng lầm tưởng rằng ở khắp các ngã đường trong thế giới u minh đều chỉ có một bộ mặt tối tăm, u ám với đầy rẫy những kẻ ăn xin và lừa gạt. Ở đó thực sự là một thế giới thái bình, nhà nhà đều trống rỗng, chẳng có đồ vật gì, không cần phải lo lắng sẽ có khách không mời mà đến, vì thế “dạ bất bế hộ”[7] là lẽ tự nhiên, nếu giả dụ có “bế hộ”[8] thì có thể đã có tâm bệnh rồi. Còn việc đi xin ăn của hồn ma thì chỉ có thể diễn ra ở chốn dương gian mà thôi, còn ở dưới âm phủ là điều không thể. Một xã hội muốn không có ăn xin, ngoài thế giới đại đồng ra thì chỉ có hai loại: một là do pháp lệnh nghiêm cấm, gặp ai đi xin ăn thì bắt luôn người đó, hai là nhà nhà đều có gạo nấu cơm (thực tế làm gì có), không cần phải đi ăn xin. Thế giới u minh chắc thuộc loại cuối cùng, vì thế, những con ma đói ở đó chỉ có thể lưu vong đến trần gian. Thế giới u minh có thể được coi là tấm gương mẫu mực về vấn đề trị an, ngay cả một kẻ ăn xin cũng không có, thành tích bất hủ này có thể bấm báo lên Ngọc Hoàng Thượng đế. Nếu dựa theo định nghĩa của Khảo Đình phu tử, được ăn no là “thiên lý” (lẽ trời), phân biệt tỉ mỉ mùi vị là “nhân dục”[9], ở đó chỉ có “thiên lý”, thậm chí để cho vị đạo đức gia hà khắc nhất đi làm giám khảo cũng chỉ có thể khẳng định được như vậy mà thôi.

[7] Có nghĩa là: đêm không cần đóng cửa.

[8] Có nghĩa là: đóng cửa.

[9] Có nghĩa là: ham muốn của con người.

Con cháu thờ cúng không tính vào việc cầu xin thức ăn, có thể gọi là “hâm hưởng”[10], là cần mũ áo đằng hoàng đến nhận sự báo hiếu, kính trọng từ con cháu mình, ngoài ra nó còn có ý nghĩa rất quan trọng, điều này sẽ bàn luận riêng ở phần sau.

[10] Tức là được hưởng phúc.

Nhắc đến việc người ở nhân gian bố thí a quỷ, lễ tế Lệ Đàn được nhắc tới đầu tiên, bởi đó đều do các bậc quan lại làm, được ghi trong các cuốn sách cổ. Những chuyện xoay quanh lễ tế Lệ Đàn nói ra thì thật dài dòng, ở đây chỉ nhắc đến những việc có liên quan đến vấn đề ăn uống của ma quỷ mà thôi. Cái gọi là Lệ Đàn giống như cơ cấu thu nhận ở chốn nhân gian, chỉ có điều cái được thu nhận ở đây là những linh hồn người đã khuất, những cô hồn “chết do binh đao, thủy hỏa, chết do bị cướp giết, hoặc bị kẻ gian lấy hết tài sản, ép vào con đường cùng phải tự tìm đến cái chết hay trường hợp bị người khác cướp mất thê thiếp của mình nên uất ức đến chết” mà không có ai hương khói... Những hồn ma này khi sống ở trần gian phần lớn là tầng lớp bách dân thấp cổ bé họng, “chết không có chỗ dựa, linh hồn không thể tan ra, kết hợp với âm linh, hoặc là dựa vào cây cỏ, hoặc là trở thành yêu quái”, nếu không tiến hành thu nhận thì sẽ chỉ làm hại cho xã hội mà thôi. Vì thế, ở bất cứ dân tộc nào cũng đều có Lệ Đàn. Những lễ tế Lệ Đàn chỉ để bố thí cho cô hồn, u hồn, còn đối với những oan hồn chết uổng vì bị nhốt ở trong thành, thì giống như Đậu Nga chết nơi tù ngục, sẽ không được hưởng những phúc lợi xã hội này.

Dưới thời nhà Minh, lễ tế Lệ Đàn mỗi năm tổ chức ba lần, vào các ngày: tết Thanh minh, rằm tháng Bảy và ngày mồng Một tháng Mười. Lễ tế Thái Lệ ở kinh thành phải đặt bài vị Hoàng thần lên trên đàn, đồ cúng tế mà quỷ đặt ở dưới chân đàn bao gồm ba con dê, ba con lợn và ba đấu gạo lớn. Những đồ này cũng chỉ là hình thức. Điều quan trọng là phải làm cho không khí thật ồn ào, náo nhiệt để uôn dân trăm họ hiểu được tấm lòng chân chính của thiên tử đã truyền đến cứu tuyền, như thế là đã đủ rồi.

Trên thực tế, Lễ Đàn không chỉ là nơi tụ họp ăn uống một năm ba lần của những hồn ma không có người thờ cúng, bình thường những vong hồn, cô hồn không có chốn nương thân, không có nhà để ở cũng thường đến nơi đây để tìm chỗ nương mình, mong được hưởng phúc. Bởi lẽ chính những nơi này bình thường cũng có nhiều người hành thiện đến đây thắp nén hương, mang đồ đến cúng, và như thế, một năm ngoài ba bữa cơm thì những cô hồn thi thoảng cũng có đồ để ăn vật.

Với Lễ Đàn, vào tết Trung thu, việc bố thí thức ăn là việc làm của quan phủ. Trong dân gian có phong tục bố thí thức ăn vào tết Trung thu riêng. Ngày Rằm tháng Bảy, trong sách cổ còn gọi là “Quý tiết”[11], ở Đạo giáo gọi là tết Trung nguyên, ở Phật giáo gọi là tết Vu Lan. Thực ra đây chính là những ngày lễ tết điển hình ở Trung Quốc, nói như Đạo giáo thì chính là “tháng Giêng vọng đến Thượng nguyên, tháng Bảy vọng đến Trung nguyên, tháng Mười vọng đến Hạ nguyên”. Nhưng sau khi Phật giáo truyền vào, có chuyện Mục Liên cứu mẹ, hợp nhất với đạo hiếu của Trung Quốc. Đến đời Đường lại có chuyện về “tết Vu Lan”, và cũng định vào ngày Rằm tháng Bảy, ngày này cũng là ngày các tăng lữ kết thúc ba tháng “an cư”, phải bắt đầu ra ngoài hoạt động.

[11] Tức là Tết của ma.

Vào những ngày này, theo phong tục thờ cúng tổ tiên của người Trung Quốc, mà nói như Phật giáo là việc Mục Liên cứu mẹ, chết đi làm ma đói trong ngục, để tưởng nhớ công đức này, nên người ta cúng tế để a đói có một bữa ăn no. Sự kết hợp hai cái Tết giữa trong và ngoài cũng chính là lý tưởng ban đầu đã bàn tới ở trên, cũng có nghĩa là “Phật dùng Trung nguyên của Đạo giáo, là giới tăng lữ phân tranh lợi lộc ở Trung nguyên nên mới thế”[12], và kết quả đã xuất hiện một việc ngoài ý muốn, tổ tiên của bốn gia và những con ma đói ở bên ngoài cùng tụ tập ở một phòng. Vu Thận Hành, người thời Minh trong Cốc sơn bút trần, tập mười sáu đã viết lời trách móc hoàng đế đời Đường về việc thờ cúng tổ tiên vào tết Trung nguyên: “Thờ thần thánh lại thực hiện cùng ngày với ma quỷ đói, như vậy chẳng phải là làm ô nhục tổ tiên của mình sao?” Những lời lẽ trách móc như vậy lại được thốt lên từ chính miệng một vị đạo học gia vốn am hiểu sự đời, điều đó lại càng làm cho người khác cảm thấy có chút thất vọng. Quốc nhân vốn coi trọng tấm lòng nhân hậu, giàu có nhưng không được bất nhân, tổ tiên của gia chủ tụ họp ăn uống, chẳng lẽ lại không thể bố thí một chút đồ ăn cho những cô hồn vô gia cư hay sao? Mà một năm cũng chỉ có một lần, một lần bình đẳng, hài hòa một chút lẽ nào lại khó khăn đến vậy sao? Người Tiêu Sơn dưới triều đại nhà Minh, vào đêm Ba mươi hằng năm thường mặc trang phục chỉnh tề, đứng ngoài cổng nhà gọi lớn: “Phàm là những cô hồn vô chủ, đêm nay không có nơi nào để đi, mời đến nhà họ Kỳ chúng tôi đón năm mới.” Ở trong phòng ăn đã bày biện thịnh soạn các vật thờ cúng để các vong hồn hưởng thụ, đến sáng sớm ngày mùng Một lại tiễn họ ra ngoài. (Việc làm có tâm ý như vậy khiến người đời sau vô cùng cảm động, nhưng nếu như ở nhân gian ai cũng làm việc này, gọi tất cả những người lang thang, cơ nhỡ ở đầu đường, xô chợ đến nhà mở tiệc vào buổi đêm giao thừa thì chắc hẳn chúng ta sẽ càng khâm phục hơn.) Trong Ngũ đóa trở của Tạ Triệu Ché, tập hai có nói đến một phong tục rất hay của người Mãn. Phong tục ấy một mặt đã thể hiện được sự “tôn kính tổ tiên, lúc nào cũng phải cẩn thận, chuẩn bị đồ cúng cho tổ tiên phải đầy đủ, không được thiếu bất cứ thứ gì”, mặt khác lại thể hiện được ý nghĩa lớn lao “như ánh trăng soi sáng đêm dài, niềm vui lớn nhà nhà cùng chung hưởng”. Vì vậy, nếu ai đó có bản lĩnh gặp ma, thường sẽ nhìn thấy hình ảnh những vong hồn ma quỷ khi đói sẽ vội vã lao vào mà tranh giành từng chiếc bánh bao một cách khốc liệt.

[12] Theo Trung nguyên bố thí tập thứ mười ba, phần Quý tị lưu cảo.

Ngoài tết Trung nguyên ra, những gia đình hoặc những pháp sư tổ chức buổi làm “thủy lục” cũng là dịp để những hồn ma có cơ hội một lần được ăn no bụng. Nếu biết tin tức nhà nào làm thủy lục, chúng liền chạy đi báo tin cho nhau, kêu gọi đồng loại, kết bè kết phái vội vàng kéo nhau đi ăn chay.

Đó là vào những dịp lễ tết hoặc những cơ hội hiếm hoi có được một bữa ăn no, còn với những ngày bình thường, phần lớn họ đều đi ăn xin cầu thực. Ngay cả anh hùng hào kiệt, những lúc đói khát cùng đường, đói đến độ như có ngọn lửa thiêu đốt trong cơ thể, không thể chịu đựng được nữa, lúc đó bỏ hết sĩ diện để đi cầu xin thức ăn của người khác cũng chẳng phải việc gì mất mặt cả. Việc ăn xin trong thế giới của ma quỷ nên được nhìn nhận một cách khách quan hơn. Vào thời nhà Nguyên, thể chế chính trị đã phân biệt xã hội con người thành những tầng lớp khác nhau, theo đó ăn xin là tầng lớp đứng sau tầng lớp Nho gia, có thể tính làm hàng xóm với nhau được. Sự sắp đặt này thực ra không có gì là quá sai lệch. Bởi lẽ có nhà Nho mang phong thái của kẻ ăn mày, lại có kẻ ăn mày toát lên cốt cách của bậc Nho gia, vì thế, những tiên phu tiểu Nho cũng không cần phải vì mình hơn kẻ ăn mày tầm bậy cấp mà dùng dùng bày tỏ sự bất công.[13]

[13] Theo Duyệt vi thảo đường bút ký.

Kì Nhân Lục Nhiên viết: “Có người hổ thẹn mà nói rằng: “Ông đừng sợ, tôi sẽ không hại ông đâu, bản thân tôi giờ đã là ma rồi. Lúc sinh thời là người dân tộc Thổ, không đuổi được những con ma đói đến tranh tiền gạo, tự cảm thấy rất xấu hổ, cầu xin ông cho tôi một bữa cơm có được không?”

Du Việt người đời Thanh, trong tập Hữu đài tiên quán bút ký[14], cuốn chín, viết có thể báo ân bằng một bữa cơm, cũng là hiền nhân của người đi ăn xin rồi.[15]

[14] Nghĩa là: Ký sự viết bên quán Đài tiên.

[15] Xã Nam, huyện Quy An có núi Trường Siêu, mào lâm tu trúc, cảnh rất yên ắng và thanh tĩnh. Núi có mây che phủ bảo vệ am. Tương truyền Minh Lăng Trung Giới Công (Lăng Văn Cừ) nói, lúc đầu ông học ở trong am, thì thoáng vào lúc trăng sáng đi dạo dưới chân núi, bỗng nhiên có một cụ già đi lên phía trước vái chào, miệng ngập ngừng như có lời muốn nói. Công hỏi, cụ già đáp: “Tôi là người trong mộ cổ, con cháu thờ ơ, không có ai thờ cúng. Nay tôi đến xin ông một bữa cơm có được không?” Công không tin chuyện này, cười đáp: “Tính tôi rất thích được yên tĩnh, nên mới đến đây đèn sách. Nhưng bốn phía đều có tiếng ếch nhái kêu, từ chập tối cho tới sáng ngày hôm sau, tôi thấy rất khó chịu và khổ sở về điều này, nếu ông giúp tôi làm đám ếch nhái kia không còn kêu nữa, tôi sẽ báo đáp ông.” Cụ già đáp: “Đồng ý!” Rồi tức thì biến mất. Ngày hôm sau, khi màn đêm buông xuống, quả nhiên không còn nghe thấy tiếng ếch nhái kêu nữa. Công bèn chuẩn bị cơm rượu đến tế ở gò hoang. Từ đó, bên cạnh am không còn tiếng ếch, và cho đến nay cũng vậy.

Còn một số con ma đói, vì cầu thực nên đã dùng một số trò ma mãnh để lừa gạt người khác, chẳng qua cũng vì có những điều khó nói. Ví như Đường Lâm trong Minh báo ký có viết về một con ma vô chủ đã giả làm đứa em vừa chết của nhà người ta, sau đó bị chủ nhà vạch trần, đánh đuổi ra ngoài, cuối cùng nói một câu “đói nên đến xin bữa ăn mà thôi” làm cho người nghe cảm thấy chua xót. Cuốn thứ hai, phần bốn trong Duyệt vi thảo đường bút ký có ghi, có một con ma giả mạo làm hồn ma của danh nhân Tề Ung đến tìm đồ cúng tế, nhưng con ma này chỉ xem qua bản ca của Triệu Ngũ Nương tỳ bà ký, đem câu chuyện đó thành Những chuyện trong triều nhà Hán, vì thế mà bị lộ. Nhưng giả mạo làm Tề Trung Lang mà không giả làm Cao Vệ Nội cũng được coi là có tính phong nhã. Mà biết đồ mặt hổ thẹn, không những ở thế giới ma quỷ, ngay cả ở nhân gian cũng có thể nói là điều không dễ dàng gì. Tuy Kỳ Vân có thể chỉ là mượn câu chuyện về ma để châm biếm tình thế, nhưng suy đoán theo tình thế, trong thế giới của ma quỷ cũng không ít trường hợp như thế này.

Nhưng có lúc vì muốn lừa gạt để được một bữa ăn, hại cho nhà người khác một phen hú vía thì cũng thật đáng trách. Di kiến đình chí, cuốn mười lăm, Đằm tiểu ca có đoạn viết: “Có một con ma giả mạo làm con

trai của lão thái thái, làm cho lão nhân gia tưởng rằng con mình đã chết rồi, liền mời hòa thượng đến tụng kinh siêu độ. Con ma đó vì thế đã được ăn một bữa cỗ rất thịnh soạn. Nhưng vài tháng sau, người con trai đi làm ăn ở xa trở về, người nhà tưởng đó là ma liền dùng trượng đánh đuổi, suýt nữa thì mất mạng.”

Trong thế giới ma quỷ vẫn còn tồn tại những pha lừa lọc lớn hơn nhiều, như chuyện “niệm ương”, “cục trá” trong tác phẩm Liêu trai. Chỉ cần dùng một đồng tiền giấy và một cuộc tế ma bài quỷ là có thể xua đuổi bọn chúng đi nơi khác. Duyệt vi thảo đường bút ký, cuốn mười ba có ghi chép lại câu chuyện về Liêu Thái Học, vì thương tiếc người vợ đã khuất mà buồn rầu không nói năng gì. Có nhiều con ma đã biến thành vong hồn của người vợ, buộc lại, úp mặt xuống đất chịu trượng, làm cho Liêu Thái Học cho nhiều ma đói ăn, bố thí quá độ. Nhưng những con ma này ngày càng quá đáng, không chỉ có một, hai lần lừa bịp, mà dạ dày cũng ngày càng to hơn, còn đòi làm bảy đêm thủy lục đạo trường mới được, kết quả là bị bại lộ.

Dựa vào việc ăn trộm, ăn cắp để được ăn no, trong thế giới ma quỷ, hạng ma ấy cũng thuộc vào loại “lưu manh” có tiếng. Vốn là ăn trộm, nhưng những hồn ma ấy cũng là những trường hợp vô cùng đáng thương. Lưu Phủ, thời Bắc Tống trong Thanh tảo cao nghị, cuốn thứ nhất, Bành lang trung ký[16] ghi lại: “Có một con ma vô chủ vào bếp ăn trộm thức ăn, bị Táo Quân bắt được, đánh ột trận tơi bời, chủ nhà thấy chuyện liền ra can: “Đói bụng, bắt quá phải đi ăn trộm, hà tất phải trách phạt nặng nề như thế!”

[16] Nghĩa là: viết về người họ Bành.

Theo cách nhìn của người nhân từ, do đói quá mà phải ăn trộm thức ăn thì không đáng bị trách phạt nặng như vậy. Thế mà trong dân gian không ít người mũ áo đàng hoàng, ngồi không ăn bám, hoặc giống như những con ma ăn trộm thức ăn, thì lại được xử lý nhẹ nhàng. Lê Cung Chấn người đời Thanh, trong Bắc đông viên bút lục tam biên, cuốn thứ tư, Vi sư ác báo[17], truyền rằng có tên ma ăn trộm thức ăn nói về việc báo ứng vô cùng có lý lẽ: “Có người tên Sử, là một đạo sĩ hành thiện có khả năng nhìn thấy ma quỷ. Một hôm, vị đạo sĩ này đến thăm nhà họ Dương, cười nói rằng: “Ở dưới bếp nhà ông có một con ma ăn vụng thức ăn, nay đầu thai làm người, không biết Dương gia có làm việc gì đáng trách không?” Gần đây nhà họ Dương mới sinh được một đứa con trai, liền bế ra ngoài, đạo sĩ xem kỹ rồi phán: “Không biết ông đã từng làm việc gì tạo nên nghiệp chướng không mà nay con ma ăn trộm thức ăn đó lại đầu thai làm con trai ông?” Họ Dương bèn nói: “Tôi tự tin là cả đời này chưa từng làm việc gì phạm lỗi lớn, chỉ là khi tôi chưa đạt công danh thì đã từng dạy học ở trường tư thục, khi giảng dạy có chút không làm tròn trách nhiệm.” Đạo sĩ vỗ vào vai người họ Dương mà nói: “Ông vì chuyện cơm áo của mình mà làm mất tuổi thơ hồn nhiên của học trò, vậy những chuyện đó chẳng phải lỗi lớn hay sao?!” Sau đó, con trai của nhà họ Dương lớn lên, ngày ngày tửu sắc, ruộng điền bán hết để đổi lấy rượu, chưa hết một đình đã kết thúc.

[17] Nghĩa là: vì thầy báo ác.

Làm nghề giáo mà làm qua quýt, giả mạo để kiếm bữa ăn, sau này các cán bộ lớn từ quan địa phương đến trung ương cũng làm việc qua quýt, giả tạo để thăng chức, hành động này còn nguy hại hơn cả việc ăn trộm thức ăn của ma quỷ. Vì có những ruộng cội quốc gia như vậy nên các vị sử tri của quốc gia cũng thế, chỉ cần nghĩ ta có thể biết là được rồi. Trong Viết tiếp tử bất ngữ của Viên Mai, cuốn ba, Oa thượng hữu thủ phạm đồng tử[18] có kể lại một câu chuyện: “Trong nhà có một tiểu thần chuyên phòng tránh ma đói đến trộm thức ăn. Xem ra việc phòng tránh tiểu quỷ đến ăn trộm có vẻ rất dễ dàng, còn đối với những đại nhân tiên sinh ngồi không ăn bám thì chỉ còn cách cầu báo ứng, gieo nhân nào hái quả đó thôi. (Trong Tam cương thức lược của Đồng Hàm thì sự trừng phạt đối với những kiểu người như thế này là sẽ để bản thân họ làm chó ba năm.)”

[18] Nghĩa là: Trên nồi có đồng tử giữ nồi cơm.

Có thể bổ sung thêm một điểm sau cùng, trong thế giới hồn ma cũng có việc dựa vào nhân gian để làm việc kiếm ăn, như ở trên đã nhắc tới một người trong Bác dị chí của Cốc Thần Tử, nhưng cái này lại tính vào một loại khác, mà việc ma đến nhân gian làm việc thì sau này nếu có cơ hội sẽ nói rõ hơn.

4.

Hồn ma ở âm phủ nhưng lại ăn thức ăn của chốn dương gian, về điểm này không thể không khiến người ta suy nghĩ. Làm thế nào để hai vật một hư một thực, kẻ âm người dương lại có thể dung hợp được với nhau. Ban đầu có ý kiến cho rằng, chuyện ăn uống của con người ở chốn dương gian và hồn ma nơi âm phủ gần giống nhau. Nếu như người có thể chứa đầy thức ăn trong dạ dày thì hồn ma cũng có khả năng ăn đến cạn bình, sạch bát y như vậy. Phổ Can Bảo trong Sưu thần ký, cuốn mười sáu nói về chuyện ma uống rượu, có thể uống đến độ không còn thừa lại một giọt nào. Trong U minh lục[19] của Lưu Tống - Lưu Ý Khánh có viết: “Ma ăn cơm và uống rượu, cả hai thứ đựng đầy hai bình đều sạch trơn.” Điều này một lần nữa cũng được khẳng định lại trong Thuật dị ký: “Ma ăn uống không khác gì người sống cả.” Sau này, mặc dù rất hiếm khi gặp cách nói chân thực như vậy nhưng cũng không phải không có. Trong tập Di kiên chi canh của Hồng Mai thời Nam Tống, cuốn thứ nhất, Hoàng giải nguyên điền bộc có đoạn kể chuyện Trương mỗ, một người đầy tớ làm ruộng không bệnh mà chết. Sau khi chết ba ngày vẫn chưa được chôn cất, ông ta đột nhiên ngồi dậy, cất tiếng chuyện trò. Thì ra ông ta vừa vào tới âm phủ đã bị phái đi làm quan sai. Biết Trương mỗ phải đi gọi hồn Hoàng Giải Nguyên, vợ ông liền chuẩn bị đầy đủ thức ăn và một đôi dép cỏ, để tiện cho việc đi đường. Việc chuẩn bị diễn ra vội vàng trong âm thầm lặng lẽ, người vợ không dám cất tiếng hỏi han lấy nửa lời. Mặc dù thân thể của Trương mỗ vẫn nằm yên trên giường như lúc lâm chung, không hề nhúc nhích, thế nhưng bát cơm để gần đó đã hết sạch và đôi dép cỏ cũng không cánh mà bay. Trong Canh kỷ biên, cuốn chín, Hoàng thôn tượng nhân có ghi lại hình ảnh hồn ma đứng đối diện với người sống, ăn hết một con gà quay, ăn xong chỉ còn lại một đồng xương gà vứt chổng chơ trên nền đất. Chuyện kể về “Diêm La yển”[20] trong Liêu trai chí dị cũng dẫn ra một tình tiết kỳ thú: “Diêm Vương và các tùy tùng cùng nhau kéo đến dùng tiệc mà Thiệu Sinh chuẩn bị cho người mẹ đã khuất của mình. Bữa tiệc kết thúc, họ cũng đã ăn uống no nê, sạch sẽ, không còn sót lại gì cả.”

[19] Nghĩa là: ghi chép chuyện âm phủ và dương gian.

[20] Nghĩa là: tiệc đãi thần Diêm Vương.

Nhưng cách lý giải như thế này quả thực quá xa vời với thực tế. Bởi lẽ, bình thường khi người ta bày đồ thờ cúng, thiết đãi quỷ thần, sau khi cúng tế xong, mọi thứ vẫn còn nguyên không hề bị quỷ thần ăn mất. Lúc ấy, mọi người vẫn có thể ăn uống bình thường, không những mùi vị thức ăn không thay đổi, mà còn có quan niệm cho rằng, những đồ đã cúng rồi sẽ đem phúc đến cho người ăn nó. Chính vì vậy, ở đây ta lại bắt gặp một cách nói tương phản, trái ngược hoàn toàn với cách lý giải trên đây, hơn nữa cũng không phù hợp với tình hình thực tế, đó là quan niệm cho rằng hồn ma chưa bao giờ ăn thức ăn của người trần. Nếu nói như vậy chẳng khác nào khẳng định quỷ thần không hề đụng đến những thức đồ đã bày biện, cúng tế của nhân gian, và như thế đồng nghĩa với việc người đời thành tâm thành ý thờ cúng thần quỷ giờ đã biến thành hư ảo? Nếu theo cách hiểu như vậy không những có sự bất kính đối với quỷ thần mà ngay cả sự tồn tại của quỷ thần trên thực tế cũng bị hoài nghi và trở nên bất tín. Sự thực là tiệc rượu cúng tế bày biện ra vẫn còn nguyên, quỷ thần không hề nhấm nháp hay làm mất mát một thứ gì. Đồ thờ cúng thì vẫn còn nguyên nhưng vẫn không thể không thờ cúng, vậy làm thế nào để có thể dung hòa hai mặt đối lập này đây?

Cổ nhân đưa ra hai cách lý giải. Cách thứ nhất, họ cho rằng việc quỷ thần ăn uống no say đồ tế lễ là có thật, nhưng sau khi ăn xong rồi đi khỏi thì mọi thứ lại trở về nguyên vẹn như cũ. Cách giải thích này đã được Phổ Nhân tiên sinh nói tới trong tác phẩm Chân di lục của mình, ông viết: “Hạ Văn Quy chết được một năm trở về thăm nhà, đi cùng với ông còn có khoảng hơn mười người theo hầu. Hạ tự nói hiện mình làm quan trấn giữ tại Bắc Hải. Người nhà chuẩn bị tiệc rượu thết đãi linh đình, rõ ràng nhìn thấy ma ăn hết mọi thứ bày biện trên mâm cúng, nhưng lúc ma quỷ đi rồi thì đồ ăn thức uống lại đầy nguyên như cũ.”

Một cách lý giải khác, người xưa quan niệm không phải là hồn ma không ăn đồ cúng tế, chỉ là họ lựa dùng những cái “tinh hoa” nhất mà thôi, những thứ còn lại người trần mắt thịt nhìn thấy thì vẫn còn nguyên như cũ, nhưng thực tế đó chỉ là cặn bã mà thôi. Đoàn Văn Thành, một nhân sĩ thời nhà Đường, trong Tây dương tạp trở, cuốn một có bàn về việc ma uống rượu nhưng chỉ uống hơi rượu, tuy rượu vẫn còn nguyên nhưng mùi vị đã nhạt chẳng khác gì nước lã. Cách nói này được người đời sau tán thành, hưởng ứng. Trong Việt vi thảo đường bút ký, cuốn mười có đoạn viết về một thư sinh bạo dạn, vào đêm trăng sáng đã đem rượu đến mộ ngồi uống, và còn gọi ma đến uống cùng. Tức khắc có khoảng mười người theo lên, thư sinh đã dùng hũ đựng rượu thật lớn, rót xuống đất để ma có thể ngửi được mùi rượu. Hiểu theo cách hiểu này thì hình ảnh ma quỷ “dùng mũi hút rượu vào bên trong” như trong Lữ viên tùng thoại của Tiền Vĩnh, cuốn mười lăm, Quỷ hí[21] miêu tả là hoàn toàn sai lệch. Có lẽ người viết đã đứng từ trên cao nhìn xuống, lại nhìn không rõ ràng nên mới hiểu lầm rằng ma dùng mũi để uống rượu!

[21] Nghĩa là: kịch ma.

Về cách ăn của ma cũng tương tự như vậy, thức ăn thì còn mà tinh hoa của nó thì đã mất. Viên Mai trong tập Tử bất ngữ, cuốn hai mươi hai có phần viết về Ma cướp bánh bao rất thú vị:

15. Chương 06 - Part 3

Trên núi Đồng Đình có rất nhiều ma đói. Có một gia đình đang hấp một khay bánh bao, bánh bao chín họ mở nắp nồi ra, nhìn thấy chiếc bánh bao tự động bay lên, làm cho chủ nhà thất thần, cái bánh bao to như cái bát mà trong giây lát đã co lại nhỏ xíu, bánh thì còn nhưng mùi vị thì giống như bột mì sống. Ban đầu họ không thể giải thích được hiện tượng này, sau có một cụ già nói rằng: “Việc này là do con ma đói cướp đi, nếu lúc vừa mở nắp nồi ra mà dùng bút màu đỏ chấm vào, ma sẽ không cướp được.” Nói như vậy nhưng cái nào đánh dấu được thì đánh dấu, cái nào bị co lại thì vẫn co, một người đánh dấu thì làm sao có thể thắng được đám ma đói kéo nhau hàng đàn đến cướp bóc!

Cũng trong tập Tử bất ngữ, cuốn hai mươi hai, Thành thần bất tất hiền nhân[22] có đoạn viết về việc ăn uống của ma như sau: “Tất cả các việc liên quan đến ăn uống của ma là chỉ ngửi mà không nuốt, những thức ăn nóng thì bị ngửi cho đến khi nguội lạnh.” Tinh hoa và hơi nóng cùng lúc mất đi, ma chỉ ăn những chất dinh dưỡng và vi lượng của thức ăn, cách ăn này rất hiện đại mà lại vô cùng khoa học, đã miễn được nhiều chuyện phiền toái khi tiêu hóa thức ăn.

[22] Nghĩa là: trở thành thần thánh không nhất thiết phải là người hiền tài.

5.

Chăm lo hương khói, thờ cúng tổ tiên là những hành động thể hiện lòng hiếu thuận của con cháu ở chốn nhân gian. Khi chôn cất quan tài, ngay cả hoàng đế thuở xưa dù có được cúng bái hàng nghìn vật ngon của lạ thì dùng mãi cũng có ngày hết[23]. Vì vậy, con cháu cần nhớ vào những dịp giỗ, tết phải cúng lễ tổ tiên cho chu toàn, cẩn thận. Ngoài cúng tiệc rượu còn phải hóa quần áo, tiền vàng làm từ giấy... Nói tóm lại, cháu con phải làm sao để ông bà, cha mẹ mình ở chốn âm tà lạnh lẽo không phải lo lắng đến chuyện ăn mặc, có như vậy mới làm tròn đạo hiếu với người đã khuất. Hình thức thờ cúng tổ tiên trong mỗi gia đình đến nay đã có nhiều thay đổi. Mặc dù có điểm mâu thuẫn là trong đạo Phật không có tục thờ cúng tổ tiên, nhưng trong lễ giáo bao đời của người Trung Hoa, phong tục ấy vẫn không hề bị mai một. Vào thời cổ đại, ngoài việc tế Xuân Thu ra, trong các ngày lễ, tết khác, người người nhà nhà đều không quên thờ cúng tổ tiên. Mặc dù đến xã hội hiện đại, hình thức thờ cúng tại gia đã không còn giữ được nguyên gốc những tập tục dân gian tự thuở xa xưa, nhưng tinh thần của những ngày tết Thanh minh tảo mộ, tết Đông nguyệt “gửi áo ấm mùa đông” vẫn còn lưu giữ được trong dân gian. Tuy nhiên, để những phong tục này được lưu truyền mãi mãi, rất cần có một tư tưởng nhất quán làm tiền đề, đó là niềm tin vô hình vào sự tồn tại vĩnh cửu của các vong hồn tiền nhân ở chốn u minh, địa phủ.

[23] Căn cứ theo Cự Đường thư, hoàng đế lúc nhập quan thì phải cúng ở trong cung “nghìn vị thực”, thủy lục cùng các món khác lên đến hơn một nghìn loại, màu sắc phong phú, bắt mắt rồi để vào phần mộ, kèm theo là hoa quả và thịt ngựa, trâu, lừa, bê, hoẵng, hươu v.v..., cùng với hơn ba mươi loại rượu.

Chính điều này đã làm nảy sinh một mâu thuẫn mới trong văn hóa vong hồn của người Trung Quốc. Bởi lẽ, theo quan niệm của Phật giáo, và trong nước cũng có một bộ phận người dân tin tưởng, tiếp thu qu định của lực đạo luân hồi, nghĩa là những hồn ma mà hậu nhân vẫn chăm lo thờ cúng vốn đã được đầu thai đến thế giới dương gian rồi. Và nếu như thời gian mà có sự trùng hợp thì việc đầu thai chuyển kiếp ấy thậm chí còn nhanh hơn cả việc thay đổi một chuyến tàu, ở đây chưa qua “đầu thất”, bên kia đã qua “tam triều” rồi. Sau khi chuyển thế, người có phẩm tiết, đức hạnh sẽ được đầu thai thành người có quyền cao, chức trọng, còn kẻ thấp hèn, xấu xa thì sẽ phải làm chó, lợn cả đời để phục dịch con người. Vậy thì, trong thế giới âm phủ còn có vong hồn nào mà mấy mươi đến mấy trăm năm chịu đói khổ giữa chốn u minh lạnh lẽo ấy nữa! Nhưng văn hóa hồn ma ở Trung Quốc lại rất quan tâm việc thờ cúng tổ tiên, vậy thì lý luận Phật giáo của người phương Tây du nhập vào cũng cần phải tuân theo các đặc trưng của Trung Quốc. Điều đó có nghĩa là, khi thờ cúng tổ tiên, chúng ta đều lấy tiền đề là tổ tiên ở thế giới bên kia đang bị đói, bị rét làm cơ sở để nương theo. Việc cúng tế và câu chuyện luân hồi chuyển kiếp là hai việc làm tưởng chẳng có gì tương tác với nhau, nhưng trong những trường hợp đặc biệt thì điều đó vẫn có thể xảy ra. Câu chuyện dưới đây trong Ngụ phổ tạp chí của Vương kỳ, cuốn bảy, Lâm Nhất Ngạc trú mộng[24] đã minh chứng điều đó:

[24] Nghĩa là: Lâm Nhất Ngạc nằm mơ giữa ban ngày.

Lâm Nhất Ngạc làm quan ở Giang Tây, vào ngày lễ Trung nguyên chột nằm mộng giữa ban ngày. Trong giấc mộng, ông thấy mình may mắn được hưởng đồ thờ cúng của Nhất phu nhân. Kinh ngạc hơn, khi tỉnh dậy liền thấy những đồ vật ấy ở ngay cạnh mình. Ngơ ngác nhìn quanh thì phòng ốc, đường xá vẫn y nguyên như trước. Ông đi theo hướng được chỉ dẫn trong giấc mộng, quả nhiên gặp một cụ bà khoảng hơn bảy mươi tuổi đang thấp nhang thờ cúng người chồng quá cố của mình, tro hóa vàng vẫn còn chưa nguội. Hỏi cụ về ngày giờ, tháng, năm mà chồng cụ mất, lại trùng khớp với ngày sinh mà trong mộng Lâm Nhất Ngạc vừa

mơ thấy. Anh ta cảm thấy vô cùng ngạc nhiên. Sau khi biết chuyện về người chồng quá cố của cụ già ấy. Lâm Nhất Ngọc cũng thường xuyên mang chút đồ đến thăm nuôi cụ.

Người đang sống giữa chốn dương gian mà lại được hưởng đồ cúng tế của người thân ở kiếp trước, câu chuyện này quả thực có chút gì đó vô cùng kỳ quái, nhưng sau khi đọc xong thì lại khiến người ta có cảm giác thương cảm vô cùng. Tình cảm của đôi vợ chồng già mấy chục năm mà nay gặp mặt lại không hề quen biết, lão phu nhân vẫn ngày đêm tưởng nhớ người chồng quá cố của mình. Trong khi đó, linh hồn người chồng quá cố sau khi chuyển thế lại không lưu lại chút ký ức nào từ kiếp trước. Cái gọi là “mang chút đồ đến thăm nuôi” đó chỉ là tình thương của người qua đường dành cho bà lão già yếu mà thôi. Tuy nhiên, chuyện này cũng không thể trách người ta vô tình, “song dài trăm thước, da dê năm bộ, bây giờ là người phú quý rồi thì quên đi những việc đã làm trước đó”. Chỉ trong thoáng chốc đã làm cho người khác giật mình hiểu ra ý nghĩa sâu sắc của câu “chỉ trong nháy mắt mà xa cách nghìn trùng”. Những câu chuyện kiểu như thế này lần đầu tiên xuất hiện trong các tác phẩm văn học thời Nam Tống, Thiệu Bác trong Thiệu thị vấn kiến hậu lục, cuốn ba mươi, Lục xán, hay thời nhà Minh trong Canh tị biên, cuốn bốn, Như Công hay Mẫn Văn Thành trong Thiên thái lô hy triết... đều lấy việc thờ cúng tổ tiên trong các gia đình để chứng minh sự tồn tại của luân hồi. Nhưng chính người viết cũng không nghĩ đến tác dụng ngược lại, họ thờ cúng tổ tiên trong nhà nhưng cùng lúc họ dùng luân hồi để chứng minh sự vô ích của việc thờ cúng đó. Lô Kỳ Dã đã viết một bài tùy bút, trong đó có nhắc đến chuyện ngày lễ tết, vì đồ ăn quá nhiều nên dễ làm cho con người cảm thấy ngán, liền nói đùa rằng: “Chắc hẳn đã ăn phải đồ tế phẩm của con cháu ở kiếp trước rồi.” Phải chăng việc thờ cúng trong gia đình là điều vô ích, vậy thì cần gì phải duy trì tục lệ lâu đời ấy nữa? Nhưng nếu làm như vậy thì luân lý vững chắc của người Trung Quốc tự ngàn xưa chẳng phải sẽ sụp đổ hay sao? Cho nên những câu chuyện như vậy thường gây ra sự hoài nghi, hoang mang trong suy nghĩ, tư tưởng của nhân gian và vì thế cần liệt vào những chuyện “nói không” khi bàn tới.

Hơn nữa, điều làm cho người thời nay cảm thấy vô cùng kỳ quái đó là, rõ ràng chúng ta nghĩ tổ tiên ở thế giới âm phủ vô cùng đói khổ, vậy tại sao con cháu ở chốn trần gian lại không thể “nhân cách hóa” thế giới của người chết một chút, thổi vào đó một chút không khí ấm áp, tươi vui? Họ thậm chí không phải tốn hao công sức mà chỉ cần dùng mồm miệng, dùng tiếng nói của mình là có thể tạo ra một thiên đường rộng lớn, tiện nghi, có đầy đủ “điện, nước, điện thoại, tầng trên, tầng dưới...” cho tổ tiên của mình, và thêm nữa là thức ăn, thức uống dư thừa, chưa hết, còn không phải lo toan miếng ăn, cái mặc hằng ngày. Vậy tại sao họ cứ phải để tổ tiên mình trong tình trạng bụng đói cồn cào, miệng mồm khô khốc, mắt nhắm nghiền, rệu rã chờ sự nuôi dưỡng mà vài tháng mới có một lần, đồng thời cũng gây nên không ít rắc rối cho bản thân mình?

Ý tưởng xây dựng thế giới âm phủ thông thẳng đến thiên đường hoặc thế giới thần tiên cũng đã từng có người nghĩ ra. Trong Dật dương tạp trở của Đoàn Thành Thúc dẫn ra một câu chuyện kể việc Triệu Bùi đến âm phủ. Triệu Bùi bị bệnh mà chết, được Châu y Nhân nhận về âm tào địa phủ, dẫn đi thăm thú một vòng. Cảnh tượng vô cùng sâu thẳm hiện ra trước mắt, không có một tác đất nào được coi là có hạnh phúc. Sau đó, Châu Y Nhân hỏi Triệu tiên sinh: “Ông có muốn đi thêm một chút nữa để đến “thượng thanh” không?” Và thế là đã đến “thượng thanh” tiên cảnh, cảnh vật đẹp đến mê hồn. Ở địa phủ mà lại có cổng sau thông lên tiên giới, ngay cả vị hòa thượng nào đó có công tạo ra âm phủ có lẽ cũng không thể nghĩ ra. Châu Y Nhân rõ ràng là đang “kéo khách hàng” về cho đạo sĩ. Vì vậy, loại truyện như thế này chỉ khiến người ta cảm thấy đây chẳng khác nào khu chợ tranh giành tín đồ giữa đạo sĩ và hòa thượng mà thôi, khó mà làm cho người khác tin vào những lời nói khoát lác, thổi phồng đó được. Ngoài ra, hòa thượng cũng không dễ để bị người ta đưa ra đùa cợt, cho nên, lẽ đương nhiên họ sẽ không để lão đạo sĩ khoét lỗ ở góc tường dưới âm phủ làm cửa sau, vì thế con đường tắt đến thượng thanh tiên cảnh không được người ta nhắc đến nữa.

Nhưng trong các loại “thiện thư” vẫn khuyến khích những linh hồn có giấc mộng đẹp mong muốn đến thẳng thiên đường. Những người hiền lương có tiền sau khi chết đi, đến sông Nại, người khác thì phải đi qua cây cầu nhỏ bé nước đen, bùn sục lên lấy lợi, vô cùng đáng sợ, còn họ sẽ được những Tiên Đồng - Ngọc Nữ

đáng yêu dẫn đường đến cầu vàng, cầu bạc, sau đó đặt chân lên hoa sen là có thể lên thiên giới. “Thiện thư” thường được đặt ở hai bên hành lang trong đền chùa tại Cảng Đài, ngoài việc bố trí, sắp xếp “Địa phủ du ký” ra, vẫn còn một loại nữa là “Thiên đường du ký”. Nếu chịu khó tu luyện để đến với thế giới Phật môn, khi đắc đạo sẽ được đưa đến một con đường dẫn người chết đến thế giới cực lạc của Phật quốc, giống như trong Thiên long bát bộ đã từng nhắc tới. Nhưng cách làm này phải chịu khổ cực một chút và không phải ai cũng dễ dàng đạt được ý nguyện, ngay cả Phật Như Lai đã tu thành chính quả nhưng vẫn phải trải qua bao nhiêu cửa ải, bao nhiêu kiếp nạn. Với những kẻ phàm phu tục tử muốn đến được thiên đường, nếu không chịu được lục đạo luân hồi quay cuồng, điên đảo, lại bị đánh trên một nghìn tám trăm cái thì không cần nghĩ tới giấc mộng thiên đường nữa. Vì thế thiên đường này cũng chỉ để an ủi những phu thê ngu muội mà thôi, ở Trung Quốc đây vẫn là chuyện cần “nói không” như trước.

Sau hai lần “nói không” như vậy, dường như số phận của tổ tiên chúng ta cũng gần như đã được xác định rồi. Vậy nên nếu người dân trong nước một lòng một dạ hiếu thuận, tưởng nhớ thì liệt tổ liệt tông linh thiêng cũng sẽ vĩnh viễn thấu hiểu và vinh dự thưởng thức những đồ mà con cháu dâng hương tế lễ, đó cũng là điều thuận tình hợp lý.

6.

Từ thuở xa xưa, việc cúng tế tổ tiên luôn được xem là một việc làm thiêng liêng và vô cùng quan trọng, đặc biệt với những gia đình quyền quý, nó giống như được vinh dự vào triều vái Vạn Tuế gia vậy. Trong nhà thờ tổ tiên, đặt bài vị đầu tiên là của liệt tổ liệt tông, treo ảnh của tổ tông có ghi rõ họ tên, được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Người tế lễ đứng nghiêm túc, trang trọng dưới từ đường, khấu đầu cầu khẩn rồi mời các vị tổ tông về thưởng thức đồ tế lễ mà con cháu dâng lên. Trong giờ phút linh thiêng ấy, hầu hết linh hồn của các vị tổ tông đều về dự đông đủ, ai nấy đều mặc quan phục hiển hách lúc sinh thời. Bài vị được sắp xếp theo thứ tự, tả đơn hữu song, bên cạnh thái sư đã kê sẵn giá đỡ, hương khói quần xung quanh, cung phụng hương hoa, thêm nữa là một mâm cỗ đầy đủ các loại, mùi thơm từ các đĩa thức ăn bay lên. Các vị liệt tổ liệt tông vì giữ lòng tự trọng đã để bụng trống rỗng có khi đến vài tháng, nay nhận được sự bồi dưỡng một cách đầy đủ, không thể không đắc ý mà nghĩ rằng, được làm tổ tông thật tuyệt!

Nhưng sự thịnh vượng, đắc ý của người quá cố cõi u minh đó cũng phải có một tiền đề cơ bản để đảm bảo, đó chính là làm sao để con cháu sống chốn nhân gian không đoạn tuyệt việc hương khói! Một gia tộc hoặc một gia đình nếu chẳng may rơi vào tình cảnh tuyệt tử tuyệt tôn thì tất cả mọi niềm hoan hỷ sẽ biến thành bong bóng hết. Lúc ấy, đừng nói đến việc con cháu xếp hàng dài trong từ đường, mà ngay cả một bát cơm, một bát canh cũng không có người nhớ đến. Vì thế, cổ nhân rất coi trọng việc có con cháu nối dõi tông đường. Cái gọi là “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”[25], là bởi vì hậu quả của nó chính là làm cho tổ tiên mãi mãi trở thành ma đói. Trong Quảng dị ký có ghi chép việc Thượng thư Lý Hồi Tú sau khi chết, linh hồn dưới âm phủ có linh cảm rằng con cháu của mình có mưu đồ bất chính, chắc chắn sẽ gây họa diệt môn. Chỉ cần nghĩ đến việc sắp bị tuyệt tử, không có người hương khói mà nước mắt chảy ròng ròng. Cảnh bị thương đó thậm chí còn đáng thương hơn cả việc người già neo đơn tự nhiên bị cướp sạch khoản tiền dưỡng lão.

[25] Nghĩa là: có ba cái bị gọi là bất hiếu, và cái bất hiếu lớn nhất đó là không có con cháu nối dõi tông đường.

Đương nhiên dưới ảnh hưởng của Phật giáo cũng có người cho rằng “người và ma đi hai con đường khác nhau, lẽ nào còn tình phụ tử trăm năm”[26]. Một khi đã chết, tiền duyên cũng hết, mà người khoáng đạt

sẽ để lại di chúc không cho con cháu thờ cúng mình. Nhưng cái đó rốt cuộc cũng chỉ là trường hợp ngoại lệ, không được các giáo phái khác ở Trung Quốc công nhận. Bởi thế, nếu không có cháu trai thì phải tìm một người con kế để làm hậu tự, đây không những là việc “mua bảo hiểm” cho cuộc sống của mình sau khi chết, mà hơn nữa còn có liên quan đến “cái bụng đời” của tổ tiên nơi âm phủ. Bởi vì, giả dụ như ba đời đơn truyền, một khi đã tuyệt tử, việc ăn uống của đời ông, đời bố dưới âm gian cũng là cả một vấn đề. Cuốn mười sáu trong Hữu đài tiên quần bút ký của Du Việt có kể lại câu chuyện về một người sau khi chết không có cháu con thờ cúng, hồn ma của người đó suốt ngày đến nhà người thân để phá phách, ép họ phải lập tự đình. Người thân hỏi: “Sao lúc còn sống anh không lo lắng, vội vàng, bây giờ tới tìm tôi làm gì?” Hồn ma trả lời: “Đây là do tổ tông vì tôi mà không có đồ ăn, họ không tha cho tôi đây chứ!”

[26] Theo Bắc mộng tả ngôn của Tôn Quang Hiến thời Ngũ Đại, cuốn ba, Đường Lưu Sở thoát xác, từ rất sớm là văn học ứng vào sĩ cử, trong đó phần đức giới viết “bất cứ ai vào, nghèo hay giàu, không hy vọng về tôi. Nếu sau khi tôi chết, cũng đừng thờ cúng tôi”. Nói rồi lên thuyền đi câu cá làm thú tiêu khiển và không ai biết ông ở nơi đâu.

Mình không dễ được con trai, chỉ còn cách dựa vào con trai kế để giải quyết vấn đề, nhưng việc “lập tự” không đơn giản như việc nhận một đứa trẻ ở cô nhi viện về nuôi. Từ thời nhà Hán, trong các câu chuyện ma quỷ đã xuất hiện một cách nói: “Ma của tổ tông không hưởng đồ tế lễ của người mang họ khác.” Trong cuốn Phong tục thông dịch[27] của Ứng Thiệu có một câu chuyện vô cùng kinh điển, cần phải giới thiệu toàn văn như sau:

[27] Nghĩa là: giải thích ý nghĩa của các phong tục.

Chu Ông Trung người Nhữ Nam, thời còn làm thái vị duyên thuộc (tức nhân viên công sở ngày nay), vợ ông sinh hạ một người con trai. Đến khi ông làm tướng Bắc Hải, liền phái thuộc hạ của mình tên là Chu Quang đến Nhữ Nam làm công chuyện. Lúc chuẩn bị xuất hành, Chu Ông Trung nói với Chu Quang: “Đợi sau khi anh làm xong công chuyện, vào ngày mùng Tám tháng Chạp, nhờ anh đưa con trai tôi đến tế lễ tổ tông của gia đình tôi.” Chu Quang vốn là người có thể nhìn thấy hồn ma, đợi khi anh ta từ Nhữ Nam về Bắc Hải, Chu Ông Trung liền hỏi anh ta về tình hình tế lễ ra sao, Chu Quang nói: “Khi tế lễ, tôi nhìn thấy một đồ tế mặc quần áo rách nát, tóc tai bờm xờm, đến thẳng bàn thờ, cầm dao cắt thịt cúng để ăn. Ngoài ra còn có mấy vị mặc quan phục, chỉ đi đi lại lại bên thùng đựng đồ ở phòng lớn mà không vào bên trong. Không biết nguyên do vì sao?” Chu Ông Trung nghe xong thì vô cùng phẫn nộ, cầm kiếm đi thẳng lên phòng, lớn tiếng quát mắng vợ mình: “Vì sao bà lại gian dâm với tên đồ tế sinh ra đứa con nghiệt chủng này?” Vợ ông ta nghe thấy thế cũng vô cùng tức giận trả lời: “Bình thường chẳng phải ông hay nói đứa trẻ này từ hình dáng, cử chỉ, điệu bộ đến giọng nói đều rất giống ông sao? Hôm nay ông không muốn sống nữa hay sao mà nói ra những lời điên cuồng như thế!” Chu Ông Trung kể lại tường tận mọi việc Chu Quang nhìn thấy, và nói: “Nếu bà không nói ra sự thật, tôi sẽ chém chết hai mẹ con bà!” Đến lúc này, người vợ mới khóc lóc nói ra sự thật: “Lúc đó tôi thấy chúng ta đều có tuổi rồi mà vẫn chưa có con trai, tâm lý bất an, liền đem đứa con gái vừa sinh xong đổi lấy đứa con trai của tên đồ tế, và còn cho gia đình họ một vạn quan tiền.”

Tổ tiên ở dưới âm gian chỉ có thể hưởng được đồ tế lễ của chính con cháu mình, điều đó đồng nghĩa với việc đồ tế lễ của con cháu thì chỉ có những người thực sự là tổ tiên của họ mới hưởng thụ được. Câu chuyện là một sự kết hợp khéo léo giữa việc phản ánh tín ngưỡng thờ cúng trong dân gian với việc lý giải chế độ tông pháp trong xã hội xưa. Họ cho rằng tài sản riêng của xã hội phong kiến được phân chia rạch ròi dựa vào “luận chính”. Vì thế, cuốn thứ chín trong tập Quý tân tạp nhận - Biệt tập của Chu Mật thời Nam Tống đã cải biên câu chuyện này một chút và đưa thêm một cái kết đầy kịch tính:

Vào ngày cúng thần (ngày mùng Tám tháng Mười hai) có quan gia đến nhà đồ tể, gặp đứa trẻ nhỏ rất đáng yêu liền bế đứa bé lên rồi nói rằng sau này, khi đứa bé lớn lên sẽ trở thành một người hiểu biết. Đứa bé khi xưa nay lớn lên quả thực có khả năng đặc biệt hơn người. Một lần, khi đang thờ cúng tổ tiên, bỗng mơ màng nhìn thấy tất cả các bậc tổ tiên đều đeo gươm đao trên người ngồi ngay ngắn. Một lát sau lại nhìn thấy một người mặc lễ phục có hoa văn đứng bên cạnh các bậc tổ tiên. Anh ta vô cùng kinh ngạc, liền đem cảnh tượng đó kể lại cho cha nuôi mình nghe. Lúc này người cha nuôi mới nói cho anh ta biết, nguyên tắc trong việc tế lễ là cha đẻ và cha nuôi phải được phân ra rõ ràng, thứ tự tiếp nhận đồ tế lễ không phải được sắp xếp theo cấp quan hay cấp bậc công lao. Cha nuôi nói: “Con cháu đời sau không thể không biết điều đó.”

Những đồ cúng lễ của con cháu trước tiên sẽ dành cho người thân thích ruột thịt với người dâng lễ hưởng thụ trước, còn bên dòng họ của người bố nuôi thì phải đợi sau, đến khi gia chủ ăn xong thì sẽ được ăn những đồ còn thừa lại. Kiểu lý giải như thế này so với chuyện của Ứng Thiệu có vẻ nhẹ nhàng hơn đôi chút nhưng vẫn làm cho tâm lý của người con nuôi không được thoải mái cho lắm. Phải đợi đến thời nhà Thanh thì vị trí của người con nuôi mới được khẳng định. Kỳ Vân trong tác phẩm của mình đã nói rõ hơn việc con nuôi không thể bị coi là người ngoại tộc. Nếu có sự phân biệt như vậy thì nhận người ngoại tộc làm con nuôi tất yếu tổ tông không được đến hưởng phúc. Do đó, phải coi con nuôi như con đẻ, có như vậy thì việc tổ tiên đến hưởng phúc của con cháu mới được đường đường chính chính, ngẩng cao đầu mà tự hào vì dòng dõi bao đời vẫn được nối tiếp mà không bị ngắt quãng. Trong Việt vi thảo đường bút ký, cuốn mười ba có viết:

Có người nhìn thấy ma nói: “Người con nuôi, là những người khác dòng họ, dù là con của người con gái, cháu của vợ, khi thờ cúng thì chỉ có những người sinh thành đến hưởng phúc, người đời trước không có ai. Phàm là người cùng họ, dù là ngoài năm đời thì khi thờ cúng vẫn có thể đến hưởng. Người sinh ra cũng đến, thức ăn để ở bên cạnh, mà không dám đến trước. Duy có Vu mỗ bé con nuôi Trương mỗ, khi thờ cúng vẫn đến sau để hưởng. Sau nhiều thế hệ mới biết, phu nhân của Vu mỗ có thai, sau đó cưới Trương sinh, là người trong tộc Vu.”

Có thể thấy, câu chuyện này muốn nói với người đời rằng, ai không có con trai, nếu muốn nhận một đứa con trai để làm con nuôi, tốt nhất nên chọn người trong tộc. Bởi vì nếu con nuôi là người ngoại tộc, kể cả là người rất gần với mình như cháu ngoại hoặc cháu bên đằng vợ, sau này, khi họ tế lễ tổ tiên, đến hưởng phúc chỉ có thể là người có cùng huyết thống. Mà con cháu trong bốn tộc, ngay cả ngoài năm đời, một khi họ trở thành con nuôi của bạn, vậy thì khi họ tế lễ, người đến hưởng phúc đầu tiên là bạn, mẫu tử thân sinh ra họ cũng chỉ được sắp sẵn thức ăn để ở bên cạnh mà thôi.

Tuy nhiên, đây là đạo lý của người hay đạo lý của ma? Rõ ràng dù là đạo lý của ma thì mục đích đặt ra cũng nhằm bảo vệ cho đạo lý của người: Huyết thống của tổ tông không thể lẫn lộn được, tài sản của tổ tông cũng không được để truyền ra ngoài. Về vấn đề lập tử trên danh nghĩa là để lo cho cái ăn, cái mặc của tổ tiên, nhưng thực tế, mục đích chính là vì con cháu, vì tính toán đến chuyện được mất tài sản của tổ tông. Việt vi thảo đường bút ký vẫn còn một câu chuyện lý thú kể về ba huynh đệ, người anh hai chết sớm, không có con cháu, người anh cả và em út đều muốn lập con trai mình làm con nuôi của anh hai, bởi vì muốn tài sản của gia đình anh hai rơi vào tay mình, hai anh em vì việc này mà tranh cãi từ dương gian đến tận âm thế. Rõ ràng chuyện này đối với người anh hai từ lâu đã trở nên vô nghĩa.

Qua những câu chuyện này chúng ta đã hiểu được thực chất của vấn đề ma đói được bàn tới ở trên. Thì ra chỉ có thể để hồn ma dưới chốn âm gian không ăn không uống mới có thể thấy được ý nghĩa việc thờ cúng của con cháu là vô cùng quan trọng. Và hệ quả tất yếu, muốn bảo đảm cho tổ tông một năm ba bữa đủ đầy thì tài sản để lại cho con cháu bắt buộc không được để truyền vào tay người khác dòng họ của mình! Vì lợi ích thực tế của tổ tông, cho nên mọi thứ cần phải được bảo hộ ở cấp cao nhất, vì thế, để linh hồn tổ tông ở dưới âm phủ chịu ấm ức một chút cũng chẳng đáng là bao.

Viết đến đây, ngẫm lại câu nói ban đầu của Châu Tác Nhân: “Qua việc này có thể thấy tấm lòng chân thành của dân tộc Trung Quốc, còn hơn việc dùng võ mồm, thùng rỗng kêu to để nói về những luân thường đạo lý, về những việc đúng sai trong cuộc sống, liệu có thể tin tưởng được không?”, ít ra cũng cảm thấy có chút thấm thía đến nghẹn ngào.

16. Chương 07 - Part 1

Chương 7: m Sơn Bát Cảnh

Bất luận thế nào, chốn âm gian không phải là nơi thích hợp để ngao du, thăm thú. Thế nhưng, trong cuộc sống không phải không có người từng nảy sinh mong ước được một lần dạo chơi chốn âm gian u ám này.

Nếu tôi nhớ không lầm thì hình như cách đây một năm, một cậu bé con trai của bạn tôi đã có lần đề xuất ý tưởng độc đáo này với tôi. Cậu bé hồn nhiên nói lên suy nghĩ của mình: “Người nước ngoài có thể làm được du lịch vũ trụ, vậy thì tại sao chúng ta không thể làm về du lịch địa phủ nhỉ? Người nước ngoài từng đem rao bán sao Hỏa, vậy tại sao chúng ta không thể mở rộng ngành bất động sản ở dưới âm phủ?” Rõ ràng, tinh thần yêu nước dăm so sánh, thậm chí đối đầu với nước ngoài của cậu bé hồn nhiên kia không thể không làm cho người khác động lòng trắc ẩn. Nhưng nếu như chịu khó suy nghĩ một chút thì cậu bé khờ dại kia chắc hẳn sẽ tự đưa ra được câu trả lời trước những bản khoản được cho là có sáng kiến của cậu. Bởi lẽ dẫn một đoàn khách du lịch xuống thăm quan âm phủ, kinh phí đầu tư và kỹ thuật chắc hẳn sẽ khó khăn hơn nhiều so với việc đưa con người bay vào vũ trụ.

Đương nhiên chốn âm phủ nói tới ở đây chỉ là chế tạo theo mô phỏng, với giá vài đồng bạc một mẫu đất, mua một ngọn núi hoang, sau đó tạo phong cảnh ở dưới âm gian, để những nhà văn có tài viết vài câu quảng cáo, mùa xuân là Đáo m sơn khán hoa khứ[1], mùa hạ là m sơn cảnh hậu hảo thừa lương[2]. Nếu làm như vậy thì cũng chẳng mấy khó khăn, lại còn có thể thêm vào một vài danh mục như “Dạ đài xuân mộng”, “Nai tân tàn chiếu”, thì ngay cả việc mời hoàng đế Càn Long từ trong Đông Linh ra đề họa ngâm thơ cũng không phải là việc không làm được. Còn việc đem chuyện lữ khách mà làm “Dạ thẩm Phan Hồng”[3], cảnh tượng ảA đạm, mê mê tỉnh tỉnh giống như người bị say rượu, uống thuốc mê hoặc tiêm thuốc tê, dùng bút tẩy gỗ vào sọ não, sau đó cho vào máy quay xi măng, quay trên ba mươi vòng, tiếp đến là đi trên “một chuyến xe xuyên qua khe núi”. Nếu có thiếu chỗ nọ, hồng chỗ kia thì lập tức sửa sang lại rồi liệt vào khu vực tham quan ngắm cảnh. Những việc như vậy hoàn toàn có thể làm được. Tôi nói cái khó khăn về kỹ thuật trên đây không phải là nói những thứ này, mà là không có cách nào để làm một cái nỗi khổng lồ, cho ngọn núi m vào đó để cả năm âm u, mù mịt không có ngày đêm, người vào đó sẽ cảm thấy đầu óc mơ màng, thương thương như chẳng có cách nào thoát khỏi. Vì theo như người đã đến thế giới âm phủ nói lại thì ở đó toàn là bão cát: “Dài như khi tháng Mười một, tháng Mười hai tuyết âm rơi”[4], hoặc là “sắc trời ngưng lại, gió hoàng hôn thổi rào rào”[5], hay như “Hoàng sa rộng mênh mông, không nhìn thấy nhật nguyệt”[6].

[1] Nghĩa là: đến núi m ngắm hoa.

[2] Nghĩa là: phong cảnh phía sau núi m rất

[3] Nghĩa là: ban đêm điều tra Phan Hồng.

[4] Ghi trong Thông âm ký của Trần Thiệu, đời Đường.

[5] Trong Thanh tảo cao nghị của Lưu Phủ, thời Bắc Tống.

[6] Trong Tử bất ngữ của Viên Mai.

Quỷ môn quan

Quỷ môn quan, hiểu trên mặt chữ có thể gọi đó là cửa khẩu đưa đến thế giới âm phủ. Linh hồn của người ở bên ngoài cửa, trên danh nghĩa vẫn là hồn sống, đi qua Quỷ môn quan thì mới chính thức nhập hộ khẩu và trở thành người nơi âm phủ. Nhưng ở thời cổ, việc miêu tả về địa ngục hoặc thế giới âm phủ hầu như không nhắc đến vấn đề này. Trên thực tế, việc phân chia hai thế giới âm - dương cũng không thể xác định rõ ràng được, vì vậy ba chữ “Quỷ môn quan” về cơ bản vẫn là mang ý nghĩa tượng trưng. Cuốn Lưu chúc y được ngữ[7] của Hồng Mai thời Nam Tống, trong tập Di kiên chi canh có viết, hồn ma bị lang băm trị bệnh mà chết nói: “Cả nhà tôi có hơn mười người già trẻ, tất cả đều dựa vào tôi mà sống. Nay tôi chỉ một lần uống nhầm thuốc mà chết, ngũ tạng của tôi giống như có dao cắt, dạ dày thối rữa, làm thế nào để có thể sống lại đây? Nay phải đến Quỷ môn quan ngồi chờ!” Ý nghĩa của câu nói này là ngồi ở quan phủ dưới âm gian để chờ gặp, sau đó sẽ cùng toàn thể oan gia khởi kiện lên trên để tính sổ với tên lang băm, chứ không phải đó là nơi ngồi đợi đến lượt gia nhập vào cõi âm gian. Nơi ngồi chờ được nói tới trên đây chắc hẳn là có nha đầu và chó canh cửa, vì thế đó thực sự cũng không phải là địa điểm lý tưởng để hẹn hò hoặc chờ đợi người khác.

[7] Nghĩa là: thầy thuốc họ Lưu lấy nhầm thuốc.

Nhưng sự xuất hiện của chữ “Quỷ môn quan” đã có từ trước thời Nam Tống. Bởi lẽ, vào triều Đường người ta đã gọi những nơi nguy hiểm, dã man, hoang tàn là “Quỷ môn quan” rồi. Trong Cựu đường thư, địa lý chí tứ có viết:

Ba trăm dặm về phía nam huyện Bắc Lưu có hai tảng đá đứng đối mặt vào nhau, ở giữa rộng đến ba mươi bước chân, tục gọi là “Quỷ môn quan”. Tướng quân Hán Phục Ba khi đánh giặc, đi đến đây là hết đường, liền lập bài vị bằng đá, điều này có ghi trong trang tám táA, đoạn cuối. Phía nam đặc biệt nhiều bệnh chướng khí, người đi vào đó cơ hội sống sót vô cùng mong manh, ngôn ngữ có câu: “Quỷ môn quan, thập nhập cửu bất hoàn.”[8]

[8] Nghĩa là: Quỷ môn quan, mười người vào thì chín người không có đường quay trở lại.

Bắc Lưu nay thuộc Quảng Tây, nơi đây nổi tiếng nhất là Quỷ môn quan, nhiều đời nay trong thơ ca đều có người nhắc đến địa danh này. Có lẽ gọi tên này là bởi vì địa hình nơi đây giống như một cửa ải của thiên nhiên, và điều quan trọng hơn nữa là vào Quỷ môn quan này “thập nhập cửu bất hoàn”, chướng khí bốc lên gây bệnh hại người, người mặc giáp nam chinh, triều thần bị giáng chức đưa đến nơi này đều khó mà quay về phương Bắc được.

Ngoài ra, theo như Viên Tử Tài, Đàm Nhĩ (nay là Hải Nam) cũng có một nơi như thế, bốn bề núi non trùng điệp, ở giữa 40 một con đường, trên vách viết ba chữ “Quỷ môn quan”, bên cạnh khắc thơ 40 của Lý Đức Dự đời Đường, vì lúc ông ta bị giáng chức đến Nha Châu, đi qua nơi đây liền nói: “Một khi đã đi thì đi tới hàng vạn dặm, mười người đến thì chín người không về. Quê hương ở nơi đâu, muốn sống thì phải vượt qua Quỷ môn quan này.” Chữ viết rộng khoảng năm thước, nét bút khỏe khoắn. Qua nơi đây thì mây độc cỏ ác, động vật kỳ quái, thời tiết nóng lạnh thất thường, giống như đi đến thế giới của ma quỷ, chứ không phải nơi của con người nữa.

Những nơi khác như Quỷ Châu - Tứ Xuyên, Bình Lương - Cam Túc cũng đều có địa danh là Quỷ môn quan. Ở đây hàm ý của nó là chỉ nơi nguy hiểm, chứ không có nghĩa là một đi không trở về nữa. Nhưng đến thời nhà Thanh, Quảng Tây đã phá “Vương hoa”, Bắc Lưu không còn là “thập nhập cửu bất hoàn”, đồng thời vì được phát hiện là “nơi chứa đầy bạc”, Bắc Lưu đã trở thành vùng đất béo bở, kiếm được nhiều tiền, bởi thế lúc này có người cho rằng, về mặt chữ đã có sự nhầm lẫn, cái gọi là “Quỷ môn quan” chính là để chỉ “Quê môn quan”. Quảng Tây được gọi tắt là Quế, cách nói này cũng có thể được xem là trường hợp ngoại lệ.

Nhưng chắc hẳn dân gian phải có quan niệm về Quỷ môn quan ở dưới âm phủ thì mới có sự so sánh với Quỷ môn quan ở trên dương thế. Mà Quỷ môn quan ở dưới âm phủ cũng chỉ là một cách nói Aang ý nghĩa tượng trưng. Mãi đến sau thời Nguyên - Minh, trong kịch nói mới xuất hiện hình ảnh Quỷ môn quan và từ đó đã trở thành cách gọi tắt của dân gian đối với âm phủ. Trong Tây du ký, hồi thứ mười đã làm rõ hơn một chút về khái niệm Quỷ môn quan, nhưng lại không giống như sự tưởng tượng của chúng ta, đó là một quan ải lớn như Sơn Hải Quan, nhỏ như Nương Tử Quan, mà lại là đại môn của ngôi Thành Từ.

Thái Tông Trúc và Thôi Phấn Quan, hai đồng tử đi bộ về phía trước, bỗng nhìn thấy một tòa thành, trên cổng thành có treo một tấm biển lớn, bên trên đề rõ bảy chữ: “U minh địa phủ Quỷ môn quan.”

Bởi vì là cổng thành nên sau khi vào đó sẽ thấy người đi bộ trên đường, đi tiếp là đến trung tâm chính trị Lâm La Bảo Điện của thế giới âm phủ. Nhưng đến hồi thứ mười một, khi Lưu Kim chui vào quả dưa lạ bỗng nhiên được đến thẳng Quỷ môn quan.

Quỷ sứ gác cổng hỏi: “Người là ai? Sao dám đến nơi đây?” Lưu Kim đáp: “Tôi phụng sự hoàng đế Đại Đường - Đường Thái Tông mang dâng tặng loại dưa quý bao đời Diêm Vương rất thích dùng.” Quỷ sứ vui vẻ tiếp nhận. Lưu Kim đi đến Lâm La Bảo Điện, gặp được Diêm Vương.

Như vậy ta thấy, Quỷ môn quan được miêu tả cũng chỉ giống như cổng lớn của cung phủ mà thôi. Có thể thấy tác giả 40 của Tây du ký đối với những tiểu tiết này quả thực không dụng tâm sáng tạo cho lắm nên chỉ mượn hình ảnh Quỷ môn quan để thể hiện ý đồ đã đi vào thế giới âm phủ mà thôi.

Từ Khánh Tân - gia nhân của Khang Hy biên soạn cuốn Tín chính lục, trong đó có lấy một bài Hồi dương ký của Hải Xương Trần Thực Văn, nói về việc sau khi vào thế giới âm phủ, trước tiên phải uống canh của Thi bà bà, sau đó mới được vào Quỷ môn quan. Nhưng cửa ải này lại giống như Nhận môn quan của “Tứ Lang thăm mẹ”, không thể tùy tiện ra vào. Cửa lúc nào cũng đóng kín, có hơn mười con ma mặt xanh, nanh vàng, lông lá đầy mình, chân đi đất, tay 40 cầm giáo đứng canh, phải có giấy thông hành mới được mở cửa cho vào. Nếu không có giấy thông hành thì “người có Đạo pháp thì gọi Thái Thượng Lão Quân, kẻ có Phật pháp thì gọi Tam Thế Như Lai, người hành thiện thì gọi Quan m cứu khổ”, chỉ cần là môn đồ của “hội đạo môn”[9] thì có thể tùy ý ra vào.

[9] Nghĩa là: tụ hội của các đạo.

Nếu như theo ý thức của người bây giờ, “hảo tử bất như lại hoạt trước” (thà dựa vào mà sống, còn hơn là chết đẹp), Quỷ Aôn quan không vào thì thôi. Thực tế không phải như vậy, bởi trước khi linh hồn đến Quỷ môn quan thì thể xác cũng sắp hỏng rồi, đường quay về cũng đã bị ngắt đoạn, muốn trở về không phải là điều đơn giản, vì thế, ngoài việc nhập hộ khẩu vào thế giới u minh thì chẳng còn con đường nào khác có thể đi.

Ngoài ra, trong Tử bất ngữ của Viên Mai, cuốn hai mươi Quỷ môn quan cũng đưa ra những kiến giải tương tự như thế này, nhưng nói rõ hơn một chút, Chu Tú Tài của Thái Vương vì lâm trọng bệnh, không thể cứu chữa đã chấp nhận để Nhị Thanh Y dẫn vào thế giới âm phủ:

Đi hơn mười dặm, đến một cửa thành, song môn cao to sừng sững, đóng kín, phía trên cổng thành viết ba chữ “Quỷ Aôn quan”. Nhị Thanh Y gõ cửa mà không có người trả lời, lại gõ tiếp, bên cạnh đột nhiên xuất hiện một con ma, diện mạo rất hung ác, có vẻ như muốn gây gỗ với Nhị Thanh Y. Nhìn từ xa thấy có hai chiếc đèn màu đỏ, trong chiếc kiệu có một vị trưởng quan, ông ta được truyền đến. Khi nhìn gần, trông giống như Hoàng Thần của Thái Dương Châu Thành, thần hỏi: “Người tên họ là gì?” Ông ta đáp: “Ta là học trò của Khoáng Thương Châu.” Thần lại nói: “Người đến quá sớm, nơi đây không được ở lại lâu.” Sau đó ông ta được chỉ dẫn con đường trở về.

Thì ra Chu Tú Tài chưa phải chết, còn Nhị Thanh Y có thể là tà ma gì đó, vì thế mà ma giữ cổng đã không cho vào bên trong. Và trưởng quan cũng lắc đầu từ chối. Họ làm thế hoàn toàn không sai. Nhưng nếu như không gặp Thành Hoàng của Thái Thương, hồn sống của Chu Tú Tài chỉ có thể đợi ở trước cửa mà không có đường về, thậm chí tình hình có thể còn tồi tệ hơn nữa. Đương nhiên, hồn ma nhập Quỷ môn quan cần phải có giấy thông hành, xuất quan càng không thể hồ đồ được. Trong Tín chính lục của Từ Khánh Tân, phần Thấm Lục Phi phục sinh có viết, sau khi Thấm Lục Phi xuống âm phủ mới phát hiện là bị bắt nhầm, được quan ở âm phủ thả về. Ở đây chỉ nói là quan, tuy không nói rõ là “Quỷ Aôn quan”, nhưng đối với việc phân biệt âm - dương thì có lẽ không 46 vấn đề gì.

Có sứ linh ra, đến quan thứ nhất, hỏi: “Có văn thư không?” Ông ta đáp: “Không có!” Quan giữ cổng nói: “Đã phải đến âm phủ rồi, nếu không có văn thư thì thể xác sẽ bị hỏng. Ta cho người mang văn thư đến, người lập tức phải điền vào.” Ông ta liền đặt bút chấm mực thành chữ kim.

Nhân đây xin nói thêm một chút về Quỷ Aôn quan của Phong Đô Quỷ Thành tại Tứ Xuyên (nay thuộc thành phố Trùng Khánh). Giáo sư Vệ Huệ Lâm có bài “Điều tra về tập tục tôn giáo ở Phong Đô”, trong bài viết có nói: “Trên núi ở huyện Phong Đô có một Điện thái tử Diêm La, cổng sau của điện gọi là Quỷ môn quan. Từ Quỷ môn quan đi xuống theo hướng tây nam là Vọng hương đài.” Quỷ môn quan này vốn dĩ là cảnh quan nhân tạo, không biết chính xác được xây dựng từ khi nào, nhưng trong Tử bất ngữ của Viên Mai, cuốn thứ năm Tây tử hà xa có đoạn ghi lại việc này, đồng thời cho rằng Quỷ môn quan là có thật:

Huyện Phong Đô, Tứ Xuyên, sai dịch Đinh Khải đưa văn thư về Quỷ Châu. Qua Quỷ Aôn quan, phía trước có tấm bia đá, trên thư viết ba chữ “m dương giới”[10]. Ông ta đi xuống phía dưới tấm bia, say sưa thăm thú hồi lâu mà không hề hay biết mình đã đi ra thế giới bên ngoài.

[10] Nghĩa là: thế giới âm và dương

“Thế giới bên ngoài”, chỉ một bước chân mà đã đến được thế giới âm phủ, thế là gặp lại thế tử sau nhiều năm xa cách.

Ngoài ra, trong dân gian có “m Dương hà”[11], thương khách Trương Mậu ThêA muốn đi đến huyện Phong Đô để tìm hiểu về phong tục của địa phương, tiểu nhị nói với ông ta: “Đi ra cửa quán, theo hướng naA sẽ gặp một 4on đường lớn, rồi gặp một đền thờ bằng đá, đó chính là “âm dương giới”. Ở bên này giới thì cảnh làm ăn buôn bán rất náo nhiệt, đông vui, nhất thiết không được đi qua phía bên kia của âm dương giới, nơi đó là đất của ma.” Ở đây nói đến đền thờ “âm dương giới”, chính là Quỷ môn quan mà Viên Mai đã nói.

[11] Nghĩa là: sông m Dương

Nghe nói hiện nay “Quỷ môn quan” ở Phong Đô vẫn còn, nhưng tôi chưa đến đó bao giờ, theo dự đoán chắc hẳn sẽ không thật được như Sơn Hải Quan hoặc Nương Tử Quan, và cũng sẽ không giả như “không thành kế” trong kịch nói. Mà vào Quỷ môn quan vẫn còn các điểm như “Đường đến hoàng tuyền”, “Vọng hương đài”... chỉ cần không thu vé vào thì có thể yên tâm mà đi qua.

Cầu sông Nại

Thực chất âm phủ là nhân bản của chốn nhân gian, vì thế cảnh núi, sông, cây, cối ở dương gian khi xuất hiện dưới âm phủ cũng là rất hợp lý. Duy chỉ có sông Nại lại không giống như các con sông khác, nó là một dòng sông bẩn, có máu. Nghiêm khắc mà nói, “sông Nại” là chỉ “địa ngục” (hay Naraka) trong kinh Phật - một sự biến hóa của âm từ, do vậy “sông Nại” chính là địa ngục! Nhưng địa ngục trong tiếng Trung Quốc dịch ra một cách văn nhã lại biến thành “sông Nại”, vậy thì cũng có thể để nó trở thành “hà lưu” rồi.

Ở đây, trước tiên chúng ta xem xét sự biến đổi của sông Nại từ thời Đường trở đi, cùng với sự xuất hiện của “hà lưu” nơi dương thế, lâu ngày sông Nại từ con rạch nhỏ biến thành dòng sông lớn. Trong Tuyên thất chí của Trương Độc thời nhà Đường cho rằng đó là một con sông rộng đến mức “không đếm được bao nhiêu thước”.

Tổng quan xuất phát từ Dương Thành đi về phía tây. Họ đi qua nơi có rất nhiều cỏ cây mọc dày san sát, trải rộng đến khôn cùng, nước có hai màu đỏ và xanh ngọc bích, giống như một tấm thảm lớn. Đi hơn mười dặm thì thấy một nguồn nước rộng không đếm được bao nhiêu thước, chảy về hướng tây nam. Quan hỏi Linh Tập, Tập đáp: “Dân gian gọi đây là sông Nại, có nguồn gốc từ địa phủ.” Quan liền nhìn xuống nước, thấy có cả máu đỏ, vô cùng kinh hãi không dám lại gần. Lại nhìn thấy trên bờ có người đem đến vài trăm bộ quần áo, Tập nói: “Đây là quần áo của người đã mất, họ sẽ đi vào âm phủ từ đây.”

Sông xuôi kiểu như thế này không cần phải có cầu, vong hồn đến đây phải cởi bỏ quần áo, để lại tất 4ả ở trên bờ, sau đó lội chân trần qua sông, thế là đã chính thức bước vào âm phủ rồi. Con sông Nại này là ranh giới - giống như giới âm phủ thứ hai, gọi là “âm dương giới”. Trong Đại Mục Càn Liên u gian cứu mẫu biến văn[12] cũng miêu tả với nội dung tương tự:

[12] Nghĩa là: sự biến đổi trong bài Mục Càn Liên đến âm phủ cứu mẹ mình.

Mục Liên nghe thấy thế, liền từ biệt đại vương ra đi, đi được vài bước đã đến gần sông Nại, gặp vô số người cởi áo mặc lên cành cây, nhưng lại không thể đi qua được, 4ứ đi đi lại lại, sau đó ôm đầu khóc thảm thiết.

Con sông Nại này chảy từ đông sang tây, nước chảy siết, không còn là con suối nhỏ trong Tuyên thất chí miêu tả trước đó. Hai bên bờ sông đều có cây cối, vong hồn mặc quần áo lên trên đó, sau đó phải lội qua sông, trước khi vượt qua dòng nước cần điểm danh, “ngưu đầu đem theo gậy xích đến bên bờ sông, giở sổ gọi tên, ai không muốn qua sông cũng không được.”

Trong Tục mặc khá4h huy tê của Bành Thừa, thời Bắc Tống, cuốn thứ năm, Hiến hương tạp kịch cũng nhắc đến sông Nại, theo sự hiểu biết của con người, dòng nước đó chắc hẳn rất sâu.

Tăng nói: “Đi đến địa ngục, gặp điện Diêm Vương, bên cạnh có một người áo đỏ đang ngồi câu cá, nhìn kỹ thì đoán rằng đó là người giám sát dòng nước, tay giơ lên một vật, nhìn trái nhìn phải rồi nói: “Nước sông cạn thế này thì hiền kế gì được, chắc chỉ còn cách khơi thông dòng nước mà thôi.” Để mong nhận được ân thưởng từ triều đình, Thúc Hiến đã bóc lột sức dân bằng mọi cách nhằm cải thiện công tác thủy lợi. Từ đó, bách dân trăm họ rơi vào cảnh khốn cùng, đâu đâu cũng thấy vang lên tiếng khóc than thảm thiết.

Trong tác phẩm Tam bảo thái giám tây dương ký ở phần Kế Kim Bình Mai hồi thứ tám mươi bảy, có dẫn ra một câu chuyện, Đinh Thư nói, tuy trên sông có ba chiếc cầu nhưng vong hồn có tội thì không thể qua được, chỉ có thể lội qua dòng sông Nại này để đi vào thế giới âm phủ.

Con sông Nại này là từ phương Bắc u minh đại hải chảy ra một dòng nước vô cùng kinh tởm, chạy vòng quanh phủ Đông Nhạc, phạm là người thường thì đều phải qua nơi này. Nước đen mênh mông, chảy cuộn cuộn, mùi thì tanh hôi, hoặc là lạnh như băng tuyết, hoặc là nóng như lửa thiêu, tùy thuộc vào nghiệp chướng của từng người, sẽ có độ nóng sâu khá4 nhau, cũng có người bị nước ngập đến đầu, có người thì đến eo, đến mu bàn chân, nơi đó có rắn độc, yêu quái thò đầu, há to miệng, tùy nó thích gặm thịt hay thích hút máu, nơi đó đã đi thì đừng nghĩ chuyện quay lại.

Thì ra con sông Nại đối với những linh hồn có tội là một hình phạt ghê gớm. Về việc nước nóng, sâu, nóng, lạnh còn phụ thuộc vào nghiệp tội các hồn ma mắc phải mà tự động biến hóa. Có thể thấy, từ thời nhà Đường đến thời nhà Thanh, cổ nhân đã tưởng tượng ra nhiều câu chuyện có ý nghĩa to lớn trong việc điều chỉnh nhân cách và hành vi của con người.

Thời nhà Thanh có biên soạn cuốn Ngọc lịch bảo sao, trong đó cũng nhắc tới một dòng sông, nhưng nó không đưa đến âm phủ mà lại là nơi giam phạt những người phạm tội đã chịu qua mười điện, uống canh của Mạnh bà bà trước khi vào lục đạo luân hồi, cũng có nghĩa là cách âm phủ không xa trước khi được luân hồi chuyển thế. Mặc dù vậy, ý nghĩa của đoạn văn rất khó hiểu, người đọc khó có thể hiểu hết dụng ý của tác giả giống như cũng được uống một thứ canh mê hồn vậy.

Các linh hồn buộc phải uống thứ canh mê hồn do một người đầy tớ bê ra. Ở phía dưới có dòng nước chảy siết, màu đỏ máu, thịt người mắc cạn đây khe suối. Nhìn theo hướng cây cầu, trên bờ bên kia có bốn hàng chữ lớn màu đỏ, viết: “Vi nhân dung dịch tác nhân nan, tái cần vi nhân khổng canh nan, dụ sinh phúc địa vô nan xứ, khẩu và tâm đồng tịnh bất nan.”[13] Khi các linh hồn đang chăm chú đọc, bất chợt ở bờ bên kia nhảy ra hai con ma lớn, tách nhau ra nhảy bổ xuống mặt nước, hai bên đứng không vững, rơi xuống dòng

nước đỏ đang chảy xiết, tùy theo sự nông, sâu, yếu, mạnh mà may mắn giữ được thân người lành lặn... Các linh hồn như tỉnh như mê, chia nhảy vào các phòng xá, âm dương biến đổi, không khí ảm đạm, mơ màng, điên đảo, không thể tự do đặt chân lên Tử Hà Xa mà chạy thoát khỏi thai nương...

[13] Nghĩa là: Thành người thì dễ mà làm người thì khó, muốn làm người mà để người khác phải nể sợ e rằng càng khó hơn, nơi đất có phúc thì không có hạn, nếu biết đồng tâm đồng chí thì không việc gì là khó khăn.

Các đoạn khác trong Ngọc lịch bảo sao không còn thấy nhắc đến sông Nại, không biết con sông này có phải là nói sông Nại hay không, hoặc cũng có thể là khúc sông Nại chảy vòng qua ngọn núi âm nào đó.

17. Chương 07 - Part 2

Điều đặc biệt hơn, trong Liêu trai, sông Nại lại biến thành cống nước thải trong thành, tất cả rác rưởi của cửu u thập bát ngục đều quy tụ về nơi đây. Trong cuốn Vương thập cũng nhắc đến điều này: “Nước sông vô cùng hỗn độn, mùi thối không thể ngửi”, trầm tích còn lại chỉ là “thịt nát xương tan”, mà trong Tửu cuồng lại cho thêm vào đó một vài tình tiết nhỏ khác: “Trong dòng nước có một vật rất sắc, đâm thẳng vào bắp chân, cử động rất khó, đau đớn vô cùng, nước đen bẩn, hôi thối, tự nhiên chảy vào trong cổ họng, thật khó có thể chịu đựng được.” Đây chỉ là tùy ý chỉ ra vài điểm mà thôi, tất cả có trong tiểu thuyết của Bồ Ông. Chỉ vài tiểu tiết ấy cũng đủ cho ta thấy, thành thị từ thời xa xưa cũng đã có cảnh ô nhiễm như thế này, còn khoảng cách của nó đến sông Nại xa gần ra sao có lẽ cũng không cần thiết phải kiểm tra độ chính xác.

Tiếp đến, chúng ta cùng tìm hiểu về cầu sông Nại, tức cây cầu bắc qua sông Nại. Trong Dật dương tạp trở của Đoàn Thành Thúc người đời Đường, đầu cuốn thứ hai Minh kinh Triệu Nghiệp có viết về Triệu Nghiệp bị bệnh nặng phải đến âm phủ.

Lúc đầu tinh thần du tản, không tập trung, đi đứng như trong mộng, có Chu Y Bình Trách dẫn đường đến phía đông. Ra khỏi núi, đến nơi bị cắt đoạn, thấy có rất nhiều người. Đứng đó quan sát hồi lâu, lại tiếp tục đi đến phía đông, thấy có một cây cầu được sơn son thiếp vàng. Bước qua cây cầu là vào trong thành, đến được Tào Tư, người dân sinh sống ở đây rất đông.

Con sông này chính là sông Nại và dùng vàng bạc để trang trí thành cây cầu bắc ngang. Cây cầu đó tuy không có tên gọi cụ thể nhưng người xưa vẫn gọi nó là cầu sông Nại. Về sau, trong bút ký của người đời Tống, còn được gọi là “cầu U Tư”[14]. Chỉ đến cuốn thứ ba Đoàn nguyên đường tể trong tập Di kiên chí bổ mới nói rõ hơn về “cầu sông Nại”. Đồ tể Đường Phúc chỉ vì giết chết một con nhện mà bị dẫn đến sông Nại chịu tội, Đường Phúc cầu xin: “Tôi tự ngẫm cả đời không giẫm đạp lên côn trùng, chỉ nhớ là đã giết mười ba con trâu, hai mươi con lợn, nếu như được thả ra, xin thề sẽ cải tạo” và:

[14] Theo Hồng Mai, cuốn thứ tư, Thái dương bộ Vương thị phụ, trong Di kiên chí mậu.

Viên lại nói: “Đây không thuộc thẩm quyền quyết định của ta, đi đến đầu cầu sông Nại, đích thân nhà ngươi hãy nói với Phán quan về ý nguyện của mình.” Và cả hai cùng đi tới đó. Khi đến bên bờ sông, ngược nhìn lên cây cầu cao bắc ngang qua sông, một vị quan áo mũ chỉnh tề đang đứng chờ ở đó, trên tay còn cầm một cuốn sổ. Viên lại ghé vào tai người kia nói: “Đó chính là Phán quan!” Hai con chó dữ sủa vang khắp một vùng, hung dữ lao ra ngăn cản không cho ai qua. Thấy vậy, người đồ tể cung kính vái chào. Vị quan áo đỏ đọc trong cuốn sổ cầm trên tay, nói: “Có lẽ đã có sự nhầm lẫn ở đây, kẻ giết Hi Tử là Bành Phú, không liên can đến người, tức là tuổi thọ của người vẫn chưa hết, người có thể quay về dương thế!”

Những tài liệu này không những xuất hiện trong các tác phẩm văn học, mà còn là những tài liệu đầu tiên lý giải rõ ràng sông Nại chính là cánh cổng dẫn vào thế giới âm phủ. Chỉ những hồn ma và những người đáng chết mới phải vào bên trong còn những người không đáng chết ngay lập tức phải quay về dương thế, ngay cả khi muốn nhìn mặt Diêm Vương cũng không được (đây có thể là để khống chế những người dân xảo trá ở dương giới đến, giống như kiểu Tịch Phương Bình đến kiện âm phủ), bởi ở đó luôn có hai con ác cẩu sẵn sàng chặn lại, điều này trước và sau sẽ không nhắc lại nữa. Nhưng hai con ác cẩu này không phải là không có lai lịch, nó có nguồn gốc từ trong truyền thuyết cổ của Ấn Độ, nói về hai con khuyển bốn mắt Saladida của thần cai quản địa phủ Diêm Ma.

Trong Di kiên bính chí, cuốn mười, Hoàng pháp sư tiểu[15] nói âm gian có một “con sông có màu xám”, giống như đời Đường có người nói về sông Nại, có thể có sự hiểu nhầm đó là sông Nại. “ ” (nại) “ ” (khôi), hai chữ gần giống nhau về nét (địa ngục trong kinh Phật có “khôi hà ngục”[16], có thể do đó mà hiểu nhầm, điều này cũng không thể khẳng định chắc chắn được). Trong tác phẩm ấy có nhắc đến cầu trên sông Nại, nhưng chỉ là để cho những người vô tội đi qua sông, ở đó hoàn toàn không có Minh sứ hay chó dữ đứng trông, còn về người bị trọng tội, thì vẫn giống như trước đây có ghi lại, phải cởi áo lột qua sông, mà trên bờ có nhiều cây cối thì phải cởi áo ra và mắc lên đó. Nhưng có cái không giống như trước đây, đó là những chiếc áo này khi mắc lên đều phải viết rõ tên của mỗi người, sau đó đặt lên xe, chuyển qua cầu, khi qua được sông thì người đó lại mặc vào. Trên người không một mảnh vải đến gặp Diêm Vương thì cũng thật mất mặt, có thể thấy quan dưới âm phủ cũng đang dần dần trở nên “nhân tính hóa”.[17]

[15] Nghĩa là: lễ tế rượu của Hoàng pháp sư.

[16] Nghĩa là: ngục ở sông Khôi.

[17] Cây này trong Tuyên thất chí là móc dùng để cho vong hồn treo quần áo, nhưng trong Thanh tảo cao nghĩa Lưu Phủ thời Bắc Tống, tự nhiên cho nó biến thành một cây cao trăm thước, thân gỗ khô rộng tới sáu mươi vòng. Cây to như thế này không thể mắc quần áo, chỉ có thể làm nơi vong hồn ngồi nghỉ dưới gốc cây. Chỉ là cái cây này cao trăm thước, thân gỗ rộng tới sáu mươi vòng, đây là cây ở đâu, rõ ràng đó là những tảng đá to lớn có hình dạng giống như cây mà thôi.

Tiểu thuyết và kịch nói của hai đời nhà Minh và nhà Thanh nhiều lần có nhắc đến cây cầu bắc qua dòng sông Nại, nhưng mỗi người lại nói mỗi kiểu khác nhau. Rõ nhất là trong Tây du ký, khi Đường Thái Tông vào âm phủ được đi qua cầu sông Nại. Trên sông để vào âm phủ có ba cây cầu, một là cầu vàng, hai là cầu bạc, ba là cầu sông Nại. Dưới chốn âm gian cũng có sự phân biệt đối xử, cầu vàng chỉ để chuẩn bị cho các bậc hoàng đế, vương, tướng, những người trung hiếu, hiền lương, công minh chính đại cũng chỉ được đi qua cầu bạc, còn lại những hồn ma vô công, vô đức chỉ có thể đi qua cầu sông Nại mà thôi. Đó là cây cầu “gió mùa đông thổi liên tục, sóng bằng máu chảy cuộn cuộn và không ngừng vọng lại những tiếng khóc than.”

Cầu dài vài mét, rộng chỉ bằng ba cái mồm trên đầu mũi, cao những trăm thước. Bên trên không có lan can để bám, bên dưới có kẻ cướp tác oai tác quái. Gông quần quanh người. Người hãy nhìn xem, thần tượng ở cây cầu đó rất hung ác, ngang tàng, những hồn ma ác nghiệt dưới lòng sông lại vô cùng khôn ngoan, trên nhánh cây có treo những chiếc áo đủ màu xanh, đỏ, vàng, tím... phía đầu tường quay về bờ, người phụ nữ quỳ phục xuống chính là hạng dân đảng, khi còn sống luôn miệng mắng chửi bố mẹ chồng. Rắn đồng, khuyến sắt tranh nhau xông lên cắn xé, ăn thịt, vĩnh viễn không có đường thoát khỏi dòng sông Nại.

Cuốn Kế Kim Bình Mai của Đinh Xán Khang cũng nói đến ba cây cầu, nhưng là vàng, bạc, đồng, nói chung đều gọi là cầu sông Nại. Nhưng không nói đến tư cách của những hồn ma đi qua cầu, bọn họ chỉ có thể bơi qua sông:

Con sông Nại này bắt nguồn từ phía Bắc chốn u minh đại hải, chảy ra một dòng nước vô cùng bẩn thỉu, chạy vòng quanh phủ Đông Nhạc, phàm là người thường thì đều phải qua nơi này. Có ba cây cầu, một là cầu vàng, là đạo Phật, đạo Thánh, đạo Tiên đi về nơi đây, hai là cầu bạc, là thiện nhân, hiếu tử, trung thần, nghĩa sĩ, tiết phụ, trinh phu đi đến nơi này, còn lại là một cây cầu đồng, dành cho những người bình dân tốt bụng, hoặc có quan thanh, hoặc có hương bình, tích đức không rước tiền, hoặc luân hồi không có trọng tội, hoặc sinh ra trong gia đình giàu có, chuyển sinh quan tước, hoặc nữ hóa thành nam, có nhiều công lao... mới được đi cây cầu này. Tất cả đều có sự phân biệt rõ ràng. Cây cầu thần xuất hiện thì sẽ không có ma, xứng đáng đi cây cầu nào, đi đến bên bờ sông, cây cầu đó sẽ xuất hiện, liền sau đó sẽ có đồng tử dẫn đường, không xứng đáng đi thì cây cầu sẽ không xuất hiện, chỉ có dòng nước đen ngòm mênh mông, chảy cuộn cuộn như sóng biển...

Nhưng trong Tam bảo thái giám tây dương ký hồi thứ tám mươi bảy, trên sông Nại lại có duy nhất một cây cầu, chỉ người tốt mới được đi qua.

Chỉ nhìn thấy đằng trước có một con sông máu, đi ngang qua, bên trên có duy nhất một cây cầu gỗ, rộng không quá một thước, vừa tròn vừa trơn. Vương Minh đi đến bên cầu, chỉ nhìn thấy trên cầu cũng có người đi, trần phan bảo cái (cờ dài và cái lọng quý, còn gọi là tàn quý), tiền hô hậu ứng. Dưới cầu cũng có chỗ ngấp máu, có những người buộc phải đi qua đó, bên cạnh lại có nhất đẳng Kim Long Ngân - con bò cạp, chó sắt, rắn đồng tập trung bên những người đó, người bị cắn, kẻ bị thương. Vương Minh hỏi Phán Quan: “Tỉ phu, đây gọi là cầu gì mà sao thấy nguy hiểm vậy? Có người thì đi được, nhưng lại có người không đi được?” Phán Quan đáp: “Đây gọi là cầu sông Nại, làm ma thì đều phải đi qua đây. Nếu như khi làm người trần, tâm thuật quang minh, hành động chính đại, trong đời không có gì là không dám nói với người khác, không có gì là không dám để trời biết, những người chính nhân quân tử chết xuống âm phủ, Diêm quân đều rất khâm phục và kính trọng, không dám lãnh đạm, lập tức dẫn dò kim đồng ngọc nữ, trường phan bảo cái, hướng dẫn quân tử đi trước, người ủng hộ theo sau, đi qua cây cầu này giống như đi dưới đường bằng phẳng vậy. Còn nếu ở trần gian tâm thuật ngu muội, hành động quỷ quyệt, làm trái luân thường đạo lý, làm ngược với lẽ trời, những hạng người này thuộc dạng âm tà tiểu nhân, chết xuống âm phủ, Diêm quân sẽ quát mắng người đi qua cây cầu này, có khi còn bị ngã xuống dòng sông máu, thì sẽ có Kim Long Ngân - con bò cạp, chó sắt, rắn đồng đến cắn và làm anh ta bị thương.”

Trong tiểu thuyết Thanh lâu mộng, hồi thứ ba mươi sáu có nói đến cầu sông Nại cao trăm trượng, rộng chỉ có ba phân, giống như trên khe núi hẹp có kẹp một dây sắt, vong hồn dù là thiện hay ác đều không dễ dàng đi qua nơi đây. Mà dưới chân cầu lại là “ao máu bẩn”, ở đó có không biết bao nhiêu nam nữ bị chết chìm. Đều là cầu sông Nại mà có đến bao nhiêu cách nói khác nhau, thật sự làm cho người ta không biết phải tin vào đâu.

Nói đến nổi băn khoăn, đắn đo, chọn lựa, trong Hồi dương ký của Trần Thúc Văn có nói: “Vào trong Quỷ môn quan liền nhìn thấy một cây cầu, nhưng trên cầu lại chia làm ba con đường, trong số đó có một đường tên là “sông Nại”. Dòng sông dưới cầu rộng khoảng hơn mười dặm, dòng sông ấy không được gọi với cái tên “sông Nại”, mà lại định danh là “khổ hải”[18]. Rõ ràng kể chuyện về ma luôn phải biết cách sáng tạo những điều mới lạ, có như vậy mới thu hút được sự chú ý của người nghe. Nhưng nói về sáng tạo, mỗi người đều tùy theo cảm hứng của mình mà viết thành chuyện, kết quả thường giống như kéo của Vương Mã Tử, làm cho người đọc không biết phải theo ai, chỉ cảm thấy tất cả những chiêu trò đó là lừa người mà thôi.

[18] Nghĩa là: biển khổ.

Ma ở thành Phong Đô canh giữ Trường Giang hầu như chưa bao giờ nghe nói về cảnh ở sông Nại. Sông Nại ở nhân gian phải đi đến chân ngọn núi Thái Sơn để tìm kiếm, bởi vì thực tế thì muộn nhất là đến đời Nguyên - Minh, con người đã quy ước sông Nại trở thành ký hiệu của âm phủ, còn tính vị trí, cảnh quan dịch chuyển xuống chân núi rồi. Trong Tân biên liên tương sư thần quảng ký - Hậu kỳ có đoạn viết:

Lý Cư vốn là người tài ba vùng Vệ Châu. Ông là tướng quân triều Chu Thế Tông, có tài cưỡi ngựa, bắn cung, lập nhiều công lớn cho đất nước. Sau này ông mắc trọng bệnh, nhiều người đến hỏi ông về bệnh tình, nhưng ông không nói, chỉ nói với đám đông rằng: “Ta đã truyền lại cho tướng quân Nại Hà.” Nói xong, ông ngừng thở. Hậu nhân lập đền thờ ông tại đây. Đến năm Khai Nguyên triều vua Đường Huyền Tông, phong ông là Linh phái tướng quân, năm Đại Trung Trường Phù triều vua Tống Chân Tông phong ông là Linh Hầu.

Cách nói “Nại Hà tướng quân” là đời thứ năm cũng được, Tống Chân Tông phong hầu cũng không có gì cần bàn cãi, tất cả những cái đó chỉ là do hậu thế truyền miệng, nên tin tưởng hay không cũng cần xem xét kỹ lưỡng. Có thể tin tưởng tuyệt đối có lẽ chỉ có người viết và biên tập Sư thần quảng ký là Tần Tự Phổ, người đời Nguyên mà thôi. Mà điều tra rõ hơn trong cuốn chín, Đại sử của Chí Long, thực sự là có tìm thấy vị trí của sông Nại:

“Miếu của Linh Phái Hầu nằm tại Châu Thành, phía đông con sông Nại. Tên thần gọi tên cũ là Nại Hà tướng quân, đời sau thông Tuyền Hầu.”

Sơn Đông khảo cổ lục của Cố Viêm Vũ cũng nhắc đến “Biện Nại hà”:

“Nhạc từ tây nam, có nước chảy từ trong cốc ra, thành kênh rạch phía tây, từ đại dụ khẩu đến phía tây Châu Thành gọi là sông Nại, bên trái núi Cao Lý, có cầu bắc qua, gọi là “cầu sông Nại”, truyền thuyết truyền từ đời này sang đời khác nói về hồn ma người chết không được phép đi qua cầu thì gọi là “Nại hà” (phải làm sao). Việc này cũng giống như Hán Cao Đế nói “bá nhân giả, bách vu nhân dã” vậy.

Núi Cao Lý cũng chính là Cao Lý Sơn, hiện tại núi Cao Lý nằm trong khu vực Thái An, giờ đã trở thành công viên, từ bến tàu đi bộ theo hướng đông nam chỉ vài phút là tới nơi. Bởi vì miếu Phong Đô đại đế ở đó đã bị thiêu hủy từ lâu, không còn người đến đó để thăm quan, chiêm ngưỡng. Quả thực đến nay tôi cũng chưa thực sự nhìn thấy cái gọi là ngọn núi phía bên trái sông Nại. Mà Thái Sơn khai hợp vạn tượng, thư thái nghìn phương, ở đó cũng không cần thiết phải dùng đến những thứ của ma giới để mời chào, có lẽ sông Nại và kênh Phong Đô, Vọng Hương Sầm dần dần rồi sẽ bị du khách lãng quên thôi.

Nói về cầu ở sông Nại, trong cuốn Thiết dịch hưởng tỏa ký, Lâm Thư - tác giả thời cận đại có viết:

Người Mãn (Phúc Kiến) cho rằng, muốn người chết được hưởng phúc dưới âm phủ thì phải mời đạo sĩ đến làm lễ tước rượu cầu phúc. Đến ngày thứ bảy người ta lấy các tấm gỗ chống lên thành cây cầu, dưới cầu có đốt đèn hoa sen, bên trên gắn rất nhiều lọng màn, người ta gọi đó là cầu sông Nại. Người ta làm một hình nộm giấy tượng trưng cho xác người chết, sau đó đặt hình nộm đó vào trong một chiếc xe giấy, con cháu dắt chiếc xe ấy qua cầu, rồi đem hỏa táng bên ngoài cổng. Sau đó, hỏi đạo sĩ làm như vậy người chết sẽ được đi tới đâu, đạo sĩ đáp: “Cái đó thì ta chịu ”

Bác y đình

Lúc đầu xem mấy chữ “bác y đình” này lại cho rằng là để thuận tiện cho các linh hồn cởi áo bên sông Nại mà lập ra một cái đình để che mưa che nắng. Nhưng một chữ “bác” lại làm cho người ta nghi hoặc, ví như cướp bóc, bóc lột... hay đại loại như vậy, đều ám chỉ một bên mạnh ào đến chèn ép một bên yếu. Vì thế nơi đây không đơn thuần là chỉ nơi hồn ma tự sửa sang dung mạo của mình (hay chính là chỗ để hồn ma cởi bỏ trang phục), mà nó giống như cách mà các đồ tể thường dùng để lột da. Mặc dù vậy, địa điểm của nó rất cụ thể và dễ bị phát hiện. Bác y đình này được khẳng định cũng từ sông Nại mà ra.

Vong hồn trước khi đi vào âm phủ cần phải cởi bỏ trang phục, cách nói này đã từng được nói đến trong Tuyên thất chí của Trương Độc, một học giả đời Đường. Và nguyên nhân của hành động kỳ lạ đó thật không dễ dàng cắt nghĩa, có thể là cuộc đời một con người, khi đến thì như con nhộng, còn khi đi thì lại không một mảnh vải che thân, mà sau khi con người chết, xuống dưới âm phủ thì cũng chỉ là linh hồn, con người có linh hồn nhưng quần áo thì không có hồn, vậy từ lúc anh ta thoát khỏi cái vỏ đó thì linh hồn đã trở thành linh hồn không mảnh vải che thân. Nhưng bất luận thế nào thì đó cũng là cách nói của dân gian về việc phải cởi bỏ trang phục trước khi qua sông Nại. Và cũng chính từ cách nói này mà đến đời nhà Thanh lại biến thành cách diễn đạt tinh tế hơn - “Bác y đình” dưới âm phủ. Cũng giống như việc những kẻ phạm tội ở trần gian, khi vào tù cũng phải cởi bỏ quần áo của mình và khoác lên quần áo phạm nhân. Điều này một cách vu vơ cũng có thể là nguyên nhân để tạo nên “bác y đình” trong thời hiện đại. Trong Chỉ trung nhân ngôn của Thanh Trình Chỉ Tường, quyển hai, Ngô mưu có đoạn:

Quý tay sai dẫn Ngô Du thập điện, uy phong lẫm liệt, không cần phải đợi, mà cầu sông Nại, Bác y đình, Vọng hương đài đều đã được nhìn thấy.

Trong Bắc đông viên bút ký kể biên của Lương Cung Thần, quyển bốn, U du xác ký[19] có ghi chép một câu chuyện kể lại sự việc tương tự như vậy một cách cụ thể, tỉ mỉ hơn.

[19] Nghĩa là: ghi lại chuyện du lịch dưới âm phủ.

18. Chương 07 - Part 3

Nhìn thấy ngoài trung đường quần áo chất thành núi, người đứng bên cạnh nói đây là Bác y đình, bất luận là có tội hay vô tội, quần áo mặc lúc lâm chung đến nơi đây đều phải cởi bỏ hết.

Ở đây nói về Bác y đình đã có sự thay đổi, bất luận là có tội hay vô tội, chỉ cần là quần áo mặc trên người thì đều phải cởi ra. Nhưng theo các trường hợp trước đây ở âm phủ, đó là nơi để bắt tù binh, không phải nơi tiếp đón của triều đình, có lẽ là nơi chỉ để hỏi tội, hỏi phúc của hồn ma, bất luận họ là hoàng thân quốc thích hay là bách dân trăm họ. Đường nhiên ý nghĩa của nó ở đây là việc thay đổi phong tục tang lễ không để vượt cấp.

Thanh lâu mộng, hồi thứ ba mươi tư lại đưa ra một cách nói hoàn toàn khác, ý nghĩa của Bác y đình là để cho những linh hồn có tội mặc da cầm thú lên người.

Đến đầu cầu Tiên, rộng đến mười phân, nhìn thấy ở giữa có một ngôi đình, có rất nhiều người ở đó. Ấp Hương đến gần để xem, thấy nhiều người đang vây quanh một người con gái đang giặt quần áo ở đằng xa, trong khoảnh khắc đã cởi sạch sẽ, trên người không mảnh vải che thân. Ấp Hương nhìn thấy vậy, đột nhiên rất tức giận, nói: “Chốn âm phủ thật là vô phép tắc, vì sao bắt một người con gái đoan trang lột bỏ hết quần áo như vậy?” Quỷ tay sai đáp: “Nơi đây là Bác y đình, phạm những phụ nữ ở trên dương thế không hiểu thuận với cha mẹ đều phải lột bỏ hết quần áo, để cho họ thay phận đổi kiếp, đi làm súc vật.” Quỷ tay sai vừa nói xong, thấy người con gái đó bò dưới đất, một tướng quỷ liền đem tấm da dê đặt lên người cô gái đó, mặt người thân vật, kêu khóc thảm thiết. Lại một tướng quỷ khác đem mặt của con dê ấn vào mặt của cô gái, rồi chỉ nghe thấy tiếng kêu của con dê, diện mạo xinh đẹp lúc trước đã không còn.

Bất kể là người hay là ma, bị lột trần như nhộng đi qua công đường, chỉ cần nghĩ đến thôi cũng thấy bất nhả lắm rồi, cho nên phong tục tang lễ ở một số nơi đã đưa thêm một điều khoản vào. Trung Hoa toàn quốc phong tục chí, tập ba, Hồ châu văn tục đàm cũng có đoạn ghi chép về Bác y đình như sau:

Tất cả mọi người sau khi chết đi đều phải đi qua đình này, nếu không sẽ bị ác quỷ lột bỏ. Về quần áo mặc lúc lâm chung, người nhà khi tụng kinh niệm phật siêu độ cho người chết cũng có câu: “Quần áo trên người của người ở đâu mà có, quần áo trên người của tôi ở nhà có, văn võ vá thái lâm, Quan m nương nương khai linh làm vòng dây cài khuy áo, khi mặc đi rồi không quay trở lại.” Vừa mặc vừa niệm, họ nghĩ rằng như vậy người chết sẽ không bị lột quần áo nữa.

Vẫn còn một điển tích rất độc đáo không thể không nói tới ở đây, đó là trong tiểu thuyết chương hồi viết về hàng rào phòng vệ núi của Sơn Đại Vương, không hề có Bác y đình[20], không làm gì cũng bị “Ngư tử” mổ lòng ngực moi tim. Việc làm này không biết có nhằm mục đích hòng đạt được linh cảm từ dưới âm phủ hay không?

[20] Theo Thuyết nhạc toàn truyền của Tiền Thái, người đời Thanh, hồi ba mươi ba.

Vọng hương đài[21]

[21] Nghĩa là: đài cao nhìn về cố hương.

Vọng hương đài cũng là một trong những cảnh dưới âm phủ mà nhiều người biết đến, tên gọi có ý nghĩa du nhập từ nhân gian vào. Vương Bột, người đời Đường đã từng có lời thơ gợi nhắc: Cửu nguyệt cửu nhật Vọng hương đài, với Đỗ Phủ thì đó là Cộng nghênh trung sứ Vọng hương đài, hay Giang thông thần nữ quán, địa cách Vọng hương đài. Nói đến Vọng hương đài ở Thành Đô, nơi Vương Dương Tú thời Tùy - Thục xây dựng nên, Ngô Dung, đời Đường có câu thơ: Thích liên hoang thú tần tần hỏa, thiên tuyệt khiên vân vọng vọng lôi, tạc dã thu phong dĩ dao lạc, ná kham canh thượng Vọng hương đài, Trương Thuần Dân, người đời Tống viết: Bạch cốt tự sa sa tự tuyết, tướng quân hưu thượng Vọng hương đài. Nói đến Vọng hương đài ở ngoài biên giới, truyền lại rằng xây dựng nơi đây là vì tướng quân nhà Hán, Lý Lăng, cũng có nghĩa là lão võ leo lên một đài cao, vì leo lên đài cao để hoài niệm về cố quốc, nên đặt tên là “Vọng hương đài”, nhưng hoàn cảnh của ông ta như vậy là vì không có tiền để tự xây cho riêng mình một vọng đài kiên cố.

Vọng hương đài này du nhập vào âm phủ có thể là từ thời nhà Tống, nhưng cũng chưa chắc chắn lắm. Hồng Mai, người thời Nam Tống khi viết cuốn Di kiến bình chí, quyển chín, Nhiếp Bôn Viễn thi có ghi lại việc hồn ma của Nhiếp Bôn Viễn làm một bài thơ thất luật, câu cuối cùng là: “Hồi thủ lâm xuyên quy bất đắc, u trung hữ khảng vương vọng đài.” (Nhiếp Bôn Viễn ở thời Bắc Tống những năm cuối làm sứ giả đến nước Kim để cầu hòa bình, ông đã đem cả ngọn núi Tây Sơn cắt cho Kim Lỗ, vì thế khi ông ta quay trở về, đi qua Giáng Châu, người ở Giáng Châu vô cùng tức giận, liền bắt ông ta kéo lên tường thành, “quyết kỳ mục nhi phụ chi” rồi.) Nhưng “u trung hữ khảng vương vọng đài”, cần phải dùng cách đọc thơ để lý giải, cũng có thể nói là dùng câu chuyện Vọng hương đài của Lý Lăng, chưa hẳn lúc đó dưới âm phủ đã có tục Vọng hương đài, nhưng dù thế nào đi nữa, thì ở đây đã có sự liên kết Vọng hương đài ở trần thế với âm phủ làm một.

Đến thời Nguyên, Vọng hương đài đã chính thức có ở âm phủ, ngoài những vở Kinh kịch thời Nguyên thường thấy nhắc đến ra, trong Thủy hử: “Răng cắn chặt, ba hồn đến trong uống (oan) tử thành, cuống họng khô rát, bảy hồn tập trung trên Vọng hương đài”, nổi danh từ rất sớm cùng với uống tử thành và trở thành đại danh từ dưới âm phủ. Đến thời Minh Đại, Vọng hương đài thường xuyên được gặp trong văn thơ, tiểu thuyết, và nổi tiếng nhất đương nhiên là Mẩu đàn đình hoàn hồn ký, sau khi Đỗ Lệ Nương chết, linh hồn được thần Hoa Linh đưa đến Vọng hương đài, từ đó có thể nhìn thấy phụ mẫu ở Dương Châu. Còn Tam bảo thái giám tây du ký, hồi tám mươi bảy, miêu tả càng cụ thể, tỉ mỉ hơn:

Vương Minh đi theo Thôi phán quan, đi một hồi, chỉ nhìn thấy bên trái có một tòa đài rất cao, bốn phía xung quanh được xếp bởi đá, cao tầm mười trượng, hai bên trái phải là đường đi bộ, bên trái là đường lên, bên phải là đường xuống. Dưới đài có vô số người, người đi lên, người đi xuống, người đi lên đều có tâm trạng ưu phiền, người đi xuống thì nước mắt hai hàng. Vương Minh liền hỏi nhỏ: “Tỉ phụ, tòa đài kia có tên là gì? Vì sao có nhiều người ở đó khóc vậy?” Phán quan đáp: “Cậu cả, người có điều không biết, đa số người phạm trần khi chết, ngày đầu tiên đều tập trung ở miếu thổ địa nơi mình sinh sống. Ngày thứ hai được giải đến miếu Đông Nhạc, gặp Thiên tể nhân thánh Đại Vương, đặt số trước. Ngày thứ ba mới đến chỗ chúng ta là Thành Đô quỷ quốc. Khi đến đây, tâm của anh ta vẫn chưa chết. Diêm Quân vốn có một hiệu lệnh, đồng ý cho anh ta lên trên đài này, hướng về phía quê nhà, mọi người khóc một trận to, lúc đó tâm mới chết, vì thế tòa đài này có tên là Vọng hương đài.”

Lại có một Vọng hương đài khác do Địa Tạng Bồ Tát tạo ra, Bồ Tát vốn có tấm lòng nhân ái, đài này được dựng lên cũng là vì thấy thương xót cho những hồn ma nhớ quê hương. Hồng lâu phục mộng, hồi bảy mươi bảy có đoạn viết:

Chân phán quan chỉ đạo: “Nơi đây có tên thôn Cao Lý, Địa Tạng Phật từ bi tạo nên cao đài, chính là nơi mà gọi là Vọng hương đài. Những người phạm chết sau bảy ngày, đến đài nhìn về phía quê nhà, cũng là kết thúc mọi việc của một đời, từ đây sẽ biệt ly gia đình mãi mãi.

Chỗ này nói là Vọng hương đài ở thôn Cao Sơn, đó là điều tự nhiên mà tác giả cuốn tiểu thuyết tùy ý cho thêm vào. Nhưng rốt cuộc Vọng hương đài ở phương nào dưới âm phủ, ở mỗi cuốn sách lại có cách nói khác nhau. Huyện Sơn Tây Bồ, miếu Đông Nhạc có Vọng hương đài, được đặt tại Bát điện đô thị Vương ở bên cạnh cầu sông Nại. Đó chỉ là tính hình tượng hòng thu nhỏ cảnh quan lại, thu nhỏ một cách tối đa có thể. Dự đoán đặt ở khu vực Bát điện (thập điện Diêm La ở đó là nơi “tập hợp làm công chế”, năm vị ngồi vào một phòng rộng không đủ ba mươi mét vuông, còn phải dành ra một chỗ để khảo vấn hồn ma), âm phủ không thể không có Vọng hương đài, vì thế tìm một nơi đất trống đặt ở đó, thực tế cũng không nhất thiết phải đặt ở Bát điện.

Trong Liêu trai chí dị có câu chuyện Canh thập bát, Vọng hương đài là nơi vào cửa âm phủ, nhưng không yêu cầu tất cả hồn ma đều phải ở đó. Ở đây có chút khác biệt so với người trần thế, nên có tên gọi là “tư hương địa” thì cách nói này có vẻ hợp lý hơn:

Nhìn thấy có một đài cao, người đến đó rất đông, kẻ lên người xuống, nghe người ta nói đây chính là “Vọng hương đài”. Tập trung nhiều người ở đây, đứng lộn xộn chờ đến lượt mình vào. Nếu có người chống lại thì hoặc bị đập xuống, hoặc mất cơ hội lên đài. Chỉ khi nào đọc đến canh, thì mới được vào, số lượng mười cấp, từ người đầu tiên cho đến người cuối cùng. Ngẩng đầu nhìn, cửa nhà, khuôn viên của gia đình đã ở ngay trước mặt. Nhưng bên trong nhà âm u, giống như mây phủ, đau thương, buồn khổ đến khôn cùng.

Trong Thuyết nhạc toàn truyền, hồi bảy mươi một cũng đề cập đến nội dung tương tự như ở Liêu trai, cả hai đều cho rằng: Vọng hương đài nằm trong Quỷ môn quan, nếu nhảy xuống Vọng hương đài thì sẽ không thể quay lại trần thế:

Hà Lập qua Quỷ môn quan, nhìn thấy một tòa đài cao, Hà Lập hỏi: “Xin hỏi, đây là nơi đâu?” Người hầu nhanh nhẩu đáp: “Đây chính là Vọng hương đài.” Trong phút chốc đến trước đài, Hà Lập hỏi: “Ta lên trên nhìn một chút, không biết có được không?” Người hầu lại đáp: “Tôi đi lên cùng ông.” Hai người lên trên đài, Hà Lập nhìn một chút, quả nhiên là thành Lâm An ở ngay trước mắt. Người hầu hỏi: “Ông nhìn thấy quê nhà rồi, sao còn không đi về?” Có người chen lấn ở phía sau, Hà Lập chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi trượt chân ngã xuống đài, bỗng nhiên bừng tỉnh, thì ra đó chỉ là giấc mộng, một cơn ác mộng!

Trong Ngọc lịch bảo sao cũng có nhắc tới Vọng hương đài, nhưng việc sắp xếp Vọng hương đài thật không hợp tình, hợp lý. Đã đem đài đặt ở Ngũ điện Diêm Vương, đồng thời lại không phải tất cả các hồn ma đều được phép đi vào:

Ngũ điện Diêm La Vương thiên tử nói, hôm nay đến bốn điện, quỷ phạm tội, tạo nghiệp chướng, chuyên làm việc ác, không cần phải nhiều lời. Ngươi đầu mã diện, dẫn ra cao đài nhìn một chút là được. Thiết kế đài này có tên gọi “Vọng hương đài”, mặt giống như cái lưng còng, nhìn về ba hướng đông, tây, nam, độ cong tám mươi một dặm, đằng sau giống như dây cung. Ngồi bắc kiếm thúc làm thành, đài cao bốn mươi chín trượng, xây sáu mươi ba bậc, người hiền lương không đi vào đài này, có công hai bình, nhưng đã chết, chỉ có ác quỷ, đứng từ đó nhìn về cố hương rất gần, có thể nghe thấy giọng, nhìn thấy hành động của người thân, từ người già đến trẻ nhỏ, từ nam đến nữ, thấy họ không thực hiện di chúc, không dạy dỗ được, khổ vì tranh chấp tài sản, nam thì muốn lấy vợ mới, nữ thì muốn đi lấy chồng khác, tài sản ruộng điền bị che giấu, phân chia bè phái...

Đằng sau vẫn còn rất nhiều, đại ý là gọi đám tội hồn xem tình cảnh gia đình mình sau khi mình chết, nhà tan cửa nát, sau khi để họ phải chịu cực hình trên cơ thể, trong lòng lại chịu thêm một lần giày vò nữa. Tâm lý tác giả Ngọc lịch bảo sao có vẻ có chút biến thái, chuyên dùng cách khủng bố nhân thể làm nhiệm vụ của mình, đối với việc cải tạo Vọng hương đài cũng vậy. Nhưng nhân gian cũng có biện pháp để đối phó. Trung Hoa toàn quốc phong tục chí, trong phần Thọ xuân mê tín lục có nói: “Người chết sau ba ngày lên Vọng hương đài cấm người nhà khóc lóc. Tục cho rằng người chết không biết vì sao mà chết, đi đến Vọng hương đài mới biết mình đã làm quỷ, nếu khóc lóc sẽ làm cho người chết càng đau khổ hơn.” Trên thực tế, người nhà khóc ròng ba ngày liền, nếu không thay đổi chút không khí thì cũng không chịu nổi!

Ác cầu thôn[22]

[22] Nghĩa là: thôn chó dữ.

Nói về chuyện ác cầu dưới âm phủ, xuất hiện sớm nhất có lẽ là ở lời dẫn trong tập Di kiên chí bổ, đem hai con ác quỷ đứng canh giữ bên cạnh cầu sông Nại. Căn cứ vào nguồn gốc từ thần thoại Ấn Độ, Diêm Vương vốn có bốn mắt quỷ, nhưng ở cổng âm phủ lại thường có ác cầu canh cổng, đó mới là điều quan trọng. Sau này, do trạm kiểm soát của cầu sông Nại bị tháo dỡ, ác cầu thất nghiệp, không có nơi nào để ở, liền được đem đến nuôi tại thôn ác cầu, để nó tự tìm kế sinh nhai.

Thôn ác cầu chỉ gặp trong tiểu thuyết thời nhà Thanh, nhưng trong các tác phẩm lại có cách nói không thống nhất. Trong đó, câu chuyện được nhiều người biết đến nhất là Thuyết nhạc toàn truyền của Tiền Thái, người sống ở đầu đời Thanh, hồi thứ bảy mươi một có đoạn viết về việc làm thế nào để xuống âm phủ:

Gặp cảnh gió bão thê thảm, mây đen kéo đến ùn ùn, nghe nói trong một làng kia có ác cầu, hình dáng giống như sói, tính tình thì hung dữ như hổ. Nếu thấy quỷ tay sai áp giải những người phạm tội đi qua, chúng sẽ lao lên mà cắn, có người bị cắn mất tay, cũng có người bị cắn mất bụng... Chứng kiến cảnh tượng ấy chẳng ai không run sợ mà bám chặt lấy người đi cùng, vừa đi vừa cầu khẩn cho qua nhanh thôn ác cầu.

Trong cuốn Hồng lâu mộng, hồi mười bảy có đoạn viết: “Giả mẫu đi chơi ngắm cảnh ở thôn ác cầu, Phong tỷ tỷ hướng về phía Vọng hương đài mà ngắm nghía với vẻ rất tò mò.” Trong chuyện có nhắc đến thôn ác cầu nhưng có vẻ như không có gì đáng sợ cả, ngược lại, còn tạo cho người đọc cái cảm giác giống như đang đi du lịch trong vườn thú vậy.

Khi mọi người đang xem rất vui vẻ, bỗng từ trong ngôi nhà tranh có một con chó chạy ra. Con chó này từ trước đến giờ chưa gặp những người này bao giờ, nó đứng từ đằng xa sủa lên, chó nhà này sủa sẽ làm cho chó của các nhà khác nghe thấy, cũng chạy ra ngoài đường mà sủa theo, chỉ một lát đã tụ họp cả trăm con chó to, bao vây Giả mẫu đang đứng đợi ở cây cầu. Giả mẫu và Phong tỷ tỷ đều cảm thấy vô cùng sợ hãi, Giả Châu liền gọi người đem những chiếc bánh bao đã hấp sẵn tới, có khoảng hai trăm chiếc, ném ra khắp tứ phía cho chó ăn. Những con chó đó lập tức đi tranh giành đồ ăn và không còn sủa nữa. Giả mẫu hỏi: “Các người chuẩn bị sẵn những chiếc bánh bao hấp, thì ra biết ở đây có chó à?” Giả Châu đáp: “Nơi đây có tên là thôn ác cầu, vốn là địa danh có tiếng, nếu muốn đi qua đây thì phải chuẩn bị sẵn đồ ăn, nếu không thì cho dù có đánh, có quát nó cũng sẽ không sợ, nếu đánh nó nhiều quá, nó sẽ xông lên cắn lại. Ở đây vốn là nơi có phong cảnh đẹp nổi tiếng và có tên gọi là “ác cầu thôn đẹp thanh”, một trong tám cảnh đẹp ở dưới chốn âm phủ này.”

Mang tâm thái của người đang say sưa hòa mình vào những trò chơi dân gian thuở xưa mà viết thành thơ, thành truyện nhưng bên trong lại phản ánh về một đám tang truyền thống của đời Thanh, Trung Hoa toàn quốc phong tục chí đã cho thấy sự sinh động, hấp dẫn khi đề cập đến một phong tục trong đám tang ở Nam Kinh và trong đó có nhắc đến một đặc sản độc đáo là “bánh đánh chó”: “Tục truyền rằng người chết nhất định phải đi qua thôn ác cầu, nhất định phải đeo bảy tấm long nhãn vào cổ tay, mặt quay về phía cầu là được. Làm theo phong tục này, sẽ tránh bị ác cầu cắn.” Những chiếc bánh đánh chó này ở nơi khác có thể là bánh bao, chính là những thứ mà Giả Châu chuẩn bị khi đi qua nơi đây.

Có sách nói đến việc đi qua thôn ác cầu, ngoài việc gặp ác cầu còn có “Loạn quỹ trang”, tức là có một đám quỹ dói lỏi kéo đồng bọn đến đòi tiền, ở đây chúng tôi xin phép không nhắc đến vấn đề này, tránh việc đọc giả liên tưởng, cho rằng đó chỉ là một vài chiêu trò để thu thêm tiền vé vào cửa khu du lịch.

Phá tiền sơn

Lang tịch tam đàm của Lương Chương Cự, quyển bốn có viết về việc dưới âm phủ có “Phá tiền sơn”, nhưng câu chuyện mới chỉ dừng lại ở chỗ gợi nhắc ra sự việc mà chưa dụng tâm trong việc giải thích cụ thể hơn:

Phục dẫn linh nữ đi thăm địa phủ, người phàm có nghe đến dao sơn hàn lạnh, kiếm gỗ giường sắt, gập một chiếc cối giã gạo, nước chảy đá ép đó là những tầng địa ngục, lại như Quỷ môn quan, Vọng hương đài, Mạnh bà quán, Phá tiền sơn... không có nơi nào là không đi qua.

Dung Nột, văn nhân thời nhà Thanh trong tác phẩm Chỉ văn lục, quyển năm, Tất phát có giải thích về việc dùng Phá tiền sơn, đồng thời cũng nhắc đến một nơi gọi là Lạn ngân sơn khác:

Dưới âm phủ dùng giấy làm tiền, cũng giống như ở trần gian người ta dùng đồng đúc tiền vậy. Tiền ở trần thế có to, có nhỏ, tiền dưới âm phủ cũng có đẹp, có xấu. Trần thế tạo ra tiền, đồng bảy chỉ ba, và có thể cho vào lò tái chế, tiền dưới âm phủ là do người trần thế tạo ra, nếu như tiền bị rách, nát, đồng thời giấy nhiều, thiếc ít, bạc thối, tuy có hóa nhiều tiền vàng xuống, nhưng dưới âm phủ không dùng đến, tiền sẽ bị bỏ vào Phá tiền sơn, bạc thì được bỏ vào Lạn ngân sơn. Mà vàng thối, bạc thối trong nhân gian, dưới âm phủ cũng như vậy, nhưng màu sắc khác, thối bé tính làm ba phân, thối nhỏ tính làm năm phân, thối to cũng chỉ là một đồng tiền mà thôi.

Thì ra những cảnh đó cũng chẳng khác nào đồng rác có màu sắc chói lóa của tiền vàng, chuyên dùng để tích lũy những đồng tiền, thối bạc mà trên trần gian hóa xuống nhưng không hợp quy cách. Những thứ đó ở trên trần thế hóa thành bụi, đến âm phủ đều biến thành bạc, đồng, nhưng do tình trạng bị rách nát, hoặc do thành sắc không đủ, không thể lưu hành trên thị trường thì đều trở thành phế phẩm, vì vậy cũng có thể coi những thứ phế phẩm chất thành đồng này là kho nguyên liệu. Dưới âm phủ có một bộ phận chuyên đúc tiền cho các quan lớn trên trần thế, nguyên liệu có thể được lấy từ Phá tiền sơn.

Trong Độc dị chí của Lý Nhữ có kể một câu chuyện như sau: Tể tướng Lô Hoài Thân không mắc bệnh mà chết, con cái của ông vô cùng đau đớn, thương xót, khóc than thảm thiết. Phu nhân của ông là bà Thôi thị, vì không muốn thấy các con mình quá đau khổ, liền nói: “Ta biết, số của lão gia nhà ta vẫn chưa tận, bởi ông là một người thanh liêm chính trực, rất nhiều người hối lộ cho ông, mà ông không hề tơ hào lấy một đồng. Còn có người tên Trương Thuyết cùng làm tể tướng như ông, hần ta nhận hối lộ nhiều đến mức của cải có thể chất thành núi, nhưng hiện tại vẫn sống khỏe mạnh. Trương Thuyết không chết mà lại bắt lão gia nhà chúng ta chết trước, ông trời đúng là không có mắt thật rồi!” Khi màn đêm buông xuống, Lô Hoài

Thân quả nhiên sống lại, nói: “Phu nhân à, lý do không phải như vậy đâu, dưới âm phủ có đến ba mươi cái lò lớn, không phân biệt ngày đêm, họ không ngừng không nghỉ đúc tiền bạc cho Trương Thuyết, bản thân tôi đến một cái cũng không có, làm sao có thể so bì với họ được chứ!” Nói rồi dặn dò phu nhân, ông liền nhắm mắt và vĩnh viễn không bao giờ tỉnh lại nữa.

Nghe những câu chuyện như vậy chắc hẳn sẽ khiến cho nhiều người hả hê, đắc ý. Nếu như tiền bạc trong nhà tham quan có được là do dưới âm phủ tạo ra cho ông ta, vậy thì lai lịch số “tài sản bất minh” kia cũng không cần phải truy cứu làm gì nữa. Từ trần gian hóa vàng hồi lộ âm phủ, dưới âm phủ lại đúc tiền cho quan tham trên trần gian làm âm phúc. Cách rửa tiền vô cùng sạch sẽ, kiểu hai bên cùng có lợi, thật là một điều quá diệu kỳ.

Huyết ô tri[23]

[23] Nghĩa là: ao máu bẩn.

Huyết ô tri còn có tên huyết hà tri, bắt nguồn từ “huyết hà”[24] trong kinh Phật. Trong Phật thuyết hóa thủ kinh, quyển bảy có ghi lại: “Người chết hóa thành bốn ao máu lớn, bên trong đầy máu, và ao bên cạnh chảy bốn dòng sông máu.” Việc này không liên quan đến địa ngục, vào cuối đời Đường, trong Lăng nghiêm kinh, quyển tám cũng dẫn ra một câu chuyện: “Câu chuyện có huyết hà, khô hà, nhiệt sa, độc hải, dung đồng, quan thiết chí sự.” Trong đó huyết hà đã trở thành một cực hình dưới địa ngục. Trong Chính pháp niệm xử kinh, quyển mười có nhắc đến một việc: gọi to mười sáu xứ nhỏ dưới địa ngục, cái thứ sáu có tên “Huyết hà phiêu”, đồng thời những người vào địa ngục là người tự làm hại bản thân mình và tu hành ngoại đạo kiểu như “đi vào trong rừng, chân treo lên cành cây, đầu dốc xuống dưới, dùng dao bổ mũi, hoặc tự đập vào trán mình, tự làm chảy máu mình rồi dùng lửa đốt máu, hy vọng sẽ được thăng thiên”. Những kiểu người tu theo đạo đối xử tàn nhẫn với chính mình, nhưng cuối cùng vẫn không đắc đạo thành tiên mà ngược lại còn “bị nhốt vào nơi dành cho kẻ ác, rồi đến huyết hà phiêu dưới địa ngục, chịu nhiều khổ cực”, đều thật là ngu muội.

[24] Nghĩa là: sông máu.

19. Chương 07 - Part 4

Nhưng không biết bắt đầu từ khi nào, chốn địa ngục này khi du nhập vào Trung Quốc biến thành nơi dành riêng cho phụ nữ. Lương Cung Thần, người thời nhà Thanh trong cuốn Bắc đông viên bút lục kể biên, quyển năm, Phật mẫu hảo đạo có viết: “Trước tiên sẽ gặp dòng sông máu mênh mông không thấy bờ bến, có vài người phụ nữ hoặc ngâm mình trong nước, hoặc đang đầu tóc bồng bênh, hoặc nằm nghiêng người để ngủ, máu chảy vây quanh thân mình.” Những người phụ nữ này phạm tội gì mà bị rơi vào dòng sông máu, điều này thật không dễ nói. Nhưng trong Tử bất ngữ của Viên Mai, quyển hai mươi hai, Ngô sinh lương nhập âm phủ có trích dẫn một đoạn, từ đó ta có thể lý giải phần nào nguyên nhân xảy ra sự việc này. Trong một thời gian rất dài, con người cho rằng phụ nữ bị vào dòng sông máu bẩn là vì người phụ nữ đó từng sinh con, trong câu chuyện này, Viên Mai mượn lời nói của một cụ bà để phản bác:

Ngô hỏi: “Nương tử của tôi chưa hề sinh con, hà tất phải vào nơi đây?” Cụ bà đáp: “Trước đây ta đã nói rõ, ao này không phải để cho những người từng sinh con đến. Sinh con là điều thường tình ở nhân gian, hà cớ gì phải chịu tội!”

Cách nhìn sai lầm đã bị Viên Mai phản bác, trong Đàm chân dật sử cũng có một bản, hồi sáu trong sách nói, người phụ nữ sinh con, bản thân đã có tội “huyết chủng tam quang”, còn nếu khó đẻ mà chết, thì tội cộng thêm tội: “Lúc đó oan nghiệt theo người, linh hồn phải chịu tội, Diêm Vương lão tử rất lợi hại, tra trong cuốn nghiệt bạc, gọi những tên quỷ đầu trâu mặt ngựa dẫn vào ao máu bắn, không được lộ đầu. Lại có chim ưng và rắn đến mổ, có ác quỷ đến cắn.” Cũng đều là máu trong cơ thể con người, nhưng máu từ dưới cơ thể của người phụ nữ chảy ra là loại ô uế, thậm chí còn có chút tà lực và đó chính là lý do vì sao mà mặt trời không được sáng chói như trước nữa cũng là kết quả của “huyết chủng”. Cách nhìn sai lầm của các thầy mo hầu như có liên quan đến tính thần mật của đạo học. Đạo học lưu đến hạ tầng, thì thường sẽ sinh thành yêu nghiệt, trong mắt họ, phía dưới cơ thể của phụ nữ có một lực ô uế rất lớn, không những có thể làm ô nhiễm môi trường, làm tam quang mất màu, mà trên chiến trường vào thời đó có thể làm vũ khí hồng dịch đại bác của đạn nguyên tử mà biến thành cam. Đầu đời nhà Thanh, Đồng Hàn cũng nhắc đến điều này trong cuốn Tam phong thức lược:

Trước tiên là cầm chân kẻ xâm lược ngoài thành, trong thành được bảo vệ hết sức cẩn thận, dùng lực tấn công ba lần, nhưng không thể khắc phục được. Kẻ địch yếu thế, tìm kiếm hàng trăm người phụ nữ, để lộ bộ phận dưới thân, đặt lộn đầu lại, hướng về phía cổng thành trên ghẹo, rồi nói: “môn trận”, pháo trên thành đều không thể nổ được. Trần Vĩnh Phúc tướng quân vội vàng tìm tăng nhân, thuật lại chuyện xảy ra, lệnh xích thân lập trận đối khâu, và nói “dương môn trận”, pháo của kẻ địch đúng là phải lùi lại phía sau không dám bắn nữa.

Cách đấu âm dương giữa quan và “phỉ” đều cùng một sự truyền. Đồng Hàn còn nói: “Sau đó đám cướp còn dùng lại vài lần cách đánh này, và thường rất linh nghiệm.” Qua đó có thể thấy, uy lực của các thầy mo trong nhân gian nhiều khi cũng khiến cho đại phu tin tưởng.

Nhưng còn kiểu người đàn độn bồng chóc quên mất chính bản thân mình thì bắt đầu từ đâu mà có. Rõ ràng đó chỉ là số ít và những người như thế chỉ nói ra những lời nói ngu muội, vậy là truyền thuyết về dòng sông máu bắn chuyên dùng làm nơi dành cho người phụ nữ đã sinh con cũng không còn hợp thời nữa. Từ đây lại xuất hiện một cách nói khác, tất nhiên vẫn là nơi lập riêng cho phụ nữ. Như trong Tề công toàn truyện, hồi một trăm năm mươi lại cho rằng:

Những người phụ nữ này, có người không kính bố mẹ chồng, có người không tiếc ngũ cốc, có người không tín thần phật, có người không tôn trọng chồng... sau khi chết đều phải vào ao máu bắn uống máu.

Còn Viên Mai thì cho rằng, phải vào ao máu bắn là những người phụ nữ có hành động độc ác, tàn nhẫn với tì thiếp:

Đi đến một nơi, gặp một vũng máu lớn, người phụ nữ ở bên trong đang khóc than ai oán. Thường nói: “Đây là nơi Phật gia tạo ra có tên gọi “huyết ô tri”. Những người vào ao này là những người lúc sinh thời đã rất độc tàn với tì thiếp, phạm là những tì thiếp già gặp máu không ngưng, thì đều vào từ này.”

Theo như Kỳ Vân giải thích trong Việt vi thảo đường bút ký, quyển chín: “Có người ra đi một cách bất thường, đến cõi âm hồi âm sứ, nhân gian niệm tụng “huyết bồn kinh sám”[25], có tác dụng gì không? m sứ

một mực phủ nhận, trong cội âm không hề có ao máu bắn, cách nói về dòng sông máu hoàn toàn là lừa bịp, mục đích là để lừa tiền của phụ nữ.”

[25] Nghĩa là: đọc kinh sám hối bồn máu.

Kể nói điều này chủ yếu là nói với những người phụ nữ cả tin, mà phụ nữ thì không tránh khỏi việc sinh con đẻ cái, lại tưởng rằng như vậy là có tội, mà có tội thì không thể không sám hối, và có bao nhiêu tiền tài đều ra sức làm công đức hết thấy.

Trong Ngọc lịch bảo sao lại có nhiều cách lập luận rất hoang đường, trái với đạo lý, duy nhất có việc này là có vẻ hợp tình hợp lý hơn cả, thậm chí cả đàn ông cũng nói vào ao máu, đương nhiên bên trong vẫn có không ít những lời nói ngu muội:

Lập ra cái ao bắn này, bắt luận là nam hay nữ, phạm khi ở trần thể không chăm thần trước phật sau, không kiêng nhật thần, như là ngày Mười bốn, Mười lăm tháng Năm, ngày mồng Ba, Mười ba tháng Tám, mồng Mười tháng Mười, vào những ngày này nam nữ phạm điều giao cấu, thần sẽ giáng bệnh nặng mà chết, sẽ phải chịu nỗi khổ dưới địa ngục, không ngóc đầu lên được. Và nam phụ mà giết, máu chảy thần bết, phật miếu đường kinh điển là dùng giấy ấn dấu lên, tất cả để lên trên vật tế lễ, chịu qua những khổ cực dưới âm phủ, được giải vào ao máu, vẫn không dễ dàng được xuất đầu lộ diện.

Du Việt trong cuốn Hừ đài tiên quán bút kỷ, quyển năm lại nhắc đến một cách nói mới. Du Quân là người ra đi bất thường thuật lại: “Ao máu bắn chuyên trị nam tử. Phạm là người đàn ông cưới một vợ, không phải vào ao này, lấy người thứ hai sẽ bị vào ao này một lần, cưới ba lần, vào ao này hai lần. Nếu như là người có thiếp, xem số thê thiếp mà biết số lần mình phải vào ao máu.” Để ao máu bắn biến thành địa ngục của những kẻ lắm thê nhiều thiếp, vị Du Quân tiên sinh ra đi một cách bất thường này có quan niệm về nữ quyền, rất giống như trong những lời nói bóng gió của tác giả Du Lý Sơ trong Quý tị tồn cáo. Du Việt cho rằng, cách nói của vị bốn gia là “những người háo sắc có thể cai và sẽ không bị như vậy”. Quả nhiên không hổ thẹn là đệ tử của Tăng Quốc Phiên, đưa ý kiến của mình nói với âm phủ để sửa đổi, cải tiến cách dùng ao máu bắn, chuyên dùng để trừng trị những kẻ ngoại tình, và những kẻ cùng nhau chạy trốn, những kiểu không có mai mối theo phong tục tập quán, bất kể là nam hay nữ, đều phải vào đó.

Có người nói dưới âm phủ không có ao máu bắn, thực tế là có, chuyên để trừng trị những đôi nam nữ không tuân theo lễ nghĩa, có quan hệ bất chính ngoài vợ chồng, tất cả đều phải vào ao máu.

Ao máu bắn lại trở thành một hình phạt dưới âm phủ, vì thế nó ở gần điện Diêm Vương. Nhưng cách nói xuất hiện sớm nhất lại không phải như vậy. Ở đoạn trước chúng ta có giới thiệu về sông Nại, có sách thì nói ao máu bắn ở ngay dưới chân cầu sông Nại, chỉ cần trượt chân ở trên cầu là rơi vào ao này, và không phân biệt nam - nữ, thiện - ác. Nghe nói ao máu bắn ở quỷ thành Phong Đô cũng như vậy, nhưng chỉ là nước nông hơn một chút, bắn thì có thể, còn máu thì tuyệt đối không có.

Mạnh bà quán

Mạnh bà quán là quán trà nơi chuyên cung cấp canh mê hồn. Tên quán như vậy là do tên của chủ quán là Mạnh bà, còn tên trà cũng giống như “cầu bất lý”[26] và lấy tên của người để đặt cho tên đồ uống, gọi là

“canh Mạnh bà”. Đây là quán mà hàng trăm năm nay chưa có bất cứ ai dám giả mạo tên hay ăn cắp thương hiệu cả.

[26] Nghĩa là: chó không để ý tới.

Từ rất nhiều năm trước đây, trong các câu chuyện thần thoại Hy Lạp đã có khái niệm “vong tuyền”, hoặc gọi là “vong xuyên”, nhưng canh Mạnh bà ở Trung Quốc thì cho đến mãi sau này mới xuất hiện, chính xác là phải đến thời đại nhà Minh, người ta mới bắt gặp có sách viết về vấn đề này và điều này thật sự làm cho người ta cảm thấy xấu hổ. Nhưng trước khi xuất hiện thứ canh mê hồn này thì đã có những cách nói khác nhau về trà dưới âm phủ và trên trần thế. Vì sao lại có sự không đồng nhất trong cách nói như vậy? Bởi vì có người mặc dù đã xuống âm phủ rồi nhưng vẫn chưa được hoàn dương, cho nên không thể uống trà dưới âm phủ được. Bởi một khi đã uống vào rồi thì không bao giờ có thể quay trở về trần gian được nữa. Trong tập Thái bình dị ký, cuốn ba trăm tám mươi lăm có tên gọi Huyền quái dị viết: Thôi Thiệu sau khi đến âm phủ, được vị Vương phán quan đến gặp mặt. Khi có người mang trà tới, vị phán quan nói: “Đừng uống, đây không phải là trà ở nhân gian đâu!” Cuốn thứ tư, Trương Văn Quy trong Di kiên át chí của Hồng Mai thời Nam Tống nói rõ ràng, cụ thể hơn về vấn đề này như sau: “Có những thứ nước đặc biệt mà người mới đến nhất định không được uống, uống vào rồi sẽ không thể trở về trần thế được.”

Dưới âm phủ, không những trà không được uống mà các loại thực phẩm khác cũng không thể ăn. Và lý do của nó có thể được giải thích một cách đơn giản như sau, thức ăn dưới âm phủ là từ trần gian mà có, mà những thứ đồ cứng khi chôn cất nhất định sẽ bị biến chất, bị thối nát, thậm chí nó có thể biến thành một đồng bùn nhão. Những thực phẩm thối nát này cũng giống như áo quần bị rách vậy, nhìn theo một khía cạnh nào đó thì ở dưới âm phủ nó lại rất tươi ngon. Linh hồn còn sống dưới âm phủ ăn những đồ nhìn thì còn rất tươi này, nhưng sau khi trở về trần gian, những thứ thối nát mà ta mang theo trong bụng từ âm phủ trở về cũng sẽ “hoàn trần”, và thế là dù không chết thì ta cũng sẽ mắc trọng bệnh. Đối với việc uống trà mà nói, đáng ra không cần phải để ý đến những vấn đề này, nhưng cũng không thể để linh hồn còn sống uống được, sẽ bị cháo nóng làm bỏng môi, nhìn thấy đậu phụ thối thì cũng phải thối qua đã chứ! Nhưng trên thực tế, những cái gọi là ngoại lệ cũng không phải là ít, trong đó có truyền thuyết kể về việc một hồn ma sống uống đồ uống. Cuốn Vương Quốc Lương trong tập Kể huyền quái lục của Lý Bá Ngôn, người đời Đường viết, dưới âm phủ có một loại nước, chuyên cung cấp cho những người chỉ tạm thời đến âm phủ, nhưng vẫn phải quay về trần gian. Bởi vì sau khi uống, họ sẽ không quên những gì mắt thấy tai nghe ở âm gian, để sau này khi trở về trần thế rồi, việc lớn việc bé ở âm gian đều không được lãng quên, đặc biệt là sự tuyên truyền về việc bị quả báo dưới âm phủ, để khuyên răn người ở trần gian. Thật là tuyệt vời, bởi dưới âm phủ có loại trà uống vào có thể chống lại việc mất trí nhớ, và tất nhiên cũng có loại trà làm phai mờ ký ức, khi nào cần sử dụng thì có thể tạo ra được ngay.

Ngoài ra cũng có những ghi chép liên quan đến canh mê hồn, như cuốn thứ nhất Ký tiền sinh[27] trong tập Hà thượng chữ đàm có nói, có thể nói đây là những ghi chép sớm nhất mà chúng ta có được.

[27] Nghĩa là: ghi nhớ lúc còn sống.

Có một kẻ tội tử khoảng mười hai, mười ba tuổi tự nói rằng kiếp trước là con của Hoài m Dân, có tên là Tiểu Khuê Tử, chết năm lên chín tuổi, khi chết thì mọi người đều ra một chỗ, nam nữ tụ họp, tất cả đều uống canh, chỉ có một mình cô là trẻ con, nên không có đồ để uống. Sau đó, do cố với một cái đồ sành, cô bị ngã xuống dưới đất, phải đi ra ngoài và không được uống nữa. Chính vì vậy mà sau khi được đầu thai trở lại nhân gian, cô mới nhớ được mình là con của gia đình Hoài m Dân. Năm ba tuổi, phụ thân bế cô đi đến một cây cầu mua bánh thì cô gặp lại phụ thân từ kiếp trước của mình, liền chìa tay ra và nói: “Con

là Khuê Tử”, nhưng phụ thân không thể nhận ra cô. Cô vẫn luôn cầu mong được quay về nhà để gặp mẫu thân, và sau khi kết nối các sự việc từ kiếp trước thì ra hai gia đình lại có chung một con.

Loại canh mà mọi người uống đó chính là canh mê hồn, chỉ là không nói tên của món canh đó mà thôi. Không có việc bắt buộc phải uống canh, nhưng hầu hết các hồn ma đều muốn uống, vì thế chỉ có những kẻ cố chen vào mới có thể uống được, mà canh mê hồn là khi chuẩn bị đầu thai chuyển thế mới uống, cũng rất hợp tình hợp lý, không giống như những truyền thuyết trong dân gian, họ cho rằng con người sau khi chết đi, xuống đến âm phủ thì phải uống canh mê hồn trước, thế nên sau khi uống canh này xong, ngay cả bản thân mình là ai cũng không biết chính xác, thì làm sao còn có thể đi đến thập Vương điện, qua từ đường được đây? Cái cách nghĩ khi xuống dưới âm phủ là phải uống canh đó chỉ có thể gặp ở tiểu thuyết, điển hình nhất là Tam sinh trong Liêu trai chí dị.

Lưu Hiếu Liêm có thể nhớ được những việc ở kiếp trước của mình. Ông ta nói rằng một đời làm quan, đã làm nhiều việc thất đức, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của mình, chết vào năm sáu mươi hai tuổi. Lần đầu tiên gặp Diêm Vương, ông ta được đối xử giống như lễ của Hương tiên sinh, cho phép được ngồi và được uống trà. Nhìn màu sắc trong cốc của Diêm Vương có sự thay đổi khác thường, ám chỉ đó là canh mê hồn không nên uống, Dư U Vương tương kế tựu kế cầm chén quay vào một góc nào đó rồi đổ đi.

Cuốn Hồi dương ký của Trần Thục Văn cũng có đoạn viết:

Khi trời bắt đầu tối, quỷ sẽ chui ra từ nóc, nhưng lại đi về phía âm phủ, cái này rõ ràng là quả báo. Bỗng nhiên thấy bốn thần thổ địa dẫn Dư đi và dặn rằng: “Lần này đi có ba con đường, nhà ngươi cần phải đi đường ở giữa, hai con đường còn lại không phải nơi thích hợp để người đi, trên đường đi có canh không được uống, có cầu không được qua, nếu ngươi phạm phải ba lỗi trên, ngươi sẽ không được sống trở lại nữa.” Dư đáp: “Vâng.” Trên đường đi quả nhiên có một bà lão đang bố thí canh, mùi thơm của canh vô cùng hấp dẫn, có rất nhiều người dừng ở đó uống canh. Dư đi đến nơi quả nhiên cũng được mời uống canh, Dư liền hắt xuống đất. Quỷ liền đến đánh, bà bà nói: “Đây là của tam thế ban tặng, không được đánh.” Và thế là Dư may mắn thoát nạn.

Bà lão bố thí canh ở đây họ Mạnh, mà uống canh trước khi vào Quỷ môn quan là điều không hợp tình hợp lý.

Hồi thứ năm trong Kế Kim Bình Mai, tên của món canh mê hồn này bắt đầu có và còn xuất hiện Mạnh bà: “Thì ra cơm rượu của Mạnh bà là canh mê hồn, ăn xong thì lập tức hôn mê, kể cả người thân của mình cũng không nhận ra được.” Tác giả Đinh Xán Khang là người cuối đời Minh, đầu đời Thanh, vì thế nếu không nhầm thì chúng tôi đều cho rằng cách nói về canh mê hồn này bắt đầu xuất hiện từ cuối thời Minh.

Trước đây có hai cách nói về Mạnh bà bà, đó là Mạnh bà bà chính là thần tại Phong thần và Thuyền thần, ở đây, Mạnh bà bà không phải là kiêm cả Phong thần, Thuyền thần, mà là do “Minh”, “Mạnh” hai chữ có âm đọc gần giống nhau, Mạnh bà cũng chính là Minh bà. Người thời Thanh có biên tập cuốn Ngọc lệ bảo tiên và trong đó có xuất hiện lý lịch của Minh thần:

Thần Mạnh bà sống ở thời Tiền Hán, lúc còn nhỏ học sách Nho giáo, hiểu biết tinh thông về kinh Phật, phạm là những việc quá khứ thì không nhớ đến, những việc của tương lai thì không cần phải nghĩ, ở đời chỉ làm một việc duy nhất là khuyên con người ăn chay, đừng sát sinh. Năm tám mươi một tuổi, tóc trắng như lông hạc, mặt hồng hào như mặt trẻ con, suốt đời là trinh nữ, chỉ biết mình họ Mạnh, người đời gọi là

Mạnh bà bà, rồi vào núi tu hành. Đến thời hậu Hán, thế nhân có người biết chuyện về kiếp trước, liền nhận là người nhà, tiết lộ âm cơ. Là do thượng thiên sắc lệnh cho Mạnh thị nữ xuống làm thần tại âm phủ, xây dựng một vọng đài, cho phép được sai khiến quỷ sứ, đem mười điện dự định phân phát đi các nơi để làm hồn ma của người, dùng giống như thuốc theo tục của trần thế, hợp thành loại canh giống rượu mà không phải là rượu, chia thành các vị đắng, cay, ngọt, bùi làm ngũ vị, các hồn ma chuyển thế, sẽ sắp xếp cho uống loại canh này, sẽ làm cho quên tất cả các việc ở kiếp trước. Dẫn đi về phía dương gian, hoặc nghĩ chảy nước miếng, hoặc cười ra mồ hôi, hoặc chảy nước mũi, hoặc tức giận, hoặc sợ nước miếng... phân thành một, hai, ba loại bệnh thường gặp. Người làm việc thiện sẽ làm ắt, tai, mũi, lưỡi, tứ chi dần nhớ về việc xưa kia, càng nghĩ càng thấy sáng suốt, tinh thông, ngày càng khỏe mạnh. Những người làm việc ác sẽ bị làm cho hao mòn trí tuệ, thần sắc, ngày càng mệt mỏi mà chết, có báo trước để cho con người hối hận mà hướng thiện.

Ở đài Cự thập điện Diêm Vương, ngoài điện có sáu cây cầu cao to, bốn phía hành lang có một trăm linh tám phòng, hướng phía đông có một đường đi, chỉ rộng một thước tư, phàm gặp hồn ma dù là nam hay nữ, đường đi trong hành lang thiết kế đều có đồ để mời uống loại canh này, bất luận là ăn nhiều uống ít. Nếu như có hồn ma không chịu nuốt loại canh này, dưới chân sẽ xuất hiện dao móc giữ lại, bên trên sẽ có ống đồng làm đau cổ họng, bị đau mà nuốt vào.

Nơi Mạnh bà bà quản lý có tên là “Vọng đài”, vì thế canh mê hồn cũng gọi là “vọng đài” hoặc “trà Mạnh bà”. Nhưng tác dụng của trà không chỉ làm cho người ta quên đi kiếp trước mà nó còn là một loại canh thần bí, nhìn thì giống như cùng một loại nhưng mỗi người uống canh này sẽ có kết quả không giống nhau. Nhưng quả báo ở kiếp sau chẳng phải đã được Diêm Vương định sẵn rồi sao, hà tất phải để Mạnh bà bà làm việc này? Thật sự là không hiểu được! Ngoài ra, Ngọc lịch bảo sao đã viết tất cả những nơi dưới âm phủ thành lao ngục, người từ bi như Mạnh bà bà mà bên cạnh mình lúc nào cũng đeo theo một bộ ống dao móc, hình phạt trở nên hiện đại hơn rất nhiều.

Ở một vài tiểu thuyết hoặc câu chuyện dân gian thì lại không phải như vậy, nơi Mạnh bà bà quản lý có tên gọi là thôn Mạnh bà hoặc quán trà Mạnh bà, cái tên cũng cho ta thấy nó có chút tình người hơn. Nhưng vẫn còn một cách nói vô cùng cực đoan, biến canh mê hồn trở thành một loại cực hình ép cung của thể hệ sau này. Đời Thanh có người tên là Phục Thư viết một cuốn tiểu thuyết tên là Thố hồ lô, hồi thứ mười sáu có trích dẫn:

Thì ra dưới âm phủ, nếu ai ai cũng phải dùng pháp hình để lấy cung, thì một ngày làm Diêm Vương cũng sẽ rất khó. Điều may mắn, kỳ diệu nhất ở đây chính là bát canh Mạnh bà. Theo cách nói trong dân gian “canh Mạnh bà giống như rượu lễ, giống như tương, người tốt ăn vào say ngất ngưỡng, kẻ ác ăn vào sẽ phát điên”. Thảo nào Đỗ thị lúc đang khát uống bát canh này vào, cũng không cần phải dùng hình phạt kẹp ngón tay đã kể lại hết mọi chuyện. Mạnh bà bà sau khi ghi lại mọi chuyện, làm một tờ khai cung cáo trạng xong, đặt đến chỗ người khám nghiệm tử thi, rồi đem xuống dưới điện thứ mười.

Ở đây, nụ cười của Mạnh bà bà lại trông giống như ngư đầu a bang, nhưng cái này chỉ gặp ở tiểu thuyết Nhất gia chi ngôn và chưa từng được người khác tin tưởng vào âm tào địa phủ.

Theo lý mà nói, không cần biết là có hay không có canh Mạnh bà bà, con người cũng sẽ không nhớ được kiếp trước của mình. Trước thời đại nhà Minh cả ngàn năm đều như thế cả, và dường như cũng không xảy ra đại loạn nào, vậy thì hà tất phải làm thêm việc này, đột nhiên thích uống bát canh này ư? Đương nhiên đó là một luận cứ, và cách nói về việc luân hồi chuyển kiếp thì rất hay. Nhưng dường như không phải chỉ cần có một lý do này thôi.

Trong các câu chuyện về ma, hồn ma ở dưới âm phủ có thể ghi nhớ những việc ở kiếp trước, bởi thế họ mới có thể có sự qua lại trong giấc mộng đối với người thân ở trần gian, có những cuộc hẹn lưu luyến bịn rịn như lúc sinh thời, giống hệt như cuộc sống ở dương thế đang được kéo dài vậy. Đến khi hồn ma đầu thai chuyển thể làm người thì lúc đó mới chính thức vĩnh biệt, và hồn ma chuẩn bị đầu thai làm người kia sẽ quên tất cả những gì thuộc về kiếp trước, ngay cả lúc đến nhân thế rồi, gặp mặt nhau mà như không hề quen biết, còn đi đâu tìm mối nhân duyên tái thế? Pháp uyên châu lâm, quyển bảy mươi năm dẫn một câu chuyện trong Chí quái truyền kể lại rằng: “Khi đã thành người ở trần thế, dung mạo sẽ không giống ở kiếp trước nữa”, cái “đạo lý” này làm cho người và ma đều cảm thấy bị tổn thương. Đây cũng chính là sự xung đột giữa thuyết luân hồi của đạo Phật với tình cảm con người của người Trung Quốc, nhưng canh Mạnh bà đã đem đến cho con người chút hy vọng, hồn ma chuyển sinh uống canh Mạnh bà sẽ quên hết tiền duyên kiếp trước, nhưng nếu không uống, khi tái thế sẽ có một cơ hội về mối nhân duyên từ kiếp trước. Đương nhiên, cơ hội này vô cùng mong manh, vì vậy có nhiều hơn cũng chỉ là gửi gắm tình cảm của hồn ma vào người đang sống mà thôi.

Nhưng không cần biết như thế nào, tang lễ trong dân gian đã đem việc trốn tránh uống canh Mạnh bà trở thành một nghi lễ không thể thiếu. Trung Hoa dân quốc phong tục chí nói về phong tục của Hồ Châu, Chiết Giang:

Tục truyền rằng sau khi chết, con người cần phải ăn canh Mạnh bà để tâm hồn bị mê hoặc. Lúc lâm chung, ngoài việc trong miệng ngậm thỏi bạc ra thì còn phải dùng lá cam lộ làm thành một lẳng (củ ấu) mang theo, trong tay lại đặt một túi lá chè, cho rằng người chết có hai thứ này trong tay, thì không cần phải uống canh Mạnh bà.

Mà ở Thọ Xuân, An Huy còn đơn giản hơn rất nhiều, là “lúc khâm liệm cần một túi lá chè, kèm thêm một ít đất đặt vào lòng bàn tay của người đã mất”. Có vài nơi làm các thủ tục mới hơn như Bắc Kinh, Ai Tân Giác Mộng... Doanh Sinh tiên sinh khi nói chuyện đến phong tục “đập chậu” lúc phát tang: “âm phủ có một vị “Vương ma ma”, ép người chết phải uống canh mê hồn, làm cho thần trí bị mê hoặc và không được đầu thai, vì thế nhà có tang phải chuẩn bị một chậu sứ có lỗ, lúc phát tang sẽ do “hiếu tử” đập mạnh xuống đất, nếu đập vỡ, cái chậu đó sẽ theo người chết xuống âm phủ, canh mê hồn của Vương ma ma sẽ bị rơi hết ra ngoài.

Tuy là như vậy, nhưng chủ trương của tôi là sẽ thật thà mà uống hết bát canh mê hồn đó. Linh hồn của người chết khi qua Diêm La Đại vương, “nhiệt đường” của những quỷ đầu trâu mặt ngựa, ma canh ngục, không cần phải nói đến cửu âm thập bát địa ngục, mà ngay cả khi tùy ý làm những tiểu tiết như cắt giải, dầu phan, chậu bọ cạp đất, rắn dùi lỗ, cắt lưỡi, móc mắt để cho họ nhận biết được một hai loại, chỉ cần đứng xem bên cạnh cũng đủ làm cho thần kinh của con người tan vỡ, sụp đổ, nếu còn nhớ được những điều đó khi vào bụng mẹ, e rằng đến khi chào đời thì đã bị thần kinh phân liệt rồi.

20. Chương 08 - Part 1

Chương 8: n cừu nhị quý [1]

[1] Nghĩa là: hai loại quỷ báo ân, báo oán.

Về chuyện thi cử thời xưa, ít nhất là khoảng đầu đời nhà Thanh, thậm chí xa hơn một chút là khoảng cuối đời nhà Minh, trong xã hội đã có quy định bất thành văn là vào đêm trước khi các thí sinh đến ứng thi, trong khu vực coi thi phải tổ chức nghi lễ mời hai loại quỷ báo ân và quỷ báo oán về chứng kiến. Nghe nói vào buổi tối hôm đó, các vị quan chức đến tham dự phải mặc quan phục rất long trọng, thấp hương thành kính mời các vị “quỷ thần” có liên quan từ khắp các ngã đường đến chứng kiến. Những vị “quỷ thần” tới tham dự có thể được phân làm ba loại lớn như sau: loại thứ nhất là thần Thiên địa anh minh, chuyên đến trường thi giúp các vị quan quản lý trật tự, chủ trì công đạo, loại này thuộc về công lý. Một loại khác là hồn ma tổ tiên các gia đình có con em đến dự thi, lũ lượt kéo nhau tới trường thi để động viên, cổ vũ con cháu của mình. Tuy nhiên, trà trộn vào nhóm những hồn ma này còn có nhiều tiểu nhân vô công rồi nghề cũng ra điều tò mò, lo lắng lắm, đứng ngoài ngó ngó, trông trông vào bên trong. Tất cả bọn họ nói cho cùng cũng chẳng giúp được gì cho việc thi cử, thậm chí có không ít hồn ma còn đứng chen lấn trong phòng của quan coi thi. Mọi sự công - tư đều được xem xét cẩn thận, chu đáo và cũng rất phân minh. Loại thứ nhất thì dùng cờ màu đỏ, loại thứ hai thì dùng cờ màu xanh, còn loại thứ ba chính là “ân oán nhị quỷ”, tức là những hồn ma có ân, có oán với thí sinh hoặc gia chủ của thí sinh, và đơn thuần xuất phát từ ân oán cá nhân mà đến trường thi để gây sóng gió, tạo thêm khó khăn cho sĩ tử. Nhưng sự xuất hiện của loại hồn ma này dường như lại hợp ý trời, được lòng thiên tử, vì vậy, rất có thể thực tế nhân vật chính lại là chính các vị quỷ thần. Tuy bọn họ một bên là ân, một bên là oán, vị trí tương phản, mâu thuẫn, đối lập nhau, nhưng khi dẫn họ vào trường thi thì không phân biệt khu vực, tất cả đều dùng cờ màu đen cả. Các quân sĩ sợ các vị quỷ thần không tìm thấy cổng lớn của trường thi, một mặt vẫy cờ ở chốn u minh, một mặt còn phải kêu gào thảm thiết: “Ai có ân báo ân, có oán báo oán...” Trong chốc lát, từ bốn phía bỗng ào ào kéo đến các đội quân quỷ thần, ai nấy đều cầm trên tay lá cờ của mình với màu sắc khác nhau, hăm hăm hở hở tiến vào cổng chính. Và ngay sau đó, các vị quân lính sẽ đem ba loại cờ biểu cắm vào bốn góc của trường thi. Dấu hiệu đó ám chỉ các vị thần linh hay ma quỷ đều đã đến đông đủ và đứng vào đúng vị trí của mình rồi. Đến ngày hôm sau, các thí sinh mới điểm danh vào phòng thi, còn hiện tại thì có một hoặc vài vị ngồi sẵn trong phòng thi để chờ đợi.

Câu chuyện này có lẽ đã làm cho người đọc, người nghe cảm thấy rất hoang đường và có phần rợn tóc gáy, nhưng đây không phải chuyện tự nhiên mà có. Từ hàng nghìn năm nay, các câu chuyện ly kỳ cổ quái xảy ra trong và ngoài trường thi không phải là hiếm. Nếu như có người muốn viết về lịch sử các câu chuyện ma quỷ ở trường thi của Trung Quốc, chẳng hạn như “có ma” hay “ma trêu” thì đều giống nhau ở chỗ là không dễ mà có thể bỏ qua tình tiết này được.

1

Việc thi cử diễn ra sớm nhất có thể nói là vào thời nhà Tùy, nhưng từ thời nhà Tùy đến nhà Đường rồi đến nhà Tống, những câu chuyện ma quỷ ở trường thi không thể so bì với thời Minh - Thanh. Tuy nhiên, có một chi tiết khác biệt là ma quỷ ở đây không phải phân thành ba loại như trên mà có khoảng bốn loại.

Một loại có thể nói đến là “ma giúp đỡ”, dùng thân phận đặc biệt của mình để làm một số việc giúp đỡ các thí sinh mà người thường không thể làm được. Vi Huyền, người nhà Đường trong Lưu tân khách gia thoại lục[2] dẫn ra một câu chuyện như sau: “Quách Thừa Hổ đi ứng thi, khi nộp bài thi đã nộp nhầm cuốn bình thư mà mình yêu thích lên và để bài thi của mình trong một cái giỏ ở phòng thi. Khi anh ta đứng ở cổng trường thi đi đi lại lại, một lão sứ đứng bên cạnh hỏi rõ sự tình, rồi nói có thể giúp anh ta, nhưng phải trả tiền thù lao là ba vạn. Ngày hôm đó, mọi việc được giải quyết êm đẹp. Khi Quách Thừa Hổ đem tiền đến nhà lão sứ, lúc này mới phát hiện ra chủ nhân của ngôi nhà nghèo khổ đó đã chết được ba ngày, chính vì không có tiền nên chưa thể chôn cất được.” Những câu chuyện như thế về sau vẫn còn tồn tại nhưng tình tiết thì ngày càng ly kỳ hơn. Như ở thời Nam Tống trong Di kiên bính chí của Hồng Mai, tập bảy, Tề thập

cửu lang có kể lại một câu chuyện không đơn giản chỉ là chuyện đổi bài thi. Thí sinh Lỗ mỗ sau khi ra khỏi trường thi mới nhớ ra lúc làm thơ đã quên không gieo vần vận, thế là có một tiểu sứ lấy trộm bài thi ra cho anh ta, sau khi chỉnh sửa xong liền đem về để ở chỗ cũ. Tiểu sứ này nhiều năm trước chết ở trường thi, vì nghĩ đến gia cảnh nghèo khó của mình nên đã ngấm ngấm giả trò ma mãnh để giúp đỡ gia đình. Mà đã có thù lao thì đó lại là việc làm ăn buôn bán rồi, về lâu về dài có thể sẽ trở thành một nghề làm ăn theo mùa vận. Nhưng hồn ma mới chết mà có thể dùng “phép vận chuyển”, có thể vận khí di chuyển trong không trung như vậy thì quả thực cũng rất hiếm gặp hơn nữa đến cả bài thi cũng có thể ăn cắp ra ngoài thì còn chuyện gì là không làm được nữa đây.

[2] Nghĩa là: ghi lại câu chuyện khách đến nhà họ Lưu.

Loại ma quỷ thứ hai cũng tương tự như “ma giúp đỡ” nhưng tính chất lại đối lập hoàn toàn. Việc thường làm nhất của loại ma quỷ này là nịnh bợ kẻ có quyền thế, không phiên thì có thể gọi là “ma bợ đỡ”. Cuốn thứ hai, Thiệu vô thí viện trong tập Di Kiên chỉ ít có đoạn kể lại “Mùa thu tháng Tám năm Thuần Hy thứ mười ba, Phúc Kiến thiệu vô đang thi đấu, có một vị Sứ có khả năng nhìn thấy ma, nhưng không nhìn rõ mà chỉ thấy có một vật đen từ trên không rơi xuống, dáng mạo giống như ma, mang theo “đương tam” (hơn hai mươi đồng tiền lớn), rồi để ngay ngắn ở trên bàn. Con ma này đi qua các bàn của thí sinh, thi thoảng nở một nụ cười vui sướng, để một đồng tiền ở đầu án rồi đi. Khi hơn hai mươi đồng tiền được đặt hết thì dùng trượng đánh đuổi những người không được nhận tiền, những sĩ tử và kẻ đầy tớ đứng hầu bên cạnh hoặc bị đánh, hoặc bút rơi mà bọn họ không hề có cảm giác gì. Rồi vị Sứ này nghĩ: “Những người được tiền thì sẽ được tiến cử, còn những kẻ bị đánh thì sẽ bị loại khỏi khoa thi. Rồi đi đến bảng niêm yết, quả nhiên đúng như dự đoán những người thi đậu đều là “người có tiền”, còn kẻ thi rớt là những người ngược lại.” Cũng có cốt truyện giống như câu chuyện vừa kể trên đây, vào thời nhà Minh, lại có loại ma vào trường thi “cắm cờ”, người trúng cử ở trên đầu sẽ cắm cờ màu đỏ, người bị loại cắm cờ màu trắng, tuy đã tránh việc bị làm tướng là vật cản đường, nhưng lại làm cho người ta hoài nghi rằng đây chính là ma bị cộp vào vào trường thi[3]. Loại ma bợ đỡ này không thu phí, theo đánh giá thì chúng không phải do Thượng Đế phái xuống. Giữa chốn trần gian thường có một loại người tiểu nhân, gặp người có lợi thế hoặc sắp có lợi thế liền bỏ hết sĩ diện của bản thân mà bám đuôi cầu cạnh người ta, thực ra thì chưa chắc đã có lợi lộc gì, nhưng chúng vẫn không từ bỏ cái hành vi hèn hạ đó. Ma bợ đỡ cũng giống loại người này, chỉ khác ở chỗ là nó có thể nhìn thấy khí âm dương thịnh suy trên người của các thí sinh, điều mà kẻ tiểu nhân ở chốn trần gian không thể nhìn thấy được.

[3] Vương Triệu Vân, người đời Minh, trong Huy lộc tân đàn, quyển thượng, Phốc bạo tự nhập trường có ghi lại, nhìn chung có sự không giống nhau, là cắm cờ đỏ kèm theo cờ vàng thì sẽ đăng khoa, nếu chỉ cắm cờ đỏ không có cờ vàng thì cuối cùng cũng có tên trong bảng thứ hai.

Trước khi các thí sinh bắt đầu làm bài thi, việc trúng cử hay không đã được sắp đặt trước, bất luận là nhân lực hay thiên lực, đều làm cho nhân khí của người bị suy yếu dần. Hồng Mai từng cảm khái và viết rằng: “Ở phương Tây có người đã khẳng khái viết một bài nói về quy chế thi cử ở Trung Quốc, người đó cho rằng việc lựa chọn nhân tài trong các trường thi ở Trung Quốc là một việc làm rất ỉn nhờ đó đã chọn ra được nhiều nhân tài lỗi lạc phục dịch đất nước.” Mấy câu khen ngợi này đã làm không ít học giả của chúng ta phấn khởi mà lựa chọn dùng làm dẫn chứng để tự hào lấy vài ngày. Nhưng đối với những bất cập trong trường thi như đã xảy ra ở thời Nam Tống khiến nhiều người tỏ ra thất vọng ghê gớm đối với việc lựa chọn nhân tài cho đất nước, thì tuyệt nhiên không thấy họ nhắc đến, và giả như có nhắc đến thì họ cũng khéo léo dẫn dắt và quy kết nguyên nhân tất cả là do ý trời, không liên quan đến các nhân tài. Trong truyện mặc dù có gây kích động một chút, nhưng huynh đệ, phụ tử nhà họ Hồng vẫn được coi là hiền thần. Vì thế, những điều vừa nói cũng không hẳn là đều xuất phát từ sự căm tức.

Ngoài ra còn có loại ma khác, giống như những phần tử “phản động”, hành động theo hướng lưu manh, vô

lại, đã chết mà vẫn không chịu yên, không có bản lĩnh đi tìm oan gia để tính sổ, thì lại đem tà khí gieo rắc lên những sĩ tử vô tội. Kiểu này có thể gọi là “ma vô lại”. Thời nhà Tống, trong Nhân song quát dị chí của Lỗ Ứng Long có ghi: “Trường thi Gia Hưng trước đó từng là kham viện, nơi thẩm vấn, điều tra phạm nhân, có nhiều người không chịu nổi cực hình mà chết ở đây. Sau khi chuyển thành trường thi, các oan hồn bắt đầu quấy phá. Mỗi lần thi có khoảng gần hai nghìn người, thường xuyên có thí sinh bị ma hại chết ở căn phòng thứ ba cạnh hành lang phía tây. Sau đó có một vị khảo quan nằm mộng thấy có người tự xưng là “tướng quân trường thi” nói: “Ta chết tại nơi đây, nay đã làm thần. Mỗi một thí sinh chết ở trường thi này đều là hậu bối của ta. Nếu lập miếu ở góc phía tây bắc, sẽ tránh được chuyện này.” Và thế là quan địa phương vì “ma vô lại” mà lập miếu thờ, các sĩ tử đến thi, đều không quên chuẩn bị kim tiền, cầu phúc âm bảo hộ. Thí sinh chết ở trường thi không những không giảm bớt mà còn xảy ra liên tiếp, không chỉ có một hai lần, mà nhiều không kể hết.” Trong văn học, những câu chuyện kiểu như thế này quả thực không phải hiếm gặp. Dem cái oan ức, tội lỗi xảy ra ở trường thi đổ hết lên đầu ma quỷ, sau đó yêu cầu thí sinh đến dự thi phải cầu bình an, nghĩ ra được chiêu trò lừa ma gạt quỷ như thế này, quan viên triều đình quả thực là thông minh hơn người. Thế là ác quỷ chuyên làm chuyện quấy phá người nay lại trở thành thần bảo hộ của trường thi, chính là nha dịch phụ trách việc trị an trong thành, chỉ cần nộp một hào phí bảo hộ thì sẽ không bị gây thêm phiền hà nữa.

Còn có một loại ma rất kỳ lạ. Sự xuất hiện của loại ma này không những có liên quan đến vận mệnh của các thí sinh, mà chủ yếu là dự báo điều hung đến với đám quan coi thi vô đạo trong thành. Thời nhà Thanh, mỗi cuộc thi lớn đều có loại ma quỷ kỳ dị này đến giờ trò quấy phá. Trong Tam cương thức lược của Đồng Hàm, cuốn ba, Hương vi dị biên có đoạn viết: “Suốt mười bốn năm Thuận Trị, một ngày trước hôm diễn ra kỳ thi Hương ở Giang Nam, bỗng sương giá kéo đến dày ba tấc, phủ kín cả trường thi, ma quỷ khóc than không ngớt. Sau khi bảng danh sách thí sinh trúng tuyển được công bố, chủ khảo tính mưu bày kế tìm cách ăn tiền hối lộ của thí sinh. Cảnh người nhà cùng sĩ tử kéo nhau đến nhà quan phủ đông như nê, cuối cùng lựa chọn ra trong số đó mười tám người được coi là thi đỗ, cảnh tượng huyền ảo như bán mua ngoài đường, ngoài chợ.” Cống Viên ở Bắc Kinh thời nhà Thanh còn lưu lại một truyền thuyết về “đại đầu quỷ” có quan hệ mật thiết với những vụ án trường thi như đã nói ở trên. Tiết Phúc Thành trong Dung am bút ký, cuốn ba, Mậu ngọc khoa trường chi án có đoạn viết: “Vào một buổi chiều tà của tám năm về trước, ở Hàm Phong bỗng nhiên vọng lại những âm thanh như tiếng khóc than thảm thương kỳ lạ, người ta đồn rằng âm thanh đó chính là dấu hiệu quỷ xuất hiện. Các đạo sĩ trong vùng đều khẳng định: “Đại đầu quỷ không dễ dàng vào được Cống Viên gây rối loạn!”[4] Thế nhưng, kết quả lại cho thấy những phán đoán ban đầu của đạo sĩ là hoàn toàn sai lệch. Năm đó tại trường thi bất ngờ xảy ra biết bao chuyện lạ. Trong thi cử mà cảnh tượng mua quan bán tước diễn ra công khai như họp chợ giữa đường. Hình thức thì vẫn có các quan chủ quản đứng bên ngoài giám sát, trông coi, nhưng thực chất bên trong thì sĩ tử và quan chủ khảo vẫn miệt mài thương lượng. Sau một hồi lâu “thi cử” một nhòai, cuối cùng cũng chọn ra được hơn mười người “xúng đáng”. Trong chuyện này không ai có thể biết được liệu giữa tiếng khóc ma quái kia cùng với sự xuất hiện của đại đầu quỷ và bè cánh quan chủ khảo có quan hệ ràng buộc hay không? Thật không ai có thể đưa ra câu trả lời chính xác. Chỉ có điều, nếu đại đầu quỷ không xuất hiện thì làm sao quan chủ khảo có cơ hội phô diễn những chiêu trò bịp bợm, lừa gạt trắng trợn của mình. Để có câu trả lời thích đáng cho vấn đề nêu trên, thiết nghĩ ngoại trừ những người trong cuộc ra thì chắc hẳn không ai có bản lĩnh dám công khai mọi chuyện!

[4] Căn cứ theo Châu lô bút ký của Tôn Tuyên, nói đại đầu quỷ là “mắt đỏ mở ra, đầu to hơn đầu của người bình thường vài lần”, mà còn hiện hình ngay tại phòng của khảo quan.

Tuy nhiên, ma quỷ trong trường thi đương nhiên không chỉ có loại này. Có thể dẫn ra đây một vài ví dụ điển hình khác, như trong tập một của cuốn Di kiên bính chí có đoạn viết về trường thi Lâm An: “Trong thời gian sĩ tử làm bài thi, có người trông thấy một người đàn ông và một người phụ nữ dắt tay nhau tự do, thoải mái bước vào khu vực thi, lại có người nhìn thấy một đàn ngỗng trắng, hay có khi là một phụ nữ búi tóc cao, ngồi trên lan can, không nhìn thấy chân, lúc ẩn, lúc hiện, kỳ lạ vô cùng...” Những câu chuyện ma quái kiểu này cũng chẳng khác cảnh tượng người nông dân đuổi nhâm lợn vào trường thi, câu chuyện chẳng

liên quan đến thi cử học hành mà chủ yếu chỉ là muốn mang đến một sự sôi nổi, náo nhiệt cho trường thi vốn quá trầm lắng mà thôi.

2

Ở trên đã kể ra mấy loại ma tiêu biểu thường xuất hiện trong trường thi. Mặc dù từ đầu đến cuối chúng tôi chưa đưa ra lời bình phẩm khẳng định hay phủ định về sự thật của những câu chuyện kỳ lạ đó. Nhưng chuyện ma quỷ như thế này đến thời nhà Thanh đã loại bỏ dần những thứ được coi là không hợp pháp ở trường thi như thế. Loại ma như đại đầu quỷ thì không cần phải nói đến nữa, ngay như “ma giúp đỡ”, “ma bỏ đỡ” được coi tương đương với tầng lớp thấp như nha sai là tay sai thân cận, giúp việc trực tiếp cho quan viên triều đình. Nếu đánh giá hành động, việc làm của những đối tượng này e rằng sẽ ảnh hưởng đến khoản “quỹ đen” của lũ quan chủ khảo. Còn việc được ví von với chuyện đuổi lợn vào trường thi chỉ là những hành động kỳ quái, để duy trì sự tôn nghiêm trong trường thi nên không thể không quản lý, mà việc quản lý những chuyện như thế này lại quá dễ dàng, không gây thêm phiền phức gì. Ví dụ như trong Tam phong thức lược có khẳng định, trong phòng thi “có thần binh bảo vệ, thế lực ma quái không dám đến gần”. Vậy chỉ có hai loại hồn ma là hồn ma của những người thân thích và những loại ma báo ân, báo oán là được quyền “đặc cách” tự do đi lại trong trường thi, những loại còn lại bị liệt vào “danh sách cấm”. Để duy trì trật tự và chủ trì công đạo, khảo quan có mời những vị minh thần thiên địa đến. Tuy nhiên, sự góp mặt của những vị minh thần này suy cho cùng cũng chỉ là hình thức mà thôi. Còn nguyên nhân chính nổ ra cuộc chiến đằng sau lại chính là mấy dạng hồn ma hợp pháp được “đặc cách” đi lại trong trường thi đó.

Nhân vật chính sẽ được nói tới ở đây đương nhiên là hai loại ma báo ân báo oán ấy. Nhưng cũng không thể bỏ qua vai trò mang tính xúc tác của loài ma gia quyến đó. Ma báo ân và ma báo oán một khi đã xuất hiện tại phòng thi, thí sinh chẳng may va vào sẽ giết mình, thậm chí còn bị kinh sợ đến suýt chết. Một khi đã chạm vào tà khí, đừng nói là vượt Long môn, đến tính mạng cũng khó mà bảo toàn được. Vì thế, ma gia quyến khi vào trường thi có nhiệm vụ bảo vệ con cháu của mình, tránh để con cháu họ gặp phải những tai họa không đáng có. Nhưng dường như những vị tổ tông này không phải ai cũng tuân thủ luật pháp. Trong số họ có không có không ít trường hợp vào trường thi để tìm cách “đi cống sau”. Những vong hồn này vì lo cho con cháu mình đến ứng thi mà bắt tay thông đồng với quan lại. Những câu chuyện kiểu như thế này ở thời Nam Tống đã có rồi, hình thức lại vô cùng phong phú, từ khóc lóc than nghèo kể khổ đến cố ý khuếch đại, phô trương sự giàu có của gia đình... đều có cả. Một trong những câu chuyện đáng được nhắc đến nhất là tác phẩm Tử bất ngữ của Viên Tử Tài, trong đó có đoạn viết: “Huyện lệnh Dương Triều Quan được lệnh xuống huyện Hà Nam làm quan chủ khảo, đang đọc bài thi đột nhiên cảm thấy có phần hơi mệt mỏi, trong chốc lát đã chìm vào một giấc mộng lạ kỳ...”

Mơ thấy gặp một cô gái tầm khoảng ba mươi tuổi, trang điểm nhẹ nhàng, khuôn mặt thanh tú, thân hình vừa vặn, trên người mặc váy đều màu xanh, thoạt trông đáng vẻ giống người vùng Giang Nam. Cô gái nhẹ nhàng bước đến, vén tấm màn lan, cất giọng nhẹ nhàng: “Sử quân làm ơn hãy để tâm đến bài thi của Quê Hoa Lý Hương, tôi xin nghìn lần cảm tạ!”

Quân Hương Tiêu Ngọc chết cách đây hơn một trăm năm bỗngưng báo mộng về cho khảo quan nhờ giúp đỡ cháu của người bạn là Hầu Phương Vực (vị lão cống sinh cũng tầm khoảng trên năm mươi tuổi rồi), thông đồng với quan, thật là chuyện lạ lùng hiếm thấy. Theo như Viên Mai nói thì đây là chuyện mà chính Dương Triều Quan tự mình nói ra, hơn nữa còn “tự mình tưởng tượng thấy Hương Quân, giống như người thật đang hiện hình trước mặt”. Nhưng sau khi người viết mượn chuyện để nói lên sự thật, lúc ấy Dương Triều Quan Triêu có chết cũng không chịu nhận chuyện đó là nhằm ám chỉ mình. Chính vì việc này mà Viên Tử Tài phải viết thư nói rõ chủ ý thực sự trong câu chuyện của mình. Quả thực, Tuy Viên cũng không phải là

người dễ dàng bỏ qua mọi chuyện, đang buồn giận vì sự chua ngoa, cay nghiệt bày ra trước mắt mà không hề có nơi để thi thố, giải bày, bèn viết liền một lúc hai bức thư trả lời. Khổ thân cho vị Dương Triều Quan bảy, tám mươi tuổi này, không thể giả vờ làm chính nhân quân tử, cả bụng bực tức đều bị lôi ra ngoài hết. Thư trả lời của Viên thị có thể gọi là bài văn tuyệt diệu, được đăng ở “Tiểu thương sơn phòng xích độc”[5], các vị độc giả không phiền có thể tìm đọc và suy ngẫm xem.

[5] Nghĩa là: thư từ tại sơn phòng nhỏ.

21. Chương 08 - Part 2

Không quay cóp thì không phải cuộc thi, nhưng người mà quay cóp thì sẽ có vương pháp xử lý nghiêm khắc. Thế nhưng, ma quay cóp thì lại là điều hợp tình hợp lý, bởi lẽ người ta lúc ấy đâu có bị c là “quay cóp” mà là đang báo ân đấy chứ! Lời dạy bảo lấy đức báo ân được ví như giọt nước tuôn chảy thành sông. Người Trung Quốc từ cổ chí kim đều xem việc báo ân là hành động nhận đức, cao đẹp. Vì thế sự xuất hiện của “ma báo ân” tự nhiên đã trở thành chương mục rõ ràng. Hồn ma đến trường thi để báo ân, thường là lúc gần đến Trung thu mà mang tặng hai hộp bánh Trung thu để làm thức ăn đêm thì quả thực chẳng có chút thành ý nào cả, vì vậy việc báo ân lúc này là giúp sĩ tử quay cóp. Mà cái sự quay cóp của ma so với của người trần cũng không khác nhau là mấy.

Vòng thứ nhất là vào mua đề. Trong Di kiên chi cảnh, tập ba, Tam sơn lục thương có ghi: “Truyền Trưởng người Duy Châu, Sơn Đông đến một ngôi chùa ở Ngô Giang, tình cờ gặp cảnh ma chạy chôn cất người chết, liền hỏi tăng nhân. Sau khi biết được người nằm trong quan tài là Lục Thương, một vị khách ở quán trọ của thi huyện tiền nhiệm bị bệnh qua đời, do hoàn cảnh túng bấn mà không thể mai táng ở quê hương. Truyền Trưởng chạnh lòng thương xót, đã giúp di chuyển quan tài đến chôn cất tại phần mộ công. Vào tháng Bảy năm đó, Truyền Trưởng tham gia thi cử, nằm mộng thấy Lục Thương đến, nói hết đề của ba vòng thi cho anh ta biết. Đến lúc ứng thi, đề thi đúng như những gì hồn ma báo mộng, anh ta chỉ việc chép nguyên những thứ mình đã thuộc.” Khi có kết quả, anh ta đỗ cao cũng là lẽ tự nhiên.

Thứ hai là đánh dấu trên bài thi. Lã Đại Kính thời Nam Tống trong tập hai cuốn Hạc lâm ngọc lộ có đoạn viết: “Khi Vương Ngọc Sơn chủ trì việc thi cử, nhớ đến người bạn học thì nhiều lần nhưng không đậu, liền viết thư mời anh ta đến một ngôi miếu ở Phúc Dương, nói nhỏ với anh ta: “Trong phần thứ nhất của bài thi nhớ dùng ba chữ “cổ”, tôi sẽ biết đó chính là bài của ông.” Sau khi thi xong, Vương Ngọc Sơn tìm trong đống bài thi, quả nhiên có bài dùng ba chữ “cổ”, liền đặt lên phía trước. Nhưng khi đối chứng tên và số báo danh thì không phải bằng hữu của mình. Vài ngày sau người bạn đến tìm gặp, Ngọc Sơn liền quở trách, người bạn chỉ tay lên trời mà thề rằng: “Nếu không vì bị bệnh nặng suýt nữa mất mạng thì tôi đã không tự ý bỏ thi. Nhưng tôi thề có trời cao s xét không hề hé răng tiết lộ nửa lời.” Không lâu sau, người dùng ba chữ “cổ” mà trúng cử kia đến bái kiến. Vương Ngọc Sơn liền hỏi vì sao trong đoạn đầu lại dùng ba chữ “cổ”. Người này trả lời rằng: “Khi tôi đến ứng thi có ở nhờ trong miếu Phúc Dương. Tình cờ trông thấy một cỗ quan tài, hỏi tăng nhân thì được biết trong quan tài là một người con gái, chết đã mười năm nay mà không có ai chôn cất. Tối hôm đó, tôi liền nằm mộng gặp một người con gái, cô gái nói với tôi rằng, lần này thi, trong đoạn thứ nhất nếu dùng ba chữ “cổ”, nhất định sẽ đăng khoa, nhưng hy vọng sau này anh có thể chôn cất chu đáo đống tro cốt này. Tôi liền nghe lời cô gái và kết quả là đỗ đầu như ngày hôm nay.” Đây là hồn ma trong miếu Phúc Dương vô tình biết được mấu chốt của câu chuyện, bèn tiện tay bán cho thi ân.[6]

[6] Bạch Thoại, người đời Minh, trong tiểu thuyết Thạch điểm đầu có một hồi “cảm ân quý tam cổ truyền thí chỉ” chính là diễn câu chuyện này.

Thứ ba là cướp trong trường thi, phần này có nhiều chuyện thú vị, và cũng là phần có thể thấy sự xảo quyệt, gian trá của con người. Trong Di kiên chí đỉnh, cuốn thứ hai, Ngô Canh đăng khoa kể lại: Trong thời kỳ Thiệu Hưng, có một năm tổ chức thi cử tại quê hương, Ngô Canh cũng tham gia ứng thi. Vốn không phải là người chăm chỉ học hành, lại đúng phải năm c thi với nguyên tắc “trong phòng thi không được quay trước ngó sau”, vì thế ý định quay cốp của Ngô Canh rất khó thực hiện. Đang trong tình cảnh khó khăn, bỗng nhiên như gặp được thầy Trương Viên ngồi bên nhắc nhở, Ngô Canh bèn lấy bài thi của Trương Viên sao chép lại một lượt. Mấy ngày liên tiếp sao chép toàn bộ, kết quả đỗ điểm cao. Sau khi thi xong, Ngô Canh đến nhà thầy Trương Viên cảm ơn thì mới biết Trương Viên không hề vào phòng thi. Lúc đó Trương Viên nói một câu: “Người ra tay giúp đỡ Ngô Canh không phải ai khác mà chính là hồn ma hiển linh báo ân. Đó cũng là vì tổ tiên có tấm lòng nhân đức mà có ngày được báo đền.”

Rõ ràng quay cốp trong thi cử là câu chuyện chẳng lấy gì làm tốt đẹp, vậy mà chỉ một câu “tổ tông âm đức”[7] là có thể lý giải cho hành động gian lận của con cháu, thật là điều khó có thể làm vừa lòng người ngay thẳng. Lương Cung Thìn, người đời Thanh, trong Bắc đông viên bút lục sơ biên, quyển thứ ba, Bạch quyển hoạch tuyển cũng dẫn ra một ví dụ điển hình: “Một sĩ tử trong kỳ thi không viết một chữ nào, ba lần nộp giấy trắng vẫn đỗ cao và sau này nhậm chức đường đường trở thành Thái huyện. Đường nhiên đây cũng là nhờ có ma quỷ đến báo ân mà có được. Trong câu chuyện, chính người viết cũng bất mãn mà cất tiếng than rằng: “Báo đáp công ơn mà cũng cần gian lận như vậy sao?” Báo đáp công ơn hay chỉ là cái cớ để che dấu sự gian trá? Quả thực điều này chỉ có ma quỷ mới biết được. Câu chuyện quay cốp nhiều uẩn khúc này xin không phí thời giờ bàn thêm ở đây nữa. Nhưng trong một tác phẩm khác như Liêu trai chí dị, đoạn Trữ sinh có kể chuyện ma quỷ gặp lại bằng hữu nên vào trường thi để giúp đỡ. Bồ lão tiên sinh có nói câu: “Kỳ chí kỳ hành, khả quan nhật nguyệt!” Cảm kích vì việc ma quỷ biết dùng đức để báo ân, vì tấm lòng được c là nhân đức ấy mà tôi quay cốp, gian lận trong thi cử, đến ngay cả bản thân lão tiên sinh còn như vậy, những người khác làm theo kể ra cũng không có gì để oán trách. Nhưng xét cho cùng thì quan niệm ràng buộc giữa tình nghĩa và pháp lý của người Trung Quốc vốn là như vậy, khó có thể lý giải được hơn!

[7] Nghĩa là: tổ tông làm công đức nơi trần gian.

Cuốn thứ mười ba trong Hữu đài tiên quán bút ký của Du Việt có viết, quý báo ân đến làm bài thi hộ người khác là một cách rất tự nhiên. Sau khi cậu con trai nhà phú hào vào trường thi, cầm bút suy nghĩ rất lâu nhưng cả buổi thi anh ta không viết được chữ nào. Bỗng nhiên có một cụ già đem bản phác thảo sẵn của mình đưa cho anh ta. Hai, ba môn thi đều như vậy, khi công bố bảng điểm, quả nhiên anh ta đã thi đỗ. Thì ra chàng thiếu niên này đã làm một việc tốt, đó là anh ta lấy một cô gái, sau khi thành hôn anh mới biết, cô gái này đã hứa hôn với con trai của lão nho. Sau khi lão nho mất, con trai ông rất nghèo, bố mẹ của cô gái liền hối hận không muốn gả cho người nghèo khó, nên đã gả cho chàng thiếu niên này. Và thế là chàng thiếu niên liền hối hận đến nhà con trai của lão nho và anh c con trai lão nho như chính là người thân của mình. Sau đó còn giới thiệu, mỗi mai ột người con gái khác, rồi làm lễ thành hôn cho họ, không những vậy còn chuẩn bị đầy đủ lễ vật mang đến. Và đương nhiên lão ông trong phòng thi chính là hồn ma của lão nho hiển linh báo đáp.

Sự tri ơn, báo đáp quả nhiên là vô cùng khảng khái. Điều này thực sự làm cho các thí sinh không kìm nén được cảm xúc, vội vàng đi làm việc thiện, ít nhất thì cũng không được làm việc thất đức. Trong cuốn Thường đàm[8] của Lưu Thanh Viên, người đời Thanh, có kể lại một việc chính bản thân mình đã từng trải

qua: “Vào mùa hè năm đó, các sĩ tử đang chờ thi, ngày dài nhàn nhã bèn ngồi lại với nhau tán chuyện về buồn the của một nhà nọ rất dâm loạn. Một người vội vàng ngăn lại: “Không được nói đến chuyện này, kỳ thi đang đến gần, tránh vạ miệng, đợi thi xong rồi hãy nói chuyện này, lúc ấy sẽ không sợ tai bay vạ gió.” Lưu Thanh Viên cảm khái nói: “Sĩ tập như vậy, có thể học là biết!” Có thể thấy những câu chuyện kiểu này cũng đã góp phần làm thay đổi phong tục vốn tồn tại lâu đời trong dân gian. Trong khi các sĩ tử cũng biết, nếu thực sự muốn nhận được sự báo đáp hậu hĩnh thì phải đầu tư vào các vị khảo quan, mà khảo quan thì có “ân quỹ” bảo hộ, người khác không cần phải nói ba bốn đạo nữa, chỉ cần tự xem xét bản thân và tổ tông của mình xem có làm việc tốt tích đức hay chưa mà thôi.

[8] Nghĩa là: nói chuyện hàng ngày.

Nếu muốn được “ân quỹ” báo đức thì điều trước tiên là phải mời được vị “ân quỹ” này tới đã. Và mời là việc của mời, nhưng cũng không được làm quá phô trương, vì từ trước tới nay, việc kêu cầu trong chiêu hồn đều không được làm quá um xùm, huyền ảo. Hơn nữa, trong một cuộc thi cũng không được có quá nhiều “ân quỹ” cùng đến, nếu không thì đó chẳng phải là làm bài, đáp án của thí sinh mà lại là các vị “ân quỹ” dùng thủ đoạn làm giúp, đến lúc đó, vị “đại đầu quỹ” bí ẩn kia ắt sẽ xuất hiện.

3.

Loạt truyện “ân quỹ” báo ơn tuy xuất hiện không ít nhưng phần lớn đều rất khô khan và khó có thể làm người đọc cảm thấy hứng thú. Những loạt truyện như vậy, nói đi nói lại cũng chỉ có duy nhất một câu cửa miệng là “có ma” mà thôi. Vốn dĩ anh “đi cửa sau” may mắn thì công thành danh toại, còn giả sử không may gặp người khảng khái phần nọ không tiếp đãi, lúc ấy ai còn tin vào lời nói ma quỷ của anh nữa. Vì thế trong nhân gian lưu truyền câu chuyện kỳ quái nơi trường thi mục đích cũng chỉ để kể lại chuyện oan hồn báo ân báo oán. Có những trường hợp, một người nào đó vốn thông tường kinh sử, khi vào trường thi hào hứng làm bài, thế nhưng trước khi rời phòng thi lại nộp giấy trắng, hoặc làm bài xong rồi đột nhiên bị đổ mực đầy trang giấy, đó là những việc thường tình. Sợ nhất là vào phải phòng thi mà có người tự nhiên phát điên, nhảy nhót, hò hét âm ỉ, năm bảy lính cũng không đối phó nổi. Còn có chuyện có người trong phòng thi vắt một sợi dây thừng lên xà nhà định tự sát. Đương nhiên đây không phải việc làm quấy phá từ phía giám thị, cho nên người ta thoái thác trách nhiệm cho những oan hồn về báo thù, mà trách nhiệm đó sau cùng lại trút lên đầu thí sinh hoặc tổ tông của họ đã từng làm chuyện thất đức, hại người.

Ghi chép chuyện chiêu hồn ma về, sớm nhất là vào thời Minh - Thanh, trong tác phẩm Tam cương thức lược của Tế Nhân Đồng, sau đó là ở Dạ đàm tùy lục của Nhân Trai Thị và Bắc đông viên bút sơ biên của Lương Cung Thìn. Mặc dù việc chiêu hồn ma về không chính thức được c là một tập tục tế lễ bắt buộc, nhưng với các sĩ tử việc làm ấy đã trở thành một điều không thể thiếu trong các khoa thi. Cho nên, khi tuần phủ Giang Tô, chủ thí là Trương Bác Hành không tiến hành chiêu gọi hai hồn ma, việc làm ấy đã được tác giả Tiền Vịnh của Lý viên thần thoại cho đó là hào kiệt. Trong Gia đại nhân của Lương Cung Thìn cũng kể lại một câu chuyện tương tự ở Quảng Tây, khi Lương Chương Cự là chủ thí cũng không cho chiêu gọi hai hồn ma. Ở Tiền Vịnh, khi Trương Bác Hành làm chủ thí được người đời nhắc đến và cho đó là dị số bởi trong trường thi không những có thí sinh bị bệnh hoặc phát điên mà chuyện chết người cũng thường xuyên xảy ra.

Trước khi nói về chuyện chết người, có lẽ chúng ta cũng không nên ngần ngại mà bỏ qua việc tìm hiểu một chút về tình hình trường thi. Cận Nhân Mã trong tác phẩm Thạch ốc tục trầm mạnh dạn đưa ra những so sánh rất cụ thể, đối với những miêu tả quý giá này, tôi tiến hành đối chiếu chúng với những tài liệu khác dưới đây:

Các tỉnh tổ chức thi tại trấn phủ của mình được gọi là Cống viện. Cống viện là một khu vực rộng lớn, nghe nói Cống viện Giang Nam được c là lớn nhất (đó là một mảnh đất rộng ở sau miếu phu tử Nam Kinh, giờ đã trở thành chợ văn hóa cổ), có thể tụ họp hơn hai mươi nghìn thí sinh. Ở Cống viện này xây lên từng hàng, từng hàng những dãy nhà đơn sơ, có đến trăm dãy nhà san sát nhau như vậy, mỗi dãy đánh số tới một trăm và được sắp xếp theo thứ tự “Thiên tự văn”, “Thiên địa huyền hoàng”... Ví dụ như chữ “thiên” là số một, cứ thế đánh số thứ tự nối tiếp nhau đến hết. Mỗi phòng nhỏ này được gọi là trường ốc, cũng gọi là phòng thi, có cái gọi là phòng số, đặt số phòng ở nhà tù cũng cùng một suy luận đó. Mà có tất cả bao nhiêu phòng? Chiều cao chỉ bằng đầu người, chiều rộng thì chỉ cần anh thò chân ra một chút là đụng đến tường đối diện, kích thước chiều sâu thì nhiều hơn một chút, bên trong có thể dựng được một chiếc giường làm theo lối phương Bắc, đã là giường thì dùng để ngủ, tuy không rộng rãi lắm nhưng cũng có thể dựa đầu vào đó được, chân có thể duỗi thẳng ra, cũng có khi phải duỗi ra bên ngoài cửa phòng thi. Giường này dùng để ngồi khi làm bài thi, như thế cũng là rộng rãi lắm rồi. Nói tóm lại, nếu về phương diện xa hoa mà suy đoán, quy mô của những phòng thi này tương đương với phòng đơn thường gặp bây giờ. Phòng thi không có cửa, chỗ cửa vào có một miếng gỗ riêng biệt, nó được dùng để kê bài thi khi viết và cũng là bàn dùng để ăn cơm. Bên trong treo một tấm rèm nhỏ cũng nhằm mục đích giúp phân biệt là trong hay ngoài. Các thí sinh vẫn nói đùa với nhau rằng, đây là “nụ ốc phong quang”, trong đời phải may mắn lắm mới có dịp tá túc vài hôm.

Đến mùa thu tháng Tám hàng năm, nhân tài toàn tỉnh tập hợp đến đây thi ba đợt, mỗi đợt ba ngày. Trước ngày thi một ngày thí sinh được vào trường thi, sáng sớm hôm đó, thí sinh xem số thứ tự, mang hành lý, giống như hành khách chen chúc lên tàu trong dịp Tết, xếp hàng dài để đợi vào trường thi. Thường có câu “tú tài liễu kiến binh, hữu lý thuyết bất thanh”[9]. Bắt đầu ở khoảng thời gian ở Cống viện, đại đa số tú tài đều phải tìm cách khôn khéo mà kết giao với lính gác. Những lính gác đeo dao bên mình, dáng vẻ rất oai phong. Ngày thường, các cử nhân tú tài ngạo mạn, giờ đây trước mặt lính gác lại trở nên ngoan ngoãn chẳng khác gì đứa trẻ lên ba chỉ biết gật, lắc liên hồi, bợ phờ dưới cái nắng gay gắt, binh lính gọi họ đến uống nước, ngay cả buồn đánh hơi cũng chẳng dám. Cứ như thế, theo đúng quy trình kiểm tra. Các cử nhân tú tài bị khám xét hành lý từng người, từng người một. Và các binh lính cũng nhân cơ hội này để thể hiện thái độ coi thường, khinh miệt đối với các tú tài, cố ý kiểm tra một cách tỉ mỉ, đến nỗi khám xét cả những chỗ riêng tư hay bất cớ bỏ quần áo.

[9] Nghĩa là: tú tài gặp lính có lý cũng khó giải thích rõ ràng.

Trong lịch sử trường thi ở Nam Kinh có một câu chuyện có thật kể ra không khỏi khiến bạn đọc cười ra nước mắt. Có một khoa thi, một thí sinh bị đám lính tìm ta cái ví giấu cẩn thận ở dưới hậu môn. Khi bị phát hiện, anh ta đến chết cũng không chịu nhận, cố tình biện hộ rằng cái ví đó là do người ở đằng sau bỏ vào. Đám binh lính không hiểu sự tình, muốn tìm xem rốt cuộc đằng sau là người nào, cuối cùng người ở đằng sau cười lớn, đáp: “Phải, cứ cho là của ta để vào đó, nhưng sao nó không là để ở bên trên, hay bên dưới mà lại nhào vào đúng chỗ đó mà để? Hơn nữa, tại sao nó lại cứ ở phần hậu môn mà mãi không chịu đi chỗ khác vậy?” Nói xong lại đắc chí cười ha ha. Lúc đó, đại đa số đám binh lính thích bốn cột vẫn không hiểu sự tình ra sao. Nhưng niềm vui đến với anh ta chưa được bao lâu thì phía sau lại tiến đến một nhóm khác, tiếp tục lục soát, làm một lúc họ cũng khiến cái phần giữa anh ta nhô lên cao như vậy. Đúng lúc đó, Tả Tông Đường đang làm trợ lý tại đó, dùng một chân đá cho tên chỉ huy của đám binh sĩ vốn cao to hơn ông ta lẫn lộn trên mặt đất (có ghi chép khác cho rằng ông ta tát vào miệng tên chỉ huy đám binh sĩ một cái tát hoặc đá một cái rồi mắng thêm câu: “Đồ khốn nạn!” Có lẽ lúc đó trong thâm tâm ông Tả Tước gia kia còn mong muốn đá cho cả đám binh lính kia lẫn lộn khắp nơi trên đất). Nhưng có điều lạ lùng là sao ông ta lại bức dọc và hận thù dữ dội đến vậy? Bây giờ nghĩ lại, tôi đoán rằng trong thời gian ứng thi trước kia, ông ta cũng từng chịu sự mắng mỏ, sỉ nhục ghê gớm của đám binh lính cho nên nay ngồi ở cương vị này, phải chứng kiến cảnh tượng trước mặt, ký ức bỗng chốc hiện về, mối thù xưa trở dậy sâu sắc đến nỗi quên hết cả địa vị và tư cách cao quý của mình. Nói tóm lại, chỉ sau khi kiểm tra đã đạt đủ tiêu chuẩn, các

thí sinh mới được đưa đến vị trí của mình. Khi hoàng hôn buông xuống, thân thể tuy đã mệt mỏi, mặt mày ỉu rù, nhưng cũng phải cố cố vũ mình lấy tinh thần chuẩn bị bước vào vòng thi cử. Bởi ngay tối hôm đó là phát đề thi, cũng có nghĩa là bắt đầu tính thời gian làm bài.

Thí sinh đã vào phòng thi thì phải ở đó làm một mạch đến hết ba ngày ba đêm, ăn ngủ, đại tiểu tiện cũng ở đó, cộng thêm cái nóng bức của tiết trời tháng Tám khiến cho phòng thi ở đây bốc mùi hôi thối. Đặc biệt là ở vùng nóng ẩm như Giang Nam, ban ngày ruồi muỗi bay loạn xạ, tối đến muỗi tấn công ào ào, không khí giống như chốn lao tù. Nhưng tù nhân trong tù đâu cần động não suy nghĩ để làm văn thơ, vì vậy cử nhân tú tài tương lai trên thực tế rất khổ và thậm chí còn khổ hơn cả tù nhân, vì không được quyền tự do tự tại.

Từ những bức ảnh cũ của Cố viện Bắc Kinh cho phép chúng ta hình dung rõ hơn về những căn phòng ẩm thấp này. Địa chỉ cũ của Cố viện Bắc Kinh là Học viện xã hội học Trung Quốc, bên cạnh có ngõ hẻm vẫn được bảo tồn và được đặt tên là “Cố viện”. Vị trí lúc bấy giờ là gần cửa phía đông hẻm lách và hoang vắng, nhưng nay đã trở nên sầm uất, nhộn nhịp hơn rất nhiều. Xem những bức ảnh cũ được lưu giữ lại, những căn phòng nhỏ hẹp, ẩm thấp, sân nhỏ bẩn thỉu làm người ta khó có thể tưởng tượng nổi đây là “long môn” một bước lên trời của các nhà trí thức. Cố viện ở nơi đô thành còn như thế, các trường thi ở tỉnh, phủ, châu, huyện chỉ xếp sau mà thôi. (Ghi chép của Giới Xuyên Long khi nhìn thấy hai nghìn sáu trăm phòng thi chỉ đặt ở một chỗ, “không những không mang lại cho người xem cảm giác tráng lệ, mà tương phản hoàn toàn, đó là sự lạnh lẽo, hoang mang đến rợn người”). Từ hình ảnh này có thể suy đoán ra chế độ thi cử thời xưa “buồn tẻ”, “chán nản” đến mức nào. Nhà văn Nhật này hiểu về văn hóa Trung Quốc còn hơn cả tiền bối của Kanier. Cố viện Bắc Kinh vẫn còn chút lợi thế về điều kiện tự nhiên, đó là khí hậu mát mẻ, trừ khi gặp phải thời tiết nóng bức, ả của tháng Tám, cho nên ma quỷ ở đây xuất hiện nhiều nhất ở cửa ngõ phía nam.

Vào thời nhà Thanh, năm Đạo Quang thứ mười bảy, tức năm Đinh Dậu (1837) thi xã tại Phúc Kiến, thời tiết nóng bức, khắc nghiệt khác thường, trong ba vòng thi có nhiều sĩ tử mắc bệnh và bị ma ám. Quyển tam ký Li biên biên chất ngôn^[10] của Đới Liên Phân có ghi chép lại câu chuyện thi Hương tại Nam Kinh vào năm Đinh Mão. Truyện kể rằng, vào đợt thi đó có một nửa số thí sinh bị say nắng và có hơn bốn mươi người bị chết trong phòng thi. Người chết nhiều như vậy nên trường thi này, chuyện ma quỷ hiện về đòi mạng đương nhiên là nhiều rồi.

[10] Nghĩa là: đặc tính chữa trị của kim li.

Cứ thi xong một môn người ta lại thấy xác của mấy thí sinh được khiêng ra từ Cố viện, cộng thêm mấy vị mắc chứng tâm thần cũng được dẫn ra theo. Tạm gác chuyện này qua một bên, phải điều tra nguyên nhân sự cố để còn có cái cơ đẹp tan mọi phần uất trong lòng người dân. Muốn giảm bớt những rắc rối này, họ bèn đưa ra lý do có sẵn là oan hồn báo oán hiển linh đòi mạng, lấy lý do ấy thì người dân còn biết nói gì đây? Nếu người nhà có hỏi tiếp, giải quyết không xong nữa thì đưa chuyện đó vào “cửa vi đoạt mệnh lực”, hoặc viết thành một đoạn kịch nhỏ, cũng có khi chuyển thể thành tiểu thuyết Mãn thôn thánh thuyết Thái Trung Lang^[11]. Song chuyện ma báo thù rốt cuộc cũng chỉ là cơ của quan phủ và quan trọng hơn nữa là mục đích xoa dịu sự phẫn nộ của quần chúng đối với việc vô tình bạc nghĩa ấy thôi.

[11] Nghĩa là: cả làng nghe truyện Thái Trung Lang.

Thi cử đối với những người trí thức chính là “long môn”, vượt qua được thì thân phận sẽ trở nên cao quý gấp bội lần, còn ở mức độ nhất định nào đó thì chế độ thi cử thực sự đem lại cho sĩ tử nghèo một cơ hội tốt để đổi đời. Chuyện những thư sinh nghèo sau khi đỗ đạt làm quan vô tình bạc nghĩa làm cho người khác rất chú ý. Đến trường thi xuất hiện ma báo thù, đại đa số hồn ma báo thù đều vì sự vô tình bạc nghĩa giữa vợ chồng, người yêu, bạn bè với nhau. Vào trường thi, bạn bè thân thích của hai thí sinh kỳ vọng anh ta bao nhiêu thì kẻ thù và oan gia của anh ta nguyên rửa sâu nặng bấy nhiêu. Lấy chuyện của người để đoán chuyện ma, giờ đây, tự nhiên hồn ma và thí sinh có liên quan đến chuyện ân oán và hận thù, tình tiết này thực sự cũng vô cùng hấp dẫn. Trường thi lúc này lại là nơi lý tưởng cho việc trả thù hay báo ân, báo oán.

Nhưng việc báo ân, báo oán của ma cũng có giới hạn, nó không được vượt quá phạm vi cho phép xảy ra sự cố trên trường thi. Dựa theo nguyên tác này mà có mấy cách báo thù dưới đây. Cách thứ nhất, “trục trường”, nghĩa là tìm cách khiến cho thí sinh không thể làm bài một cách bình thường rồi bị đuổi giữa chừng. Có lẽ đây là hình thức trừng phạt nhẹ nhàng nhất. Trong đó, để thực hiện có một cách gọn nhẹ nhất thì oan hồn ma quỷ bất giác hiện hình trong lúc thi, khiến cho thí sinh chột dạ, sợ sệt mà tự hiểu rằng, nếu càng gắng gượng thì sẽ càng làm cho sự việc trở nên to tát, biết điều thì hãy tự mình rời khỏi trường thi. Thí sinh kín đáo trốn chạy như vậy mục đích để có thể tránh khỏi hình phạt nghiêm khắc hơn. Mà mục đích của oan hồn cũng chỉ mong cho kẻ thù không thành tài nên nếu mục đích đạt được rồi thì dễ dàng bỏ qua. Đó cũng là một cách trừng phạt khoan hồng, độ lượng nhất rồi.

Có trường hợp khác lại có chút dứt khoát hơn. Chưa gặp ma đã tính trước chuồn. Dực quynh bại biên của Thang Dụng Trung, quyển một, Khoa trường ẩn sự[12] có ghi chép lại nhiều điều lạ lùng xảy đến trong trường thi: “Khoa Canh Thân, thí sinh nọ ở Tô Châu vào phòng thi, quân hào hỏi anh ta họ gì, liền đáp họ Trương, quân hào vui mừng nói: “Tôi đoán chắc khoa thi năm nay ông nhất định sẽ đỗ đạt. Tối qua tôi nằm mơ thấy một người con gái cũng ngồi ở phòng này, tay cầm một cành hoa quế, tôi hỏi vì sao thì cô ta nói, đợi người đàn ông họ Trương đến. Nay ông mang họ Trương, lại ngồi đúng vào chỗ đó, nhất định sẽ đỗ điểm cao.” Trương mơ nghe xong, vẻ mặt vô cùng hoảng hốt, sợ hãi chạy ra khỏi phòng thi.

[12] Nghĩa là: sự việc bí ẩn trong trường thi.

22. Chương 08 - Part 3

Có trường hợp oan hồn cho thí sinh vào phòng thấp, sau đó nhập vào, tự nói địa chỉ nhà và kể chuyện xấu xa của bản thân họ để tự bôi nhọ thanh danh và làm mất danh tiếng. Bắc đông viên bút lục sơ biên, cuốn ba ghi chép chuyện xảy ra ở trường thi Giang Nam năm Bính Ngọ Càn Long[13]: “Khi vừa phát đề thi xong, một sĩ tử liền không ngớt cất cao giọng hát, rồi bỗng nhiên dán đề thi thứ nhất lên bảng: “Hồn phách

phiêu bạt đã bao năm rồi, hôm nay gặp nhau trước cửa phòng thi. Lúc đầu còn cho rằng đó là lương duyên, nhưng sau sao anh lỡ ra tay làm mất hết công danh của tôi?” Hát xong để đề thi ở đó rồi lão đảo đi ra ngoài. Cùng sách Tục biên[14], quyển năm ghi chép câu chuyện về cuộc thi Hương năm đó: Có một sĩ tử bỗng nhiên dang tay như ôm đàn tì bà, cất lên bài hát dân ca Mãn giang công[15], vừa hát vừa trêu ghẹo xung quanh. Hát xong bỗng nhiên khóc nức nở và than vãn những chuyện buồn khổ của chính mình. Cuối cùng lấy giấy thi lau nước mắt, ngủ say mê mết, sáng sớm hôm sau đi ra với bộ dạng thật thảm hại.

[13] Năm Bính Ngọ Càn Long tức năm 1786.

[14] Nghĩa là: biên soạn tiếp.

[15] Nghĩa là: giang sơn màu đỏ.

Một cách nữa là làm bẩn bài thi. Thí sinh làm bẩn, rách hoặc mất bài thi, khiến cho anh ta mất công làm bài mà chẳng có kết quả gì, đây cũng là một hình thức trừng phạt rất khoan hồng. Độn trai ngẫu bút[16] của Từ Côn viết về việc mà chính bản thân tác giả trải qua: “Thời Khang Hy, năm Tân Mão, ở trường thi Giang Nam có một thí sinh làm xong bài thi, sau đó anh ta đi vệ sinh, khi vào không thấy bài thi của mình đâu nữa. Một lát sau, ở công đường có truyện dụ nói: “Đường Tự Hào bị mất bài thi, nay bài thi lại từ trên trời rơi xuống phía tây của trường thi, nhưng đã bị rách làm hai rồi.” Thí sinh này yêu cầu thay giấy thi để làm lại, nhưng một vị giám khảo đã từ chối anh ta, và nói: “Trong chuyện này ắt có quỷ thần, có thay bài thi cũng không có tác dụng gì đâu.”

[16] Nghĩa là: viết về việc từ chối ăn chay.

Cuốn thứ hai trong Dạ đàm tùy lục của Nhân Trai Thị có viết về một kỳ thi Hương: “Có một vị tú tài say sưa làm văn, làm đến giữa đêm tự nhiên gặp một người vén rèm cửa đi vào. Người này mặc quan phục thời cổ, mặt mũi rất kỳ dị. Tú tài chợt giật mình, ngẩng người ra, người đó liền chìa tay ra và nói: “Ta là thần minh hiển linh. Tổ tông của nhà ngươi có tích âm đức, vì thế môn thi này nhà ngươi nhất định sẽ đỗ với thành tích cao, ngươi hãy viết một chữ vào lòng bàn tay ta, khi đi vào bằng (danh sách niêm yết) sẽ lấy chữ này để kiểm chứng.” Vị tú tài này vô cùng mừng rỡ, liền cầm bút, mài mực đen đậm rồi vẽ lên tay người đó một chữ “khôi” rất to. Vừa viết xong đã không nhìn thấy bàn tay đó đâu nữa, cũng không thấy bóng dáng của vị thần minh kia đâu, mà chỉ thấy một chữ “khôi” ở trên bài thi của mình. Màu vừa đen vừa đậm, thấm dẫm cả trang giấy. Và tất nhiên, vị đó không phải thần minh gì cả, chỉ là oan hồn giả mạo mà thôi.”

Một cách kỳ lạ khác đó là hiện tượng thí sinh bỗng nhiên phát điên. Oan hồn hiện hình hoặc nhập vào người làm cho các thí sinh đang thi thì phát điên, phát cuồng, những chuyện như thế này ở trong trường thi cũng không ít. Cuốn thứ năm trong Bắc Đông Viên bút ký sơ biên viết thời Càn Long, năm Kỷ Hợi, trong kỳ thi Hương chỉ có một trường thi mà có đến ba người bị điên.

Người thứ nhất sau khi bước vào trường thi, phát đề thi xong, tự nhiên phát điên chạy vào trong thành, gặp người liền dọ sức quyết liệt. Một người khác sau khi nhận giấy làm bài, bước vào phòng thi, đột nhiên nổi cơn điên mà kêu rằng: “Tôi chỉ có thể viết tờ trình lên, có người muốn hãm hại, ép tôi làm điều gian dối!” Còn một người khác, bỗng dưng nổi cơn điên loạn, hét âm ỉ: “Tìm kiếm anh đã năm năm, hôm nay gặp được, anh không được đi nơi nào khác.” Liền sau đó anh ta chạy ra ngoài, tự tìm đến cái chết mà không ai có thể ngăn cản được.

Sự khắc nghiệt nhất của việc trả thù chính là lấy mạng đền mạng. Ma báo thù sẽ lấy mạng người ở trường thi và cái oán độc này chắc chắn sẽ rất sâu nặng. Nhưng những kiểu lấy mạng ở trường thi thường núp dưới những hình thức như thí sinh tự sát hoặc bạo bệnh mà chết. Theo thống kê các con số được ghi chép lại, việc người tự sát tại trường thi nhiều hơn việc theo cổ tự vẫn, tuy có người nói rằng đó là bị oan quỷ hại chết sau đó giả dạng dưới hình thức tự thắt cổ chết, nhưng cái này chưa đủ cơ sở để thuyết phục người khác. Mà trong truyền thuyết viết về oan quỷ chính là “ải quỷ” cũng có rất nhiều, ví như Dư mặc ngẫu đàm tiết lục của Tôn Đàm có viết về một cuộc thi vào mùa thu ở Hồ Nam, sau khi các sĩ tử vào trường thi, nửa đêm bỗng từ đâu đó vang lên bài thơ tuyệt cú. Mà điều lạ lùng là những câu thơ lại từ miệng của một cô gái đọc lên, và câu thơ cuối cùng: “Kim dạ nguyệt minh nhân tỉnh hậu, thanh linh nhất bức kết tàn sinh.”[17] Quả nhiên là oan hồn của “ải quỷ” hiển linh. Ngoài ra, các thí sinh khi vào phòng thi thường mang theo con dao nhỏ, vì thế việc tự kết liễu đời mình cũng là điều dễ dàng thực hiện được. Trong cuốn Bàng biếm hiên trực ngôn của Tiền Thuật có viết: Vào năm Đinh Mậu, kỳ thi Hương ở Nam Kinh có đến hơn bốn mươi người chết, trong đó có ba trường hợp có thể nói là rất kỳ lạ, được ghi lại dưới đây:

[17] Nghĩa là: đêm nay trăng sáng, sau khi người tỉnh tâm lại, đã kết thúc cuộc sống tàn khốc này bằng một đoạn vải màu xanh.

Có một thí sinh ở Dương Châu, vào đêm mùng Tám, khi tất cả mọi người đang tập trung ở bên ngoài thì chỉ có một mình anh ta đi vào phòng ngủ. Đêm đã về khuya, mọi người nghe thấy trong phòng phát ra tiếng động lạ và nhìn thấy thí sinh này vén rèm cửa chạy ra ngoài, tay mang theo chiếc bát vỡ, rồi dùng các mảnh sành để rạch bụng, máu chảy thành suối, tay anh ta nắm lấy ngũ tạng của mình và gục xuống, nghiêm giọng nói: “Không tin, nhìn tim tôi!”, nói xong anh ta ngã xuống đất và chết.

Cái chết tuy rất thảm hại nhưng theo lão nô đi với thí sinh này nói, người huynh đệ của anh ta chết sớm, để lại cô nhi quả phụ, người này vì muốn chiếm tài sản nên đã ép chết em dâu mình, giết chết đứa cháu tội nghiệp, vì vậy có tội thì phải chịu tội.

Những kiểu bị oan hồn lấy mạng, ngoài những người vong ân bội nghĩa còn có một lượng lớn những người làm việc ác như cưỡng bức, cho vay nặng lãi, chiếm lĩnh tài sản, ruộng vườn của người khác, buôn bán thuốc phiện... Lương Cung Thần vào năm Canh Thân tham gia ứng thi. Số là bên cạnh có người thắt cổ chết trong nhà vệ sinh, trước khi chết đã tự viết vào bài thi của mình: “Dao bút giết người có ba, đồng tính luyện ái là một, mời đại nhân thực thi chính pháp.” Thật là một người chết không đủ để che đậy tội lỗi, mà trời bắt chết, thì rõ ràng mặt mũi phải úp xuống đất!

Oan hồn đòi mạng quả nhiên là giả, nhưng điều tra về cái chết của những người này lại tìm ra được rất nhiều chuyện xấu xa, đó là những thu hoạch ngoài ý muốn. Từ đó chúng ta có thể thấy, các lão gia lợi dụng chức vụ của mình ở địa phương để làm những việc thất đức. Vì thế, cách nói về oan quỷ trong trường thi cũng không phải là không có ý nghĩa.

Đương nhiên, người chết ở trong trường thi không phải ai ai cũng là kẻ ác. Trước khi bước vào phòng thi, thí sinh phải chuẩn bị kỹ tâm lý, chỉ hy vọng gặp được đề thi mà mình đã cố công chuẩn bị kỹ càng. Đến khi phát đề thi thì tất cả đều ngỡ ngàng, thất vọng, bao nhiêu hy vọng, chờ đợi từ ba năm nay bây giờ đã trở thành con số không, cơ hội tiếp theo phải khổ sở, chờ đợi thêm ba năm nữa. Như Lưu Thanh Viên từng nói: “Vào lúc đó, gặp nhiều đề thi không được như ý thì tự nhủ với lòng mình, năm nay chắc sẽ không đỗ, có trăm cái cần phải suy nghĩ, hoặc là lo có thù không thể trả, hoặc đói rét, hoặc bị người thân, bạn bè cười chê, hoặc bị chủ nợ đòi, hoặc bị người khác bắt nạt... Có bao nhiêu cái cần phải lo lắng, suy nghĩ, cách nghĩ ngắn nhất của người dân đen, phong hàn, vất vả, mệt nhọc và bệnh tật là tìm đến cái chết cũng là điều hợp tình hợp lý!”

Vậy ở đoạn trước thuật lại sự việc tại các trường thi như vậy, khi nói về ma quỷ thì không thể không nhắc đến quỷ chính thức ở trường thi, nó có tên gọi là “khoa trường quỷ”. Những con ma đó đều là do “phong hàn lao tụy” hoặc các thí sinh tự tìm con đường ngắn nhất để giải thoát ình là chết ở trường thi. Trong Vô thường và Nữ điều của Lỗ Tấn có hai lần nhắc đến điều này: “Trong phòng tối ở sau đại diện của miếu Thành Hoàng hoặc miếu Đông Nhạc, ở nơi đã biểu diễn kịch Mục Liên, “khoa trường quỷ”, “điều tử quỷ”[18], “yêm tử quỷ”[19] và “diệt tử quỷ”[20] xếp cùng với nhau, có thể xem như là những hồn ma vô tội. Dân chúng là những người hiền lương, trong mắt họ, những người thuộc tầng lớp thấp kém của xã hội mà cố gắng vượt lên số phận nhưng lại chết ở trường thi, thì đều đáng được cảm thông. Tuy có những người sau khi vượt lên số phận, đối với bản thân cũng chẳng được lợi ích gì, nhưng có một vài việc làm cho người ta lo lắng, những hồn ma của điều tử, yêm tử, diệt tử, trành tử đều cần tìm người thế thân ình, “khoa trường quỷ” cùng nhóm với bọn họ, có phải cũng cần đến trường thi để tìm người thế thân? Nếu đúng như vậy, những phiền phức có thể còn lớn hơn rất nhiều![21]

[18] Nghĩa là: ma thất cổ chết.

[19] Nghĩa là: ma chết chìm.

[20] Nghĩa là: ma ngã mà chết.

[21] Quách Trắc Vân sống ở thời cận đại, trong Đồng linh kế chí, cuốn sáu viết: “Sĩ tử chết tại Tỏa viên, thi thể không được đi ra từ “long môn”, giá dây đỡ để không, để lộ ra ngoài, gọi là đánh thái bình. Sau đó linh hồn không tiêu tan hoặc vẫn lưu lại nơi đó và chịu cảnh khổ cực trong mưa gió.

P/S: Lá thư trả lời đầu tiên của Viên Tử Tài gửi cho Dương Lạp Hồ

Tần Thế huynh tới, giao tận tay rồi nhắc nhở, phải nói là huynh quá viễn vông! Những truyện trong cuốn Tử bất ngữ đều là bịa đặt, nói nhăng nói cuội, sao xứng đáng được coi là một tác phẩm điển hình, đáng tin cậy, vì thế ta không cần nhớ tên tuổi tác giả. Huynh cho đó là những việc có thật trong chính sử, để chỉnh sửa từng chữ từng câu, huynh không thấy phiền phức sao? Ví như trong câu chuyện viết về Lý Hường Quân, ta đọc mà thấy bức xúc, dường như cuốn sách cố ý bôi nhọ danh tiết của Hường Quân, vì thế bắt buộc ta phải dùng những lời lẽ trên để giúp huynh tỉnh ngộ.

Những bậc chí nhân không bao giờ mơ mộng những chuyện viễn vông, nhưng trong kỳ thi khoa cử vừa qua, huynh không những có những ý nghĩ viễn vông như vậy, mà còn kéo cả đàn bà phụ nữ vào cơn mộng mị đó, đó không phải là cái sáng suốt của bậc chí nhân. Tuy nhiên, người muốn theo đuổi ảo tưởng thì cứ theo đuổi, người từ chối ảo tưởng thì cứ việc từ chối, như trong câu chuyện Phạm Văn Chính Công viết sử được ghi trong tác phẩm Họa mạn lục, cho dù người đó không được coi là bậc chí nhân, nhưng vẫn có thể coi là bậc chính nhân. Còn huynh ngang nhiên nhận lời người ta để làm người giới thiệu cho cuốn sách, bậc chính nhân liệu có làm như vậy không? Khi việc của người ta đã hoàn thành, những thứ viễn vông kia lại quá trống rỗng, người ta sẽ quên đi chúng. Có phải là vì năm Canh Dần huynh đi thuyền ghé qua chỗ Viên Mai, thơ của huynh được Viên Mai ca ngợi đến tận mây xanh? Tất cả những điều mà ta ghi lại đều là những điều mà huynh đã nói với ta, nếu không, ta sẽ không ảo tưởng như huynh, làm cách nào để biết đây là một vụ trọng án đây? Quan chủ khảo là Đông Lộc Thị Lang, cũng như huynh đã nói, đó không phải là những tưởng tượng chủ quan của ta. Nay huynh thừa nhận chuyện đó, còn Sư Đơn tuổi cao nên hay quên, vậy chuyện đó xảy ra bằng cách nào? Nhớ năm xưa khi huynh còn trai trẻ, đầu óc sáng suốt, tính tình thẳng thắn, có gì

nói này, không biết kiêng nể bất cứ ai, bất cứ điều gì, giờ đây cuộc sống vất vả, lúc nào cũng nghĩ sau này mình sẽ chết như thế nào, có phải vì thế mà huynh né tránh những gì đã nói trước kia? Vậy khi huynh gặp Hương Quân, không biết huynh còn bồi nhọc nhân phẩm nàng ấy đến đâu? Đại nhân Hoàng Thạch Trai đã từng bị bạn bè trêu chọc, ông ngủ cùng một phòng với phu nhân Cố Hoàn Ba, nhưng ông không phạm đến người kia, thậm chí ông cũng không trách cứ gì vị phu nhân đó. Huynh chỉ gặp Hương Quân trong mơ mà huynh đã thấy sững sốt vì nàng có chút uể bần, sự độ lượng và lòng hẹp hòi sao mà khác nhau đến vậy?

Cổ nhân cũng giống như cổ vật. Những gì của thời cổ là những cái của quá khứ, khó có cơ hội được nhìn thấy. Bỗng nhiên nhìn thấy đỉnh đồng cổ, lu rượu cổ, ta phải thấy vui mừng vì điều đó, dầu đó là một viên gạch cổ, một viên ngói cổ ta cũng thấy vui. Người xưa cũng là người của quá khứ, không thể gặp lại được, bỗng nhiên gặp được Nhạc Vũ Mục, Dương Tiêu Sơn đương nhiên người ta sẽ thấy mừng vui khôn xiết, ngay cả khi gặp phải Tần Hội, Nghiêm Tung cũng cảm thấy vui. Tại sao vậy? Đó là vì rất hiếm có người gặp được họ mà thôi. Hương Quân là người của quá khứ đến nay cũng đã gần hai trăm năm, đâu phải ai cũng có thể gặp được nàng? Giả sử nàng vẫn còn thì giờ cũng đã trở thành một bà lão tóc bạc phơ, chứ không còn là một cô gái trẻ trung xinh đẹp nữa. Người nghiêm khắc, chính trực như Lạp Hồ huynh đã gặp được nàng sẽ thấy vui và cũng chẳng hại gì, cũng như khi kẻ “khinh miệt đến mức hạ lưu” như Viên Mai gặp được nàng cũng vui mừng đầy thôi. Hương Quân tuy là kỹ nữ, nhưng vì vậy mà người khác có quyền được trách cứ nàng quá đáng hay sao? Khi họ Mã, họ Nguyễn uy hiếp họ Trương, cái duy nhất có thể giữ được đó là tiết khí của bậc quân tử, từ đó được nhiều người kính nể, phong thái đó là cái mà bao kẻ sĩ muốn có mà không được, không thể thấy người ta xuất thân bần hàn mà tỏ vẻ khinh thường. Xưa kia Ông Kỳ yêu quý trẻ nhỏ nhưng vẫn có thể cầm gương giáo để bảo vệ xã tắc, kỹ nữ Mao Tích Tích cũng vậy, nàng có gan chửi mắng bọn gian tặc mà chết, sử sách đã ghi lại câu chuyện về nàng. Huynh được gặp Hương Quân, đó là vinh hạnh của huynh, đó chưa chắc đã không phải là lòng hướng thiện yêu quý quá khứ, mà chắc chắn là sự háo sắc, phóng đảng của huynh đang bị gò ép, khi tâm địa đã không sạch sẽ như vậy, là tự mình coi rẻ mình mà thôi. Bốn chữ “Khiên liêm tư ngữ” (vén rèm nói chuyện riêng tư) trong sách được sửa thành “Sàng hạ quỳ cầu” (quỳ lạy dưới giường), thấy nực cười thay. Hương Quân chẳng qua chỉ muốn giới thiệu kẻ sĩ, lại bị giáo huấn oan uổng nơi công đường, vậy có gì cần quỳ lạy van xin ở đây? Huynh đã từ bỏ chức quan từ lâu, mà vẫn muốn ra uy ở huyện Nhật Châu, cộng thêm vào đó là vong hồn nữ giới từ hai trăm năm về trước, thật chẳng có ý nghĩa gì cả.

Lại một chỗ trong thư viết “vong hồn trinh nữ”, rồi lại viết “vong hồn trinh nữ”, Hương Quân có trinh tiết hay không, huynh biết được bằng cách nào? Nếu không phải là Hương Quân, mà là một phụ nữ ngoài bốn mươi tuổi có trang điểm nhẹ, thì việc người ta còn trinh hay không cũng không phải việc huynh có thể biết được. Tạm thời huynh không có chút tà niệm, vậy thì việc “vén rèm nói chuyện riêng tư” kia có gì hại không? Và nếu như có tà niệm, vậy thì kẻ quỳ dưới giường kia tại sao không thể tiến đến ôm lấy chân đối phương? Ta còn nhớ tám chữ trong đề thi: “Y thượng nhĩ tổ, hình dung đoan khiết”[22], nếu xét kỹ lại thì đề thi này đã phạm vào điều kỵ “phi lễ vật thi”[23], sau này khi bày tiệc mời khách, muốn ăn một miếng thịt cũng thật nguy hiểm. Vì điều này mà chỉ có hòa thượng và phụ nữ là dễ được nổi tiếng. Chỉ bàn về hiện tại, đương nhiên Lạp Hồ là người được kính trọng. Hương Quân là kẻ dâm tặc, nhưng e rằng vài ba năm nữa, thiên hạ không những biết có một Lý Hương Quân, mà còn biết có một Dương Lạp Hồ - bậc quân tử đầy nhân cách ngồi trên kiệu, phải là người khác kiệu, chứ không cần tự mình kiệu.

[22] Nghĩa là: quần áo chỉnh tề, dáng vẻ đoan trang.

[23] Nghĩa là: không được nhìn những gì không hợp với lễ giáo.

Trong thư còn nói: “Đệ không phải không ham mê cái đẹp, nhưng đệ đặc biệt không ham cái đẹp của gái điếm.” Câu này nghe có vẻ ghê rợn quá! Thử hỏi, không ham cái đẹp của gái điếm vậy thì huynh ham mê cái đẹp của người như thế nào? Người ham cái đẹp của gái điếm là tội nhẹ, ham cái đẹp của con gái nhà

lành mới là tội lớn. Sắc thì phải đi đôi với tửu, có người chưa từng uống một giọt rượu nào thì cũng có người vô cùng điềm tĩnh. Lòng người khác nhau, tựa như khuôn mặt của từng người vậy. Ham mê cái đẹp không cần né tránh, không ham mê cái đẹp cũng thế. Nhân phẩm của con người là cao thượng hay thấp hèn không phải được định đoạt bởi việc anh có hảo sắc hay không. Văn Vương hảo sắc, Khổng Tử cũng vậy, nhưng cái hảo sắc của Khổng Tử lại không giống với cái hảo sắc của Vệ Linh Công. Nhà Lô Kỳ không tùy ý lấy thiếp, cuối cùng lại là kẻ tiểu nhân, Tạ An lấy cô kỹ nữ vùng Đông Sơn, cuối cùng lại là người quân tử. Tính tình huynh vốn nghiêm khắc, không hiểu thế nào là hảo sắc, điều này ta biết rõ, và cũng thâm kính nể huynh vì điều đó, vậy hà tất vì ham mê cái danh hảo sắc mà ép mình phải biết nó? Vốn được ghi tên là bậc thánh hiền, nay lại mạo nhận mình là hảo sắc, thật kỳ lạ thay!

Nghe tin huynh mừng thọ bảy tuổi, cùng vợ tổ chức lại lễ tân hôn, hai vợ chồng già dìu nhau vào động phòng. Ngồi trên giường trùm khăn đỏ, huynh tự gọi mình là hảo sắc, hay là mượn cái đó để tự hào? Vương Long Khê có nói: “Tú tài nghèo ôm cô vợ già nhà mình rồi tự nói mình hảo sắc, như thế không phải xấu hổ lắm sao!” Xưa có người sợ vợ, một hôm mơ thấy mình lập thiếp, người đó nói lại cho vợ biết, mẹ vợ quát mắng, không cho phép chồng được mơ như vậy nữa. Huynh hoài nghi, trốn chạy trong mơ, xem ra cũng là vì những gì chị nhà đối xử với huynh hằng ngày tích tụ mà thành chăng? Lý Cương quyết định thà tự gánh chịu chứ không lừa dối chính mình, trong nhật ký ông có viết: “Đêm qua đã làm “chuyện đó” với vợ một lần”, đến nay vẫn trở thành chủ đề để người ta bàn luận. Đến khi huynh là một ông già tám mươi tuổi, cái hứng thú của huynh vẫn chưa giảm, khả năng làm “chuyện ấy” vẫn còn, thì cái hảo sắc của huynh đã không còn nữa. Bậc công tử hơn người ở cái nhìn xa trông rộng, kẻ tiểu nhân chỉ biết lo những cái tiểu tiết, những cái thiếu cận. Hoàng Thúc vượt qua vạn trùng sông nước để tịnh tâm tu thân, huynh đã tu đạo bao năm nay nhưng tâm huynh không tịnh, tầm nhìn của huynh thiếu cận. Nước trong con rạch, nhìn thì trong nhưng dễ bị khuấy đục. Mong huynh đừng quá tự mãn, hãy nghe lời khuyên can của ta, mau chóng gánh mười thùng nước suối Huệ Sơn, gội sạch đám khí độc lan tỏa trong lồng ngực huynh, làm như vậy có công dụng dưỡng sinh, còn tốt hơn cả việc uống linh chi đen và đọc Kim cương kinh đấy.

Ta có tuổi rồi, đi cãi lý một chút cho người quá cố không liên quan gì đến mình như thế này dường như cũng là hơi quá. Chỉ e huynh khăng khăng coi trọng danh tiếng của mình để rồi phải chịu sự bôi nhọ này, một khi học được cách nhìn nhận sự trịnh trọng của người phụ nữ, huynh sẽ thấy hổ thẹn muôn phần, còn cuốn Tử bất ngữ không những làm kinh động đến thánh nhân, mà nó còn ngấm ngấm giết chết các bậc hiền giả, ta thực sự thấy không an tâm về nó. Tất cả những việc này cần mau chóng phân tích rõ ràng như trong thư trước.

Đính kèm lá thư của Dương Lạp Hồ

Khi có được cuốn Tử bất ngữ xuất bản lần đầu tiên, đệ đã đọc hết cuốn sách từng hàng, từng chữ một, thấy rằng tác phẩm được viết rất trơn tru, Tân tề hài, Tục quảng ký... tất cả đều viết rất hay. Chỉ khi đọc đến Lý Hương Quân tiến quyển, đệ bỗng thấy ngạc nhiên. Sự việc trong kỳ thi năm Nhâm Thân không giống như việc lúc đệ còn đương chức tại Cố Thủy. Thứ nhất, thời gian cách hiện tại cũng đã lâu, quan chủ quản kỳ thi cũng chẳng còn nhớ đó là ai nữa. Hai là, chỉ tiêu trúng tuyển trong kỳ thi của xã Hà Nam chỉ có bảy mươi một người, nhưng tại sao lại có đến tám mươi ba người đỗ cử nhân? Thứ ba, người trúng tuyển là Hầu Sinh chỉ là cháu trai trong họ của Tráng Hối Đường, không phải là người kế thừa của dòng họ. Thứ tư, có vẻ như việc này được thực hiện quá dễ dàng, chắc chắn không đúng sự thực, tất cả đều không đủ để mình xét sự việc.

Hơn nữa, bên trong còn có mấy chữ “hé lộ chuyện phòng the” làm bôi nhọ vong hồn trình tiết! Vậy là cuối cùng đã có ai đó gặp được Lý Hương Quân, mỗi lần được người khác khen, ả cho rằng đó là niềm vinh hạnh. Kẻ được gọi là Lý Hương Quân chẳng qua chỉ là con điểm của Hầu Triều Tông ngày đó. Nếu như gặp một Hương Quân còn sống, vậy thì ả còn thấy vinh, thấy hạnh như thế nào? Người ta sẽ còn ngợi khen ả ra

sao? Thường ngày đệ cũng không phải là người không ham mê cái đẹp, nhưng chắc chắn đệ không ham cái đẹp của gái điếm. Hai chữ “minh kỹ”[24] sao mà nghe chướng tai đến vậy! Tất cả những điều đó hoàn toàn tương phản với tính cách của đệ, không biết có chỗ nào mạo phạm đến huynh hay không, nhưng đệ vẫn xin được viết vài dòng như vậy. Vậy có phải là khinh mạn? So với kẻ hạ lưu, đệ không giống và cũng không đến mức thế. Sự việc này thuộc loại vong hồn trinh nữ về báo đền ân đức trong mơ. Trong bản gốc cũng từng kể tới, nay ghi ra để người đời cùng đọc, không liên quan đến “Lý Hương Quân” hay “Lý Xú Quân”[25] gì cả. Vì thế đệ không sợ mạo phạm đến ai, sự việc cũng chỉ như việc chẻ đôi tấm gỗ mà thôi, hơn nữa, huynh lấy đó như điểm kết thúc của tình giao hữu, vậy thì càng đúng với nguyên tắc vốn có. Tên sách là Tử bất ngữ, rõ ràng làm kinh động đến cả bậc thánh thần, để cái chết và sự hồi sinh đối mặt với nhau, khiến mọi người chú ý mà vươn lên từ đó. Huynh là người ham danh vọng, đệ đoán rằng chắc không có ai dám khuyên răn huynh lấy một câu. Đệ tự thấy hổ thẹn vì chỉ có thể chân thành khuyên huynh chứ không thể nói thiện chí với huynh. Mong sớm nhận được thư hồi âm từ huynh!

[24] Nghĩa là: gái điếm nổi tiếng.

[25] Lý Xú Quân: chữ “xú” (thối) đối lập với chữ “hương” (thơm) ở tên Lý Hương Quân.

23. Chương 09 - Part 1

Chương 9: Sự hài hước của đầu lâu

Có những người tự nhận mình không có khiếu hài hước, nhưng cái sự hài hước, hóm hỉnh lại đều tìm đến với họ như một định mệnh, ví dụ như: “quỷ bunn xinn, giả đạo học, chủ nghĩa Mã Ly lão thái thái... Những chiếc đầu lâu đáng thương ấy, tuy họ rất an phận nhưng không may lại có mối liên hệ với sự hài hước của con người.

Đầu lâu, cũng chính là hộp sọ của con người, ngay cả khi các vị độc giả chưa hề nhìn qua trong thực tế thì cũng có thể suy đoán được hình dạng đại khái của nó như thế nào. Tôi tin rằng chỉ cần nghĩ đến đã có không ít người nảy sinh cảm xúc vui mừng đối với nó. Nhưng điều đó không hề ảnh hưởng đến việc có một số người dùng nó để vẽ lên cờ, làm huy hiệu, hay những thứ đại loại như vậy, thậm chí là làm dấu hiệu cảnh báo trên những thứ bị cho là nguy hiểm. Mục đích chính là làm cho con người cảm thấy sợ hãi, nhìn thấy hình ảnh đó thì sẽ lập tức tránh xa. Trung Quốc thời cổ đại, việc dùng đầu lâu làm con người có cảm giác kinh hãi, sợ sệt đã có những hiệu quả tích cực. Đó là vào khoảng thời gian sau khi diễn ra những cuộc đại chiến, người ta đem đầu lâu của kẻ địch hoặc của bách tính vô tội chất lên thành hàng nghìn đến hàng vạn đồng như những ngọn núi nhỏ, và gọi là “kinh quan”. Chỉ cần nhìn thấy vô số những đồng “kinh quan” đó cũng đủ khiến cho kẻ thù hồn bay phách lạc, không có gan để tiếp tục chiến đấu nữa. Còn ở nước ngoài, nghe nói họ dùng đầu lâu làm thành thiên đường và còn trở thành kỳ quan nổi tiếng thế giới. Mục đích của việc làm ấy chính là dùng đầu lâu để kêu gọi, thức tỉnh trái tim thương xót, đồng cảm của con người. Nhưng dường như cũng không cần thiết phải dùng nhiều đầu lâu đến như vậy. Tóm lại, đầu lâu luôn gắn liền với những ý nghĩ và việc làm hài hước, hóm hỉnh của con người và khó có thể tách rời chúng ra được.

Bởi lẽ, hài hước luôn tự tìm đến cửa. Lý Cao Tác, họa sĩ thời Nam Tống có bức họa Đầu lâu hoan hí đồ, lấy một cái đầu lâu to đặt bên một cái đầu lâu nhỏ làm thành con rối, đến làm trò trẻ con ở chốn nhân gian. Ngô Lai Đình, người thời nhà Minh nói ông ta “chắc chắn sẽ có sự giác ngộ”. Nhưng giác ngộ mà ông ta nói tới đây là giác ngộ cái gì? Phải chăng là ngộ ra những con rối trên sân khấu chính trị và người điều

khiến nó, cũng chỉ là những đầu lâu làm trò cười mua vui cho thiên hạ? Hoặc giả ngộ ra hành động người sống dùng đầu lâu làm trò chơi mà lại không nghĩ rằng đầu lâu cũng đang coi đời người như một màn kịch? Điều này có lẽ cần phải dẫn dắt bạn đọc đến với bức họa đầu lâu và để mỗi người xem mình giác ngộ được đến đâu.

Có lẽ bức họa Đầu lâu hoan hí đồ được xem là bức họa sớm nhất ở Trung Quốc. Ý nghĩa châm biếm và khuyên răn nhân thế phản ánh qua bức tranh là giá trị tuyệt đối không thể phủ nhận được. Phong nguyệt bảo giám lập ý của Tào Tuyết Cần cũng hàm chứa những ý nghĩa tương tự như vậy. Sống và chết, vinh và nhục, xưa và nay, trí tuệ và đần độn, giữa những cái thị phi và những cái chuyển đổi, con người đều đã gặp phải, đã trải qua[1]. Vậy nhưng tất cả những cái đó thực tế lại không đủ sức khái quát thành bài học cảnh báo bằng việc dùng hình tượng đầu lâu làm phát ngôn viên, nói lên tất cả mọi chuyện một cách ngắn gọn, hình tượng mà lại vô cùng hài hước.

[1] Viện bảo tàng Cố cung có bức họa này, ngoài ra còn có Hoàng Công Vọng nói về bức họa này: “Không có chút da với thịt, có một sâu và khổ, con rối vẫn rút những sợi dây, làm một con rối giống như con thỏ đẻ mua vui cho người khác”.

Đương nhiên, tổ tiên của đầu lâu hài hước ấy chính là Trang Tử - Chí lạc biên, trong đó có dẫn ra một câu chuyện rất nổi tiếng. Trang Tử trên đường đi đến nước Sở, tình cờ trông thấy một cái đầu lâu ven đường, bỗng trào lên sự xúc động, xót thương ghen ngào, muốn mời Mệnh sứ đại tư làm cho sống lại. Nhưng chiếc đầu lâu đó liền vội vàng nói: “Ta đang ở trời Nam, cuộc sống vui vẻ vô lo, vô nghĩ, nếu sống lại làm người ở chốn nhân gian, như vậy chẳng phải sẽ vất vả lắm sao!” Lời từ chối của đầu lâu vô tình khiến cho việc thương xót, đồng cảm của Trang Tử trở thành chuyện nực cười, hài hước. Sau này, Trương Hoành thời Đông Hán lại bắt chước, tiếp tục làm theo phong cách đó, viết một bài Đầu lâu phú, ám chỉ chủ nhân của chiếc đầu lâu đó chính là Trang Tử. Trang Tử mượn đầu lâu để nói lời của chính mình, Trương Bình Tử phá vỡ điểm này, thậm chí có phần sáng tạo hơn. Trong Chí Lạc của Lỗ Tấn đã cải biên cuốn kịch nói tiểu thuyết Khởi tử, đem huyền đàm trong giấc mộng của Trang Tử để nói lên một phần thực tế trong đời sống của con người, khơi gợi một nỗi đau đớn trong sự hài hước, ai ai cũng biết chuyện này, vì vậy tôi sẽ không nhắc đến nó nữa. Nói tóm lại, đầu lâu trong các tác phẩm văn học của Trung Quốc tưởng như chỉ đóng những vở kịch thoải mái, nhẹ nhàng nhưng ngấm lại, kỳ thực đó lại là một vai diễn vô cùng nặng nề và phức tạp. Nhưng đạo lý to lớn của Nam Tắt chân nhân gửi gắm qua những câu chuyện đó đọng lại sau cùng chính là một chữ “huyền”, huyền hoặc, huyền hồ, huyền ảo... Sau khi đọc xong câu chuyện, gấp trang sách lại nó vẫn còn ám ảnh, dẫn dắt con người ta đi theo một hướng khác rồi rơi vào cái vòng quái quỷ của Hamlet. Không biết là có bao nhiêu “tâm đắc” để có thể hiểu hết ý nghĩa của nó mà cất nghĩa được ý nghĩ đơn giản của cuộc sống. Sống hay chết? Đó là cả một vấn đề. Vì thế chương truyện này sẽ bắt đầu từ các câu chuyện về một loại đầu lâu hóm hỉnh mà thiên tục. Đã nhắc đến hai chữ thiên tục thì khó tránh khỏi những đoạn nói đùa ác ý sẽ nhiều hơn một chút, nhưng cũng không hẳn là không có lợi trong việc giáo dục nhân cách của con người. Trang Tử chẳng phải đã từng đưa ra mệnh đề “đạo và phân tiểu” hay sao? Vậy thì hãy nói chuyện về đầu lâu cà phân tiểu.

Tác phẩm sớm nhất nói tới vấn đề này là U minh lục của Lưu Tống, Lưu Nghĩa Khánh: Phổ đại tư, Mã Hoàn Ôn khi làm quan cai quản ở Giả Kỳ (nay thuộc tỉnh An Huy), dưới quyền có tham quân họ Hà, buổi sáng sớm đi ra ngoài, trong lúc đang điều tra, tự nhiên muốn đi vệ sinh gấp, mà gấp quá không còn thời gian để tìm vị trí thích hợp, liền xà ngay tại chỗ, làm rơi vãi vào một cái đầu lâu. Đến khi anh ta quay về chỗ ở, khi ngủ trưa liền nằm mộng, gặp một người phụ nữ nghiêm nghị, chửi thẳng vào mặt anh ta: “Đồ khốn nạn! Tôi vốn là một giai nhân, hà tất phải làm tôi chịu ô uế như vậy? Hãy đợi đến khi màn đêm buông xuống, ngươi sẽ tự hiểu ra sự minh bạch lợi hại như thế nào?” Lúc đó, ở khu vực này có rất nhiều mãnh hổ, ban ngày có ít người đi lại, đến ban đêm thì lại càng không có ai dám đi ra ngoài. Nhưng vị Hà tham quân có cái tật là phạm là việc gì chứ việc khó nói ấy thì không thể nhẫn nhịn được. Anh ta khoét một lỗ trên bức tường của khuôn viên, đêm đến muốn đi tiểu tiện, liền ra chỗ đó biến nó thành chỗ đi vệ

sinh. Không may cho anh ta, đêm nay anh ta lại mắc tiểu, vội vã đi ra ngoài “huyết đạo”, đang “dở việc”, đúng lúc có con hổ đi đến nơi này. Không biết đột nhiên có linh cảm từ đâu đó, con hổ quay đầu lại, hung dữ cắn một phát vào chỗ kín của anh ta. Và thế là cái mạng của Hà tham quân đã được “chu du” xuống nơi âm phủ. Đến âm phủ rồi, Hà tham quân mới thực sự hiểu được cái sự “minh bạch lợi hại” mà người phụ nữ trong giấc mộng nhắc tới. Bởi lẽ, theo quan niệm con người khi chết có hình dáng như thế nào, thì đến khi đến làm ma dưới địa phủ vẫn giữ cái dáng vẻ ban đầu đó. Điều đó cũng có nghĩa chỉ trong tích tắc Hà tham quân từ một người đàn ông mạnh mẽ bỗng chốc trở thành “yêm quỷ”.

Điều kỳ lạ trong câu chuyện này là làm sao cách một bức tường mà hổ vẫn có thể cắn được (có thể bức tường ấy chỉ là một bức tường làm bằng bùn đất?). Những tình tiết cụ thể thì không cần phải tìm hiểu sâu nữa, chỉ nói đến việc chủ nhân của chiếc đầu lâu đó có tâm địa tâm tối một chút. Hà tham quân chỉ là gấp quá, không thể giữ thể diện nên đành phải làm bừa, vì không để ý nên vô tình mà chuốc vạ vào thân. Nhưng cũng có thể cái đầu lâu vốn chôn một nửa dưới đất, một nửa lộ thiên, có như thế mới linh đủ cái hành động vô tâm của tên quan họ Hà. Hơn nữa, chiếc đầu lâu đó, chắc chắn nếu không phải chuyên gia thì rất khó phân biệt là nam hay nữ. Nói tóm lại, Hà tiên sinh tuyệt đối không phải có ý phạm phải ba điều đại kỵ đó. Nếu như cộng thêm hình phạt nữa, thì cũng thôi thôi, không thể để linh hồn nhập vào mảnh hổ rồi thiến đi của quý của người ta được! Người phụ nữ này có thủ đoạn rất độc ác, hành động ấy thật sự làm cho thiếu nữ khuê các cảm thấy ngại ngùng, xấu hổ. Vì vậy, mặc dù câu nói “trồng cây nào ăn cây đấy” là không sai nhưng mà câu bình phẩm “bản thân là một giai nhân, hà tất phải đi cắn “của quý” người khác” thì phải trả lại cho vị nữ sĩ này.

Nhưng bất luận thế nào, “tiểu tiện bừa bãi” lên đầu lâu của người đã khuất là điều không đúng, cho dù đó là nơi hoang dã, quy tắc là không được để nó biến thành thùng rác đựng những thứ bỏ đi, mà phải coi đấy là di thể của người trưởng thành. Vẫn có người chưa được thực sự coi những thứ đó là đã thành “nhân”, mà lại cho rằng đó là kẻ yếu đuối, tùy tiện bất nạt và đương nhiên người này chắc chắn sẽ bị báo thù. Quyền một, Đầu lâu báo thù trong Tử bất ngữ của Viên Mai có viết một câu chuyện có nội dung tương tự với câu chuyện liên quan tới Hà tham quân, nhưng nhân vật chính lại là một kẻ ác, làm cho người ta có cảm giác hoàn toàn không giống nhau.

Tôn Quân Thọ bản tính ngông cuồng, ác bá, luôn vô lễ với thần thánh và ngược đãi ma quỷ. Một hôm, hắn đi dạo trên núi cùng mọi người, bỗng đau bụng và muốn đi vệ sinh, tìm chỗ kín đáo một chút, thấy một cái đầu lâu gần đó, hắn liền đến và ngồi xổm lên, hắn lại dám đem miệng của người ta làm bồn cầu ỉn. Sau khi giải quyết xong, vị hán tử này còn chưa hết đắc ý, liền nói đùa với chiếc đầu lâu: “Nhà người ăn có ngon không?” Không ngờ chiếc đầu mở to miệng nói: “Ngon!” Bản lĩnh của người này thực sự cũng rất tầm thường, lúc này hắn vội vàng kéo quần lên và bỏ chạy, còn chiếc đầu lâu kia thì giống như quả bóng lăn theo hắn ta, mãi đến chỗ cây cầu, vì chiếc đầu lâu này bị rơi xuống dưới nên đành phải quay về. Nhưng việc hắn bị báo ứng thì mới chỉ là bắt đầu mà thôi. Hắn quay về nhà, mặt mũi giống như người đã chết. Sau đó hắn mắc một loại bệnh kỳ quái, cứ đi đại tiểu tiện rồi bốc lên ăn, mà còn tự nói: “Nhà người ăn có ngon không?”, đúng là ứng với câu “tự ăn hậu quả của mình”. Hắn cứ thế ăn ba ngày liền, nhưng mà cái “ba ngày” không phải là giới hạn trừng phạt của hắn, mà đó là ngày tận thế của hắn ta.

Làm người cũng nên có chút nhân tâm, bạn có thể không tin vào quỷ thần nhưng cũng không nhất định phải đi sỉ nhục quỷ thần. Giống như vị ác nhân vừa rồi, hắn sỉ nhục quỷ thần thực tế là phát sinh từ ngày bình thường quen áp bức người lương thiện, giống như kẻ thống trị khai quật mộ của người khác, sỉ nhục tiền bối của người khác là cách mà chúng chuyên dùng để khống chế muôn dân trăm họ vậy, đó không đơn giản là chuyện “không tin vào tà ma”. Vì vậy, nếu chỉ là tự ăn phân của mình thì cũng có thể tính là “trị bệnh cứu người”, nhưng người này làm điều ác quen rồi, chết cũng không có gì đáng tiếc.

Nhưng quay trở lại sự việc, ngay cả khi chúng ta “không tin vào tà ma” thì cũng không cần phải thể hiện

ra bằng cách dùng thái độ sỉ vả, làm nhục quỷ thần. Người dũng sĩ đối với thi thể của kẻ thù còn tỏ thái độ tôn trọng, những việc như đập phá bài vị, đập đổ tượng gỗ, khai quật mộ cổ, ngay cả khi làm người có bản lĩnh thì cũng vẫn có những người dùng ý chí mạnh mẽ của mình để chèn ép người khác. (Về việc đẩy tượng gỗ ra khỏi vị trí của nó là vì muốn dành chỗ ngồi cho bản thân mình, cái đó dường như là chuyện khác, nhưng thực tế đó là kết quả của việc “có nước chảy là thành mương”, làm việc ác nhiều lần liền trở thành quen tay, quen tính.) Đạo lý rất đơn giản, bởi vì người bạn làm tổn thương không phải là những người được bạn tôn trọng, bởi vốn dĩ bạn cho rằng thần quỷ là hư vô, hành động đó chính là bạn đã làm tổn thương đến con tim của những tín đồ tin vào thần quỷ. Ngay đến đầu lâu, bạn vẫn có thể thấy rằng, giữa trời đất này nó là vật bỏ đi, nhưng đối với con cháu của chiếc đầu lâu kia thì quyết không cam tâm ngồi xem đầu. Đến xem tên lưu manh vô đạo sống dưới gầm trời này cũng vậy, chắc chắn họ sẽ không lấy đầu lâu của tổ tiên mình làm bình đựng nước tiểu, nhưng họ lại đem tổ tiên nhà người khác ra làm trò chơi, lúc này họ cho rằng việc đó không vấn đề gì, thậm chí còn cảm thấy rất vui sướng. Nghĩ mình mà nhớ đến người, những hành động như vậy quả thực vô cùng thất đức.

Mà kết quả của những hành động thất đức là khó tránh khỏi việc đầu lâu của tổ tiên mình có thể bị người khác hành xử tương tự, thậm chí còn vô tình làm bình đựng nước tiểu của chính mình. Theo Kỳ Vân trong Việt vi thảo đường bút ký, quyển bốn, Bạch sắc u mặc dẫn ra một câu chuyện: “Một tiểu tử đi tiểu vào đầu lâu, cũng là một đầu lâu chết chìm, chiếc đầu lâu này tức giận kêu to, nhảy lên cao lớn như người. Tên tiểu tử hồn láo này sợ quá, liền chạy một mạch về nhà, nhưng không ngờ rằng chiếc đầu lâu lại dẫn theo một đám cô hồn, đã quỷ đánh đến tận nhà. Hai bên cùng thỏa thuận để hòa giải, mới biết chủ nhân của chiếc đầu lâu bị chết chìm chính là cao tổ mẫu của tên tiểu tử hồn láo này! Lão thái thái thương nhớ con cháu nên không tính toán với hắn nữa. Nhưng chuyện đã đồn đi khắp làng trên xóm dưới, chỉ cần nhắc đến gia đình này, mọi người đều nói: “Trương gia đi tiểu vào miệng của bà tổ mẫu.” Nếu không bị đồn thổi như vậy thì đã không bị Kỳ Hiểu Phong ghi vào dã thừa rồi.

Những thứ ô uế như vậy, nói nhiều sẽ làm người khác không vui, vậy thì thêm thắt những thứ khác vào chắc hẳn sẽ tạo cảm giác thú vị hơn nhiều. Mã Việt thời nhà Minh có viết bài Mã thị nhật sao, trong đó có đoạn nhắc đến việc đem củ tỏi to nhét vào miệng đầu lâu.

Đồ ngự phòng của Thái giám Lai Định, sáng tinh mơ đã đi ra khỏi thành, đến buổi trưa đã đến Dương Phòng, bọn họ ngồi dưới gốc cây liễu to, bỏ rượu thịt mang theo ra để ăn. Lai Định dùng tỏi băm nhỏ ăn kèm với thịt hun, đang ăn rất ngon lành, khi quay đầu lại, bỗng nhìn thấy có một chiếc đầu lâu ở bên cạnh mình, liền lấy hai miếng thịt kẹp với tỏi rồi nhét vào miệng đầu lâu. Nếu sự việc chỉ đến đây thôi thì cũng không cần phải nói thêm nữa, nhưng Lai Định lại nói đùa một câu, hỏi đầu lâu: “Cay không?” Không ngờ chiếc đầu lâu này liền đáp lời: “Cay!” Sau đó kêu liên tục không ngừng, ngay cả khi miếng thịt trong miệng đầu lâu đã được lấy ra rồi, nó vẫn không ngừng kêu. Lai Định không còn cách nào khác, liền đi nhanh đến Nam Hải Tử, nhưng tiếng kêu cay kia lúc nào cũng vang vang bên tai, mãi đến khi vào thành Bắc Kinh, lúc đó tiếng kêu mới dừng lại. Nhưng sự việc vẫn chưa kết thúc, Lai Định về đến nhà liền mắc bệnh, vài ngày sau thì chết.

Không thể đùa giỡn với chiếc đầu lâu còn đồ này được, nó không thích đùa, chỉ một câu nói đùa mà đã trở thành kẻ thù. Con người bất luận giàu, nghèo, thiện, ác, một khi đã mạo phạm đến đầu lâu thì dù sự việc diễn ra có khác nhau thế nào thì cũng sẽ chịu chung một hậu quả cuối cùng. Nhưng thực tế không hẳn vậy, vì cũng có những đầu lâu vẫn còn tồn tại bản tính khi làm người. Đối với một chiếc đầu lâu không quen biết, cũng giống như một người đi đến ngõ hẹp, gặp người hỏi chuyện, trước tiên phải quan sát một chút về đối phương, thân phận là gì, để tránh việc không cẩn thận lại đập vỡ đồ gốm, mạo phạm người ta. Ngày thường vị thái giám này có thói quen nói đùa với các vị “lão tiên sinh” trong triều đình, nhưng không ngờ lại giẫm phải đầu lâu của một tên lưu manh.

Dương Phụng Huy, người cuối đời Thanh, trong Nam cao bút ký của mình cũng có những câu chuyện tương tự như vậy. Ông dẫn ra hình ảnh đầu lâu của các dân tộc thiểu số gần ngôi chùa ở Cam Túc, so với đất ở ngoại thành Bắc Kinh thì dày hơn rất nhiều. Có một vị thương gia nhiều chuyện đã nhét vào miệng đầu lâu một quả ớt, rồi tiện miệng nói: “Khắc cánh nhất khắc cánh?” “Khắc cánh” trong tiếng dân tộc thiểu số có nghĩa là “cay”. Không ngờ đầu lâu đáp lại: “Khắc cánh! Khắc cánh!” Sau đó chiếc đầu lâu đi theo anh ta đến khắp nơi, và tiếng “Khắc cánh! Khắc cánh!” lúc nào cũng vang vọng bên tai vị thương gia này. Thương gia thấy phiền muộn bèn kêu cứu: “Tôi chỉ là nói đùa vậy thôi, lão huynh đi theo tôi suốt như vậy đến bao giờ mới thôi đây?” Lúc này nghe thấy có tiếng người đáp lại: “Xương cốt của tôi bị lộ ra ngoài, linh hồn không thể quay trở về được, chịu cảnh phong hàn nơi hoang dã, cỏ hoang núi không, nếu là người quân tử nhìn thấy thì ít nhất cũng phải tỏ ý thương tiếc chứ, đằng này ông lại đem tôi ra làm trò đùa! Tôi sẽ “Khắc cánh” vĩnh viễn bên cạnh ông.” Vị thương gia này biết rõ ngọn nguồn, liền vội vàng quay lại nơi hoang dã vừa nãy, tìm thấy chiếc đầu lâu đó, chôn cất tử tế, và quả nhiên từ đó không còn nghe thấy tiếng “khắc cánh” nữa.

Chôn cất xương cốt là việc làm của người nhân từ, nhưng cũng có lúc lại gây phiền phức cho chính mình. Du Việt trong Hữu đài tiên quán bút ký, quyển năm có viết về một việc ở gần thị trấn Lâm Bình, Giang Tây: “Có một người nông dân đang cắt cỏ dại, gặp một chiếc đầu lâu, người nông dân cảm thương vì chiếc đầu lâu lộ ra bên ngoài, liền đào huyệt để chôn cất. Người nông dân này nghĩ rằng anh ta đã làm một việc thiện, nhưng không ngờ khi anh ta về đến nhà liền mắc bệnh sốt rét, có quỷ nhập vào người rồi nói rằng: “Tôi đang ở bên ngoài rất vui vẻ, hà cớ gì ông phải đem tôi chôn xuống đất, tôi thực sự cảm thấy rất khó chịu, phải giết chết ông!” Cuối cùng, gia đình người nông dân này phải cúng tế bằng rượu thịt, hóa vô số tiền vàng mới có thể đuổi được tên khốn kiếp đó đi.

Có vẻ như chúng ta đã quá lan man lạc đề mất rồi. Bây giờ quay lại vấn đề cũ, đó là việc tiểu tiện vung vãi khắp nơi như nói ở phần đầu. Cần phải biết rằng những câu chuyện như vậy xảy ra không chỉ ở một nơi mà khắp nơi, nhiều vùng trên đất nước Trung Hoa rộng lớn, từ phương Bắc chốn kinh kỳ đến vùng Giang Nam, từ nơi văn minh hưng thịnh đến những nơi xa xôi như Tây Chùy, không có khái niệm về khoảng cách gần xa, tất cả đều có thể là vạn lý đồng phong rồi. Nhưng trong cái đại đồng nhất cũng có cái dị nhất, làm cho người ta phải nhận ra sự khác biệt về tình cảm của con người và khám phá ra nhiều điều thú vị về ma (và đương nhiên những điều đó đều thuộc về những người sáng tạo ra các câu chuyện), vì thế sau khi tìm kiếm được chắc hẳn cũng có đóng góp chút ít giá trị cho ngành nghiên cứu dân tộc học. Xuất phát từ những tình cảm sâu sắc của mình đối với mảnh đất quê cha đất tổ, không ít người, trong đó có cả tôi đã từng lật đi lật lại từng trang sách để tìm ra những câu chuyện tương tự như vậy về quê hương mình. Song do việc đọc sách có giới hạn, kết quả là làm cho tôi vô cùng thất vọng, nhưng sự xấu hổ đó không bằng cảm giác lạc lõng của con người. Những câu chuyện như thế này so với những câu chuyện cùng loại được phát hiện ra, quả thực, một cách vô thức bản thân tôi cũng có chút ngưỡng mộ. Nhưng hy vọng những câu chuyện “vô duyên” kể ra ở đây một lúc nào đó lại gặp được những độc giả có cùng sở thích.

24. Chương 09 - Part 2

Lục Trường Xuân, người thời nhà Thanh, trong Hương ẩm lâu binh đàm, cuốn ba có kể lại một sự việc xảy ra ở Quảng Châu, khu thương mại phát triển nhất đất nước thời kỳ đó. Có một người tử quê lên, mang theo một chiếc ô vào thành, trong lúc buồn đi vệ sinh gấp, nhìn thấy bên cạnh có một chiếc đầu lâu, liền diễn lại kỹ thuật như trong câu chuyện của Hà tham quân, lại còn diễn kịch và hỏi: “Mùi vị tốt chứ?” Chiếc đầu

lâu đó há miệng ra đáp lại: “Tốt!” Người nhà quê vô cùng sợ hãi, cầm lấy cái ô và cầm đầu cầm cổ mà chạy. Không ngờ ở đằng sau cũng như có người đuổi theo, vừa chạy vừa kêu “Tốt! Tốt! Tốt!” Anh ta sợ quá liền chón vào miếu Thành Hoàng, ở đó ma quỷ không vào được. Rất lâu sau anh ta nghĩ rằng cái vị nói “Tốt! Tốt! Tốt!” đó đã đi khỏi đây rồi, nhưng khi vừa bước ra khỏi cửa miếu những tiếng “Tốt! Tốt!” lại tiếp tục đuổi theo anh ta. Người nhà quê ở Quảng Châu đều là những thương gia tài giỏi trong tương lai, và điều tự nhiên là họ rất thông minh, trong đầu bỗng nghĩ ra kế thoát thân. Anh ta liền chạy đến một cửa hàng gần đó mua đồ. Thương lượng giá cả xong, lại nói là quên không mang theo tiền, liền để lại chiếc ô làm vật làm tin, nói là đợi tôi đi lấy tiền rồi sẽ quay lại. Anh ta ra khỏi cửa liền chạy thật nhanh, quả nhiên không còn thấy tiếng kêu “Tốt! Tốt!” đuổi theo nữa. Chủ quán đợi đến khi trời tối mịt mà vẫn không thấy người nhà quê đó đâu, chỉ còn biết đóng cửa hàng, nhưng đêm hôm đó quỷ bắt đầu làm loạn. Con quỷ “Tốt! Tốt!” đó không kêu “Tốt! Tốt!” nữa, mà nhập vào người ta rồi lý luận: “Hắn dựa vào đâu mà dám đại tiện lung tung vào miệng ta? Hắn đi rồi, nhưng lại để chiếc ô ở quán nhà người, ta đến tìm người tính sổ!” Chủ quán và ma lý luận đến nửa ngày, xem ra đây cũng là sự tinh ranh trong giới thương trường, đem vật đến để đặt làm tin. Cuối cùng, chủ quán chỉ còn cách bày tiệc rượu, hóa tiền giấy, lại còn mời thêm mấy vị hòa thượng tới tụng kinh mới tiễn được quỷ “Tốt! Tốt!” này đi khỏi. (Câu chuyện cũng tương tự như trong Quyển tám, Quỷ quái quái trong Tử bất ngữ của Viên Mai.)

Câu chuyện cuối cùng càng không thể không nói ra, bởi vì câu chuyện này tuy nằm trong Nhĩ thực lục của Lạc Quân rồi nhưng đây lại là chuyện đại danh nhân La Sính vẽ quỷ kể lại, mà địa điểm xảy ra lại ở Dương Châu, nơi ở của một tay ranh mãnh, khôi hài, chuyên ngấm ngấm giở trò mà mãnh, Vi Tiểu Bảo.

Ở những vùng đất hoang ngoại thành Dương Châu có rất nhiều đầu lâu, nếu như có người khinh thường những cái đầu lâu đó, nặng thì bị ám, nhẹ thì bị mắng. Bị mắng cũng chẳng phải việc gì to tát lắm, nhưng nếu bị một chiếc đầu lâu mắng thì chắc hẳn phải cảm thấy rầy xúi quẩy rồi. Hôm đó, có một người đàn ông nông cuồng đi cùng vài người bạn ra khỏi thành. Những người bạn cẩn thận dặn dò nhau những điều cấm kỵ, mọi người đều không muốn gây rắc rối với những chiếc đầu lâu kia, nhưng người đàn ông nông cuồng này lại muốn trở tài, liền đi về phía một chiếc đầu lâu, bắt đầu “tươi”, và còn luôn miệng nói: “Hay để ta mời ông uống rượu nhé!” Không ngờ chiếc đầu lâu này lại là một ma men, nghe thấy có rượu uống cũng không để ý những lời tục tĩu vừa rồi nữa, liền chạy theo đòi rượu uống. Người đàn ông nông cuồng biết là có trốn cũng không được, chỉ còn cách là cùng mấy người bạn quay về thành, vào một quán rượu. Chiếc đầu lâu tuy không đi cùng nhưng linh hồn đã lên lầu từ rất sớm rồi. Mọi người ngồi vào bàn, sắp xếp một chỗ ngồi trống, cũng bày bát đĩa lên, đây là chỗ của chiếc đầu lâu ma men đó. Mọi người mỗi lần uống một chén đều phải hướng về nơi hư không đó rót một chén, và cũng không biết là đã cho vị ma men đầu lâu đó uống bao nhiêu rượu rồi, rượu đó đã thấm qua các tấm gỗ, chảy cả xuống tầng dưới. Khi tất cả mọi người đều cảm thấy đủ rồi, liền hỏi: “Lão huynh say rồi sao?” Không ngờ, chiếc đầu lâu này lại có khí phách của Phàn tướng quân, kiên đáp: “Chết cũng như cây gỗ mục, rượu kia mới chỉ đến chân tôi thôi, làm sao đã được?” Chiếc đầu lâu này đã uống đến mức không còn biết trời đất là gì nữa, những người cùng uống đã không chịu nổi, đều tìm cách đi mất, còn tên nông cuồng kia thì khó mà thoát thân. Cuối cùng, hắn cũng lấy lý do đi vệ sinh, xuống tầng dưới đặt ngân lượng lên quầy tính tiền rồi chạy mất. Tiểu nhị của quán nghe trên tầng hai vẫn còn người kêu mang rượu lên, khi lên nhìn không thấy có một bóng người, chỉ nghe trong hư không có tiếng người nói: “Mang rượu lên đây”, trong phút chốc tiểu nhị bị giật mình đến suýt chết.

Lã Lương Phong thích đem những chuyện nhân tình thế thái của nhân gian họa vào tranh vẽ. Câu chuyện trên đây thực tế là anh ta mượn đầu lâu mắng ma men, trong các câu chuyện về đầu lâu cũng không có chủ tâm gì khác.

Chỉ cần có rượu, chết cũng không có gì đáng sợ cả, đổ lên một đồng phân cũng không sao cả! Vào thời đó cũng có thể được gọi là anh hùng trong thế giới của tửu, nhưng nếu như bây giờ, e rằng sẽ khiến mọi người phải dương mắt nhìn. Tất nhiên, cũng không tránh được “hậu sinh khả úy”.

Đầu lâu và ma thuật của thầy mo

Sự hài hước của đầu lâu ngấm lại còn có sự cay đắng, xót xa vô cùng, nhưng điều đó với họ vẫn chưa là gì, bởi trong cuộc sống đôi khi họ còn phải chịu nhiều cái không may hơn thế. Bởi vì bản thân mỗi chiếc đầu lâu đều có linh tính nên chúng thường xuyên bị quái nhân, quái vật lợi dụng, trở thành công cụ làm hại dân sinh, đó mới là điều đáng buồn nhất.

Cũng như việc con người cho rằng đầu chính là bộ phận quan trọng nhất trên cơ thể, đầu lâu làm thi hài cũng là điều tự nhiên. Một khi xương cốt của người chết phân tán tứ phía thì vong hồn của họ cũng cần phải có chỗ để nhập vào, nhưng nhập vào bộ phận nào đây, bất kể là người hay ma nếu lựa chọn, thì e rằng họ chỉ chọn đầu lâu, mà nếu đầu lâu cũng bị vỡ nát, phân tán khắp nơi, vậy thì bộ phận quan trọng nhất lúc này chính là xương đỉnh đầu. Các câu chuyện ở trên đã nói về việc đầu lâu có thể giống như trái bóng, càng nhảy càng cao, có thể giống như chiếc bánh xe lăn đi lăn lại đuổi theo người, một điều rất rõ ràng là, chỉ có đầu lâu mới có thể làm được như vậy, xương cốt của các bộ phận khác không làm được việc này. Tuy có linh tính, nhưng lại là chiếc xương khô không thể tự chủ được, vì thế cho nên, vào thời cổ đại, đầu lâu và xương đỉnh đầu mới được cả thầy mo và những người luyện yêu thuật rất coi trọng, bởi nó chính là nguyên liệu luyện yêu pháp của họ.

Trong tiểu thuyết chí quái thời Minh - Thanh thường nhắc đến yêu quái hồ ly “bái nguyệt luyện hình”, trên đầu phải có một chiếc xương đỉnh đầu hoặc đầu lâu của con người, đó là điều mà độc giả đã biết rõ rồi. Nói về xuất xứ thì cũng rất sớm, như trong Dục dương tạp trở của Đoàn Thành Thúc người đời Đường có nhắc đến hồ ly hoang dã đầu đeo đầu lâu bái Bắc Đẩu, chỉ cần đầu lâu rơi xuống thì lập tức có thể hóa thành hình người. Điều này trong Tập dị ký của Tiết Dung Nhược được viết lại cụ thể, rõ ràng hơn:

Đột nhiên có yêu quái lão đảo đi tới, với lấy đầu lâu và đặt lên đầu, lắc đi lắc lại, nó rơi xuống đất, yêu quái không để ý đến nữa, bởi vì còn có sự lựa chọn khác. Không bốn thì năm, chọn được một cái, khâu thành hình ngọn núi cao vút. Vén lên và ngắt lá cây, hoa có thể che lấp hình thể, phải để ý nhìn trước ngó sau rồi tạo thành cái áo. Trong chốc lát đã hóa thành một người phụ nữ, yếu điệu bước đi.

Không chỉ có hồ ly, tất cả những yêu quái quỷ phá, làm hại đều phải mượn đầu lâu làm phép. Quyển hai mươi, Hoàng Tư Thâm trong Di kiên đình chí của Hồng Mai dẫn ra một đoạn: “Có một con chó mẹ đeo lên chiếc đầu lâu thì có thể hóa thành người phụ nữ, hấp dẫn những kẻ háo sắc.” Không chỉ có vậy, đáng sợ nhất là ma không đầu cũng muốn mượn đầu lâu để làm trò quỷ phá, tình tiết kinh khủng đó còn ghê tởm hơn việc ác quỷ họa bì trong Liêu trai. Ví như quyển chín trong Mộng am tạp trước của Du Giao người đời Thanh có viết về một câu chuyện, nói về một thư sinh yêu mê hồn một mỹ nữ, nhưng đó lại là một con ma không đầu, đoạn sau của câu chuyện như sau:

Vào một đêm trăng sáng, bỗng nhiên cây liễu lung lay, một người trèo từ trên cây xuống, thân chưa đầy thước, nhìn thấy hai chân mà không nhìn thấy đầu. Một lát sau, hình hài đó mọc dưới dòng nước lên chín cái đầu lâu liên kết lại với nhau làm thành chiếc mũ đội lên đầu, sau đó biến thành người con gái xinh đẹp. Người con gái đó dùng hai tay vén mái tóc dài chấm đất, nhẹ nhàng đi lại dụ dỗ người qua đường.

Một chiếc đầu lâu còn có linh khí như vậy, giả dụ đem một trăm linh tám cái luồn vào với nhau, rồi đội lên trên đỉnh đầu, có khi sẽ trở thành Minh Vương Bồ Tát mất. Vì vậy linh khí của đầu lâu tất nhiên sẽ được các thầy mo trong dân gian chú ý và biến nó trở thành một nhân tố quan trọng trong tà thuật. Trong Thiên

đài bồ tát giới sơ từng nhắc đến việc “người phương Tây đánh vào xương đầu của người khác, đó là nguyên nhân chính để gây cái chết”. Thủ thuật dùng đầu lâu để gieo quẻ, ở các nước phương Tây có và người Trung Quốc cũng có, ở đây, phương thức ấy được gọi là “thần đầu lâu”. Vị thần đầu lâu này cũng giống như thần Chương Liễu (thần cây long não), nhưng cơ sở ban đầu của nó không phải là dùng đầu gỗ có linh khí, mà là dùng đầu lâu của người rồi cho nhập hồn vào đó.

Cuốn Hồ hải tân văn Di kiên kế chí của Kim Thiết Danh có một đoạn ghi lại sự việc xảy ra vào năm Lý Tông Gia Hy, thời Nam Tống. Câu chuyện liên quan đến quá trình “chế tạo” thần đầu lâu. Công đoạn này vô cùng tàn nhẫn, đến nỗi làm cho người ta ghê tởm.

Hằng ngày đều rót giấm từ trên đỉnh đầu xuống gót chân, xương khớp, tĩnh mạch đều bị đóng đinh, vô cùng tàn khốc. Đợi đến khi chết đi sẽ thu những xương khô này lại, bóc lấy hồn ma và gọi là thần đầu lâu.

Trong cuốn sách này có đoạn viết: “Hôm nay người ta nói tới điều lành, dữ, bắt cóc con trai nhà người về làm pháp thuật.” Nhưng đây cũng chỉ là một cách nhìn nhận về việc yêu quái lừa gạt, làm hại trẻ con được lưu truyền trong dân gian. Thực tế thì phần lớn cũng chỉ là truyền thuyết mà thôi, không chắc chắn chuyện này là có thật hoặc sự việc nghiêm trọng đến như vậy. Vì thế, có một cách lý giải khác về thần đầu lâu, tuy vẫn gắn liền với hình ảnh những thầy mo nhưng có vẻ đáng tin hơn một chút. Trong Đông Pha tiên sinh vật loại tương cảm chí của Thích Tấn Ninh, người đời Tống, quyển sau có trích dẫn:

Những chiếc đầu lâu được dùng cỏ bông xuyên qua để kết lại với nhau, ban đêm có thể cùng nhau chuyện trò, trước khi ra trận không được đến hỏi, lần đầu dùng thì dùng nước thơm để rửa, vẫn dùng cây cỏ xuyên vào, làm cho khó chịu, sau đó hỏi: hoặc là chôn vùi xuống đất, trồng cây đậu, đêm đến hỏi việc cát hung (bản này có thể có chữ sai, nhưng đại ý thì không sai).

Lấy một cái đầu lâu, dùng nắm cỏ kích thích vào những lỗ hổng như mắt, thậm chí có người còn đem đầu lâu này làm chậu hoa, trồng cây lên, làm cho rễ cây ở bên trong mọc lung tung, do việc này có thể ép đầu lâu phải dự báo cát hung, chủ ý này quả thực rất tàn nhẫn. Bởi vì theo truyền thuyết dân gian Trung Quốc, xương khô trong những ngôi mộ sợ nhất là bị giày vò. Trong Thuật dị ký của Hoàn Trung Chi có nói đến một hồn ma báo mộng cho người, nói là trong mắt mình có vật gì đó đâm vào, làm ơn hãy rút nó ra. Người này tìm được thi thể của hồn ma, quả nhiên là ở đầu lâu có mọc lên cây cỏ. Trong Quảng dị ký của Đới Phú viết về việc thi thể của hồn ma bị rễ của cây mang làm hỏng, hồn ma thấy vô cùng đau đớn. Lại có một câu chuyện khác cũng kể về việc hồn ma kêu khổ: “Thân xác tôi bị rễ cây mọc qua, vô cùng đau đớn, không thể chịu đựng được nữa rồi!” Vì vậy, việc dùng cỏ đâm vào đầu lâu để hỏi cát hung cũng chẳng khác nào việc dùng cực hình để ép cung trong các nhà tù thuở xưa.

Kiểu thầy mo dùng pháp thuật tà ma như vậy chưa phải đã hoàn toàn thất truyền, thậm chí còn phát triển hơn nữa. Giống như tiểu thuyết Hải du ký đời Thanh có viết về việc luyện thần Chương Liễu, dùng xương đỉnh đầu của nam, nữ chia ra làm bốn mươi chín mảnh, có thể biến hóa thành một cái gì đó, ít ra thì cũng để thần Đầu Lâu và thần Chương Liễu hợp lại làm một. Từ thời Nam Tống, trong dân gian đã có những hồn ma không có xương đỉnh đầu, không có xương đỉnh đầu nên không thể chuyển kiếp được (xem Di kiên giáp chí, quyển mười bảy, Giải tam nương). Xương đầu là bộ phận quan trọng nhất của đầu lâu, đối với người chết khi chôn cất, tuyệt đối không được quên xương đỉnh đầu, cách nói này tuy là dựa vào tính quan trọng của đầu lâu, nhưng cũng không có ai thử đem vứt ra nơi hoang dã để người khác khinh thường hoặc bị đối xử tàn ác.

Nhưng cái đáng sợ nhất của các thủ thuật này không phải là tà thuật của thầy mo, mà chính là thuật dùng “ngự nhân” của các bậc Đế vương ngày trước. Đối với đầu lâu thì chính là cách dùng linh hồn người chết để trừng trị người sống. Đương nhiên đó phải là những đầu lâu tinh anh, được Đế vương đội ở trên đầu, thậm chí còn làm quầng sáng, nhưng hoàn cảnh của họ so với bị người vô lại ngồi lên còn khó coi hơn rất nhiều lần. Bởi đã là những tinh anh, thì họ sẽ coi trọng tính độc lập hơn cả tính mạng của mình, lúc sinh thời họ có thể từ chối bất cứ những gì cố cho thêm vào như giấy hồ, hoặc là mũ quan giấy, nhưng một khi đầu lâu trở thành đồ trang trí của Đế vương sẽ bị mảy đi quyền được nói chuyện, chỉ là để họ tự bày biện, tùy hứng đánh phấn lên, nếu như đầu lâu linh thiêng, sâu thẳm trong con tim sẽ vô cùng đau đớn.

Tần vương Doanh Chính đọc thư Côi phần, Ngũ đồ của Hàn Phi, liền nói: “Nếu quả nhân được gặp người này và cùng viễn du, thì chết cũng không hối hận!” Đây là do lầm tưởng Hàn Phi là cổ nhân đã chết, vì thế bỏ đi sự tôn trọng của bậc đế vương để làm học sinh. Nhưng một khi Hàn Phi còn sống đi đến trước mặt thì lại là một chuyện khác. Hàn Phi viết một bài Thuyết nan, nói: “Rồng có vẩy cá ngược, nếu bị xúc phạm thì nhất định sẽ giết người. Người có vẩy cá ngược nói có thể là chủ nhân của vẩy cá ngược!”, đã biết là khó, vậy có thể “không” nói không? Hàn Phi không thể không nói, bởi vì ông ta không phải là đầu lâu, mà ông ta bị mắc bệnh nói lắp, lại không biết hát lời nịnh nọt, bởi ông không đồng ý làm trò hề, làm những bài văn nịnh bợ. Vậy kết quả của “thuyết” thì mọi người đều biết, đó là bị giam trong ngục tù, và chết thảm ở đó.

Thái sử công viết Hàn Phi truyện, có đến bảy mươi phần trăm các bài thi có dẫn cứ nguyên văn từ Thuyết nan, cuối cùng ông than rằng: “Dư độc bị thương Hàn Tử vì Thuyết nan mà không thể tự mình thoát khỏi tai ương.” Đây là thương xót cho Hàn Phi hay thương xót cho chính bản thân mình? Là “dư thừa tâm sức có thể trừng phạt” hay là “chết xuống cửu tuyền cũng không hối hận”? Vì vậy, trong lịch sử tuy không ghi chép về nguyên nhân cái chết của ông nhưng có vài nhà sử học cho rằng, cuối cùng ông chết dưới tay Hán Vũ Đế, và điều này có thể được coi là điều tất yếu sẽ xảy ra.

25. Chương 10 - Part 1

Chương 10: Cái chết của ma

Trong cuốn Luận hoành - Luận tử^[1] có viết:

[1] Nghĩa là: bàn về sự cân bằng và cái chết.

Từ buổi khai thiên lập địa đến nay, kể từ khi loài người mới xuất hiện, cái chết đến tùy theo tuổi thọ. Số người chết yếu ở độ tuổi trung niên tính đến hàng vạn, hàng tỷ người. Tính ra số người đang sống hiện nay không thể nhiều bằng số người đã chết. Người chết rồi sẽ trở thành ma, và tại mỗi con đường trên trái đất, cứ một bước đi là một con ma.

Khi nói câu này, chắc hẳn Vương Trọng Nhậm chưa hề đi khảo sát thực địa về môi trường sinh thái dưới âm phủ, mà chỉ đứng từ góc độ của con người để suy đoán về thế giới ma quỷ, cũng giống như loài côn trùng mùa hạ không thể bàn xét về băng, vậy chúng ta cũng chẳng cần bản khoản thêm về những điều trống rỗng vô căn cứ ấy. Ngay như sự suy đoán “tại mỗi con đường trên trái đất, cứ một bước đi là một con ma” là hoàn toàn không phù hợp với bản chất của ma quỷ. Thứ nhất, những linh hồn ma quỷ di chuyển có thể xuyên tường xuyên khe, có hình mà không để lại vết tích, vậy thì hà tất chúng phải chen chúc trên những ngã đường của con người? Thứ hai, linh hồn ma quỷ là thứ hữu hình mà vô chất, Xích Quách chuyện lấy ác quỷ làm lương khô, sáng nuốt hết ba nghìn, chiều nuốt hết ba nghìn, chiếc bụng tròn căng đến bảy trượng - cho dù bên trong chiếc bụng đó là cả một chiếc dạ dày lớn, không hề có các cơ quan nội tạng khác, thì chắc nó cũng chỉ xấp xỉ một phòng khách rộng bốn, năm chục mét vuông là cùng - vậy mà có thể chứa được hàng nghìn con quỷ, vậy trong cái không gian của “một bước đi” chen chúc được hàng trăm con quỷ là điều hoàn

toàn có thể chứ! Đương nhiên, nếu nhân gian cứ luôn là một số lượng vô tận và tăng theo cấp độ hình học, hơn nữa số lượng này được dịch chuyển từ năm này qua năm khác, đời này qua đời khác, vậy thì hàng ngàn, hàng vạn năm sau, loài người chúng ta khó có thể trông chờ vào một kết quả lạc quan, cho dù các linh hồn ma quỷ kia không sợ đông đúc thì các bậc thần tiên trong tam giới cũng phải đau đầu khi chứng kiến cảnh tượng chật chội, chen chúc ấy. Vì vậy, cần phải có cái thứ ba, tức âm phủ có cơ quan chính phủ hoạt động hiệu quả, có những thủ thuật riêng trong việc khống chế số lượng ma quỷ.

Giới tự nhiên giản đơn nhất được áp dụng theo phép luân hồi của đất Tây phương (tức Ấn Độ, Trung Quốc có thuyết chuyển thế). Nếu như quan niệm về âm phủ của dân tộc Trung Hoa đã được luân hồi hóa, vậy thì diêm phủ của chúng ta sẽ trở thành một trạm trung chuyển khổng lồ, mọi sinh linh không ngừng đổ về nơi đây, kết thúc tất cả những món nợ, những oan nghiệt của kiếp trước, để rồi lại chia ra quay trở về với lục đạo (trời, người, tu la (vô tửu đạo), ma đói, súc vật và địa ngục), hiệu suất phân phát của nó chắc chắn chẳng thua kém hệ thống bưu điện của người trần ngày nay. Như trong Thập vương kinh có viết: “Bảy bảy bốn mươi chín ngày mới qua được bảy điện Diêm La, nếu muốn đi qua được tất cả mười điện Diêm La, thì phải đợi đến ba năm sau mới qua được.” Đó chẳng qua là những điều khoản bá vương của các ông thầy pháp sư, các vị hòa thượng, chúng dùng để bắt nạt những tang gia không hiểu biết, cố ý khiến mọi việc trở nên rề rà. Tóm lại, lúc này âm phủ đã trở thành một kho hàng chuyển phát nhanh tạm thời, vì thế không thể tồn đọng được bao nhiêu kinh hồn ở đó.

Nhưng ở thời đại Vương Sung, quan điểm về luân hồi vẫn chưa được chào đón chính thức, và quan trọng hơn đó là con người chúng ta có sự tự tin để tự mình giải quyết vấn đề, cho dù không có thánh giáo của triết học Tây phương thì con người hoàn toàn dư thừa khả năng để ứng phó với mọi sự việc. Vì thế, thủ thuật khống chế số lượng linh hồn mà chúng tôi nói tới ở đây cũng chỉ nằm trong giới hạn “hàng nội” mà thôi. Những thủ thuật này tuy không quá nhiều, hoặc có thể giảm bớt căng thẳng trong việc giúp ma quỷ chuyển đổi từ lớn sang nhỏ, hoặc có thể khiến cho việc chuyển biến thêm phần lịch liệt hơn, khiến cho quỷ chết thêm một lần nữa, sau đó được thanh lý sang một thế giới khác. Nhưng dù thế nào đi nữa, âm phủ đến nay vẫn là một thế giới thái bình.

Ma mới lớn, ma cũ nhỏ

Đây là câu nói xuất hiện trong chương Văn công nhị niên của Xuân Tu tà thị truyện, nguyên văn như sau:

Tháng Tám mùa thu năm Đinh Mão, trong buổi cúng tế tại đại miếu, người ta đưa bài vị của Hy Công đặt trên bài vị của Mẫn Công (Mẫn Công là cha ruột của Hy Công), đây là việc thờ cúng không theo thứ tự. Khi đó, Hạ Phụ Phát Kỵ đảm nhiệm chức Tông Bá (chuyên lo việc cúng tế của vương tộc), ông ta rất tôn sùng Hy Công, hơn nữa ông còn tuyên bố điều mình đã từng gặp: “Ta nhìn thấy ma mới lớn, ma cũ nhỏ, trước lớn sau nhỏ, âu cũng là thuận theo lẽ trời. Đưa bài vị của Thánh thượng lên trên là điều hoàn toàn sáng suốt. Sáng suốt, thuận theo thứ tự là phù hợp với quy định thờ cúng.”

Hạ Phụ Phát Kỵ là quan Tông bá của nước Lỗ, chuyên lo việc cúng tế trong vương tộc, cái “lớn” và cái “nhỏ” mà ông ta nói là chỉ tuổi tác hay thứ bậc của người đã chết, xưa nay vẫn tồn tại nhiều tranh luận. Nhưng bản thân tôi thấy rằng, Hạ Phụ Phát Kỵ còn đề cập đến cả hình thể lớn nhỏ của ma quỷ. Số lượng tổ tiên thờ cúng trong điện của các dòng họ không thể là một con số vô cùng vô hạn, ngoài thủy tổ ra, tất cả những liệt tổ liệt tông khác sẽ dần bị đào thải theo thời gian. Nói một cách cụ thể, chính là những người không phải là nam giới bên họ nội, xin mời ra khỏi điện thờ họ. Trong các cuộc tế lễ, đây chính là nghi lễ tổ tiên dời trước rời xa tổ tiên dời sau (đương nhiên là ngoại trừ thủy tổ), nếu xét theo góc độ của những hồn ma thì đây chính là nghi lễ ma cũ xa ma mới. Những tổ tiên dời trước sẽ dần bị mời rời khỏi điện thờ họ theo từng đời, tuy nhiên họ vẫn được hưởng thụ sự thờ cúng của con cháu, nhưng địa vị của họ đã khác theo từng thế hệ. Sự bất an về tâm lý của thế hệ con cháu có khả năng được xoa dịu bởi “cách nói” của văn hóa âm phủ, cái gọi là “ma mới lớn, ma cũ nhỏ” chẳng phải là sáng kiến của bản thân Hạ Phụ Phát Kỵ, mà là một loại ý thức văn hóa âm phủ của con người thời bấy giờ, câu nói này có khả năng hàm chỉ những linh hồn sẽ không ngừng nhỏ dần theo năm tháng, cho tới lúc hoàn toàn tiêu tan hết.

Dường như u Dương Tu là người đầu tiên nhìn nhận câu nói “ma mới lớn, ma cũ nhỏ” từ góc độ quỷ thần, vượt qua cả nghi lễ thờ cúng của tông pháp về mặt văn tự. Theo Đông hiền bí lục, quyển mười hai có nói, mười bảy tuổi, u Dương Tu tham gia kỳ thi huyện, đề ra bàn về từ “ ” (“vu” trong “vu cáo”) trong Tà thị truyện (tức kiểu bàn luận tự do. Có cách nói cho rằng, chữ “vu” là sự nhầm lẫn của chữ “ ” (“vu” có nghĩa

là thầy cúng”)), có “thạch ngôn vu Tống, thần giáng vu sần”[2]. Thời bấy giờ, khi ai đó nói rần ngoài thành cần chết rần trong thành (ở đô thành nước Trịnh), hay ma mới lớn, ma cũ nhỏ là những điều rất ‘mới lạ’. Những việc như “viên đá biết nói ở nước Tống” đều là những việc “quái dị, bạo lực, phản loạn, quỷ thần”, và u Dương Tu đã đưa “ma mới lớn, ma cũ nhỏ” liệt vào trong hàng ngũ đó, rõ ràng chữ “quỷ” ở đây được ông nhìn nhận thành hồn ma của người đã chết.

[2] Nghĩa là: có viên đá biết nói ở nước Tống, có thần tiên hạ giới ở huyện Tân (nay là Liêu Thành, Sơn Đông).

Duyệt vi thảo đường bút ký, quyển hai có đoạn đã nói rất rõ về sự việc này:

Cái gọi là quỷ chính là chỉ dư khí của con người. Thứ khí đó sẽ dần dần tiêu tan hết, chính như “Tả truyện” có nói “ma mới lớn, ma cũ nhỏ”. Trên thế gian này, đã có người gặp ma, nhưng chưa ai từng thấy con ma nào trước hồn ma của vua Phục Hy và vua Hiên Viên, bởi dư khí của chúng đã tiêu tan hết.

Đây là sự giải thích rất hay, rất thú vị. Thời nay chúng ta nói về quỷ, dù thân phận của con ma đó có không rõ ràng, nhưng nó hoặc là mặc âu phục, đi giày da, hoặc là mặc quần đùi áo thun, chứ rất ít thấy ma mặc áo choàng dài (trang phục đời Thanh), mũ cao áo dài (cho dù thi thoảng nằm mơ cũng chỉ là những nhân vật trên sân khấu hoặc trong phim truyền hình mà thôi), và càng không thể gặp những “con ma trước thời vua Phục Hy” chỉ mang trên người vài tấm lá che thân. Những con ma từ thời xa xưa ấy không chỉ biến đổi kích cỡ từ to sang nhỏ, mà chúng còn “tiêu tan dần theo thời gian”, cuối cùng không còn tồn tại nữa. Từ đó có thể liên tưởng rằng, Diêm La Vương ngày nay chắc cũng là những kẻ lè, thất cả vạ, ngồi trên chiếc ghế xoay sau chiếc bàn làm việc như các ông sếp với một chiếc bụng bia, phía sau là một loạt những quyển Lục pháp toàn thư đóng bìa cứng in chữ mạ vàng, còn những tên đầu trâu mặt ngựa chắc sẽ trở nên lệch pha nếu không đội trên đầu những chiếc mũ rộng vành.

Trong mẫu chuyện Oan hồn đòi mạng, quyển mười hai, cuốn Tử bát ngữ của Viên Mai có viết:

Vào giữa năm Mậu Dần thời vua Càn Long (năm 1758), Tiêu Tùng Bồ và Thẩm Nghị An cùng đến làm thư lại tại nha huyện Phiên Ngụ, đảm nhiệm các vụ tố tụng hình sự. Nơi ở của Thẩm Nghị An cách phòng của Tiêu Tùng Bồ chỉ một bức tường. Nửa đêm, khi Tiêu Tùng Bồ đang lật xem lại các quyển án trạng, bỗng nghe bên phòng của Thẩm Nghị An có tiếng ngựa hí rất khê, thấy kỳ lạ liền nhòm qua khe hở trên bức vách. Từ khe hở, chỉ nhìn thấy Thẩm Nghị An đang nhoài người ra bàn viết công văn, cây bút trên tay viết không ngừng, lại có ba bốn con ma không đầu đang đứng bên cạnh Nghị An, trong tay chúng đang giữ chiếc đầu của chính mình. Và kinh hãi hơn, có một đám ma con đang quỳ xung quanh chiếc bàn mà Nghị An đang viết.

Vụ án mà Thẩm Nghị An đã xử là một vụ án giết người nghiêm trọng, trong đó có hai đối tượng tình tiết nhẹ tội hơn, có thể bị xử chết hoặc không. Những con ma đang giữ chiếc đầu của mình là những hồn ma bị hại, đương nhiên mong muốn của chúng là giết hết những kẻ đã hại chúng. Còn đám ma con quỳ quanh bàn chính là tổ tiên của hai đối tượng phạm tội trên, chúng quỳ trên đất để cầu xin cho hai tên tù nhân kia được miễn tội chết. Điều đáng chú ý là, những hồn ma là tổ tiên của hai tên tù nhân kia đều là “ma con”. Tại sao lại là ma con? Chính là bởi “ma cũ nhỏ” mà thôi.

Nói rằng “ma cũ nhỏ”, điều này tuyệt đối không thể coi là loại truyện ma quỷ được kể một cách tùy tiện, nó có ý nghĩa sâu sắc trong các lễ nghi phong tục dân gian. Không cần phải nói đến những thứ khác, nếu như những con ma cũ không nhỏ dần đi và cuối cùng là tiêu tan hết thì âm phủ sẽ đông đúc đến mức chẳng còn chỗ để đặt chân, và cũng vì thế người sống sẽ chẳng thể lo nổi công việc tảo mộ hàng năm. Hơn nữa, nếu đề cập đến những ngôi nhà mồ đơn sơ - nơi gửi gắm hình dạng của những linh hồn, thì khó có thể nói chắc chắn được rằng, xã hội loài người lúc đó có còn không gian dành cho người sống nữa hay không. Vì thế, cách nói “ma cũ nhỏ” của thế giới âm phủ chính là việc “già rồi chết” của thế giới người sống.

Nhưng sự việc đâu có giản đơn như vậy. Nếu đem lý thuyết “ma mới lớn, ma cũ nhỏ” làm kim chỉ nam cho việc sáng tác truyện ma, vậy thì sức hấp dẫn của đề tài văn học này sẽ giảm đi rất nhiều, bởi trong rất nhiều những câu chuyện ma quỷ đó, những hồn ma của thế giới âm phủ không những không nhỏ đi rồi tiêu tan mất, mà chúng còn không bị già đi theo thời gian. Trong tác phẩm U minh lục của tác giả Lưu Nghĩa Khánh, tướng quân Tư Mã Diêm cai quản vùng An Bắc thời Đông Tấn nằm mơ thấy Động Ai vẫn trong dáng vẻ của một ông lão râu tóc bạc phơ, khi bị giết, Động Ai đã ngoài bảy mươi tuổi, vì thế ông lão trong

giấc mơ vẫn mang hình dáng diện mạo như khi còn sống. Trong quyển sáu, cuốn Dị uyển[3] của Lưu Kinh Thúc có viết, sau khi vào thành Lạc Dương, Ngôn Lục Cơ nằm mơ thấy hồn ma của Vương Bật vẫn trong dáng vẻ của một chàng trai trẻ. Đây là những việc xảy ra cách nhau khoảng trăm năm. Trong tác phẩm Tuyên thất chí của Trương Độc thời nhà Đường có viết, vào giữa năm Đường Nguyên Hòa (vua Hiến Tông thời Đường) có vị tiến sĩ tên Lục Kiều gặp hồn ma của Thảm Ước, hai thời điểm cách nhau gần bốn trăm năm, nhưng Thảm Ước vẫn “cao lớn, lượt là, thanh tú, khoan thai”. Phần Lưu môn nô trong tác phẩm Quảng Dị ký của Đới Phù có ghi, vua Đường Cao Tông gặp hồn ma của thái tử - con trai Sở Vương Mậu đời Hán, hai thời đại cách nhau đã bảy trăm năm, trong phần Triệu tá viết, vua Đường Huyền Tông gặp hồn ma của Tần Thủy Hoàng, hai thời đại cách nhau gần nghìn năm. Những hồn ma đó vẫn giữ nguyên hình dáng của họ như khi còn sống.

[3] Nghĩa là: khu vườn ma quái.

Những câu chuyện trên chẳng quan tâm tới quy luật “ma cũ nhỏ”, nhưng lại có một tình tiết bắt buộc người ta phải chú ý tới, chính là những con ma này đều là “ma nổi tiếng”, cũng giống như những người thuộc lớp những người quyền quý, đức cao vọng trọng, những nghệ nhân, danh sĩ, nhà báo, mỹ nhân, luật sư nổi tiếng trong xã hội loài người. Trong tác phẩm Thủy song xuân nghệ, u Dương Triệu Hùng, người đời Thanh đã kể lại một sự việc, tuy chủ yếu bàn về chuyện “ma cũ nhỏ”, nhưng lại liệt những con “ma nổi tiếng” ra ngoài, Trương Sán là người Tương Đàm, tính Hồ Nam, tự nói mình có thể nhìn thấy ma:

Người chết đã nhiều năm, linh hồn của họ sẽ biến nhỏ dần, nhưng hồn ma của những người giàu có, nổi tiếng thì không vậy. Có thể thấy, từ cách nói “ma mới lớn, ma cũ nhỏ” trong Tả truyện, cho đến thuyết “gạn lọc tinh hoa”, nếu ai đó không hiểu rõ về quỷ thần sẽ chẳng thể nào hiểu được cái tinh hoa trong đó.

Điều này cũng được lấy từ quan điểm về ma quỷ Tử Sản (cháu đích tôn của vua Trịnh Mục Công). Tử Sản bàn về ma quỷ có phần phóng đại, trở thành một mục lớn trong tư tưởng Trung Quốc. Quan điểm của ông có ảnh hưởng lớn tới quan niệm về quỷ thần của Nho gia Trung Quốc, sau này được giới thiệu với tư cách chuyên đề. Ở đây, chúng tôi chỉ nói một cách sơ lược, con người sau khi chết, linh hồn của họ sẽ phân tán vào hư không rồi tiêu tan hết, nhưng chúng sẽ không tan hết ngay tức khắc mà còn tùy vào từng người. Những linh hồn tiêu tan nhanh, tất nhiên sẽ không trở thành ma quỷ hay những oan hồn, còn những linh hồn tạm thời chưa tiêu tan được, tuy chúng có thể trở thành hồn ma một thời gian, nhưng cuối cùng cũng vẫn phải tiêu tan hết. Vậy tại sao có những linh hồn lang thang không thể tiêu tan ngay lập tức? Có hai điều kiện, một là đột tử, vì thế tinh lực của người đó vẫn chưa tiêu tan hết, hai là, những người thuộc gia đình quyền quý, hằng ngày được cung cấp dư thừa chất dinh dưỡng, tuy lúc đó người đã ngừng thở, nhưng thuộc loại “đầu trong đèn vẫn chưa đốt hết”. Như vậy thiết nghĩ rằng, trong những lời mà Trương Sán nói dường như được gác lên một tầng ý nghĩa nữa, những câu chuyện ma quỷ rất ít nói tới ma quỷ thời cổ đại, thi thoảng có nói tới thì cũng là hồn ma của những người nổi tiếng, đó là vì những hồn ma “giàu có, quyền thế” sẽ không bao giờ bị biến nhỏ đi. Tuy nhiên, quan điểm này cũng chưa thật xác đáng, bởi trong các câu chuyện ma, tuy thường nhắc tới những hồn ma danh tiếng ở thời cổ đại, nhưng lại không phát hiện ra rằng, đa số những hồn ma ấy thực ra chỉ là yêu tinh biến dạng. Cũng dễ hiểu thôi, bởi vạn sự trong nhân gian đều vàng thau lẫn lộn, danh nhân làm ra những quảng cáo lừa phỉnh, quảng cáo lại tạo ra những danh nhân giả mạo, và muốn có được tính minh xác trong những sự việc của thế giới ma quỷ lại càng khó khăn hơn.

Nhân tiện đây cũng xin nói thêm rằng, còn có cách nói hoàn toàn đối nghịch với cách nói “ma cũ nhỏ”, đó là ma quỷ không những không nhỏ dần theo thời gian, mà ngược lại chúng còn lớn dần theo năm tháng. Nhưng cách nói này rất ít gặp, và xem chừng cũng chưa được mọi người đồng thuận. Lưu Nghĩa Khánh trong U minh lục có viết:

Lưu Đạo Tịch và em trai họ là Khương Tổ thời trẻ không tin trên đời có ma. Nhưng người anh họ là Hưng Bá từ nhỏ đã từng gặp ma, hai bên tranh cãi nhau không phân thắng bại. Cuối cùng Hưng Bá nói: “Hai đệ à, trên cây dâu ở phái đông đại sảnh nhà chúng ta có một con ma, hiện giờ con ma ấy hãy còn nhỏ, không cần phải sợ, chỉ sợ rằng sau khi lớn lên, nó không những không rời khỏi đây, mà còn tìm cách hại người.”

Nhưng tôi có cảm giác rằng, con ma được nói tới ở đây không phải là hồn ma của con người, mà là ma thuộc loại ma quái ôn dịch. Nhưng dù có là thứ gì đi chăng nữa thì ngay lúc đó nó cũng đã bị giết chết bởi giọng nói và tiếng cười của Lưu Khương Tổ.

Ma chết biến thành ni

Như tôi đã từng nói “ma không bao giờ chết vì đói”, nhưng không chết vì đói không có nghĩa là ma không thể chết, vì vậy những linh hồn vẫn tồn tại một vấn đề - đó là “cái chết”. Trong phần trước tôi đã nhắc tới Xích Quách lấy hồn ma làm cơm ăn, hồn ma bị tiêu hóa trong bụng Xích Quách, rồi biến thành thứ phân hoặc hư hoặc thực, chắc là chết rồi đấy nhỉ? Trương Tuần được mệnh danh là Trương Thiên Quân chém quỷ, Chung Quỳ là tiến sĩ vùng Chung Nam (ở phía tây nam thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) có tác phẩm Trảm quỷ truyện, viết rằng có vị thần Ngũ Xương luôn coi việc giết ma quỷ là công việc của mình, mà ma quỷ đã bị chém bị giết thì tất nhiên không thể sống sót rồi. Vì thế trong dân gian vốn đã có quan niệm ma quỷ cũng có lúc phải chết, nhưng những cái chết đó chỉ được coi là “cái chết phi chính thức”, hơn nữa có cách nói cho rằng, ma quỷ cũng chưa chắc đều là những hồn ma của con người, “cái chết tự nhiên” của ma người đại khái đều “chết” một cách mơ hồ theo thuyết “nhỏ dần theo năm tháng”.

26. Chương 10 - Part 2

Trong thuyết luân hồi được truyền bá từ Tây phương, linh hồn ma quỷ không bao giờ chết. Ngoài những linh hồn phạm mười tội ác lớn bị đày xuống địa ngục để chịu vô vàn những hình phạt khổ cực thì không chỉ con người, mà linh hồn của mọi sinh vật sinh con, sinh trứng, sinh sản vô tính hoặc sinh sản đột biến... đều được đưa tới lục đạo để đầu thai sang kiếp khác. Khi đó súc vật được chuyển thể làm Đế vương (như Tùy Dạng Đế là do một con chuột lớn được đầu thai), và việc các vị Đế vương được đầu thai thành súc vật cũng không phải là chuyện hiếm. Còn những linh hồn bị đày xuống địa ngục chịu nhục hình, chúng càng không bao giờ phải đối mặt với cái chết, bởi nếu như chúng có thể chết thì chẳng phải quá có lợi cho chúng sao? Một số sách kinh Phật đã miêu tả vô cùng tường tận những hình phạt khắt khe của tám khu địa ngục lớn và một trăm hai mươi tám địa ngục nhỏ, cửa mình, nghiền nát, xay nhuyễn, nấu thành cháo thịt đi chẳng nữa, chỉ cần “nghiệp phong” (con gió luân hồi tam thế giữa nghiệp thiện và ác) khẽ thổi, những linh hồn ấy lập tức trở lại nguyên hình và tiếp tục chịu đựng khổ nhục hình. Những linh hồn tội lỗi đó cầu xin cái chết mà không được, ngược lại, những đau đớn mà chúng phải chịu đựng còn được sử dụng làm ví dụ cho những người đến tham quan âm phủ. Vì thế, không phải ở bất kỳ nơi nào, chính sách “sống sót mãi mãi” đó cũng được tất cả mọi người mang ơn.

Những linh hồn ma quỷ của Trg Quốc vẫn biết đến cái chết, tuy những cái chết đó có phần hàm hồ nhưng cuối cùng vẫn luôn được phân tích rất rõ ràng. Muộn nhất là vào đời Đường, các cuốn tiểu thuyết đã phản ánh một ý kiến rằng, những linh hồn nơi âm phủ cũng giống như con người nơi dương thế, chúng đều sẽ “tự nhiên mà chết đi”. Trong tác phẩm Minh báo ký của Đường Lâm có viết, Mục Nhân Xuyên hỏi quan âm phủ Thành Cảnh rằng: “Ma quỷ có chết không?”, Thành Cảnh đáp: “Đương nhiên!” Nhân Xuyên lại hỏi: “Sau khi chết sẽ đến nơi đâu?”, đáp: “Không biết, giống như con người chỉ biết mình sinh ra lúc nào, chứ không biết khi nào mình sẽ chết đi.” Hồn ma đã chết, lại còn hỏi nơi mình sẽ đến sau khi chết, có thể thấy cái chết đó hoàn toàn không giống như Tử Sản nói những linh hồn lang thang tựa như khí tiêu tan vào không khí. Kết luận của Tử Sản là ma quỷ từ có trở thành không, còn ý kiến vừa rồi lại là ma chết thần còn. Nếu như sau khi chết ma quỷ không tiêu biến đi, vậy biết nói sao khi con người không cho chúng mảnh đất dg thân, nhằm tránh xảy ra những rối loạn trong xã hội?

Và rồi Hà đông ký của Tiết Ngự Tư đã bịa ra một “nha minh quốc - đất nước quạ kêu”, một đất nước mà “trong bán kính hàng trăm dặm không hề có ánh sáng mặt trăng cũng như mặt trời, ở đó người ta chỉ dựa vào tiếng quạ kêu để xác định ngày và đêm”.

Hỏi rằng: “Đất nước quạ kêu là một vùng đất hoang sao?” Hai người kia trả lời: “Người chết sẽ trở thành ma, ma rồi cũng phải chết, ma chết rồi, nếu không có một nơi cho chúng đến thì sẽ phải xử lý chúng ra sao?”

Ý kiến trên xem chừng rất dứt khoát, giải thích ra sẽ là, người chết biến thành ma, nếu không có âm phủ thì làm sao có thể trị yên lũ ma đó? Ma quỷ cũng phải chết, nếu không có một “đất nước quạ kêu” thuộc thế giới bóng đêm thì làm sao có thể xử lý đám vong hồn của những hồn ma đã chết? Còn về “đất nước quạ kêu”, thực ra nó chẳng phải là một cái gì đó sáng tạo. Âm phủ - nơi những hồn ma sinh sống, há chẳng phải một nơi “không có ánh sáng mặt trăng mặt trời, tất cả đều chìm trong màn đêm u ám sao? Còn đối với những con ma kia, môi trường sinh thái sau khi chúng chết lại mang cho chúng một thứ cảm giác “quy hồi”, chỉ có điều chúng phải căn cứ vào tiếng quạ kêu để phán đoán ngày và đêm mà thôi. Còn về khu vực

biên cương của đất nước này, tuy nó chẳng thể rộng lớn nhưng đã là đất hoang thì nơi đó cũng sẽ là một vùng đất rộng thoáng trong một thời gian ngắn. Vì thế, sau khi chết, ma quỷ sẽ đến “đất nước quạ kêu”. Nếu hiểu theo quan điểm hiện đại, điều này chẳng qua cũng giống như việc di dân đến một vùng đất thuộc địa. Phát hiện này quả là hết sức nông cạn.

Trong chương Lữ Vô Bệnh của Liêu trai chí dị có kể, ma nữ có tên Lữ Vô Bệnh trong một đêm bốn ba hàng nghìn dặm, cuối cùng khi tinh lực đã bị tiêu hao hết, ả “đổ sụp xuống đất mà chết”. Chồng ả đã xây cho ả một ngôi mộ mang tên “quỷ thê chi mộ”, bởi chồng ả là người trần, vì thế ngôi mộ này chỉ có thể được xây tại dương gian, nhưng đó chỉ là một ngôi mộ mai táng mũ áo mang tính tượng trưng, nó không thể chứng minh hồn ma của Lữ Vô Bệnh đang ở dương gian. Còn trong chương Chương A Đoan lại chuyên môn hơn trong việc lấy cái chết của ma quỷ để dựng thành câu chuyện, người và ma quỷ yêu nhau, kết thúc thường là việc sống lại của ma quỷ, cho dù không thể sống lại, thì giữa người và ma quỷ vẫn có thể yêu nhau. Nhưng chương này đã giành được thắng lợi đáng kinh ngạc, dùng việc chạy trốn của một ma nữ (vợ của Thích Sinh), sau đó được chuyển thể để toại nguyện cho cuộc hôn nhân giữa người và quỷ cùng với Thích Sinh, rồi lại dùng cái chết của một ma nữ khác (Đoan Nương - người tình của Thích Sinh) để tạo ra một kết cục bi thương, khiến tình yêu giữa người và quỷ của bọn họ không thành.

Đúng vào cuối năm đó, Đoan Nương bỗng nhiên bị bệnh, cả ngày u sầu ủ rũ, cảm thấy lo sợ như nhìn thấy quỷ. Vợ an ủi nói: “Đây là bệnh của ma thôi.” Thích Sinh nói: “Đoan Nương đã là ma, vậy ma thì sao mà mắc bệnh được?” Vợ nói: “Không phải thế, người chết thì sẽ thành ma, ma chết thì sẽ thành ni. Ma sợ ni, như con người sợ ma vậy.”

“Ma chết sẽ thành ni.” Ma quỷ có thể át người, vậy thì ni cũng có thể át ma, vì thế ni thực sự có thể khiến ma quỷ sợ. Thế là những “thuật sĩ”[4] trong đời trần liên “tấn công phối hợp”, “gây ông đập lưng ông”, giả như gặp phải những chuyện ma quỷ mờ ám liền phát động ý định liên minh tới các ni, mời ni đứng ra trừng trị ma quỷ. Chúng ta đã sớm gặp chiến thuật đó trong phần trích Sưu chân ngọc kính tập ở tập bảy, Ngũ âm tập vận của Kim Hàn Đạo Chiêu, ghi rằng: “Người chết thì thành ma, người gặp ma thì sợ. Ma chết thì thành ni, ma gặp ni thì sợ. Nếu viết chữ “ni” dưới dạng chữ triện, rồi dán lên cửa, tất cả ma quỷ sẽ tránh xa, không dám mon men đến gần.”

[4] Thuật sĩ: một trò chơi ma thuật.

Sưu chân ngọc kính thuộc loại sách viết cho thiếu nhi, chi tiết cụ thể về quyển sách này tôi không được rõ, nhưng Ngũ âm tập vận là sự kết hợp giữa quyển Quảng vận do người thời Đường biên soạn, với quyển Tập vận được biên soạn dưới thời Bắc Tống, vì thế quan niệm về ni cũng có thể xuất hiện muộn nhất vào thời Bắc Tống.

Nhưng vào đời Đường trước đó, cách giải thích về ni lại có chút khác biệt, theo những ghi chép thì chưa sách nào ghi “ma bị chết bởi ni”.

Người thời Đường thích vẽ đầu hổ lên trên cửa nhà, kèm theo là viết một chữ “ni” () lên đó, có tác dụng đuổi tà ma. Nhưng “ni” ở đây là cái gì? Điều này đã làm dậy lên nhiều quan điểm khác nhau. Thứ nhất, trong tập bốn, phần tiếp quyển Tây dương tạp trở của Đoan thành Thức có nói “ni” () là sự ghép chữ của hai chữ “thương” () và “nhĩ” (), nguyên văn như sau:

Tục hỏa vu môn thượng họa hổ đầu, thư “Ni” tự, vị âm đao quỷ danh,, khả tức bì lại dã. Tử độc “cự hán nghi”, thuyết ma trực dịch quỷ, hựu lập đào nhân, vĩ sách, thương nhĩ, hổ đẳng. Ni vi hợp “thương nhĩ” dã.

“Cự hán nghi” nói tới đây không biết cụ thể chỉ nghi lễ nào của người Hán, nhưng đoạn trích dẫn này lại rất giống với Độc đoạn của Thái Ung cuối thời Đông Hán, Độc đoạn viết: “Xích hoàn ngũ cốc, bá sái chi, dĩ trừ tật ương. Dĩ nhĩ lập đào nhân, vĩ sách, dán nha, thần đồ uất lũy dĩ chấp chi.” Rất rõ ràng, ở đây “thương nhĩ” mà Đoan Thành Thức nói đã được viết thành “dán nha”, hình chữ gần giống nhau, trong đó chỉ sai một nét. Nhưng cái sai đó đã không còn quan trọng nữa, bởi chúng đã hợp lại thành “ni”, tạo ra một “âm đao quỷ”.

Từ “âm đao quỷ” chỉ có thể dừng lại ở đây, rất khó nhận được sự đồng tình, bởi có những quyển sách như Quảng bác vật chí đã sửa thành “tỉ đao quỷ”, Uyên giám loại hàm lại dựa vào quan điểm cho rằng tất cả mọi loại binh khí đều có thần linh để sửa “âm đao quỷ” thành “tỉ đao thần” (thực chất có một loại “thần đao”, tên của nó rất cổ quái, gọi là “lột sạch”). Nhưng tôi hoài nghi rằng “âm đao quỷ” cũng có thể là sự

nhằm lẫn của “âm ti quỷ”. Nếu ni là quỷ dưới âm ti, thì nó cũng chính là con quỷ cai quản những ma quỷ khác, và đương nhiên nó chính là nỗi sợ hãi của đám ma quỷ kia rồi. Nhưng có một điểm cần phải nói rõ rằng, những con ma do “thương nhĩ” và “đán nha” bắt được ở đây là ma ôn dịch, ma tà chứ không phải loại ma là linh hồn con người sau khi chết.

Một lý giải khác về “ni” trong Tuyên thất chí của Trương Độc đời Đường:

Phùng Tiệm, người Hà Đông, thi đỗ kỳ thi Minh kinh rồi ra làm quan, sau đó tự bỏ chức. Một đạo sĩ tên Lý Quân, rất giỏi trong việc trừ ma quỷ, người này truyền nghề cho Phùng Tiệm. ữa năm Đại Lịch (đời vua Đường Đại Tông), có người tên Bác Lăng Thôi Công là bạn cùng làm quan với Lý Quân, Lý Quân viết thư gửi tới Thôi Công, nói rằng: “Việc trừ ma quỷ bây giờ không có ai vượt qua được Phùng Tiệm.” Từ đó, tất cả mọi nhân sĩ lúc bấy giờ đều biết Phùng Tiệm có phép thuật thần thông, đến đâu cũng có người nhắc tới tên ông. Sau đó, một dân thường ở Trường An tùy tay viết chữ “Tiệm” lên cửa nhà mình, cũng từ đó, chữ “Tiệm” được dán lên cửa phổ biến như vậy.

Theo cách giải thích này, “Tiệm” là tên gọi của Phùng Tiệm, “nhĩ” chính là những lời tố tụng. “Vô quá Tiệm nhĩ” nghĩa là “trong tất cả những người trừ ma quỷ hiện nay, không ai có thể vượt qua được Phùng Tiệm.” Không ngờ người viết chữ quá cầu thả hoặc người đọc chữ quá qua loa, khiến chữ “Tiệm nhĩ”() bị nhìn nhầm thành chữ “ni”() do hai chữ “Tiệm”() và chữ “nhĩ”() được nối liền nhau. Cách lý giải này tuy khá thú vị, nhưng lại thiếu tính thuyết phục. Nhưng dù là viết nhầm hay nói chữ, những chiến binh diệt ma quỷ vẫn cảm thấy việc dùng một chữ cổ quái chưa từng gặp trong tất cả các sách như vậy, không những vừa có thể dọa được người, mà công hiệu dọa ma quỷ cũng tăng thêm được vài phần. Còn việc “ni” từ chỗ là “ma âm ti” dọa ma quỷ biến thành vật ám ma, tiếp đó trở thành “ma chết biến thành ni”, những tình tiết chuyển đổi trong đó tuy chúng ta không được biết, nhưng sẽ không nhầm nếu cho rằng đó là sự sáng tạo của các chiến binh diệt ma.

Những mảnh đất hoang của “đất nước quạ kêu” cũng đến lúc trở nên đông đúc, khi đó tình hình sẽ ra sao? Cũng không quá nghiêm trọng, bởi chúng ta đã có phép biện chứng như sau: “một cây gậy ngăn một thước, cứ mỗi ngày lại lấy đi một nửa, và làm như vậy, và làm như vậy cây gậy sẽ còn đến vạn đời vạn kiếp.” Người chết sẽ thành ma, ma chết biến thành ni, ni chết lại có thể trở thành một thứ gì đó khác, cứ thế chuyển đổi đến vô cùng vô tận. Nhưng con người thời cổ đại vẫn chưa vô vị đến mức thấy phiền lòng về không gian cư trú của ni, vì thế sự chuyển đổi kia cũng chỉ dừng lại ở sự chuyển hóa sang ni mà thôi.

Nhưng lý thuyết về cái “vô cùng vô tận” ở đây lại để lại một chủ đề thú vị cho người ta chế giễu. Nếu như những thứ sau con người là vô cùng vô tận, vậy những thứ trước con người thì sao đây? Do đó khó tránh khỏi sẽ có người đưa ra câu hỏi rằng: “Con người chết đi thành thì thành ma, vậy con người xuất hiện nhờ sự chết đi của thứ gì? Mà “cái thứ đó” lại do thứ gì chết đi biến thành... Điền Ba nổi tiếng với tài hùng biện tại Tắc Hạ Học Cg (trường học do nhà nước lập ra thời Chiến Quốc) cảnh báo với đệ tử Cầm Hoạt Li rằng: “Bên ngoài thú lớn thú nhỏ đều có, nếu không có việc gì thì đi lg tg bên ngoài ít thôi.” Đó chính là vì ông sợ đệ tử của mình gặp phải những người thích hỏi đến cùng, để rồi mang về trường những câu hỏi cổ quái, móc ngoáy như vậy.

Những kẻ không hiểu biết lại hay thích làm phiền tuy không tìm đến tận nơi mà hỏi, nhưng cũng có những câu hỏi không nên né tránh. Tỉ dụ có người hỏi: “Tuy các người đã nói rằng những linh hồn ma quỷ tồn tại vấn đề giảm dân số tự nhiên, nhưng lại bỏ qua vấn đề tăng dân số tự nhiên của chúng. Lẽ nào nam giới và nữ giới ở thế giới âm phủ đều đã làm phẫu thuật tuyệt dục?” Câu hỏi này được đặt ra hết sức hợp lý, hơn nữa quả thật đã có những tài liệu có uy tín chứng minh rằng, những linh hồn ma quỷ có khả năng sinh dục. Thế giới tự nhiên điển hình nhất có thể bắt gặp trong chương Tương quân của tác phẩm Liêu trai. Người đứng đầu gia đình họ Yên bỗng nhiên chết ở độ tuổi ngoài ba mươi, không lâu sau người vợ cũng đi theo chồng. Hai vợ chồng sống rất hạnh phúc ở nơi âm thế, nhưng họ cảm nhận được sự cô quạnh khi bên mình không có con cái, thế là Yên Lão Đại cưới một cô vợ bé dưới âm phủ, quả nhiên sau đó người vợ bé mang thai, sinh ra được hai người con trai. Đây không phải là ví dụ minh chứng duy nhất, trong bài viết Sự sinh trưởng của quỷ, Chu Tác Nhân cũng đã viết, ông tìm thấy trong chỗ sách cũ của mình có quyển Nhật ký bói toán, tất cả đều là ghi chép những cuộc đối thoại giữa người và ma trên các diễn đàn bói toán, trong đó có một đoạn viết rằng:

Ngày Mười chín, hỏi Hạnh Nhi: “Ông trẻ Thọ Xuân hiện còn hay mất?” Đáp rằng: “Đã mất.” “Mất mấy

năm rồi?” Đáp: “Ba năm.” “Sau khi ông ấy chết có dùng quan tài mai táng không?” Đáp: “Có.” Lúc đó mới bắt đầu biết ma cũng chết. Người xưa gọi ma chết là ni, quả thực là vậy, những kẻ được sinh ra trong thế giới âm ti là do ni đầu thai mà có.

Nói rằng “ma chết biến thành ni” hoàn toàn là một cái gì đó cũ mèm, mà cái mới lạ ở đây chính là “những ma quỷ được sinh ra ở thế giới âm ti là do ni đầu thai mà có.” Những con ma được sinh ra ở thế giới âm ti chính là những đứa con trai quỷ của các cặp nam nữ sinh ra, con ma con đó lại chính là kết quả đầu thai của ni. Hồn ma mở buổi thuyết giảng trên diễn đàn bói toán này nên gọi là một là một thiên tài trong lĩnh vực tuyên truyền. Hồn ma đó có thể giao hòa hai hệ thống ma rất khó đồng hành với nhau này. Ừa “người” và “ma”, hồn ma này đã dùng một mô thức hết sức Trg Quốc, người chết thì thành ma, ma không tiếp tục chuyển kiếp nữa. Ừa “ma” và “ni” lại được sử dụng một mô thức của Tây phương, ma chết biến thành ni, ni lại chuyển thể thành ma. Quả là một sự giao lưu văn hóa hoàn hảo giữa quan niệm Trg Quốc và quan niệm Tây phương. Không chỉ vậy, căn cứ vào quyển Nhật ký diễn đàn bói toán, con người mang thai mười tháng, còn ma chỉ mang thai ba tháng là sinh, ma một năm có thể ở cữ ba bốn lần, hơn nữa chúng còn có khả năng sinh nở vô thời hạn. Thế là phiền phức lại xuất hiện, một đằng là sử dụng lý luận của Trg Quốc không cho phép ma quỷ được đầu thai thành người, một đằng lại sử dụng lý luận của Tây phương để khiến ni chuyển thể sang thế giới ma quỷ. Vậy kết quả là, thế giới loài người và thế giới của ni thắt chặt thế giới âm phủ từ hai phía, và như vậy thế giới âm phủ thực sự có khả năng xảy ra tình trạng bùng nổ dân số.

Nhưng đó cũng chỉ là lo bò trắng răng mà thôi. Thử nghĩ xem, ma sinh con trai đã không cần ni đầu thai chuyển thể, mà nguồn gốc của ni lại là từ thế giới ma, giữa ma và ni luôn có sự cân bằng về mặt số lượng. Cho dù tất cả ma nam ma nữ sinh đẻ không ngừng, thì nguồn tài nguyên của ni vẫn là hữu hạn. Hơn thế, thế giới âm phủ trong quan niệm của người Trg Quốc không phải thế giới đào nguyên (là một thế giới bình đẳng, lý tưởng, ở đó có con người sống đoàn kết, hòa thuận với nhau), mà nó cũng có quan có lại, có chính quyền hq bạo, giống như cuộc sống điển viên của Yên Lão Đại cũng chỉ là không tưởng mà thôi. Hơn nữa, thế giới loài người nếu là một thế giới thái bình thịnh trị, lão bách tính có thể sống cuộc sống no ấm, an nhàn cả đời, thì khi chết đa phần đều đã là những cụ già râu tóc bạc phơ, khi đó, cái “tuổi sinh đẻ” đã sớm qua mất rồi, e rằng đã chẳng thể sinh con được nữa. Nhưng nếu như thế giới loài người là một thế giới hỗn loạn thì sao? Tuy rằng số lượng ma trẻ tăng lên nhanh chóng, nhưng nếu nói theo cách nói của các bậc thánh hiền, chỉ sau khi có cuộc sống no đủ mới có thể nghĩ tới cái dâm dục, cứ tưởng tượng những cặp nam nữ đáng thương nơi âm thế, một năm mới có vài bữa cơm no, thì dù có muốn sinh thêm lũ ma con cũng chỉ lực bất tòng tâm.

27. Chương 11 - Part 1

Chương 11: Không duyên nợ không thành cha c

1

Trước kia, còn nhớ khi nghe vở Kinh kịch Bạch mao nữ của Lý Thiệu Xuân và Đỗ Cận Phương, đoạn Dương Bạch Lao và Hỷ Nhi dẫn Môn thần (thần ch cửa), nói rằng một khi Môn thần đã được dán lên thì “ma lớn ma bé đều không vào được”, mà trg đám ma này có cả “ma đòi nợ”. Hiện nay, ma đòi nợ được liệt vào loại như Hoàng Thế Nhân, Mục Nhân Trí xem ra không còn quá chuẩn xác nữa. Thứ nhất, tội ác của Hoàng Thế Nhân không phải ở việc đòi nợ, mà là ở việc cho vay nặng lãi và bức nợ. Thứ hai, trg dân gi, “ma đòi nợ” còn mg một nghĩa khác.

Những ai còn sống đi lừa gạt hoặc bị mất hết tài sản, sau khi chết họ sẽ trở thành những o hồn tác oai tác quái, hoặc hiện hình, hoặc nhập xác để tìm đến những o gia của mình đòi nợ cũ. Đây đương nhiên là ma

đòi nợ rồi, nhưng chúng lại không phải “ma đòi nợ” mà dân gi vẫn thường gọi. Những người lớn tuổi một chút chắc vẫn còn nhớ, ngày xưa khi đi qua các c ngõ thường nghe thấy các bà các mẹ mắng đứa c nghịch ngợm không nghe lời rằng: “Chắc kiếp trước tao nợ nần gì mà đây!” Ý là kiếp trước bà mẹ đã mắc nợ đứa c đó, để đến kiếp này nó đến đòi nợ bà, vì thế trg những từ ngữ dùng để mắng trẻ c luôn có “ma đòi nợ”.

Hình thức đòi nợ của “ma đòi nợ” có chút đặc biệt, nó không chỉ đầu thai thành c của người chịu nợ, mà còn khiến đứa trẻ phát triển theo chiều hướng tiêu cực, đến một mức độ nào đó đứa trẻ đó sẽ biến thành kẻ lưu manh hoặc thường xuyên ốm đau bệnh tật, mục đích là làm t hơg tiền tài, của cải của bố mẹ chúng, cho đến khi tổng số thiệt hại ngg với khoản nợ trước đó, hoặc để dư lại chút tiền đủ mua qu tài rồi chết.

Như vậy có thể thấy, một câu chữ khác cũng thường xuyên được nghe thấy tại các con ngõ đó là “ma xui xẻo”, từ này rất có thể chỉ cùng một thứ giống như “ma đòi nợ”. Đầu tiên nó phải trở thành c của người mắc nợ, gọi họ biết bao nhiêu tiếng “cha, mẹ”, sau đó mới có thể đòi lại được chút nợ. Chúng cần mất vài năm, thậm chí là mấy chục năm mới có thể thu hồi hết số nợ, hơn nữa phải vừa đòi vừa phá, cho đến khi người ta đã trả hết nợ, chỉ còn hai bàn tay trắng, chúng sẽ vác lên mình cái tiếng bất hiếu hư hỏng đi sg thế giới âm phủ làm ma đói nghèo. Điều này thực sự khiến người ta không thể hiểu nổi, chúng đến nhân gi rớt cuộc là với mục đích gì?

Đương nhiên sự thực không hoàn toàn như vậy, ví dụ có những c ma đòi nợ khi sinh ra là một cậu bé xinh xắn, thông minh, nhh nhẹn, ai gặp cũng yêu, nhưng đến một lúc nào đó, cũng lại ngừng thở, vậy hậu quả đã nằm ngoài so với khoản nợ cần đòi, lại khiến bậc làm cha làm mẹ đau thương bội phần. Thế là Lương Cung Thìn, người đời Thh đã dứt khoát rằng: “Tất cả những người c trai chết yếu đều là do những khoản nợ gây ra!” (Mục Ma đòi nợ, quyển năm, Ghi chép về Bắc Đông Viên - phần bốn.)

Nhưng ma đòi nợ chưa hẳn đều sẽ chết yếu. Sứ mệnh mà ma đòi nợ mg theo đến nhân gi chính là đòi nợ. Tuổi thọ của chúng sẽ căn cứ vào việc đòi xg nợ hoặc gia đình của người mắc nợ đã đi đến bước khuynh gia bại sản. Nếu như gặp phải cặp cha mẹ không biết điều, nhất quyết không chịu để gia cảnh suy sụp theo ý muốn của ma đòi nợ, việc đòi nợ sẽ có đôi chút phức tạp, hoặc phải nói khô cả họng, cầu xin mới đòi được vài đồng bạc lẻ, hoặc phải ăn trộm đồ trg nhà từng chút, từng chút một đem đi bán. Nói chung là rất vất vả, muốn lấy cái chết yếu để nhh chóng hát khúc khải hoàn mà không được. Còn có một loại cha mẹ quyet nợ giỏi hơn, một khi phát hiện đứa c trai của mình có thói quen ăn vụng, ăn trộm, họ liền thẳng tay đánh đập, giả sử đứa con ốm đau, họ không những không mời thầy thuốc, thậm chí còn cho c mình ăn những đồ ăn mà người mắc bệnh không nên ăn. Nếu vậy, hậu quả còn nghiêm trọng hơn, ma đòi nợ có lẽ cũng sẽ chết yếu, nhưng khoản nợ thì vẫn chưa đòi được, làm sao chúng có thể chấp nhận như vậy được. Hơn nữa, món nợ này thực ra không thể bị ăn quyet, những người c trai chết yếu sẽ nhh chóng đầu thai trở lại, hoặc tiếp tục làm c trai của họ, hoặc không nhất thiết phải đầu thai tới một nơi cụ thể nào, chỉ cần chờ cơ duyên thích hợp ắt sẽ thu hồi lại được món nợ đó. (Tham khảo phần Món nợ của c trai Trần Tiểu Bát, quyển mười cuốn, Di kiên t chí tân tập của Hồng Mại thời Nam Tống.)

Có điều nghĩ kỹ lại, ở đây có chút gì đó không đúng cho lắm, khiến chúng ta không thể không nghĩ tới những vụ kiện cáo đòi nợ, hao công tốn sức, lạy lục v xin. Vụ kiện cáo nếu như may mắn giành phần thắng thì số tiền thu lại được có khi chỉ đủ thh toán phí luật sư và phí khai tòa, như vậy há chẳng phải khiến người ta chán nản hay sao? Nhưng đám ma đòi nợ lại không sử dụng hình thức ra tòa kiện cáo như vậy.

Tuy nhiên, những câu chuyện thối nát không rõ ràng này vẫn được c người hứng thú biên soạn và tạo dựng từ hàng nghìn năm nay, có thể coi như một loại hình lớn trg các câu chuyện về ma quỷ, được gọi với cái tên “những kẻ đòi nợ chết yếu”, hoặc “những kẻ đòi nợ ăn hại”. Nhưng không nên cho rằng “nợ” ở đây chỉ là món tiền ược mà không trả, giống như những thứ bị lừa đảo, bị chiếm đoạt, bị bóc lột, bị cướp giật cho

đến những tổn hại về cơ thể, tất cả đều là những khoản đã nợ người khác. Trg cuốn Ghi chép tiếp về những điều ma quái của tác giả Lý Phúc Ngôn đời Đường có phần C gái nhà họ Đẳng được coi là một trg những ghi chép sớm nhất về loại hình này.

Giữa năm Nguyên Hòa, Vương L - một thương nhân buôn trà đến Hàn Thành làm ăn. Tại đây Vương Lan đã thuê phòng của Lâm Như Tân trg một thời gi khá dài, công việc làm ăn của Vương L khá thuận lợi nên cũng kiếm được một chút tiền. Đúng năm đó Vương L lâm bệnh, Lâm Như Tân thấy ông ta ở Hàn Thành không có bà c thân thích, liền ra tay giết hại, cướp lấy toàn bộ khoản gia tài lên đến hàng vạn qu tiền. Cũng trg năm đó, gia đình Lâm Như Tân sinh được một đứa c trai, trông rất thông minh, khẩu khinh, đặt tên là Ngọc Đồng. Nhưng mỗi ngày, “tiền ăn tiền mặc” dành c đứa c lên đến cả nén vàng. Lớn hơn một chút, đứa c ăn chơi phung phí, đam mê ca lâu tửu quán. Mãi đến khi gia sản, vốn liếng của bố mẹ tiêu t, cả gia đình phải sống cùng với những khoản nợ chồng chất, lúc này Ngọc Đồng mới lần ra chết một cách đột ngột. Đương nhiên, tiền kiếp của Ngọc Đồng chính là Vương L. Hóa ra sau khi chết, Vương L đã tố cáo hành vi của Lâm Như Tân lên Thượng Đế, Thượng Đế phê chuẩn cáo trạng, hỏi Vương L định báo thù thế nào, Vương L đáp: “C muốn đầu thai thành c của hấn để phá hấn.” Đến khi gia cảnh nhà Lâm Như Tân suy kiệt gần như trắng tay thì Ngọc Đồng liền rời bỏ trần gi. Nhưng sau này tính toán lại, khoản nợ đó vẫn còn một phần lẻ chưa đòi hết, chủ nợ muốn rộng lượng không đòi nữa cũng không được. Thế là, Ngọc Đồng lại chuyển thể thành c gái của gia đình họ Đẳng, được gả về làm c dâu nhà họ Lâm. Chi phí cho lễ ăn hỏi vừa đủ trả hết số nợ còn lại. Khoản nợ đã được trả xg (nhưng số tiền vừa đã dùng để nuôi dưỡng đứa c gái của nhà họ Đẳng không biết phải tính như thế nào), cô c gái nhà họ Đẳng liền “bay hơi” một cách khó hiểu. Bỏ ra khoảng thời gi hơn hai mươi năm, cuối cùng Vương L cũng đã đòi được khoản nợ của mình. Ở đây, Vương L thực sự chỉ đòi tiền chứ không đòi mạng, một khi đã đòi nợ thì một đồng cũng không bỏ sót. Còn việc trả mạng, trg nội dung không những không nhắc tới mà ngược lại, còn bổ sung thêm cho nhà họ Lâm hai mạng sống. Dẫu rằng tất cả đều là sự sắp đặt của Thiên đế, mà đương nhiên Thiên đế luôn luôn đúng, nhưng nếu nhìn nhận theo cách nhìn của người trần mắt thịt không hiểu đại nghĩa như chúng ta, thì Vương L quả là một c ma ngốc nghếch.

Thế là những câu chuyện sau đó đã sửa đổi lại điểm này, nợ mạng và nợ tiền đều phải được vạch định rõ ràng như nhau, thậm chí có lúc, tuy chỉ nợ tiền nhưng khi đòi nợ lại đòi cả phần tiền tổn thất lẫn những bù đắp về tinh thần, và đã có không ít những vụ đòi nợ xảy ra kèm theo những thiệt hại về tính mạng. Đoạn C trai nhà họ Liễu trg Liễu trai chí dị có ghi, c trai nhà họ Liễu làm tan hog toàn bộ tài sản của cha, sau đó lần ra ốm rồi qua đời. Không cần nói cũng biết người cha đau đớn tột cùng trước sự ra đi của đứa c. Sau này, một người hàng xóm của ông lên núi Thái Sơn thấp nhg, ở đó người này đã gặp c trai nhà họ Liễu. Mặc dù biết đó là hồn ma, nhưng người hàng xóm vẫn nhắc tới việc người cha đg vô cùng thương nhớ c trai. Người c trai nghe vậy bèn đáp: “Cha tôi còn thương nhớ đến tôi, vậy phiền ông nhắn với cha tôi rằng, ngày mừng Bẩy tháng Tư, hãy lên đây đợi tôi.” Ông Liễu lên núi Thái Sơn như đã hẹn, nhưng khi đến nơi, người bạn cùng đi với ông cảm thấy xung quh như có gì đó không bình thường, bèn bảo ông Liễu giấu mình trg chiếc hòm xem tình hình thế nào rồi hãy xuất hiện. Và rồi xuất hiện cảnh tượng sau:

Người c trai xuất hiện, hỏi: “Ông Liễu có đến không?” Người hàng xóm đáp: “Không.” Người c trai tỏ vẻ vô cùng tức giận, mắng: “Quả nhiên lão súc sinh đó đã không đến!” Người hàng xóm ngạc nhiên nói: “Sao cậu lại mắng cha mình như vậy?” Người c trai trả lời: “Hắn chẳng phải cha của ta gì hết! Trước kia hắn là bạn ở cùng quán trọ với ta, nhưng không ngờ hắn âm mưu xảo quyệt, giết ta rồi cướp hết tài sản, không chịu trả lại. Hôm nay ra đã thực hiện được tâm nguyện, đã được hả lòng, ta làm gì có người cha như vậy!” Nói xg, người c trai tiếp: “Như vậy là quá dễ dàng cho hấn!”

“Tất cả những người c trai chết yếu đều là do những khoản nợ gây ra!” Lời nhận định này của Lương Cung Thìn có vẻ quá chắc chắn, bởi nếu chiếu theo quy luật đó, những người cha mất c đều là những kẻ tội đồ đi hãm hại người khác sao? Hiển nhiên ở đây có sự khác biệt rất lớn so với thực tế, hơn nữa nhận định đó cực kỳ không đúng đắn. Tất nhiên, Lương Cung Thìn không phải người lỗ mãng như vậy, nhận định của ông xuất phát từ một tiền đề lớn, nếu không phải nợ ở kiếp này, chắc chắn là do nợ từ kiếp trước. Độ lớn của tiền đề này vượt ra khỏi cả lòng bàn tay của Phật Như Lai, như vậy dù h có chối trăm lần, cũng chẳng thể thoát khỏi cái vòng luân quần đó.

Trước khi đưa ra lời nhận định đó, Lương Cung Thìn có kể một câu chuyện về “ma đòi nợ”. Câu chuyện đó được trích mượn từ Lý viên tòng thoại của Tiền Vịnh, nội dung câu chuyện tựa như một lời dự báo. C trai một thầy giáo dạy trường tư ở Thường Châu, chừng mười lăm, mười sáu tuổi, bỗng nhiên lâm bệnh nặng, lúc sắp chết, nó một mực kêu tên người cha, nói rằng: “Kiếp trước ngươi hợp sức làm ăn cùng ta, có nợ của ta hơn hai trăm qu tiền. Tính đến nay ngươi phải trả cho ta năm nghìn ba trăm quan, mau trả lại cho ra, trả hết ngay lập tức.” Nói xong, đứa c trai trút hơi thở cuối cùng. Người cha lập tức dùng năm nghìn ba trăm qu tiền làm ma cho đứa c trai. Nhưng người thầy dạy trường tư này từ trước đến nay ăn ở rất tử tế, chưa bao giờ làm chuyện lừa gạt người khác mà lại sinh ra đứa c trai đến đòi nợ chết yếu, có ai không thấy kinh hãi trước sự thật này? Hơn nữa, người chết yếu của kiếp trước cũng đâu phải tất cả đều là những cậu thiếu gia chết trên giường bệnh, trg đó hoặc có những cậu bé không cẩn thận chui vào gầm của những chiếc xe bốn bánh sang trọng, hoặc có những thh niên lỗ mãng nên phải chịu phát súng, nhát dao của quân thổ phỉ. Những người vô tình chết yếu này không giống hành động đi đòi nợ cho lắm. Nhưng một khi khoản nợ cũ mà bậc ông cha đi trước để lại được lời vào, thì dù là những khoản nợ ba hào, năm hào hay tám hào cũng đều được hồn ma của người đoản mệnh kia tìm đòi cho bằng được.

Vì thế trg những câu chuyện về ma đòi nợ, đa phần đều là những khoản nợ báo thù xuyên thế kỷ.

Từ thời nhà Đường đến nay, hàng loạt những câu chuyện về ma đòi nợ được người đời biên soạn với số lượng không thể thống kê hết. Tuy ở mỗi câu chuyện người ta đều cố sáng tạo ra những hình thức kể chuyện khác biệt, nhưng tình tiết luôn tựa tựa như nhau, nếu muốn tìm được một đại diện điển hình của ma đòi nợ sẽ khó tránh khỏi tình trạng được cái này, mất cái kia, thôi thì Vương Nhị hay kẻ bán dưa cũng được lựa chọn làm nhân vật chính.

Giết người cướp của chính là kẻ ác độc nhất trg “các món nợ”. Còn những quốc gia đi xâm lược, những vị vua tội hoặc thần dân giết người lại chính là những vụ giết người cướp của lớn nhất. Và đương nhiên, tất cả những hành vi đó đều lấy dh nghĩa “trừng phạt kẻ có tội”, “thuận theo ý trời”, nhưng đâu đâu cũng thấy giết người, bắt c cái nhà giàu tống tiền, phá hoại các di tích văn vật, những trường hợp này sao có thể dễ dàng cho qua? Dựa theo thuyết quả báo có vay có trả, thì tất cả những người dân thường bị hại đều là những chủ nợ, nhưng hàng ngàn, hàng vạn chủ nợ này sẽ được đầu thai chuyển thế thành những bậc đế vương, vậy thì Đường Thái Tông và Tống Thái Tổ muốn cưới một bà vợ xem chừng cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Thế nên một biện pháp khác được nghĩ ra, thứ nhất, o có đầu nợ có chủ, ai giết h thì h tìm đến người đó, như vậy món nợ máu của các bậc h vương khai quốc sẽ được các binh sĩ s s. Một cách khác - do tội tự suy đoán thôi, đó là do một trùm chủ nợ sẽ làm người đại diện đi đòi nợ. Trùm chủ nợ này chính là vị hoàng đế bị cướp bị giết của vương triều trước. Bởi ông ta đại diện cho cả một đất nước đi đòi nợ, vì thế cũng không có gì quá đáng khi gọi ông ta là tên ma đòi nợ vĩ đại nhất. Còn thủ đoạn đòi nợ mà tên ma đòi nợ này áp dụng chính là đầu thai làm c trai của đương kim hoàng thượng, sau đó sẽ khiến cho vương tộc dần suy tàn. Hãy cùng theo dõi ví dụ điển hình nhất dưới đây.

Đại binh Đại Tổng hành quân xuống Gig Nam, Tào Bân “bắt vọng sát bắt nhân”, ý của câu này hiểu thành “Tào Bân ngông cuồng sát hại không chỉ một người”, Kim Lăng có núi Nhạc Quan, chính do xác của những nghệ sĩ thời Nam Đường chồng chất lên nhau mà thành. Tào Hán đánh phá Giang Châu, người dân trg

thành bị hấn giết sạch không còn một ai. Rốt cuộc nước Nam Đường đã chết bao nhiêu người? Tổng số có lẽ cũng phải trên một trăm nghìn người. Sau đó, c sông Đại Vận tựa như một chiếc băng chuyền, không ngừng đem tất cả của cải, tài nguyên của Gig Nam chuyển về Biện Lương. Số của cải, gấm vóc chỉ riêng một mình Tào Hán cướp bóc đủ để chứa đầy cả một c thuyền lớn, vậy thì khỏi cần phải nói khoản thu hoạch mà triều đình có được nhiều đến mức nào. Lúc này, vị tiểu hoàng đế của Nam Đường là Lý Dục được đưa về Biện Nam như một chiến lợi phẩm, được phg làm “Vi mệnh hầu” và bị giam lỏng ở đó. Đến triều đại vua Thái Tông, người phụ nữ thân cận cuối cùng của Lý Dục là Tiểu Chu Hậu cũng thường xuyên bị triệu vào cung, nói theo cách của Lưu Sa Hà, Tiểu Chu Hậu được đưa vào cung cho hoàng đế Thái Tông cưỡng dâm. Người đẹp không thuận theo, bèn bị các cung nữ trg cung giữ chặt để tên hoàng đế thực hiện hành vi đồi bại, nhưng ai ngờ, những cung nữ này rất có thể chính là đám người trước đây Lý Dục đã từng gạt nước mắt khi phải chia ly. Dù tính tình có dễ dãi đến mức nào đi chăng nữa, nhưng khi nhìn thấy lũ bất nhân làm những điều như vậy, Lý Dục cũng cảm thấy không cam lòng. Nhưng ông không biết làm gì hơn, chỉ biết th thảm “Ta rất tiếc!”, rồi uống thuốc độc tự vẫn. Lý Dục chết trg tư thế vô cùng thảm thương, nghe nói sau khi uống thuốc độc, toàn thân ông co rút, cuối cùng chết trg tư thế co quắp giống hệt một c vịt quay Đức Châu (Hồ Bắc). Món nợ thù nước hận nhà này đương nhiên phải đòi lại. Thế là Lý Dục đầu thai làm cháu đích tôn mấy đời của Tống Thái Tông, b đầu được phg làm Đo Vương, sau này trở thành hoàng đế Đạo Quân. Tên thật của hoàng đế Đạo Quân là Triệu Cát, lịch sử biết đến với cái tên Tống Huy Tông (tìm đọc Dưỡng kha mạn bút - Tẩn bút dưỡng bệnh của Triệu Tấn thời Nam Tống).

Lý Hậu Chúa đã chuyển thể thành hoàng đế của triều Tống, gia nghiệp kếp xù đã nằm trg tay mình, chẳng phải khoản nợ này đã đòi lại được rồi hay sao? Nhưng Lý Hậu Chúa lại không đòi nợ bằng cách đó.

Vị trùm chủ nợ này sử dụng phương thức “phá hoại gia đình”. Dưới sự hỗ trợ của sáu kẻ gi thần, rất vất vả mới khiến vương triều nhà Tống suy vg. Vẫn chưa hết, Tống Huy Tông còn để mình trở thành tù binh của tộc người Mãn. Tất cả các vương phi cho đến tam cung lục viện của ông đều trở thành kỹ nữ cho tộc người Tắc-ta (một tộc người Mông Cổ), khoảng gần hai mươi người c gái ruột của ông cũng nằm trg số đó, hơn nữa, đa số đều bị giẫm đạp cho đến chết, lúc này ông mới trút hơi thở cuối cùng, món nợ coi như đã được trả xg. Có người chế nhạo rằng, một ông già nợ nổi cơn giận dữ đánh đập cháu đích tôn của mình, người c trai của ông thấy vậy liền ra sức tự vả vào miệng mình. Ông già thấy thế thì sợ hãi hỏi nguyên do, h c trai đáp: “Thầy đã đánh c trai của c, thì c cũng đánh c trai của thầy.” Người đời sau có nhiều qu điểm khác nhau về h c trai, đa phần đều cho rằng h ta ngốc nghếch, nhưng cũng có người có cách lý giải mới hơn, cho rằng h c trai là người sáng suốt, rồi viết tiếp vào câu chuyện đó đoạn kết tốt đẹp là, ông già nghe c mình nói vậy, cảm thấy mình vô cùng có lỗi. Vậy cách đòi nợ khác biệt của Triệu Cát chính là lấy mình làm gương, mục đích nhằm răn dạy người đời.

Nói một cách nghiêm túc, việc Lý Hậu Chúa chuyển thể đến đòi nợ là nhằm mục đích phục thù. Trg lịch sử đã xuất hiện không ít những bậc quân vương chuyển thể báo thù, bắt đầu từ thời Nam Triều, Tề Đông Hôn Hầu chuyển thể thành Hầu Cảnh đến tìm Lương Vũ Đế phục thù, cho đến Diệp Héc La Na Thị đến gieo họa hủy diệt nhà Thh. Chỉ lấy thời nhà Tống làm ví dụ, đã có Triệu Đình Mỹ (em trai của Tống Thái Tổ, Tống Thái Tông, bị Triệu Qug Nghĩa giết hại) chuyển thể thành Vương An Thạch, tiến hành sửa đổi pháp chế khiến giang sơn triều Tống trở nên bại hoại. Tống Thái Tổ chuyển thể thành Hán Li Bất - Nguyên soái nước Kim (tức nhị thái tử Tông Vọng), Tịnh Khg Giác đánh phá Biện Kinh, giết gần như toàn bộ c cháu của Tống Thái Tông. Lại có Ngô Việt Vương Tiên Lưu chuyển thể thành Khg Vương Triệu Cấu, đòi lại căn nhà cũ góc đông nam, sau đó lên làm tiểu hoàng đế của Phiến An. Còn có Chu Thế Tông chuyển thể thành Bá Nh - nguyên soái Mông Cổ, nuốt trọn toàn bộ nửa gig sơn còn lại của nhà Tống, đồng thời ra tay giết hết c cháu của Tống Thái Tông (tìm đọc Tống bề loại sao, Hồ hải tân văn di kiên tục chí, Tiên đường di sự). Nhưng nếu dùng phương thức “chịu hai lần khổ, gánh hai lần tội” giống như của Lý Hậu Chúa để thực hiện đại nghiệp phục thù thì quả là hiếm gặp. Nếu như thường dân trăm họ thời Nam Đường cùng theo Lão Đông Da chuyển thể về đòi nợ thì tình hình lúc đó sẽ đáng thương đến nhường nào. Khi bậc quân vương gây nên oan nghiệp khiến người dân phải chịu khổ, khi nhị đế “cầm quân về hướng bắc” thì nổi thống khổ của người dân lại tăng lên bội phần.

Nhưng dù sao tất cả những điều này đều chưa giúp c người chúng ta hiểu ra được bản chất của vấn đề. Lý Hậu Chúa vốn muốn báo thù Tống Thái Tổ, Tống Thái Tông nên mới chuyển thế thành Tống Huy Tông, nhưng kết quả lại để cho hậu thân của Tống Thái Tông là Niêm Hiếm bốn cột một lần, điểm này là ai báo thù ai đây? Nếu nói cái mà Lý Hậu Chúa muốn báo thù là vương triều nhà Tống, nhưng bản thân c trai của ông là Triệu Cấu lại chính là Ngô Việt Vương chuyển thế, vậy thì ai biết được những đời vua tiếp sau Tống Thái Tông của vương triều Tống do ai chuyển thế? Tư tưởng báo ứng của người Trung Quốc và thuyết luân hồi của phương Tây có chút khác biệt. Thuyết luân hồi là các linh hồn tự mình chuyển thế, tạo phúc hay gây họa là việc của bản thân mỗi người, tư tưởng báo ứng của Trung Quốc lại đem ân oán trút lên c cháu, c cái phải trả món nợ của cha, việc tích đức tích thiện lại để dành cho thế hệ sau thế hệ c cái. Ta sử dụng một cách ví v đơn giản rằng, quyển sổ tiết kiệm của Trung Quốc là dành cho c cháu đg sống ở hiện tại hưởng thụ, còn quyển sổ tiết kiệm của nhà Phật dùng để chuẩn bị cho thế hệ sau của chính mình. Tội ác do Thái Tổ, Thái Tông gây ra, nên để cho c cháu của ông ta bồi hoàn, đó chính là phép báo ứng kiểu Trung Quốc, còn Lý Hậu Chúa chuyển thế đòi nợ phục thù lại là phép báo ứng kiểu Tây phương. Nếu cả hai cứ làm theo điều mình cho là đúng, thì cũng chẳng có gì phải bàn cãi, nhưng một khi cả hai hỗn trộn với nhau thì kết quả sẽ là một mô thức hỗn độn mà không ai có thể hiểu được. Vì thực hiện mục đích khiến con cháu nhà họ Triệu làm nô lệ mất nước, từ đó mất hết thanh dh nhà họ Triệu, Lý Hậu Chúa sẵn sàng làm Tống Huy Tông. Nhưng Tống Huy Tông có biết sứ mệnh nặng nề đó của mình không? Khi ông khoác lên lớp da cừu sống ngồi xe trượt tuyết (giả định như vậy), khởi hành về phía thành Ngũ Quốc lạnh giá trg băng tuyết, dù ông không nghĩ đến thiên hạ bách tính, nhưng có lẽ ông cũng sẽ nghĩ tới bao nhiêu vương phi, cung nữ và cả những cô c gái của mình, từng người, từng người bị hãm hiếp đến chết, liệu cái khoái cảm thành công của ông có còn hay không? Tôi nghĩ nếu khi đó thần kinh Tống Huy Tông vẫn bình thường, có lẽ cái mà ông ta nghĩ tới là: “Kiếp trước mình đã tạo ra nghiệp gì. Đã nợ nần ai đây?” Cũng với lý lẽ đó, Triệu Qug Nghĩa ngay cả đứa c trai của mình (đương nhiên cũng bao gồm cả cha ruột của ông) là do loài dã chủng nào chuyển thế thành cũng không biết, thì còn nói gì đến c cháu tám đời, mười đời sau, còn nói gì đến bộ mặt của triều Tống, đến sự thịnh suy của gig sơn?

28. Chương 11 - Part 2

Đừng cho rằng những câu chuyện không rõ ràng này chỉ là do ngu dân chúng ta bịa đặt ra, mà ngay cả những người thuộc bậc tiên sinh đọc đầy bụng sách cũng chỉ có thể đạt đến trình độ đó mà thôi. Trong tác phẩm Duyệt vi thảo đường bút ký - Loan Dương tiêu hạ lục, quyển một, Kỷ Hiểu Lam đã viết về một con ma đòi nợ cao tay hơn cả Tống Huy Tông.

Đây là câu chuyện xảy ra ở huyện Hiến tỉnh Hà Bắc - quê của Kỷ học sĩ. Một tên thiếu gia họ Hồ thích cô con gái của Trương Nguyệt Bình - một nhà nho có tuổi, đòi cưới về làm thiếp. Trương Nguyệt Bình không đồng ý. Nhân lúc hai mẹ con nhà họ Trương về quê mẹ, tên họ Hồ liền sai người châm lửa thiêu chết Trương Nguyệt Bình và ba người con trai của ông. Sau đó tên họ Hồ lại giả làm người tốt lo việc tang lễ, cư mang hai mẹ con nhà họ Trương. Vài hôm sau, hần tìm gặp bà Trương, tiết lộ ý định muốn cưới con bà làm thiếp. Cảm kích trước ân huệ của hần đối với gia đình mình, bà Trương bèn đồng ý gả con gái cho hần, nhưng cô con gái nhất quyết không nghe. Và rồi đêm hôm đó, cô con gái nằm mơ gặp cha mình: “Nếu con không gả cho hần thì cha làm sao thực hiện được tâm nguyện của mình? Làm sao cha có thể nhắm mắt xuôi tay nơi chín suối?” Thế là cô con gái họ Trương trở thành thiếp của nhà họ Hồ. Một năm sau, cô sinh hạ một bé

traí tên Hồ Duy Hoa. Hồ Duy Hoa chính là Trương Nguyệt Bình đầu thai. Khi lớn lên, Hồ Duy Hoa theo tà giáo, chuẩn bị tạo phản, kết quả bị quan phủ phát hiện, dẫn một đội quan quân đến bao vây nhà họ Hồ, quan quân phóng hỏa tấn công, toàn bộ già, trẻ, gái, trai trong nhà đều bị thiêu chết. Hồ Duy Hoa đương nhiên cũng nằm trong số đó. Như vậy, Trương Nguyệt Bình đã hoàn thành được tâm nguyện báo thù của mình, tiêu diệt toàn bộ nhà họ Hồ.

Những câu chuyện hư cấu này nếu truyền ra khỏi lãnh thổ Trung Quốc, có lẽ sẽ khiến đám người ngoại quốc cười sằng sặc, nào là “nổi nhục Tịnh Khang”, “mối hận dân tộc”... chẳng qua là bọn họ tự đòi nợ chính mình mà thôi. Tất cả đều là định mệnh. Hận quốc thù nhà cứ như vậy được giải quyết một cách nhẹ nhàng!

3

Nếu như mỗi câu chuyện chỉ là sự hư cấu ly kỳ, hoang đường, thì dù tốt xấu thế nào cũng có thể lừa gạt được một số người. Nhưng nếu làm cho nó trở nên “không rõ ràng”, e rằng đến ngay cả thẳng ngốc cũng chẳng thể lừa nổi. Thử nghĩ, giả sử bạn muốn mượn bạn mình một trăm nghìn tệ, bạn nói, kiếp này tôi không trả anh thì kiếp sau tôi xin làm con trai anh, khi sinh ra đã mắc bệnh tim bẩm sinh kèm theo chứng bại liệt trẻ em, nếu cảm thấy chưa đủ, vậy thì lớn lên nó sẽ trở thành một tên lưu manh. Cho dù người bạn đó đã từng “tình cảm vào sinh ra tử” với bạn, thậm chí tính tình còn rất thoải mái xuề xòa, nhưng e rằng khi nghe bạn nói như vậy anh ta sẽ không bao giờ đem tiền cho bạn vay. Vì thế, nếu cho rằng người ta bịa đặt những câu chuyện như vậy chỉ để trừng phạt cảnh cáo những tên quỵt nợ, vậy chẳng phải đã đánh giá quá thấp trí tuệ của người xưa hay sao? Chúng ta hãy nhìn nhận những câu chuyện về ma đòi nợ theo góc độ khác.

Trong quyển sáu cuốn Di kiên chí chí quý tập của Hồng Mai thời Nam Tống có câu chuyện như sau, Y Đại Lang ở vùng Tú Châu sinh hạ được một cậu con trai. Khi lớn lên trở thành đứa con bất hiếu, ăn chơi trác táng, phung phí tiền của, cuối cùng lăn ra chết. Y Đại Lang vô cùng đau đớn, người ta khuyên ông lên đền Phúc Sơn Nhạc Thần tế lễ, nói rằng lên đó tế lễ có thể nhìn thấy vong hồn của con trai. Ai ngờ, sau khi đến đó, vong hồn của đứa con trai quả nhiên xuất hiện, nhất nhất túm lấy Y Đại Lang, không chịu buông tay, vong hồn đứa con trai quay lại nói với mẹ nó rằng: “Việc này không liên quan đến mẹ. Kiếp trước ta là huyện ủy của một vùng, một lần có thuê thuyền qua sông, Đại Y là người lái thuyền, thuyền bơi đến giữa dòng hấn đẩy ta xuống, cướp số tiền mà ta mang theo. Nay ta quay lại đòi mạng!” Người mẹ khóc lóc nói rằng: “Cha mẹ nuôi con hai mươi năm, dồn tất cả mọi tâm sức để nuôi con nên người. Tiền của trong nhà đều bị con phung phí hết, chẳng lẽ như vậy còn chưa đủ hay sao?” Vong hồn kia đáp: “Tiền đã trả hết, nhưng hấn vẫn nợ ta một mạng người.” Kết cục Y Đại Lang bị vong hồn bắt đi, sự việc được giải quyết.

Nhưng ở đây, ngoài bị đòi nợ ra, câu chuyện còn liên quan đến vấn đề tình thân thời bấy giờ. Y Đại Lang có tội phải chịu tội, nhưng người mẹ không nợ đứa con điều gì, vậy công ơn nuôi dưỡng vất vả của bà dành cho đứa con thì sao? Khi đòi nợ kì kèo từng đồng, nhưng cũng không thể bỏ qua tình cảm và những gì “người khác” (bây giờ không gọi là mẹ nữa, mà gọi là vợ của người mang nợ) đã hy sinh ỉn. Chỉ một câu “việc này không liên quan đến mẹ!” cũng đủ để xóa bỏ tất cả những tình cảm đó chẳng? Vậy thì có phải việc đòi nợ này lại biến thành một món nợ khác? Chi tiết này rất ít khi được những người theo chủ nghĩa nhân quả lưu tâm, và trên thực tế chính họ đã cố tình né tránh nó, thậm chí có kẻ còn quy cả bà mẹ vào danh sách kẻ thù. (Câu chuyện Bà Đới thấy con chết trong quyển bốn tác phẩm Canh ký biên của Lục Xán sống vào đời nhà Thanh, thực chất là bản gốc của câu chuyện Con trai nhà họ Liễu trong Liêu trai, chỉ có điều trong câu chuyện trước, khi đi gặp hồn ma của người con trai đã chết, người mẹ suýt nữa mất đi mạng sống của mình, là người mẹ đi gặp chứ không phải người cha.) Đọc nhiều câu chuyện như vậy nhưng tôi chỉ nhớ câu chuyện về “ma đòi nợ được Thanh Dục, đời Thanh kể trong quyển một, tác phẩm Dục Quỳnh Bại biên,

sau khi việc đòi nợ đã hoàn tất, con ma đòi nợ mới nói một câu: “Công ơn của mẹ kiếp này con chưa trả được, xin hẹn đến kiếp sau đền đáp.” Tuy cái “kiếp sau” ở đây rất mong manh, nhưng đọc đến câu này, ai cũng thấu được chút tình thương ấm áp vốn có trong xã hội loài người.

Những câu chuyện này luôn né tránh nhắc tới công ơn dưỡng dục của người mẹ là có căn nguyên của nó. Bởi chúng vẫn ẩn giấu một “chủ đề thứ hai”, tức dùng thuyết quả báo để chữa lành nỗi đau mất con. Đứa con trai đã trở thành chủ nợ, vậy thì nó chết thì cứ chết, chẳng can hệ gì tới tôi. Khá điển hình là câu chuyện Tứ thập thiên trong Liêu trai chí dị. Nội dung câu chuyện như thế nào, chúng ta đều đã biết quá rõ: “Một người giàu có bỗng nằm mơ thấy có người xông vào nhà, quát: “Người nợ ta bốn mươi quan tiền, nay đến lúc phải trả rồi.” Nói xong người đó đi thẳng vào phòng ngủ. Ông ta sợ hãi bừng tỉnh, đúng lúc này, vợ ông sinh được một cậu con trai. Người này lập tức đoán ra đứa con trai là “nghiệt truyền kiếp”, gã bèn đem bốn mươi quan tiền cắt vào trong một căn phòng riêng, tất cả mọi chi tiêu ăn mặc, thuốc thang của đứa bé đều được lấy từ khoản tiền đó. Năm đứa bé ba, bốn tuổi, thấy số tiền đó chỉ còn bảy trăm đồng, gã bèn nói với đứa con: “Bốn mươi quan tiền đã gần hết rồi, người cũng nên đi rồi chứ!” Vừa nói xong, khuôn mặt đứa con liền biến sắc, mắt trợn ngược, cổ gầy gập, rồi tắt thở trong nháy mắt. Số tiền bảy trăm đồng còn lại được dùng lo chi phí mai táng, khoản nợ thực sự đã được trả hết!

Cái gọi là “nghiệt truyền kiếp” không phải là món nợ người đó nợ ở kiếp này, mà là món nợ nghiệp chướng từ kiếp trước để lại. Người giàu có nợ thật sáng suốt, ông biết bản thân mình ở kiếp trước đây đã quỵt nợ người ta, nên ông không hề tranh luận gì, đứa con do vợ ông sinh ra là chủ nợ, vì thế ông càng không cần thiết phải tự dày vò mình có nên nhận cha con hay không. Sáng suốt thì sáng suốt, nhưng xem chừng ông ta cũng quá lãnh đạm chẳng? Nhưng những câu chuyện thuộc thể loại này lại cần cái lãnh đạm như vậy, lãnh đạm đến mức khiến những người làm cha mẹ khi mất con mà như trút được một gánh nặng, như gột đi được một cái nhọt, như tiền được một chủ nợ bấy lâu cứ ở nhà mình không đi!

Nói một cách công bằng, trên thế gian, chẳng có bậc cha mẹ nào lại coi đứa con mình dứt ruột sinh ra rồi nuôi khôn lớn là món nợ kiếp trước của mình, dù miệng có mắng chúng là “ma đòi nợ” thì trong lòng bố mẹ vẫn chỉ có tình yêu thương dành cho con. Nhưng nếu trong nhà có đứa con mang căn bệnh suốt đời không chữa khỏi, luôn bị bệnh tật dày vò, đau đớn, gia cảnh vì thế mà lâm vào tình cảnh khốn cùng, hoặc trong nhà có tên nghiệt tử, không chỉ bất hiếu với bố mẹ, mà nó còn là một mối đe dọa xã hội, thì sự ra đi của nó chưa chắc đã không khiến bậc làm cha làm mẹ cảm thấy mình như được giải thoát. Những nam giới chết yểu chưa chắc đều là những người bệnh tật hoặc phá gia chi tử, nỗi đau mất con của bậc làm cha làm mẹ vốn rất khó người ngoài, nỗi đau đó cứ dày vò tâm can, miệng than kêu khóc, và rất có thể khiến sức khỏe suy kiệt tới mức đe dọa đến tính mạng. Nhưng đây hoàn toàn là những điều vô bổ, vì thế, những câu chuyện “ma đòi nợ” cứ xuất hiện với số lượng lớn, sử dụng quan hệ nợ nần hư cấu để “vô tình hóa” quan hệ cha con, cái “vô tình” ở đây chính là từ có tình biến thành “vô tình”, dựa theo ý đồ đó, tác giả của những câu chuyện muốn an ủi, giải tỏa nỗi đau buồn của cha mẹ. Nhưng chúng ta cũng có thể nhận thấy, đằng sau những cái vô tình đó vẫn là những cái hữu tình sâu sắc khó có thể hóa giải.

“Y Viên đàm dị - Nói về những chuyện ma quái ở Y Viên” xây dựng câu chuyện “Tứ thập thiên” còn tàn nhẫn hơn rất nhiều. Nhà họ Trần sinh hạ được một cậu con trai, ông biết đứa con trai là do chủ nợ đầu thai tới đòi nợ, bèn ôm lấy đứa bé, nói: “Hồi tên họ Triệu, nếu người đã đến đòi nợ, thì từ nay một xu, một hào chi tiêu cho người ta đều ghi vào sổ, đến khi đủ hai trăm lượng thì thôi. Người thấy thế nào?” Quả nhiên đứa bé sơ sinh nghe vậy liền gật đầu hiểu ý. Ông Trần làm đúng như vậy, từng đồng, từng hào chi tiêu cho đứa con trai ông đều ghi chép lại cẩn thận. Nhiều năm sau, đứa con trai đã lên bảy, đang chơi đùa ngoài sân, lúc này ông Trần bước tới trước mặt nó, nói: “Người đừng chơi nữa. Vừa rồi ta đã tính toán sổ sách cho người, số tiền hai trăm lượng đã được dùng hết, còn dư một nghìn đồng, đủ để lo liệu nốt cho người, người có thể đi được rồi.” Đứa bé nghe vậy không nói lời nào, nó trừng mắt nhìn ông Trần, và một lúc sau, nó thét lớn một tiếng rồi chết. Những câu chuyện thuộc loại này không ngừng được lặp lại, nhưng chúng lại không muốn sử dụng một tình tiết đơn giản nhất là đã biết đứa con là chủ nợ đến đòi khoản tiền hai trăm

lượng, vậy sao không bóp cổ cho nó chết đi, rồi dùng hai trăm lượng đó mua một chiếc quan tài cao cấp, vậy có phải giảm được bao nhiêu việc không?

Tuy nhiên, sự giằng xé trong mối quan hệ cha con không chỉ dừng lại ở đó.

4

Sau khi viết xong Tứ thập thiên, tác giả Liễu Tuyền đặc biệt viết thêm một đoạn như sau:

Xưa kia có người đến tuổi gần đất xa trời mà vẫn không sinh được một mống con trai, họ đi hỏi tất cả các bậc cao tăng, cao tăng nói rằng: “Người không nợ ai điều gì, và người khác cũng không nợ người, vậy người làm sao mà có con trai được?” Sinh được con ngoan, ấy là do cái số được báo đáp, sinh ra con hư ấy là do khoản nợ ta phải trả. Vì thế, kẻ sống đừng có vội vui, người chết cũng không nhất thiết phải buồn.

Cao tăng Vân Vân đã trích dẫn chương Vấn đề không có con trai - vô tứ thuyết trong quyển một cuốn Thức tiểu lục của Từ Thụ Phôi, nguyên văn như sau:

Một người rất giàu có, nhưng khổ nỗi không có con trai, ông bèn tìm đến một vị Thiền sư hỏi nguyên do vì sao. Vị Thiền sư nói: “Người không thiếu của nó (ý chỉ đứa con trai) thứ gì, nó cũng chẳng thiếu của người cái gì, vậy thì làm sao nó tìm đến người được?”

Danh hiệu của vị Thiền sư này tuy không được lưu lại, nhưng rõ ràng ông là một cao nhân giỏi tính toán sổ sách. Người kiếp trước không nợ gì của ta, và người ta cũng không nợ gì của anh, vì thế, kiếp này sẽ không có người đến đòi nợ hay trả nợ anh. Hàm ý ở đây rất rõ ràng, nó đã cung cấp cho những người không có con trai một lý do xác đáng để giải tỏa sự cười nhạo của người đời, những người này phải biết sống lạc quan, chấp nhận nỗi cô quạnh khi về già. Không chỉ có vậy, Trung Quốc còn luôn coi việc “không có con trai” là quả báo của những kẻ thất đức, nhưng khi bắt gặp lập luận cao siêu của vị Thiền sư kia, tất cả đều cần thận trọng trước những phát ngôn của mình.

“Bất hiếu có ba loại, trong đó không có người nối dõi tông đường là tội lớn nhất.” Ban đầu khi nói câu này, Mạnh Phu Tử không hề có ác ý nào cả, mà nó chỉ muốn làm người ta đừng quên đi cái bản năng sinh vật của mình, là phải làm sao khiến dòng tộc của mình phát triển về sau, có điều, một khi đã nâng lên đến bậc cao của chữ “hiếu”, câu nói đó lại khiến các nhà đạo đức học tìm ra không ít cơ hội thể hiện tài biện luận của mình. Không sinh được con trai đã đủ khiến người ta lo lắng, các nhà đạo đức học lại nói, anh chắc chắn đã làm chuyện gì đó thất đức, để rồi sau đó một loạt các cuộc điều tra nghĩa vụ được thực hiện, nhưng cũng chẳng đưa ra được kết quả nào, thế là họ bèn nhận định rằng do tổ tiên của anh có vấn đề, chỉ ít cũng cần phải điều tra họ tộc ba đời về trước, cho đến cửu tộc hiện thời, vụ án sẽ không kết thúc nếu chưa phát hiện được một vài “ẩn ác”. Vụ án kết thúc rồi cũng chẳng giúp được gì cho án chủ, mà chỉ khiến anh ta thêm nhiều tai tiếng, để từ đó tên tuổi của các nhà đạo đức học được đánh bóng hơn, được nhiều người biết hơn.

Cứ như vậy, những khổ chủ không sinh được quý tử không thể không tìm một căn cứ để biện bạch. Đương nhiên anh ta sẽ không điều tra tám đời tổ tiên của mình, mà “lần hỏi nguyên do”, ngay tức khắc câu hỏi được đưa đến môn hạ của Phật Như Lai. Hóa ra việc không sinh được quý tử chẳng liên quan gì tới lịch sử gia tộc của mình, mà là do kiếp trước mình sống quá ngay thẳng, không nợ nần ai, cũng không ai nợ nần

mình. Như vậy có nghĩa là, những người sinh được quý tử cũng giống như những kẻ không thể dựa vào sự giàu nghèo để kiêu ngạo với đời, bản thân họ đã đánh mất tư cách tự hào của mình.

Sự thực không thể né tránh, vấn đề của kiếp trước ngay cả đội điều tra của hoàng thượng cũng chẳng thể làm sáng tỏ được, mà dấu có làm rõ rồi cũng đành bó tay mà thôi. Các chính khách cũng để tâm đến việc thanh toán nợ cũ hệt như “sư tử Hà Đông”, nào là khi tôi làm nhóm trưởng, ngày nào tháng nào anh đã cãi lại tôi, khi đã trở thành một nhân vật có tên tuổi, những việc trong quá khứ đương nhiên phải trở thành đường lối để thanh toán nợ nần, thậm chí ngay cả những việc tệ hại xảy ra từ thời mặc quần để chèn cũng được đưa vào án trạng, để rồi lưu lại trong trang sử đấu tranh cá nhân của mình. Nhưng dù họ có đưa ra những điều luật khắc nghiệt để ép tội người nào đi chăng nữa, thì việc điều tra cũng chỉ dừng lại ở kiếp này mà thôi, chứ không thể truy cứu trở về kiếp trước - cho dù kiếp trước có là Tần Hợi[1] cũng vậy mà thôi! Tập hai quyển Sơn trai khách đàm, Cảnh Tính Tiêu đã viết, Thiên Tào phán quyết xử Tần Hợi chịu án hình phanh thây ba mươi sáu lần, xử trăm ba mươi hai lần, đến lần thứ n, khi đã sang thời Đại Thanh, Thiên Tào đã thành công trong việc khiến Tần Hợi đầu thai thành con gái một gia đình Kim Hoa. Về sau, người đàn bà này phải chịu án tùng xẻo, nguyên nhân bởi ả đã mưu hại chính chồng mình, nếu nghĩ rằng, chỉ vì tiền kiếp của người đàn bà đó là Tần chân dài (biệt danh của Tần Hợi), chắc chắn chẳng thể kết án được ả.

[1] Một trong mười đại gian thần của Trung Quốc.

Vì thế, dựa theo quan điểm của nhà Phật, những gia đình tuyệt tự không có người nối dõi tông đường, hay sinh được những kẻ “phá gia chi tử” là thoát được những dây dưa về đạo đức, cắt đứt mọi can hệ giữa mình là tổ tiên. Sự thanh thản đó tựa như việc trải qua bao cấp thẩm tra, cuối cùng đã làm sáng tỏ tiền sử cá nhân cũng như xuất thân gia đình đều trong sạch, giống như vừa được uống liều thuốc nhuận tràng, giúp rửa trôi tất cả những thứ tích tụ lâu ngày trong ruột, như vậy há chẳng thể liệt vào điều ba mươi tư “không có con cũng là một điều vui” sao? Thế là, cái lý luận cao siêu của vị Thiền sư kia được “chính sách hóa” thành “không nợ không thành cha con”, trở thành một điều kinh luật kinh điển muôn đời không thay đổi hệt như việc “không mắc oán thì không thành vợ chồng” vậy. Câu nói nổi tiếng “không nợ không thành cha con” đã tiết lộ lời bình của phần Vị khách Phần Châu tập năm tác phẩm Dạ hàng thuyền - Con thuyền đêm - ai có hứng thú có thể tìm hiểu xuất xứ sớm hơn nữa của nó. Nhân tiện cũng nói thêm rằng, quyển Con thuyền đêm hay hơn, thú vị hơn rất nhiều so với một tác phẩm khác cùng tên, tuy danh tiếng của tác giả không thể nào so sánh được với Trương Tông Tử, chỉ có điều, không hiểu tại sao cho đến nay vẫn chưa có ai dịch quyển sách này, khiến cho câu chuyện đặc sắc như vậy gần như bị nhấn chìm.

Tuy nhiên, đằng sau sự hưng phấn đó vẫn còn tồn tại một vài vấn đề. Những gì được quan tâm phía trên chỉ là của kiếp này và kiếp trước, nếu chúng ta suy xét kỹ một chút, nghĩ đến kiếp sau của chúng ta, con cháu của chúng ta sẽ ra sao? Kiếp này người ta nợ ta, kiếp sau chắc chắn ta sẽ làm một con ma đòi nợ, nếu kiếp này ta nợ người khác, thì kiếp sau ta ắt sinh được một tên “phá gia chi tử”. Dù ta nợ hay bị nợ đều trở thành một vấn đề nan giải, vậy thì ta không vay mượn đi, nhưng hậu quả của việc không vay mượn còn đáng sợ hơn, anh muốn làm con trai nhà người ta, người ta nói: “Cậu không nợ tôi, tôi không nợ cậu, vậy cậu đến đây làm gì?” Cứ suy luận như vậy thì con người sẽ mắc kẹt tại đó, muôn đời cũng không thoát ra được.

29. Chương 12 - Part 1

Chương 12: Chỉ khôi phi tác bạch hồ điệp [1]

[1]Tro giấy bay lên thành bướm trắng.

Nếu như ma quỷ có thất tình lục dục, vậy cái mà họ mong muốn nhất là gì? Nhìn dáng vẻ quyến luyến, bịn rịn của họ lúc sắp phải rời xa dương thế, có thể chắc chắn rằng họ cũng muốn được sống trở lại. Nhưng khi mong muốn không thành, họ sẽ được điều mong muốn thứ hai, vậy đó chắc là tiền rồi. Trước và sau tết Thanh minh, trên những con đường tới nghĩa địa, trong chiếc giỏ của mỗi chiếc xe bán hàng rong, món đồ vàng mã được nhìn thấy nhiều nhất chính là tiền âm phủ, từ những vàng nén, châu báu thời cổ đại, cho đến những đồng một trăm tệ, đồng đô la Mỹ ngày nay, chỉ cần đi một vòng cũng đã có thể nhìn thấy mấy chục loại tiền. Vào đến nghĩa địa, trên những chiếc “bàn thờ” dùng để truy điệu người quá cố, tuy có bày một chút đồ ăn và hoa quả, nhưng nhiều nhất vẫn là các loại tiền giấy với đầy đủ màu sắc khác nhau, dường như phía trước mỗi bia mộ đều có dán tờ chữ “bản kiều nhuận cách”, ý nói lễ phẩm, đồ ăn có nhiều cũng không bằng tiền bạc giắt đầy lưng. Trên thực tế, công tác đốt tiền giấy cũng là khâu quan trọng nhất trong hoạt động truy điệu, và là chương trình chiếm nhiều thời gian nhất, vì thế, một số nơi quyết định gọi nghi lễ mai táng người chết với cái tên “đốt giấy”. Giả như dưới âm phủ có xảy ra cơn bão tài chính, khủng hoảng tiền tệ, thì việc người sống chúng ta mỗi lần đốt cả sọt, cả bao tiền giấy cũng là điều hết sức hợp lý. Vấn đề ở chỗ, dưới âm phủ không những không có chuyện giá cả hàng hóa lên xuống, mà căn bản là ở đó không có hàng hóa, không có siêu thị hay chợ búa gì cả, các vị tiền nhân của chúng ta dù thất lưng có rủng rỉnh vạn quan tiền cũng chẳng thể tìm được nơi tiêu tán chúng tại thế giới âm phủ. Vậy họ cần nhiều tiền như vậy làm gì? Hơn nữa, trong dân gian còn xuất hiện rất nhiều câu chuyện ma lừa tiền, ma cướp của, ma hám tiền, lại còn có câu yết hậu ngữ “tay người chết trong quan tài thò ra để đòi tiền”, người đời Thanh còn có câu hát rằng: “Phía trước chân núi hồn mang, tro giấy bay lên hóa thành bướm bướm, chết đi vẫn đòi tiền đồng.” Dựa vào đó cũng có thể lơ mơ suy đoán được rằng, ma quỷ có niềm yêu thích đặc biệt đối với tiền.

Nhưng sau này tôi mới phát hiện ra rằng, sự việc không đơn giản như vậy. Thế giới âm phủ tuy không có hàng hóa để mua, nhưng giống như Viên Tử Tài từng nói, nơi dùng tiền thực chất còn nhiều hơn cả con người. Về điều này, chúng ta có thể bắt đầu từ việc phát minh ra tiền giấy.

1

Tiền giấy có từ khi nào? Không khó để có thể xác định thời điểm xuất hiện của tiền giấy, tất nhiên đó là sau khi con người phát minh ra giấy, và giá cả của giấy đã hạ xuống đến mức thấp nhất. Phong Diễn sống vào thời nhà Đường là người đầu tiên tìm hiểu về giấy. Trong tập sáu quyển Bút ký ghi lại những hiểu biết của Phong Diễn, chương Tiền giấy có viết:

Theo như người xưa, khi tiến hành cúng tế quỷ thần, cần có đồ lễ bằng vàng bạc châu báu, tiền đồng, sau khi nghi lễ được hoàn tất, toàn bộ số của cải đó phải được đem chôn xuống đất, người đời sau vẫn dùng châu báu tiền tài, tức dùng tiền để tiễn người đã khuất. Vụ việc đào trộm tiền chôn tại lăng mộ Hán Văn Viên trong “Hán thư” cũng là vì thế. Sau này theo đuổi sự giản hóa người ta bèn dùng tiền giấy. Giấy được phát minh vào thời nhà Hán, tiền giấy bắt đầu được sử dụng vào thời Ngụy Tấn. Ngày nay, từ vua quan cho tới dân thường đều sử dụng tiền giấy trong các nghi lễ dành cho người chết.

Việc sử dụng tiền giấy được “bắt đầu từ thời Ngụy Tấn”, đó là cách nói phù hợp nhất, và trên thực tế nó cũng sát thực nhất. Có người còn tìm hiểu, chứng minh một cách chính xác hơn, ví như Chu Văn Công từng nói “tiền giấy được ra đời là nhờ Vương Du đời vua Huyền Tông (tập ba mươi chín Chu tử toàn thư), như vậy có sự sai lệch quá lớn. Cuối thời Huyền Tông, người ta luôn lo sợ quỷ thần, công việc tế lễ vô cùng

phức tạp, tất cả đều sử dụng châu báu, lựa là sợ rằng vẫn chưa thể đáp ứng được, do vậy Vương Du bèn nêu ý kiến sử dụng tiền giấy để tế thần. Nhưng quyển Tân Đường thư - Vương Du truyện lại ghi rằng trước đó, trong dân gian đã có chuyện “sử dụng tiền giấy để tế ma quỷ”, vì thế, những cống hiến của Vương Du chỉ ở chỗ ông sử dụng tiền giấy giúp tên hôn quân nịnh nọt yêu thần ma quỷ mà thôi. Còn các sử gia lại đặc biệt ghi chép lại chuyện đó, có lẽ là vì sợ Vương Du đem những cái giản hóa của dân gian đưa vào trong điện miếu, phá hỏng những quy củ do tổ tiên truyền lại chăng?

Muộn hơn một chút, trong quyển Thử phác, Đới Trực nói “Pháp uyển chu lâm có ghi lại rằng tiền giấy khởi nguồn bởi n Trường Sử”. n Trường Sử có lẽ là chỉ n Nhuệ, con rể của Vương Hoàn, do bị liên lụy bởi bố vợ, n Nhuệ bị giết vào cuối năm Vĩnh Minh thời Tề Vũ Đế. Bố vợ của n Nhuệ là tín đồ Phật giáo, sau này trở thành bạn thân của Tiêu Diễn - một hoàng đế vô cùng tin Phật, và xem chừng n Nhuệ cũng là một người tin Phật. Tiền giấy mà ông ta dùng có lẽ đều liên quan đến tín ngưỡng Phật giáo, nhưng cái then chốt của câu chuyện như thế nào vẫn chưa được làm sáng tỏ, bởi trong quyển Pháp uyển chu lâm hiện nay, người ta không còn tìm thấy ghi chép liên quan đến sự việc này. Nhưng trong quyển Phân tích, chứng minh về thơ Đỗ Phủ, Hồng Hưng Tổ, người đời Nam Tống nhắc tới “hoàng đế Nam Tề bị phé truất, Tiêu Bảo Quyển (còn gọi là Đông Hôn Hầu) quá ham mê thuật quỷ thần, bèn cắt giấy thành tiền thay cho gấm lụa” (Trích từ Tục đốt tiền giấy trong lễ tạ ơn, tập năm). Thời điểm Đông Hôn Hầu giữ ngôi vị chỉ cách năm Vĩnh Minh không quá mười năm, xem chừng nói tiền giấy xuất hiện vào thời Nam Tề là có căn cứ chắc chắn. Nhưng từ lúc phát minh tiền giấy cho đến đời nhà Tấn vẫn là một khoảng thời gian tương đối dài, vì thế hiện tượng chôn tiền thật vẫn còn tồn tại khá phổ biến vào lúc bấy giờ. Trong quyển Nam sử - những chuyện ẩn dật, vị hòa thượng Tăng Nhan trước khi chết đã nói với các đệ tử rằng: “Nay ta phải giả từ nhân gian. Trong hộp kia có cất một nghìn đồng, để ta dùng trên đường xuống nơi chín suối, cây nến kia sẽ soi chiếu thi thể ta.” Đệ tử của Phật đã như vậy, thì những người bình thường há không làm như vậy sao?

Thói quen trước nay của người Trung Quốc là luôn coi những phát minh trong dân gian đồng nhất với những tên giặc cỏ, phải được tống tiến lên hoàng thượng trước tiên, cho đến khi tất cả mọi vương công khanh tướng đều đã áp dụng, đến lúc đó giấy chứng nhận bản quyền phát minh mới chính thức được cấp cho người phát minh. Vì thế, tiền giấy chưa chắc đã do một người nổi tiếng nào đó sáng tạo ra. Vào trước thời Nam Tề, trong dân gian đã sử dụng tiền giấy vào việc tế lễ thần linh và mai táng người chết. Theo rất nhiều sách sử ghi chép, tiền giấy được sử dụng rộng rãi trong xã hội phải được bắt đầu từ thời nhà Đường, nhưng nếu truy cứu về vấn đề nguyên thủy của nó, thì như Phong Diễn nói “tiền giấy được bắt đầu sử dụng từ thời Ngụy Tấn” là không sai.

Trước khi tiền giấy xuất hiện, người ta thường đem tiền đồng thật chôn trong mộ khi mai táng người quá cố. Nhưng chỉ những gia đình giàu có mới có thể làm như vậy, còn gia đình nghèo đành lực bất tòng tâm, hoặc cũng chỉ dâng lên vài đồng xu mang tính tượng trưng mà thôi. Nhưng những thứ đó đều được chôn xuống mồ cùng với người chết, không thể dùng lại được nữa. Vì thế, có thể suy đoán rằng, ban đầu, những đồng tiền âm phủ được làm từ giấy không những có hình dáng khác hoàn toàn so với những loại tiền âm phủ hiện nay chúng ta được thấy, chúng chắc trông giống với tiền thật lúc bấy giờ hơn, hơn thế nữa, chúng còn được chôn xuống dưới mồ.

Nhưng loại tiền giấy như thế không có tác dụng quan trọng nào trong sự phát triển của văn hóa âm phủ. Nó chẳng qua chỉ là loại tiền âm phủ được làm hết sức đơn điệu, xét theo ý nghĩa “ngụ ý”, tượng tùy táng và đồ binh khí làm từ đất nung đã làm công tác khai đường mở lối từ mấy trăm năm về trước, giá trị của văn hóa tiền giấy gần như ngang hàng với đồ đất nung thời bấy giờ.

Tiền giấy có bước nhảy vọt về mặt ý nghĩa văn hóa, chủ yếu thể hiện ở hai điểm: một là nó không chỉ được sử dụng khi mai táng người chết, mà còn được sử dụng trong việc tế lễ tổ tiên hàng năm, hai là nó được chuyển từ hình thức chôn tiền sang hình thức đốt tiền. Hiện nay, con người không thể tiến hành khảo sát

quá trình này, nhưng theo những bậc tiên sinh kiên quyết giữ gìn lễ tục cổ từng nói, cái sai sót trong sự biến chất của tiền giấy là ở ảnh hưởng thuyết “tư minh phúc - giúp đỡ âm phủ” của các tín đồ Phật giáo.

Tiền giấy được dùng để “giúp đỡ âm phủ”, điều này có lẽ có quan hệ rất lớn đối với việc truyền bá Phật giáo, nhưng thực tế nó cũng rất phù hợp với Đạo giáo của Trung Quốc, như vậy mới được quảng đại quần chúng và các bậc đại phu đón nhận. Mỗi đợt Tết đến xuân về, chỉ cần trong tay còn vài đồng, mọi người đều mau chóng đi mua sắm đồ lễ “xả hàng ngày hội mua sắm”, khi vui mình phải nghĩ đến người, thế là thế hệ con cháu hiếu thuận cũng nhớ đến các bậc tổ tiên nơi chín suối. Nhưng nơi mộ phần không phải chiếc va li tiền hay chiếc tủ quần áo để tiện mở ra mở vào, vì thế, muốn chôn tiền đồng xuống bất cứ lúc nào là việc bất khả thi. Do đó không khó để nhận ra tính ưu việt của tiền giấy. Trong Ghi chép ngày hội tុ, Nại Đắc Ông người thời Nam Tống có ghi chép một câu chuyện như sau: Vào thời Bắc Tống, triết học gia Thiệu Ung từng nghiên cứu về nghi lễ thờ cúng tổ tiên thời Xuân Thu, ông tổng hợp tất cả lễ nghi từ cổ chí kim, vì vậy việc đốt tiền giấy cũng được ông áp dụng. Trình Di cho việc đó là không hợp với Lễ, bèn tìm đến Thiệu Ung trách vấn. Ngài Khang Tiết (tức Thiệu Ung) đáp rằng: “Đó xuất phát từ ý nghĩa của đồ tùy táng, cắt bỏ mà có ích lợi, chẳng lẽ không phải là tấm lòng hiếu thảo của con cháu sao?” Trình Di luôn giữ địa vị thấp hèn bên phía cánh tả kiểu cũ, sang ngày hôm sau ông vẫn không hết băn khoăn, thấy hoàng thượng bề càng liễu, ông bèn cho đó là “sức sống” bị tổn thương, còn như những lời xấu xa kiểu “chết đói là chuyện nhỏ, thất lễ mới là chuyện lớn” vẫn để lại di hại đến ngày nay, còn khi đó ông vẫn là gương mặt một lòng bảo vệ môn phái bị nhiều người ghét bỏ. Nhưng Khang Tiết cho rằng tiền giấy cũng như những loại đồ tùy táng kia, chỉ cần có thể biểu đạt được lòng hiếu thảo của con cháu thì không có thứ gì là không thể sử dụng để cúng tế được. Đương nhiên tiền giấy cũng chỉ được dùng để biểu thị lòng hiếu thảo mà thôi, tựa như ngày nay người ta hay nói câu “hay về nhà thăm tổ tiên”, việc thăm nom này vị tất phải bao lớn bao bé mang về, ngài Khang Tiết cũng không hề nhận định rằng tiền giấy sau khi đốt sẽ trở thành loại tiền được thông hành trong thế giới thần linh.

Quyển Phong song tiểu bản lại ghi chép rằng: “Vào thời Nam Tống, sau khi Cao Tông qua đời, trăm quan quỳ khóc, tiền giấy cúng tế giải khắp đường. Để biểu thị lòng hiếu thảo của mình đối với người cha đã khuất, vị hoàng đế vừa đăng cơ Tống Hiếu Tông liền chê chỗ tiền giấy được làm quá nhỏ, khiến tang lễ không đủ sức phô trương. Thế là lại có một tên gián quan không hiểu biết lên tấu, rằng: “Tục dụng chỉ tiền, ngài thích thị sử nhân dĩ quá độ kỳ thân giả, khủng phi thánh chủ sở nghi dĩ phụng tân thiên dã.” Ý nói rằng, tiền giấy vốn là thứ không nên sử dụng, vì thế tiền có nhỏ một chút cũng không phải là vấn đề quá nghiêm trọng. Hiếu Tông nghe vậy vô cùng tức giận, ném bản tấu chương xuống đất, nói: “Bậc hiền nhân như Chiêu Nghiêu Phu chẳng phải cũng dùng tiền giấy để tế lễ tổ tiên hay sao? Lễ nào người sống trên đời mà không cần chỉ tiêu đến một đồng?” Vốn dĩ viên gián quan muốn khuyên can Hiếu Tông không cần tổ chức buổi tang lễ quá phô trương, nhưng ông đã nghĩ không sáng suốt, cuối cùng phải gánh một trận giáo huấn. Còn Chu Văn Công có nói: “Từ khi vương triều được lập đến nay, những người học lễ đều sai lầm trong quan niệm, người ta chỉ làm mũ áo giấy mà không làm tiền giấy, vậy không hiểu mũ áo giấy và tiền giấy có gì khác nhau?” Đây chính là “ý nghĩa đồ tùy táng” mà Khang Tiết đã nói. Có thể thấy, việc đốt tiền giấy cung cấp cho các vong hồn chi tiêu nơi âm phủ đã trở thành quy tắc chung dùng để “tận hiếu” của người đời, tất cả các bậc đại Nho đã dùng theo quảng đại dân chúng, vậy thì những kẻ tiểu Nho dùng tùy tiện lên tiếng phản kháng”[2]

[2] Nghe nói vào thời Đường, chỉ có Nhan Chân Khanh, Trương Tham Gia không dùng tiền giấy khi cúng lễ. Còn thời Tống, có Thiền Nhược Thủy không đốt tiền giấy, Lữ Nam Công còn đặc biệt viết Bài tụng Tiền Trật Công không hóa tiền giấy. Có thể thấy thời bấy giờ, đại đa số quan phủ thân vương đều phổ biến sử dụng tiền giấy.

Đi sâu hơn nữa, trong quan niệm về thế giới âm phủ của người đời, tiền giấy không những được sử dụng phổ biến ở cõi âm ti, mà nó còn có xu thế loại tiền đồng ra khỏi âm giới. Trong quyển Minh báo kỷ - Ghi chép những thông tin từ cõi âm, Đường Lân, người thời Đường có ghi lại một câu chuyện, chuyện rằng hồi

đó Vương Thục vô duyên vô cớ bị diêm phủ bắt đi, khi xuống tới âm phủ mới phát hiện bị bắt nhầm, quy tắc từ xưa tới nay của Trung Quốc là sau khi bắt nhầm, đánh nhầm phải tạ ơn người ta, thế là Vương Thục được trả về dương gian, sứ giả diêm phủ yêu cầu ông giao một khoản “tiền cảm tạ”, hơn nữa còn nói rõ: “Ta không dùng tiền đồng của người, ta dùng tiền giấy trắng.” Trong quyển Di kiên ất chí, tập mười lăm, Hồng Mai thời Nam Tống có chương Nỗi oan vợ lẽ nhà họ Mã nói về oan hồn đòi mạng, kẻ bị ma ám nhờ đạo sĩ ra tay hóa giải. Cuối cùng khi nhắc tới việc bồi thường một khoản tiền, vị đạo sĩ hỏi: “Người muốn tiền đồng hay tiền giấy?” Con ma đó tuy là nữ giới, nhưng đã được đọc tất cả các sách thánh hiền, ả bèn mượn câu chuyện Tiền quỹ đổi tiền của Hàn Văn Công, cười và nói rằng: “Ta là ma, ta không phải là người, liệu ta có dùng tiền đồng được không?” Rõ ràng, tuy tiền đồng được chôn trong đất, nhưng các linh hồn ma quỷ không thể hưởng thụ được chúng.

Trong văn hóa âm phủ, ưu thế lớn nhất của tiền giấy so với tiền đồng chính là ở chỗ nó được “hóa hóa”. Chữ “hóa” ở đây không phải chỉ việc giấy hóa thành tro, mà chỉ tiền giấy chuyển hóa thành tiền đồng lưu thông dưới âm phủ. Chỉ khi đã được hóa hóa, âm phủ mới nhìn thấy tiền giấy, người nhận mới cầm được tiền trong tay. Còn tiền đồng được chôn trong đất, sau thời gian dài vẫn không bị hóa mòn, những kẻ trộm mộ sẽ đào chúng lên, khi đó chúng vẫn là tiền của dương gian, ma quỷ nhìn những đồng tiền đó bao năm mà nào có được sử dụng đến một đồng! Còn về khoản tiền cảm tạ cho đến các loại chi phí kèm theo, nếu là tiền đồng thì không biết chúng sẽ được chuyển đến nơi nào. Vì thế, xét về lý, tiền giấy chiếm lợi thế trước, khi đó nó lại quay lại biện hộ cho tiền đồng, khiến người ta không khỏi hoài nghi nó là đồng đẳng của môn phái trộm mộ.

Tuy nhiên sự “hóa” này đã khiến văn hóa âm phủ có sự thay đổi một trăm tám mươi độ. Tiền giấy có thể hóa, đồ dùng, quần áo giấy, người giấy, ngựa giấy đương nhiên cũng có thể đem hóa theo. Hán Cảnh Đế giữ vững giang sơn, thấy tướng Châu Á Phu - người đã từng dẹp yên quân phản loạn bảy nước không còn tác dụng nữa, Hán Cảnh Đế thấy không thuận mắt, bèn tìm cách tiêu diệt ông. Vừa lúc thấy con trai Châu Á Phu mua năm trăm bộ áo mũ giáp sắt và lá chắn làm đồ tùy táng, khiến Cảnh Đế tìm được lý do thích hợp, vu khống cho Châu Á Phu tội mưu phản. Á Phu đáp: “Những thứ mà thần mua đều là đồ dùng tùy táng, sao có thể gọi là mưu phản được ạ?” Phán quan phản bác lại rằng: “Quân hầu các người không tạo phản công khai trên mặt đất, mà muốn tạo phản trong lòng đất!” Thiên tử thánh minh, lời nói của quân tày sai tất nhiên không sai, nhưng sự việc này cũng đã mở ra tiền lệ cho việc vận chuyển lậu vũ khí xuống âm giới. Từ đó có thể suy luận rằng, mũ, áo giáp giấy, súng giấy, đao giấy, lớn hơn nữa là thành lũy, máy bay, đại bác, chỉ cần dùng giấy cắt dán là thành, chỉ cần nhóm một ngọn lửa, tất cả sẽ chuyển hóa sang thế giới âm ti, không biết chừng có thể tổ chức một quân đội dã chiến, nhằm thẳng cung điện Sâm La phát động chiến dịch “phê phán vũ khí”, “căng cờ thập vạn quân đi chặt thủ cấp Diêm La”, có thể thấy ý nghĩa lịch sử của tiền giấy thật lớn lao!

Sái Hầu phát minh ra giấy, lập công lớn khắp thiên hạ, sự kiện này được ghi chép rất rõ từ trong sách giáo khoa tiểu học đến các quyển bách khoa toàn thư, duy nhất phần tạo ra tiền giấy lại bị thất lạc, đó là điều rất đáng tiếc. Trong chương Sát thanh quyển Thiên công khai vật của mình, Tống Ứng Tinh đặc biệt ghi chép về loại giấy chuyên dùng làm tiền âm phủ, loại giấy đó có tên “giấy lửa” (tức là giấy chuyên dùng để đốt), còn nói loại giấy đó “bảy phần mười được hóa để cống cho diêm phủ, ba phần còn lại được hóa để làm tiền chi tiêu hàng ngày”. Bàn về giấy mà không bỏ qua công dụng của nó tại thế giới âm phủ, đó mới là điều làm nên sự nổi tiếng của tác phẩm.

30. Chương 12 - Part 2

2

Ở đây chúng tôi nói về “tiền giấy” chỉ là tên gọi chung của tiền âm phủ, chứ không chỉ tất cả vàng nén, bạc nén đều nằm trong số đó. Nhưng đa số tiền giấy được làm dưới hình dạng đồng tiền đồng, cái gọi là “vắt giấy thành tiền” nên chẳng cũng là sự chế tác từ tiền đồng. Nhưng năng suất cắt tiền giấy quá thấp, cung không đáp ứng đủ cầu, thế là sau đời Đường, hầu hết đều sửa chữ cắt giấy thành tiền sang “đục” giấy thành tiền, hơn nữa dụng cụ dùng để đục giấy thành tiền đa số đều do người ta tự sáng chế. Ngưu Túc người thời Đường trong tác phẩm Ký vấn có viết: “Theo năm quyển bảo thư đời Đường có ghi lại, Lý Tư Nguyên đột tử hai mươi một ngày bỗng nhiên tỉnh lại, vừa tỉnh anh ta lập tức nói rằng: “Có người đến bắt con, hơn nữa còn bắt con làm đồ cống cho ba chục người ăn.” Anh nói tiếp: “Họ đòi một vạn quan tiền để đưa con trở lại.” Người cha nghe vậy lập tức ra lệnh chuẩn bị đồ lễ, đồng thời đục giấy làm tiền lễ nạp.”

Cách đục giấy đó vẫn được dùng đến vài năm về trước, đó là cách dùng một chiếc “dùi” làm bằng sắt, đục sập giấy trắng, giấy vàng thành hình thù các đồng xu, tiền giấy có loại to loại nhỏ, loại to là loại có kích cỡ như chiếc bánh nướng (gần như chiếc bánh đa quế), được tách riêng ra thành từng đồng một, loại nhỏ thì chỉ dùng “dùi” đục trên giấy thành một vòng nhỏ bằng tiền đồng, mang tính tượng trưng, chứ không được tách rời ra. Hình dạng đồng tiền giấy thời cổ nhìn chung không quá khác biệt so với dạng tiền giấy này. Nhưng cũng không được cắt một cách lãng phí, bởi đó là loại tiền giấy thường được dùng trong các trường hợp đặc biệt. Thời kỳ đầu thời Tống, trong tác phẩm Thanh dị lục, Đào Cốc kể lại, trong ngày đưa thi thể Châu Thế Tông đi mai táng, vàng bạc châu báu đều được giấu đi, còn bày ra nhiều nhất chính là tiền giấy, trên những tờ tiền vàng viết “châu báu cống suốt vàng”, trên tờ tiền trắng viết “châu báu cống âm phủ”. Loại tiền giấy cỡ lớn này hiện nay vẫn còn, chỉ có điều bên trên không in chữ, chủ yếu dùng để rải trên đường đến nơi mai táng. (Cho đến đời Tống lại xuất hiện loại “tiền giấy đen” chuyên dành cho hồn ma của những kẻ chịu hình mà chết, sau này lại có loại giấy đỏ in hình hoa dành cho những kẻ thích phô trương, thậm chí còn có loại “tiền giấy” dùng vàng thật rèn mỏng mà thành, tất cả đều là loại đặc biệt)

Hình dáng của tiền giấy tuy giống tiền đồng, nhưng lại có thể gọi chúng là vàng, là bạc. Từ đó mới có cách gọi tiền vàng, tiền bạc. Trong tác phẩm Quảng dị ký, Đới Phủ, người đời Đường nói tới việc sứ giả điếm phủ tới đòi tiền cảm tạ, bắt Bùi Linh phải trả ba mươi triệu tiền vàng, tiền bạc cho khoản phí trở lại dương gian. Bùi Linh nói: “Ta là quan kinh thành, cuộc sống nghèo túng, thực sự không có nhiều tiền như vậy.” Sứ giả điếm phủ nói: “Tiền vàng ở đây là tiền giấy vàng tiền bạc chính là tiền giấy trắng.” Dẫu sao nó chỉ là một tờ giấy, gọi thành tiền vàng tiền bạc đương nhiên nghe hay hơn tiền đồng, giá trị cao hơn dưới âm phủ, tuy là nói láo nhưng nó chẳng hại gì mình, lại lợi cho người, điều này hoàn toàn có thể hiểu được, điều đáng tiếc duy nhất đó là phương pháp này không thể áp dụng tại chốn quan trường nơi trần thế. Trong điều kiện này, Bùi Linh tưởng rằng làm tiền giấy là việc dễ dàng, chỉ có điều ông không biết làm thế nào để số tiền đó chuyển đến tay sứ giả âm phủ. Sứ giả bèn đáp:

Con người đúc tiền tại nơi đô thị, số tiền đó đa phần sẽ bị địa phủ thu lại. Người có thể nhờ người đến căn mật thất trong nhà người làm tiền giấy. Khi đã làm đủ số tiền, người đóng gói chúng lại, đem đến cạnh một dòng suối rồi hóa chúng. Hóa xong ta sẽ nhận được tiền.

Đoạn thoại này rất thú vị, nó đưa cách đúc tiền kín đáo của dương gian vào thế giới âm phủ. “Đúc tiền tại nơi đô thị” ý chỉ làm tiền giấy từ một cách công khai sẽ ảnh hưởng đến trật tự tiền tệ dưới âm phủ, âm phủ sẽ tịch thu toàn bộ số tiền đó. Nhưng nếu làm chúng trong căn mật thất trong nhà, điếm phủ sẽ không thể phát hiện ra được, lúc đó thần không biết, quỷ không hay. Tiếp đến, dùng một chiếc túi đựng tất cả chúng lại sao cho kín đáo, rồi cẩn thận vận chuyển ra bên ngoài, như vậy tất cả mọi sự sẽ được hoàn tất. Còn việc phải hóa tiền vàng bên sông, có lẽ đó là tập tục của thời Đường. Trong Minh báo ký, Đường Lâm có

kể rằng, khi Lý Sơn Long được thả trở lại dương gian, tên lính âm phủ đòi phí cảm tạ, cũng yêu cầu “phải hóa chúng dưới gốc cây cổ thụ bên sông”. Hiển nhiên việc này hoàn toàn có cái lý của nó, có thể đó là quy định của con người đặt ra lúc bấy giờ. Nước là chất lỏng, luôn chảy xuống chỗ thấp, nước sẽ dễ dàng đưa tiền giấy được tới nơi suối vàng. Vào cuối đời Hán, Trương Lỗ sử dụng năm đấu gạo làm “tam quan thủ thư” tượng trưng cho trời, đất, và nước, một phần gạo đó sẽ được đưa lên trời - đem gạo rắc lên núi, một phần được chôn xuống đất, một phần cho chìm xuống nước. Sự việc này có lẽ cũng cùng một ý nghĩa với việc hóa vàng bên sông.

Ngoài ra chúng ta cũng được biết khi đó, trong tất cả các thành phố thời Đường đều đã có các xưởng chuyên sản xuất tiền giấy, cũng như có thể mời người đến tận nhà làm tiền giấy. Những người lấy nghề làm tiền giấy làm kế sinh nhai đương nhiên đều là những người bản hàn, tuy nhiên trong đó cũng xuất hiện những nhân vật cỡ lớn. Trong Ly miêu hóa thái tử, Lý Chấn Phi (mẹ ruột của Nhân Tông) trong lịch sử ghi chép là người xuất thân từ gia đình bản hàn, em trai của bà sau khi lưu lạc tới làm thuê ở xưởng sản xuất tiền giấy. Khi vua Nhân Tông đăng cơ, người làm thuê kia cố nhiên trở thành Quốc cữu đại nhân của một nước, có quyền quản lý, chỉ huy tất cả quan trên quan dưới trong cung. Nếu nghề làm tiền giấy cần lập sư tổ, thì vị Lý quốc cữu này sẽ là một ứng cử viên sáng giá.

Tiền âm phủ còn được làm từ vàng, bạc lát mỏng (trên thực tế được làm từ thiếc), lúc này nó không còn là tiền giấy nữa, mà là đỉnh vàng, đỉnh bạc được gấp từ những lát vàng, lát bạc. Đương nhiên chúng chỉ có hình dạng của đỉnh vàng, đỉnh bạc chứ trên thực tế đều thuộc loại ngoài thật trong giả, hàm lượng vàng bạc trong đó chiếm tỷ lệ vô cùng nhỏ. Nhưng, cho dù có là “hàng rởm” đi chăng nữa, thì người thường cũng khó có đủ điều kiện để sử dụng chúng. Nếu cần loại tiền có bề mặt trơn sáng, đẹp mắt thì mua giấy nhuộm màu vàng, màu bạc hoặc những đỉnh vàng, đỉnh bạc làm từ thiếc cũng được. Việc sử dụng các đồ lễ cống nộp lên quan trên có chất lượng thấp, thì người đem tặng khó mà được sống yên ổn. Trong quyển chín, cuốn Duyệt vi thảo đường bút ký, Kỷ Vân đã kể lại câu chuyện có thật của gia đình mình như sau:

Mùa hạ năm Mậu Tý, cô nữ tỳ Ngọc Nhi mắc bệnh lao mà chết, rồi bỗng nhiên cô ta tỉnh lại, nói: “Bình lính âm phủ sai ta trở lại đòi tiền.” Mọi người đốt tiền giấy cho cô ta, lúc này cô ta mới chết. Nhưng lúc sau cô ta lại hồi tỉnh, nói: “Chỉ có tiền bạc là không đủ, âm phủ chưa chịu đâu.” Thế là người ta lại đem đỉnh vàng, đỉnh bạc ra đốt, sau đó cô ta mới dứt khoát ra đi không bao giờ tỉnh lại nữa.

Kỷ học sĩ lẫn lộn chốn quan trường nhiều năm, vậy mà ông vẫn chất vấn trong văn của mình rằng: “Bình lính âm phủ đi đòi tiền như vậy, vậy quan dưới âm phủ quản lý việc gì?” Câu hỏi được đặt ra chẳng có lý chút nào, lẽ nào chỉ có quan lại nước Đại Thanh của ông mới được phép lơ là việc công, tham ô, tham nhũng?

Ghi chép về phong tục đất nước Trung Hoa có viết về tục đón tết Trung nguyên của người Cát An, Giang Tây, kể rằng trong dân gian có tục gấp tiền giấy, kỵ gấp vào ban đêm, và hơn nữa là kiêng phụ nữ mang thai gấp tiền. Nếu tiền giấy được gấp bởi phụ nữ mang bầu, sau khi hóa xong, những hồn ma dưới âm ti sẽ không chuyển được số tiền đó, như vậy chẳng phải uổng phí công sức sao. Rõ ràng tập tục này xuất phát từ góc độ bảo vệ phụ nữ mang thai, nhưng từ đó ta cũng có thể nhận ra rằng, tất cả các loại đồ vàng mã được gấp từ giấy đa phần thuộc loại công việc gia đình của người phụ nữ, hơn nữa đó không phải là một công việc nhàn hạ. Còn việc kỵ gấp tiền giấy vào ban đêm, bởi ban đêm thuộc về âm, không biết chừng bên này gấp tiền, bên kia sẽ xuất hiện loại tiền tệ ở ngân hàng âm phủ, khi đó khó tránh được việc các hồn ma hoang dại và các hồn ma hung hăng sẽ đến phá cửa cướp tiền.

Tất cả các loại tiền giấy có hình dáng gần giống với tiền đồng, chỉ cần đốt xong dưới phía âm phủ sẽ xuất hiện loại tiền âm phủ hoàn toàn giống với những tiền đồng ở dương gian. Không cần hoài nghi về quá trình kỳ diệu này, bởi có người đã tận mắt chứng kiến nó.

Trong quyển Hà Đông ký Tiết Ngự Tư, người thời Đường có ghi lại một sự việc xảy ra giữa năm Thái Hòa đời vua Đường Văn Tông: “Một viên quan nhỏ tên Tân Sát bỗng nhiên lên cơn đau đầu rồi ngất lịm đi, chỉ có điều tim ông vẫn đập. Tân Sát nằm trên giường, ông thấy có một người mặc áo vàng bước tới, kéo ông ra khỏi ngôi nhà nhỏ. Ra đến cửa, người mặc áo vàng nói: “Nhà người vẫn chưa đến lúc phải chết, nếu người đồng ý đưa ta hai nghìn quan tiền, ta sẽ đưa người trở về.” Hóa ra đây là tên lính âm phủ có thói quen bắt xong dọa dẫm. Tân Sát biết thứ mà hắn cần chỉ là tiền âm phủ, bèn thông báo cho người nhà mau chóng đưa tiền giấy ra đốt. Người nhà trên dương gian đốt tiền, Tân Sát dưới âm phủ liền nhìn thấy tất cả chúng hóa thành tiền đồng. Đương nhiên, da thịt của Tân Sát khi đó vẫn đang nằm ở trên giường, chỉ có linh hồn ông mới nhìn thấy sự biến hóa đó.

Đôi khi con người rơi vào trạng thái bán hôn mê trong ranh giới giữa sự sống và cái chết, cũng có thể nhìn thấy được cảnh tượng kỳ thú đó. Trong chương Thôi Minh Đạt tác phẩm Quảng dị ký, Đới Phù, người thời Đường có ghi, Minh Đạt bị diêm phủ bắt nhầm, bèn sai lính đưa Minh Đạt quay trở về dương gian. Tên lính âm ti đã đưa linh hồn đến bên giường bệnh, nhưng Minh Đạt vẫn hôn mê bất tỉnh, miệng không nói thành tiếng, chứng tỏ linh hồn vẫn chưa hoàn toàn nhập vào thể xác. Tên lính nói: “Người phải giao cho ta một nghìn quan tiền mới được.” Tiền trước, lễ vật sau là quy tắc vốn có nơi quan trường, Minh Đạt bị cột lại giữa đường, quả thực không rõ là sống hay chết, lúc này chỉ có đồng ý là sự lựa chọn duy nhất. Không biết ông làm thế nào để nói với người nhà, nói chung cuối cùng người nhà trên dương gian đốt tiền, dưới âm phủ Minh Đạt nhìn thấy hai tên lính vác tiền đi mất. Đến khi cảnh tượng nơi âm ti hoàn toàn biến mất, Minh Đạt mới chính thức trở về với dương gian.

Tinh thần và linh hồn của con người trong trạng thái bình thường đương nhiên không thể nhìn thấy được điều đó. Vì thế, rất ít người tỏ ra hoài nghi về quá trình này, càng không có người muốn đích thân trải nghiệm. Trên cõi dương hóa tiền, dưới cõi âm sẽ nhìn thấy những râu tiền tự nhiên xuất hiện. Cũng theo lý đó, những loại vàng bạc, châu báu làm từ giấy sau khi hóa sẽ trở thành vàng bạc châu báu thật nơi cõi âm. Chính bởi vậy, màu sắc của tiền giấy ảnh hưởng trực tiếp đến màu sắc của đồng tiền nơi âm phủ. “Ngụy trang tốt không bằng thành tâm”, tiền giấy được đục chắc chắn không được quy chỉnh như tiền giấy được cắt, nhưng việc chế tạo tiền đã được làm giả từ tiền đồng chuyển sang tiền giấy, vậy thì tiền giấy chuyển từ dạng cắt sang dạng đục thô thiển cũng là điều chấp nhận được. Lấy giấy làm tiền tuy có thể làm tùy tiện, nhưng cũng không thể quá qua loa, cầu thả, chỉ cần đục vài đồng tiền giấy là có thể coi như đã hiểu kính với tổ tiên. (Ví như tiền giấy hiện nay, nhìn cả một xấp thì có vẻ giống tiền, nhưng nếu tách ra thành vài tờ một, có thể sẽ chẳng tìm thấy một “vết tích” nào của chiếc đục.) Ở đây cũng cần coi trọng thái độ nghiêm túc, đó là làm sao khiến con người ta coi những việc viển vông như những việc có thật để thực hiện, và cái có được chính là tấm lòng thành kính hướng tới tổ tiên.

Trong tập mười hai quyển Những chuyện lẻ tẻ về xứ Bắc, Tôn Quang Hiến có nhắc tới sự cầu thả trong việc làm tiền giấy lúc bấy giờ, kết quả, chúng hiện nguyên hình khi được chuyển tới cõi âm. Tề tướng Võ Nguyên Hoành bị thích khách hại chết, linh hồn của ông được đưa trở lại dương thế thông qua một người dân thường bị diêm phủ bắt nhầm, ông truyền lời lại người bạn cũ của mình là Tư Đồ Vương Tiềm rằng: “Sau khi ta chết, rất ít người còn nhớ tới ta. Trong tất cả môn sinh, bạn bè cũ, chỉ có các hạ luôn nhớ tới ta, thường hóa tiền giấy tặng ta, nhưng loại tiền mà các hạ ban cho ta được làm quá mỏng, đến mức sợi dây không thể khâu chúng lại với nhau được. Có lẽ vì các hạ nhiều việc, đôi khi không có thời gian để quan tâm đến điều đó chăng?” Tác phẩm Hà đông chí cũng ghi chép lại câu chuyện này, nhưng có thêm một vài câu

dần dò của hồn ma Nguyên Hoành, ngoài chất lượng tiền giấy quá kém ra, khi hóa vàng nếu không dùng chiếc que để gầy, thì sang đến côi âm, chỗ tiền đó cũng biến thành đồng vụn, không thể tiêu thụ được.

Hai điểm nêu trên đều là sự sơ suất của người trần khi hóa vàng, mãi cho đến tận ngày nay vẫn gặp khó khăn trong việc sửa đổi. Nhưng khi dâng tiền cho tổ tiên, bạn bè, người ta rất dễ cho qua những tiểu tiết, còn nếu đối phương là thần linh, quan chức, thì dù có là ông thổ địa hay tên lính quèn nơi âm thế, người ta cũng không dám tái phạm lần thứ hai. Ít nhất người ta cũng phải kiểm tra về chất lượng “màu sắc” của tiền giấy. Tập hai mươi hai, quyển Tử bất ngữ có câu chuyện về “Ma nữ cáo trạng”, kể rằng có kẻ nào đó khi hóa vàng trả tiền cho lính âm ti, yêu cầu “lấy sáu nghìn tiền giấy, bắt buộc phải bỏ đi tất cả những tờ có khiếm khuyết, đốt bốn nghìn ở phía tiền sảnh, còn lại hai nghìn đốt ở con hẻm cạnh nhà. Sau đó quay về chỗ cửa chính làm lễ tiễn cáo trạng.” Tại sao lại lấy một phần tiền để đốt tại chỗ con hẻm? Theo quy định của nha môn, tất cả những lễ phẩm, tiền tài thu được phải làm công ích, phân phát dựa theo từng đầu mục, tựa như những “kho bạc nhỏ” hiện nay, chúng được công khai trong phạm vi nhỏ, vì thế cần phải hóa vàng tại tiền sảnh, còn hóa vàng trong con hẻm ý chỉ lén lút đưa tiền hoa hồng cho những hộ kinh doanh cụ thể. Tất cả những ai sống trong xã hội này đều hiểu rõ quy định đó, nếu các hạ không hiểu, thì đây có thể coi như một buổi lên lớp dành cho các hạ.

Lại đến Thái Thượng cảm ứng thiên chú, tập mười tám có nhắc tới những điều cấm kỵ khi hóa tiền vàng, không được dùng giấy có tẩm dầu nhóm lửa hóa vàng, nếu không tất cả số tiền giấy được hóa sẽ “tích thành núi tại thành Đông Nhạc, côi âm côi dương trong trời đất đều không chấp thuận.” Cống nạp tiền cho thần tiên trên tiên giới, cho nha môn nơi âm phủ, nếu có dính một chút dầu uế trên đó chứng tỏ không tôn trọng đối phương, thật khiến người ta khó hiểu. Có lẽ điều này được bắt chước theo chốn quan trường nên dương thế, thông thường ở đó quan lại một mặt vợ vét tiền, một mặt lại tỏ ra không ham của tanh hôi, chứng tỏ tấm gương sáng “ta đây địa vị cao sang, không ham tiền bạc”. Chuyện “hối lộ” nơi côi âm còn hà khắc hơn chốn dương gian. Nếu tại dương gian, tiền giấy có màu không đẹp mắt có thể từ chối không nhận, người có tiền có thể xử lý vấn đề màu sắc. Còn đối với những loại tiền âm phủ kém chất lượng, loại tiền không hợp tiêu chuẩn côi âm sẽ “tích lại thành núi”, chính là “núi tiền rách” được giới thiệu trong m sơn bát cảnh. Chỗ tiền rách, tiền bẩn đó chỉ cần được rửa qua lò lửa sẽ trở nên sạch sẽ đến mức không thể sạch hơn, đến mức có thể cống nạp lên Ngọc hoàng đại đế cũng không sao.

Từ những ghi chép trên, giữa hai thế giới âm dương không hề có các cơ quan chuyển phát tiền như ngân hàng hay bưu điện, nhưng không phải vì thế mà giữa chúng không có các quy tắc nhất định. Năm ngoái, tôi có đến ở vài ngày tại tòa nhà Minh Sa ở Triết Giang, thấy tại hành lang ngang phòng khách của khách đi thấy hội có chất rất nhiều túi giấy. Tò mò, tôi hỏi vị sư phụ tại đó, sư phụ nói rằng, đó là “tiền gửi nhà kho”, tức đám khách thấy hội này hóa chỗ tiền giấy gửi tiết kiệm xuống âm ti khác, để chuẩn bị inh sau này dùng tới. Trên mỗi chiếc túi hình như có in một vài con chữ, lúc đó tôi không nhìn kỹ, chỉ đoán đại loại trên đó có ghi địa chỉ nhận tiền. Việc nhận tiền gửi kho ngay từ thời Nam Tống đã có, chúng ta bắt gặp trong Di kiên chí, một bà cụ có một khoản tích góp nho nhỏ, bà bèn đem số tiền đó đi mua tiền giấy mang vào chùa nộp tiền gửi kho, nhưng bà không biết viết chữ, mỗi lần bà đều phải nhờ người nô bộc giúp bà viết số. Tờ số đó như tờ giấy gửi tiền, có thể thấy trong Phật giáo vốn có cơ cấu chuyên quản lý. Một tác phẩm khác của người thời Nam Tống viết, đó là Quỷ đồng, những ghi chép trong đó dường như là một thể loại khác, tức thế giới âm phủ có chức quan thẩm phán chuyên phụ trách thu tiền, rút tiền, chuyển phát tiền và gửi tiền, mười hai tháng sẽ có mười hai phán quan thay nhau lo liệu, họ của phán quan có hình chữ gần giống với từ chỉ địa chỉ của tháng đó, ví dụ Phán quan Tử Nguyệt họ Vu, tháng Sửu họ Điền, tháng Dần họ Hoàng, v.v... Việc này có lẽ tiện giúp cho người gửi tiền sau khi chết có thể dễ dàng tìm vị phán quan này để rút tiền hằng tháng. Như vậy rất giống với “tiền gửi năm” hoặc “tiền bảo hiểm” của con người ngày nay.

Nhưng nếu đó là một hành vi cá nhân thì sao? Hóa tiền trước mộ sẽ là giao tiền tới tay người thân của mình, như vậy đương nhiên sẽ chẳng có vấn đề gì cả. Nhưng nếu khắp mọi nơi, khắp đầu phố cuối ngõ đâu đâu cũng thấy tàn tro của tiền giấy theo gió quần đi khắp nơi, không biết chúng sẽ gửi tới phương nào, điều

đó thực sự khiến người ta không thể an tâm. Trương Trác người thời Đường viết tác phẩm Tất cả những chuyện chính sử và dã sử, trong tập sáu có chương Đỗ bằng cử, viết rằng, khi hóa vàng phải gọi tên người nhận tiền, người nhận tiền sẽ cử người đến lấy. Đây có lẽ là một trong các cách để chuyển tiền, dựa vào việc của con người để xét chuyện của ma. Nếu là trả phí cho quan phủ, con người không thể gọi tên đối phương ra, lúc bấy giờ biện pháp tốt nhất là gặp mặt giao tiền. Còn hóa vàng cho những người thân, bạn bè ở nơi khác, theo tôi được biết, đa số người ta vẫn dùng chiếc túi giấy đựng đầy tiền vàng, nếu được gói ghém, niêm phong cẩn thận, thì ghi trên đó không phải là đường nào, phố nào ở diêm phủ, mà là nơi mộ phần của người đó yên nghỉ chốn dương gian. Năm mươi năm trước đây là như vậy, những năm gần đây hình như rất ít bắt gặp túi giấy, mà người ta chỉ dùng “một nắm đuốc” vẽ thành hình vòng tròn, tất cả những gì bên trong vòng tròn đó sẽ bén lửa và cháy hết, hoặc rút ra một nắm nhỏ tiền giấy rồi hóa ở bên ngoài cửa sổ, nghe nói phải trả cước vận chuyển cho nhân viên bưu điện. Đường nhiên, dù là có một khoản tiền lớn được giao đi, thì lúc này nhân viên bưu điện đó cũng chẳng đưa cho bạn bất cứ giấy tờ chứng nhận nào.

Còn một việc không thể không nói, đó là đến đời Đường, tục đốt tiền đã lan rộng thành trào lưu, nhưng không phải tất cả các loại tiền đều buộc phải đem đi đốt. Vào thời Đường, rất nhiều câu chuyện kể rằng tuy tiền giấy không được hỏa hóa nhưng các hồn ma vẫn có thể có được tiền âm phủ để tiền xài. Như trong chương Vi Lạt quyển Quảng dị ký có kể, mẹ ruột một thiếu nữ đã chết cắt tiền giấy thành vàng chín quan, rồi đặt lên chiếc kệ kê bên cạnh quan tài, ngày hôm sau bà phát hiện chỗ tiền giấy đã thiếu mất ba quan, hóa ra vong hồn của người con gái đã dùng số tiền ba quan đó mua một chiếc gương đồng đặt vào quan tài. Số tiền giấy đó không hề được chuyển xuống âm phủ, mà qua bàn tay của ma quỷ nó lập tức biến thành tiền đồng, nhưng nếu số tiền đó rời khỏi bàn tay của ma quỷ, không lâu sau sẽ được khôi phục lại nguyên dạng. Cô thiếu nữ đáng thương không hề có ý dùng tiền để lừa gạt con người, bởi trong mắt cô tiền giấy chính là tiền đồng. Lại như chương Lô Bội quyển Hà Đông ký có ghi, phu nhân của thần đất đến khu mộ ở ngoại thành lấy tiền và rượu cúng tế của thầy cúng, “có nữ tỳ đi theo thu dọn chỗ tiền giấy rồi chất lên lưng ngựa, vừa đặt lên lưng ngựa chỗ tiền giấy lập tức biến thành tiền đồng. Có thể thấy vào thời điểm bấy giờ, tục không hóa tiền giấy chưa hề bị tuyệt tích, hơn nữa sau đời Đường, tục lệ này vẫn còn dấu hiệu tồn tại.

31. Chương 12 - Part 3

Có những phong tục mang tính địa phương, như người Sơn Tây coi trọng nhất là Tết Hàn thực, trong dịp Tết này người ta cần kiêng kỵ lửa, vì thế vào ngày này tiền giấy không được hỏa hóa. Quyển thượng, quyển Chuyện lườn gà của Châu Mật thời Nam Tống có ghi lại, nếu cúng lễ tại mộ, sau khi lễ xong tiền giấy sẽ được treo trên cây, nếu cúng lễ người thân hoặc bạn bè ở nơi khác thì phải làm “vọng tế”, tức lên núi cao hướng về nơi người thân hay bạn bè của mình đang yên nghỉ, rồi xé lụa âm phủ ném vào không trung, người ta gọi là “tách tiền”. Bởi tiền giấy được xâu thành từng xấp, do đó, lúc này cần tách chúng ra thành từng tờ một rồi ném vào không trung, nhờ gió mang chúng đi. Nhưng tục tách tiền dường như không chỉ hạn chế ở vọng tế. Quyển bốn, quyển Di kiến tam chí dĩ tập, chương Cô gái Tế Nhan Đình có kể, một hồn ma đến dương gian, đi du ngoạn khắp nơi, khi nhìn thấy người cúng mộ đang tách tiền giấy, nó đau khổ thốt: “Không biết cha ta đã thêm đất trên mộ ta chưa?” Có thể thấy, khi cúng mộ cũng có thể sử dụng tục tách tiền.

Không chỉ ở miền Bắc, mà miền Nam cũng có tục đốt tiền giấy. Trong quyển Mặc khách huy tề, Bành Quái, người đời Tống có ghi rằng, Khấu Chuẩn bị xử tử, triều đình ân chuẩn ang xác về quê an táng, khi linh cữu được đưa ngang qua huyện Công An, tỉnh Hồ Bắc, lão bách tính đều ra ngoài đường làm lễ viếng, “họ chặt trúc cắm xuống đất rồi treo tiền giấy lên trên đó”.

Còn có tục đặt tiền giấy lên đỉnh mộ rồi dùng đất cục đè lên. Bàn về phong tục đất nước Trung Hoa có viết về phong tục tảo mộ của người Sơn Đông. Người Sơn Đông áp dụng phong tục đã nói ở trên khi tảo mộ. Nhưng tiền giấy ở đây đã được hóa thành tro, trộn vào trong đất trên đỉnh mộ, rồi dùng đất cục đè lên. Như vậy, số tiền giấy này cũng giống như số tiền giấy rải ra đường khi đưa linh cữu tới nơi mai táng, chúng đều không liên quan đến hồn ma người đã chết đang nằm trong quan tài.

4

Khi sang đến côi âm, tiền giấy sẽ trở thành tiền âm phủ, loại tiền âm phủ này khi quay trở lại dương gian sẽ lại biến thành loại tiền đang được lưu thông ở dương gian. Tuy nó có hạn chế về thời gian, nhưng cũng giống như trò “đấu giá” trên thị trường cổ phiếu, ở đó có không ít những kẻ hớ để chúng ta lách léo. Quảng dị ký đa phần viết về sự chuyển đổi tiền giấy giữa hai côi âm và dương. Chương Vi Lật là một ví dụ, tiếp đến trong Diêm Trắc có viết, Diêm Trắc bí mật hẹn hò với một hồn ma nữ, họ đã từng rất vui vẻ bên nhau. Khi phải chia lìa, ma nữ tặng cho Diêm Trắc một trăm nghìn quan tiền, sai tỳ nữ cất xuống gầm giường trong phòng ngủ. Diêm Trắc nhìn thấy, đợi khi tỳ nữ đã đi khỏi, Trắc nhìn xuống dưới giường quả nhiên có một trăm nghìn quan tiền ở đó. Diêm Trắc chưa kịp dùng số tiền đó vào việc gì thì chúng đã hiện nguyên hình thành tiền giấy, quả là Diêm Trắc đã phụ ý tốt của người tình.

Trong Dương Nguyên Ánh lại nói phải sau ba ngày mới biến thành tiền giấy: “Hồn ma của Dương Nguyên Ánh tặng cho con trai ba trăm quan tiền và dặn dò rằng: “Con phải dùng hết chúng trong ba ngày.” Người con trai nghe vậy bèn bắt đầu mua sắm không hạn chế, sau ba ngày, các thương gia kiểm tra trong tủ tiền của mình bỗng nhiên xuất hiện tiền giấy.”

Ngọc đường hiểm thoại của Vương Nhân Dục kể, một đêm nọ, người bắt cá gặp một người, người đó nói: “Nếu người không bắt ba ba thì ta sẽ cho người tiền.” Người bắt cá đồng ý, liền được cho năm quan tiền. Ông ta mang tiền về nhà, sang ngày hôm sau, ông bỗng nhiên thấy chiếc túi đựng năm quan tiền nhẹ hẫng đi. Ông kiểm tra lại, trong đó toàn là tiền giấy. Người mà đêm hôm qua người ngư dân gặp chính là yêu tinh ba ba, hóa ra yêu quái cũng dùng tiền giấy, đêm hiện hình là tiền đồng, ban ngày biến thành tiền giấy, cũng là sự tương hợp giữa tiền giấy của âm giới và tiền giấy của dương thế, vừa hợp cái lý thường thấy giữa hai thái cực khác nhau: âm - dương. Trong chương Quỷ tốt độ khê, tập mười chín, Di kiên đình chí, tình tiết cũng tương tự như vậy. Các câu chuyện cổ xưa nói về việc ma quỷ đến dương gian để mua đồ thường vào lúc ban đêm, số tiền mang trên người sẽ hóa thành tiền giấy khi trời sáng âu cũng là duyên cớ như vậy.

Nhưng những câu chuyện trên còn tồn tại nhiều vấn đề, chẳng phải tiền giấy sau khi hóa thành tro bụi mới biến thành tiền đồng hay sao? Nếu dựa theo nguyên lý đó thì “nguyên dạng” của chúng phải là tro giấy mới phải. Nếu sau khi khôi phục nguyên dạng vẫn là hình dáng tiền giấy há chẳng phải lại có thể mang tới tiệm đồ vàng mã bán một lần nữa hay sao? Sau khi con người phát hiện ra điểm thiếu sót này, thì những câu chuyện được viết ra sẽ trở nên hoàn thiện hơn. Trong Di kiên chỉ giáp, quyển năm, tại chương Lôi Thần Lôi Châu có kể, Lôi Thần Lôi Châu thưởng ột tên sai dịch phủ Quế Lâm trên trần gian hai nghìn quan tiền, trên đường trở về phủ, người này đã tiêu mất một khoản tiền, khi về đến nha môn, trong túi vẫn còn đủ một trăm quan, anh ta bèn giao lên quan phủ, lúc đó vẫn là tiền đồng. Nhưng chỉ trong nháy mắt, chúng đã biến thành tro giấy. Thời Sơ Thành, trong Từ ngữ mới Quảng Đông, quyển hai mươi tám, Khuất Đại Quan có bàn tới “thành phố ma” của đảo Hải Nam. Hằng ngày cứ vào giữa trưa, ma quỷ lại đến thành phố để mua đồ, khi thanh toán thì phát hiện ra tiền biến thành tro giấy. Còn trong Tử bát ngữ, quyển mười tám, câu chuyện được kể còn kinh sợ hơn, khi chiếc tay nải đựng ngân lượng được đặt trên mặt đất, chúng

quả nhiên phát ra âm thanh va chạm của kim loại, nhưng khi mở tay nải ra, bên trong đã hóa thành tàn tro, chuyển hóa nhanh đến mức như làm ảo thuật vậy.

Chính vì trong nhà của những người dân thường có xuất hiện tiền giấy của ma quỷ, do đó, các nhà buôn bèn nghĩ ra biện pháp để kiểm tra tiền, đó là cách cho đồng tiền nhận được vào trong nước, nếu chìm xuống thì là tiền thật, nếu nổi trên mặt nước thì chắc chắn là tiền âm phủ. Phương pháp kiểm tra tiền này đã được con người áp dụng từ thời Nam Tống. Chương Những vị khách tại quán rượu Uông Nhất, quyển mười, Di kiên tam chí nhâm tập ghi rằng, có ba người khách xuất hiện tại quán rượu, họ uống rượu xong, thanh toán tiền rồi rời khỏi quán. Về sau, chủ quán biết được ba người này đã chết cách đây nhiều năm, bèn đem số tiền mà họ trả ném vào trong nước, trong phút chốc tất cả biến thành tro giấy. Từ đó có thể biết rằng, từ rất lâu, người ta đã biết dùng nước để kiểm tra tiền âm phủ.

Chương Họ Trình mua mũ áo, tập mười, Di kiên tam chí chí mậu tập kể rằng, một phụ nữ mua một chiếc mũ tại gánh hàng rong, khi người phụ nữ đi khỏi, chủ quầy mới cảm giác số tiền vừa nhận được rất nhẹ, bèn cho vào trong nước, quả nhiên số tiền đó nổi lên chứ không chìm xuống, một lúc sau, tất cả đã hóa thành mớ giấy nát. Trong những câu chuyện thuộc loại này, khiến cho người ta cảm thấy thương xót nhất chính là câu chuyện thứ tám, quyển Liệt hoàng tiểu thức của Văn Bình, người cuối đời Thanh.

Sau khi đội quân phía Bắc (quân Thanh) rút lui, bệnh ôn dịch hoành hành khắp kinh thành, người chết vì bệnh nhiều vô kể. Có gia đình nhà mười nhân khẩu chỉ trong một đêm đã không còn ai giữ nổi mạng sống. Đâu đâu cũng thấy những tiếng kêu rên yếu ớt, thật khiến người ta đau xót. Giữa trưa, ma quỷ kéo lên trên phố, mỗi cửa hàng đều đặt một thùng nước lớn bên cửa ra vào, tiền thu được đều ném vào thùng nước đó để kiểm tra giả hay thật.

Trong tác phẩm Lời bạt về hành trình di cư của Hứa Tinh Dương, Chu Di Tôn có ghi chép, thời bấy giờ, ban ngày ma quỷ thường vào thành phố, dùng tiền giấy gõ cửa từng nhà chào mua quan tài. Thế giới loài người gần như trở thành vùng đất của ma quỷ, dựa theo quan niệm về thế giới bóng đêm của Trung Quốc, những linh hồn ma quỷ có thể hoạt động công khai tại chốn dương gian như vậy, chứng tỏ dương khí của thế giới đã rất suy yếu, khiến người ta lơ mơ nhận ra những tai họa lớn hơn sắp ập đến.

Ma quỷ mang theo tiền âm phủ tới dương gian sử dụng, tính chất của nó giống như việc cố ý dùng tiền giả đi mua đồ. Nhưng nếu chúng dùng tiền âm phủ để trả món nợ tại chốn dương gian thì sao?

Chương Mảnh đất Tư Thánh, tập sáu quyển Di kiên chí chỉ giáp tập có ghi chép: Phạm Tuân - một quan nhỏ tại huyện Kiến Xương từng vay trưởng lão chùa Tư Thánh một trăm nghìn quan tiền, hai mươi năm sau, vị trưởng lão đó qua đời, còn Phạm Tuân cũng quên luôn việc trả nợ. Sau này ông ta lâm bệnh nặng, chuẩn bị sang thế giới bên kia, lúc này, ông gọi vợ con đến và nói rằng: “Khi ta cưới nàng đã vay tiền của chùa Tư Thánh, nay thân Gia Lam tại nơi đó sai người thay trưởng lão đến đòi tiền, nàng và các con hãy mau chóng mua tiền giấy hóa cho trưởng lão.” Vợ ông nghe lời, liền đem tiền giấy đi đốt. Phạm Tuân nói: “Hai người đó đã đi rồi.” Xem ra hai người đến đòi nợ đã vui vẻ tiếp nhận, hoàn toàn không gây khó dễ cho người mang nợ.

Đây quả là diễm phúc cho những kẻ quỵt nợ, đã nợ tiền của người ta, lại đợi đến khi chủ nợ chết rồi mới dùng tiền giấy để trả nợ. Nhưng trong xã hội làm gì có chuyện dễ dàng như vậy, vì thế, trong tất cả các câu chuyện ma quỷ, cũng chỉ có câu chuyện vừa rồi là ví dụ duy nhất mà thôi. Chương Viên ngọc phê tử trong Quảng dị ký đã sớm bàn tới việc người chồng dùng tiền riêng của người vợ quá cố, khi người vợ quay về đòi, người chồng liền nói: “Việc này đơn giản thôi!”, ý bảo sẽ dùng tiền giấy để trả nợ. Nhưng người vợ

tức giận nói rằng: “Chàng dùng tiền đồng của ta, nay lại định dùng tiền giấy để trả ư?” Rõ ràng, người vợ không đồng ý. Ma về đòi nợ, nhưng nếu dùng tiền đồng để trả thì số tiền đó lại không tới được tay của họ. Biện pháp khá công bằng dành a quỳ là bắt con nợ dùng tất cả số tiền đã nợ đi mua tiền giấy hoặc mời hòa thượng đến đọc kinh như chương Thí tam sảo, tập mười một, quyển Di kiên bính chí có ghi.

Đương nhiên cách giải quyết tốt nhất là đem số tiền nợ trả cho người thân hoặc bạn bè của chủ nợ. Trong chương Trở thành thần không nhất thiết phải là hiền nhân, quyển hai mươi hai, quyển Tử bất ngữ có kể, một hồn ma đi đòi nợ, khiến kẻ mắc nợ sống trong tình cảnh chết dở, sống dở, kẻ mắc nợ muốn hóa tiền giấy để trả nợ, nhưng hồn ma không phải là một tên ngốc, nó cười lớn rồi đáp rằng: “Lấy tiền giấy để trả nợ tiền thật, trong thiên hạ làm gì có việc dễ dàng như vậy! Hãy mau đưa năm trăm quan tiền cho Lý lão gia, ta sẽ tha cho ngươi.” Vị Lý lão gia đó chính là bạn của hồn ma. Tác giả Viên Mai quá am hiểu mọi việc thoát tục, biện pháp này là hợp tình người nhất, chỉ là các vị hòa thượng hoặc đạo sĩ của chúng ta đã đánh mất một vụ làm ăn mà thôi.

5

Từ những câu chuyện được đề cập ở trên, bạn đọc nhìn chung đã có thể biết tiền giấy được sử dụng như thế nào trong thế giới âm phủ.

Đôi khi chúng dùng tiền giấy rồi mạo nhận là người sống để đến dương gian mua sắm, những hành vi này đồng nhất với hành vi lừa gạt, muốn tạo ra một thế giới hỗn loạn, ở đó người và ma bất phân - đó là việc bất khả thi. Đặc biệt hiện nay, tiền đồng, đinh bạc, châu báu đều không phải là loại tiền được lưu hành, nếu dùng tiền giấy mà trong tất cả các cửa tiệm đều đặt máy soi tiền, vậy thì các món đồ được chế tạo thô sơ chắc chắn không thể lừa gạt được chiếc máy soi tiền hiện đại ngày nay. Đương nhiên, đám dân cờ bạc nơi âm phủ cũng có thể dùng tiền âm phủ đánh cược, không cần phải đổi sang thẻ bài khác, còn những hồn ma thích sưu tầm cũng có thể coi tiền âm phủ là một món đồ sưu tầm khá thú vị, nhưng khi đó nó đã tách rời ý nghĩa gốc - tiền tệ lưu hành.

Mục đích lớn nhất và chính thức nhất của tiền giấy đó là đi biếu. Tất nhiên lễ vật ở đây không phải là những món quà của gia đình bình thường đi lại với nhau, mà là những món quà biếu thị lòng hiếu kính quan phủ, đó là những khoản đáp lễ dành cho từ những tên lính quen cho đến Diêm Vương gia. Cổ ngữ có câu: “Nếu như có ông Diêm La Vương giống như Bao Chửng, thì có ngấm ngấm hối lộ, kéo quan hệ cũng không được.” Câu này con người chúng ta chẳng cần phải nghe, bởi Bao Chửng vốn là quan thanh liêm, nhưng các vị nắm giữ luật pháp dưới âm phủ chưa bao giờ biết ăn chay là gì cả. Từ lúc vong hồn cất bước trên đường, những tên lính nha phủ của quỷ đã đòi “lì xì”, hoặc còn gọi là “tiền công đức”. Các vị không nhìn thấy những xâu tiền giấy được treo trên chiếc cổ trắng đen khác người kia sao? Vì thế phong tục ma chay nơi dương gian, người chết ba ngày phải đi đốt “tiền lên đường”, đó là tiền biếu cho những tên sai nha áp giải hồn ma xuống âm phủ. Sau khi hồn ma lên đường, đi qua các cửa cũng phải tiền, qua cầu cũng tiền, tiền đó được gọi là “qua bên qua cầu, nơi nào cũng có thần ở, không đưa tiền sẽ không được qua”. (Xem chương Lý Bách Niên, quyển mười một, Tử Bất ngữ.) Cũng phải! Hơn nữa còn phải đốt tiền cho lũ quỷ hoa, quỷ thổ phỉ, quỷ cướp xe... trên đường đi. Cứ như vậy, vong hồn không mang theo tiền bên mình sao được? Còn nữa, theo thuyết pháp nhà Phật, âm phủ vừa là giám ngục, vừa là công đường, cuối cùng còn có “văn phòng luân hồi” chuyên xử phạt các linh hồn. Vì vậy, khi lên công đường, thẩm vấn, phán quyết, cứ lần lượt đi qua từng cửa, không cửa nào là không phải đốt tiền lệ phí, hàm oan cũng phải biếu tiền, bắt nhậm cũng phải biếu tiền, và quy tắc ở đó cũng là ăn cả của bên bị lẫn bên nguyên, một núi tiền được hóa xuống âm ti vẫn chưa đủ. Có người nói rằng: “Ánh sáng vàng soi phủ khắp mặt đất, chính bởi thế khiến điện Diêm Ma tràn ngập màu đen, hối lộ thực hiện công khai, khắp nơi chìm ngập trong thứ phong khí bại

hoại, những cái chết oan xuất hiện mọi nơi, cả không gian là một màu đen ghê rợn.” (Liêu trai chí dị - Tích Phương Bình). Vì vậy, nói cho chính xác rằng, việc hồn ma đòi tiền, đối với vong hồn của kẻ dân đen mà nói thực sự là việc bất đắc dĩ, còn đối với hồn ma của kẻ giàu sang phú quý, đó là sự đảm bảo để duy trì quyền uy cũng như sự sung túc trước khi từ giã cõi trần.

Có điều ở đây đã xuất hiện một khe hở, âm phủ không có chợ búa, cửa hàng, tiền trong tay những người dân thường cũng chỉ là mấy đồng bạc lẻ, vậy các vị quan quở kia nhận chúng để làm gì? Bất kể việc gì cũng luôn có cái lý của nó, không cần thiết phải suy nghĩ, đắn đo quá nhiều. Việc quan quở nhận tiền dứt lốt được giải thích với hai lý do sau: hoặc là dưới âm phủ có xây dựng những cửa hàng đặc biệt chỉ dành cho quan lại đến mua sắm, thậm chí còn có cả những hộp đêm, các câu lạc bộ, tuy hàng đẹp, giá hời nhưng không có tiền thì cũng chẳng thể bước vào những nơi đó, mà tiền ít lại không thể vui chơi thoải mái, hoặc là một khi ma quở đã trở thành quan, họ cũng sẽ giống như những tên tham quan nơi trần thế, ngu muội đến mức chỉ thấy tiền là thứ tốt, thứ hay, có tác dụng hay không thì cũng mang chúng về nhà trước đã.

Đối với những người tin vào quỷ thần, một khi sự việc được đưa ra, sẽ khó tránh khỏi khiến họ cụt hứng. Dẫn rằng người xưa biết rõ mọi việc, nhưng cũng chỉ biết ngậm miệng làm ngơ. Còn tình hình thực tế là mặc dù người xưa mê tín, nhưng họ vẫn tin, thực sự tin rằng số tiền giấy đến tay những người thân quá cố của họ chẳng được bao nhiêu, nếu không họ đã chẳng mất công dựng nên những câu chuyện về tiền giấy để luận chứng cho việc này. Trong tâm họ thực sự không tin, nhưng tiền giấy họ vẫn cứ phải đốt, ý nghĩa của việc hóa tiền vẫn tồn tại trong đời sống của con người, mục đích để gửi gắm vào trong đó niềm thương nhớ đối với những người quá cố. Như Đậu Nga trước lúc bị hành hình có nói với mẹ chồng rằng: “Thưa mẹ, sau khi con chết, mỗi ngày lễ tết và Rằm hàng tháng, nếu có loại hương không chất được ra nước thì xin mẹ hãy chất cho con nửa bát, có loại tiền giấy không đốt được, thì hãy đốt cho Đậu Nga một trăm tờ. Như vậy là mẹ đã thương đứa con quá cố của mình rồi đấy.”

“Rau dại cũng trở thành sơn hào hải vị, tương ớt cũng trở thành rượu ngon.” Chỉ cần con cháu còn nhớ tới thì tất cả bấy nhiêu thôi cũng sẽ trở thành một bữa tiệc thịnh soạn không gì thay thế nổi.

Cho dù cái mà họ đang đốt chỉ là phế liệu.

32. Chương 13 - Part 1

Chương 13: La phong sơn đích trầm một [1]

[1] Sự biến mất của núi La Phong.

Nói ra cũng lạ, dù thế nào thì âm phủ vẫn là nơi mà mỗi người chúng ta đều phải đi mà hơn nữa thường chỉ được đi có một lần. Nếu xét về lý đó, nó chẳng cần phải dựa vào quảng cáo để thu hút khách như những khu du lịch. Nhưng các vị hòa thượng hoặc đạo sĩ lại không nghĩ như vậy, họ cho rằng không những phải tạo ra một vài cửa sổ tuyên truyền cho Diêm phủ ở chốn dương gian, mà thậm chí còn phải làm sao cho nha môn của âm ti cũng được chuyển lên mặt đất. Thái Sơn tất yếu trở thành một căn cứ địa lý tưởng, dưới núi có sông Nại, trên núi có hẻm ma, có đỉnh Vọng hương, tên đã được đặt sẵn, xem chừng chỉ đợi Đông Nhạc Đại đế đến đảm nhiệm vị trí Thiên tử Diêm phủ, làm lễ tại điện Thiên Huống. Đáng tiếc thay, chế độ triều đình cai quản khiến thân phận chính đáng của Thái Sơn lập tức được liệt vào hàng ngũ các nơi cúng

tế của triều đình. Tuy rằng từ kinh thành cho đến khắp huyện Phủ Châu, tất cả các ngôi miếu Đông Nhạc (còn gọi là hoàng cung Đông Nhạc) đã ngập tràn quỷ khí, nhưng ngọn Thái Sơn Ngọc Tổng vẫn là đại bản doanh của Đạo giáo chính thống, ngôi vị tế trời, tế đất không thể bị thay đổi. Từ Đại Miếu dưới núi cho đến Nam Thiên Môn Đình Ngọc hoàng nơi đỉnh núi, tinh khí của bậc thiên tiên vương đế trên khắp những con đường khiến Diêm Phán quan phải kính nể, sợ hãi tới mức không dám ngẩng đầu lên, kết quả nha môn âm ti chỉ có thể xây dưới chân núi Thái Sơn. Không ngờ, chỉ nhân lúc ngàn năm của Thái Sơn Phù Quân (chỉ thần núi Thái Sơn - cái tên do Đạo gia đặt) đã khiến đỉnh Thái Sơn về mặt địa lý cũng mãi không thể trở thành kinh đô của ma quỷ, còn Phong Đô ở Tứ Xuyên lại vô tình trở thành “Quỷ thành” - thành phố của ma quỷ.

() Phong Đô tức () Phong Đô - Tứ Xuyên ngày nay, cái tên () Phong Đô do Thủ tướng Chu n Lai đề nghị đổi từ () Phong Đô sang () Phong Đô năm 1958 nhưng nó thực chất vẫn là cái tên cũ. Trước đời nhà Nguyên, tên chính thức của nơi này vẫn là Phong Đô. Cho đến năm Hồng Vũ đời Minh, có lẽ do cảm thấy sự bội thu của nông gia không có lợi trong việc trị quốc an dân bằng việc tạo thần gây quỷ mới đổi tên thành () Phong Đô. Hơn năm mươi năm trước, cái tên này được đổi lại, âu cũng coi như đã thoát nạn quy chính, nhưng sẽ chẳng có kẻ nào vì một thứ gì đó mà sửa tên của cả một vùng đất.

Núi Bình Đô huyện Phong Đô là một trong bảy mươi hai vùng đất của Đạo Thu, vốn được coi là vùng đất của thần tiên, sau này trở thành Phong Đô thành quỷ, nghe nói có hai lý do. Một là, Đạo giáo có ngọn núi quỷ thần La Phong, còn có tên khác là Phong Đô. Lý do thứ hai xuất phát từ một sự hiểu nhầm, núi Bình Đô của huyện Phong Đô từng xuất hiện hai vị tiên m và Vương, hai cái tên “m Quân” và “m Vương” khiến người ta không khỏi hoài nghi nơi này chính là nơi “hành tại” của thiên tử Diêm La. Trong Ngô thuyền lục, quyển hạ của Phạm Thành Đại, thời Nam Tống có ghi: cách huyện Phong Đô chừng ba dặm có núi Bình Đô. Tương truyền Tiền Hán Vương Phương Bình và Hậu Hán m Trường Sinh đều quy tiên đắc đạo ở đó. Có lò luyện đan m Quân và đền thờ Lương Quân vẫn còn đến ngày nay. Phía sau ông còn nhắc tới, Đạo giáo gọi địa ngục, âm phủ là cung Phong Đô. Các vị đạo sĩ hỏi: “Cung Phong Đô có phải chính nơi đó?” Vào đời Hán, Vương Phương Bình và m Trường Lạc lần lượt lên núi Bình Đô tu luyện để trở thành thần tiên. Dưới chân núi được bao quanh bởi dòng Mân Giang (khu vực thượng lưu sông Trường Giang), cổ nhân đã từng ghi chép về vẻ đẹp tuyệt vời của núi Động Cung. Nghe nói Đình Bắc m Thần đế là nơi tắm tối chuyên giam hãm các hồn ma. Cả hai lý do đều được ông nhắc tới, nhưng ông thấy bất ngờ trong việc động phủ thần tiên lại biến thành địa ngục Bắc Phong.

1

Vào thời Nam Tống, Phong Đô vẫn chưa trở thành quỷ thành, chỉ có một Đạo quán tên “Phong Đô quán”. Nguồn gốc của Đạo quán này khá phức tạp, ngay cả Huyền Diệu quán ở Tô Châu, Bạch Vân quán ở Bắc Kinh cũng không thể so sánh được với Đạo quán này, bởi nó là nơi “tụ tập, thu nhận tất cả các hồn ma, không phân biệt giới tính, giai cấp, học thức”. Ngay từ thời Bắc Tống, chỉ cần một tiếng hô từ miệng của “quán chủ Phong Đô” là mấy vạn sinh mạng được tiến hành mua bán xong (điều này xin được nói kỹ ở phần sau). Còn trong Di kiên chí chí quý tập, Hồng Mại cũng từng nói: “Nơi mà Đạo giáo gọi là “địa ngục Bắc Cực” chính là nằm ở dưới chân ngọn núi nhỏ mà Phong Đô quán đang tọa lạc.

Nhưng nghiêm túc mà nói, ngoài hình chữ gần giống nhau, cách đọc giống nhau ra thì những ngọn núi nhỏ ven các con sông lớn tại nơi đó thật khó có thể tạo ra mối liên hệ với núi La Phong - nơi “nằm tại vùng đất thứ mười của kinh thành phương Bắc, chu vi ba trăm nghìn dặm, cao ba nghìn sáu trăm dặm (chương Thiên u vi, tập mười lăm, Chân cáo của Đào Hồng Cảnh thời Đường), càng không cần nói tới những mối liên hệ khác. Nếu tìm hiểu sâu hơn một chút nữa về núi Phong Đô sẽ khiến chúng ta hiểu được nhiều điều.

Nếu liên hệ giữa hai nơi này với nhau thì chẳng khác nào đi so sánh giữa nước Brazil của châu Nam Mỹ với huyện Đông Ba của tỉnh Hồ Bắc.

Nếu theo cách nói chung chung thì núi La Phong có thể được xem như một loại hệ thống “âm phủ” thời cổ đại. Nó ra đời khoảng thời Đông Tấn, xét về mặt thời gian, nó xuất hiện muộn hơn so với hệ thống Thái Sơn Phủ Quân và Diêm La Vương. Nó là sự sáng tạo của học trò Đạo giáo phái Thượng Thanh thời Tấn. Tuy nó vay mượn không ít từ Phật giáo, nhưng không xét từ chính thể, nó đã cố gắng “Hoa Hạ hóa”. Nhưng nó không phải là một quỹ đồ (kinh đô của quỷ) thuần túy, mà là kinh đô chung giữa quỷ và thần, dựa theo quan niệm quỷ thần là một của người Trung Quốc cổ đại. “Dưới núi có Động Thiên, bên trên và bên dưới Động Thiên không hề có cung thất của quỷ và thần. Trên núi có lục cung, trong phạm vi nghìn dặm của lục cung là cung điện của quỷ và thần.”

Trên núi và trong động mỗi nơi đều có sáu cung tương ứng. Người thường khi chết sẽ đến cung đầu tiên là cung Trụ tuyệt âm, những người đột tử sẽ vào cung Tông thiên thú tội, hiền nhân, thánh nhân qua đời sẽ phải qua Minh thần nại phạm vô thánh thiên cung. Cung thứ tư quản lý họa - phúc - cát - hung, xử lý vấn đề chuyển thế cho các hồn ma sống lại, giết người hoặc làm việc xấu. Cung thứ năm, Tông linh thất phi thiên cung tiếp nạp những loại hồn ma nào không được ghi rõ, có lẽ là do danh sách gốc bị thất lạc, đến nay không còn tra tìm được nữa.

Chủ nhân và những người làm việc ở núi La Phong đều do các vị thần “người lai quỷ” đảm nhiệm. Người có địa vị cao nhất tại La Phong được gọi là vua quỷ, hay có tên gọi khác là Bắc Thái Đế Quân. Sau này, tất cả các vua quỷ có chữ “Phong”, “Bắc” đa phần đều là con cháu của Bắc Thái Đế Quân. Tác giả Cát Hồng thời Đông Tấn, trong quyển Sách gối đầu có viết, quỷ đế phương Bắc cai quản núi La Phong, quỷ đế mang tên Trương Hoàn, Dương Vân (tức Trương Tử Bình và Dương Tử Vân đời Hán). Đến thời Lương, Đào Hồng Cảnh lại cho rằng danh vị Trương Hoàn và Dương Vân quá thấp, nên trong Chân cáo, ông tiến hành sắp xếp như sau: “Viêm Khánh Giáp, tức Cổ Viên Đế là Bắc Thái Đế Quân, cai quản quỷ thần trong thiên hạ, quản lý núi La Phong.” Viêm Đế chính là thần Nông thị, “do anh minh nên được làm vua”, theo lý mà nói thần Nông thị phải ở miền Nam, nhưng không hiểu sao lại thành vua quỷ phương Bắc.

Tuy mạo nhận tên Phong Đô để trở thành quỷ thành, nhưng Phong Đô nhất định không chịu phủ nhận sự thật có liên hệ tới La Phong, đó là bởi mô thức của núi La Phong thực sự quá xa vời so với nhận thức của bách tính. Cơ cấu mười điện Diêm La vô cùng đơn giản, ngoài Diêm Vương ra, nhiều nhất cũng chỉ có lục tào phán quan, đầu trâu mặt ngựa, Hắc Bạch vô thường không khác biệt so với những tên sai nha và huyện quan mà lão bách tính thường gặp là mấy. Nhưng cung La Phong này lại có quy mô như một “triều đình”.

Bắc Đế sống tại cung thứ nhất trong sáu thiên cung. Có hai người đi theo phò tá là Thượng tướng Tàn Thủy Hoàng và Thái phó Tào Mạnh Đức.

Dưới Bắc Đế còn có bốn minh công, đều là những nhân vật là thầy dạy và bạn bè như Tây Minh Công kiêm lãnh đạo đội quân Bắc Đế sư là Chu Công Đán, Đông Minh Công kiêm lãnh đạo đội quân Đẩu Quân Sư là Hạ Khởi, Nam Minh Công là Chiêu Công Thích, Bắc Minh Công là Ngô Quý Lễ. Thuộc hạ của bốn vị minh công này gồm có một hoặc hai vị “thần hữu”, như Hán Cao Tổ Lưu Bang, tiểu bá Vương Tôn Sách đều nằm trong số thần hữu của họ. Chức trách của bốn vị minh công này là “quản lý ma quỷ bốn phương” nhưng họ cũng chia nhau quản lý bốn trong số sáu thiên cung của Phong Đô.

Cung thứ ba trong sáu thiên cung do “Quỷ quan Bắc Đẩu quân” Chu Vũ Vương làm chủ. Ở thời cổ đại, Bắc Đẩu chuyên quản lý sự sống chết của con người. “Bắc Đẩu bắt chết” là cách nói đã có từ rất lâu, ảnh

hưởng rất lớn đến cuộc sống con người. Các Đạo sĩ thời Nam Triều muốn né tránh cũng không được, họ luôn phải đối đầu với Bắc Đẩu thật tử tế. Nhưng cũng một đại thần tiên quản lý sự sống vừa mới được sinh ra không lâu là Thái Sơn Phủ Quân lại không nhận được sự nể trọng như vậy. Trong quyển Chân cáo có “Thái Sơn quân” Tuân Di thực chất chính là Thái Sơn Phủ Quân, khi đó là một trong “tứ trấn”, cùng với Lô Long Công, Đông Việt đại tướng quân, Nam Ba Hầu, mỗi người lãnh đạo cả vạn quân ma quỷ, tuy bề ngoài có vẻ rất hiên hách, nhưng rõ ràng, họ chỉ được sử dụng như những nhân viên cấp thấp, không còn tư cách thống trị nữa.

Còn có “Đại cấm thần” tương đương chức Thượng thư lệnh, “Trung lang trực sự” tương đương chức Thượng thư, “Trung cấm” tương đương chức Trung thư lệnh giám, những chức vụ này đều do thế hệ như Hán Vũ Đế, Tôn Kiên đảm nhiệm. Phía Bắc Đế còn có tám thị thần, địa vị tương tự Thị trung, Tử Nguyên Trực (người cưỡi ngựa đi tiễn cử Gia Cát Lượng với Lưu Bị) và Bàng Đức (người bị Quan Vũ bắt sống) cũng nằm trong số đó.

Phong Đô có tổng cộng hai thiên môn, Nam Thiên Môn là cửa chính của Phong Đô, đó là cửa của Bắc Đại Đế Quân, còn Bắc Thiên Môn là cửa của Bắc Đẩu Quân. Mỗi cửa có hai gác canh, mỗi gác canh có bốn vị Tu Môn Lang, chức “quan canh cửa” này là chức vị thấp nhất tại La Phong sơn.

Tóm lại, các đạo sĩ thời Tấn, Lương đã thu xếp cho La Phong sơn hơn một trăm vị vua chúa, quan tướng, trang bị cơ quan đầu não của âm phủ một cách tương đối toàn diện, dựa theo quy mô của triều đình lúc bấy giờ, nhưng họ lại bỏ qua bậc quan lại địa phương ở âm giới. Trong hệ thống Thái Sơn Phủ Quân, địa vị của Thái Sơn Phủ Quân chỉ tương đương những tên sai dịch đi bắt bớ lũ quỷ phạm tội, để bộ máy quốc gia âm phủ này có được đối tượng thống trị. Còn La Phong sơn lại chỉ là một triều đình bé nhỏ, là bộ máy có hình thức đẹp mắt nhưng không vận hành được.

Kỳ thực, gia đình thần tiên xuất thân từ tầng lớp quan tướng này không quá quan tâm đến việc bộ máy quốc gia của âm giới có phù hợp hay không, cái mà họ cần xây dựng đó là toàn bộ hệ thống âm phủ, nhân vật chủ chốt của hệ thống này phải là những bậc tiên nhân đắc đạo, còn âm phủ chẳng qua chỉ là nhánh cuối cùng của hệ thống đó. Trong tác phẩm Chân linh vị nghiệp đồ, Đào Hồng Cảnh viết, thế giới của các linh hồn được phân làm bảy “cấp”, cũng chính là chỉ bảy giai cấp, mỗi giai cấp lại được chia thành trung, tả, hữu. Ví dụ, ở giai cấp đầu tiên, cấp trung là chỉ vị thần tối cao của Đạo giáo nguyên thủy là Thủy Thiên Tôn, hai cấp tiếp theo là cấp tả và hữu chỉ tầng lớp Cao thượng đạo quân và Nguyên hoàng đạo quân.

Sáu giai cấp còn lại được sắp xếp tựa tựa nhau. Các vị quan quý tại La Phong sơn (bao gồm cả Bắc Đế, Viêm Đế) đều bị ép xuống giai cấp thứ bảy, cũng là giai cấp cuối cùng. Nếu đặt câu hỏi với Đào Hồng Cảnh: “Vai vế của họ được quy định như thế nào?” Họ quả không khách sáo chút nào, tất cả các bậc tiên sư như Vương Phương Bình, Ngụy Phu Nhân, Dương Nghĩa cho đến các bậc phụ lão nhà họ Hứa đều được đưa lên giai cấp thứ hai, và nơi đó đương nhiên có dành một chỗ cho Đào Hồng Cảnh.

Người bạn cũ của Đào Hồng Cảnh, thực ra là Tiêu lão - Hán Vũ Đế - cấp trên của Đào Hồng Cảnh, sau khi Hán Vũ Đế qua đời, nhờ vào quan hệ cũ, Đào Hồng Cảnh được hưởng đãi ngộ của “đức thánh thượng”, “am hiểm tam quan thư, là kẻ cai quản địa phủ”, vẫn phải qua một nghìn năm sau mới lên được chức “Ngũ Đế Tam Quan”, qua một nghìn bốn trăm năm sau “mới được du ngoạn vũ trụ, trở thành “trung tiên” của Cửu Cung. Mà trong Cửu Cung, “trung tiên” chỉ tương xứng với tư cách thấp nhất có thể lên triều gặp Thủy Nguyên Thiên Tôn, đến lúc đó, tiên lão có bậc thang cũng không chạm tới gót chân của Đào Hồng Cảnh. Đương nhiên, chức quan này vẫn hơn chức coi nhà vệ sinh tại Thiên Cung của Vương Lưu An (người Hoắc Nam) sau khi đắc đạo thành tiên.

Đào Hồng Cảnh nghĩ ra dụng ý của Chân linh vị nghiệp đồ là để đề cao địa vị của tiên nhân ở mức cao nhất có thể. Cho dù có là thánh nhân hiền thần cũng không thể bằng một tiên nhân bình thường. “Sỹ tộc thần tiên” thời Nam Triều muốn giả vờ không tiếp nhận hương khói chốn nhân gian và khinh miệt quyền vị, nhưng trong thâm tâm không giấu nổi những khao khát về quyền thế, tiền của, vì thế một mặt họ giẫm đạp lên các vị thánh quân hiền thần dưới gót chân, một mặt lại làm “Tể tướng sơn trung” của Hoàng Đế chốn nhân gian. Đào Hồng Cảnh thuộc thành phần đại trí thức với danh hiệu “Hoa Dương ẩn cư”, được người đời tôn xưng là người am hiểu Nho - Phật - Đạo, có lẽ họ muốn chỉ việc ông ta lấy thân phận Đạo giáo để ăn cắp đồ của Phật giáo phục vụ Đế vương gia.

2

La Phong sơn có sáu Thiên cung, hay còn gọi là “Phong Đô cung”. Vì vậy, nó không phải là “địa phủ”. Nó kế thừa truyền thống hồn quay về trời của Trung Quốc. Sau khi chết, con người sẽ thành ma, phải qua La Phong báo cáo, ở đó họ có thể tìm thấy địa vị của mình. Đây là một thế giới thần quỷ tương đối lớn và phức tạp chứ không phải âm phủ theo nghĩa thông thường.

Tuy nhiên, sự việc lại xuất hiện sự thay đổi đầy kịch tính. La Phong sơn với chủ thể là sáu Thiên Cung không hiểu sao lại trở thành một địa ngục khổng lồ. Từ đó, “La Phong cung” còn có tên hiệu “ngục La Phong”.

Trong quyển Chân Cáo của Đào Hồng Cảnh, núi La Phong tuy thu nhận các hồn ma, nhưng lại không có địa ngục, bởi núi La Phong hồi đó không có chức năng của một âm phủ, hoàn toàn không có chức năng giam giữ, thẩm vấn, giám sát, trừng phạt như Diêm phủ quản lý ma quỷ, nó cần địa ngục để làm gì chứ? Rất nhiều ma quỷ ở La Phong sơn thống soái hàng trăm triệu hồn ma, giết ma, chém ma cũng lên con số hàng vạn. Nhưng những tên ma quỷ bị giết không phải là hồn ma do con người chết đi hóa thành, mà là lũ quỷ ôn dịch, quỷ ác, quỷ tà ma, cũng chính là hơn một trăm loài ma được liệt kê trong Kinh thần chú thời Tây Tấn như: ma Xích Sách, ma Xích Vĩ, ma Xích Dịch, ma Đô Lô... Những loài ma đó nhận sự thống lĩnh của Ma vương, “chúng đông tới cả triệu con, tấn công giết hại dân thường”. Chúng phát tán dịch bệnh cho những người vô tội, vô số người đã chết vì bệnh, chịu cảnh gia đình phân ly. Chúng truy đuổi thần bếp, khiến tất cả các vị thần trong nhà cho đến con người đều lo lắng không yên. Ma quỷ không ngừng phát tán hàng nghìn loại bệnh, người dân đau đớn vì bệnh tật, ma quỷ thừa cơ làm tội, tùy tiện tác oai tác quái. Trong Chân cáo thỉnh thoảng cũng có nhắc tới địa ngục, như: “Gieo tội ở trên trời chịu tội dưới địa ngục...” Đây chẳng qua chỉ là sự góp nhặt, vay mượn từ Phật giáo, hơn nữa, “địa ngục” ở đây không phải nằm trong núi La Phong.

Nhưng bỗng chốc, trong tác phẩm của phái Linh Bảo ra đời muộn hơn một chút so với tác phẩm của Đào Hồng Cảnh, nói núi La Phong có địa ngục trong đó. Tứ cực minh khoa kinh có nhắc tới núi La Phong, nói rằng trên núi, khu vực trung tâm và dưới núi mỗi nơi đều có tám ngục, mỗi ngục có tên gọi riêng, như tám ngục trên núi gọi là thứ nhất Lam Thiên ngục, thứ hai Bình Thiên ngục, thứ ba Hư Vô ngục, thứ tư Tự Nhiên ngục, thứ năm Cửu Bình ngục, thứ sáu Thanh Chiếu ngục, thứ bảy Huyền Thiên ngục, thứ tám Nguyên Chính ngục. Chủ quản tám ngục trên núi là Thượng tiên tam quan, chủ quản tám ngục ở trung tâm núi La Phong là Trung tiên tam quan, chủ quản tám ngục ở dưới núi là Hạ tam quan, tổng cộng có hai mươi tư ngục, nằm ở phí bắc núi Phong Đô.

Vốn là mười hai thiên cung ở trên và dưới núi Nam Phong bỗng chốc biến thành hai mươi tư địa ngục ở trên, giữa và dưới núi. Hai mươi tư ngục mỗi nơi đều có mười hai viên lại (người hỗ trợ quan phủ), lũ đầu vàng, mặt sắt, cực thiên, lực sĩ, mỗi nhóm hai trăm bốn mươi tên, trong tay cầm búa vàng, gậy sắt. Tất cả lũ quỷ phạm tội đều được đưa tới khu địa ngục dành cho chúng, ở đó chúng bị những tên lực sĩ còng lại bằng gậy sắt.

Rõ ràng, đây là sự mô phỏng địa ngục như trong Phật giáo, được tiến hành cải tạo ở núi La Phong. Sự cải tạo này thực sự táo bạo, hóa ra Bắc thái đế quân, thượng tướng, thái phó, Tứ minh công cho đến những kẻ chức vị thấp nhất như gác tướng hai khu thiên cung, Tu môn lang, tất cả đều đã biến mất, thay thế vào chốn cung đình đồ sộ này chỉ là Tam quan và viên lại, lực sĩ của chúng. Sáu thiên cung trước kia, cứ hai thiên cung thì lập một quan, sáu thiên cung lập ba quan, giờ đây trở thành mỗi khu tám ngục có Tam Quan, hai mươi tư ngục có tổng cộng ba Tam Quan. Chức trách của Tam Quan vẫn là xử hình theo tội, nắm giữ quyền tra khảo, cũng có nghĩa là, trong bỗng chốc, núi La Phong đã từ một tiểu triều đình biến thành một đại địa ngục.

33. Chương 13 - Part 2

Nhưng đây chỉ là phương án cải tạo La Phong một cách cực đoan, còn có phương án vẫn lưu giữ được khá nhiều điểm của La Phong cũ, đó là chỉ cần thiết kế thêm một địa ngục vào trong ngọn núi thần quỷ trước đây, nhưng quy mô của địa ngục này lại lớn gấp nhiều lần so với “bốn địa ngục kia”. Những tài liệu ghi chép về phương án này có chương Ngọc cách, quyển Đậu dương tạp trở của Đoạn Thành Thức thời Đường.

Chủ quản địa ngục vẫn là người chủ cũ của Cung La Phong: “Viêm Đế chính là Bắc thái đế quân cai quản quỷ thần trong thiên hạ.”

Địa ngục có luật pháp, được gọi là “tam nguyên phẩm thức, minh chân khoa, cửu u chương”. Sổ sinh tử của địa ngục được phân ra làm sổ “đen, xanh, trắng, đỏ”.

Hình phạt có “đường mông sơn thạch, phó thái sơn, đường dạ sơn thạch, hàn hà nguyên, tây tân thúy trí, đông hai phong đao, điện phong (còn gọi là lôi phong), tích dạ hà”[2].

[2] Những đoạn văn được trích dẫn tại đây sử dụng bản có dấu câu của những năm gần đây, có phần hơi khó hiểu. Tôi thấy rằng, nếu ngắt câu như sau sẽ dễ hiểu hơn phần nào: “Đỡ đá núi Mông, Phó Thái sơn, đỡ đá Dạ Sơn, nước Tây Tân chảy ra Đông Hải, Phong Đao, Hiện Phong, tích dạ hà”. Ở đây có thể nhầm một số chữ, nhưng vẫn có thể hiểu được, tức là bắt quỷ phạm tội phải khuôn đá ở núi Mông chuyển lên đỉnh Thái Phong, gánh đá ở núi Dạ Sơn để lấp chặt nguồn nước sông, gánh nước ở hồ Tây Tân đổ ra biển Đông, cũng có nghĩa là bắt quỷ phạm tội phải làm những công việc khổ sai vô ích mà lại dày vò thể xác, để từ đó cải tạo tư tưởng của chúng. Còn về Phong đao, có lẽ là chỉ hai vị quan bên trái và bên phải Phong Đao,

điện phong có thể là dùng sét trừng phạt, tích dạp hà chúng ta đã bắt gặp ở Tứ cực minh khoa kinh, tức là gánh đất ở Mông Sơn để lấp đầy sông Tích Dạp.

Nơi quản lý địa ngục gồm: “Liên Uyển, Khúc Tuyền, Thái Sát, Cửu U, Vân Dạp, Cửu Đô, Tam Linh, Vạn Lược, Tứ Cực, Cửu Khoa”. Lại nói rằng, “ba mươi sáu địa ngục”, rồi lại có hai mươi tư ngục, với các tên hiệu: Cửu Bình, Nguyên Chính, Nữ Thanh, Hà Bắc,... Con người phạm năm nghìn điều ác sẽ trở thành quỷ ngũ ngục, phạm sáu nghìn điều ác là tù nhân ngục hai mươi tám ngục, phạm hàng vạn điều ác dày xuống ngục Bộ Lệ. Như vậy, người ta nói có ba mươi sáu ngục, hai mươi tư ngục, năm ngục, hai mươi tám ngục, ngục Ty Lệ và các ngục nhỏ trong đó đều không giống nhau.

Dậu dương tạp trở - quyển sách viết về truyện cực kỳ ma quái, kể về những sự việc nhảm nhí, vô căn cứ, còn những quyển sách quý khác cũng thường mắc những sai lầm (Tóm tắt Tứ khổ toàn thư). Quyển sách tuy ra đời vào cuối đời Đường, nhưng trong chương Ngọc cách lại ghi lại những điều trong sách Đạo giáo của triều đại trước và những người cùng thời chưa từng biết tới, vì vậy, nó được liệt vào danh sách những “sách quý” còn lưu lại. Có thể suy đoán một cách bảo thủ rằng, những ghi chép của Đoạn Thành Thức về Phong Đô không thể ra đời sau thời Đường. Núi La Phong lúc này tuy vẫn giữ lại sáu thiên cung, Bắc đế thái quân, Tứ minh công, nhưng đã có sự khác biệt về tính chất, trên thực tế chúng tương đương với mười sáu địa ngục (tám địa ngục lửa, tám địa ngục băng) trong kinh Phật, chỉ là chúng đã được đổi tên và đổi cả chủ cai quản. Rõ ràng, núi La Phong đã không còn là núi Nam Phong của các đạo sĩ thời Nam Triều nữa, mà là phiên bản Đạo giáo của “địa ngục Thái Sơn” trong kinh Phật.

Chỉ có điều, “phiên bản Đạo giáo” này không những ăn bớt, mà còn làm mất đi sự thật. Dem so sánh giữa nó và địa ngục trong Phật giáo có ghi thì có thể nhận ra, các đạo sĩ chẳng qua cũng chỉ là gác thêm chiếc chõng bên dưới chiếc giường của người ta mà thôi, tuy đã cố gắng khoác lác về số lượng quỷ quan, cũng như địa ngục nhưng tinh thần không thể so sánh, cạnh tranh được với kinh Phật. Hơn nữa, nói thẳng ra, Phật giáo đã miêu tả cảnh tượng thảm khốc dưới địa ngục đến cực điểm, thực sự không giáo phái nào có thể bổ sung thêm được gì nữa.

Vận mệnh của hai thái cực tại núi La Phong không vững, cũng giống như bạc tiền bối của nó, nó không thể tồn tại lâu dài trên thế gian, quỷ thành Phong Đô không có được mô thức của La Phong, La Phong chỉ được lưu lại trong các quyển “sách quý lưu lại” mà thôi.

Nhưng núi La Phong không hoàn toàn biến mất, đến thời Bắc Tống nó lại xuất hiện lần thứ ba.

Hoàng đế Bắc Tống tôn sùng đạo giáo, từ Tống Chân Tông do “Lai Hòa Thiên Tôn” chuyển thế, đến hoàng đế đạo quân Tống Huy Tông do “Trường Sinh Đại Đế Quân” chuyển thế, tạo thành một giai đoạn đại hoàng kim của các thuật sĩ thần tinh, không thể khiến các tín đồ Đạo giáo nhòm ngó tới Diêm phủ do mười điện Diêm La chiếm cứ. Thế là vào thời Bắc Tống, Phong Đô lại trở thành sân khấu của Diêm phủ. Quyển năm, cuốn Bảo hồ thanh thoại của Văn Bảo thời Bắc Tống có câu chuyện như sau:

Năm Hàm Bình thứ ba, đời vua Tống Chân Tông, Vương Hiến trấn thủ Định Châu. Bỗng một ngày, một đạo sĩ đến tìm gặp, mũ áo rách rưới, tự xưng là “quán chủ Phong Đô”, người đó nở nụ cười đến tận mang tai, tóc tai rối bù như bờm ngựa, đạo sĩ nói với Vương Hiến rằng: “Hôm qua Thượng đế đưa đến chỗ ta hai vạn linh hồn con người, bởi hai vạn người này chết dưới tay đại nhân, vì thế ta chưa dám đưa vào sổ âm phủ, nay đến đây xin hỏi ý kiến đại nhân thế nào. Nếu quả thật ngài muốn giết họ, thì tên tuổi của ngài sẽ nổi danh thiên hạ, nhưng ta sẽ phải lấy đi năm năm tuổi của ngài, xin ngài quyết định.” Vương Hiến cho rằng vị đạo sĩ này là kẻ điên khùng, liền đuổi ông ta đi. Ngày hôm sau, quân Khiết Đan dẫn hàng vạn binh

mã tấn công vùng biên giới, Vương Hiến dẫn binh xông chiến, nhưng cuối cùng bị thua thảm hại, hai vạn binh lính tử trận. Tin báo nhanh chóng truyền tới triều đình, triều đình lấy danh nghĩa sứ thần Khu Mật để triệu Vương Hiến về kinh thành nhưng Vương Hiến vừa lên đường không lâu thì chết.

Đây là một âm phủ kì quái, địa điểm là Đạo quán, chủ nhân là đạo sĩ. Thiên đế muốn thu thập linh hồn người dưới hạ giới với số lượng lớn như vậy, sao không tìm Diêm Vương mà lại tới tìm Vương Hiến, sau khi được ông ta chính thức ghi vào sổ Diêm Vương mới là xác nhận cuối cùng cho sự sống chết của hai vạn người. Tuy “sự thực” chứng minh rằng vị đạo sĩ kia không phải kẻ thần kinh, nhưng loại Diêm phủ không xác định hình dạng thế này vẫn khiến người ta phải nghi ngờ. Còn đối với những vị đạo sĩ kia, dù mọi người có tin hay không thì họ vẫn cứ tạo ra những thông tin về Phong Đô. Năm Tuyên Hòa thứ sáu, đời vua Tống Huy Tông, có viên quan tên Lâm Nghị, người Phúc Kiến, sống tại Tô Châu, một hôm bỗng nằm mơ thấy một viên quan mặc áo vàng, tay cầm một quyển văn thư, bên trong liệt kê họ tên của mười người, trong đó có Lâm Nghị, người đó nói: “Chiêu Công đang đợi ngài đến nhận chức sứ giả Phong Đô, xin nhận chiếu.” Việc này được ghi trong Bạc Trạch Biên của Phương Chước thời Nam Tống. Còn trong quyển chín, cuốn Di kiếm binh chí của Hồng Mại lại nói, người đó tên là Lâm Nghệ, được chiêu gọi đảm nhiệm chức “Cung sứ Phong Đô”. Còn nói thêm, Lâm Nghệ là người mộ đạo, ông hiểu rõ việc này như thế nào, bèn nói: “Đó là chức quản lý âm ti, sẽ không đến nếu không phải chức hay ho gì.” Câu chuyện này chẳng khác nào hùa theo những câu chuyện kể về những kẻ bị triệu xuống âm phủ làm Diêm Vương khác, đại để có thể xác định rằng, nếu cung Phong Đô là một Diêm phủ thì người quản lý nó chính là Cung sử Phong Đô. Nhưng cõi âm ti mới này rốt cuộc có cơ cấu như thế nào không ai được biết, hình như nó không có quan hệ gì đến núi La Phong cùng với sáu thiên cung kia. Những câu chuyện này không ảnh hưởng tới đời sống con người, về sau này cũng không thấy chúng xuất hiện nữa.

Dường như các đạo sĩ đã từ bỏ việc thử sức xây dựng núi La Phong trở thành Diêm phủ, mà trọng điểm là dồn vào các tác phẩm văn chương viết về “địa ngục Phong Đô”. Lý Xương Linh thời Nam Tống đã truyền bá cho “Thái thượng cảm ứng thiên”, bàn đến núi La Phong Bắc Đô, đại khái nó dựa trên cơ sở của các đạo sĩ Nam Triều rồi pha trộn thêm các thành phần của thể hệ Diêm La Vương. Như nói rằng, có một hang động ở ven con sông chảy qua núi La Phong tên là m Ảnh Thiên Cung, chu vi ba nghìn sáu trăm dặm với ba trăm sáu mươi ngục. Chủ hang động này là Thái m Thiên Quân, trợ giúp cho Thái m Thiên Quân bao gồm bốn người, đó là tứ đầu quân cai quản bốn hướng đông, tây, nam, bắc. Trên những ngọn núi ngoài hang động lại có sáu hang động khác, mỗi hang động lại do một đại ma canh giữ, tức âm phủ Lạc Tào, nhiệm vụ chính là trừng phạt những kẻ có tội. Với cách phân loại như vậy, có thể thấy linh cảm của các đạo sĩ ngày một khô kiệt, cùng lắm cũng chỉ là tu sửa, chấp vá, không thể nghĩ ra được những điều mới mẻ khác nữa. Kết cấu vua quỷ của thể hệ La Phong thiếu mất đi sự ủng hộ và khẳng định của tâm lý văn hóa âm phủ đại chúng, nó chỉ là dạng hoạt động âm thầm, cho dù trong các quyển kinh của các đạo sĩ có viết ra hàng trăm lần, thì cũng chỉ như kẻ ngốc nói mơ mà thôi.

Nhưng sự nỗ lực của các tín đồ Đạo giáo không phải hoàn toàn là vô ích. Thực ra, nét đột phá của họ về thể giới âm phủ chính là mượn việc thần Thái Sơn được Tống Chân Tông phong vị Thiên Tề nhân thánh đế, bắt tay với tín ngưỡng dân gian, khiến Thái Sơn Phủ Quân được “cải trang xuất hiện” (nếu nói là mượn xác hoàn hồn thì quả là không hay). Kết quả của cuộc chiến thật huy hoàng, đưa được mười điện Diêm Quân vào chiếc bọc Đông Nhạc, nhưng nói ra thì dài, chỉ có thể nói tới trong phần sau.

Núi La Phong dù thay đổi hình dạng nhiều lần nhưng cũng không thể cứu vãn được tình thế đang sụp đổ của mình. Lâu đài Thất Bảo tuy đã sụp đổ nhưng vẫn để lại những vết tích và câu chuyện đáng để chúng

ta xem. Một trong những vết tích đó là một cái tên vô thực: “Phong Đô đại đế.”

Ngọc lịch bản sao rõ ràng viết đại đế Phong Đô quản lý mười điện Diêm La của địa ngục, làm sao có thể nói là một cái tên “vô thực” được? Ngòi miếu thần được xây dựng trên núi Sao Ly chẳng phải để thờ cúng Phong Đô đại đế sao?

Câu hỏi khá hay, đương nhiên có thể nói Phong Đô đại đế chính là Bắc Thái Đế Quân của La Phong Sơn, nhưng Phong Đô đại đế ở núi Sao Ly, dưới chân núi Thái Sơn lại là một người bơ vơ, không ai giúp đỡ, xung quanh ông không có thượng tướng, không có thái phó, cũng chẳng có Tứ minh công, quân lính trong cung La Phong không có một ai, như vậy có được tính là Bắc Thái Đế Quân không? Kỳ lạ là, cái ông ta sở hữu lại là mười điện Diêm La và bảy mươi hai ty vụ, chính là toàn bộ các cơ quan thường gặp của hành cung Đông Nhạc. Bên cạnh miếu Phong Đô lại có một ngôi đền khác, thờ Linh Phái tướng quân chủ quản sông Nại và Triệu Tương Công chủ quản Sao Ly, cả hai đều là những vị thần côi âm trong truyền thuyết dân gian trước thời Nguyên - Minh (Xem Liêu tướng sư thần quản lý của Nguyên Hình Bản), như vậy càng không liên quan gì tới cung La Phong. Vậy thì, vị Phong Đô đại đế này đã tách rời với thế hệ La Phong, mà hoàn toàn nhập vào thế hệ “Đông Nhạc - Diêm Vương”, nói khách sáo một chút thì đây là sự di dân cô độc, sáp nhập hộ khẩu vào Thái Sơn. Nếu nghiên cứu thực chất vấn đề, vị Phong Đô đại đế này chính là bộ mặt phụ của Đông Nhạc đại đế. Cái huyền diệu trong đó nằm ở những mẹo hiểm của người đời. Triều đình thờ Đông Nhạc đại đế trong miếu Thái Sơn, ở đó tuyệt đối không thể có chút quỷ khí nào. Nhưng việc “Thái Sơn trị quỷ” được lưu truyền từ lâu, lẽ nào nay lại cắt đứt truyền thống đó? Bách tính và những đạo sĩ lang thang không được đặt chân vào miếu Thái Sơn, họ bèn lập ra một vị thần Thái Sơn cai quản ma quỷ khác tại núi Sao Ly. Nếu vị thần đó được gọi là “Đông Nhạc đại đế” thì có lẽ họ muốn tìm kiếm sự mất tự do. Cũng may, “Bắc Thái Đế Quân” đang nhàn rỗi, nên muốn đưa ngài qua bên Sao Ly, đổi tên thành “Phong Đô đại đế”. Thế là vạn sự đại cát, mãi đến vài trăm năm sau (khoảng thế kỷ XX), trước khi miếu Phong Đô bị chủ nghĩa quân phiệt xóa bỏ dưới hình thức ngăn cấm mê tín rồi đốt rụi, nó vẫn là một nơi yên bình, không ngừng có khách ghé thăm.

Lại nói về Ngọc lịch bản sao, bộ sách pha tạp nhiều loại tôn giáo này lại định coi Phật giáo là quyền “sách thiện” - anh cả. Nó xuất hiện vào khoảng giữa năm Càn Long đời Thanh, trong đó, cơ quan chỉ đạo cao nhất của mười điện Diêm La cũng chính là Phong Đô đại đế, mà Phong Đô đại đế lại đại diện cho Ngọc Hoàng thống lĩnh Diêm phủ. (Ngọc Hoàng đại đế là Thiên đế trong tín ngưỡng của người trần, cho dù có bị khiêu lên cổ phóng uế bữa bãi, triều đình cũng không can thiệp. Còn ông tổ vạn tuế gia “Ngô Thiên Thượng Đế” lại không gặp được.) Trong quyển sách đó cũng không tìm thấy bóng dáng của Đông Nhạc đại đế. Phải biết rằng “Đông Nhạc - Thành Hoàng” cộng thêm mười điện Diêm La, từ đời Thanh đã được tất cả các quan phủ công nhận là một thế hệ âm phủ, miếu núi Thái Sơn tuy không thể xuất hiện ma quỷ, nhưng bao gồm tất cả các miếu Đông Nhạc (hay còn gọi là Đông Nhạc hành cung) trong cả nước cũng không phải tụ điểm xuất hiện ma quỷ. Nhưng tại sao Ngọc lịch bản sao lại đem Đông Nhạc đại đế đổi thành Phong Đô đại đế, bởi nó muốn Đông Nhạc đại đế dẫn mười điện Diêm La xuống gặp Diêm Vương (nghe nói là hóa thân của Quan Thế m Bồ Tát) để quỳ lạy làm đại lễ! Điều này cũng tương tự chứng tỏ Đông Nhạc đại đế tự tìm tới cuộc sống mất tự do, vì thế cũng chỉ có dùng thủ đoạn bịp bợm ngấm ngấm để khiến Đông Nhạc đại đế xuất đầu lộ diện dưới danh nghĩa của Phong Đô đại đế.

Ngoài cơ hội trên, Phong Đô đại đế đã không còn nhiều cơ hội xuất hiện khác. Hãy nhìn xem! Cả nước có nhiều miếu Đông Nhạc đến vậy, tuy đã có toàn bộ các cơ quan chủ đạo của âm ti, nhưng đã có nơi nào từng xuất hiện bóng dáng của Phong Đô đại đế? Chủ nhân thực sự đã xuất hiện, thì kẻ thế thân sẽ không tiện lộ mặt nữa.

Vết tích thứ hai là để lại nơi âm phủ một cái tên đã được Trung Quốc hóa, “Phong Đô ngục”.

Xuất hiện bởi nguyên soái Phong Đô lưu truyền trong dân gian triều Nguyên. Gọi là nguyên soái, nhưng địa vị và danh hiệu thực chất của ông không hề ăn khớp với nó, bởi trên thực tế, ông chỉ là một “ngục thần”. Câu chuyện này xuất hiện trong chương Mạnh nguyên soái, quyển năm, cuốn Tuyển tập các vị thần lưu truyền trong tam giáo, nội dung câu chuyện đại khái như sau:

“Ông họ Mạnh, tên Sơn, là một viên quan ngục. Cuối đông, ông thấy nhớ gia đình, người thân của mình. Đồng cảm với hàng trăm tù nhân ở ngục, ông nói với họ rằng: “Ngày hai mươi lăm này ta cho các người về nhà, ngày mùng năm đầu tháng các người phải quay lại ngục.” Đám tù nhân khóc lóc cúi chào tạm biệt. Chủ phủ Tất Công biết tin dùng gậy đánh phạt ông, rồi lệnh cho quân lập tức bắt tất cả tù nhân lại. Mạnh Sơn suy nghĩ rồi nói: “Chết có gì khó, nhưng lệnh đó khó mà rút lại được.” Thấy cây thương trên nền đất, ông lao tới, dùng cây thương để tự sát. Trước kia có con hổ trắng đã rất nhiều lần bị đâm bởi cây thương này mà vẫn không chết. Bổng Ngọc Đế hạ chiếu phong Mạnh Sơn làm “nguyên soái Phong Đô”.

“Thả tù” đã xuất hiện nhiều trong lịch sử, bắt đầu từ sau vị Chung Ly Ý thời Đông Hán, mà đại diện nhất là Đường Thái Tông, chỉ dựa vào việc này mà đã được Ngọc Đế phong vị thì thực sự phúc đó sẽ chẳng tới lượt Mạnh tiên sinh. Đây chẳng qua là do người đời muốn viết truyện cho nguyên soái Phong Đô đã xuất hiện từ đây, để sau đó trở thành “người một nhà” mà thôi. Trên dương gian, Mạnh Sơn là quan cai ngục, sau khi lên trời ông cũng được giao chức quản ngục, bởi ông cai ngục Phong Đô, vì thế ông được gọi là nguyên soái Phong Đô.

“Ngục Phong Đô” chính là địa ngục do núi La Phong biến thành, như trên đã nói.

Thời Đường, khu địa ngục của Đạo giáo này đã bị Phật giáo lạm dụng. Trong Những chuyện tương truyền thời Đại Đường có câu chuyện cười như sau: Một người có học rất thích ăn món đầu trâu luộc nước muối. Một ngày nọ, anh ta nằm mơ thấy mình bị bắt xuống địa phủ. “Ngục Phong Đô có đầu trâu bên cạnh”, người này không hề cảm thấy sợ hãi, đưa tay lên vò vò đầu, nói: “Cái đầu trâu này có thể luộc lên ăn!” Đầu trâu là quân tốt dưới địa ngục, là một trong những nhân vật trong địa ngục của Phật giáo, nhưng giờ đây địa ngục này đã được gọi với cái tên “ngục Phong Đô” rồi. Đương nhiên đó là mảnh khoe quen thuộc của tín ngưỡng dân gian, nhưng La Phong đã được địa ngục hóa, có lẽ là một cách hiểu của con người lúc bấy giờ. Đến thời Bắc Tống, trong quyển Đàm uyển của Khổng Bình Trọng có cách nói “Phong Đô tạo ngục”, cho đến thời hậu Nam Tống, cách nói “ngục Phong Đô” ngày càng được nhiều người tiếp nhận. Một vị đạo sĩ tên Lâm Linh Chân đã biên soạn một cuốn sách với tên gọi rất hoành tráng Linh bảo lĩnh giáo tế độ kim thư, đưa ngục La Phong liệt vào vị trí đầu của chín đại địa ngục, những địa ngục còn lại là Cửu U, ngục Thành Hoàng, ngục Ngũ Nhạc, ngục Tứ Độc, ngục phủ Tuyền Khúc, ngục Ly Vực.

34. Chương 13 - Part 3

Trong Di kiếm chi đình của Hồng Mai, chương Anh em Lý Mộng Đán, quyển mười có kể, cả nhà người học trò của Nhiêu Châu tên là Lý Mộng Đán mắc bệnh ôn dịch, lũ quỷ ôn dịch cứ đeo bám gia đình ông không chịu buông tha. Một ngày, Mộng Đán mơ thấy một vị thần đến nói: “Gia đình người bị quỷ ôn dịch làm hại, ta đã giúp người áp giải chúng đến Phong Đô rồi.” Trong chương Thầy cúng miếu Kim Sơn, quyển ba, cuốn Di kiếm chi mậu kể, thầy cúng tức giận nói với con quỷ rằng: “Bây giờ người hối hận thì đã muộn rồi,

thần linh đã vô cùng phần nộ, ra lệnh thu lại hồn phách của người rồi tống người xuống Bắc Phong. Cái chết của người đã cận kề, ta không có cách nào cứu được người đâu.” Chương Ngồi nhà của Lý Hạng, quyển ba, cuốn Di kiên chi mậu viết, một pháp sư chỉ trích yêu quỷ rằng: “Nếu người ngoan cố không chịu xuống âm phủ thì thầy cúng sẽ tìm mọi cách để giải người đến Đông Nhạc Phong Đô, lúc đó thì đừng có hối hận.” Chương Nữ tỳ của Trương tFi huyện bị ma ám, quyển bốn, cuốn Di kiên chi quý, pháp sư tức giận quát: “Người là yêu mà phương nào? Mau nói cho ta biết. Nếu người không nói thật, ta sẽ bắt người giải xuống vô gian ngục Bắc Phong.”

Phong Đô, Bắc Phong, Đông Nhạc Phong Đô, vô gian ngục Bắc Phong, tất cả đều chỉ cùng một nơi, tức ngục Phong Đô, là nơi chuyên bắt giam nghiêm khắc, tàn khốc và khó khăn nhất dành cho lũ tà quỷ, ác quỷ và quỷ ôn dịch. Đương nhiên, nó cũng là nơi xử lý những người ác độc và vô nhân tính. Trong tác phẩm Tiên đường di sự - những việc còn lại về ao tiên của Lưu Nhất Thanh đời Nguyên có kể, bè lũ Tần Hội bị áp giải tới “Phong Đô”, toàn thân bị trói, vô cùng đau đớn. Ngục Phong Đô này dù gần với Phật giáo (vô gian ngục Bắc phong) hay gần với Đạo giáo (Đông Nhạc Phong Đô) thì chúng đều chuyên chỉ địa ngục chứ không phải Diêm phủ, điều này quá rõ ràng. Sau triều Minh - Thanh phổ biến cách nói coi Phong Đô là địa ngục đen. Trong tác phẩm Quảng dương tạo ký, Lưu Hiến Đình ghi chép rằng, thầy cúng khi tiến hành “ma thành pháp”, có thể rằng: “Chỉ mong đời này đạt được vinh hoa, phú quý, dù tổ tiên bảy đời có phải vào Phong Đô cũng cam lòng.” Chương Quỷ rằng, quyển mười, Tổng sinh, quyển mười lăm, Hoa sen hay quyển hai mươi hai trong Tử bát ngữ của Viên Mai cũng đều coi Phong Đô là địa ngục.

m phủ và địa ngục của Trung Quốc có sự khác nhau, địa ngục là chỉ một cơ quan trực thuộc của âm phủ. Chức quan của Mạnh Sơn nguyên soái chính là chức giám ngục trường dưới âm phủ. Trong tác phẩm Xem xét toàn bộ giới thần tiên các thời đại, Lưu Nhất Thanh, người triều Nguyên có liệt kê ra một hệ thống các Diêm phủ được Phật giáo hóa, ở đó Bồ Tát là giáo chủ thế giới bóng đêm, bên dưới gồm mười điện Diêm Vương, vị trí sau Diêm Vương còn có một “quỷ vương Phong Đô”, vị quỷ vương này không phải là Phong Đô đại đế, mà chỉ có thể là một Phong Đô nguyên soái cai quản địa ngục mà thôi.

4

Điều quan trọng nhất còn lưu lại của Phong Đô là “quỷ thành Phong Đô”. Lần đầu tiên tôi được biết ở Tam Hiệp có một ngôi “quỷ thành”, tôi được nghe thông tin đó trong bản tin của đài phát thanh khi tôi đang học cấp hai, từ đó về sau, tôi luôn mong muốn được đến nơi đó. Nhưng đến đầu những năm 80 của thế kỷ trước, lần đầu tiên tôi được đi qua Phong Đô, tôi đã nhầm tưởng rằng, “quỷ thành” chính là huyện thành của Phong Đô. Khi tàu cập bến, trời đã nhá nhem tối, Phong Đô chìm trong màn đêm đen kịt, những ánh điện mờ mờ heo hắt, gió sông hắt hơi ẩm vào người đi đường, tạo cảm giác lạnh thấu tim bỗng nhiên ập tới. Tôi đứng trên boong tàu nhìn về phía thành phố tối đen đến mức không nhìn nổi thứ gì, tưởng tượng ra một thành trì với những ngọn gió từ cõi âm thổi đến cùng với những bóng ma lờn vờn như trong các câu chuyện. Bây giờ nghĩ lại thấy mình thật buồn cười.

Sau này, tôi đã đọc những ghi chép có liên quan, mới biết được rằng “quỷ thành” thực chất không nằm trong thành phố Phong Đô mà nằm trên một ngọn núi nổi tiếng bên ngoài thành, cách thành Phong Đô chừng hai ba dặm (tức núi Bình Đô, hay còn gọi là núi Bàn Long). Người dân Phong Đô có cuộc sống bình thường như những người khác, nhưng thì thoảng cũng có những tin đồn ma quái, ví như câu chuyện Tẩu vô thường trong tác phẩm Nói chuyện ma của Chúc Doãn Minh, người triều Minh:

Thường có người đang đi trên đường, trên vai đang gánh một gánh nặng, bỗng nhiên quăng gánh xuống, nhảy lên vài cái Fồi lăn đùng ra đất bất tỉnh nhân sự. Người đi đường và người nhà tuy thấy vậy nhưng cũng không đưa đi cứu chữa, mà chỉ ngồi bên cạnh chờ đợi. Có khi là nửa ngày, có khi là một ngày, cũng

có khi phải qua cả một đêm người đó mới tỉnh lại. Do nhiệm vụ dành a quý ở dưới cỏi âm quá bận rộn, đội ngũ quý nhỏ không đủ dùng, nên chúng tới dương gian tìm mượn nguồn nhân lực, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, chúng sẽ thả người đó trở lại dương gian. Đối với những nhiệm vụ phải đi sai dịch nặng nhọc cũng vậy. Tất cả những hiện tượng này được gọi là “Tẩu vô thường” và ở Phong Đô thường xuyên xảy ra những sự việc như vậy.

Đây là lời của một đồng nghiệp người Phong Đô tận miệng nói cho tác giả nghe. Cho dù người cộng sự đó không dựng chuyện thì những việc động kinh cơ giạt ngoài đường gần như cũng chỉ là diễn trò mà thôi. Lẽ nào ngay từ triều Minh, huyện Phong Đô đã để ý đến giá trị thương mại của cái mác “quý thành” rồi sao?

Cái mác “quý thành Phong Đô” đương nhiên không thể chỉ dựa vào “diễn trò” để quảng cáo, nhưng nếu khẳng định gọi một phố núi xinh đẹp như vậy là Diêm phủ thì không những khiến người khác khó chấp nhận, mà hậu quả của nó cũng sẽ chẳng tốt đẹp gì. Vì thế, Diêm phủ ở núi Bình Đô phải ở dưới lòng đất, cách biệt với xã hội loài người, nhưng cả hai lại tương thông với nhau. Đó chính là sơn động “sâu hoắm” được nhắc tới trong phần Ngự sử Phong Đô của quyển Liêu trai chí dị. Tương truyền Făng, trong động là nha phủ Diêm La nhưng chưa từng nhìn thấy những kẻ như đầu trâu mặt ngựa chui vào trong đó công tác bao giờ. Như vậy, chúng cứ chỉ có thể được lấy từ phía dương gian, tức tất cả những dụng cụ của cỏi âm tì bên trong động đều do huyện Phong Đô trên cỏi dương gian cung cấp, “gông xiềng và sự phủ bại chuyên quyền trong động phủ”. Hang động này rất nổi tiếng, theo Dụ Khúc Nguyên nói, đây chính là động Ngũ Vân của Bình Đô, vốn là một địa danh gắn với tích tiên. Trong tác phẩm Chỉ văn lục của cư sĩ Dung Nột (năm Đạo Quang, đời Thanh) cũng ghi chép rất rõ về các dụng cụ hành hình của âm tì, ông nói rằng “Vào năm Khang Hy, Hà cử nhân nhận chức tri huyện huyện Phong Đô. Khi đến nhận chức, ông thấy trong quyển Những điều cần biết có ghi chép về các loại dụng cụ như kẹp tay, còng tay, cùm chân, gông gỗ,... Trước động chỉ phải mang tất cả vào hang động, diêm phủ sẽ cử người chuyển chúng đi.

Nhưng trong Tử bất ngữ, Viên Mai lại nói đó là một chiếc giếng, “Huyện Phong Đô tỉnh Tứ Xuyên, tục truyền là nơi trao đổi giữa người và quỷ. Trong huyện có một chiếc giếng, hằng năm, tất cả tiền giấy hóa xong đều được mang đổ vào đó, tổng khoảng ba nghìn quan tiền, vì thế còn được gọi là giếng “nộp tiền lương thực cho âm tì”. Nếu người nào tiếc của không đốt tiền thì năm đó ắt mắc ôn dịch. Hành động này có thể làm tăng độ nổi tiếng của địa phương! Ba nghìn lượng bạc phân bổ cho dân gánh vác, mua lương tiền giấy đủ chất thành một ngọn núi, đã là núi thì có to một chút hay nhỏ một chút cũng chẳng thể nhìn ra được, vì thế, trong quá trình giao dịch tất nhiên sẽ có kẻ giả mạo, và phần hời đó tất nhiên sẽ thuộc về đám quan lại. Nhưng Chỉ văn lục lại nói đến một chiếc giếng cạn khác, chiếc giếng này nằm phía trước điện Diêm La của núi Bình Đô, “giếng sâu đến hàng chục trượng, khi người đi đường đến đó, vị sư trong miếu đốt một sợi dây làm từ tre trúc ném xuống để chiếu sáng nó, giếng sâu hun hút, tương truyền làm như vậy có thể thông tới âm phủ”. Chiếc giếng này có lẽ là “tài sản tư hữu” được các hòa thượng đào iếu thờ. Việc xuống giếng du lãm là điều không thể thực hiện được, nó chỉ có thể thu hút khách du lịch đến ngó qua một lát, rồi vào trong Phật đường thấp nhang hành thiện tích đức, như vậy thôi cũng có thể lưu lại được chút tiền hương hỏa.

Động và giếng đều có những câu chuyện tương ứng phụ kèm theo, nhưng phần lớn chúng đều na ná nhau, đại khái chúng đều nói rằng, có một viên quan hoặc một thân sĩ chưa từng tin vào tà ma đi vào trong động, ở đó ông ta gặp được Diêm La Vương, khi ra đến ngoài động ông lập tức tin vào tà ma. Những câu chuyện như thế này được tuyên truyền rộng khắp thông qua ngòi bút của Bồ Lưu Tiên và Nguyên Tử, và chúng được xã hội rất hưởng ứng. Giả như tôi có dịp xuống đến Phong Đô du ngoạn, nhất định phải hỏi thăm chiếc động và chiếc giếng mà hai vị Bồ Lưu Tiên và Nguyên Tử đã viết. Ngày nay chúng ta cũng thường bắt gặp các địa phương muốn trở nên nổi tiếng, họ mời một vị văn nhân nổi tiếng nào đó giá lâm, người đó có những cảm nhận sâu sắc về thời cổ xưa, rồi bỗng nhiên nguồn cảm hứng trong họ dâng lên một cách khó tả, những tác phẩm đắt giá cứ thể ra đời, mong muốn làm cho cung Trường môn trở thành một cung điện vàng, có lẽ cùng xuất phát từ gợi ý này mà ra.

Chỉ có những vị quan văn thân sĩ của triều đình mới có tư cách tham quan âm phủ dưới mặt đất, người thường như chúng ta đi vào thì kết cục chỉ có thể dùng một câu “Không cần phải hỏi”, ngay cả hy vọng “đi ra trong tư thế nằm” (xác chết) cũng rất mong manh. Vì thế, chúng ta chỉ có thể nhìn ngắm “quỷ thành” trên mặt đất mà thôi. Điều mà tôi luôn thấy hứng thú đó là, ở đó, ngoài tất cả linh tốt trong điện Diêm La, ngục La Phong mà ở những miếu Đông Nhạc khác chúng ta có thể nhìn thấy ra, còn có những cảnh quan độc đáo khác trên mặt đất như Quỷ môn quan, cầu sông Nại, đầm Huyết Hà, đài Vọng hương... Nhưng đợi đến những năm 90 của thế kỷ trước, khi một lần nữa tôi có cơ hội đến thăm quỷ thành, nhưng trên đường đi tôi lại không mua được vé xuống thuyền. Lý do có hơi gượng gạo, bởi tôi đã từng tham quan một “Vinh Quốc Phủ” mô phỏng, thoáng chốc nó đã chuyển cái khí chất quý tộc của Hồng Lâu Mộng sang trình độ của kẻ nhà quê giàu có mà tầm nhận thức hạn hẹp, khiến phải mất một thời gian dài tôi mới có thể mời Giả Thái Quân ra khỏi ngôi nhà sang trọng mà chiều cao, chiều sâu không đủ lấy một trượng[3]. Vì thế, cứ khi nghĩ tới việc “cầu sông Nại” của quỷ thành là cây cầu Tam Thạch nhiều vòm được Thục Hiến Đế Chu Xuân triều Minh cho xây dựng và tu sửa ở phía trước điện Liêu Dương, và khi đầm nước phía dưới được nhân tiện gọi với cái tên “đầm Huyết Hà”, thì tôi quyết định từ bỏ việc tham quan, vì sợ rằng nó sẽ phá hỏng vẻ “hùng tráng” âm u khốc liệt và bi thảm của giới âm phủ trong tưởng tượng của tôi.

[3] Một trượng: xấp xỉ 3,3 mét.

Nhưng lần này vẫn là tôi nhầm. Thuyền đến Phong Đô đúng vào lúc xế chiều. Phong Đô là một phố núi sạch sẽ, cổ kính, mộc mạc, đầy tình hiếu khách, nhưng ở đó lại không có nơi nào gọi là đặc biệt, có điều khi nhìn về phía đông bắc, một con đường núi ngoằn ngoèo tựa sống lưng rồng vươn tận lên đỉnh núi. Đó là một khu kiến trúc cổ ẩn nấp trong những tán cây xanh, không biết là chùa hay điện tiên, dưới sự chiếu rọi của ánh nắng xế chiều, chúng bỗng trở nên rực rỡ, sáng chói, nếu nơi lưng núi vắt ngang một dải mây thì quả thực, quang cảnh lúc đó sẽ tuyệt đẹp tựa chốn bồng lai. Không ngờ, “quỷ thành” lại đẹp như vậy!

Có sự bất ngờ này là do sự không hiểu biết của bản thân mình. Sau khi về nhà, tôi lật sách ra mới biết, từ xa xưa, núi Bình Đô chính là nơi động thiên đất phúc dành cho tiên lưu lại, những vết tích của hai vị tiên m, Vương chính là tiêu điểm của ngọn núi này. Vào thời Đường, ở đây đã xây dựng Tiên Đô quán đầu tiên của Đạo giáo. Theo Đoạn Văn Xương có ghi chép, “vàng sáng của ngọn núi được phát ra từ vai tiên, mây khói bay ra từ ông tay áo của tiên”, quả thực là một tiên cảnh xinh đẹp mà bí ẩn. Từ thời Nam Tống đã có truyền thuyết về Phong Đô, muộn nhất là đến đầu thời Minh, tại núi Bình Đô đã xuất hiện quần thể những ngôi đền thờ công Diêm La, Địa Cung và thần thổ địa. Từ đó có Đạo quán, Phật vũ, Phật tự tọa lạc nhâm ở đó, đến Chỉ văn lục cũng viết, vào năm Đạo Quang, “trên núi đã có mười bảy ngôi đền”, có thể coi đây là thời kỳ thịnh vượng nhất của núi Bình Đô. Nhưng trong những ngôi đền, chùa này, địa bàn của quỷ rộng bao nhiêu, không ai rõ. Còn hiện nay, điện Bình Đô đã trở thành một nơi tai họa, khủng khiếp đến mức không có chút căn cứ nào để làm minh chứng cho nó trong quá khứ. Cũng may vào năm 1953, ông Vệ Huệ Lâm - Giáo sư Học viện xây dựng kiến thiết nông thôn Trùng Khánh có tới khảo sát Phong Đô, sau đó ông viết Điều tra tôn giáo phong tục Phong Đô, quyển sách của ông có thể coi như đã thể hiện được tình hình thực tế của Phong Đô trong xã hội cũ. Tôi xin trích ra một số địa danh có liên qNan đến ma quỷ hoặc có thể cảm nhận được khí phách cổ trong bài luận như sau:

Núi Bình Đô là mảnh đất Thánh về tôn giáo Phong Đô, điện Diêm La Thiên tử được tất cả những người mê tín trên cả nước biết đến chính là nằm trên đỉnh ngọn núi này. Rất nhiều các điện miếu tập trNg trên núi. Từ phía đông bắc huyện thành đi qua cầu về hướng bắc chính là con đường dâng hương lên núi. Phía tây có điện Tiếp Dẫn, điện Bắc Nhạc, cNg Văn Xương, phía đông có điện Đông Nhạc, miếu Hỏa Thần, miếu Lôi Tổ, trái phải song song với nhau. Giữa điện Đông Nhạc và điện Tiếp Dẫn có mười bậc để đi lên phía trên, tại chỗ rẽ thứ nhất có điện Thổ Địa và điện Thần Môn, tất cả đều là những ban thờ khá lớn. Tiếp tục đi lên trên mười bước sẽ tới giới m Dương, cạnh cửa là điện Giới Quan. Phía đông bắc giới m Dương chính

là điện Nhân Quang và điện Viên Giác. Tiếp tục từ chỗ giới m Dương đi lên mười bước sẽ thấy tượng Phật Quan m nghìn mắt nghìn tay, phía trên nữa là điện Báo n, tiếp tục lên trên mười bước là điện Tam Quan, tiếp tục lên trên nữa sẽ đi qua cửa núi - tức điện Đại Hùng, phía trước điện này có cây cầu gọi là cầu Nại Hà. Dưới chân cầu là một cái đầm - gọi là đầm Huyết Hà. Phía đông cầu Nại Hà là điện Địa Tàng, phía tây là điện Tướng quân Huyết Hà, ở đó có một ban thờ. Từ phía bên phải điện Đại Hùng đi tiếp lên phía tFên mười bước nữa là tới điện Tinh Chủ. Bên phải điện Tinh Chủ có một bậc thang đá tên Ba mươi ba ngày. Tại nơi tận cùng của bậc thang đá, bên trái là điện Vương Mẫu, bên phải là điện Ngọc Hoàng. Tiếp tục men theo bậc thang đá lên trên sẽ gặp điện Bách Tử, lại men theo bậc thang đá phía sau điện Bách Tử lên theo hướng bắc sẽ tới điện Thiên Tử. Cửa sau của điện Thiên Tử được gọi là Quỷ môn quan. Từ Quỷ môn quan theo hướng tây nam đi xuống sẽ gặp đài Vọng hương. Từ đây đi xuống sẽ tới con đường nhỏ dẫn đến nơi dâng hương. Phía sau chân núi Phong Đô có hai ngôi miếu, một là chùa Trúc QNốc, một là miến Lão Quan.

Trong hơn ba mươi điểm phong cảnh trên, có liên quan tới ma quỷ chỉ không đầy mười nơi. Nơi chính điện chỉ có một điểm đó là điện Thiên Tử, Giới Quan, Địa Tàng, điện Tướng quân Huyết Hà lại gần giống với điện thờ hoặc khán thờ bên cạnh cửa nhà của người dân, còn lại có mấy điểm gần đài Vọng hương, có lẽ đều là những cảnh vay mượn theo thời thế, có tác dụng điểm xuyết cho nơi này mà thôi. Hơn nữa, nếu là Bồ Tát Địa Tàng của giáo chủ giới âm phủ lại để ột tên Tướng quân Huyết Hà vô danh tiểu tốt qua mặt, Quỷ môn quan - nơi đi vào cõi âm lại được mở ở phía sau điện Thiên tử, rồi lại đến thần “Tam Thanh” - vị thần tối cao trong Đạo giáo lại được xuất hiện tại giới m Dương, muốn lễ bái Phật Như Lai trước tiên phải qua cầu Nại Hà, tất cả đều hoàn toàn không chú ý tới quy tắc tối thiểu của linh giới, từ đó cũng có thể nhìn ra việc sắp xếp tại “quỷ phủ” hoàn toàn không theo thứ tự thời gian, nó chẳng qua chỉ là chêm vào các lỗ hổng trong những công trình kiến trúc vốn có, hoặc họ chen chúc nhau bán hàng dưới tấm biển in chữ vàng của người ta.

Nhưng đoạn ghi chép dưới đây của Vệ Huệ Lâm khiến tôi rất thích thú, đặc biệt câu cuối cùng ông nói:

Những ngôi miếu thần của núi Bình Đô với lối bày trí hỗn tạp này, chúng tồn tại trong dân gian thật giống như bước vào một tiệm bách hóa của Trung Quốc, khiến người xem ngơ ngác không hiểu gì cả. Tuy nhiên tôn giáo của người Trung Quốc thực tế cũng hỗn tạp, loằng ngoằng như vậy.

Nói đến sự hỗn tạp trong tôn giáo dân gian của Trung Quốc, bắt ngờ tôi nghĩ tới vách đá tiên tại thành phố Thiên Thủy, tỉnh Cam Túc. Ở đó, sự cạnh tranh giữa Phật giáo và Đạo giáo hoàn toàn bị tan biến trong vòng tay rộng lớn của tín ngưỡng dân gian, một dãy những hang đá giống như những cửa hàng tạp hóa, khiến người ta vừa cảm nhận thấy thứ tín ngưỡng đa thần - tin tất cả các loại thần, vừa cảm thấy thứ tín ngưỡng phi thần - mọi thứ đều nằm ở con người. Nhưng mục đích chính của tín ngưỡng đó lại rất rõ ràng, Phật cũng vậy, mà Đạo cũng vậy, tất cả đều phải chiều theo ý muốn của con người, nếu không sẽ không thể đứng vững được ở đây. Những hang động hội tụ các vị thần ở vách đá tiên đã khiến người ta vô cùng kinh ngạc, nhưng so với núi Bình Đô, nó có chút kém cạnh hơn. Bởi núi Bình Đô vốn là động tiên của Đạo giáo, hàng trăm hàng nghìn năm nay, tín ngưỡng dân gian từng ngày, từng tháng thấm thấu vào trong đó, đến mức khiến chùa Phật và Đạo quán hòa trộn vào nhau như một quần thể đền thần. Thúc đẩy, tạo tâm lý và động cơ trong dân chúng tại “cửa hàng bách hóa” núi Bình Đô thực sự đáng được nghiên cứu sâu hơn. Hơn nữa, cái tên quỷ thành tuy đã nổi tiếng trong thiên hạ, nhưng quỷ khí ở núi Bình Đô vẫn chưa được nồng nàn như vậy, nhân dân nơi đây ngoài việc phải gánh chịu một khoản tạp thuế thì đời sống hằng ngày của họ tuyệt đối không phải là cuộc sống người không ra người, ma không ra ma giống như người ngoài tưởng tượng. Đây cũng là điều hết sức thú vị.

Tóm lại, dưới ngòi bút của giáo sư Vệ Huệ Lâm, núi Bình Đô thực sự là một bản mẫu hiếm gặp trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc, giá trị văn hóa và giá trị thưởng ngoạn của nó vượt xa nhiều “quỷ

thành” mà nội dung chỉ chiếm một phần nhỏ trong đó. Chỉ có điều thời gian đã trôi qua hơn bảy chục năm nay, ngay cả “dòng sông lớn” kia cũng đã không còn “như xưa” nữa, những ngôi nhà của các vị thần chưa bị mưa đập gió vùi, nhưng tất yếu đã có chút khác xưa, nó có thể thực sự biến thành một động quỷ. Có điều, cảm giác khi đứng trên boong tàu nhìn ra xa năm xưa đối với tôi vẫn rất đẹp, rất đẹp!

35. Chương 14 - Part 1

Chương 14: Sổ sinh tử những chuyện hoang đường

Phần 1

Còn nhớ hồi nhỏ khi xem Tây du ký, tôi từng rất tiếc nuối, không phải vì Tôn Ngộ Không không ngồi trên Bảo điện Linh Tiêu, mà là vì lão Tôn đã đại náo Bảo điện Sâm La, khi đánh dấu vào quyển sổ sinh tử, trong lòng tôi chỉ nghĩ đến nhân vật lớn nổi tiếng bên trong con khỉ, “cửu u thập loại tận trừ danh”[1], nhưng loài người chúng ta lại không có trong sổ đó. Hóa ra con khỉ này chẳng qua cũng là kẻ chỉ biết đến mình mà thôi! Thế là, nghĩ đến việc mình khó có thể xuống điện Sâm La một lần, tôi liền có chút không phục trước hành động tạo phản kinh thiên động địa đó của Tôn Ngộ Không.

[1] Nghĩa là: tất cả chín âm phủ và mười loài (năm loài tiên, năm loài côn trùng) đều gạch hết tên.

Tôi cứ khẳng định suy nghĩ đó của mình trong nhiều năm, cho đến những năm 60 của thế kỷ trước, sau khi được linh giáo về những thủ đoạn của sổ sinh tử do con người tạo ra tôi mới chợt sực tỉnh. Từ đó tôi hiểu được rằng “sau con người chưa chắc phải là ma quỷ, sau ma quỷ chắc chắn là con người”. Gọi là sổ sinh tử, hóa ra vẫn là nằm trong tay con người. Vậy có cần thiết phải bàn tới sổ sinh tử trong giới âm phủ nữa không? Không dám nói là cần thiết, nhưng nói qua một chút cũng không vấn đề gì, bởi từ đó ít nhiều cũng hiểu được chút ít về thời đại đó trong quá khứ. Chỉ là nói cho nặng nề, hơn nữa còn lạc điệu nhảy lờ, không như những bài văn sử dụng ngôn từ chính xác, nghiêm túc, tôi tự dè chừng từ “chất giọng hoang dã” đi!

1

Nói nghiêm túc thì sổ sinh tử chỉ là một loại sổ sách dưới âm phủ. Sổ sách dưới âm phủ, ngoài việc ghi chép giới hạn tuổi thọ của con người ra, những quyển sổ liên quan đến vấn đề “nhân sự” (loài người chúng ta cũng chỉ qua được “bản thân mình”, còn những cái khác thôi thì tùy chúng mà thôi) còn có rất nhiều loại, chỉ nói về những quyển quan trọng đã có tài liệu chuẩn bị án, sổ lợi lộc, sổ công danh, sổ ghi chép thiện ác, sổ ghi thành tích và thiếu sót, còn có danh bạ bắt bớ linh hồn, sổ đăng nhập hộ tịch cho quỷ đã chết... và tên gọi cũng có nhiều như “sổ, bạ, lục, tịch”. Nhưng xét đến cùng, điểm chủ yếu trong những thứ này sẽ không tách nổi hai chữ “sinh - tử” liên quan đến các sinh linh và ma quỷ. Vì thế, khi nhìn thấy quyển sổ trong tay tên phán quan trong Thập Vương đồ, dù ông ta đang lật giở tìm cái gì đi nữa, hoặc dù nó có được gọi là “sổ sinh tử” đi nữa thì cũng chẳng có sai sót gì lớn.

Trong văn hóa Trung Hoa, thực sự có không ít những thứ khiến người ta tự hào. Việc sáng lập ra chế độ sổ sách của quan phủ từ rất sớm và rất hoàn thiện chính là một trong những việc khiến ta tự hào. Lưu

Bang tiến vào biên giới, tấn công Hàm Dương, các tướng tranh thủ lấy vàng bạc, Tiêu Hà “một mình vào lấy quyển sách về pháp lệnh của Tần thừa tướng và phủ ngự sử cất giấu”, vì thế ông biết tất cả những nguy hiểm, những ách tắc và điểm mạnh yếu về lực lượng người trong thiên hạ. Đời sau có người thốt lên rằng, Tần Thủy Hoàng đốt sách diệt Nho, nhưng chưa hoàn toàn muốn diệt chúng, trong tay các vị tiến sĩ đều có giữ bản sao, vậy tại sao lúc đó Tiêu Hà không mau chóng cứu chúng ra? Kết quả Bá Vương Tây Sở lại đến nhóm cho Hàm Dương một mối lửa, thiêu rụi tất cả những quyển sách quý ấy, từ đó tạo thêm việc cho các nho sinh, có người đi thu nhặt những chương sách bị cháy, sau đó tìm các bậc cao nhân nhờ chỉ dạy, có người lợi dụng thời cơ làm giả sách Nho rồi quất với giá cao, có người tìm chứng cứ hòng để lộ ra chân tướng khiến người kia không đường trốn thoát. Thực ra, những vị nho sinh này đã bận rộn một cách uổng phí, lẽ nào họ không biết những yếu điểm và những vấn đề về mặt con người đã là tiền đề quan trọng để chiếm cứ thiên hạ? Một sách không thấy được cái lớn, họ luôn luôn là vậy, vì thế họ chỉ xứng với việc lột bỏ mũ áo, giúp đại anh hùng hứng nước tiểu mà thôi.

Cũng với lý lẽ đó, muốn thống trị và quản lý người sống cũng như ma quỷ, âm phủ bắt buộc phải có một quyển sổ sinh tử. Từ kết quả của cuộc đại náo Diêm phủ của Tôn Hành Giả có thể thấy được, nếu Diêm phủ không có được quyển sổ sinh tử của Mỹ Hầu Vương thì cũng đồng nghĩa với việc họ đã mất quyền thống trị đối với đối phương. Sổ sinh tử chính là linh hồn của Diêm phủ, những kẻ làm quan dưới đó chẳng qua chỉ là những nhân viên ma quỷ dùng pháp luật âm ti để quản lý quyển sổ mà thôi. Mà nội dung quan trọng nhất trong quyển sổ sinh tử đó chính là ghi lại những chuyện “thiện và ác” thường ngày của con người. Trong thế giới loài người, dù là túi hồ sơ của bộ phận nhân sự, hay tài liệu đen của cơ quan đặc vụ, quyển sổ chỉ tiêu ghi chép rõ ràng, chỉ chờ cơ hội để quyết toán, vẫn có một số thiếu sót trong mỗi nha môn, nhưng tất cả các đạo đức gia đều chất chứa trong mình chủ ý xấu xa muốn trừng trị người khác, vì thế họ đều cung cấp những bản phác về quyển sổ thiện ác này. Theo truyền thống bản địa của Trung Quốc, “trong trời đất có phúc, thiện, họa, dâm”, tuổi thọ của con người ngắn hay dài, gia tộc hưng hay suy, đều do kết quả thống kê trong quyển sổ thiện và ác quyết định. Còn một cách nói khác có lẽ được truyền đến từ văn hóa Tây phương (Ấn Độ), nói rằng, tuổi thọ của con người dài hay ngắn là do nghiệp báo của thế hệ trước để lại, nó không chịu ảnh hưởng của việc người đó làm việc thiện hay ác ở kiếp này, nhưng cái thiện và cái ác ở kiếp này sẽ là căn cứ quả báo dành cho kiếp sau, sổ thiện ác có thể nói luôn được phát hành trong tình trạng cung không đủ cầu.

Vì thế, sổ âm phủ tuy có nhiều loại, nhưng xét từ góc độ “kết toán”, nó chỉ được phân làm hai loại lớn, không thể đặt tên cho chúng được, chỉ có thể gọi chúng là hai phái thời gian và không gian.

Phái “không gian”, tuổi thọ của mỗi người giống như một căn phòng trống, đợi đến khi mà số tội của anh ta phạm phải trong thế giới loài người đủ để lấp đầy căn phòng đó, gọi là “tội ác tày trời”, thì có nghĩa là đã đến lúc anh ta phải từ giã cõi trần. Nhưng có thể nhìn nhận từ một góc độ khác, tuổi thọ của con người cũng giống như một bó thẻ bài, mỗi lần phạm tội, người ta sẽ căn cứ vào sự lớn nhỏ của tội ác để rút ra một ít. Đây gọi là “tính phép trừ”, đợi đến khi số thẻ là 0 thì coi như phép tính đã được tính xong. Nhưng nếu anh làm việc thiện thì sao? Vậy thì anh có thể “tăng tuổi thọ”, người ta sẽ bổ sung thêm cho anh những thẻ bài khác. Việc này có vẻ rất công bằng, nhưng cũng không hẳn vậy, có người làm vô số những việc thất đức đến mức không kể hết, nhưng họ vẫn sống rất tự tại, còn có người vừa mới sinh, chỉ mới khóc có vài tiếng, cùng lắm là tiếng khóc của họ đã gây ảnh hưởng đến môi trường một chút, nhưng đột nhiên ngừng thở, tuổi thọ của anh đến đây chấm dứt. Việc này thực sự khó mà nói rõ được, nếu muốn giải thích, có lẽ chỉ có thể nói mỗi một “căn phòng” có độ to nhỏ không giống nhau, số thẻ trong từng bó có bó ít có bó nhiều chẳng? Nhưng dù thế nào đi nữa, theo quan điểm của phái này, tuổi thọ của con người dài hay ngắn chỉ ít có thể do bản thân mình quyết định một phần, đó là nên làm nhiều việc tốt, ít làm chuyện thất đức.

Phái “thời gian” cho rằng, tuổi thọ của con người dài hay ngắn là do trời định, con người không thể thay đổi nó. Một người nào đó phạm tội ở dương gian, âm ti chỉ lo việc ghi vào sổ, còn khoản nợ phải đợi đến sau thu mới giải quyết. Cũng có nghĩa là, cho dù người ta có đốt sách diệt Nho như Tần Thủy Hoàng, giết

hại người trung thành, lương thiện như Tần Hội, thì họ vẫn được sống rất thoải mái, cho đến khi trời phán rằng “đại hạn” đã đến rồi, lúc đó họ mới phải đến gặp Diêm La Vương để tính toán tổng số nợ, và tất cả mọi sự quả báo hoặc là sẽ xuống địa ngục, hoặc là đổ lên đầu con cháu đời sau, tóm lại là không ai cho họ nhìn thấy quả báo của mình. Cũng với lý lẽ đó, kiếp này chúng ta làm nhiều việc tốt cũng chỉ là uống phí công sức mà thôi, bởi họa, phúc, thọ, yểu của kiếp này đã được định sẵn rồi, anh chỉ có thể tích đức để đời sau của mình hưởng nó mà thôi. Trước kia, chiếc cột chính trong miếu Thành Hoàng có treo một chiếc mâm lớn rộng khoảng một trượng, có nơi phía trên còn viết năm chữ lớn: “Cậu cũng đến rồi à!”, khiến người đọc nó vô cùng sửng sốt. Chữ “cậu” vốn dùng để gọi linh hồn của người đã chết, nhưng thực tế là để cho người sống xem, ý nói bạn là anh hùng một thời, đã xưng bá tại một nước hay một con ngõ nào đó, nhưng cuối cùng cũng khó mà thoát khỏi cái chết. Anh hùng xem xong cũng chỉ cười một tiếng, làm sao biết sau khi chết mình có phải tính toán nợ nần hay không, ngay lúc này tôi còn có thể tháo dỡ cái miếu Thành Hoàng này ấy chứ!

Tóm lại, một phái giống như đánh bóng chuyền, thua hết điểm thì ra ngoài sân, một phái lại giống như đánh bóng rổ, lấy thời gian làm thước đo, có thể thua trong sự thoải mái hân hoan. Lẽ tất nhiên hai phái này có thể tìm ra một vài điểm có sự giao thoa giữa Trung Quốc và nước ngoài, giữa Đạo giáo và Phật giáo, cũng có thể nhận ra điểm không dung hòa giữa chúng, nhưng giữa chúng lại chưa từng xảy ra xung đột tranh chấp, hơn nữa còn có thể hỗ trợ lẫn nhau, bổ sung cho nhau, mặt trời mặt trăng phối hợp với nhau khá ăn ý. Lúc thì giáo dục người dân chỉ cần làm nhiều việc thiện, ắt sẽ được thiện giả thiện báo, lúc lại biện giải cho đám thân sĩ giàu có kia tuy làm nhiều việc ác, nhưng chưa chắc đã gặp ác giả ác báo. Và tất nhiên, hai bên cùng vui, hòa thuận với nhau chắc chắn là kết quả cuối cùng. Vì thế hai trường phái này nhìn có vẻ như tương phản, nhưng thực chất lại là người hai mặt, cứ thay đổi cách nhìn nhận trong bộ não của mình để tồn tại suốt hàng nghìn năm nay.

2

Sổ sách âm phủ lớn nhất Trung Quốc có vẻ như thuộc về phái không gian.

“Thổ phủ” - xuất hiện vào khoảng thời Đông Hán, có lẽ là Diêm Phủ chính thức, tương đối độc lập với thiên đình sớm nhất Trung Quốc. Nó được xây dựng dựa trên cơ sở “quyền sổ thiện ác”. Tác phẩm kinh điển thời kỳ đầu của Đạo giáo là Kinh Thái Bình, chương Canh bộ chỉ bát trong đó nói rằng, sự khống chế của Thiên đế đối với cuộc đời của con người thông qua những hành vi và lời nói thường ngày của họ được ghi lại trong “sổ thiện ác, một khi đã gây ra tội ác tày đình thì linh hồn của người đó sẽ được giao cho “Địa thần” trong “quỷ môn”, do Địa thần thẩm vấn, dùng hình, sau đó lại được giao cho “Mệnh tào” đối chiếu giữa tuổi thọ và tội ác của người này, nếu những hành vi tội ác của người này đã sát tận với tuổi thọ, thì hân người này đã đến lúc “vào đất”, hơn nữa ác nghiệt của hân sẽ ảnh hưởng đến thế hệ sau, đây chính là mục chú giải “gia đình tích phúc, con cháu được nhờ, không biết tích phúc, họa chờ đời sau” của Nho gia.

Nhưng theo tác phẩm kinh điển của Nho gia có nói, nếu không phải là những tội ác thật nghiêm trọng, thì hình như tội ác đó không ảnh hưởng đến con cháu sau này. Cái gọi là “đại tội có năm loại, trong đó giết người không thuộc đại tội” (Đại đối lễ ký - Chương Bản mệnh), ngoài những tội nghịch với luân lý lẽ trời sẽ ảnh hưởng đến thế hệ sau thì tội giết người chẳng qua cũng chỉ “báo ứng với bản thân” mà thôi, nó tuyệt đối không liên lụy đến con cháu sau này. Xét sơ qua, tầng lớp thống trị thời cổ đại vẫn còn khá tử tế. Nhưng nếu nghĩ kỹ lại thấy họ vô cùng đáng sợ, cái gọi là nghịch với lẽ trời, nghịch với đạo làm người, vu cáo quỷ thần...tất cả không phải tội lỗi về mặt tư tưởng sao? Tội tư tưởng nếu muốn xử thì hai đời đến năm đời cũng chưa thích đáng, trên thì đào mộ tổ, dưới thì giết hại con cháu, nếu đem so sánh thì tội phóng hỏa giết người chỉ là tội nhẹ do “một chút sơ suất” thôi ư? Đến đây mới khiến tôi hiểu ra rằng, tại sao phạm

vi liên lụy của ngục Văn tự trong lịch sử lại mệnh mông bát ngát đến vậy, còn những tai nạn nghiêm trọng liên lụy năm đời, ảnh hưởng chín tộc đem gán với hai chữ “văn hóa” thì quả là không sát thực chút nào.

Đến Canh bộ chi thập, ngoài Thổ phủ ra, tác phẩm còn nhắc tới các âm cung khác, mỗi đợt đông chí đến cần thu thập tất cả các quyển “sổ câu hiệu” dân thường khắp thiên hạ. “Câu” là bắt giữ, “hiệu” là tra hỏi, “sổ câu hiệu” chính là sổ dùng để ghi chép những tội ác có lệnh bắt của dân thường. Lúc này, tất cả những vị thần tiên được thờ cúng trong thiên hạ đều phải báo cáo mọi thông tin lên trên, các vị thần gia đình hằng ngày phụ trách việc giám sát những lời nói, cử chỉ của người dân, mỗi tháng đều phải tập hợp một lần, lúc đó đương nhiên cũng phải trình báo theo quy định. Sau đó “Thái âm pháp tào” sẽ tiến hành thống kê, đối chiếu, rồi triệu “Thần địa âm” và “Thổ phủ”, hai đối tượng này sẽ phụ trách bắt và thẩm vấn. Trình tự này nghe thì rất đáng sợ, nhưng đối với những người dân đã quen chịu gõ đầu, bóc lột, những cái đó chẳng qua cũng chỉ cần dùng một câu để ứng phó: “Cùng lắm là chết chứ gì!”

Nhưng điều không ngờ rằng, chỉ với vài thảo dân mà cũng cần nhiều sơn hải chư thần và thần nhà cùng lúc hầu hạ như vậy, tự ghi chép những hành vi cử chỉ ỉn ỉn có lẽ cũng chẳng phải việc gì phiền phức. Vì thế sau này họ đã đơn giản hóa cơ cấu nghiệp vụ này, người chuyên chức phụ trách công việc này chính là “tam thi”[2] - điều mà các đạo sĩ quan tâm. (Còn ông Táo - người mà các hộ dân không muốn rời xa lại kiêm nhận chức trách đó, có lẽ bởi ông Táo quá hiểu tính cách của con người, dễ bị những người dân thường mua chuộc, trở thành người không đáng tin cậy trong mắt ông trời chăng?) Thần tam thi ẩn nấp trong cơ thể con người, cứ sáu mươi ngày một lần, vào ngày Canh Thân ông lại lén lút thoát ra ngoài báo cáo với đặc vụ. Theo cách nói những người tu đạo luôn lấy việc hành đức làm cốt lõi, thì họ vốn không cần lo lắng vì những điều được báo cáo này, nhưng vì muốn nhanh chóng thoát khỏi sự trói buộc trong hình dáng một con người, để sống một cuộc sống tiêu điều thoải mái, thần tam thi lại vui mừng khi khiến những người này chết sớm, vì thế nhất định ông phải bịa ra thứ gì đó không có thật. Còn những kẻ tu đạo cũng có chủ ý của riêng mình, cứ đến ngày Canh Thân họ lại thức trắng đêm không ngủ, khiến tam thi không có cơ hội chuồn ra bên ngoài, cứ như vậy, cuối cùng họ thức đến mức “thần tam thi lồng lộn lên” (mượn từ ngữ trong tiểu thuyết, lại không tương xứng với ý nghĩa câu “giận dữ xung thiên”), cuối cùng tức mà chết, vị lão đạo này sau này không thành tiên, chỉ thành tinh mà thôi.

[2] Tam thi: ba xác chết

36. Chương 14 - Part 2

Từ đó có thể nhận ra, sổ âm phủ của phái không gian hóa ra lại có nguồn gốc sâu xa với Đạo giáo bản địa Trung Quốc, vì thế họ trích ra từ Kinh Thái Bình cũng là việc hết sức đương nhiên. Dùng biện pháp mềm mỏng để đối phó với mật thám, có thể gọi đó là tinh túy trong chiến thuật của Lão Tử, chưa bắt đầu thì chưa ảnh hưởng đến đời sau. Nhưng quyển sổ thiện ác đó lại hoàn toàn trùng khớp với nguyện vọng của các bậc chính nhân quân tử sau này, họ có bổ sung thêm phần thiếu sót “trong quan phủ ở dương gian không có điều lệ ghi chép lại công danh và sai sót của con người”, đối với những người dân thường mà nói, họ không thể chỉ nói “cùng lắm là chết chứ gì?” là có thể ứng phó được với quá khứ.

Gần đến triều Hán Ngụy, tăng lữ Phật giáo Tây phương liên tiếp tới Trung Quốc vài lần, tuy họ vẫn chưa thể tự do truyền giáo vào đời sống của người dân Trung Quốc, nhưng những tác phẩm kinh điển của Phật giáo đã bắt đầu được dịch sang tiếng Hán, trong đó quan điểm ở âm phủ đã có địa ngục (tám địa ngục lửa, tám địa ngục băng) dưới ngọn núi Thiết Vi lớn. Nhưng khi họ biên dịch, với một chút lơ là đã tạo ra từ “địa ngục Thái Sơn”, Thái Sơn vốn có nghĩa là một ngọn núi khổng lồ, chính là chỉ ngọn núi Thiết Vi kia. Nhưng các vị hòa thượng Tây phương chưa từng nghĩ tới sẽ sang núi Đông Nhạc để vẫn có thể viết được Thái Sơn, càng không nghĩ địa ngục Thái Sơn của mình bị con rắn Địa đầu lấy đi mất, sau khi thay đổi một chút đã biến thành đồ của người ta. Hóa ra, tôn giáo bản địa của Trung Quốc lúc bấy giờ cũng đang trong giai đoạn phát triển, Trương Lão - đệ tử của Ngũ Đấu Mễ đạo[3] gần như đã hợp nhất giữa chính trị và tôn giáo, đại anh hùng Tào Mạnh Đức cảm thấy đó không phải là một việc tốt, nên sau khi bình định Hán Trung, ông bèn “Vô Ngụy cung roi” dồn tất cả phương sĩ khắp nơi rầm rộ tiến về kinh thành trong phạm vi thế lực của mình, sử dụng hình thức chăm nuôi để nhốt họ lại. Những phương sĩ sống tản cư bên ngoài sau khi vào đến những đô thị lớn, họ có cơ hội để giao lưu với đủ các loại người, và thời bấy giờ hòa thượng cũng là một loại phương sĩ. Tôi đoán rằng, vào lúc này, “địa ngục Thái Sơn” của Phật giáo đã bị các phương sĩ địa phương “vay mượn” thành “Thái Sơn Phủ Quân” mang cái mác MADE IN CHINA. Ông Tiên Trọng Thư nói: “Từ lúc ngựa trắng chở kinh về, Thái Sơn càng trở thành một cái tên khác của địa ngục”. Thái Sơn từ một ngọn núi thần tiên biến thành quỷ phủ, đó là việc xảy ra sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, và lúc đó quyển sổ âm phủ trong nha môn Thái Sơn Phủ Quân bắt đầu xuất hiện phải thời gian. Dưới đây là câu chuyện sau khi Thái Sơn Phủ Quân nắm giữ âm phủ:

Năm Kiến An, triều vua Hán Hiến Đế, tại Nam Dương có người trên Giả Ngẫu, tự là Văn Hợp do mắc bệnh mà chết. Khi chết, có viên quan nhỏ cầm một chiếu chỉ của Thái Sơn tới. Những người trùng tên Văn Hợp có tất cả mười người cả nam lẫn nữ, quan tư mệnh kiểm tra kỹ lại, rồi nói với quan hành sự rằng: “Nay muốn triệu Văn Hợp tới, làm thế nào để triệu được người này? Hãy mau chóng trả hản về dương gian.” (“Sưu thần ký” quyển hai mươi mốt.)

[3] Ngũ Đấu Mễ đạo: nghĩa là “đạo Năm Đấu Gạo”, cũng gọi là Thiên Sư đạo, là một giáo phái ra đời trong giai đoạn đầu của đạo giáo, tức cuối đời Đông Hán (25-220) trong lịch sử Trung Quốc, do Trương Lăng (34-156) sáng lập.

Diêm phủ đã bắt nhầm người, khiến người ta phải chết oan, người không nên chết thì đã chết, còn người nên chết thì vẫn sống. Hãy quay lại xem quá trình bắt bớ trong Kinh Thái Bình, có thể thấy khi lấy căn cứ là quyển sổ thiện ác thì việc bắt bớ sẽ không được thực hiện một cách dễ dàng. Nhưng nếu chỉ nhìn vào tên của những người đã hết hạn sống trong sổ thiện ác hiện nay, trường hợp trùng tên là rất nhiều, phải tra thêm hộ tịch, nhưng thi thoảng cũng xảy ra sơ suất, để rồi bắt nhầm người không liên can tới Diêm phủ. Nhưng theo quy định nghiêm ngặt của phái thời gian, nếu người này chưa đến hạn chết, thì Diêm phủ không thể bắt bớ linh hồn của anh ta, nhưng giống như những tên quan phủ trên dương gian, họ không bao giờ chịu nhận lỗi về mình, đã sai thì cho sai luôn, hoặc giống như Đào Cương, triều Lý đã bắt nhầm nhưng vẫn bị Diêm phủ giữ lại linh hồn, điều đó là không thể được. Nếu đã không thể giữ được linh hồn người đó, vậy chỉ còn cách đưa họ trở về dương gian, nếu không người bị bắt nhầm sẽ trở thành linh hồn lưu lạc không nơi trú thân, để rồi biến thành kẻ trụy lạc chết thảm trong cô đơn, từ đó quay lại quấy phá hai giới âm dương, đó cũng là sự việc khiến người ta hết sức đau đầu. (Sau này, vấn đề này đã có một cách giải quyết thích hợp, đó là thiết kế một nơi thu nhận hoặc tập trung tất cả linh hồn chết oan lang thang, điều này sẽ được bàn tới trong chương khác.)

Vị Giả Văn Hợp này vẫn được coi là may mắn, khi quan tư mệnh tới đón nhận linh hồn mới phát hiện ra có trên mười trường hợp trùng tên. Sau khi rà soát kỹ càng, quả nhiên có sai sót, chỉ còn một cách đó là mau chóng thả linh hồn người này trở về dương gian. Trên đường trở về dương gian, Giả Văn Hợp gặp một người phụ nữ cũng bị bắt nhầm rồi được thả về. Nhưng thế giới âm phủ hỗn loạn, thời gian gấp gáp, dù là một người phụ nữ yếu đuối nhưng mấy tên nha dịch côi âm vẫn mạnh tay mạnh chân quăng hai linh hồn trở về

dương gian rồi nhanh chóng biến mất. Trên con đường u tối của thế giới âm phủ, cô gái gặp rất nhiều khó khăn, cũng may gặp được chàng thanh niên Giả Văn Hợp, hai người giúp đỡ nhau trên suốt chặng đường, cuối cùng cả hai cũng tìm về được với dương gian, đồng thời họ tạo nên một mối nhân duyên hạnh phúc, khiến người ta hiểu ra rằng, hóa ra việc tốt luôn xuất hiện từ những việc không may, khi tổ chức lễ thành hôn đừng quên mang kẹo cưới gửi tặng anh lính sai đã bắt nhầm hai người tới âm phủ nhé!

3

Từ thời Hán - Ngụy đến nay, những câu chuyện “bắt nhầm - trả về” nơi cõi âm xảy ra quá nhiều, có thể nói đó là một loại lớn trong các loại chuyện về thế giới âm phủ. Tuy rằng trong những yếu tố tạo nên loại hình này không thể thiếu quyền sổ sinh tử. Nhưng điểm quan trọng của câu chuyện không phải ở chỗ muốn chứng tỏ quyền uy của sổ sinh tử, cũng không phải để tạo nên những câu chuyện tốt đẹp như của chàng trai Giả Văn Hợp và cô nương Đỗ Lệ. Loại chuyện này sở dĩ được nhắc đến nhiều lần, được các tín đồ Phật giáo không ngừng tuyên truyền, giảng giải, đó là vì nó có nhắc tới tình tiết tham quan địa ngục. Đã bắt nhầm, theo lý phải trả người về, nhưng Diêm Vương còn đảm nhiệm công tác bộ trưởng bộ tuyên truyền trong thế giới âm phủ, thế là ông không để cho người đó uống phí một lần đến đây. Diêm Vương cử người dẫn họ đi tham quan tất cả mười tám địa ngục, hơn nữa không biết ông đã giở trò gì mà bình thường sau cơn mơ, người ta sẽ quên gần hết những điều đã xảy ra trong đó, nhưng ở đây, những người này sau khi trở lại dương gian, họ có thể viết ra những bài bút ký thực sự sinh động về quá trình tham quan địa ngục.

Nhưng những câu chuyện lấy sổ sinh tử và thuyết định mệnh làm chủ đề cũng không ít, đó là những câu chuyện kể quan âm phủ cầm quyền sổ sinh tử tới chiến trường để điểm danh những binh lính đã hi sinh.

Đây cũng chính là chủ đề chính của các câu chuyện về cõi âm có sức sống từ hàng ngàn năm nay. Câu chuyện sớm nhất xuất hiện trong Bát di chí của Cốc Thần Tử, người thời Đường và Hà Đông ký của Tiết Ngự Tư, còn đến cuối triều Thanh, những chuyện như thế này vẫn được người ta đón nhận một cách thích thú. Bát di chí kể về Bình hoặc tây Ngô Nguyên Tế năm Nguyên Hòa thứ mười hai, triều vua Đường Hiến Tông. Khi Triệu Xương Thời trở thành phó tướng của Ngô Nguyên Tế, ông cùng với Lý Tổ chiến đấu tại thành Thanh Lăng, rồi bị trúng đao từ phía sau, ông ngã xuống từ trên lưng ngựa mà chết. Vào khoảng bốn giờ sáng, ông bỗng như vừa bừng tỉnh khỏi giấc mộng, nghe thấy bên ngoài tiếng tướng lĩnh đang điểm danh duyệt binh, hô đến tên của ai, người đó đồng loạt lên tiếng đáp lời. Cứ như vậy họ đã điểm danh cả hơn nghìn người. Triệu Xương Thời chú ý lắng nghe, nhưng đến khi công việc điểm danh hoàn tất, vẫn không nghe thấy ai điểm danh tên mình. Trời chuyển sáng, người điểm danh đã không còn ở đó nữa, Triệu Xương Thời bần khoản ngồi dậy, ông nhìn những xác chết xung quanh mình, tất cả đều là những người được đọc tên lúc đêm qua, giờ đây ông mới biết hóa ra là đêm qua quan âm phủ điểm duyệt, những chiến sĩ chết nơi trận mạc đều là định mệnh cả.

Chủ đề của câu chuyện chính là “định mệnh”. Nhưng nếu người đã chết, thì quan âm phủ chỉ cần điểm tên của linh hồn là được rồi, sao còn phải đối chiếu với những thi thể đã chết? Trừ phi những hồn ma của binh lính cũng cần tập hợp xếp hàng rồi bắt đầu đi duyệt binh? Lý do đó dường như không được hợp lý thì phải, nhưng trong buổi điểm danh đêm qua, giọng đáp lời của những binh lính đã chết tạo nên một không khí rất ghê rợn, đó chính xác là một thành công trong việc sáng tác những câu chuyện ma. Nó xứng đáng liệt vào danh sách những đề tài khủng bố đến dựng tóc gáy như xác chết di động, linh hồn quay lại, hồn ma hàm oan... Bởi thế, những thế hệ sau sẽ không thấy chán khi lặp lại chúng, và thỉnh thoảng họ cũng cho thêm những nguyên liệu mới mẻ vào trong câu chuyện. Thế là “chỉ cần hô gọi họ tên, xác chết lập tức đứng dậy đáp lời” (chương Vương Tuyền Trạch mượn binh, quyển mười, cuốn Di kiên chí bổ của Hồng Mai thời Nam Tống), khi được gọi đến tên, người đó đã là một xác chết cương cứng, chỉ có thể nhảy lên theo chiều thẳng

đứng miệng hô “có”, sau đó lại “phịch” một tiếng đổ thẳng xuống đất. Dưới ánh trăng ảm đạm, hàng nghìn xác chết cứ làm đi làm lại như thế, đó là cảnh tượng “đêm người chết sống lại” khiến người ta chỉ cần nghĩ tới đã thấy dựng tóc gáy. Nhưng dường như chúng vẫn để lại những điểm có thể tiếp tục phát huy, để rồi đến đầu đời Thanh, trong tác phẩm Thục Bích lại yêu cầu “sau mỗi một tiếng điểm danh, người chết liền xách đầu mình đứng dậy”. Các vị tú tài, các cử nhân lũ lượt kéo đến trường thi, họ biết rõ việc kiểm tra xác định nhân thân là tất yếu, vì thế họ cho rằng trong sổ sách âm phủ cũng nên có điều khoản “tuổi tác - hình dáng”, chẳng hạn như người chết nếu không xách chiếc đầu lâu “lắm lem máu” của mình sẽ dễ dàng bị cho là mạo nhận tên tuổi. Ngay cả các bộ phim khủng bố nhất như Xác chết di động cũng không thể so sánh được với những câu chuyện thuần túy theo đuổi hiệu quả gây sốc này, nhưng Bồ Tùng Linh vẫn có thể giúp không khí ghê rợn trong đêm chiến trận thời cổ đại được đẩy lên ột bậc.

Mẩu chuyện Liêu Dương Quân trong Liêu trai cũng đã sử dụng hình thức điểm danh, chỉ có điều người không phải chết đã bị chém rơi đầu, quan Diêm phủ bèn lệnh cho đám lâu la gắn đầu anh ta lại, sau đó đưa anh ta rời khỏi âm phủ, đây có thể cho là một sáng kiến mới mẻ, nhưng chưa tạo được nét độc đáo khác cho tác phẩm của mình. Còn chuyện Chó hoang kể rằng binh lính triều Thanh trấn áp bảy đội quân phiến loạn, giết người không ghê tay, một kẻ muốn thoát khỏi hoàn cảnh đó, bèn giả vờ chết giữa đồng thi thể. Đến khi quân Thanh rời khỏi, lúc đó đất trời cũng đã chìm vào màn đêm đen kịt.

Bỗng thấy cả rừng xác chết không đầu, không tay bỗng nhiên đứng dậy. Một trong những xác chết ấy đầu vẫn đang vắt vẻo trên vai, một âm thanh phát ra từ miệng người đó: “Tên chó hoang kia đến đây làm gì?” Cả đám xác chết cùng ứng theo: “Làm gì?” Nói xong, chúng lại đồng loạt ngã vật ra đất, không nói thêm lời nào nữa.

Bỗng chốc một rừng xác chết đứng bật dậy, rồi lại đột nhiên ngã vật ra đất, đó là giây phút tĩnh lặng bên xác chết vào lúc đêm khuya, để chờ đợi thứ đáng sợ nhất xuất hiện. Đoạn vừa rồi tuy không phải là câu chuyện về cảnh “điểm danh trên chiến trường”, nhưng nó đã tập trung vào hoàn cảnh khủng khiếp của câu chuyện, thể hiện thành công tính thảm khốc của cảnh chết chóc giết hại người dân không ghê tay của binh lính triều Thanh. Vậy nếu là cảnh bị chết chìm giữa sông thì sao? Trong chương Phú quý sống chết có số, quyển bốn, cuốn Khách song hiểm thoại - phần tiếp theo, Ngô Xí Xương có viết, những kẻ chết đuối, chết chìm cũng có một viên quan âm phủ đến điểm danh. Vậy tất nhiên những xác chết ở đây không thể gây ra những cảnh kinh hãi như những xác chết cứng đờ nơi đồng không mông quạnh được. Nhưng hãy tưởng tượng, những xác chết đứng dậy lừng lờ trên mặt nước, xếp thành hàng ngũ, chắc có lẽ sẽ tạo cho bạn một cảm giác cõi âm khác biệt chứ!

Nhưng những câu chuyện cũng không chỉ dừng lại ở việc tạo ra cảm giác sợ hãi, chủ đề định mệnh cũng được chú ý và thực hiện sâu sắc hơn. Những người chưa đến sổ phải chết không những không phải điểm danh, mà quan âm phủ còn vạch trần ra xem người này sẽ chết sau bao nhiêu năm nữa, và sẽ chết ở nơi nào. Tác phẩm Quý tân tạp thức của Chu Mật người Nam Tống có ghi lại câu chuyện xảy ra vào thời Nam Tống Ninh Tông: người Mãn xâm phạm từ phía nam, giết người vô kể, xương chất thành núi, thịt chất thành tầng, giết xong chúng còn lùng sục lại xem có ai chưa chết hẳn thì dùng búa sắt đánh cho chết hẳn rồi mới chịu đi. Trong số đó có một người may mắn vẫn chưa chết hẳn, đêm đến, thấy người của quan phủ đốt đèn đi tới điểm danh người đã chết trong sổ, đọc đến tên người nào, xác chết của người đó đứng bật dậy, rồi lại lập tức ngã xuống. Khi đọc đến tên người kia, anh ta cũng đứng dậy. Lúc này, bỗng nghe có người nói: “Người này vẫn chưa chết.” Và rồi theo sổ sinh tử viết: “Sau hai mươi năm nữa người sẽ chết ở Thần Châu.” Người này đã được miễn chết, mặc dù sau này anh ta đặc biệt cẩn thận không bao giờ đi Thần Châu, luôn sống an phận theo pháp luật, nhưng cuối cùng anh ta cũng không thoát được định mệnh của mình, phải chịu một nhát đao oan uổng trên pháp trường Thần Châu.

Về sau, chương Thủ thuật chi bại, quyển mười hai, cuốn Lưỡng sơn mặc đàm của Trần Đình người đời Thanh,

chương Kể họ Nhược trong quyển Sạn trong ngọc của Đồng Cốc, chương Sống chết định trước, quyển sáu, cuốn Dung am bút ký của Tiết Phúc Thành, người đời Thanh, ba tác phẩm này cơ bản cũng kể về những cảnh tượng như vậy, không thấy xuất hiện bất kỳ một chi tiết mới nào. Chỉ đến tác phẩm Di viên đàm dị của Trần Dị người đời Thanh, trong chương Kể mặt rỗ họ Châu, “phái không gian” mới tham gia vào thể loại truyện này.

Vào năm Kỷ Mùi, năm canh Thân Hàm Phong, quân Thái Bình chiếm lĩnh khu vực phía nam sông Trường Giang, và phía tây thành phố Trấn Giang, cả khu vực Dương Châu phía bắc sông Trường Giang, người dân không mắc bệnh tật, cuộc sống êm đềm. Giang Nam rơi vào bẫy, người dân muốn chạy trốn và đa số đều chết bởi binh lính đem ngựa đuổi theo chém giết, hai bên sông xác chết thành đập. Một người họ Giáp may mắn sống sót, nằm ẩn mình trong đám xác chết, nửa đêm, những tiếng hô gọi từ xa vọng lại, anh ta thấy thần Thành Hoàng dẫn theo quan binh âm phủ cầm sổ sinh tử điểm tên xác chết. Đọc đến người họ Giáp này, Thành Hoàng nói: “Không phải, ngày mai tên mặt rỗ họ Châu sẽ cướp đi mạng sống của ngươi.” Ngày hôm sau, người họ Giáp này gặp một người phụ nữ, cô ta nói mình bị cướp hết tiền bạc, giờ đây không biết sống bằng cách nào, nên muốn đi tìm cái chết. Người này nghĩ, chẳng lẽ hôm nay ta cũng chết trong tay tên mặt rỗ họ Châu, vậy ta còn giữ tiền làm gì? Nghĩ rồi anh ta khăng khải đưa tất cả số tiền của mình tặng cho người phụ nữ. Quả nhiên, một lúc sau, anh ta nhìn thấy một người vung đao lao tới, người họ Giáp liền gọi: “Châu mặt rỗ!” Người kia hỏi: “Sao ngươi biết tên ta?” Người họ Giáp tiến lên phía trước, nói: “Hôm nay ta sẽ chết trong tay Châu mặt rỗ nhà ngươi, xin hãy mau giết ta đi.” Châu mặt rỗ kinh ngạc đáp: “Đồ điên! Ngươi bảo ta giết ngươi, nhưng ta không giết đấy.” Thế là người họ Giáp cứ khăng khăng đuổi theo Châu mặt rỗ yêu cầu hấn giết mình, Châu mặt rỗ thấy vậy như gặp phải ma, hấn cướp chỗ tiền của người phụ nữ kia rồi nhanh chóng tẩu thoát. Câu chuyện hình như có chút thay đổi, thực ra đó chẳng qua là lối viết lấy việc thiện để thay đổi định mệnh đã cũ mòn mà thôi, nói cho cùng, chúng vẫn không thể tách rời hai chữ “định mệnh”.

Xét cho cùng, định mệnh trong sổ sách âm phủ là một thứ rất lạnh nhạt, rất vô tình, nó coi việc quản lý chặt chẽ mạng sống của con người là thay đổi hành đạo. Quyển sáu trong Mao đình khách thoại của Hoàng Hưu Phục, người thời Bắc Tống có chương Ai Diên Tộ, chương này đã dùng câu chuyện sổ sinh tử điểm danh để biện hộ cho việc giết người trong vụ trấn áp cuộc khởi nghĩa Lý Thuận tại Thành Đô: “Được biết triều đình truy đánh quân phản nghịch, giết chết nhiều người, đó là thay trời hành đạo, không có gì là sai cả.” Triều đình giết người là tuân theo lệnh trời, hàng ngàn, hàng vạn người dân vô tội bị cướp đi mạng sống, đó tuyệt đối không có gì oan uổng cả. Vậy những người thuộc dân tộc khác tới xâm phạm, họ cũng giết hại biết bao người dân hiền lành, vậy nó được coi là gì? Quyển bốn, tác phẩm Bàn về núi Thiết Vi của Thái Điều thời Nam Tống có viết, vào năm Kiến Viêm Nam Tống, quân đội nhà Kim xâm lược từ hướng nam, triều đình bỏ mặc dân chúng, một mình tháo chạy về hướng nam, nhằm khiến quân địch mắc lừa. Quan Lang Hầu Mậu cùng hai người khác không kịp chạy trốn, bèn nấp mình trên chiếc cột lớn ở gian giữa ngôi nhà trong vườn hoa. Một ngày nọ, họ nhìn thấy hàng nghìn quân nhà Kim lũ lượt kéo tới, chúng ngồi trong gian giữa, lệnh cho lũ lâu la áp tải những người dân bị bắt vào trong, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, chúng nhất loạt dùng gậy đập chết, xác người chồng chất lên nhau. Xế chiều, khi giết hết số người ở đó, chúng mới rời khỏi. Đến nửa đêm, quan binh âm phủ đến điểm danh, trong đó chỉ có bốn xác chết được quan binh âm phủ nói “không phải”. Ngày hôm sau, quả nhiên chỉ có bốn người đó sống lại. Đương nhiên sự việc này cũng là do “thiên mệnh”, không liên quan gì đến sự phủ bại, bất lực, chỉ biết lo cho bản thân của triều đình. Đói khát, hoang tàn, lạnh giá, binh biến, ôn dịch, lũ lụt, động đất...tất cả đều là do ông trời muốn “thu người”. Nếu đã là do ông trời muốn bắt lại, vậy anh không đi có được không? Hoàng đế muốn ngăn cản liệu có được không? Huống hồ Vạn Tuế gia lại là đứa “con trời” thực sự (lúc này cũng đừng kéo cả những “đứa con đáng tự hào của trời” được nhận học bổng vào nhé!), giúp cha mình một tay âu cũng là đạo lý muôn thuở ở đời!

37. Chương 14 - Part 3

4

Từ Kinh Thái Bình đã nêu ra ở phần trước, chúng ta có thể nói sở thiện ác xuất hiện cùng lúc với Diêm phủ. Diêm phủ đã có lịch sử hai nghìn năm, ngôi vị Diêm Vương gia đã được hoán đổi hai trăm đời, nhưng tình hình chung của Diêm phủ vẫn chưa có gì thay đổi, vẫn là tiến trình quen thuộc, đặc vụ báo tin cho quan quân Diêm phủ, quan quân tổng hợp lại rồi báo với Diêm Vương.

Loại sổ sách ghi chép lại những công đức, tội lỗi này, đến đời Đường còn được gọi là “sổ Mậu Thân”. “Mậu Thân” nghĩa là gì, từ trước đến nay chưa có ai đi giải thích nó, cũng may trong tác phẩm Dâu dương tạp trở, Đoạn Thành Thức đã ghi chép về nó: “Thu nhận cáo trạng như nhân gian, đầu tiên hỏi ngày sinh, tiếp đến hỏi họ tên, tuổi tác, bên dưới có ghi chú ngày, tháng, năm sinh, ở dòng khác ghi Lục tuần (60) Giáp Tý, công lao và tội lỗi từng có, hiện phạm tội gì, nếu không có thì viết “vô sự”, tức không có chuyện gì. Người được ghi tên vào sổ này “nhiều vô kể”, theo Chu Y Nhân - người quản giữ quyển sổ nói: “Cứ sáu mươi năm quyển sổ này lại ghi tên người trong thiên hạ một lần, để kiểm tra và đối chiếu việc thiện, việc ác của người đó, tuổi thọ tăng hay giảm sẽ do người đó tự quyết định.” Như vậy, sáu mươi năm là thời gian để thanh toán tổng số nợ, và cũng chính là một tuổi mậu thân, có lẽ vì thế mà nó được gọi là “sổ Mậu Thân”? Đây cũng chỉ là điều suy đoán của tác giả mà thôi. Quyển “sổ Mậu Thân” này gần giống với quyển hồ sơ nahôn sự của quan phủ, có thể ghi chép công danh và tội lỗi của người đó bất cứ lúc nào, rồi lấy đó làm căn cứ để tăng hoặc giảm tuổi thọ hay chức vụ, bổng lộc của con người, việc phân loại của nó ắt đã được nghiên cứu kỹ càng.

Còn quyển sổ âm phủ trong Hồi dương ký của Trần Thức Văn có vẻ phức tạp hơn so với quyển “sổ Mậu Thân”, “tất cả mọi việc được thực hiện đều có mục đích của nó, vì vậy việc gì cũng phải được ghi vào sổ”. Vậy thì những ghi chép vào sổ không chỉ giới hạn ở ngôn từ, cử chỉ, mà còn bao gồm cả những ý niệm trong đầu, cho dù đó chỉ là “một chút suy nghĩ riêng tư thoáng qua” cũng phải ghi vào trong hồ sơ. Quyển “sổ vô cùng” này “ghi việc thiện lớn thì dùng chữ vàng, việc thiện nhỏ thì dùng chữ đỏ, ghi việc ác lớn thì dùng chữ xanh lục, việc ác nhỏ thì dùng chữ đen”, như vậy có thể khiến người ta “không cảm thấy rợn tóc gáy” khi nhìn thấy, nghĩ rằng nó đã thực sự chạm đến linh hồn. Chỉ cần trong đầu xuất hiện một suy nghĩ, suy nghĩ đó chắc chắn sẽ bị Diêm phủ nhìn thấu. Có thể ngay cả thần Tam thi ẩn nấu trong hình dáng con người cũng không thể làm như thế được. Nhưng đó cũng không phải là thứ có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, mà có lẽ nó chỉ là sự cáo giải của tôn giáo Tây phương, là sự giao lưu tâm linh trong thổ giáo, chúng biến phép khiến những điều bạn suy nghĩ trong lòng bị mang ra ánh sáng. Cái đáng để chúng ta than thở, đó là một khi hình thức giao lưu tâm linh đó nhận được sự cổ vũ, trở thành một trào lưu trong xã hội loài người, thì không phải chỉ đào sâu nghiên cứu, mà thậm chí còn phải bịa dựng linh tinh. Lúc đó, có lẽ người ta tưởng mình đã thành công, trở thành mô phạm trong việc giao lưu tâm linh, cho đến khi quyển sổ được công khai thì chỉ còn lại sự “ghê rợn tới tận sống lưng” mà thôi.

Đương nhiên, nếu động cơ tốt, muốn mộc mạc hóa phong tục, đến bậc minh vương như Nghiêu - Thuấn cũng có thể khoan dung cho sự dè dặt về mặt thủ đoạn. Vấn đề lại nằm ở chỗ, sở thiện ác không phải quyển sổ khích lệ người ta học tập tinh thần cứu giúp người vô tư của Lôi Phong. Trong mẫu truyện Thần thành hoàng đô thị, quyển mười một, cuốn Khoái viên[4] của Tiền Hy Ngôn, người đời Minh, chúng ta có thể nhìn thấy mục đích của các bậc chính nhân quân tử khi tạo ra sở thiện ác.

[4] Nghĩa là: khu vườn xảo quyệt

Năm Long Khánh thứ năm, đời vua Minh Mục Tông, Bắc Kinh có một tú tài mười chín tuổi với trí thông minh lạ thường. Khi cùng đi chơi với các bạn học, cậu ta đã gặp một thiếu nữ chừng mười sáu, mười bảy tuổi, hai người liếc mắt đưa tình, tình cảnh giống hệt Trương Quân Thụy gặp phải hồn ma lăng lờ chết oan của năm trăm năm trước khi ông đang cứu chùa tại nước Tấn. Sau khi trở về, cậu tú tài mắc bệnh tương tư, hằng đêm thương nhớ, chỉ mong sao có thể gặp được nàng. Gia sư của cậu ta là một cử nhân trẻ tuổi, cũng là người rất am hiểu nhân tình thế thái, thầy giáo bèn hỏi thăm tâm tư của học trò, sau đó bảo sẽ giúp cậu tú tài hoàn tất việc này. Anh ta thay học trò viết một bài cầu nguyện, sau đó hai thầy trò đến miếu Thành Hoàng thắp hương. Dừng lại ở đây, chúng ta thật sự chưa nhận thấy điểm gì sai sót ở cậu tú tài, ai ngờ sau khi từ miếu trở về, thần Thành Hoàng nhập vào thể xác của một thầy cúng, tuyên phán với cậu tú tài rằng: “Số mệnh của nhà ngươi năm thứ hai Vạn Niên sẽ đổ trảng nguyên, hưởng thọ chín mươi tuổi, thầy giáo của ngươi cũng đổ tiến sĩ năm đó. Nhưng nay ngươi đã bị cắt cái lộc đó, ngươi sẽ chết yểu năm mười chín tuổi, và thầy giáo ngươi cũng bị xử moi ruột mà chết. Tội trạng của ngươi là gì? Đó là ngươi không thông qua “sự cho phép của bố mẹ, và lời người mai mối” mà định yêu đương với con gái người ta!” Quả nhiên, đến ngày hôm sau, cậu tú tài mơ thấy thần Kim giáp tay lăm lăm cầm búa rìu, còn thầy giáo mình đang kêu đau bụng như bị ai cào Ué trong đó. Ba ngày sau, cả hai thầy trò cùng bị lấy đi mạng sống. Còn người con gái trên núi đó, có lẽ cũng không nhận được kết quả tốt đẹp gì, bởi chiếu theo lô gic quan phụ mẫu ở “huyện My Ô”, chút “rung động” của Tiểu Phó Bằng sẽ là kết quả “bán lăng lờ” của Tôn Ngọc Giáo.

Tình cảm nam nữ là thứ tình người căn bản nhất, chỉ có điều bởi có “tà niệm” này mà cả thọ lẫn lộc đều bị tước hết, thay vào đó là “án xử trảm”, dụng tâm ở đây là diệt bỏ triệt để tình người. Xem xong câu chuyện này, khi đó tôi chỉ có một suy nghĩ, giữa trời và đất không có địa ngục thì tốt quá, nếu có thì nó chắc chắn do Tiên Hy Ngôn Uyê dựng nên! Đến cuối triều Thanh, Trần Dị cho rằng mẩu chuyện này có tác dụng đối với lòng người trong nhân gian, quan điểm này được ghi trong tác phẩm Y viên đàm dị, còn trong tác phẩm Đàm dị lại ngợi ca Đàm Phúc Đường, có thể thấy Tiên Hy Ngôn không thiếu những người có cùng quan điểm. Đừng cho rằng những người này chỉ là những “ông đồ cổ hủ” không thông “đạo lý làm người”, như ông Chu Tác Nhân có nói, họ “kìm nén sự thể hiện của bản tính người, nhưng lại đắm đuối theo những ham muốn biến thái”, càng là những người dung tục thì càng muốn đóng thành những bậc chính nhân quân tử; Nhưng cái tà niệm trong lòng lại làm cho họ dù có đóng thế nào cũng gượng gạo, cùng lắm cũng là loại quái vật dị hình mất hết nhân tính. Trong Đàm dị, Trần Dị từng thở dài rằng, quan phủ trong nhân gian không thể ghi lại hết những hành vi. Ngôn từ, và suy nghĩ của tất cả mọi người trên thế gian. Ông cho rằng số thiện ác trong Diêm phủ có tác dụng bổ sung thêm những điểm thiếu sót của dương thế. Người này giữ chức tuần phủ An Huy, Lễ bộ thị lang, xem chừng ông ta rất muốn đưa toàn bộ sự thống trị các đặc vụ của điện Diêm Vương vào trong quan phủ để trị quốc, trị dân. Từ đây có thể suy ra sự thấp hèn về nhân cách, sự thiếu cận về tri thức của hắn. Trong tiểu thuyết Cái nhìn lạnh cuối triều Thanh có viết, một kẻ tên Trần Lục Chu hằng ngày mặc quần áo của Phật, ăn đồ ăn của Phật, ở cùng với Phật qua ngày - hắn chính là kẻ thấp hèn được nói trên. Tiểu thuyết có nói, cuối cùng hắn chết do ăn linh dược của tiên cơ, điều này e rằng cũng không có căn cứ.

Sau thời Tống - Nguyên, số thiện ác của Diêm phủ về cơ bản đã trở thành một đạo cụ biểu diễn thuộc loại cấp thấp nhất của những kẻ ngu quân tử. Ngay từ thời Nam Tống, quyển sổ thiện ác này đã có một tên gọi khác, tức Diêm phủ có hai quyển sổ thiện và ác, dựa vào từng người để phân biệt chúng, tức người thiện thì ghi trong sổ thiện, người ác thì ghi trong sổ ác (xem chương Thử bàn về cung Thái Thanh, quyển mười sáu, cuốn Di kiến chí bổ của Hồng Mai). Đến Hương ẩm lâu tân đàm, quyển hạ của Lục Trường Xuân, người đời Thanh lại xuất hiện cách nói “số công lao và tội lỗi”, tức mỗi người đều lập ỳnh quyển sổ thiện ác, ngoài quyển “ghi những bổng lộc nhận được lúc bình sinh”, còn có một quyển chuyên “ghi chép những công lao và tội lỗi” của mình. Có người tự nói với Diêm phủ qua quyển sổ cá nhân của mình rằng, hồi nhỏ anh ta lấy trứng rùa làm đồ chơi, một lần do không cẩn thận làm trứng rùa bị vỡ, đây thuộc vào tội sát sinh, người này vô cùng thành thật, đem kể việc “thất đức” nhất cả đời mình cho Diêm phủ biết.

Những người như vậy hiếm nhưng không phải là duy nhất. Chương Ông họ Thang trong Liêu trai chí dị là bản tự thuật của một “đạo đức gia”, cũng rất giống với “bảng công lao và tội lỗi” của những kẻ ngụy quân tử. Trong giây phút cân kề giữa sự sống và cái chết, tất cả những việc thiện và ác xảy ra trong cả đời người đều được trình báo như được phát bằng ghi hình vậy. Còn việc “ác” lớn nhất, đáng ghi nhớ nhất của ông họ Thang này lại là “khi lên bảy, lên tám, ông ta đi tìm bắt chim sẻ và đã bắn chết nó”. Câu chuyện này được ông ta tự kể sau khi tỉnh lại, cái đạo đức giả của người này được tạo dựng một cách quá mức. Nếu đoạn văn này của Bồ lão tiên sinh không có hàm ý châm biếm đả kích thì quả thật người đọc sẽ thấy ghê tởm khi đọc đến những dòng này.

“Sổ công đức và tội lỗi” của Diêm phủ chính là bản dịch “bảng công đức và tội lỗi” của dương gian. Các nhà Đạo học xin chỉ thị sớm mà báo cáo muộn, hằng ngày đều bỏ ra mấy tiếng đồng hồ tự mình phê phán, tự mình sửa chữa, rồi lại đau khổ tự kiểm điểm, tự phê bình. Đối với xã hội ngày nay, việc này có vẻ khá nực cười, nhưng khoảng bốn mươi năm về trước chúng tôi lại có ý định phổ cập nó ra toàn xã hội, và gần như đã đạt đến cảnh giới “sáu trăm triệu người dân đều theo Đạo học”.

Thế là khi nghĩ tới đúng bốn mươi năm về trước, tôi vừa về nông thôn làm thầy giáo (nói là giáo viên cấp hai, nhưng thực chất là “cấp một đội mũ cấp hai”). Đầu tiên tôi tham gia một lớp bồi dưỡng giáo viên. Một giáo viên đứng lên phát biểu, tiêu đề vừa được nói ra đã khiến người nghe thấy giật mình, đó là: “Tôi rất phê bình tư tưởng dâm loạn của mình.” Nhưng khi nghe tiếp, chúng tôi dần dần hiểu ra vấn đề, anh ta chỉ muốn kiểm điểm một việc, đó là muốn đổi những cái nơ vải trên quần áo thành những chiếc cúc nhựa mà thôi. Nhưng anh ta nói “nếu có tuấn ý, ắt sẽ có dâm ý” (“tuấn ý” có lẽ chỉ ham muốn yêu cái đẹp? Câu nói đó được đọc theo âm địa phương, cho nên dù đã được nhắc lại nhiều, nhưng tôi vẫn không nghe hiểu, vì vậy tôi bàn gặp riêng người đó thỉnh giáo, vì vậy mới làm tôi nhớ đến tận ngày hôm nay). Sau đó anh ta sử dụng nhiều điều khoản luật mới ban hành lúc bấy giờ để hùng biện cho câu nói của mình, vấn đề này nói tiếp vấn đề kia, cuối cùng anh ta suy ra mình là thành phần hư hỏng phản cách mạng (lúc đó, dù anh có tội phạm gì cũng đều thêm vào đó ba chữ “phản cách mạng”). Sau khi cuộc họp kết thúc, tôi vội vã chào người giáo viên đó, vì tôi e “tên lưu manh đang chờ trợ cấp” này cảm thấy ngại mà thôi. Thực ra là tôi đã nghĩ quá nhiều, bởi người đó không những không tỏ thái độ gì gọi là e ngại, thậm chí anh ta còn đoán rằng lãnh đạo sẽ nhanh chóng bầu anh ta trở thành người phát ngôn điển hình. Có người nói, bài phát biểu đó thực chất là do lãnh đạo lên kế hoạch sẵn, điều này cũng không cần thiết phải trách mắng, bởi mấy chục cuộc thảo luận nhóm lúc bấy giờ đều là ngồi nhìn nhau, yên lặng tới mức khó chịu. Và kết quả sau cùng của những cuộc họp lớn lại là “sự hào hứng”, tiếp tục mở các cuộc họp nhỏ, mỗi bài phát biểu đều như bắt đầu “dâm loạn”.

Nhưng nếu cho rằng những người dân như chúng ta dễ dàng bị tu thành môn đồ của các nhà Đạo học là điều quá sai lầm. Ở cái thời đại cấm những ham muốn đó, thần kinh của con người trở nên vô cùng nhạy cảm, từ việc bào khoai lát, cho đến diễn kịch, các cuộc họp phê bình và tự phê bình, tất cả đều được người ta liên tưởng, vận dụng đến mức các nhà văn chân chính cũng phải nể phục. Chỉ một chữ “dâm” đó đã có thể kích thích trí tưởng tượng của mọi người, để rồi từ đó nó không ngừng được phát huy, khai quật. Từ một bữa cơm khoai cơm sắn, cuối cùng có thể được mọi người tưởng tượng thành đại tiệc với tám món mặn và tám món chay. Đầu tiên có người cúi xuống cười thầm, sau đó người khác đứng lên hưởng ứng, thế là dần dần chủ đề chính được dẫn dắt sang tà đạo, được thảo luận sôi nổi hơn, hào hứng hơn. Đúng lúc đó, lãnh đạo sở Giáo dục đến, họ cũng chỉ cười mắng một câu: “Đồ quý”, để tỏ rõ lập trường không ủng hộ mà cũng không ngăn cấm của mình, nhưng có lẽ trong lòng họ cũng thâm đắc ý bởi bản lĩnh kiểm soát tình hình của mình. Vào lúc này, phía nữ giới có đặc quyền không cần phát biểu, thậm chí họ có thể đỏ mặt rồi chạy ra ngoài chôn mắt cũng không ai thắc mắc gì. Bấy giờ nghĩ lại, “nhóm bốn người” chúng tôi thật là ngu ngốc, ngu ngốc ở chỗ chúng tôi thật sự cho rằng cả thiên hạ đều được họ bàn luận thành thật, tư tưởng thống nhất, ai ai cũng trở thành người máy số một, như vậy chẳng phải con người sẽ không biết thế nào là thiên tính, không biết gì là lương tri nữa hay sao? Những điều đó sẽ để lại dấu ấn không dễ phai mờ.

Tiếp tục sự phát triển, có một loại sổ Diêm phủ tên gọi là sổ “Xuất cung khan thư - Đọc sách khi đại tiện”(tức tất cả những người có sở thích “tam thượng” là mã thượng - trên lưng ngựa, chằm thượng - trên gối, xí thượng - trên nhà xí) đều được ghi vào trong sổ này. Có lẽ quyển sổ này chuyên dùng cho những tên đặc vụ ngồi xổm trong nhà xí để ghi chép, cuối cùng âm ti sẽ dựa theo số lượng những cán gỗ, cán trúc dùng để lau chùi sau khi đi đại tiện của họ để tính tuổi thọ. Chương Dư thu thất học sĩ, quyển một, Bắc đông viên bút lục sơ biên của Lương Cung Thần có viết:

Diêm Vương cầm sổ sinh tử đọc, Xí phán quan nói: “Tuổi thọ của người này vẫn chưa hết, tại sao lại đưa đến đây?” Phán quan nói: “Người này đọc sách khi đi đại tiện, nên thần đã trừ bớt tuổi thọ của hắn.” Diêm Vương cầm lấy quyển sổ, viết lên bìa ngoài bốn chữ lớn “Xuất cung khan thư”.

Đọc đến đây, tôi bỗng cảm thấy ngạc nhiên, tuy tôi chỉ có sở thích “một thượng”, nhưng nó lại chính là “xí thượng”! Nhưng thiết nghĩ, sở dĩ tôi chưa được tiếp kiến Diêm Vương có lẽ vì khi vào nhà vệ sinh tôi chưa từng mang các loại sách thánh hiền vào đọc, cho dù có mang vào tờ báo thì tôi cũng chỉ xem những quảng cáo bán nhà cũ mà thôi. Tuyệt đối không được mang sách thánh hiền vào nhà vệ sinh, điểm này ngay cả những người dân thường ngô nghê, lỗ mãng không cần nghe cũng biết. Tôi thường thấy các đồng nghiệp lo lắng lục lọi trong đồng sách, vậy nếu không phải là cấp trên đến kiểm tra thì chắc chắn là nổi bực bách bên trong cơ thể đang thúc giục, lúc này bạn thử đưa cho họ một quyển sách thánh hiền xem, chắc chắn trăm phần trăm bạn sẽ bị từ chối khéo. Nếu dựa vào trường hợp Gia Cát cung kính trước phân gà và trứng gà, thì những bài văn bày tỏ những tâm đắc về điều đó đương nhiên cũng không được mang vào nhà xí.

Không những thời cổ đại, mà ngay cả những năm tháng “tay không rời sách hồng bảo[5]” khi đi vệ sinh chúng ta cũng thường gặp vấn đề như vậy. Chúng ta cũng đã từng gặp những người một tay giữ cao còn một tay đang làm “công tác vệ sinh”, động tác đó tuy không khó, nhưng lại rất khó giữ được lâu, và không phải bất kỳ người bình thường nào cũng có thể bắt chước đạt hiệu quả đến vậy, không khéo lỡ tay sẽ để lại mối hận nghìn thu. Vì khó đến vậy, nên nó trở thành loại khác biệt, mà người kia cứ hễ vào nhà xí là giữ cao tay, khiến cho những người đang đi vệ sinh ở đó cũng phải vội vàng đi theo, rõ ràng người đó đã thành thạo trong việc lôi kéo người khác nhảy vào vùng đất chết. Và thế là có người bày tỏ sự không hài lòng, tiết lộ người đó đang cố ý bảo người khác mang “sách hồng bảo” bỏ vào hố phân. Cũng may mà anh ta xuất thân tốt, lại là người ngay thẳng, tuy lòng người khó đoán nhưng tính tình “chân chất”, thôi thì cũng cho qua, nhưng hành động sáng tạo này từ đó không còn xuất hiện nữa. Sau này tôi đến một địa phương ở miền Nam, thấy bên ngoài các nhà vệ sinh công cộng đều đặt một chiếc bàn gỗ, bên trên trải vải đỏ, đồng thời có một tờ giấy nhắc nhở màu đỏ, ai có nhu cầu dùng nhà vệ sinh, xin tạm thời đặt “sách hồng bảo” ở đây. Sự nhắc nhở chu đáo, chân thành này thật khiến người ta cảm động, đáng tiếc khi đó có một số người không kìm nổi sự yêu quý đối với những quyển sách, đã tiện tay lấy mất hoặc nhanh tay dùng sách khác trao đổi, hiện tượng này xảy ra rất nhiều, khiến chiến lược này chưa thể đạt đến tiêu chuẩn hành vi và quan niệm đạo đức được mọi người công nhận, thật đáng buồn thay!

[5] Sách hồng bảo: sách ghi lại những câu nói của Mao Trạch Đông

Nhưng trong lúc đi vệ sinh người ta vẫn muốn tìm một việc gì đó để làm. Cổ nhân nói “tiện nhân” thường có bốn dáng điệu như sau, đó là ăn thì chậm, đi đại tiện thì nhanh, dễ ngủ say, quần áo lôi thôi”, muốn trở thành một người quý phái, ít nhất anh cũng phải ngồi trong nhà xí mười mấy phút. Ở đó mười mấy phút mà không việc gì làm thì quả thực không phù hợp với điều mà cổ nhân răn dạy “quý trọng thời gian”, vì thế anh có thể ở đó “tự kiểm điểm, nhắc nhở bản thân”, cũng có thể “bồi dưỡng tình thần chính trực”, cho đến khi dần trở thành người quý phái, tự nhiên anh sẽ hiểu, tính toán kế hoạch tác chiến, xem sẽ xử lý bọn họ như thế nào, thật sự không có nơi nào tốt hơn trong nhà xí. Trong Hán thư - Cấp Ẩm truyện có

nói, Hán Vũ Đế vừa ngồi trong nhà vệ sinh vừa nói chuyện với Đại tướng quân Vệ Thanh Thị Trung bên ngoài, rất tùy tiện thoải mái, còn đối với người thăng thần đến mức khó gần như Cấp Âm, chỉ cần mũ áo của Vũ Đế có chút không chỉnh tề là ngài nhất định không tiếp kiến Cấp Âm. Các nhà sử học dựa vào đó để chứng minh sự kính trọng của Vũ Đế đối với Cấp Âm, thực ra đó là một sai lầm, cực kỳ sai lầm. Đối với thừa tướng Tôn Hồng - người tự mình xuyên tạc học thuật của mình - Hán Vũ Đế có thể vừa xách quần vừa ra tiếp kiến, chứng tỏ quan hệ của Hán Vũ Đế với Tôn Hồng thân thiết hơn so với Cấp Âm. Là người đứng đầu trong triều, Vệ Thanh có vinh dự là người lính duy nhất có thể vào nhà vệ sinh vừa bàn bạc kế sách chiến lược, vừa giúp Vạn Tuế gia “làm công tác vệ sinh” snau khi đi đại tiện, đó mới là sự đãi ngộ của bậc “đại thần cơ mật” thực sự.

Có câu nói rằng: “Vì lãnh đạo làm một trăm việc tốt không bằng cùng lãnh đạo làm một việc xấu”, không biết câu nói này có phải được truyền lại từ thời Hán Vũ Đế hay không, nhưng vào thời Minh chắc chắn đã xảy ra một việc như vậy. Cố Đình Lâm từng trích dẫn như sau: “Người thời đó nói rằng, nếu yêu quý đức vua, quan tướng nghe theo ngài trên triều, không bằng tiếp đón nhau lúc rảnh rang.” Sớm hơn một chút thì có Chu Hy, khi tiếp kiến Tống Hiếu Tông có nói: “NHững kẻ chỉ có một mục đích duy nhất là làm quan thì thoảng đến tìm ta một lần, còn những kẻ yêu quý ta thực sự, cứ khi rảnh rỗi là họ lại tìm đến với ta. Những kẻ sĩ coi trọng lễ tiết, diện mạo thường là những người khó gần, bàn chuyện với họ vừa khó khăn lại vừa khó hiểu, những người dễ gần thường không để ý đến lễ tiết, diện mạo, nhưng vẫn có thể dốc bầu tâm sự. Sự giao hoạt của bọn quan lại sẽ làm đầu óc ta mê muội, e rằng bộ hạ chưa kịp đưa ra quyết sách xử lý, thì trước đó, Người đã trúng kế của bọn gian thần.” Lời Chu Hy nói cũng cùng một đạo lý như trên.

Đương nhiên, việc gặp riêng lúc rảnh rỗi ở đây vẫn có sự phân biệt về tầng thứ. Chắc là ở chốn quan trường thời xưa có một số bí quyết “không thể tiết lộ cho anh nếu anh chỉ là một người bình thường”, vậy đối với những người thuộc tầng lớp cao hơn, sau khi thăng đường, vào phòng, giả sử bên trên kẻ đó không phải là Võ Tắc Thiên để có diễm phúc được lên giường, thì việc thân mật nhất chỉ có thể là cùng đi vệ sinh thôi nhĩ! Nội dung có phần đi hơi xa, nhưng lại chưa được khẳng định, vì thế bản thân tôi không dám chắc việc đi vệ sinh là trung tâm của trung tâm chính trị dưới chế độ quản lý của nhà vua, nhưng một số quyết sách tối cao lại được nảy sinh từ nhà vệ sinh, vì thế cũng không thể phủ định hoàn toàn những sự việc trên.

38. Chương 14 - Part 4

Phần 2

Vẫn bắt đầu bằng Tôn Hành Giả, con khỉ này đã quét mực lên sổ sinh tử, tiếp đó còn ăn đào tiên của Vương Mẫu nương nương, ăn linh đơn của Thái Thượng Lão Quân, như vậy Tôn Hành Giả quả thật “thị cùng với trời đất, sống cùng với tháng năm”. Nhưng lão Tôn lại không ngờ rằng, hóa ra trường sinh bất lão cũng không thoát khỏi bệnh tật, hơn nữa lão Tôn sẽ rất nhanh được ném trái nổi khổ đó. Ngọc Hoàng Đại Đế mời Phật Tổ từ Tây Thiên tới, nhốt con khỉ dưới Ngũ Hành Sơn, chỉ cho lộ ra chiếc đầu khỉ. Khi khỉ đói thì cho ăn sắt viên nung đỏ, khi khát cho uống nước đồng nung, gió sương đâm xé da thịt, mưa băng, nắng gắt đốt da đó là chuyện thường tình, còn thả côn trùng chui vào hai lỗ tai, hai mắt, hai lỗ mũi và miệng, đủ để lão Tôn chịu đựng. Lúc này lão Tôn đâu có hy vọng “năm trăm năm sau thành hảo hán”, vậy cái “bất tử” của ông đã trở thành “mong chết mà không được”, trở thành nỗi khổ hình vô hạn. Vậy là, cho dù lúc đó ông nghĩ những gì, là “không có tự do, thà chết còn hơn”, hay là “chết thanh thản còn hơn sống vật vờ”, tất cả đều vô dụng, mà mục tiêu khác trong đời người đã được thể hiện rất rõ ràng, đời người không chỉ là dài hay ngắn, mà còn có thêm vấn đề chất lượng, cũng có nghĩa là “chỉ số hạnh phúc”. Ai cũng có thể nhận ra rằng, “chỉ số hạnh phúc” của lão Tôn dưới Ngũ Hành Sơn đã hạ thấp đến con số âm.

Đời người - nội dung quan trọng này đương nhiên cũng được thể hiện trong sổ sinh tử. Quan lại trong điện Diêm la dường như cũng rất có ý thức hướng tới tương lai, vì thế họ đã định ra “chỉ số hạnh phúc” cho xã hội loài người và đến nay cũng không hề bị lỗi thời, đó chính là ăn uống, trai gái và thăng quan phát tài. Từ đó các loại sổ thực phẩm, sổ công danh được ra đời.

1

Trong các câu chuyện ma quỷ, ngoài sổ sinh tử, loại sổ được bàn đến khá nhiều đó là “sổ thực phẩm”. Sổ thực phẩm là hồ sơ để các quan âm phủ ghi lại tất cả các loại thực phẩm, số lượng thực phẩm mà một người dùng trong suốt cuộc đời. Một cá nhân được chỉ định có thể hưởng dùng một lượng và chủng loại thực phẩm nhất định, sau khi đã dùng hết, không còn gì nữa, hoặc là bày thức ăn ra trước mặt anh cũng không thể nuốt nổi nữa, lúc này anh không muốn gặp Diêm Vương cũng không được.

Động cơ sáng tạo quyển “sổ thực phẩm” này đương nhiên cũng xuất phát từ thuyết định mệnh. Trong quyển Tiên định lục của Trọng Lộ, người thời Đường có ghi, dưới âm phủ có chức quan chuyên quản lý vấn đề thực phẩm trên trần gian, vấn đề thực phẩm của mỗi cá nhân lại được âm phủ quản lý bằng một quyển sổ riêng. Những người có chức quan từ tam phẩm trở lên, thực phẩm hằng ngày sẽ do Diêm phủ cấp phát, chức quan ngũ phẩm trở lên sẽ được cấp phát theo tuần, chức quan từ lục phẩm đến cửu phẩm được cấp phát theo quý, người dân thường không có lộc vị sẽ được cấp phát theo năm. Quy định cấp phát như vậy cũng khá hợp tình hợp lý, bậc quan nhân quý tộc hẳn tổ chức ăn uống là coi như tương đương với gia sản của một gia đình trung lưu, làm sao quy ra được số lượng thực ít ỏi cả năm của những người dân lao khổ! Nhưng việc cấp phát ở đây lại có một tầng nghĩa khác, đó là sổ thực phẩm dùng hằng ngày của lớp quan nhân quý tộc đều có quy định, cho dù là bữa ăn giá trị vạn tiền của Nhiệm Khải, hay lối sống xa hoa của Vương Tế, cũng đều được Diêm Phủ sắp xếp, còn đối với tầng lớp thảo dân, cấp cho anh lượng củ cải đường dùng ột năm, khi bận thì ăn khô, khi nhàn tản thì ăn canh, anh muốn chế biến thế nào đó là việc của anh, có trời mới rảnh rỗi giúp anh soạn thực đơn hằng ngày! Đương nhiên cũng có thể gọi một cách dễ nghe hơn là “sống theo tập thể sẽ thiếu tự do”.

Dựa theo những kiến thức trong xã hội loài người, việc này quá hợp tình hợp lý, tuy nhiên nó cũng chỉ là cách nói của riêng Tiên định lục. Nếu như việc ăn uống đều phải được sắp đặt trước, Phật gia và chúng sinh bình đẳng với nhau, ngay cả những loài động vật nhỏ bé như chim sẻ, chuột cũng không phải là ngoại lệ, mỗi một đĩa cải, đĩa rau của người dân thường cũng không được ăn tự do. Vì thế, quan điểm thường thấy là không phân biệt giàu nghèo, trên có Đế Vương, dưới là ăn mày, thực phẩm sử dụng trong cả cuộc đời họ đều được chuẩn bị trước. Nhưng cách nói này cũng phân ra làm hai trường phái, phái không gian và phái thời gian.

Theo quan điểm của phái thời gian, tất cả mọi người trong thiên hạ đều ăn uống theo sự sắp đặt trước, thời gian, địa điểm đều do trời định, ăn ít hay ăn nhiều không phải cứ muốn là được. Mỗi ngày, mỗi bữa ăn những gì, trong sổ thực phẩm đều đã ghi rõ, chỉ định cho anh ăn, anh muốn ăn ít đi một miếng cũng không được, tương tự, chỉ định anh không có phúc ăn uống, dù thức ăn có bày ra trước mặt anh cũng không cho được vào miệng. Trong quyển Dật sử, thời Đường có câu chuyện như sau: “Tại huyện Vạn Niên có vị quan bắt trộm họ Lý, một hôm ông tổ chức bữa tiệc chiêu đãi, mời bạn bè tới ăn món cá lát xào tại nơi làm việc. Trong đó có một vị khách bất ngờ đến, chần chừ không chịu đi, rõ ràng là muốn tới đây ăn cơm, nhưng về mặt lại tỏ ra rất kiêu căng, không tỏ ý muốn ở lại. Quan Lý thấy vậy rất tức giận, bèn hỏi người đó có tài năng gì. Người đó đáp: “Ta biết hôm nay ngài dùng những thực phẩm gì.” Quan Lý lại hỏi: “Vậy người xem trong bữa cơm ngày hôm nay, những người ở đây ai không ăn được?” Ý ông muốn nói không muốn cho người này ăn. Không ngờ vị khách này mỉm cười đáp: “Trong tất cả những người ở đây chỉ có ngài là không được ăn.” Quan Lý nổi giận: “Làm gì có lý đó! Bữa cơm này do ta làm chủ, sao ta lại không được ăn?” Đang nói, quan Lý thấy một người thúc ngựa đi tới, nói Triệu Dẫn đại nhân nơi kinh thành đang cần

triệu Lý mỡ gấp. Quan Lý không dám không đi, bèn bảo mọi người ăn trước, còn nhắc nhà bếp để lại hai đĩa. Rất lâu sau, quan Lý mới trở về, mọi người đều đã ăn xong, trên bàn bày hai đĩa cá để lại phần ông. Vị quan bỏ đầu cưỡi áo ngồi xuống ghế, cầm đũa lên, miệng mắng vị pháp sư vừa rồi, rằng: “Chẳng phải bây giờ ta đã được ăn cá sao, người còn ngồi đây làm gì?” Vừa nói dứt lời, từ trên trần nhà có một miếng vữa to chừng ba mươi centimet rơi xuống giữa bàn, khiến đĩa cá vỡ tan thành từng mảnh, thịt cá và vụn vữa hòa lẫn vào nhau. Lúc này Lý bỏ đầu vẫn cố nén cơn giận, nuốt miếng cá như đang nuốt một cục rác vào bụng.

Tương tự, trong cuộc đời, có lúc muốn không ăn cũng không được. Quyển mười, cuốn Tử bất ngữ có ghi lại câu chuyện về một người tuy nghèo khổ nhưng cũng thấy vui, đây được coi là đại diện cho phái này: “Bờ bắc sông Trường Giang có vị Trương tú tài, mỗi năm anh đều đến Nam kinh dự thi, và đều sống trong chùa Báo n. Sau khi trụ trì của chùa là Ngô Tây qua đời, Trương tú tài cũng tỏ lòng đau xót vô hạn, nhiều ngày bỏ không ôn bài. Năm nay, học trò của Ngô Tây qua sông tới thăm, nói nằm mơ gặp thầy của mình, bảo ông giục Trương công tử đi ứng thí, nói rằng lần này nhất định Trương công tử sẽ trúng榜. Trương tú tài nghe vậy vô cùng vui mừng, liền hừng khởi qua sông đi ứng thí. Nhưng khi kết quả được đưa ra, tú tài vẫn “trượt”. Trương tú tài vô cùng tức giận, chửi mắng vị hòa thượng nọ, trù cho ông ta chết không được yên. Đêm hôm đó Trương tú tài nằm mơ thấy Ngô Tây đến nói rằng: “Năm nay Diêm phủ phái lão tăng phân tán chỗ cơm cháo chuẩn bị cho khoa trường. Nhưng một người không tới, lão tăng không biết tổng tán chúng đi đâu. Trong đời công tử đã tham gia ba kỳ khoa trường, vậy công tử phải ăn mười một bát cơm và cháo, vì thế ta đã nhờ tên học trò ngu ngốc của ta tới mời công tử đi.”

Nếu như ăn cái gì cũng đều do số phận sắp đặt, vậy thì người nào, vật nào bị ăn cũng không ngoại lệ. Cũng có nghĩa là, chỉ cần số phận sắp xếp cnh phải làm đồ ăn cho người khác thì anh đừng mong thoát khỏi lưới trời. Bắt đầu từ thời Đường, không ít những câu chuyện đều nói tới những chú cừu, chú dê bị giết lấy thịt, sau đó đến chỗ Diêm Vương kêu kiện, kết quả khi tra sổ âm phủ, thì đó là số mạng đã sắp đặt anh như thế, nên anh phải làm đồ ăn cho vị đại nhân nọ. Vì thế, những oan hồn này cuối cùng lại trở thành những hồn ma gian xảo. Bò dê đã như vậy, vậy nếu là những người dân thì sẽ ra sao? Bò, dê, người dân hiểu được những điều này, thì sự hòa hợp tốt đẹp giữa âm dương hai giới tất sẽ được bảo đảm, những năm tháng thái bình không địa ngục, không nhục hình sẽ không còn xa nữa.

Còn theo quan điểm của phái không gian, chỉ quản lý vấn đề thực phẩm cả đời của một con người, vậy thì tổng số lượng phải là một số nhất định, thế còn thời gian, địa điểm ăn lại không được quản lý chặt như vậy, cũng có nghĩa là, cho dù là lúc nào, chỉ cần anh ăn hết đồ ăn là được mời đến báo cáo Diêm Vương. Trong Ngọc đường hiếm thoại của Vương Nhân Dục thời Ngũ Đại viết, Diêm phủ không những có kho hồ sơ chuyên lưu giữ “sổ thực phẩm” của nhân gian, mà còn có cả một “kho thực phẩm” thực sự. Bất kỳ ai trong đời cần ăn bao nhiêu thực phẩm đều được để trên một mảnh đất trống dưới âm phủ, bên trên có cắm tấm biển ghi họ tên của người đó. Đương nhiên, những chú gà, vịt, bò, dê mà người này phải ăn cũng đều được nuôi ở đó, hơn nữa còn được ghi chú tên chủ sở hữu. (Còn như con bò hoặc con dê này là do mấy người cùng ăn, thì sẽ giải quyết như thế nào? Còn có Vương Tam Tỉ mười bảy năm rưỡi ăn rau dại, lẽ nào cũng có mấy hec ta đất chuyên trồng rau dại dành cho Tam Tỉ? Hơn nữa lại không lo cho chúng?) Trong Liêu trai có mẫu truyện Lộc số viết, có một kẻ làm quan từng làm rất nhiều việc bất đạo. Một người tu luyện tự xưng có thể biết được tuổi thọ của người khác, nói rằng kẻ nọ chỉ có thể ăn thêm được hai trăm đầu gạo, bốn trăm đầu bột mì nữa. Kẻ nọ tính toán lượng gạo và bột mì một người ăn một năm không quá hai mươi đầu, như vậy ít nhất mình có thể sống thêm được hai mươi năm nữa, thế là ông ta càng không kiêng kỵ gì. Chẳng ngờ ông ta bỗng nhiên mắc bệnh lạ, một ngày ăn mười bữa, chưa đến một năm ông ta đã ăn hết chỗ gạo và bột mì còn lại của cuộc đời mình. Điều khiến người ta không thể hiểu nổi, đó là ông ta đã biết số gạo và bột mì là có hạn, thì “tại sao không đi ăn thịt nhỉ?”

Nếu nói rằng phái thời gian nói thay cho giới Phật môn, thì phái không gian lại bị các nhà đạo đức học lợi dụng, vì thế cho rằng âm ti tạo ra sổ thực phẩm, mục đích là khiến con người biết “trân trọng phúc phận”

của mình. Nếu như kiếp này đã có lượng thực phẩm với số lượng cố định, vậy thì anh càng trân trọng thực phẩm thì anh càng trường thọ. Ngược lại, nếu anh lãng phí của trời, tức anh ăn hết chúng sớm, thì đương nhiên anh sẽ rời bỏ thế gian này sớm. Tác phẩm Lạc thiện lục của Lý Xương Linh có viết, trong trường Thái học có hai học trò sinh cùng giờ, cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, có lẽ số mệnh của họ cũng giống nhau, số lượng thực phẩm bọn họ ăn ít nhiều cũng như nhau. Hai người sau này được làm quan, trong đó một người chết sớm, bèn báo mộng cho người kia rằng: “Trước đây ta sinh ra trong giàu sang phú quý, tiêu dùng quá lãng phí, vì thế mà ta chết sớm. Còn các hạ sinh ra trong hoàn cảnh hàn vi, chưa được hưởng thụ nhiều, vì thế mà vẫn sống.” Rồi người đó kết luận rằng: “Con người không nên hưởng thụ và sử dụng quá mức.” Câu nói này nghe rất hay, nhưng hai chữ “quá mức” ở đây lại vô cùng linh hoạt, con người mỗi người có một “mức” khác nhau, vẫn còn không gian lớn dành cho các đại nhân và lão gia thả sức xa xỉ.

Số thực phẩm và số sinh tử tạo nên hai loại thước đo, một là lấy thời gian sống làm giới hạn, một lấy số lượng thực phẩm phải ăn trong đời làm giới hạn, người ta nên nghiên cứu xem nên dựa theo tiêu chuẩn nào để kết thúc cuộc đời của mình. Nhưng từ câu chuyện của Lý Xương Linh có thể thấy rằng, nếu như coi sự phóng túng và tiết kiệm thực phẩm là chiếc van khống chế cuộc đời, vậy thì giữa hai quyền số này vẫn có thể thông cảm được cho nhau. Nhưng điều này dường như chỉ phù hợp với những người giàu sang phú quý, còn đối với người nghèo, chút thực phẩm đó nếu “trân trọng” một chút thì bụng sẽ lập tức đứng lên đấu tranh, còn nếu làm cho no bụng thì lại đoan thọ. Trong quyển Chí lâm của Tô Đông Ba có đoạn viết vui thế này: Nhan Hồi ăn cơm bằng rá, uống nước bằng vầu nên không tránh khỏi cái chết yểu, nếu như ông ta mỗi lần có thể ăn được hai rá cơm, hai vầu nước thì chắc chắn muốn sống đến năm hai mươi tuổi xem chừng cũng khó!

Tuy nhiên, những kẻ giàu sang phú quý lại không muốn “trân trọng phúc phận”, cứ mở tiệc rượu là lên tới hàng ngàn, hàng vạn đồng, ăn không hết thì đổ đi, không hề tiếc rẻ. Nếu bạn nói với anh ta rằng, tuy chỗ đồ ăn đó được kê khai vào quỹ công, nhưng lại nằm trong số thực phẩm của anh, liệu anh ta có tin không? Anh ta không tin, và người dân thường cũng không tin, rõ ràng là mồ hôi nước mắt của chúng tôi, dựa vào cái gì mà các người tính đó là phúc phận của tôi? Cho đến lúc bệnh gan nhiễm mỡ tìm đến, cholesterol trong máu tăng cao, anh làm điều ác giờ đây bị báo ứng, có lẽ lúc này anh ta mới nghĩ tới việc “trân trọng phúc phận”, nhưng cũng như viên quan tham ô, ngồi trong tù rồi mới nghĩ tới “bà con, cô bác nơi quê nhà”. Đến lúc này, mệnh trời đã định, anh có điều chỉnh lượng thực phẩm của mình như thế nào cũng vô tác dụng mà thôi.

Tác phẩm Tuyên thất chí của Đới Phù có viết, Lý Đức Dục là tướng quốc nhà Đường, bị cách chức đi Lĩnh Nam. Trước khi lên đường, ông hỏi một vị hòa thượng xem liệu ông có được quay trở lại miền Bắc hay không. Vị hòa thượng nói: “Lúc bình sinh, tướng quốc chỉ được ăn một vạn con dê, nay tính ra đã được chín nghìn năm trăm con rồi. Vì thế ngài trở lại miền Bắc là vì vẫn còn năm trăm con dê đang chờ ngài quay trở lại ăn.” Ai ngờ vừa nói xong, quan sai của Tiết độ sứ Trần Vũ trình lên một lá thư, đồng thời tặng cho tướng quốc năm trăm con dê (Khi vị quan sai này xuất phát chắc chắn vẫn chưa nhận được tin Lý Đức Dục đã bị giáng chức.) Lý Đức Dục vô cùng kinh hãi, nói với hòa thượng rằng: “Ta không ăn chúng, như vậy chắc có thể tránh được chứ?” Hòa thượng đáp: “Dê đã được đưa đến nơi này, chúng đã thuộc quyền sở hữu của tướng quốc, ăn hay không thì chúng cũng đã được ghi dưới tên của ngài rồi.” Vì thế, Lý Đức Dục giáng chức đi Triều Châu, sau đó đi Nhai Châu, và trút hơi thở cuối cùng tại một nơi hẻo lánh của tỉnh Hải Nam. Cũng một câu chuyện đại loại như vậy, Dung ẩm bút ký của Tiết Phúc Thành kể, có người lúc bình sinh rất thích ăn vịt, mỗi bữa đều phải giết một con làm thịt ăn. Một ngày, anh ta nằm mơ thấy mình lạc tới một đầm nước. Trong đầm nước có một đàn vịt béo đang bơi lội, người trông vịt nói: “Đàn vịt này là để cho người ăn!” Lúc tỉnh dậy người này tự cảm thấy rất vui, và giết vịt ăn một cách vô độ. Nhưng về sau anh ta lại mơ thấy mình đến đầm nước nọ, lúc này số vịt trong đầm còn lại không nhiều. Sau khi tỉnh lại, anh ta vội vã lệnh cho người nhà không được giết vịt nữa. Thật trùng hợp, không lâu sau anh ta mắc bệnh nằm liệt giường, họ hàng, bạn bè đến thăm nom, ai đến cũng mang cho anh một con vịt đã được làm chín. Anh ta đếm, trùng khớp với số vịt mà anh đã thấy trong mơ, vừa ngạc nhiên vừa sợ, rồi đột nhiên anh ta kêu lên một tiếng buồn bã. Thường ngày thích ăn thứ đó, bỗng nhiên bị cấm không được ăn, thói

quen đó làm sao có thể thu lại được. Xem ra phái không gian cuối cùng cũng vẫn phải quy thuận phái thời gian, càng nhiều càng khó tránh (chết sớm).

Tiết kiệm ăn uống có thể giảm béo, nhưng có thể cứu được mạng sống hay không thì rất khó nói. Nhưng nếu không muốn sống nữa, anh cứ việc ăn nhiều, uống nhiều, cho dù không đạt đến cấp độ căng bụng mà chết, nhưng việc giảm thọ sẽ có khả năng thành công rất lớn. Nhưng có kẻ nào khờ khạo đến vậy không? Đương nhiên là có, hơn nữa, chưa hẳn tất cả đều là những kẻ khờ khạo. Bậc đại hiền như Tín Lăng Quân - Tứ công tử thời Chiến Quốc đã từng dẫn quân binh năm nước đánh bại quân Tần, lập công lớn gây chấn động các bậc đế vương, bị kẻ xấu lên kế hoạch hãm hại, đồng thời bị giáng chức. Từ đó, ông “ngày đêm rượu chè, khách khứa, ham vui tửu sắc”, chỉ trong bốn năm ông mắc bệnh nặng mà chết. Tín Lăng Quân chết được mười tám năm thì nước Ngụy suy vong, giang sơn chuyển sang quyền cai quản của nhà Đại Lương. Đó là hậu quả mà Tứ công tử nước Ngụy cho dù chết sớm cũng không mong được chứng kiến.

Có lẽ mọi người cho rằng câu chuyện ở đây không hề nhắc tới sở thích phẩm, vậy thì tôi lại kể đến một sự việc khác. Tuy chỉ là một câu chuyện, nhưng nhân vật trong đó là có thực, rõ cả họ cả tên.

Câu chuyện được kể trong Tử bất ngữ xảy ra vào năm Khang Hy. Huyện lệnh huyện Thạch Khang là Ôn Dĩ Hân, có người bạn thân họ Lâm. Lâm Mỗ chết sớm, sau đó được làm thần thổ địa vùng Thạch Khang. Hai người tuy âm dương cách biệt nhưng hằng đêm họ vẫn gặp nhau trong mơ, vui vẻ như khi còn sống. Một đêm, Lâm thổ địa nói với Ôn Dĩ Hân rằng: “Nhà huynh gặp nạn, đệ không dám không nói cho huynh biết, trời định mẫu thân của huynh bị sét đánh chết.” Ôn Dĩ Hân kinh ngạc, kêu khóc van xin Lâm Mỗ cứu mẫu thân mình. Nhưng Lâm thổ địa nói: “Đây là cái nghiệt của kiếp trước, đệ chỉ là một viên quan nhỏ, làm sao có thể cứu được?” Ôn Dĩ Hân vừa khóc vừa van xin, Lâm Mỗ nói: “Chỉ có một cách, huynh nhanh chóng tận hiếu đạo làm con, tất cả những đồ ăn, đồ uống, chăn màn, quần áo thường ngày bà dùng, tất cả chuẩn bị gấp mười lần bình thường, huynh chịu lãng phí một chút, như vậy tất cả số lộc trong đời cụ đã hưởng hết, lúc đó cụ sẽ ra đi, huynh có thể tận hiếu đến việc cuối cùng, khi đó Lôi thần có đến thì cũng chẳng có việc để làm nữa rồi.” Ôn Dĩ Hân làm đúng theo lời Lâm thổ địa, quả nhiên đã tiến mẫu thân của mình lên đường sớm. Ba năm sau, trong một trận mưa gió bão bùng, Lôi thần ghé thăm nhà Ôn Dĩ Hân, một tia điện cứ lia vòng quanh chiếc quan tài bà cụ đang nằm, mùi sulfur bốc lên nồng nặc khắp nhà, nhưng không tìm thấy mục tiêu, tia sét đó không đánh xuống được. Lôi thần không biết phải báo cáo với Diêm phủ thế nào, đành giáng xuống phá tan ngôi nhà rồi đi, tượng thần thổ địa bị đánh cho nát vụn,

Tận hiếu là một phẩm chất tốt đẹp, nhưng không nên tận hiếu đến quá mức, phá hoại thiên vật để mang danh tận hiếu, như vậy lại thành mang cái chết đến nhanh, hiển nhiên không thể chọn phương án này được, trừ phi chết muộn hơn nhưng phải chịu bị sét đánh. Nhưng từ đó chúng ta cũng phải nghĩ rằng, tự tìm đường chết để tránh né sự trừng phạt của trời, cũng có thể coi đó là kế sách hay giúp đưa lũ dân tộc ngu ngốc vào nhà đá.

Vũ An Hầu Điền Phần sau khi chết không lâu, vụ việc ông câu kết với Hoắc Nam Vương bị bại lộ, Hán Vũ Đế cảm hận nói rằng: “Tiếc là hân chết sớm, nếu không ta sẽ diệt cả dòng tộc nhà hân!” Có lẽ vào thời bấy giờ, người chết rồi sẽ được miễn sự truy cứu của pháp luật. Vì thế, một số tham quan khi có dự cảm sự việc không được thuận lợi, bọn chúng sẽ “hi sinh vì nhiệm vụ” trước, như vậy không những bảo toàn được số tiền đã tham nhũng và cuộc sống hạnh phúc của người thân, mà bản thân mình còn được truy điệu tử tế. Người dân nói: “Không phải không báo ứng, mà là thời điểm chưa chín muồi.” Nhưng nếu không đợi thời điểm đến mà hân đã trốn thoát, vậy anh còn báo ứng cái gì đây? Vì thế, kẻ tham quan sáng suốt tốt nhất là hãy biết “chọn ngày mà chết”, chỉ cần chú ý đừng chết trên giường của gái điếm trong khách sạn là được, thông thường trường hợp đó không thể gọi là hi sinh trong lúc thi hành nhiệm vụ được, mặc dù “nghề” của hân vốn là làm những việc như vậy.

Gần giống với sổ thực phẩm là sổ lợi lộc, có điều, sổ thực phẩm chỉ giới hạn trong nội dung ẩm thực, còn sổ lợi lộc lại bao gồm tất cả thu nhập trong đời, không chỉ có tiền lương, lương thực được cấp phát, mà cả những khoản tham ô, bóc lột của quan lại, thổ phỉ cũng nằm trong đó, chỉ cần anh không bị tóm và nộp chúng ra. Nói rằng mỗi người đều có một quyển sổ này, nhưng thực ra nó chẳng liên quan gì đến người nghèo, hỏi “lợi lộc” của người nghèo chẳng khác nào anh tìm ăn mày đòi dcnh thiếp, như vậy có khác nào anh định lấy họ ra làm trò cười. Nhưng Diêm phủ lại khẳng khái đòi bình đẳng, có tiền hay không có tiền đều phải ra ngân hàng lập một tài khoản, thôi thì đành vậy, chỉ có điều sổ tiết kiệm của người nghèo cũng chỉ là những phiếu cơm bắt buộc phải tiết kiệm mà thôi.

Lộc có hai loại, cũng có thể nói là ba loại, đối với quan thần thì là “lộc quan”, là lượng thóc gạo, vàng bạc do triều đình cấp, đối với người bình thường thì nó là “lộc lãi”, nếu ngay cả “lộc lãi” cũng không có thì chỉ có “lộc ăn uống” - là những phiếu ăn. Nhưng trong sổ Diêm phủ, lộc quan không được sạch sẽ như bảng lương hằng tháng, mà tất cả những khoản thu nhập đen, bao gồm các nguồn thu phi pháp như tiền hối lộ, quà tặng, cướp bóc, chỉ cần “đời anh nên có” thì chắc chắn chúng sẽ được ghi vào sổ này. Về mặt pháp luật ở dương thế, chúng được coi là bất hợp pháp, chỉ cần âm phủ ghi án vào sổ lợi lộc, “sổ mệnh được chỉ định”, thì đó không những hợp lý mà còn hợp pháp, hơn nữa đó còn là cái mà thần thánh không thể xâm phạm, bởi “mệnh” là thứ ông trời đã an bài mà không ai có thể can thiệp được. Trong chương Núi phá tiền, quyển m sơn bát cảnh, tôi đã từng nói tới câu chuyện giữa Lô Hoài Thận và Trương Thuyết, Diêm phủ đã mở một xưởng đúc tiền dành riêng cho Trương Thuyết, vậy anh có thể nói những khoản thu nhập đen này là không hợp pháp ư? Vì vậy, nhìn thấy người ta vàng bạc, của cải đầy cửa, núi vàng, núi bạc lần lượt khuân về nhà, thì những người dân thường chúng ta tốt nhất đừng nên than thở gì, càng không cần đem luật pháp dương gian ra để nói, chỉ cần nhớ rằng, đó là sổ mệnh của người ta! Đây chính là chân lý mà “sổ lợi lộc” muốn nhắc nhở chúng ta.

39. Chương 14 - Part 5

Đương nhiên, không chỉ hiện nay, mà ở thời cổ đại, những tên tham quan cỡ lớn chỉ là thiếu số, bởi mồ hôi xương máu của người dân là có hạn. “Đi ngàn dặm để nhận chức quan, cũng chỉ vì vấn đề ăn mặc”, làm quan là bát cơm của người đọc sách, vì thế làm quan sớm hay muộn, quan to hay quan nhỏ, giữ chức lâu hay chỉ tạm thời, cuối cùng cũng quy kết về một chữ “lộc”. Nói ngược lại cũng vậy, sổ lợi lộc chính là quyển sổ ghi lại hành trình phía trước của những kẻ làm quan.

Trong những cuốn tiểu thuyết, người ta chưa xác định các danh mục của sổ lợi lộc, có quyển ghép lợi lộc và tuổi thọ lại cùng nhau để bàn luận, rồi gọi chung là “sổ lộc thọ”. Chương Trong ruộng có chôn tiền, quyển mười, cuốn Di Kiên chí bổ của Hồng Mai viết, huyện Thụy An - Ôn Châu có người thợ mộc tên Vương Tuấn, năm đó mười bảy, mười tám tuổi. Một hôm, cậu ta nằm mơ thấy mình đi vào phủ quan, gặp quan âm phủ đang ôm hồ sơ đi qua. Vương Tuấn liền hỏi, viên quan đó đáp: “Đây là sổ lộc thọ của người trần thuộc sự quản lý của ta.” Mà huyện Thụy An lại vừa đúng nằm trong sự quản lý của ông ta. Thế là Vương

Tuần van xin mãi, mong được biết những gì mình được hưởng trong đời. Sau khi lật tìm, viên quan âm phủ để cậu ta xem, bên trên viết: “Ruộng không quá sáu mươi mẫu, thọ không quá tám mươi tuổi.”

Dựa theo quyển sổ đó, lộc và thọ đi cùng với nhau, đây là kiến thức mà người thường nào cũng biết: người chết rồi, tiền lương hay tiền dưỡng lão sẽ không được cấp phát nữa. Nhưng rất ít người có “tư duy ngược chiều” như vậy, nếu dứt khoát không lĩnh nhận khoản tiền lương mà mình được phép có trong đời, thì có phải sẽ kéo dài tuổi thọ, thậm chí có thể không chết hay không? Và thế là có người thông minh biết trước số lương thực của mình lúc bình sinh là có hạn, bèn dùng cách tẩy chay các khoản lộc mà mình được hưởng để kéo dài tuổi thọ. Di kiên chi chí đình tập, quyển một có câu chuyện như sau: “Quách Đại Nhiệm nhận lệnh tới làm tri phủ huyện Vu Tiềm, Hàng Châu. Trước khi đi nhậm chức, ông nằm mơ có người đến đưa cho ông một trăm quan tiền và một thương gạo, nói rằng: “Lộc khoa của lão huynh lúc bình sinh chính là đây.” Sau khi tỉnh dậy, Quách Đại Nhiệm tỏ ra buồn rầu, nếu như lộc ta được hưởng chỉ ít như vậy, chẳng khác nào vừa nhận chức đã chết hay sao, vậy tiền đồ của ta còn gì nữa đây? Thế là ông ta thà chết chứ không chịu đi nhận chức. Ông ta không nhận phần bổng lộc này, và đương nhiên cũng không chết được, cứ như vậy nhiều năm trôi qua. Nhưng về sau, triều đình điều tra ra việc đó, lại bổ nhiệm cho Quách Đại Nhiệm làm huyện lệnh huyện Kiến Đức, Nghiêm Châu. Vốn là một thư sinh nghèo, lúc này kinh tế gia đình đang eo hẹp, người nhà cầu xin ông đi nhận chức để giải quyết tình hình túng thiếu hiện nay, đương nhiên không phải chỉ vì “một trăm quan và một thương gạo” phần bổng lộc hàng tháng. Quách Đại Nhiệm đành chấp thuận, sau khi nhận chức, lần đầu tiên ông nhận “một trăm quan và một thương gạo”, nhưng trước ngày phát bổng lộc của tháng thứ hai một ngày, Quách Đại Nhiệm đã qua đời.

Có thể thấy, chỉ cần Quách Đại Nhiệm không lĩnh khoản bổng lộc “một trăm quan và một thương gạo” đó thì ông ta có thể sống mãi mãi. Như vậy, Quách Đại Nhiệm quá vớ bở rồi còn gì! Nhưng ông trời không dễ bị chơi khăm như thế, bởi đến khi nhà túng đến mức không có gì ăn, anh không lĩnh khoản lộc quan đó thì cũng vẫn chết vì đói mà thôi, do vậy, cuối cùng Quách Đại Nhiệm vẫn phải đi nhận chức quan. Nói mãi, cuối cùng vẫn không thoát khỏi cái “mệnh”.

Hơn nữa còn có cách nói rằng, nếu giữ chức quan mà chỉ ăn không ngồi rồi thì tuổi thọ của người đó cũng bị quan dưới âm ti cắt bớt, giống như Quách Đại Nhiệm trốn ở nhà không đi nhận chức, không khéo đến một ngày nào đó, ngay cả khoản bổng lộc “một trăm quan và một thương gạo” cũng bị bốc hơi mất. Điều này cũng có câu chuyện để chứng minh. Trong Bắc đông viên bút lục tục biên của Lương Cung Thân, quyển năm có chương Dung sư chiết lộc, đây là chương ghi lại câu chuyện tách rời thọ và lộc: “Huyện Ngân tỉnh Chiết Giang có một người học trò, viết văn cũng khá nhưng luôn lận đận lúc khoa cử. Một ngày, anh ta nằm mơ thấy mình xuống âm phủ, ở đó anh gặp một viên quan nhỏ, người đó lại chính là người bạn đã mất của mình. Thế là anh ta liền hỏi dò số công danh bổng lộc của mình ra sao. Viên quan kiểm tra trong sổ âm phủ, rồi nói: “Thọ của huynh chưa hết nhưng lộc thì đã hết rồi, không lâu sau huynh sẽ được ghi vào danh sách chết, còn trông mong gì về công danh nữa!” Người này nói: “Thường ngày ta chỉ biết dạy học kiếm sống, càng chưa từng phung phí quá mức bao giờ, vậy tại sao lộc của ta lại hết trước?” Quan âm phủ thở dài, nói: “Huynh nhận tiền học phí của người ta mà lại dạy dỗ qua loa, không nghiêm túc. Theo luật pháp âm phủ, ngồi mát ăn bát vàng, không làm đòi hưởng lợi thuộc vào tội lãng phí, bị phạt trừ hết mọi bổng lộc mà người đó được hưởng, để bù vào những gì anh lấy không của người khác. Người có bổng lộc làm quan thì cắt bổng lộc, người không có lộc làm quan thì cắt lộc ăn uống.” Quả nhiên không lâu sau, vị thư sinh này mắc chứng nghẹn khi ăn, không nuốt được gì hết, lúc này dù tuổi thọ của anh chưa hết thì anh vẫn không thể không chết.

Nhưng những chuyện đó đều là việc của người dân không có lộc quan, còn những kẻ gian ác số một như Tần Hội lại không thấy Diêm phủ động đến một sợi lông chân của ông ta, hằng ngày ông ta vẫn ăn no ngủ say, khi chết được chết tại nhà. Nhưng nói đi thì cũng phải nói lại, có thể Tần Hội lại chính do ông trời phái xuống để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt cũng nên. Vì thế, đừng ai nghĩ có thể tìm ra lỗi của ông Trời. Đặc biệt là luật trời, “người có lộc quan thì cắt lộc quan, người không có lộc quan thì cắt lộc cơm”, nó cũng

giống như ở trần gian, quan chức là mạng sống thứ hai của con người, quan càng cao thì “mạng sống” giữ được càng nhiều, tương tự trong trường hợp phạm tội, quan cao thì bị giáng chức, quan thấp thì bị cách chức, còn đám dân thường chúng ta không có chức tước thì đành phải để anh bạn dùng để ăn cơm kia nghỉ hưu sớm mà thôi. “Anh bạn” ở đây là đầu hay là bát cơm thì kết cục cũng như nhau cả, chỉ có điều, nó có sự phân biệt nhanh tức khắc hay từ từ mà thôi, vì thế ít tham gia vào việc của người khác thôi, từ câu chuyện này chúng ta chỉ cần lĩnh hội được rằng, thọ và lộc luôn tương thông với nhau, hết thọ thì lộc cũng tự hết, mà hết lộc thì muốn sống cũng không được, dân thường chúng ta phải biết nắm chặt lấy bát cơm đó của mình.

Ngoài ra, giống như việc có sổ thực phẩm lại có “kho thực phẩm”, dưới côi âm, ngoài “sổ lợi lộc” ra còn có “kho lộc tài”, tương ứng với sổ lợi lộc. Quyển Khuê xa chí của Quách Thoán có câu chuyện như sau: “Huyện Giang Sơn, Cù Châu có người họ Mao, một hôm ông mơ thấy mình lạc xuống âm phủ, quan âm phủ dẫn ông ta tới một nơi, ở đó có hai dãy nhà lớn, bên trong đầy tiền, nhưng bên trong lại lấy chức quan của từng người làm mốc đánh dấu, hóa ra đây là sổ lộc của các quan trên trần gian. Những khoản tiền này đều có hạn định. Thử nghĩ, nhân vật có cấp bậc như Hòa Thân sợ phải xây dựng một nhà kho riêng để chứa sổ lộc của hắn. Diêm phủ phải đặc biệt mở một trăm chiếc lò rèn ngày đêm không ngừng đúc tiền, như vậy cũng chưa chắc đã theo kịp tốc độ nhận quà cống tặng của hắn ở dương gian.”

4

Âm phủ có sổ sách ghi lại công danh khoa cử của con người, danh mục cũng không xác định. Trong Di kiên giáp chí, quyển mười tám, chương Dương Công Toàn mơ gặp cha gọi loại sổ đó là “sổ văn”, còn trong Tử bất ngữ của Viên Mai, quyển mười một, chương Thú dân sách lại gọi là “sổ khoa giáp”. Tiếp đến, ngoài danh mục thứ tự khoa cử như “Đỉnh giáp”, “Tiến sĩ hiệu liêm”, “Minh kinh tú tài” ra, còn có sổ “Tú dân” được coi như một sự sáng tạo mới lạ. Gọi là “Tú dân”, tức chỉ những người có học vấn mà không có sổ lộc, học vấn rộng, viết văn hay, nhưng không có duyên với khoa bảng, và tất nhiên không được hưởng lộc quan rồi. Tuy Diêm Vương nói: “Người trần coi “Đỉnh giáp” là sổ một thì trên trời coi “Tú dân” là sổ một”, nhưng sổ một trên trời không thực tế bằng chiếc bánh ngô dưới hạ giới, vì thế, vị học trò giữ vị trí đầu tiên trong sổ “Tú dân” rất tỉnh táo, không hề hứng thú với chiếc đầu rùa trên trời chút nào.

Bởi công danh chốn khoa trường do Diêm phủ quyết định, vì thế vào thời Đường, mỗi đêm trước ngày công bố bảng vàng, Diêm phủ lại phái các quan đưa danh sách tới những nơi tổ chức thi cử. Việc giao nhận giữa âm dương hai giới có phần rất bí ẩn, quan âm phủ mang công văn tới trường thi, đương nhiên các quan chủ khảo không nhìn thấy quan âm phủ, cũng không nhìn thấy công văn, nhưng không hiểu làm sao mà các quan chủ khảo bỗng xúc động, họ lĩnh hội ý chỉ từ phía âm phủ một cách không so đo thắc mắc, dù nội dung những bài thi được xem như thế nào, nhưng căn cứ để điền tên lúc đó hoàn toàn là do thiên ý. Tác phẩm Tục huyền quái lục của Lý Phúc Ngôn, người thời Đường có kể câu chuyện thuộc thời vua Đường Đức Tông: “Lý Tuấn thi tiến sĩ nhiều lần không đỗ, năm nay Lý Tuấn nhờ người bạn cũ của mình là Bao Cát - giữ chức Quốc tử tế tửu (chủ quản Quốc tử học) giúp đỡ, cũng coi như đã chạy được qua cửa quan chủ khảo. Trước ngày phát bảng, quan quản lý định mang danh sách những người trúng bảng báo lên tế tướng. Hôm đó vừa qua canh năm, Lý Tuấn liền chạy tới nhà Bao Cát hỏi thăm tình hình, giờ này cửa trong vẫn chưa mở, Lý Tuấn bèn đứng bên ngoài chờ đợi. Bên cạnh có quầy bán bánh ngọt, lại có một viên thư lại ở đó, viên thư lại này nhìn như người từ nơi khác tới kinh thành đưa công văn, hắn nhìn chằm chằm vào chỗ bánh ngọt mà nuốt nước miếng. Lý Tuấn thấy đáng thương, bèn mời hắn ăn một bữa no say. Viên thư lại rất cảm kích, bèn nói: “Nói thật, ta là quan lại dưới âm phủ, được cử tới đây đưa danh sách kết quả thi tiến sĩ. Có phải huynh đang đợi thông tin này không? Danh sách những người đỗ bảng ở đây, huynh cầm lấy mà xem.” Kết quả khiến Lý Tuấn kinh ngạc, trên bảng vàng không hề có tên anh ta, hóa ra người khác có quan hệ còn ghê gớm hơn anh ta, đá anh ta ra khỏi danh sách. Nhưng quan hệ có ghê gớm cỡ mấy cũng

không bằng có sự ra tay trước của viên thư lại dưới âm phủ, Lý Tuần bỏ thêm ít tiền, quả nhiên khiến viên thư lại này sửa tên người trúng tuyển thành tên Lý Tuần trên bảng vàng. Tất nhiên, danh sách của âm phủ là không có thực, danh sách do chủ quản viết vẫn cần có người sửa chữa, nhưng nếu như danh sách của phía âm phủ đã được sửa lại, thì coi như đã thông qua được cửa quan chủ quản, danh sách phía dương gian muốn sửa cũng không được.

Nhưng như vậy, lẽ ra mười năm sau Lý Tuần mới đỗ bảng vàng thì giờ đây đã được làm tiến sĩ trước, điều này chẳng phải đi ngược lại với “định mệnh” sao? Không hẳn thế, bởi “định mệnh” ở đây chính là do “Diêm phủ quyết định”, bàn tay của âm phủ sẽ quyết định tất cả. Ngày nay chẳng phải ta vẫn có câu: “Tháng Sáu học sinh thi, tháng Bảy phụ huynh thi” sao? Vậy thì phải xem những bậc phụ huynh này có qua được kỳ khoa cử của Diêm phủ hay không!

Không chỉ kỳ thi tiến sĩ, mà cả thi cử nhân, tú tài, thậm chí cả các kỳ thi tuyển học trò tại các phủ huyện cũng đều do thiên mệnh sắp đặt, đều được ghi vào sổ âm phủ. Những câu chuyện về đề tài này có quá nhiều, chỉ riêng trong Liêu trai chí dị đã có vài chuyện, nếu kể ra sẽ khiến mọi người mất hứng, khiến các bậc anh hùng trượt bảng vàng khó tránh khỏi thốt lên một câu rằng: “Nếu sớm biết như vậy thì có phải đã tốt hơn không!” Nhưng thực ra những câu chuyện này đa phần viết về những bậc anh hùng rớt bảng, chúng ta có nói, có kể cũng là để tự an ủi mình phần nào.

Cuối cùng ta bàn tới một cơ quan khác của cõi âm, đó là “Phòng mũ ô sa” - chuyên quản lý mũ ô sa của dương gian. Tác phẩm Canh tỵ biên, quyển hai, chương Thích biên tu của Lục sát, người triều Minh có ghi lại những việc Thích Lan nhìn thấy khi đi xuống âm phủ thời trẻ. Thích Lan lâm bệnh mà chết, rồi xuống âm phủ, nhưng hóa ra lần này Diêm phủ lại hồ đồ bắt nhầm người, thế là phải trả Thích Lan trở lại dương gian. Trên đường gặp trận mưa rào, tất cả bèn đi vào ngôi chùa Phật trên đường tránh mưa. (Rất ít tài liệu ghi phía dưới âm phủ cũng có mưa, có chùa chiền, vì thế tôi đặc biệt chú ý đến điểm này.) Đi vào phòng đầu tiên, trên nền nhà đều là khung cốt của mũ ô sa, Thích Lan đưa tay định cầm lên nhưng không thể di chuyển được nó. Lúc này, người bên cạnh mới nói: “Những cái này không liên quan đến người, cái của người ở đây cơ.” Nói rồi người đó chỉ cho Thích Lan thấy, Thích Lan đưa tay nhắc nó lên, quả nhiên khẽ đưa tay đã nhắc được, bên phía trong cốt mũ có hai chữ “thất phẩm”. Quả nhiên sau này Thích Lan làm đến chức quan Biên tu tại Hàn lâm viện thì qua đời, vừa đúng là chức thất phẩm. Trong tập khác của quyển Canh tỵ biên còn nói, Thích Lan sau này trở thành thủy thần ở hồ Bà Dương, không biết đó là chức quan mấy phẩm, cho dù là “thần thông minh chính trực”, chắc chức vị cũng không cao lắm. Nhân vật sau khi chết trở thành thần, lúc sống chẳng qua cũng chỉ là một viên quan nhỏ bé, có người nhìn thấy trên đầu lợn, đầu chó có đội mũ san hô, mũ lông công, bèn giận dữ than trời bất công, có cần thiết như vậy không nhỉ?

Những câu văn vụng về đến đây cũng nên được kết thúc, nhưng phần kết không tránh khỏi cảm giác khô khan, cứng nhắc. Cũng may hôm đó gặp mấy người bạn, rồi cùng bàn về “sổ âm phủ” và “sổ dương gian”, sổ nào “thẳng thế” hơn. Một người bạn bèn nói: “Anh nói rằng sổ âm phủ “giống ở dương gian”, thậm chí còn phức tạp và nghiêm ngặt hơn so với dương gian, tôi cho rằng chưa chắc. Để tôi kể cho anh nghe về quyển “sổ dương gian” mà tôi đã tận mắt nhìn thấy, trong các loại sổ âm phủ mà anh biết chưa chắc đã có.” Sau khi anh bạn kể xong, tôi thử quy nó vào loại “sổ sinh tử”, thấy không thỏa đáng, quy vào “sổ thực phẩm” cũng không phù hợp. Nay tôi xin thuật lại câu chuyện đó phía dưới, xin quý độc giả phân loại giúp. Tuy ở đây có chút trật tự, nhưng nó cũng chính là lỗi “không có căn cứ”.

Bỉ nhân theo học một khoa, làm quan năm mươi năm nay, lộc thu về đương nhiên cũng có, nhưng xem ra vẫn chưa đủ để gia nhập bảng xếp hạng đại gia tại các trường đại học bây giờ. Nhưng khoa chúng tôi cũng có những sự tích đủ để lưu danh thiên cổ, tuy không đến mức kinh thiên động địa, nhưng đôi khi cũng khiến quỷ thần phải rơi nước mắt. Người xưa nói: “Thà làm miệng gà, chứ không làm đuôi trâu.” Người nay nói:

“Không sợ Xuy Phá Thiên[6], tôi có một chiêu riêng.” Sự việc tuy nhỏ nhưng cũng không phải là không thể gia nhập Vô song phổ[7]. Có điều đáng tiếc là, hiện nay, tuy hầu hết các trường đại học danh tiếng đều đã viết lịch sử trường, nhưng không hiểu vì ai mà người viết kỳ hựu không viết những điều như vậy vào quyển “chính sử” của họ.

[6] Tên nhân vật biểu diễn của diễn viên xiếc nổi tiếng Hà Thụ Sâm.

[7] Quyển sách tổng hợp thơ, văn, hình ảnh của bốn danh nhân nổi tiếng thời xưa của Trung Quốc là Hạng Vũ, Tô Vũ, Lý Bạch, Tư Mã Thiên.

40. Chương 14 - Part 6

Đó chính là vào thời kỳ đấu tranh giai cấp gay gắt, còn khoa chúng tôi lại luôn có thể tạo ra sự thực để luận chứng cho chữ “gay gắt” này. Tôi xin lấy tài liệu tại chỗ luôn, tài liệu ở đây chính là những sinh viên không cần bỏ tiền mua chỗ ngồi trong trường học, bình quân mỗi năm có thể gây ra hai vụ “phản động”, hơn nữa chủ đề luôn thay đổi theo thời gian, bắt kịp với sự thay đổi của tình thế. Ví dụ, thời kỳ 1963 -1964, đây là thời kỳ “phản đối chủ nghĩa sửa đổi”, năm đó những sinh viên trúng tuyển có đặc điểm là thích chạy dài và học tiếng Nga, hai môn học này đủ để giúp họ đào tẩu sang biên giới Trung - Xô (Nga). Chủ đề của giai đoạn 1964 - 1965 là “tính phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp”, thế là năm đó, bí thư chỉ bộ Đoàn của lớp sinh viên tốt nghiệp lập tức rơi vào sa đọa, còn kẻ tay chân không được sạch sẽ cho lắm đã được giai cấp vô sản chúng tôi cứu vớt, trở thành ngôi sao chính trị cấp khoa. Đến nửa cuối năm 1965, chúng tôi gia nhập lớp “sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp”, chủ đề tuy vẫn chưa rõ ràng, nhưng kẻ xử lý và kẻ bị xử lý đều thấy căng thẳng trong thâm lặng. Lúc này, có một sinh viên bất ngờ gia nhập Đảng. Dùng từ bất ngờ là vì, thứ nhất thư ký chỉ bộ Đoàn là lớp trưởng còn chưa vào Đảng, mà người này rõ ràng thuộc loại “siêu đẳng” rồi, hai là người này lại ngẫu như Thổ Hành Tôn trong “băng Phong Thần” mà Thẩm Mạn Vân đã vẽ, thường ngày luôn miệng nói cười, vui vẻ làm trò gây cười cho người khác, thật không hiểu, rốt cuộc cấp trên thấy được điểm gì ở cậu ta nhỉ? Lúc đó nghĩ lại, mọi người mới nhớ ra cậu ta thường lén lút ghi chép cái gì đó vào vở, nhìn thấy người khác đi tới là vội vã giấu ngay. Có một ngày, cậu ta ở trong ký túc giả vờ “khờ khạo” chọc cười cho người khác, có lẽ là muốn nhân cơ hội để tiếp tục thu thập một số thông tin tình báo chẳng? Mọi người bèn nghĩ kế, nhân lúc huyền não lộn xộn, một người cướp lấy quyển vở trên người cậu ta. Khi lật ra xem, thật ngạc nhiên, đó không phải là những bí mật ghi chép người nào ở đâu, làm gì, nói gì, mà là ghi lại chi tiết việc một bạn sinh viên mỗi sáng ăn mấy cái bánh bao (sau này mới biết, bạn sinh viên này là đối tượng bồi dưỡng được chỉ định trước, chuẩn bị trở thành sinh viên phản động của khóa tiếp theo), nếu ngày nào cậu sinh viên này ăn thiếu nửa cái, bên dưới sẽ được ghi chú hôm đó trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Việt Nam đã bắn rơi mấy chiếc máy bay của Mỹ, rõ ràng cậu ta đang thể hiện tinh thần “một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ” mà. Cái phiền phức là, báo chí lúc đó dường như ngày nào cũng đăng tin máy bay bị bắn rơi, vì thế chỉ cần người này ăn ít đi vài miếng bánh bao thì có thể cậu ta đang câu kết với chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Những ghi chép này thực sự đáng sợ, những lời nhảm nhí có thể không nói, những điều vô căn cứ có thể không bàn luận, nhưng mỗi bữa ăn hằng ngày đều phải suy xét xem có nên “liên hệ” đến thể lực phản động trong và ngoài nước hay không thì thật là khó.

Trước vụ việc đó, một ngày tôi ăn ba bữa, sáng, trưa, tối mỗi bữa đều ba cái bánh bao (năm 1965, nền kinh tế đã có sự chuyển biến tốt đẹp, nhà ăn trường tôi không giới hạn suất ăn của sinh viên), tuyệt đối không có trường hợp ngoại lệ. Có bạn học nói tôi thực hiện “kế tự bảo vệ mình”, đó là một câu nói đùa đầy thiện ý, nhưng sau này nghe nói trong “nội bộ” có người từng hoài nghi tôi cố ý “đổi phở” với tổ chức. Đó quả là nỗi oan ghê gớm.

Phần 3

1

Sổ sinh tử của Diêm phủ đã được chuẩn bị từ nhiều năm nay, cuối cùng chẳng qua cũng chỉ vì câu: “Anh cũng đến rồi à!” Câu này nghe có cảm giác như “cháy nhà hàng xóm vỗ tay reo mừng” vậy, để rồi việc tiếp theo là lấy đi linh hồn của người sống. Sau đó là giam cầm, dùng hình, phán tội, và rồi người đứng đầu Diêm phủ sẽ tìm thấy niềm vui từ đó, giống như anh nông dân vui mừng khi vụ mùa bội thu, còn Diêm Vương hạnh phúc khi những vất vả biên soạn sổ sách trước đây cuối cùng cũng được đền đáp.

Trên tay thần Chết của Tây phương luôn cầm một lưỡi hái, đối với Diêm phủ ở Trung Quốc, vụ mùa của họ cũng được bắt đầu từ việc câu kéo linh hồn của người sống. Từ những câu chuyện ma đã được đọc, nhà sai côi âm khi đi làm nhiệm vụ câu kéo linh hồn, thường tỏ ra rất uy phong. Hấn hỏi qua tên tuổi, sau đó mới dùng xích sắt trói anh lại? Chà, vậy là hấn quá khách khí rồi đấy! Thông thường, hấn chẳng nói chẳng rằng, vừa xông vào cửa đã trói chặt anh rồi cứ thế dắt đi. Có lẽ cũng do chịu ảnh hưởng từ phong cách bắt người của các anh nhà sai trên dương gian chăng? Nhưng khi xin chỉ thị hoặc bẩm báo công việc với Diêm phủ thì lại không được sơ suất như vậy. Bởi cho dù là Diêm La Vương đi bắt người, theo lý mà nói ông cũng phải làm các bước “thủ tục” đã. Giống như ở dương gian, khi bắt tội phạm, có thể bỏ qua thủ tục tuyên bố quyền lợi của hai bên, nhưng tục ký phát lệnh bắt giữ là không thể bỏ qua. Vì thế, khi Diêm phủ muốn bắt giữ các linh hồn với số lượng lớn cần có “sổ bắt linh hồn”, bắt giữ một linh hồn thì cần có “thẻ bắt giữ”.

Đương nhiên, việc bắt giữ linh hồn cần phải có thủ tục, không phải hoàn toàn chứng tỏ tính nghiêm ngặt về mặt pháp trị tại Diêm phủ, mà là vì Diêm Vương và các Phán quan lo sợ một khi lũ quỷ con kia không có quy củ, thì tất cả mọi âm mưu kéo bè kéo cánh nhằm mưu lợi riêng kia sẽ lọt vào tay bọn Đồng Siêu, Tiết Bá.

Những bằng chứng bắt linh hồn này không xác định về tên gọi, nhưng nếu nói giữa nó và lệnh bắt giữ của dương gian có sự tương đồng về tính chất là không sai. Lịch sử của nó có thể bắt đầu truy cứu từ đời Hán, nhưng khi đó, dân gian gọi loại sổ này là “sổ người chết”. Tác phẩm Sư thần ký của Can Bảo, người đời Tấn có ghi lại câu chuyện của Chu Thúc - một người sống vào thời nhà Hán: “Chu Thúc ngồi thuyền đi về hướng quận Đông Hải, trên đường đi, Thúc gặp một viên thư lại. trên tay cầm mấy quyển sách, nhìn rất mệt mỏi, viên thư lại nhờ Thúc đỡ dùm chỗ sách đó. Chu Thúc rất vui vẻ giúp đỡ. Thuyền đi được hơn mười dặm, viên thư lại nói với Chu Thúc rằng: “Tôi phải ghé qua vùng này một chút, sách tôi gửi lại trên thuyền nhờ huynh trông giúp, huynh không được mở chúng ra.” Câu “huynh không được mở chúng ra” chính là ám thị “chỗ này không có ba trăm lạng bạc”, sẽ là kẻ ngốc nếu Châu Thúc “không mở nó ra”. Thế là Châu Thúc lên mở chỗ sách ra xem, hóa ra đó là “sổ ghi tất cả những người đã và sắp chết” trong đó có tên của mình.

Loại sổ đó còn gọi tắt là “sổ chết”, có thể gặp trong tác phẩm Chân dị lục của Đới Tộ, người đời Tấn: “Sau khi qua đời bảy năm, Hoa Dật hiện hình trở về nhà, tìm gặp anh trai nói chuyện về đứa con trai cả của mình, rằng: “Thằng Ngu đã bị ghi tên trong sổ chết, nó không còn sống được mấy ngày nữa.”

Tiếng Bạch thoại có thể gọi trực tiếp là “sổ người chết”. Sách Triện dị ký của Lý Mai, người đời Đường có viết: “Núi Thái Sơn triệu tập linh hồn của con người, sổ người chết được giao cho phía Đông Nhạc, phía Đông Nhạc có nhiệm vụ đi bắt những linh hồn ấy.”

Nếu gọi là “thẻ trời”, xem chừng có vẻ trang trọng quá mức. Di kiên bính chí, quyển ba, chương Lý Bất Vi kể: “Lý Bất Vi nói: “Thẻ trời ở đây, người có thể xem qua.”. Nói rồi ông lấy từ trong tay áo ra một quyển văn thư đưa cho người kia xem, trên quyển văn thư đều là họ tên người. Bất Vi chỉ quyển văn thư, nói: “Tất cả những người có tên trong văn thư này đều sắp chết.” Quyển thiên phù này chưa chắc là do Ngọc Hoàng đại đế soạn ra, mà chỉ là công văn của Diêm Vương, để cho quyển công văn thêm phần khí thế nên cho thêm vào tên gọi những từ ngữ kiểu “chiếu theo chỉ thị của Ngọc Hoàng đại đế” mà thôi.”

Trên đây đều là những quyển sổ đã được viết sẵn, hoặc như trong Sưu thần ký có nói, thư lại chôn âm phủ phải mang theo quyển sổ hoàn chỉnh để đi bắt linh hồn với số lượng lớn, trường hợp này rất ít xảy ra, trừ phi trên dương gian xuất hiện “cơn sốt” địa ngục. Nhưng nếu bắt linh hồn trái tráng với số lượng lớn, ví như trong Thạch hào lại đã nói, thì cũng bắt buộc phải có sổ sách đi theo. Dù sao cũng là bắt người, dù anh bắt vì mục đích gì thì phương pháp và cách làm cũng không khác nhau là mấy.

Nếu như không có sổ sách, có thể chấp nhận thẻ, mỗi người một tấm thẻ, tất cả phải giống loại giấy tờ bắt giữ người của quan phủ chốn dương gian. Trong Dị văn lục của Đường Dật Danh có câu chuyện giống chuyện Châu Thức đi thuyền, chỉ có điều quyển sổ của viên lại chôn âm phủ đó được đổi thành chiếc tay nải, người xem lên mở tay nải ra xem, thấy “mỗi chiếc túi có chứa năm trăm chiếc thẻ, gần giống giấy, chữ viết không phải chữ triện hay chữ lệ, nên không nhận được ra chữ gì.” Chỗ thẻ này có cách thức rất giống “giấy câu hồn”, chỉ có điều nó sử dụng một loại mực mả để viết. Như vậy, tuy nó không thể bị tiết lộ cho người khác biết đó là gì, nhưng làm thế nào để giúp người bị bắt biết thẻ đó dùng để bắt linh hồn mình? Những tấm thẻ này trong các điệu hò dân gian được gọi là “thẻ câu hồn”, còn “giấy câu hồn” lại xuất hiện nhiều trong các vở kịch, tiểu thuyết hoặc dân ca thời Minh - Thanh. Từ “giấy” này thuộc thuật ngữ pháp luật, từ “giấy mời” hiện nay có lẽ cũng liên quan đến vấn đề này.

Liên quan đến vấn đề này còn có một loại “thẻ bài câu hồn”, đây thực sự là đạo cụ trong tay những tên quỷ vô thường. Hình dáng của nó giống một chiếc cuốc nhỏ, được làm từ gỗ, bên trên có viết mấy chữ như chữ “truy nã”, có lẽ nó hoàn toàn là cách làm của đám sai dịch nha môn. Nhưng trong tiểu thuyết cũng xuất hiện những trường hợp quỷ cầm thẻ bài đi câu hồn. Trong Di kiên giáp chí, quyển chín, chương Giác mơ của sứ thần Trương Kỳ có viết, viên lại âm phủ tới bắt người, trên tay cầm một chiếc thẻ bài sơn đen và “chu thư”, “chu thư” là chỉ thẻ bài có viết họ tên của tên quỷ sống cần bắt, còn thẻ bài sơn đen là do quan phủ tự chế, bên trên chắc có ấn tín, hoặc hình thù gì đó khó bắt chước, nghe có vẻ rất quyền uy. Trên sân khấu thường có những câu háy kiểu như “Thẻ vàng điều tới, thẻ bạc cho đi”, xem ra, từ “bài” ở đây nghiêm túc, trang trọng hơn thẻ giấy nhiều lần, như vậy dù có bị bắt cũng chỉ những nhân vật lớn mới xứng được dùng.

Nếu như thẻ bài câu hồn giống lệnh bắt giữ ngày nay, vậy thì suy luận ra, nếu sai dịch cõi âm không mang theo loại giấy tờ này, thì người bị bắt có quyền cự tuyệt việc bắt giữ. Quyển bốn, sách Quỷ đồng của Vô Danh Thị, người thời Tống có ghi lại câu chuyện rất thú vị như sau:

Trần Sinh lâm bệnh nặng. Sinh nhìn qua khe tường thấy có một kẻ mặt khỉ đi từ ngoài vào, mặc quần áo người, con khỉ nói: “Diêm phủ muốn bắt ngươi.” Trần Sinh nói: “Có thể lệnh bắt không?” Khỉ đáp: “Lẽ ra phải có thẻ, nhưng không có thẻ ta không thể bắt ngươi được sao?” Trần Sinh mắng: “Luật lý âm dương là một, nếu quả muốn bắt ta, thì phải có thẻ làm nghiệm chứng chứ? Những tên quỷ khác luôn mạo danh để xin cái ăn mà thôi. Hơn nữa Diêm phủ thiếu người hay sao mà lại sai một con khỉ xuống?” Con khỉ cho gọi thần thổ địa và thần táo lên: “Án này đang rất cấp bách, trong lúc vội vã ta quên mang theo thẻ, nay người này không tin, hai ngươi có thể làm chứng cho ta được chứ?” Hai vị thần đáp: “Vâng.”

Chỉ cần mặc lên người bộ quần áo của “kẻ chức trách”, đừng nói là “khỉ mặc áo người”, trông rất giống người rồi, thì ngay cả là loài súc sinh như “động vật linh trưởng” cũng không thể làm việc chèn ép được. Trần Sinh không những đòi kiểm tra công văn, mà còn trông mặt để bắt hình dong, coi khinh quyền uy của những bộ quan phục, rõ ràng đó chỉ là một tên điều dân. Cũng may con khỉ này gặp được vị thần thổ địa thấu tình đạt lý và vị Táo Quân “ăn cây táo, rào cây sung”, sau vài tiếng vâng vâng dạ dạ, tất cả đã đồng tâm hợp lực đưa Trần Sinh lên đường xuống suối vàng. Không có thẻ bài, quan sai âm giới có thể tìm thần thổ địa và Táo Quân làm chứng, đồng thời hỗ trợ quan sai trong việc bắt bớ, đó là một quan điểm. Còn một quan điểm nữa ngược lại, khi quan sai muốn bắt linh hồn người, đầu tiên phải đưa thẻ bài câu hồn trình đến miếu thổ địa, nhờ thổ địa lập hồ sơ (xem Tục thoại khinh đàm, tập hai, Qua Bằng gặp ma của Chiêu Kỷ Đường, người đời Thanh), có người lại nói rằng phải đến chỗ thần thổ công kiểm tra thẻ trước (xem Xuân chữ kỷ văn, quyển hai của Hà Liên, thời Nam Tống), nếu không thì đừng nghĩ tới chuyện bắt người.

Tôi nghĩ, ngay cả xã hội phong kiến cũng có bạo loạn, có cai trị, nếu là cai quản xã hội, phải luôn cần một số trình tự pháp luật, không thể dù là người hay không, chỉ cần mặc một bộ quần áo của nhà chức trách là có thể tùy tiện bắt người. Hơn nữa, chiếu theo quy tắc, loại văn tự dùng trên những thẻ bài câu hồn đó cũng phải tuân theo những quy phạm nhất định, vì vậy, Diêm phủ muốn viết thẻ bài bắt người, nên dùng những người mà trong bụng người đó phải có chút ít chữ nghĩa, nếu không, một khi gặp phải những kẻ cứng đầu thích quấy phá, lúc đó những người thi hành luật pháp sẽ phải đau đầu vì chúng. Trong nhà Kỷ Hiểu Lam quả có một người như vậy, đó là một đầu bếp do cha ông khi làm quan ở tỉnh ngoài dẫn về, ông ta cứng đầu không phải là vì có quan lớn nâng đỡ phía sau, mà là vì ông ta cũng có chút ít chữ nghĩa.

Người này họ Dương, tên Nghĩa, chữ “ ” (nghĩa) có cách viết chuẩn theo thẻ phồn thể là “ ”. Một hôm, ông Dương nằm mơ, ông gặp hai con quỷ tay cầm thẻ Chu đến bắt ông, nhưng trên thẻ lại viết “ ” (Dương Nghĩa). Ông Dương nói: “Ta tên là “ ” (Dương Nghĩa), không phải là “ ” (Dương Nghĩa), các người tìm nhầm người rồi.” Hai con quỷ nói: “Ông già nhìn kỹ lại xem, đây là “ ” (Nghệ), bên trên còn có một nét chấm, là chữ “ ” (Nghĩa) giản thể. Bọn ta không nhầm đâu.” Ông Dương vẫn không phục, cãi lại rằng: “Tên của ta lẽ nào ta lại không rõ! Từ trước tới nay ta chưa thấy chữ “ ” (Nghĩa) được viết như vậy bao giờ, chắc là chữ “ ” (Nghệ) bị quệt nhầm một nét lên đó.” Hai con quỷ không thuyết phục được ông Dương, đành quay về nha môn sửa lại thẻ. (xem Duyệt vi thảo đường bút ký, quyển năm)

Người này tuy cãi bừa, nhưng cũng không phải không có căn cứ, còn những người làm chức trách có thể giảng giải đạo lý với phạm nhân như vậy, dù là ở âm giới hay dương gian chúng ta cũng đều rất ít gặp. Nhưng từ việc này có thể thấy rằng: Muốn người dân biết chữ là việc nên làm, nhưng biết chữ rồi còn biết giảng lý lẽ với quan phủ, có lẽ đó lại là dấu hiệu không hay.

Trong Dữ Ngô Chất thư, Tào Phi nhớ tới bảy đại văn hào Kiến An:

Ngày xưa, khi đi chu du các xứ, đi thì cùng đi, mệt cùng dừng lại nghỉ, khi đó nào ai nghĩ sẽ phải nếm trải giây phút biệt ly!... Nào ngờ sau bao năm các huynh đã ra đi gần hết, nhắc đến thật đau lòng. Những tập thơ văn viết vội của các huynh, ta tập hợp lại thành tập. Nhìn tên tuổi các huynh nay đã bị liệt vào danh

sách của quý, nghĩ lại những ngày tháng du ngoạn cùng nhau trước đây, tôi vẫn còn ghi nhớ mãi nơi con tim này, tuy nay các huynh đã là người của quá khứ, nhưng ta ngàn lần nhớ tới các huynh!

Đào Uyên Minh cũng có tác phẩm Nhạc truy điệu - Văn ca:

Có sinh ất có tử,

Cớ sao vội vã đi

Đêm qua còn là người,

Sáng nay đã thành ma.

41. Chương 14 - Part 7

Hai tác phẩm thơ văn trên có nhắc tới “sổ ma”, không phải giống như “sổ chết” đã nói đến ở phần trước. “Sổ chết” là quyển sổ câu hồn được dùng khi đi bắt linh hồn người sống, còn “sổ ma” lại là quyển “sổ hộ khẩu” dưới âm giới. Ở thế giới địa phủ được nhắc tới trong thuyết luân hồi lục đạo, vong hồn không cần có hộ khẩu, họ chỉ quanh quẩn chốc lát trong lúc chờ chuyển thể tại điện Diêm La mà thôi, vì vậy hộ khẩu tạm thời, giấy đăng ký tạm trú.... tất cả đều không cần tới, để sau đó họ lại tiếp tục lên đường. Vì thế, “sổ ma” là loại sổ câu hồn kiểu Trung Quốc, bởi linh hồn tổ tiên của chúng ta cần đăng ký hộ khẩu, an cư tại âm giới. Chỉ có điều từ này rất ít gặp trong các câu chuyện ma, chỉ thi thoảng được nhắc tới trong thơ văn, là cách gọi nhả nhận cho “người đã mất”. Trong Trẻ em tìm về nguồn - quyển sách dạy trẻ em cách nhận biết từ, chữ, có giới thiệu các từ có liên quan đến chữ “tử - chết”: thay áo, thay chiếu, tất cả đều dùng để chỉ từ “tử - chết”; người cổ, tên trong sổ ma, là nói đến từ “vong - đã chết”, chính là nó. Chung Tự, người triều Nguyên trở thành bậc văn nhân quá cố với sở trường về văn từ, tác phẩm của ông với tên gọi Lục quý bá - Danh bá quý, chính là lấy từ nghĩa đó.

Người thời xưa sinh con cái cũng cần đăng ký nhập sổ, ngoài một bản hồ sơ lưu, còn cần một bản để trình báo lên chính quyền. Đó là quyển sổ hộ khẩu sớm nhất được gặp trong Lễ ký - Nội tắc, có thể đó cũng là quyển sổ hộ khẩu đầu tiên trên thế giới, tuy nó mang chút tư tưởng trọng nam khinh nữ nhưng cũng rất đáng để chúng ta tự hào.

Cũng với lập luận này, hộ khẩu ở cõi âm cũng có vai trò quan trọng đối với người chết. Nếu linh hồn nào không có hộ khẩu, tức là không được ghi tên vào trong sổ nhân khẩu dưới âm ti thì linh hồn đó chỉ có thể làm một hồn ma lang thang. Và hậu quả của nó, nếu xét theo mặt tốt, có lẽ hồn ma đó sẽ được miễn nộp thuế và lao dịch cho Diêm phủ, nhưng nếu xét theo mặt hại, có thể hồn ma đó sẽ mất nhiều hơn được, linh hồn đó sẽ không nhận được một chút đãi ngộ nào từ phía âm giới. tuy đến bây giờ tôi cũng không rõ lắm về cái lợi thế khi đăng ký hộ khẩu ở âm giới rốt cuộc là gì, nhưng đến khi quan niệm luân hồi ở Tây phương

hòa trộn với quan niệm của Trung Quốc, thì những điều không phải là lợi thế của việc đăng ký hộ khẩu âm giới đã “lộ rõ”, chính là hồn ma đó sẽ mất tư cách được đầu thai chuyển thế. Những điều này tôi sẽ không bàn luận nữa, dẫu sao thì dù lựa chọn cõi âm ti kiểu Trung Quốc hay của Tây phương, hay chế độ âm phủ Trung Quốc - Tây phương kết hợp thì những hồn ma lang thang và những u hồn luôn hy vọng được Diêm phủ tiếp nhận vào danh sách quý, nếu không được chấp nhận, linh hồn của họ sẽ không được yên ổn, phải làm kẻ xấu tại chốn dương gian, mang đến sự bất an, lo lắng cho người sống. Tại sao vậy? Bởi vì người sống cần phải chịu trách nhiệm trong việc họ sa đoạ thành nhân vật xã hội đen ở thế giới âm phủ. Quyền ba, tập tiếp quyền Dậu dương tạp trở của Đoạn Thành Thức có kể, có một anh chàng lỗ mãng, ban ngày chuyên đi phá đám người khác, một hôm sau khi uống say, anh ta ra nghĩa địa, ngã vật lên một ngôi mộ đắp cao rồi ngủ lúc nào không biết, nửa đêm tỉnh dậy, anh ta nhìn thấy một căn phòng rách nát, dưới ánh đèn vàng mờ ảo có một phụ nữ sắc mặt tiêu tụy, đó rõ ràng là một ma nữ. Ma nữ kể cho anh ta nghe về thân thế của mình, rằng: “Chồng đi tòng quân không thấy trở về, bản thân ta mắc bệnh mà chết, ngoài ra ta chẳng còn họ hàng thân thích, được hàng xóm giúp nhập quan nhưng chưa đem chôn mà vùi xác tại đây, đã hơn mười năm rồi không có người đến chuyển mộ cho ta. Phàm là người đã chết, nếu xương cốt không được chôn cất lần thứ hai, thì linh hồn của họ sẽ không được âm ti ghi nhận vào sổ, linh hồn sẽ hoang mang, mơ hồ. Nếu huynh thương cảm cho u hồn này, xin hãy chuyển hài cốt của ta tới khu đất bên bờ suối, để linh hồn ta được siêu thoát, đây là tâm nguyện duy nhất của ta.”

Tại sao hài cốt “chưa được chôn cất lần hai” thì linh hồn đó sẽ không được âm ti ghi tên vào sổ? Lý do có lẽ là vì âm ti không coi anh ta như người đã thực sự chết, mà lý do của dương gian lại là người chết cần phải được mai táng kịp thời, phải chôn cất thì người chết mới được yên ổn. Nếu vùi xác đã lâu mà không được chôn thì tinh khí và hồn phách không được siêu thoát. Cảm giác “lo lắng, li tán” rốt cuộc là cảm giác như thế nào? Nếu không phải “năm loại được ghi trong danh sách đen” (là địa chủ, phú nông, phần tử phản cách mạng, phần tử xấu, phần tử cánh hữu), chỉ có cảm giác cô đơn, lạnh lẽo nơi đồng không mông quạnh, như thế chắc vẫn chưa thực sự cảm nhận được hết cái cảm giác đó. Cũng may vào thời Đường, ma quỷ vẫn còn hiền lành tử tế, chỉ lặng lẽ ở bên cạnh con người, chứ đến thời Minh - Thanh, chúng ta đã biến thành những xác chết di động chuyên đi gây chuyện rồi.

Một lý do khác để âm ti không ghi nhận người đã chết, đó là người này vẫn chưa đến lúc phải chết. Quyền Quế Lâm phong thổ ký của Mạc Hưu Phù, người đời Đường có ghi lại câu chuyện như sau:

Tô Thái Huyền là nông phu, người vùng Dương Sóc. Vợ ông ta họ Từ, sau khi sinh được ba người con trai thì qua đời. Thái Huyền đưa xác vợ đi an táng. Bỗng một ngày, Thái Huyền trở về nhà, ông nghe thấy tiếng vợ mà không nhìn thấy bóng dáng vợ đâu, người vợ nói: “Mạng thiếp vẫn chưa hết, nên Diêm phủ không chấp nhận cho thiếp ở dưới đó.”

Thọ của con người chưa hết, Diêm phủ sẽ không đón nhận hồn ma của người đó, điều này là hoàn toàn đúng. Nhưng khi đang muốn quay trở lại, thì bên này người ta đã kịp thời đưa người vợ “nhập thổ”. Không chôn không được, mà chôn nhanh quá cũng không đúng, hai giới âm dương đều phạm phải chủ nghĩa quan liêu, chỉ khổ cho những linh hồn chẳng phải sống mà cũng chẳng phải chết, bị mắc kẹt ở giữa hai thế giới này.

Nếu có người cho rằng ma quỷ có thể được tự do tự tại tại chốn âm ti, giống như những vị tiên bay lượn trên bầu trời, vậy thì người đó đã quá ngây thơ rồi. Hóa ra thần Thành Hoàng lại có trách nhiệm thu nhận những u hồn và những hồn ma lang thang không được ghi tên vào danh sách ma, coi họ là những kẻ lưu manh mù quáng, sợ họ sẽ gây chuyện khi đêm về, vì vậy cần giam họ lại. Chương Nguyên Công Minh trong Di kiến chi đình, quyền ba có một hồn ma đáng thương than thở rằng:

Ta xuống cõi âm từ lâu, nhưng do tuổi thọ của ta chưa hết, âm ti dứt khoát không chấp nhận, nhưng sau bị Thành Hoàng bắt giữ, ban ngày ta có thể ra ngoài, nhưng ban đêm lại nhốt trong chiếc giếng cạn ở Ngô Sơn. Những người giống như ta ở đô thành rất nhiều, mỗi khi hoàng hôn buông xuống, tất cả những người thắt dây buộc lưng vàng trên đường, đầu và người cúi thấp xuống đất mà đi, đó chính là những người như ta.

Vào thời Nam Tống, miếu Thành Hoàng tại Hàng Châu được xây dựng trên núi Kim Địa ở phía nam núi Ngô Sơn, hiện nay miếu Thành Hoàng mới được tu sửa lại ở trên đỉnh núi Ngô Sơn, chắc cách ngôi miếu cũ không xa, có điều không biết chiếc giếng cạn đó nằm ở nơi nào[8]. Hoàng hôn là thời điểm những hồn ma này được “hít thở không khí trong lành”, “thắt dây buộc lưng vàng” có lẽ là để đánh dấu quỷ xấu, “cúi đầu, người rạp xuống đất để đi” chính là chỉ loại “cấp đuôi làm người” của dương thế.

[8] Dưới núi Ngô Sơn còn có một chiếc giếng có nước, chiếc giếng này cũng rất nổi tiếng. Trong quyển Tiền thị tư chí của Tiền Thế Chiêu, người thời Nam Tống đã đặc biệt nhắc tới chiếc giếng này, nói rằng bên trong có một hồn ma trượt chân rơi xuống, nó thường xuyên lôi người xuống đó, cuối cùng người ta lấy một khối đá lớn chèn miệng giếng lại.

Những linh hồn lang thang vốn chưa đến lúc chết mà đã phải chết, họ không có suất hộ khẩu tại âm ti. Cách giải quyết cuối cùng chỉ có thể là đợi ngày dương thọ của mình kết thúc, lúc đó Diêm phủ mới cho phép họ đăng ký hộ khẩu. Nếu thời gian chờ đợi quá dài, họ chỉ có thể nhờ bạn bè, người thân hoặc những người tốt bụng trên dương gian chuẩn bị một bữa cơm chay tế cúng, giúp linh hồn họ được siêu độ nơi âm giới, có thể nói đây như việc đi cửa sau, tìm quan hệ cớ các quan ở âm giới, để thời gian chờ đợi được rút ngắn. Nhưng trong chương Mao liệt âm ngục, quyển mười chín, cuốn Di Kiên giáp chí lại có chút mâu thuẫn với cách nói trên. Chương này nói rằng, những linh hồn lang thang không thể hưởng công đức từ những người ở dương gian: “Vốn dĩ chưa phải chết nên không đăng ký được hộ khẩu ở chốn âm ti, muốn nhờ người trên dương thế giúp đỡ để được nhận phúc lợi từ cõi âm, đó là điều không thể.” Những quan điểm này tuy có khác nhau, nhưng thống nhất với nhau khi nói những linh hồn lang thang không có hộ khẩu dưới âm phủ và không có những ngày tháng êm đẹp dưới đó. Đến sau đời Nguyên - Minh, người ta quyết định lập ra “thành oan hồn” ở dưới âm phủ, coi như giúp những linh hồn lang thang tìm thấy một nơi không thể nói là tốt đẹp để trú mình.

Nói về thành oan hồn, ở đây tôi cần làm rõ một chút, coi như bổ sung cho “m sơn bát cảnh”, cũng coi như tạm thời đưa “điện Diêm Vương” làm cảnh thứ mười dành cho những người yêu thích “Thập toàn”, đồng thời cũng là vì, người ta luôn cho rằng ở đó chỉ chấp nhận những linh hồn chết oan, nhưng suy nghĩ này thực sự không chính xác.

Từ “thành oan hồn” có lẽ có nguồn gốc từ dân gian, tất nhiên những bậc quan lại sẽ không dùng nó, vì thế nó xuất hiện nhiều trong các cuốn tiểu thuyết hay ca kịch, mà sớm nhất là xuất hiện trong các điệu hò. Nói về tên và ý nghĩa của nó, thành oan hồn là trại tập trung dành cho những người chết oan phải xuống âm phủ. Nhưng tổng hợp tất cả những tài liệu có liên quan thì sự thực lại không hoàn toàn như vậy. Tất cả những linh hồn có dương thọ chưa hết, bao gồm chết vì hình, chết trận, chết bờ bụi, chết vì gặp phải thầy lang dõm, cho đến những người chết vì tình cũng đều được vào thành oan hồn. Hơn nữa hãy xem một vài ví dụ sau:

Trong vở tạp kịch thời Nguyên Mạnh nương đạo cốt, Dương lệnh công đâm vào bia Lý Lăng mà chết, linh hồn của ông bị đưa vào thành oan hồn. Trong Tây du ký, tập mười, Lý Thế Dân đến cõi âm, “đi qua sông Nại, huyết bồn khổ giới, rồi lại đến thành oan hồn”, nhìn thấy một đám hồn ma mất tay mất chân, hoặc có tay chân mà không có đầu, tất cả đều là hồn ma của những tên giặc cỏ và những người chết trận. Trong

chương Thẩm Tiểu Hà tương hội xuất sư biểu trong Dự thế minh ngôn, Thẩm Cỗn, Thẩm Bảo chịu đựng không nổi, cả hai chết dưới cán roi, đây là chết do bị dùng hình, đương nhiên cũng thuộc loại gánh oan mà chết. Còn trong Viết tiếp Kim Bình Mai của Đinh Nhiêu Cang viết sau khi Phan Kim Liên bị Võ Tòng giết, linh hồn của ả được đưa đến khu thất cổ tại thành oan hồn, sự việc này không thể coi là quá oan uổng được. Tiểu thuyết Đều là do ảo giác, chương một có kể, vụ vỡ đê tại sông Vô Triều chìm chết vô số dân thường, tất cả linh hồn họ đều gia nhập thành oan hồn. Trong thành oan hồn, người đẹp nổi tiếng nhất tất nhiên là Đỗ Lệ Nương chết vì tình. Còn trong Hữu đài tiên quán bút ký, quyển bảy có kể, một người chết dưới tay lang băm khi dương thọ vẫn còn, nhưng “theo luật âm, phạm là những người dương thọ chưa hết, tất phải đến thành oan hồn”.

Ngoài ra, thành oan hồn còn có hai điểm đặc biệt không thể không nói. Một là bên trong toàn là ma đói. Đương nhiên không phải cứ gặp ma đói là bắt vào thành, mà là những hồn ma vào thành đều bị cấm ăn uống, ngay cả những hồn ma có hộ khẩu bên ngoài thành được ăn ba bữa một năm cũng không có. Trong Thố hồ lô của Phục Thư giáo chủ, chương hai mươi viết, hồn ma trong thành oan hồn không được lo cho ăn ăc, vô cùng đau khổ. Còn Dã tẩu bộc ngôn của Hạ Kính Cừ, chương mười tám đem những đạo sĩ khi nhìn thấy đậu phụ rau xanh là lao vào tranh cướp so sánh với những “ma đói trong thành oan hồn”.

Đặc điểm thứ hai của nó là hồn ma trong thành oan hồn rất khó được hóa kiếp. Trong vở tạp kịch thời Nguyên Bao dãi chế trí trăm sinh kim các nói: “Không một oan hồn nào được tiêu tán, ngày đêm vất vưởng trong thành oan hồn. Chỉ đến khi báo được oan, giải được hận, lúc đó mới thoát khỏi âm ti rồi hóa kiếp.” Trong Viết tiếp Kim Bình Mai, Võ Đại Lang sau khi bị giết đã đến khu thuốc độc tại thành oan hồn, cũng giống như Phan Kim Liên bị đưa đến khu treo cổ, mười mấy năm không được đầu thai. Trong Thuyết nhạc toàn truyện, người phục vụ nói: “Phía trước là quỷ môn quan, bên phải là thành oan hồn. Tất cả những kẻ phạm tội đều phải vào thành oan hồn, vào đó rồi thì khó mà được chuyển kiếp.”

Những linh hồn chết bờ chết bụi hoặc chết thảm lại bị đưa đến thành oan hồn chịu đói nhịn khát, oan khuất không được giải thì không thể hóa kiếp chuyển thế. Đạo lý này quả có chút bất công. Nhưng nghĩ kỹ lại, đây chính là bản sao của tù ngục ở trần gian, trừ phi gặp được Bao Thanh Thiên thì những tù nhân bị bắt oan này mới có thể thoát khỏi bể khổ, nếu không họ đành phải ngồi trong đó chịu đói, chịu rét cho đến chết. Vì thế, tác phẩm thích nói những điều mờ ám Ngọc lịch bảo sao có chương Thành oan hồn thỉnh thoảng nói được vài câu khá thấu tình, tuy rằng nó vẫn có chút “mờ ám”:

Phong Đô đại đế nói: Thành oan hồn ở phía bên phải điện ta. Người đời hiểu nhầm đó là nơi đón nhận tất cả những hồn ma bị chết oan, rồi truyền tai nhau làm người ta tưởng thật. Phải biết rằng những người đã chết oan liệu có thể bắt họ chịu những nỗi khổ vô cơ nữa được không? Xưa nay vẫn cho phép các oan hồn đi tìm hung thủ, tận mắt nhìn thấy hấn chịu khổ, từ đó giải tỏa được mối hận trong lòng, cho đến khi oan hồn của họ được đầu thai. Nếu là những người trung hiếu, nghĩa khí hoặc những quân binh xả thân vì nước, hoặc sau khi chết sẽ thành thần, hoặc ban phước cho họ được đầu thai, như vậy há chẳng phải có lý khi để họ vào thành oan hồn chịu khổ sao?

3

Chỉ có một quyển sổ âm ti mà tôi đã huyền thuyên quá nhiều, những độc giả nóng ruột có lẽ đã đặt ra câu hỏi: “Liệu ông sắp nói xong chưa vậy?” Nói thực, sổ sách ở dưới âm ti nhiều vô kể, những quyển sổ được nói trên đây chỉ là một phần trong đó thôi. Ví như trong Mai hương ảo, tiểu thư Trương Doanh Doanh hát “phu thê hoạn nạn do trời định, trên sổ nhân duyên sớm ghi tên”, khi đó “sổ nhân duyên” vẫn chưa được con người biết tới. Đáng tiếc người xưa quá cẩn thận, việc này lại được liệt vào danh mục “chuyện riêng tư khó nói”. Thực ra sổ nhân duyên của người xưa đơn giản hơn rất nhiều so với sổ đăng ký kết hôn ngày nay,

hiện nay con người dành rất ít thời gian để lo cái ăn cái mặc, vấn đề nam nữ được đưa ra bàn luận nhiều hơn. Cơ quan phát hành sổ nhân duyên của âm phủ chắc chắn cũng phải làm việc căng thẳng hơn nhiều, biết bao nhiêu “sổ chính”, “sổ phụ” khó phân loại rõ, rồi thì “vợ bé thứ nhất”, “vợ bé thứ hai”, cách sắp xếp này cũng bị chê là quá đơn giản rồi. Còn trong những ghi chép của người xưa, tôi nhớ ngoài quyển sổ chính ra chỉ có một quyển “sổ phụ thê sương mai”. Viết tiếp Tử bát ngữ của Viên Mai, quyển ba có câu chuyện về một ma nữ nói với nhân vật nam rằng: “Tra trên sổ phụ thê sương mai, có nói đến duyên phận với huynh, nhưng được chỉ định chỉ nên giao cầu một trăm mười sáu lần. Nếu chuyện này không ai biết, thì sẽ ở với nhau lâu dài được, còn không thì duyên phận sẽ hết, cả hai phải ly tan.” Một trăm mười sáu lần vẫn được coi là “sương mai”, không sợ người ta cười anh là quá “phóng khoáng” hay sao? Dẫn ra ví dụ này là để điểm xuyết một chút thôi, bởi đề tài này thực sự quá rộng, thôi thì để dành cho các học giả thời Xuân Thu đi viết những tác phẩm chuyên sâu về nó.

Cùng là chết, chỉ có điều cách chết của từng người không giống nhau, chúng cũng cần được phân làm các loại sổ khác nhau, từ đó có thể thấy được tính tỉ mỉ trong công việc ở âm giới. Tác phẩm Hiện quả tùy bút của Giới Hiển, người đời Thanh có ghi, Ngụy Ứng Chi mơ mình đi xuống âm phủ, anh ta tìm trong sổ sinh tử, không thấy có tên mình, hóa ra nó nằm trong “sổ chết do thất cổ”, bên dưới ghi chú “một ngày ba năm sau thất cổ tự tử trong thư phòng”. Tử bát ngữ, quyển tám viết, dưới âm phủ, ngoài “sổ chính mệnh” ra, còn có “sổ hỏa tự”, tức chết trong hỏa hoạn. Nói một có thể suy rộng ra ba mươi thứ, âm phủ có “sổ thủy tự”, “sổ thổ tự”, từ đó có thể suy ra người ta sẽ chết bằng cách nào, còn “chính mệnh”, tức là chỉ những người khi hết dương thọ sẽ được chết trên chiếc giường của mình, còn chết trên giường trong khách sạn sẽ bị liệt vào một loại sổ khác (theo cách nói bất nhã của Đinh Nhiêu Cang, thành oan hồn nên để loại người này xuống một khu biệt lập cho chúng). Trong quyển hai mươi tư lại nói, linh hồn người chết ở nơi biên ải, khi đưa vào “sổ họa hoặc vân” sẽ được phân ra làm hai loại, tức “sổ người” và “sổ thú”, thú chết nhiều hơn người, vì thế có câu “nhân tam thú ngũ”. Trong Duyệt vi thảo đường bút ký của Kỷ Tuân, quyển mười, “sổ người” được chia ra làm các loại sổ vàng, đỏ, tím, đen: “Hy sinh vì nước, phần đầu quên mình, người này được ghi vào sổ vàng. Làm theo quân lệnh, thà chết không lui, người này được ghi vào sổ đỏ. Làm theo số đông, chuyển chiến mà chết, được ghi vào sổ tím, chết khi chạy trốn, không còn đường lui, được ghi vào sổ đen.” Phân ra kỹ như vậy, xem ra nếu Diêm phủ có ngành hồ sơ học, thì nhất định phải người tài ỏi đảm nhận được vị trí này.

Không chỉ vậy, các loại sản phẩm dưới âm phủ cũng tăng dần theo thời gian. Đến thời nhà Thanh, thuốc phiện du nhập vào Trung Quốc, Diêm phủ lại hình thành “sổ khói đen”, trong sổ này có “sổ họa khói đen”. Trong Dục quynh bề biên, quyển bảy, chương Họa khói đen nói về sổ họa khói đen như sau:

42. Chương 14 - Part 8

Chính điện dùng ngôi lưu ly, cao tới tận thiên hà. Trên điện có năm vị thần ngồi hàng ngang, có người mặc áo mũ thời cổ đại, có người mặc trang phục của hiện tại, người ngồi chính giữa có chòm râu dài bạc trắng, khuôn mặt nghiêm nghị của bậc đế vương. Phía dưới bày hàng trăm chiếc chum lớn, bên trong chứa nước đen. Các hồn ma nườm nượp đi vào, Thẩm Tư hỏi trong chum chứa thứ gì, trả lời: “Là dầu gạo, ở dương gian gọi là khói thuốc phiện. Tất cả những kẻ gây tai họa được lệnh phải uống một chút nước này, sau khi nhập thể hễ ngửi thấy mùi là nghiện ngay tức khắc.”

Tất cả những người chết do tai họa, Diêm phủ đều cho vào một quyển sổ riêng, chỉ có điều người chết quá nhiều, nhập sổ không kịp, đành phải thuê người viết từ dương gian. Câu chuyện này được viết với mục đích trào phúng thời thể hiện tại, nhưng từ đó cũng thấy được rằng, con người đã tìm ra một nhận thức chung, chỉ cần có nhu cầu thì loại sổ sách nào Diêm phủ cũng có thể tạo ra được. Những loại sổ sách được tạo ra một cách ngẫu hứng này rất hay xuất hiện trong tiểu thuyết, như trong *Viết tiếp Kim Bình Mai* có hai loại sổ “nguyên hội kiếp vận” và sổ “chu thiên nhân quả”, từ tên gọi của chúng có thể thấy, chúng thuộc vào loại văn hóa vĩ mô, nằm ngoài năng lực hiểu biết của kẻ tiểu dân.

Những loại sổ trên đều được phân loại theo nội dung, còn về mặt hình thức bên ngoài, sổ âm phủ cũng có sự phân biệt khác nhau. Nghe nói sổ âm phủ được phân ra làm ba loại vải lụa mỏng, lụa dai, và giấy. Ba loại nguyên liệu này được phân theo giá trị đắt rẻ, người được ghi tên trong đó đương nhiên cũng có sự phân biệt như vậy. Ở đây nội dung quyết định hình thức: quý nhân thì ghi vào sổ lụa mỏng, tiếp đến ghi vào sổ lụa dai, còn sổ giấy dành cho những thường dân nghèo hèn. Việc phân loại như thế này có tác dụng gì? Suy nghĩ một chút là hiểu ra ngay thôi. Trong *Di kiên đỉnh chí*, quyển hai mươi của Hồng Mai có chương Ô sơn uẩn, ghi lại dịch ôn dịch, đói khát hoành hành liên tục trong thời gian dài tại huyện Tân Kiến, tỉnh Giang Tây vào năm Can Đạo đời vua Tống Hiếu Tông, đó là do ông trời muốn “thu” tất cả người của nơi này. Đầu tiên “thu” hết những người trong sổ giấy, nếu chưa đủ số lượng, tiếp tục thu người thuộc sổ lụa dai, thu được một nửa là đạt số lượng yêu cầu, thì những người trong sổ lụa mỏng đương nhiên sẽ không bị lấy đi mạng sống. Tất nhiên, nếu trên trời có hạ xuống chính sách ưu đãi nào đó, thì chắc chắn phải bắt đầu từ những người trong sổ lụa mỏng.

Diêm phủ quản lý sổ âm phủ, nhưng ở Trung Quốc, từ nhà Tần cho đến triều đại Minh - Thanh, hình thái của Diêm phủ luôn có sự thay đổi. Như “thổ phủ” được nói ở phía trên chỉ là một trong những hình thái của nó. Tuy thể chế của nó được truyền lại và kế thừa sang hình thái khác nhưng xét từ danh mục, thời gian tồn tại của chúng rất ngắn, hơn nữa chúng thường biến mất ở thế hệ sau. Nhưng một số hình thái Diêm phủ lại có sức sống mãnh liệt, hình thái mới đã có rồi, nhưng hình thái cũ vẫn chưa biến mất, ví như hình thái Diêm phủ sớm nhất được quy cho Bắc Đẩu tư mệnh quản lý dưới sự giám sát của Thiên đế, giữa thời Hán Ngụy xuất hiện Thái Sơn phủ quân, thời kỳ Lục triều xuất hiện Diêm La Vương, những hình thái Diêm phủ này lại cùng lúc tồn tại ở thời Đường, gọi là “nhất quốc tam công”^[9] có vẻ không ổn lắm, nên sau đó được gọi thành “nhất quốc tam chế”^[10] nghe có vẻ xác đáng hơn. Vậy thì sổ âm phủ lúc bấy giờ cũng sẽ được chia làm ba loại, và tất nhiên anh tin ai thì sổ âm phủ của anh sẽ do người đó quản lý. Cũng ví như môn đồ của Nguyên thủy thiên tôn sẽ không bao giờ đến điểm danh chỗ của thần Jehovah hay thần Allah. Nhưng nếu gặp phải những người không có tín ngưỡng, vậy thì sau khi chết linh hồn của họ sẽ phải đối mặt với sự lựa chọn cuối cùng, nhưng cũng không cần phải lo lắng về việc sẽ không ai thu nhận anh.

[9] Nhất quốc tam công: một quốc gia ba hoàng đế.

[10] Nhất quốc tam chế: một quốc gia ba chế độ.

Trong *Quảng di ký* của Đới Phù có chương Trương Dao kể rằng, Trương Dao rất thích sát sinh, linh hồn của anh ta sau khi chết được áp tải về chỗ Diêm La Vương. Anh ta nhìn thấy tất cả những con vật mà mình đã giết tập trung tại sảnh chính của điện Diêm La, tất cả bọn chúng đều kêu oan đòi mạng. Nhưng một vị hòa thượng bệnh tật mà khi còn sống anh ta đã từng nuôi dưỡng cũng có mặt tại đó, hòa thượng nói rằng, Trương Dao đã đọc rất nhiều kinh Phật, phúc nhiều tội ít, vì vậy anh ta không đáng phải chết như thế này. Có phải chết hay không chỉ cần nhìn vào sổ sinh tử. Thế là Diêm Vương lệnh cho người tra “sổ tư mệnh”. Quyển sổ này được quản lý bởi đại thần tư mệnh, thuộc hạ của Thiên đế. Tra xong, tên của Trương Dao đã bị che mất, phải chết, lại lấy quyển sổ thứ hai là “sổ Thái Sơn”, cũng chính là sổ thuộc quyền quản lý của Thái Sơn phủ quân, cái tên đó cũng bị che mất, phải chết, cuối cùng lấy quyển sổ bản các, tức sổ của

điện Diêm La, không ngờ: “Tên của người bị che một nửa, người chưa chết được.” Thế là Trương Dao được thả về dương gian, tiếp tục vừa sát sinh vừa đọc kinh Phật.

Câu chuyện này có vẻ như “tam giáo sống chung”, trong con mắt của các tín đồ Phật giáo, hai vùng Diêm phủ của tư mệnh và Thái Sơn phủ quân đều tồn tại tính hợp lý, mỗi người đều có sổ âm phủ ở ba nơi, giống như một người mà có trong tay hộ chiếu của ba nước vậy. Nhưng hiện nay anh ta đã phạm lỗi rồi, chiếu theo pháp luật của tư mệnh và Thái Sơn thì anh ta phải chịu hình phạt xử bắn, nhưng theo luật của Diêm La Vương anh ta chỉ là tội không che được phúc, không có tội thì phải thả ra, vậy thì anh ta phải tới đâu để mở phiên tòa đây? Một sự tiến hành so sánh giữa ba nhà, ba loại tôn giáo, vậy là dụng tâm của câu chuyện đã được hé lộ, hóa ra câu chuyện đã dùng sự tuyên truyền về sổ âm phủ làm vũ khí, để mở ra một trận chiến không chính thức, lôi kéo khách hàng đọc kinh Phật. Kết quả của cuộc đấu tranh này là, đến đời sau, người ta không còn nghe thấy có loại sổ tư mệnh hay sổ Thái Sơn nào nữa, từ đó, sổ âm phủ do một mình điện Diêm La lũng đoạn, không biết nó còn chính sách ưu đãi như trước kia không, lại xem những việc cúng tế, siêu độ vong hồn, lại là hòa thượng và đạo sĩ mỗi người chiếm một bên, hóa ra họ đã liên hợp với nhau để chèn ép dân thường.

Tất cả những loại sổ âm phủ trên đều được xây dựng trên quan điểm “không thể thay đổi”, tất cả thọ, lộc, công danh của con người đều do thiên mệnh sắp đặt sẵn, không có một khe hở để thay đổi. Thực chất không phải như vậy, dưới Diêm phủ cũng có một chính sách gọi là “trọng biểu hiện”, nếu một người đang sống có biểu hiện không tốt thì phúc, lộc, sinh, tử của người đó đều bị ảnh hưởng. Cái gọi là biểu hiện ở đây có các tiêu chuẩn khác nhau, trong đó, mục quan trọng nhất cần phải chú ý đó là “phái tính”. Ví như để một hòa thượng ra phán xét, mặc dù anh tham ô vô độ nhưng chỉ cần anh thích đọc kinh (đương nhiên phải là kinh của Phật Như Lai), anh sẽ được tăng lộc thọ. Vì thế, trong các câu chuyện do các tín đồ Phật giáo biên soạn, Diêm Vương nhìn thấy linh hồn đã được bắt về, câu đầu tiên ông ta hỏi là: “Nhà người có đọc kinh không?” Nghiễm nhiên đó là ranh giới giữa người tốt và người xấu, ít nhất thì người đọc kinh cũng sẽ được giảm tội một bậc. Xin đọc giả đừng nghĩ Diêm Vương là kẻ ngờ nghệch, thực ra ông ta cũng giống chúng ta những năm tháng trước đây, cứ có người tới thành phố là hỏi “xuất thân của cậu thế nào?” mà thôi. Những năm đầu thập niên bảy mươi của thế kỷ trước, chúng tôi đi trên con đường lớn ở trung tâm thành phố nhỏ này, một người nông dân già đi một chiếc xe đạp không phanh, không chuông đâm vào một bà lão khiến bà không đứng dậy được. Cảnh sát tới giải quyết, định giữ xe đạp của người nông dân lại, nhưng dù họ có hỏi anh ta cái gì, anh ta đều giữ chặt tay lái chiếc xe đạp miệng lắp đi lắp lại một câu: “Tôi là nông dân nghèo”, khiến những người đứng xem xung quanh và cảnh sát đều không nhịn được cười. Người nông dân già mặt mày tái nhợt, có lẽ trong bụng cũng đang thắc mắc: “Mình đã nói mình là nông dân nghèo rồi, sao họ vẫn còn muốn truy cứu nhỉ? Người thành phố thật chẳng hiểu đạo lý gì cả!” Vì thế Diêm Vương hỏi một câu: “Người có đọc kinh không?”, chính là muốn xác định rõ xem anh ta là người nhà hay người ngoài, chứng tỏ tính giác ngộ giai cấp của Diêm phủ vẫn rất cao.

4

Sổ sách dưới Diêm phủ nhiều như vậy, tạm thời không quản chúng nữa, để có những tài liệu đó, Diêm phủ phải sắp xếp biết bao nhiêu quan sai, mật thám ở dương gian, nếu như muốn ghi chép tất cả những tài liệu đó vào trong các loại sổ sách, e rằng hàng vạn người viết cũng không kịp. Nếu cho rằng tất cả mọi thứ ở thế giới ma quỷ đều thần kỳ khó đoán, vậy thì những tài liệu kia không cần có người ghi chép, tự nó sẽ hiện lên trên sổ một cách kỳ lạ và khó hiểu, nhưng thực tế đâu có được như vậy. Phía trên chúng ta đang nói tới “sổ họa khố đen”, chẳng phải nhờ người ở dương gian viết giúp đấy sao? Thực ra đây là quy tắc cũ, chỉ cần Diêm phủ bắt nhiều sinh linh trên dương gian, cũng chính là lúc dương gian gặp nhiều tai họa lớn nhất, số lượng người lo sổ âm phủ luôn không đủ, lúc này cần tìm sự giúp đỡ từ phía dương gian.

Tác phẩm Quảng dị ký của Đới Phù có chương Lý Cập, kể rằng Lý Cập bị bắt nhảm xuống Diêm phủ:

Lý Cập nhìn thấy hàng trăm chiếc xe bò đang chở thứ gì đó, bèn hỏi viên quan lại, những cái đó để làm gì. Viên lại đáp: “Phía Lộc Sơn đang tạo phản, dân thường bị giết nhiều vô kể, hôm nay xe bò chở hồ sơ người chết tới đây.” Khi đó Lộc Sơn vẫn chưa xảy ra sự cố tạo phản, nên Lý Cập hỏi vặn: “Lộc Sơn vẫn chưa tạo phản, làm sao ngài biết?” Viên lại nói: “Sẽ tạo phản ngay thôi.” Rồi Lý Cập lại nhìn thấy hàng trăm người, tất cả đều đang vội vàng lo xử lý hồ sơ người chết.

“Hồ sơ người chết” nói tới ở đây chính là danh sách người sống chuẩn bị bị câu hồn, mấy trăm người vội đầu vào sao chép danh sách, số sổ sách đó nhiều đến mức cần hàng trăm chiếc xe bò để vận chuyển. Quyển Hữu đài tiên quán bút ký, quyển tám của Du Việt, người đời Thanh ghi:

Trong nhân gian, mỗi lần gặp tai họa như lũ lụt, hạn hán, binh đao... đều có người nằm mơ thấy dưới Diêm phủ đang ghi chép sổ sách, nên có lẽ chuyện này là có thật. Đầu năm Hàm Phong, đám giặc cỏ ở Quảng Đông tạo phản, một người ở Hải Diêm nằm mơ thấy mình đi đến một nơi, ở đó văn thư chất cao như núi, mấy chục người đang cặm cụi viết lách.

Câu chuyện này chỉ là cuộc chiến tranh giữa Thái Bình Thiên Quốc và chính quyền nhà Thanh khiến rất nhiều người thiệt mạng. Liêu trai chỉ dụ, quyển tám, chương Chiếu quan tài nhỏ có phần Ngô đường phụ ký kể, trước khi vụ án Thanh Hà bị bại lộ, “liên tiếp có người bị ma ám, nói rằng Diêm phủ đang cấp bách làm sổ”, ý chỉ những người chết trong vụ án này sẽ rất nhiều nên Diêm phủ đang gấp gáp làm sổ hồ sơ cho họ. Sau khi làm xong, sổ sách đó sẽ được dùng xe chở tới chỗ Diêm Vương và các Phán quan, có thể còn cần thêm mấy trăm người viết thẻ câu hồn. Còn trường hợp cầm sổ đến hiện trường điểm danh mà chúng tôi đã nhắc tới trước đó lại mang tính chất bán buôn, có thể bỏ qua việc viết thẻ câu hồn.

Cần phải nói rõ một chút, đó là đã có sổ sinh tử, sổ âm thực, tuổi thọ của con người đã được hạn định, đến lúc đó chỉ cần đưa số người hết dương thọ đã có mặt vào một tờ danh sách, như thế cũng được rồi. Vậy việc gì phải “làm sổ” nữa? Có lẽ nó được áp dụng theo trình tự của “ngục Hưng Đại” trên dương gian. Ngục Hưng Đại triều nào cũng có, nhưng hình như cứ cách vài năm mới có một lần sẽ không đủ để thể hiện uy phong của hoàng quyền. Một nhà ngục được xây lên là hàng trăm, hàng vạn người được đưa vào đó, cho dù số lượng đó chỉ chiếm năm phần trăm tổng dân số nhưng cũng đã đủ một cho bậc làm quan lo xử lý công tác làm sổ, nhưng cũng may dương gian không cần làm sổ vẫn có thể bắt giết tùy tiện, không sợ làm lỡ việc, cho dù sau này có phát hiện ra sai sót thì cũng chỉ long ân đại xá ột chút, đưa tất cả những nhân vật tên tuổi viết vào các bản chính văn, liệt vào bậc anh hùng trung hậu, viết đến mức những tên tuổi đó rất huy hoàng trong cả hai mươi lăm bộ sử của Trung Quốc, còn những người khác sẽ là người được các bậc anh hùng trên đại diện.

Thực ra, ngoài những đợt tai họa lớn mấy năm nay xảy ra một lần, ngay cả lúc bình thường, việc làm sổ dưới âm ti vẫn rất tất bật. Chỉ có điều, sổ câu hồn được làm đơn giản hơn, bỗng chốc câu kéo hồn của mấy chục người, mấy trăm người cũng không thành vấn đề. Vấn đề ở chỗ Diêm phủ có nhiều loại sổ sách như vậy, đặc biệt là các loại sổ thiện ác, sổ công danh tội lỗi, bình thường đã cần một lượng lớn đặc vụ và thư lại... thật khó để tưởng tượng ra một lượng công việc lớn như vậy. Theo quan điểm trong phần Sổ thổ địa, quyển ba, cuốn Tập di tân sao của Lý Hạc Lâm, người đời Thanh, loại sổ này cần được làm từ chỗ thần Thổ Địa, nhưng thần Thổ Địa thỉnh thoảng cũng đi bắt người trên dương gian. Nghe nói trong miếu thổ địa:

Hơn chục người ngày đêm không ngừng viết lách, theo báo cáo của Táo Quân trong các gia đình, tất cả những điều thiện ác lớn nhỏ đều được thông báo từng ngày, từng giờ, ngay cả những điều xảy ra trong lúc ăn, lúc uống, thậm chí ngay cả những lời thủ thỉ trong màn, tất cả đều được ghi lại không thiếu một từ.

Phạm vi cai quản của thần Thổ Địa có thể tương đương với ủy ban khu dân cư hoặc cảnh sát phường. Ông ta lại đặt tai mắt ở từng nhà dân một, các vị Táo Quân ngày ngày đến thông báo những công to việc nhỏ, không sót thứ gì. Nếu dùng những quyển sổ này để ghi chép lại thì không biết kiếm nơi nào để chất cho hết chỗ sổ sách, nhưng phí hồ trợ công tác lại tương đối khả quan.

Tuy nhiên, đó vẫn chỉ là những việc nhỏ, thư lại vất vả cực nhọc, chí ít cũng chỉ đến mức “cổ tay” rã rời, thực sự vất vả phải là những biệt phái viên ở dưới làm công tác thu thập thông tin tình báo. Chỉ riêng ghi chép việc “xem sách khi đại tiện”, thì họ phải “bám sát” các nhà vệ sinh, đối với Táo Quân, ông làm việc trong nhà dân, mấy nhân khẩu trong nhà đi vệ sinh lúc nào Táo Quân đã nắm rõ mồn một, vì thế ông không cần làm một chiếc “hố xí lá” nữa, ông chỉ cần để ý một chút là xong. Nhưng đáng thương là những anh đặc vụ ngồi trong các nhà vệ sinh công cộng, đặc biệt là nhà vệ sinh ở các thành phố sầm uất, các cơ quan, trường học, người nhiều phức tạp không cần nói, cái chính là mùi ở những nơi đó khiến anh càng cảm thấy khó chịu, nên công việc thu thập tình báo này thực sự rất vất vả, ít nhất người thường như chúng ta sẽ không thể chịu đựng được trong mấy phút. Chắc chắn sẽ có không ít quỷ mặt thám oán hận luật “cấm mang sách vào nhà xí” thật nhiều chuyện, họ nhớ nhung những ngày tháng thái bình khi Tần Thủy Hoàng lên ngôi, ai lăm bắm sách thơ là bị chặt đầu, nhưng chắc chắn cũng không có người ham vui mà không thấy mệt bao giờ. Viết về đến đây, rồi không chịu được cũng phải lệch dòng vẹo chữ.

Đương nhiên vẫn chưa có kẻ ngu ngốc đi bám sát đến cùng chỉ để ghi chép việc “xem sách khi đi vệ sinh”, nhưng những việc tương tự cũng không phải không có, đó là để có được những thông tin tình báo quan trọng hơn. Một cậu học sinh bị theo dõi vừa từ nhà vệ sinh đi ra, lập tức có một đôi چشم chú nhìn một người bạn học khác của cậu ta đi vào, cậu ta lần tìm một trang giấy đã dùng qua trong cuộn giấy đang cầm trên tay, nghiên cứu một chút xem trên tờ giấy đó viết gì. Bởi hồi đó, sinh viên nghèo đi vệ sinh chỉ dùng giấy nháp đã viết chữ, còn những chỗ trống trên tờ giấy nháp cũng được dùng để luyện chữ, việc này có khả năng vô tình tiết lộ ra điều gì đó. Ngày này qua ngày khác. Cũng không phải những vất vả như vậy không nhận được thành quả. Nghe nói sau này phòng cất giữ hồ sơ của khoa chúng tôi đã phát hiện ra một bao “tài liệu” được cất giấu rất kỹ càng, sau khi tháo bỏ liên tiếp mấy lớp giấy, cuối cùng bên trong là một chiếc khăn tay giấy bên trên có viết chữ. Tôi thường nghĩ, ông trời nếu thật sự giáng xuống trần gian những nhân tài bất đắc dĩ, có những sinh viên thường ngày không phân biệt được rõ đầu là tân ngữ đầu là bổ ngữ, khi gặp phải những việc có gian tế như thế này, học lại có một linh cảm sắc xảo, có thể đưa ra những phương án rất kỳ diệu.

Khăn giấy trở thành thông tin tình báo, việc này không phải không có khả năng xảy ra. Nếu đối phương là đặc vụ Tưởng của quân Mỹ, thì có lẽ chiếc khăn giấy này có thể tiết lộ một vụ án lớn kinh thiên động địa như các vụ án phản Đảng phản quốc, vậy thì việc này còn có trở thành một đề tài để các cây viết sắc xảo phát triển thành một bài văn hay, biên soạn vào sách giáo khoa trung học. Thử nghĩ mà xem, hằng ngày cậu sinh viên bị theo dõi này đều âm thầm nghiên cứu, kiểm tra, nhận biết mọi thứ, cậu ta làm việc chăm chú, quên mình, mà người này thực ra lại trung hậu đến mức không đọc hiểu những ám hiệu của bọn phản cách mạng, vì thế chỉ có thể đưa cậu ta đến chỗ lãnh đạo chờ định đoạt, và rồi trên bàn làm việc của lãnh đạo có bày hàng đồng các loại giấy tờ như vậy, do các nhà chơi trò đầu tranh giai cấp với khứu giác siêu phàm nghiên cứu, phân tích từng chữ, từng câu một, cuối cùng đã lựa chọn được ra tờ giấy này. Cả một quá trình thật khiến người ta cảm động! Chỉ đáng tiếc, tờ giấy ấy đó không hề để lộ ra những thông tin kinh thiên động địa của bất kỳ vụ trọng án nào, vì nó chỉ tạm thời phải nằm trong phòng hồ sơ, chờ đợi các thông tin tình báo khác có được sau này, sau đó gắn lại thành án, lúc đó mới thực hiện việc mưu sát cả cuộc đời người thanh niên kia.

Tôi ghi chép những điều này, để độc giả biết được rằng chúng tôi đã từng sống trong một thời đại như vậy, đã từng tự hào được làm một việc dơ bẩn như vậy. Những người chủ trì công tác đó nay cũng đã bảy, tám

mười tuổi, có lẽ cũng sắp đến lúc “để anh nhớ lại chuyện xưa” như Ostrovsky đã nói, vậy các bạn có nên nghiêm túc kiểm điểm mình khi nghĩ lại những việc trong quá khứ, quốc gia và nhân dân giao con cái của họ cho các anh, hy vọng các anh đào tạo chúng trở thành những nhân tài có ích cho đất nước, còn các anh - những “giáo viên”, các anh đã làm những gì? Các anh huấn luyện một số người trở thành mật thám, để lợi dụng họ tìm cách ột số người khác trở thành kẻ thù giai cấp, từ đó dạy dỗ đa số sinh viên còn lại thành những người dân ngoan ngoãn mất khả năng tư duy, đó là sự nghiệp mà các anh từng thề sẽ cống hiến “cả tính mạng và toàn bộ tinh lực của mình” cho nó ư? Hoặc đó chỉ vì muốn nhuộm đỏ chiếc mũ trên đầu và thỏa mãn việc vận dụng những biến thái tinh thần, căn cứ theo nhu cầu các anh có thể tùy lúc chi phối điên đảo thủ đoạn xu thời?

Sau thời kỳ cải cách văn học, nghe nói những thứ trong túi hồ sơ đã được thanh lý đi nhiều, những tài liệu mật giả tạo để vu cáo kia cũng bị tiêu hủy. Lúc đó, lòng người thanh thoi, nhưng sau đó nghĩ lại không tránh khỏi cảm giác lỗ mãng, thực ra nên lưu lại chút chứng cứ mang tính đại diện thì hơn. Bởi chúng không chỉ chứng thực rằng con người có thể đề tiện đến mức độ nào, mà còn ghi lại sự hy sinh xương máu của biết bao người vô tội do sự đề tiện đó gây ra.

43. Chương 15 - Part 1

Chương 15: Xác chết sống lại - đọc thuyết cương

Trong tác phẩm Thuyết cương, tôi đã từng dẫn chứng Kỳ Quân và Chu Tác Nhân, nói xác chết di động có hai loại. Trong chương trước mới chỉ nói về loại thứ hai, chưa nói loại thứ nhất, tức “người mới chết chưa liệm, bỗng nhiên bật dậy tóm lấy người”, Liêu trai chí dị gọi đó là “xác chết sống lại”.

Xác chết sống lại trong Liêu trai chí dị thực ra chính là “sạ thi” mà người miền Bắc Trung Quốc thường nói. Nói một cách chung chung, xác chết di động chính là một thể dị biến của thi thể người vừa mới chết, nó vốn là tên gọi chung của mấy loại “hiện tượng”, “sạ thi” chỉ là một loại trong số đó. Nói cụ thể hơn, xác chết di động nên chia làm hai loại, một loại hung (xấu), xác chết đi lại, nhảy múa... một loại cát (tốt), thi thể người chết bỗng tỏa ra một mùi thơm kỳ lạ hoặc cơ thể mềm ra chứ không cứng đờ. Những xác chết di động “cát - tốt”, tức khi sống sắc mặt vàng vọt, lúc này bỗng trở nên hồng hào lạ thường, nhưng cũng không thể đặt ở đó ọi người tới tham quan được, cuối cùng vẫn phải đưa đi mai táng. Quả thật loại xác chết này cũng không hấp dẫn. Vì thế, ở đây tôi chỉ nói về loại xác chết di động mà mọi người hứng thú hơn, đó tất nhiên là loại xác hung rồi.

1

Miền Bắc trong giai đoạn gần đây, nói là gần đây nhưng thực chất cũng đã cách thời điểm hiện tại đến bốn, năm chục năm rồi, mỗi lần có việc tang, thế hệ người già, đặc biệt là những cụ già đã làm nghề “khiêng đòn” trong đám tang, họ ngồi lại với nhau bàn về những quy định trong tang lễ, và ở đó không thể không nhắc tới “xác chết sống lại”, ý để chỉ phải đề phòng nếu xảy ra, nhưng lũ trẻ con chúng tôi lại đón nghe chúng như những câu chuyện ma. Đại khái nói là có người chết nhưng chưa liệm, thi thể được đặt trên linh sàng (đối với các gia đình bình thường thì linh sàng cũng chỉ là một tấm gỗ được mua với giá hai tệ hoặc đôi khi chỉ là tấm cửa gỗ), thi thoảng vì một nguyên nhân nào đó mà xác chết bỗng nhiên đứng bật dậy, hơn nữa có trường hợp còn lao về phía người sống. Thế là cần có một số điều cấm kỵ, liên quan đến nguyên nhân mà xác chết sống lại được. Có người nói đó là do lôi chẩn, tia điện tử sấm sét truyền qua xác chết, có người lại

nói đó là sự cảm ứng của chó và mèo, cụ thể là nếu có chó nằm dưới xác chết, mà phía trên lại có con mèo nhảy qua xác chết, gây ra hiện tượng hai luồng khí âm dương giao nhau qua xác chết. Có lẽ còn có những nguyên nhân khác, đáng tiếc các cụ không còn nhớ rõ được. Tóm lại, đó là sự phát huy “của hai luồng năng lượng giữa thân và quỷ”, kết quả dẫn tới xác chết xảy ra sự biến dị, bỗng nhiên có thể hoạt động, thậm chí ngồi dậy, nhảy xuống, thậm chí còn đuổi theo người sống. Người sống không nên sợ hãi khi thấy xác chết cử động, bởi phần đầu của xác chết đã bị cương cứng, không thể hoạt động được nữa, vì thế, nếu gặp phải trường hợp này bạn chỉ cần đi vòng, như vậy xác chết sẽ bị mất mục tiêu, hoặc bạn cũng có thể tránh vào phía sau những đồ dùng gia đình như bàn ghế, như vậy xác chết sẽ bị kẹt ở một bên, chỉ có thể ở một chỗ cử động mà thôi. Nhưng trò chơi đuổi bắt hay đứng đối diện với xác chết mà nhìn nhau như vậy cũng không có gì thú vị, vì thế cách tốt nhất là “xử lý” nó. Nếu gan bạn lớn, có thể dùng một chiếc gậy, linh nghiệm nhất là dùng một cán chổi hạ gục nó, khi đã bị ngã gục xuống thì nó không thể đứng dậy được nữa, lúc đó nó cứ đứng đờ trên mặt đất, sự việc coi như đã được xử lý xong[1].

[1] Khi đối phó với xác chết di động, cái khiến người ta khâm phục nhất chính là sự dũng cảm, to gan của người đó, nghe nói đó là sự việc xảy ra tại trường đại học Sơn Đông vào thời Dân Quốc. Một sinh viên bị bệnh rồi chết đột ngột, do người nhà chưa tới, nên xác của cậu sinh viên đó chưa được liệm, bốn người bạn học thay nhau trông chừng linh cữu của cậu. Nửa đêm, bốn người bạn chơi mạt chược để giết thời gian, người ngồi quay lưng lại với xác chết muốn hút thuốc mà không có diêm. Một sinh viên nói, trên linh sàng (giường đặt xác chết) có diêm. Cậu sinh viên kia đi lấy diêm châm thuốc, rồi lại ngồi về vị trí cũ. Bỗng xác chết kia ngồi dậy, đứng ngay phía sau cậu sinh viên đang hút thuốc. Cậu sinh viên ngồi đối diện nhìn thấy, vội hô lớn: “Xác chết sống lại rồi, cậu đừng động đấy!” Nói rồi cậu ta bảo hai người bạn ngồi bên trái và bên phải nhấc chiếc bàn lên để người kia chui xuống gầm bàn sang phía bên này, rồi lại đặt bàn xuống, còn xác chết kia đã ngã rạp trên mặt bàn.

Các cụ già truyền lại cho chúng tôi những câu chuyện ma này, đó cũng là những kinh nghiệm cuộc đời của họ, làm chúng tôi chú ý khi trông coi linh cữu người ta không được cho chó mèo đi vào linh đường, nhờ đâu không cẩn thận, khi xuất hiện xác chết sống lại cũng còn có kế sách ứng phó. Nhưng việc này giống như thuật bắt rồng vậy, ngàn năm mới có một cơ hội để thực hiện, mà nếu gặp phải rồi, thì lại không biết có linh nghiệm hay không. Khi các bậc đại sư huynh Nghĩa Hòa Đoàn phò Thanh phần Dương (Tây phương), đã từng đem thủ thuật đó truyền lại cho nhân dân, dùng nó để đối phó với liên quân tám nước, nào ngờ, cái không thể cử động được chỉ là viên đạn của súng tây, còn đám quỷ tây dương kia vẫn biết quay người di chuyển.

Trong dân gian truyền lại, những xác chết sống lại đa phần đều đã mất ý thức, còn trong các câu chuyện ma, chúng lại trở thành những con quỷ đi quấy nhiễu cuộc sống của con người. Trong đó đáng sợ nhất phải thuộc về chương Xác chết sống lại trong Liêu trai. Nhưng chương này hình như không phải của Bồ Tùng Linh, mà nó là câu chuyện trong dân gian, bởi những câu chuyện với các tình tiết tương tự đã xuất hiện không ít trong những tác phẩm bút ký khác, ví như chương Xác chết bật dậy trong Đàm thị bút thừa - U minh của Đàm Thiên, người đời Minh: “Huyện Lạc Xuyên có một người nọ qua đời, họ hàng trông coi linh cữu qua đêm, từng người luân phiên ngủ. Bỗng nhiên xác chết bật dậy, hít dương khí từ miệng người đang canh. Người này sợ hãi chạy vào nhà trong, xác chết chạy theo, xác chết và người kia cách nhau một cánh cửa. Sáng sớm tất cả mọi người tập trung lại, tạt máu chó vào xác chết, xác chết ngã rạp xuống, chưa đầy một tháng sau, người bị xác chết hít dương khí từ miệng cũng qua đời.” Đây có thể là phiên bản gốc mà Bồ Tùng Linh dựa theo, tuy ông chuyển việc hít dương khí thành thổi âm khí cho người sống, nhưng đạo lý âm khắc dương là như nhau. Muộn hơn so với Bồ Tùng Linh là Dung Nột, cư sĩ với tác phẩm Chỉ văn lục, trong đó, ở quyển ba có chương u Dương Giả lại một lần nữa mang đến cho người đọc những nội dung cũ rích, chỉ là ngoài thổi âm khí vào người sống, người đó sẽ chết, mà còn bị xác chết cắn vào đầu, sau đó hút mất não. Chi tiết này được pha trộn từ tình tiết “la sát mỹ” trong những câu chuyện bút ký thời Đường. Rồi cuối cùng là chi tiết xác chết đuổi người cũng có chút khác biệt, trong Liêu trai, xác chết sau khi nghe thấy tiếng gà kêu sẽ tự ôm gổ mà chết thực sự, còn trong Chỉ văn lục nó được sửa thành khi xác chết gặp một ông lão râu tóc bạc phơ đưa tay chỉ vào xác chết, xác chết lập tức quay đầu chạy trở về. Tự nhiên lại

xuất hiện một lão thần tiên cứu mạng, không những không sợ hãi như trong Liêu trai mà cách chiến đấu giữa thần tiên và xác chết sống lại cũng thật buồn cười.

Rất rõ ràng, nguyên nhân tâm lý khi sáng tác những câu chuyện ma quỷ chính là sự kinh hãi của bản thân đối với xác chết. Một xác chết chắn ngang đường đi, dù anh ta có là Nhiếp Chính hay Đậu Nga cũng đều khiến người thường cảm thấy kinh hãi, đặc biệt là lúc đêm hôm vắng vẻ. Nhưng xác chết sống lại cũng không hoàn toàn là những điều bịa đặt vô căn cứ. Người sau khi chết, xác được đặt trên giường, do cơ thịt và các dây thần kinh xuất hiện sự co giật, nghiêm trọng hơn có thể xuất hiện những động tác nhỏ như “cử động ngón chân ngón tay”, những chuyện này là có thực.

Tôi đã từng hỏi một cụ già làm nghề “khiêng đòn” đã mấy chục năm, rốt cuộc ông đã gặp trường hợp xác chết sống lại nào chưa. Ông nói chưa, nhưng có một lần, khi ông và người nhà của người chết đang trông linh cữu, thấy cánh tay của người chết bỗng nhiên co giật một cái, vị người nhà kia lập tức sợ hãi, chuẩn bị sẵn tư thế để chạy thật nhanh bất cứ lúc nào. Ông vội thì thầm: “Các anh đừng vội chạy, ai chạy càng nhanh thì nó càng đuổi theo người đó.” Một hiện tượng khác tương tự được ghi trên sách cổ, gần nhất là Quân lang ngẫu bút, quyển hạ của Tống Lạc, người đời Thanh, viết: “Giả Tĩnh Tử tiên sinh chết trên giường, rất nhiều người đến khóc ông, thấy tay tiên sinh khẽ động đây vài lần, như muốn nói lời cảm ơn họ.” Càng thực tế hơn là trường hợp “xác chết sống lại” của hoàng đế Tống Anh Tông, Cường Chí, người Bắc Tống có viết Hàn trung hiến công di sự, trong đó từng ghi lại sự việc này:

Tống Anh Tông vừa mới băng hà, người ta vội vã triệu Thái tử tới (Tống Thần Tông là Thái tử lúc bấy giờ). Người chưa kịp tới, tay Anh Tông khẽ động đây. Thầy tu (Tăng Công Lượng) thấy kinh ngạc, vội vàng báo Hàn Kỳ ngăn việc triệu Thái tử đến. Hàn Kỳ không đồng ý mà rằng: “Tiên đế sống lại, thì vẫn là Thái thượng hoàng.” Sau đó giục người cho gọi Thái tử tới.

Cường Chí từng vào thăm phủ mộ của Hàn Kỳ, việc này là việc lớn, không ai dám bịa đặt linh tinh, vì thế sự việc này đã được Từ Can Học, người đời Thanh ghi chép vào Tư trị thông giám hậu biên. Xem ra xác chết sống lại cũng chỉ có vậy, xin nói một câu xin lỗi tới Lão Thao, nó na ná với món “cá sống chua ngọt”, chạm vào mang thì đuôi động đây mà thôi, chứ nó không thể ngoe nguẩy bơi trong nước được nữa rồi. Ví von như vậy cũng không có gì là bất kính đối với những xác chết tác oai tác quái, nhưng lại không thể để các bậc Vạn tuế gia biết được. Nếu những nhân vật đế vương có hứng thú “làm thực nghiệm” thì đó mới là đáng sợ nhất, có người từng chặt cẳng chân của con người để nghiên cứu tủy xương như thế nào, có người mổ bụng phụ nữ mang thai để nghiên cứu về phôi thai, nếu các bậc đế vương muốn cảm nhận sự giãy giụa của con cá sốt chua ngọt, từ đó liên tưởng đến việc người sống chưa thử thì chưa thể sốt chua ngọt được, vậy chẳng phải là hồng bét sao? Cái hồng ở đây không chỉ là ở nỗi đau và cái chết của người bị đem ra làm thí nghiệm, mà nó còn hồng hơn nữa nếu thí nghiệm thành công, sau khi thử nghiệm ông ta có thể lại nhảy ra từ trong quan tài. Hàn Ngụy Công nói rất nhẹ nhàng: “Dù có sống lại thì cũng chỉ có thể để ngài làm Thái thượng hoàng”. Chỉ dựa vào câu nói này ông ta có thể bị chu di cửu tộc, nếu hoàng thượng nhảy ra từ trong quan tài, anh chỉ cho ông ta làm Thái thượng hoàng liệu ông ta có chịu không? Vì thế kết quả chỉ có thể là, nếu không muốn xác chết này sống lại, hãy lấy một cán chổi cán ông ta trở lại vị trí cũ.

2

Những ghi chép nói về xác chết sống lại ta đã bắt gặp rất nhiều. Có người cho rằng xác chết sống lại được ghi lại sớm nhất là trong Sử ký - khố lại liệt truyện: “Y Tề là người tàn ác nhưng thanh liêm, khi còn sống ông đảm nhiệm chức Đô úy Hoắc Dương, ra tay rất nặng với bọn cường hào địa phương, đã từng giết không ít người trong số chúng. Ông qua đời tại nơi mình nhậm chức, tất cả những kẻ thù của ông đều muốn thiêu cháy xác ông, nhưng xác ông đã chạy trốn khỏi nơi an táng.” Một cách nói khác, sau khi Y Tề chết,

ông biết rõ kẻ thù sẽ không bỏ qua ình, nên “sợ kẻ thù tới đốt, nên xác ông đã bay đi.” Từ Hoắc Dương, An Huy đến quê nhà Trang Bình, Sơn Đông cách nhau mấy trăm dặm, dù là bay hay đi thì xác chết cũng đều khiến người khác thấy sợ. Nhưng tôi đoán rằng, chân tướng sự việc chẳng qua chỉ là Y Tề đoán được sau khi mình chết sẽ bị báo thù, nên ông đã căn dặn người than của mình trước, kẻ thù chưa kịp ra tay thì xác ông đã được nhanh chóng chuyển về quê nhà. Nhưng sự việc một khi đã bị lan truyền thì nó đã trở thành câu chuyện đầu tiên ghi chép về xác chết di động. Nếu xác chết của Y Tề thực sự có thể nhảy ra từ trong quan tài, vậy chẳng phải “Gia Cát đã chết vẫn đánh đuổi được Trọng Đạt đang sống” sao? Kẻ thù có dọa thì bản thân cũng đã chết rồi, hà tất phải chạy trốn về quê làm gì?[2]

[2] Tác phẩm Nhật tri lục của Cố Đình Lâm tiên sinh là một trong số những tác phẩm kinh điển được nhiều người yêu thích, nhưng những đoạn cãi bừa của ông cũng rất gây cười. Trong truyện Hỏa táng, để chứng minh quan điểm cho rằng hỏa táng là vô nhân đạo của mình, ông một mực cho rằng Y Tề tuy chết rồi nhưng vẫn rất linh, khi nghe kẻ thù nói muốn đốt xác ông, đã khiến ông sợ hãi mà bay đi mất.

Nhưng ngoài chính sử ra, những câu chuyện ghi chép về xác chết sống lại thực sự không nhiều, hơn nữa, nếu có cũng thường được viết với những tình tiết khác nhau. Dưới đây tôi xin giới thiệu vài loại dựa theo mức độ nghiêm trọng khác nhau của chúng.

44. Chương 15 - Part 2

Một loại là xác chết bỗng nhiên bật dậy trên linh sàng, ngồi đơ ở đó, không có cử động nào khác. Trong Di Kiền chi đình của Hồng Mại, quyển hai có chương An thiếp Nhu nô, viết: “Nhu nô mắc bệnh phù thũng, người ta mời hòa thượng tới làm pháp sự. Pháp sự vừa mới bắt đầu, xác chết bỗng nhiên ngồi dậy. Mọi người thấy vậy, sợ hãi chạy toán loạn, chỉ riêng lão hòa thượng vẫn một mình đứng đó. Hòa thượng nói: “Đây là xác chết sống lại, sao phải sợ hãi như vậy?” Hòa thượng đưa chân đạp đổ xác chết xuống, rồi nhanh chóng khiêng xác bà cho vào trong quan tài, mọi chuyện thế là xong.” Vai xác chết được hoán đổi rất nhanh, lúc nằm trên giường thì vẫn được mọi người thương cảm, khóc thương, nhưng khi ngồi dậy lại khiến người ta sợ hãi, chịu một đòn nặng tay là lập tức ngoan ngoãn trở lại. Nhưng trên thực tế chưa chắc đã có chuyện như vậy. Theo chương Thi quệ trong Đàm thị bút thừa - U minh đã nói ở phía trước, “thi quệ” chỉ là một cách gọi khác của “sạ thi”. Thông thường, sau khi ngồi dậy, xác chết sẽ nhảy xuống đất. Nhưng bà Di không hề làm tất cả những động tác đó, tưởng tượng thần thái lúc đó, hình như xác chết vừa bình tĩnh sau một giấc mộng dài, đang băn khoăn không hiểu tại sao mình lại nằm đây. Nếu ta bạo gan có thể suy luận rằng, đó là một dạng tỉnh lại sau cái “chết giả”. Không ngờ bà ta tỉnh dậy không đúng lúc, bị lão hòa thượng mắc bệnh chủ nghĩa kinh nghiệm nhận nhầm là xác chết sống lại, một cước đạp thẳng xuống, khiến bà Di chết thật.

Một loại là “xác trương”, tức thi thể trương phềnh không bình thường. Di Kiền chi đình, quyển một có chương Vương đại khanh, nói tri phủ huyện Bình Giang Vương Quý Đức, vào cung mới được một tháng thì đột tử. “Các quan trong cung hợp sức lo tang lễ, lúc sắp nhập liệm, thi thể bỗng nhiên trương phềnh, không thể nhét vừa quan tài.” Mãi đến khi chiếc quan tài mà bị tri huyện này đã chuẩn bị từ trước được đưa tới, thi thể mới hồi phục lại nguyên dạng. Hóa ra người chết cũng giống như một số người ngủ phải kén chọn giường, quan tài của người khác khiến ông ta không thoải mái. Đương nhiên cũng có thể bổ sung khi đọc lời truy điệu, xem ra vị quan tri huyện này không muốn nhân thể chiếm lợi bất chính từ công quỹ, vì thế mới

xảy ra trường hợp đặc biệt này, từ đó tạo tấm gương lớn cho tất cả các cán bộ của chúng ta. Nhưng theo chương Tiết lục sự ngự phục chứng tiên, quyển hai mươi sáu, cuốn Tinh thể tuyên ngôn, loại xác trương phình này dường như không phải hiện tượng gì đặc biệt:

Chỉ thấy người ta thường nói: “Thời tiết tháng Bảy nắng nóng, nếu nghe thấy một tiếng sấm, xác chết lập tức trương phình, như thế làm sao mà nhét vào quan tài được?”

Quyển một, cuốn Ngũ tạp trợ của Tạ Triệu Chế, người thời Minh nói:

“Phong tục thông” có ghi: “Nổi sấm thì không dậy hũ tương”, tiếng sấm phát ra từ vùng âm khí, các vật đang trong trạng thái co rút, nếu chạm vào nó, vật sẽ xuất hiện sự biến đổi. Ngày nay người mới chết nếu chưa được liệm, nghe thấy tiếng sấm, thì thể lập tức trương phình.

“Nổi sấm thì không dậy hũ tương” hay còn nói “có sấm thì không làm tương”, có rất nhiều cách giải thích, nhưng tôi cho rằng, cách giải thích của Tạ Triệu Chế khá hợp lý, tiếng sấm vừa nổi, tương trong hũ sẽ trương lên (chính là lúc tương lên men), phải bỏ nắp dậy hũ tương ra. Nhưng nếu nói xác chết và hũ tương giống nhau trong trường hợp này lâu dần cũng khiến người ta không phục, hơn nữa không sợ rằng nếu sấm nổ liên hồi thì xác chết kia sẽ trương đến mức vỡ quan tài ra sao? Thôi kệ, tóm lại, trong dân gian vốn đã quen với cách nói nghe tiếng sấm, xác trương phình, nó thuộc vào loại hiện tượng tự nhiên, nên cũng không cần bói móc nhiều.

Một loại xác khác là “xác nhảy múa”, xác chết nhảy múa, uốn lượn theo tiếng nhạc. Sự việc này chỉ thấy trong quyển mười ba, cuốn Dấu dương tạp trở của Đoàn Thành Thức, người thời Đường:

Ở Hà Bắc, vợ của một trưởng thôn vừa mất, chưa liệm. Cuối ngày, con cái bà ta bỗng có cảm giác có tiếng nhạc càng lúc càng gần, khi tiếng nhạc đi đến phía gian nhà chính, xác chết bỗng cử động. Tiếng nhạc đi vào trong phòng, chỗ giữa hai chiếc cột nhà, xác chết liền đứng lên nhảy múa. Tiếng nhạc lặp lại rồi đi ra ngoài, xác chết cũng múa lượn theo ra cửa, cứ thế, tiếng nhạc đi tới đâu, xác chết đi tới đó. Người nhà thấy vậy vô cùng kinh sợ. Đến khi đêm khuya, trăng đã lên, họ không dám đi tìm xác người chết nữa. Canh một, trưởng thôn trở về, sau khi biết chuyện, ông chặt một cành dâu to bằng cánh tay, mang theo chai rượu đi tìm, vừa tìm ông vừa quát mắng. Khi đến một khu nghĩa địa cách nhà khoảng năm, sáu dặm, ông nghe thấy tiếng nhạc ở phía một cây bách. Trưởng thôn tiến gần đến chỗ cây đó, dưới cây lửa cháy bập bùng, ông giơ gậy dâu lên tấn công, xác chết ngã xuống, tiếng nhạc cũng tắt theo. Trưởng thôn vác xác vợ trở về nhà.

Tôi thấy câu chuyện này khá thú vị. Rất nhiều câu chuyện tương truyền về thần tiên đều có nhắc đến một người tu đạo nào đó. Khi người này chết, người khác nghe thấy tiếng nhạc, gọi đó là nhạc tiên, người ta nói tiếng nhạc đó do thần tiên trên trời phái đội danh dự đến đón người chết về trời. Nhưng vợ của trưởng thôn ở đây chưa từng đọc truyện tiên, không hiểu trình tự của việc “áp giải xác chết”, vừa nghe thấy tiếng nhạc liền hưng phấn quá mức, linh hồn chưa được giải thoát đã nhảy múa tưng bừng, kết quả là trong nháy mắt từ tiên nhân biến thành yêu nghiệt, cuối cùng phải chịu một gậy trời giáng mới ngoan ngoãn để người chồng vác về nhà. Nhưng từ câu chuyện này ta có thể thấy, vị trưởng thôn kia rất thật thà, rất tốt bụng. Nếu khéo léo một chút, chỉ cần kể nửa trước (khi đội nhạc tiên đến đón), thì đó sẽ là cái lộc trời ban, cả phủ huyện, thậm chí cả triều đình sẽ phong vợ ông trưởng thôn làm nhân vật làm cả Đại Đường phải cảm kích, và trong Thần tiên thông giám, tỉnh Hà Bắc sẽ có thêm một vị tiên cô.

Một loại xác chết sống lại khác, đương nhiên bản thân nó không có hại cho ai, nó là loại xác chết không tuân theo quy tắc, nó không báo cáo với ai mà đã rời khỏi nơi mà nó nên ngoan ngoãn ở đó. Điều này đương nhiên là không đúng, bởi nó thật đáng sợ. Mong muốn tập tữ của Du Giao, người Thanh, quyền tám có phần Xác chết sống lại kể rằng:

Tôn Bích Cửu giữ chức phó quận. Một đêm thu, ông xách đèn lồng chơi trò ú tim ở chân núi Ngọa Long. Bỗng nhiên một luồng gió lạnh thổi tắt ngọn nến trong đèn, ông nhìn phía xa xa bên bờ rừng có ánh lửa như hình con đom đóm, liền tới đó. Thấy một ngôi nhà đất có hai cột chống, cánh cửa gỗ khép hờ, thấy thế ông giả vờ là người đi đường vào xin lửa, nhưng gọi mấy câu mà không thấy ai đáp lời, ông liền bước vào nhà. Bên trong không có ai, ông nhóm xin ít lửa rồi bước ra. Khi ra đến ngoài, ông nhìn thấy một người đàn ông đứng thẳng sau cánh cửa, ông Tôn bèn cười nói: “Huynh ở nhà, sao ta hỏi không thấy huynh lên tiếng?” Ông Tôn đưa nến lên soi, đầu tóc người này rối bù, mắt hơi nhắm, miệng mở hoác, mặt trắng bệch, đây chắc chắn là một xác người vừa chết. Ông Tôn sợ dựng tóc gáy, cuống cuống chạy như bay về nhà. Ngày hôm sau, ông thăm dò về ngôi nhà đó thì được biết đó là nhà của một người bán rau, chỉ có vợ, không con cái, sau khi ông ta chết, vợ ra ngoài mua đồ về liệm. Xác chết làm thế nào lại đứng nấp sau vữa, đó là điều chưa ai giải thích được.

Thực ra chẳng có gì là “không giải thích được”. Tôn Bích Cửu thích chơi trò ú tim, đã làm cán bộ cơ trung ở phủ nha rồi mà nửa đêm vẫn xách đèn lồng đi chơi, vừa khéo gặp người đàn ông vừa chết cũng có nhẽ hứng với trò chơi này, mượn câu nói của Triệu Bản Sơn thì đây cũng chỉ là là “thực ra tôi cũng thích giấu mèo” mà thôi.

Đáng sợ hơn tất cả đó là “xác chết đi lại” hoặc “xác chết lao chạy”. Một cách nói tế nhị hơn là “tẩu ảnh”, hậu quả của nó vô cùng nghiêm trọng, bởi cái “chạy” của nó lại lấy người sống làm mục tiêu. Trong Liêu trai có chương Xác chết sống lại chính là một ví dụ điển hình.

3

Xác chết xuất hiện hiện tượng dị biến, một thân sĩ, một cô gái tốt bụng bỗng chốc có thể trở thành một con quỷ chuyên đi gây hại, thậm chí nó có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng, vậy trách nhiệm này nên thuộc về ai? Tuy thường ngày mọi người đều tin thần tin quỷ, nhưng đến lúc này lại nhận định “người chết vô tri”, không thể chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Vậy thì sẽ giống như đối xử với những kẻ mắc bệnh thần kinh, người ta sẽ chỉ trích người nhà của người chết lơ là trông coi, như vậy quả không hợp tình hợp lý, vốn dĩ người chết phải ngoan ngoãn nằm ở nhà, và chắc chắn không thể dùng dây thừng cột người ta lại được. (Cách này không phải không thể thực hiện, nghe nói ngày xưa người phương Bắc cũng có tập tục “dùng dây thừng buộc chân” người chết khi mai táng, đó là khi người chết được đặt lên linh sàng thì dùng thừng buộc hai chân lại.) Vì thế, khi không mong muốn một việc xảy ra, người ta cần tìm một số nguyên do, vừa phải giúp người chết thoát khỏi trách nhiệm, vừa phải bảo vệ danh dự của người chết, Trung Quốc từ trước tới nay không thiếu những nhân tài như vậy, và thế là họ sáng tạo ra vô số những quan điểm, trong đó có ảnh hưởng lớn nhất là cách nói “quỷ mượn xác người”.

Loại xác chết di động thông thường sẽ đuổi theo người sống một cách vô thức, nhưng cũng có những trường hợp ngoại lệ, chúng còn gây ra những việc khác nữa, ví như những việc trai gái trăng hoa chẳng hạn. Trong Phong tục thông nghĩa của Niên Ứng Thiệu, cuối thời Đông Hán có ghi lại một loại xác chết di động như sau: “Trạm dịch ở cửa Tây huyện Nhữ Dương, quận Nhữ Nam thường xuyên có ma, khách phương xa đi ngang qua ghé vào ở lại đa phần đều tử vong, hoặc nếu không chết cũng bị cắt mất tóc, sau đó trở thành kẻ tâm thần. Trong quận có một viên quan nhỏ tên là Trịnh Kỳ Hưu, hôm đó đánh xe ra ngoài làm công vụ. Đi đến đoạn cách trạm dịch khoảng sáu bảy dặm, anh ta gặp một người phụ nữ xin đi nhờ xe. Trình

Kỳ Hưu giả vờ suy nghĩ trong giây lát rồi để người phụ nữ lên xe. Đi đến trạm dịch, anh ta định dắt người phụ nữ lên gác qua đêm ở đó. Tên lính canh nói trên gác rất độc, không thể lên. Nhưng Trịnh Kỳ Hưu không nghe, khăng khăng đòi lên đó. Đêm hôm đó, Trịnh Kỳ Hưu đã có một đêm mây mưa vui vẻ với người phụ nữ xinh đẹp. Trời chưa sáng, Trịnh Kỳ Hưu lại phải lên đường, đến khi người của trạm dịch lên gác quét dọn, chỉ thấy xác một người phụ nữ đang nằm ở đó, người này bèn vội vã báo cáo trạm trưởng. Trạm trưởng triệu tập thuộc hạ đến điều tra, hóa ra cách trạm dịch tám dặm về phía tây bắc có gia đình họ Ngô, bà vợ vừa chết, nửa đêm khi chuẩn bị chôn, thì đèn đuốc bỗng nhiên tắt hết, khi đèn được thắp lại thì xác chết đã không còn ở đó nữa. Việc nhà họ Ngô đến lãnh xác về không nói nữa, mà nói về Trịnh tiên sinh, khi đi được khoảng vài dặm, anh ta bỗng thấy đau bụng, khi đến trạm dịch Lợi Dương ở Nam Đôn, cơn đau trở nên dữ dội, vài giây sau Trịnh Kỳ Hưu tắt thở.

Câu chuyện này khác với những câu chuyện giao cấu giữa người và ma khác, người phụ nữ này không phải là hồn ma, mà là một xác chết, sau khi người ta mang xác bà về nhà, ngoài sự buồn bã vì mất mát ra, có lẽ cũng chẳng có hành động thương xót nào dành cho bà nữa. Cái chết của Trịnh Kỳ Hưu chắc chắn có quan hệ với xác chết của người phụ nữ này, nhưng gác trên của trạm dịch vốn cũng không phải nơi thanh tịnh, có người nói trên đó có hồn mà luôn thừa cơ hại người có lẽ cũng không phải vô lý, thậm chí có thể căn cứ vào những ám thị trong từ ngữ để suy luận, một loạt những hành vi rời khỏi chỗ nằm, xin đi nhờ xe, giao cấu với người sống của xác chết này đều là do sự thao túng của con ma trên gác trạm dịch.

Sự việc này đã cung cấp cho con người một “ví dụ thực” trong việc tìm hiểu nguyên nhân các xác chết di động, không phải bản thân xác chết tác oai tác quái, mà là một con quỷ khác lợi dụng xác chết để làm trò ám muội, cũng có nghĩa là “quỷ mượn xác người” đi quấy phá. Đây thực sự là lý do tuyệt hảo để giải thích về trường hợp các xác chết sống lại, sau này nó được áp dụng khá phổ biến, và người tiết lộ sớm nhất có lẽ là Hồng Mại thời Nam Tống.

Di kiên đình chí, quyển năm có chương Người Cú Dung, một sai nha phủ Kiến Khang đi làm công vụ bên ngoài, anh ta phải trở về gấp nên nửa đêm vẫn phải dong duỗi trên đường. Lúc đó đang vào mùa đông lạnh giá, anh ra đi đến đất Cú Dung, nhìn thấy dưới chân núi có một ngôi nhà nhỏ vẫn sáng ánh lửa, bèn ghé qua xin sưởi ấm. Sau khi vào nhà, anh nhìn thấy bảy, tám người dân trong thôn đang trông coi một xác chết nằm trên đất, hóa ra người đó thắt cổ chết trong căn nhà này, người dân trong thôn hạ người đó xuống, đang đợi quan phủ tới nghiệm xác. Viên nha dịch thấy mấy người dân làng người thì ngủ, người thì ngồi, bèn ngồi ở đó một lát rồi lại tiếp tục lên đường. Nhưng vừa ra đến cửa, anh có cảm giác như có người trong nhà đi theo mình. Anh nha sai đi nhanh, người phía sau cũng đi nhanh theo. Cứ như vậy, người trước người sau đi được hơn hai dặm. Nhìn thấy phía trước là một con rạch, anh nha sai nhảy phắt qua bờ bên kia, còn người phía sau thì “ôm” một tiếng cả đầu và người rơi xuống con rạch. Anh nha sai nhảy xuống vớt anh ta lên thì người này đã chết. Hóa ra, đi theo anh chính là xác chết treo cổ kia! Và Hồng Mại có giải thích rằng: “Đó là “cưỡng hồn”, mượn xác người để đi gây hại.” “Cưỡng hồn” chỉ một hồn ma khác, chứ không phải hồn của xác chết.

Ý kiến này của Hồng Mại về xác chết di động cũng được khẳng định lại trong một câu chuyện khác, đó là chương Chứng quả tự tập nghiệp, quyển sáu, cuốn Di kiên chí đình. Một người họ Vương là người có học tại đất Minh Châu. Vương mỗ thuê một căn phòng yên tĩnh tại chùa Chứng Quả để đọc sách chuẩn bị ứng thí kỳ thi năm nay, trong chùa chỉ có ba, bốn vị hòa thượng. Đêm hôm đó, tại một ngôi làng cách chùa khoảng mười dặm, người ta làm pháp sự siêu độ ột vong hồn. Đến nửa đêm, Vương mỗ tắt đèn đi ngủ. Bỗng nhiên có người gõ cửa, Vương mỗ hỏi ai, hóa ra là một người bạn cũ, bèn vội vàng mời người đó vào phòng. Người bạn cũ nói: “Vì đi đường vội quá nên không kịp thuê phòng trọ, muốn qua đây ngủ nhờ một đêm.” Vương mỗ vui vẻ giữ người đó ở lại, còn bảo người đó lên giường cùng nằm với mình. Nói chuyện một lúc, người bạn mới vừa cười vừa nói: “Có một việc tôi không thể không nói thật với huynh, xin huynh đừng sợ. Tôi đã chết được hơn một năm rồi, hôm nay đến đây là vì thực sự có việc cần nhờ huynh giúp.” Lúc đó Vương mỗ thực sự sợ đến toát mồ hôi lạnh, nhưng không còn cách nào khác, anh đành phải tiếp tục nghe người

bạn nói. Người bạn tiếp: “Sau khi tôi chết, vợ tôi đã cải giá, quẳng lại đứa con thơ không biết sống ra sao. Lúc tôi còn sống có tích góp được hai trăm lạng tiền dạy học, chôn ở một chỗ, xin huynh hãy nói cho con trai tôi biết.” Nói xong, người đó liền đứng dậy, giơ tay chào biệt. Vương thấy vui mừng vì người bạn đã ra đi, nhưng trong bóng tối anh vẫn có cảm giác như bên cạnh mình vẫn có người nằm đó. Tâm trạng lo lắng, khiến cả đêm anh không sao ngủ được, khó khăn lắm mới trải qua được đêm hôm đó. Sáng hôm sau, anh vội mở cửa chạy ra ngoài. Đúng lúc các hòa thượng cũng trở về, họ đang nói về chuyện lạ xảy ra hôm qua, kinh đã đọc đến mười lần, đến lúc khiêng xác nhập liệm, nhưng đưa tay sờ, dưới tấm chăn hoàn toàn trống không, xác chết không biết đã chạy đi đâu mất. Nghe vậy, Vương vội dẫn mấy vị hòa thượng đến căn phòng của mình, thấy một người đang nằm thẳng cẳng trên giường, người này chính là ông cụ vừa mới chết.

Có bạn từ phương xa tới, thì dù người đó có mượn xác để tới, ta vẫn phải vui mừng như khi người đó còn sống, đó chính là “tử hữ”. Nhưng sau khi căn dặn xong, bạn từ biệt ra đi, để lại cái xác mượn ở đó, hậu quả của việc không gánh trách nhiệm này vô cùng nghiêm trọng. Câu chuyện này còn có một phiên bản khác, đó là Thặng huyện sơn am trong Di kiên chí bổ, quyển mười sáu, người bạn căn dặn xong, không chào hỏi một câu mà lặng lẽ rời đi. Ai ngờ, xác chết bị bỏ lại vẫn còn chút linh khí, gây ra những phiền phức lớn, chủ nhân ngủ ngáy, xác chết cũng ngáy theo, chủ nhân mệt mỏi nghiêng người tựa vào tường, xác chết cũng làm thế nửa ngồi nửa nằm, chủ nhân kéo màn ra ngoài khạc nhổ, xác chết cũng bắt chước khạc nhổ theo... Chủ nhân làm gì, xác chết làm nấy, như hình với bóng. Lúc này người chủ mới thấy có gì đó không ổn, bèn nhẹ nhàng xuống giường chạy ra ngoài, xác chết kia cũng chạy theo sau. May mà vị này biết xác chết di động không thể quạt hay chuyển hướng được, bèn chạy vòng một đoạn, xác chết cứ chạy thẳng, đâm sầm vào cột nhà rồi không động đậy nữa. Kết luận là: “Ma cũ muốn tìm chỗ nhờ vả, nên mượn xác người mới chết để tới. Tóm lại, hồn ma có thể trở lại chỗ cũ, nhưng xác ma mới lại không có nơi dựa giẫm, nên mới dẫn đến chuyện lạ như vậy.”

Quan điểm này của Hồng Mai nhận được không ít sự đồng thuận của các thế hệ về sau, điển hình nhất là Đông Hiên, người đời Thanh. Tác phẩm Thuật dị ký của ông có kể câu chuyện về “xác chết di động”, câu chuyện đã thuật lại rất hình tượng và rõ ràng về chuyện ma mượn xác người. Câu chuyện như được ghép từ những “cảnh lừa bịp” trong dân gian, nó có nhiều trắc trở hơn so với các câu chuyện về xác chết sống lại:

Trong một ngôi nhà ở một huyện thuộc tỉnh Sơn Đông có một xác ma di động, ngày ngày đều đi hại người. Thời Khang Hy có hai viên nha dịch cùng giải một phạm nhân đi qua nơi đó, đúng lúc trời mưa to, xung quanh không nơi nào có thể dừng lại trú tạm. Đến nửa đêm, phía xa thấp thoáng có ánh lửa yếu ớt như ánh đèn, ba người vội vàng qua đó. Đó là một ngôi nhà rách nát, trước sau hai gian, bên trong không một tiếng người. Ba người đi vào trong nhìn ngó, một người phụ nữ đang ngồi quay lưng lại phía đèn khóc rưng rức. Một người cất tiếng xin ngủ nhờ ở đây một đêm. Người phụ nữ nói: “Chồng tôi vừa mới qua đời, xác vẫn đang ở đây, chỉ sợ các người ở lại không yên tâm.” Ba người vẫn đồng ý trú lại, ngồi nghỉ bên cạnh xác chết. Hai viên sai dịch đã ngủ say, còn tên phạm nhân thấy lo lắng, trăn trở không sao ngủ được. Lúc này xác chết bỗng nhiên đứng dậy, phẩy tay thổi tắt cây đèn, tắt cả trở nên tối đen. Xác chết đưa tay hươ hươ trước mặt hai tên sai dịch, hai tên này không có động tĩnh gì. Rồi xác chết đưa bàn tay về phía tên phạm nhân, tên này sợ quá thét lớn rồi chạy ra ngoài cửa, xác chết chạy đuổi theo. Cả hai chạy qua hai cây cầu, xác chết vẫn chưa chịu buông tha. Tên phạm nhân chạy vào một ngôi chùa bị bỏ hoang, rồi nhảy qua một bức tường thấp ra bên ngoài, còn xác chết kia chạy đâm nhào vào tường ngã xoài trên mặt đất, tên phạm nhân cũng ngất lịm ở phía ngoài tường. Trời sáng, những người đi đường nhìn thấy vậy, bèn làm nước gừng cho tên phạm nhân uống, sau khi tỉnh lại tên phạm nhân cùng những người đi đường lần đường quay trở lại ngôi nhà kia. Nhưng khi đến đó, hai tên nha dịch đã chết ở chỗ đất bên cạnh ngôi nhà hoang.

45. Chương 15 - Part 3

Rất rõ ràng, ác quỷ giết người thực sự không phải là xác chết, mà là người phụ nữ ngồi khóc phía sau chiếc đèn. Ấ được gọi là “xác chết di động”, nhưng ả lại không phải là xác chết di động, mà là con quỷ chuyên mượn xác người mới chết để giết người.

Nữ Tú sống vào đầu triều Thanh cũng cho rằng xác chết di động là do một thứ khác nhập vào, nhưng ông không cho rằng thứ đó là ma quỷ, mà là “loại khí bất chính của trời đất”, đó chính là tà khí. Chương Xác chết di động trong quyển năm, cuốn Cô Thằng kể, một người nhà quê chết những chưa liệm, nửa đêm bỗng nhiên bật dậy, chạy đuổi theo người trong linh cữu đến nỗi người đó sợ tè cả ra quần. Nhưng người này bỗng nhanh trí, nhảy lên bức tường, nhưng ai ngờ tay chân lại không nhanh bằng bộ óc, một chân người đó bị xác chết ôm được. Người và ma giằng co nhau mãi đến khi trời sáng mới kết thúc. Người kể câu chuyện này nói: “Đó chắc chắn là loại khí bất chính trong trời đất, nhập vào người, người sẽ biến thành yêu. Như chuyện con lợn biết đứng ở nước Tề, viên đá biết nói ở nước Tấn, vậy thì những thứ không phải lợn, không phải đá cũng có thể bị như vậy.” Ở đây đã dẫn ra những ví dụ kinh điển, như lợn biết đứng, viên đá biết nói, tất cả đều là những thứ bị ám, vì thế trong trường hợp này xác người cũng không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Viên Mai cũng cho rằng, xác chết di động là do “khí” ám vào, nhưng không giống với Nữ Tú, thứ khí đó không phải là “loại khí bất chính của trời đất”, mà là “dương khí”. Dương khí vốn là nguồn của sự sống, có thể chuyển yếu thành mạnh, cũng có thể chuyển chết thành sống. Nhưng nếu đi nhầm cửa, người chết đã trở nên cương cứng, lúc đó nó chỉ có thể trở thành một xác chết biết nhảy. Quyển năm, cuốn Tử bất ngữ có chương Thạch môn thi quái được tác giả viết rất hay, rất ghê rợn, nhưng cũng khiến người ta phải suy ngẫm: “Huyện nha Thạch Môn tỉnh Chiết Giang có vị tên Lý Niệm Tiên xuống dưới thôn thúc thuế. Đêm đến, ông vào một ngôi làng hoang sơ. Thấy một người đi qua, ông bèn đánh đá lửa lên soi. Người này đầu tóc rối bù, thân hình gầy nhẳng, mặt dài chừng mười centimét, mắt nhắm tịt và đang chảy máu, nhìn như xác chết di động. Lý Niệm Tiên sợ dựng tóc gáy. Sau đó Lý lùi một bước, xác chết tiến một bước, Lý bèn bỏ chạy, xác chết lập tức chạy đuổi theo không thôi.” Hóa ra, ngôi làng này từng mắc bệnh ôn dịch, chết rất nhiều người, xác chết này trước đó chưa được liệm, “bị ám dương khí nên mới đi lại được”. Ngàn thôn xơ xác, vạn hộ tiêu điều, các ông còn đi đòi thuế lương thực, bây giờ thì ngược lại, để cho lũ các ông biết thế nào là cảm giác khi bị kẻ khác đánh đuổi.

Chương Xác chết quắp người, hạt táo có thể chữa trị, quyển tám, cuốn Viết tiếp tử bất ngữ cũng lặp lại thứ “dương khí” này: “Nếu xác mới chết chạy lung tung, người ta gọi đó là ‘xác chết di động’, nguyên nhân là do chịu sự tiếp xúc của dương khí mà thành như vậy.” Nhưng đến quyển năm, chương Xác chết di động, Viên Mai lại không còn kiên trì cách nói đó nữa, ông sửa lại rằng xác chết di động có hai loại, một loại là xác chết di động không thể nói chuyện, đó là do bị “dương khí ám”, nếu có thể nói chuyện được thì đó là do “ma quỷ nhập vào”. Xem ra, một phần nào đó ông vẫn tiếp nhận ý kiến của Hồng Mai.

Ngoài những loại trên, còn có cách nói về tiếng sấm, cách nói liên quan đến chó mèo. Như ở trên đã nói, từ khoảng năm mươi năm về trước đến thời điểm hiện tại, ở nông thôn vẫn giữ cách nói đó, nhưng nếu truy cứu về nguồn gốc của nó, có lẽ nó đã xuất hiện sớm hơn nhiều so với những “tri thức được tổng kết” của các nhà văn hóa từ thời Bắc Tống đến nay. Tác phẩm Thông u ký của Trần Thiệu, người thời Đường có ghi lại sự việc về xác chết di động: “Buổi tối khi đang liệm, một tiếng sấm vang lên, xác chết đứng dậy bước ra, nhưng không biết đi về hướng nào.” Nhưng xác chết di động này lại có thể nhảy qua tường để vào nhà người khác, chỉ có điều không biết nói chuyện mà thôi. Qua một đêm, người này trở lại là một xác chết cứng đờ. Một kết cục tốt hơn là trong tác phẩm Nguyên hóa ký của Hoàng Phủ Thụ, người thời Đường: “Con gái nhà Vương thị đột ngột chết khi chuẩn bị lên kiệu hoa, lúc đó xác chưa được liệm. Đêm đến bỗng có

tiếng sấm, xác chết đã bỏ đi mất.” Xác chết chạy đến nghĩa địa thì lại trở về trạng thái cứng đờ. Cũng may khi đó có mấy thư sinh đi qua, họ thách nhau xem ai to gan hơn để vào khiêng xác chết, một người trong số đó đã vác xéc chết về nhà. Xác chết được anh ra ôm trong lòng, không ngờ lại sống trở lại, rồi sau đó họ thực sự thành vợ chồng. Từ đó có thể suy luận rằng “xác chết di động” trong truyền thuyết chưa chắc tất cả đều không có thật, mà những trường hợp có thật chính là sự sống lại của những người chết giả, nếu biết cứu chữa kịp thời, thì người có thể sẽ sống trở lại, còn nếu đã có thành kiến về “xác chết sống lại” thì chỉ cần một đòn là có thể đưa xác chết về vị trí ban đầu của nó.

Còn việc khi đặt quan tài ở nhà kiêng kỵ chó và mèo, quyền Huyệt chôn xác chết trong Dậu Dương tạp trở của Đoàn Thành Thúc, người thời Đường ghi “kỵ chó gần xác chết, tránh bị trùng tang”. Cái gọi là trùng tang, tức trong nhà lại có người sắp chết, những không nói rõ nguyên nhân vì sao lại chết. Còn trong Ý lầu trùng mộng của Lan Cao có viết:

Chỉ thấy bà mẹ chạy tới nói: “Thằng Tư nhà bà bị dọa cho sợ đến mức mặt mày nhợt nhạt như quỷ ấy, nó bảo con bé ngồi dậy được, bảo bà mau mau về xem sao.” Vương phu nhân nói: “Chắc là có con mèo vừa nhảy qua rồi, xác chết đi được rồi, mau lấy cán chổi đánh ngã nó.”

Cô gái thật may mắn đã sống lại được (cô gái đã chết là con gái của Hương Lăng, lúc đó là do Tình Văn mượn xác trả hồn), người ta cũng không đi xem thể nào đã coi đó là xác chết di động, thực sự khiến người ta liên tưởng tới những người chết giả ở nơi hỏa táng, nghĩ đến mà dựng tóc gáy. Nhưng một số người chết giả tỉnh lại chưa chắc đã là vì chó hay mèo, nếu quả là như thế, cho dù chỉ chiếm tỉ lệ một phần vạn thôi thì khi nhà có tang sự, sống chết thể nào cũng sẽ cho các loại chó mèo tới nhảy qua xác chết.

4

Thông thường, xác chết di động tuy có hung hãn, không phân biệt được tốt xấu, không nhận họ hàng thân thích nhưng chúng cũng có mấy điểm yếu chí mạng sau: một là chúng chỉ biết đi thẳng, không thể đi vòng đi quặt, hai là gặp phải rãnh nước, chúng không thể nhảy qua, gặp phải vật cản chúng sẽ bị đánh đổ, ba là tuy đối tượng chúng đuổi là người, nhưng nếu chạm vào bất cứ vật gì là chúng ôm chặt không buông, bốn là cho dù chúng chạy đuổi hung hãn như vậy, nhưng chỉ cần nghe thấy một tiếng gà gáy, chúng lập tức “đứng im”. Tóm lại nó là một kẻ chết cứng không bị tan chảy, quan cố nhưng không linh hoạt, và chỉ có thể hoạt động trong bóng đêm. Nhưng xác chết di động không phải kết quả của việc “ma mượn xác người” sao? Con ma kia rất linh hoạt, nó có đầu óc, có động cơ, thậm chí có cả gánh nặng, có dã tâm, nhưng tất cả những thứ này khi nhập vào xác chết thì chỉ biết thờ dài, bởi cái mà nó nhập vào là một xác chết cứng đờ, huyết mạch không thông, tứ chi như gỗ đá. Nhưng, nếu là một cơ thể sống thì ai sẽ đồng ý để cho con quỷ ác độc này chỉ huy? Ngoài ra còn có một nguyên nhân nữa, thì thể đó không thuộc về linh hồn kia, cũng giống như việc bạn mượn tay người khác để gãi ngứa vậy, dù có cố gắng dùng sức như thế nào vẫn không đạt được kết quả mong muốn.

Nhưng vẫn còn một loại xác chết di động nữa, chúng rất tinh nhanh, biết tốt biết ác, cử chỉ như người bình thường, chỉ có điều nó là xác chết.

Trong Tị sát chi mê, tôi đã từng nhắc tới câu chuyện Kỵ văn của Ngưu Túc, người thời Đường. Có một vị quan trong triều qua đời, người ta mời Nghi Quang thiền sư của chùa Trương An Thanh Long đến làm pháp sự. Đến ngày linh hồn trở về, cả gia đình chủ nhà đều lên đi tránh hết, chỉ còn một mình lão thiền sư ngồi trước bàn thờ nhắm kinh. Đến nửa đêm, bỗng nghe trong phòng có tiếng người đứng dậy, mặc quần áo, mở cửa, vừa lúc đó thấy một phụ nữ đi ra khỏi phòng thờ, rồi đi vào bếp, người này dùng nước đập lửa, một

lúc sau, bà ta mang đến cho thiền sư một bát cháo nóng. Đương nhiên người phụ nữ này là vợ vừa chết của vị quan triều, vong linh quay trở về nhập vào xác chết đang nằm trên linh sàng mà “sống” trở lại. Bây giờ nghĩ lại, nếu nói người vợ này “linh hồn trở về”, không bằng coi đó là một loại “xác chết di động” khác.

Lại như Trương Tấn trong Linh quán tập có kể câu chuyện tương tự như vậy:

Vương Giám, người Duyện Châu, tính tình hung hãn, xưa này không biết sợ hãi điều gì, thường xuyên lăng mạ quý thân. Trong dịp năm mới, ông ta trở về điền xá trong trạng thái say khướt. Nửa đêm, về đến điền xá thì cửa đã đóng, ông đập cửa nhiều lần nhưng vẫn không có người ra mở, tức giận ông lớn tiếng mắng chửi. Đúng lúc đó một gia nhân đi ra mở cửa, Vương Giám hỏi: “Đám nô tỳ các người hôm nay đi đâu cả rồi hả?” Người gia nhân vẫn giữ chiếc đèn, mặt mày đen xám. Ông ta thấy thế càng tức giận, định xông tới đánh người kia. Nô tài nói: “Mười ngày nay, một trận dịch bệnh đã cướp đi gần hết mạng sống của gia nhân chúng tôi.” Ông Giám hỏi: “Thế người thì sao?” Đáp: “Cũng đã chết. Ông có thể nghe thấy những tiếng hô gọi đằng kia không, xác của họ đang tới đây.” Lúc này xác chết bỗng nhiên ngã sụp xuống, tắt thở.

Xác chết di động này cũng là do hồn mình tự nhập vào xác mình, nếu như vậy thì tại sao họ không dứt khoát sống trở lại đi? Vấn đề này chỉ có quỷ mới biết được, nếu chúng ta suy đoán, có lẽ nó cũng giống như cục pin bị hết điện, tuy để một lúc có thể sáng lại thêm một chút, nhưng cuối cùng vẫn phải bỏ nó đi. Nhưng họ trở về dương gian trong một khoảng thời gian ngắn đó, trông họ hoàn toàn như người bình thường, thậm chí vẫn nghiêm chỉnh tuân thủ theo chuẩn tắc đạo đức trước kia của mình, bảo vệ sự tôn nghiêm của mình sau khi chết, chứ không như những xác chết di động khác, chúng luôn đi gây chuyện một cách vô trách nhiệm. Như trong quyển tám, Viết tiếp từ bắt ngữ của Viên Mai có câu chuyện về Xác chết di động: “Ở Phong Đô có một người tên là Thang A Đạt, nhà hàng xóm của anh ta có một cô gái vừa chết. Ban đêm, A Đạt và anh trai cùng sang giúp nhà hàng xóm trông thi thể cô gái. Anh trai A Đạt xuống lầu đi lấy nước, A Đạt một mình trông xác chết nữ, càng nhìn càng thấy cô gái đó đáng yêu, không kiềm nổi mình mà nghĩ đến chuyện này kia. Bỗng nhiên xác chết nhảy dựng lên, lao thẳng về phía A Đạt. A Đạt chạy vòng quanh phòng, xác chết cũng chạy theo không chịu tha, A Đạt định lao qua cửa để thoát ra ngoài, nhưng không ngờ cửa lại bị chốt từ bên ngoài. Hóa ra khi anh trai A Đạt đi lấy nước về, nghe thấy bên trong có xác chết sống lại, sợ xác chết chạy ra ngoài sẽ liên lụy đến mình, bèn quyết định khóa cửa nhốt cả em trai mình trong đó. A Đạt đành phải nhảy từ trên lầu xuống, xác chết không thể nhảy xuống được, đành đứng trơ ở trên lầu. Ba ngày sau, vào ban ngày, A Đạt vẫn nhìn thấy hồn ma của người con gái đó trên đường, chỉ tay vào A Đạt chửi mắng tâm địa hằn không tốt. A Đạt không biết làm thế nào, sợ hãi trốn khỏi quê nhà, hai mươi năm sau vẫn không dám trở về.”

Rõ ràng, sở dĩ người con gái này biến thành xác chết di động là vì vong hồn của cô ta phát hiện ra tà niệm của người trông xác, cô tự thấy vừa xấu hổ vừa tức giận mà bật dậy. Nếu ngày thường gặp phải chuyện này, cô ta có phần nộ đến mấy cũng không bắt đối phương phải chết, nhưng giờ cô đã mang trên mình bản tính của một con quỷ gây rối, động tác của cô ta hoàn toàn là “hình dáng di động”, vì thế cái xác chỉ có thể chạy, đi, chứ không thể nhảy qua cửa sổ. Còn chuyện vong hồn của cô ta một lần nữa nhìn thấy A Đạt, lại còn mắng chửi anh ta tâm địa bất lương, có thể thấy cô ta vẫn rất để tâm đến sự tôn nghiêm về xác thể của mình, nhưng lúc đó, cô chỉ là một vong hồn, không thể có những hành động kịch liệt như trước nữa. Ngoài ra, Viên Mai đã biểu thị quan niệm đạo đức bên trong câu chuyện này, đó là sự tôn trọng người chết, đặc biệt không được nảy sinh tà niệm đối với thi thể của người con gái trẻ tuổi. Điều này xem ra có phần cổ chấp và cổ hủ, nhưng nó lại không hề chứa chất đạo học trong đó.

Lại có Du Việt, trong quyển mười hai, cuốn Hữu đài tiên quán bút ký ghi lại câu chuyện về xác chết di động của một phụ nữ Nhật Bản, câu chuyện giống như trong mơ, xác chết di động của cô ta không nhìn thấy những người có mặt tại đó, và tất nhiên nó sẽ không gây phiền nhiễu đến ai. Cô ta chỉ đi thẳng đến phòng ngủ của mình, tìm một chiếc hòm nhỏ, vừa ôm nó lên thì ngã sụp xuống. Mọi người ở đó biết là xác chết

sống dậy, nên mở chiếc hòm nhỏ ra xem bên trong có vật gì quý giá, chỉ có một bức thư của người tình gửi trước ngày kết hôn. “Người phụ nữ này tuy đã chết nhưng linh hồn vẫn còn rất tỉnh táo, sợ rằng lá thư đó sẽ bị người khác đọc được nên muốn tự mình hủy nó, nhưng sức lực không cho phép bà ta che giấu nó.”

Linh hồn tỉnh táo đến mức có thể di chuyển được thể xác, nhưng chỉ có thể di chuyển được phần nào thôi, hơn nữa cô ta cũng chịu sự hạn chế về nguồn năng lượng, nếu như mục tiêu quá cao thì dù có “hạ quyết tâm” cũng không thể hoàn thành được, không biết chừng còn khiến mình bị bẽ mặt. Nhưng nếu biết lượng sức mình, tận dụng cơ hội ngắn ngủi đó một cách hợp lý thì có lẽ cô ta đã có thể hoàn thành một số việc nào đó. Thế là có một loại xác chết di động mà không phải sống dậy để báo thù, khiến người ta cảm thấy xác chết sống lại chưa chắc đã là bị “khí bất chính của trời đất” ám vào.

Trong Nam cao bút ký, quyển bốn của Dương Phượng Huy, người đời Thanh có chương Xác chết quái dị, đó là trường hợp xác chết ổng lại để trình báo oan thù. Vị hôn thê của Dư Thị tử và anh họ Viên Mỗ có gian tình với nhau. Dưới sự ủng hộ của bà mẹ là Trương Thị, vị hôn thê của Dư Mỗ đã ám hại chồng, việc đó được thực hiện gọn gàng, không để lại dấu vết gì. Đêm ngày hôm sau, hồn ma của Dư Mỗ tìm về nhà, sắc mặt vẫn như lúc còn sống, duy có máu tanh vấy khắp người, nhuộm đỏ cả chiếc áo đang mặc. Hồn ma nói với mẹ rằng: “Cái chết của con thực sự là do nhà gái gây ra. Khi quan phủ xét nghiệm xác, hãy mời mẹ con nhà họ tới hiện trường, đến lúc đó trắng đen sẽ rõ ràng.” Khi quan phủ tới nghiệm xác, cũng đã cách thời điểm chết nửa ngày. Như lời con trai nói, mẹ Du Mỗ mời mẹ con bà Trương đến hiện trường đặt xác chết. Bên nhà gái sợ gian tình bại lộ, nên không dám từ chối, liền bảo Viên Mỗ đánh xe đưa mẹ con Trương thị đến nơi đặt xác. Hai người vừa đến bên xác chết:

Bỗng nhiên xác chết đứng dậy, một tay túm lấy tên họ Viên, một tay chỉ vào vị hôn thê của mình. Bọn chúng sợ hãi định bỏ chạy. Quan phủ lệnh cho đám tùy tùng đi tới gỡ tay Du Mỗ ra, nhưng không gỡ được. Quan phủ liền biết ở đây có gì không bình thường, bèn ra lệnh bắt tên họ Viên và hai mẹ con Trương Thị, xác chết nghe thế liền trở lại vị trí ban đầu. Mấy kẻ kia cúi đầu nhận tội. Tên họ Viên nhận án chém đầu...

Câu chuyện xác chết sống lại phục thù trong Liêu trai chí dị, chương Điền thất lang là câu chuyện quen thuộc, được nhiều người biết đến, nên ở đây tôi chỉ xin trích dẫn một câu đầy tính tráng liệt:

Viên tể tướng thấy kinh hãi, bắt đầu cho nghiệm xác chết, thấy Thất Lang đang nằm chết cứng trong vũng máu, tay như đang cầm đao. Đang định dừng không kiểm tra kỹ nữa thì xác chết bỗng nhiên đứng bật dậy, cắt cổ viên tể tướng, rồi lại nằm phịch xuống.

Linh hồn chưa bị tiêu tan, trong khoảnh khắc giữa hành động đứng lên và nằm phịch xuống, đầu tên cầu quan đã lia khỏi cổ, so với việc Nhiếp Chính đâm Hàn Vương, Kinh Kha đâm Tần Vương, sự việc này khiến người ra dễ nhận ra chân tướng vấn đề hơn.

46. Chương 16 - Part 1

Chương 16: Hoàng tuyền không nhà trọ

Giang Vi, người nước Mân thời Ngũ Đại, vì giúp bạn trốn về nước mà ông ta phải chịu liên lụy. Trước khi bị xử tử, lời lẽ ông rất dứt khoát, rằng: “Muốn đánh đàn để tưởng nhớ Kê Khang vào ngày giỗ của người, nhưng thời gian đã không còn nữa, nhưng ta vẫn kịp phú một bài thơ tặng người.” Nói rồi ông cầm bút lên viết: “Nha cổ kinh nhân cấp. Tây khuynh nhật dị tà. Hoàng tuyền vô lữ điểm. Kim dạ túc thùy gia?”[1] Ông chỉ nghĩ đến việc xuống âm phủ sẽ ở chỗ nào, dường như ông không hề nghĩ tới việc đầu mình sắp lìa khỏi cổ. Tự như ông đang chăm lo cho viên đao phủ lau sạch lưỡi đao, để lát nữa tránh khỏi một lần làm rách gió vậy, bài thơ của ông khiến người ta tưởng như nặng nề đã đổi chiều, họ không nín nổi cười, nhưng thực ra cái mà ông viết chính là sự thông dong thư thái của nhà thơ, đương nhiên trong đó tất có chứa chất sự khinh miệt đối với những kẻ quyền thế, thích dương oai.

[1] Nghĩa là: Trống phủ rộn kinh người, mặt trời nghiêng xuống núi, hoàng tuyền không quán trọ, đêm nay nghỉ nhà ai?

Đến triều Minh, năm Thái Tổ, nhà thơ Tôn Phần đề một bức họa tặng cho Lam Ngọc, khiến Chu Hồng Vũ không vừa lòng, cho rằng lập trường của Tôn Phần có vấn đề, giáng chỉ lệnh chặt đầu ông. Trước khi chết AQ có hô khẩu hiệu hay không không quan trọng, nhưng không thể trở thành nhà thơ khâm phạm của triều đình được, bởi Thái tổ quá anh minh, không nói gì, hóa ra lại là nhạo báng người. Vậy thì hô “vạn tuế”, hát “hoan lạc tụng” đi, nói cũng chỉ là những lời nói không thật lòng, mang ý đả kích, nó còn ác độc hơn khi hô “lật đổ”. Thế là ông học Khổng Phu Tử, nói những gì người xưa nói, chứ không dùng của mình, hai mươi chữ của Giang Vi[2], ông xin “mượn tạm” một nửa, nói rằng: “Đà cổ tam thanh cấp. Tây sơn nhật tụng hà. Hoàng tuyền vô khách xá. Kim nhật túc tỳ gia.”

[2] Giang Vi là nhân tài một thời, nhưng vận mệnh của ông không được may mắn, không chỉ phải chịu án chém đầu mà tất cả những bài thơ do ông sáng tác đều bị đốt hết. Ngoài cái đầu thì ngay cả những thứ như Bồng trúc đâm xiên mặt nước trong. Quế hương lay động ánh trăng non cũng bị người ta cướp sạch, điều đó lại càng khiến Giang Vi thêm nổi tiếng.

Sau khi quan giám hình đã lo cho nhà thơ Tôn lên đường xong xuôi, Thái Tổ còn hỏi Tôn Phần có điều gì muốn nói trước khi bị hành hình không, quan giám hình báo cáo lại y nguyên như vậy, không ngờ Thái Tổ tức giận nói: “Có thơ hay vậy mà không tấu, thế là thế nào?” Có phải ông ta tức giận quát: “Mau trả lại nhà thơ Tôn Phần cho ta!” điều này không cần nói cũng biết, và thực sự ông ta đã lệnh chặt đầu viên quan giám hình. Thái Tổ miệng nói bài thơ này hay, nhưng chắc ông ta không có ý định lấy bài thơ này làm bản mẫu cho lớp thơ phong mới, bài thơ đó chẳng qua chỉ là mượn đề mục để đùa cợt với quyền thuật một chút mà thôi. Hiệu quả của quyền thuật là, những tên nô tài phạm tội sau này cứ nhắc đến việc này là họ nói, thực ra Thái Tổ rất yêu quý thành phần trí thức.

Đứa con trai ruột ăn chơi của Vạn Tuế gia càng không quan tâm tới chuyện đó, chỉ nói câu của nhà thơ Tôn Phần: “Hoàng tuyền không khách xá”, lúc đó nếu trau chuốt một chút, thì dù có là người đứng đưng cũng phải cảm thấy đau đơn. Thử nghĩ, cây đao sáng lóe trên tay tên đao phủ, chỉ cần hạ xuống là đã đưa nhà thơ từ pháp trường sang một thế giới khác, chỉ thấy có một vùng cỏ hoang ngút trời, sương đêm tứ phía bốc vây, chẳng phải nói người đứng đất lạ, mà có khi đến một bóng quỷ cũng chẳng nhìn thấy. Lúc đó, không cần nói đến trạm đón khách hay nhà nghỉ, mà muốn tìm một nhà vệ sinh rách nát chắc cũng khó.

Thế là lại nghĩ tới vấn đề nhà ở khi các hồn ma xuống âm phủ.

Dưới thuyết địa ngục và thuyết luân hồi của Phật giáo, các hồn ma không quan tâm đến vấn đề nhà ở, đương nhiên, người lạc quan cũng cố gắng hiểu ở đó là “chế độ ăn ở bao cấp”. Dưới thể chế ấy, nơi quy tụ của các vong hồn sau khi thanh toán tất cả mọi tội lỗi và phúc phận được tích dồn khi còn sống chính là sáu đường luân hồi. Diêm phủ là “vùng đất sinh tử luân hồi, là cửa khẩu qua lại giữa hai giới âm và dương”, đi đi lại lại, đón đón tiễn tiễn, các vong hồn đi vào Diêm phủ đều tự mình sắp đặt tất cả, cũng không cần thiết phải thu xếp nơi ở lâu dài. Nếu theo cách nói quen thuộc của Phật giáo dân gian Trung Quốc, địa ngục chỉ là một cơ quan của Diêm phủ, cũng giống như giam ngục được thiết kế bên dưới các nha phủ, vậy thì do tất cả các vong hồn đều bị giam vào đại lao, đồng thời tuyệt đối không cho phép người thân, bạn bè tới thăm nom, nên họ cũng không cần thiết phải lo lắng bên ngoài địa ngục có nhà trọ hoặc nhà ở hay không.

Nhưng trong vấn đề này, ý thức về âm phủ mà quan niệm đạo đức bản địa của Trung Quốc ủng hộ lại rất ngoan cường. Cụt Tri Đường trong quyển Thuyết vô quỷ từng nói rằng: “Ở Trung Quốc, khi nói đến “thuyết thần diệt” người ta còn có thể chịu yên, cái quan trọng ở đây là “thuyết vô quỷ”, bởi nó không thuộc về tôn giáo, nhưng vẫn là vấn đề về luân lý, nói “không có quỷ” chính là không công nhận tổ tông linh thiêng, tức là liên quan đến việc bất hiếu.” Câu chữ không nhiều nhưng rất sắc xảo, rất nhiều các bậc đại Nho gặp phải vướng mắc khi phải lựa chọn trong mơ hồ về vấn đề thần quỷ, do đó họ đã nhận lấy lưỡi dao để giải thoát ỉn. Quan điểm “vô quỷ” là bất hiếu, nói thẳng ra là không nhận tổ tông. Tương tự, nhận tổ tông rồi nhưng lại không lo xem tổ tông có chỗ trú ẩn hay không, như vậy chẳng phải bỏ rơi ông bà, bố mẹ ở nơi hoang vu hay sao? Vì thế, dù là các đệ tử Phật giáo hay các tín đồ Đạo giáo có biên soạn ra các loại sách thánh hiền thì người thân của người đã chết vẫn phải làm lễ siêu độ vong hồn, để tổ tiên sớm được hóa kiếp, như mỗi khi Tết đến xuân về, người ta vẫn phải cúng tổ tiên, vẫn phải đi tảo mộ, vẫn phải sửa từ đường, vẫn phải hóa tiền giấy... Xuất phát từ lòng hiếu thảo, họ phải tin rằng người thân của mình đang sống thoải mái dưới âm phủ. Chữ “hiếu” trong Nho giáo Trung Quốc vẫn phát huy được tác dụng chủ đạo trong văn hóa âm phủ. Như vậy, người đời không thể không lo cho cuộc sống của những người quá cố dưới âm phủ, và việc trước tiên họ cần làm đó là sắp xếp ổn thỏa việc ăn ở cho người đã khuất.

2

Xét từ góc độ của các hồn ma, chỗ ở của họ dưới âm phủ mới là “thực thể”, nhưng “thực thể” này lại không thể tách rời khỏi cái “hiện tượng giả” của người trần, đó chính là mộ phần, lăng tẩm, hoặc từ đường, miếu thần... Từ đường, miếu thần chỉ phù hợp cho những hồn ma của bậc vương công đại nhân, còn theo “những hiểu biết thể tục”, từ đường, miếu thần là nơi các vong hồn nhận hưởng sự thờ cúng, ăn uống xong, họ còn phải trở về lăng tẩm nghỉ ngơi. (“Những hiểu biết phi thể tục” về từ đường, thần miếu, xin xem phần Phụ ký ở cuối sách này). Nói tóm lại, mỗi hồn ma đều cần có một phần mộ ở dương gian, như vậy mới có thể bảo đảm chỗ ở tương ứng của họ ở dưới âm phủ. Nhưng tất cả mọi việc đều có trường hợp ngoại lệ, những hồn ma lang thang chết không chỗ chôn giống như những kẻ vô gia cư tại chốn dương gian, một ngôi mộ hoang cũng là mong muốn xa xỉ của họ. Tuy nhiên, dù là cô hồn, hồn ma lang thang cũng đều mong muốn có một chỗ trú thân ổn định, vì thế trường hợp “ngoại lệ” này thực ra vẫn không tách rời những phần mộ cho các vong hồn nương tựa.

Chỉ cần linh hồn không bị tiêu tan vào hư không thì họ nhất định cần một nơi để gửi gắm. Quan niệm truyền thống của Trung Quốc cho rằng, linh hồn chết đi sẽ ám vào hài cốt, nếu hài cốt nằm trong mộ thì vong hồn cũng sẽ nằm trong mộ. Bởi mộ phần chính là nhà của họ, vong hồn của tổ tiên tuy xa cách âm dương với con cháu, nhưng nơi họ ở lại rất gần. Thế là dù nhận hưởng sự thờ cúng hay phù hộ cho con cháu, tất cả đều rất tiện cho họ. Nếu người chết ở nơi đất khách quê người, vậy cần phải nghĩ cách để đưa hài cốt của họ trở về quê hương. Những câu chuyện kể về việc con cháu vượt ngàn dặm xa xôi đi tìm kiếm người thân, hoặc đi tìm hài cốt của người thân đều được đời đời ca ngợi, đó cũng là việc bắt nguồn từ quan niệm này. Giả như chết ở nơi chiến trường, hơn nữa lại chết ở bên ngoài biên giới, không những không tìm thấy xác, mà có tìm thấy thì cũng chẳng thể phân biệt được đâu là người nhà, lúc đó chỉ có một cách duy nhất, đó là xây một ngôi mộ giả tại quê nhà, sau đó chiêu hồn về mai táng. Trương Đế thời Đông Hán có

bài chiếu văn như sau: “Cha chết phía trước, con chết phía sau. Phụ nữ chân yếu tay mềm đứng nơi pháo đài, đứa bé mồ côi gào thét bên đường. Mẹ già vợ góa, xây mộ hờ thờ, nước mắt tuôn rơi, mong sao vong hồn nơi sa mạc tìm đường trở về, thật đau xót thay!” Có thể giải thích một chút, “đau xót” ở đây chính là để chiêu những vong hồn đang lang thang “nơi sa mạc” “trở về”. Tóm lại, linh hồn của người đã khuất phải được yên ổn trong mộ. Bởi linh hồn cũng cần có một ngôi nhà, chỉ ở đó linh hồn mới được sống một cuộc sống như người thường. Lục Cốc trong Thanh dị lục có viết: “Chỗ đất mai táng gọi là nhà của vong hồn.” Điều này chứng tỏ mộ phần chính là nơi cư trú của các vong hồn.

Những câu chuyện về vong hồn ở mộ được gặp nhiều trong các quyển tiểu thuyết thời Ngụy Tấn, trong đó tiêu biểu nhất chính là câu chuyện về con gái Ngô Vương tên Tử Ngọc trong Sưu thần ký của Can Bảo. Tử Ngọc và chàng thanh niên Hàn Trọng yêu nhau, tự hẹn ước sẽ thành vợ chồng. Hàn Trọng theo học Tề Lỗ, trước khi lên đường, bố mẹ chàng mang lễ vật tới nhà Ngô Vương cầu hôn, nhưng bị bên nhà Ngô Vương cự tuyệt. Sau khi biết chuyện, Tử Ngọc uất ức mà chết, xác nàng được mai táng bên ngoài cổng làng. Hàn Trọng trở về, biết Tử Ngọc đã chết, chàng vô cùng đau đớn, nước mắt tuôn rơi, mang tiền cày tới mộ cúng khấn. Lúc này, vong hồn của Tử Ngọc “bỗng xuất hiện bên cạnh mộ”, rồi nàng mời Hàn Trọng vào trong mộ, “hai người ăn uống cùng nhau, bên nhau ba ngày ba đêm, hoàn thành xong lễ kết vợ chồng.” Có thể ăn uống, có thể cùng chung chăn gối, ngôi mộ đó không chỉ có vong hồn ở được, mà cả người sống (hồn sống) cũng ở được trong đó.

Nhưng nghe nói chính Can Bảo cũng đích thân được trải nghiệm nó. Trong Sưu thần hậu ký, Đào Tiềm, người đời Tấn đã ghi lại câu chuyện về cha ruột của Can Bảo, nói rằng sau khi chết cuộc sống dưới mộ của ông không khác gì người thường. Câu chuyện không hề bịa đặt, bởi có người làm chứng. Hóa ra vị lão tiên sinh này lúc còn sống có một người thiếp, ông rất yêu chiều bà, vợ cả của ông liền đem lòng đố kỵ. Lúc chồng còn sống, bà ta giữ gìn đức hạnh, không cho ai biết mình đang đố kỵ, bây giờ chồng đã chết, khi sắp được đưa đi chôn, bà nói một câu như rất quen thuộc “đưa đến nghĩa địa chôn cùng”, bà ta đẩy người vợ bé xuống mộ rồi chôn sống người đó. Khi đó anh em Can Bảo còn nhỏ, mười năm sau, bà vợ cả cũng qua đời, Can Bảo đưa mẹ đến chôn cùng với cha, nhưng khi mở phần mộ của cha ra, anh ta phát hiện thấy người vợ nhỏ vẫn đang nằm sấp trên nắp quan tài, và kỳ lạ là bà vẫn còn thở. Can Bảo dùng xe đưa bà vợ bé của cha về nhà, chăm sóc một ngày bà mới tỉnh lại. Bà kể về cuộc sống của bà với chồng trong mộ, nói hai ông bà “ăn uống cùng nhau, ngủ cùng nhau, ân tình như khi còn sống”. Trong Tấn thư - Can Bảo truyện cũng nhắc tới sự việc này, còn nói một câu “dưới âm phủ chuyện đó không có gì là xấu hổ cả”. Hơn mười năm, đến thứ tùy táng trong mộ cũng mục nát cùng thi thể, nhưng sở dĩ người vợ bé đó “không thấy xấu hổ” là vì bà đã cảm nhận được một thế giới khác, tất cả những đồ dùng, nhà ở đều không có gì khác với dương thế. Những thứ đó người sống không nhìn thấy, nhưng người vợ bé đó có thể đã bị ám một chút quỷ khí, nên bà có thể nhìn thấy những thứ mà chỉ ma quỷ mới nhìn thấy. Sau khi sống lại, năng lực siêu nhiên của ma quỷ trong bà cũng chưa hoàn toàn tiêu tan, vì thế bà còn có thể dự đoán cho người ta về những điều lành, điều dữ sẽ xảy ra, và tất cả đều rất linh nghiệm.

Trong Sưu thần hậu ký còn có một chương kể về Phạm Khải đi tìm mộ người mẹ đã chết, ông chỉ thấy “những ngôi mộ nằm san sát nhau, rất khó phân biệt, không biết đâu là mộ của mẹ mình”. Thế là ông tìm đến một người có thể nhìn thấy ma, người này đến chỗ bãi tha ma, nói có người trong mộ mặc quần áo, trang điểm như thế này như thế kia. Phạm Khải nghe thấy thế có vẻ đáng tin, bèn đào ngôi mộ đó lên, bên trong chỉ thấy một bộ áo quan rách nát, đất bám dày hàng tấc. Đang chần chừ không biết làm thế nào thì ông nhìn thấy một viên gạch bên trong chỗ đất đó, bên trên có khắc vài chữ “Phạm Kiên chi thiê” (Vợ của Phạm Kiên). Như vậy, người nhìn thấy ma kia đã nhìn thấy vong hồn bà mẹ Phạm Khải, tuy người bình thường chỉ nhìn thấy hài cốt bên trong ngôi mộ hoang, nhưng thực ra vong hồn đó lại mặc quần áo chỉnh tề, sống trong một ngôi nhà lớn khang trang dưới lòng đất.

Người Nam Triều từng nói như vậy, người Bắc Triều cũng nói như vậy. Trong quyển Đông Hoàng thực lục của Lưu Bính, người thời Bắc Ngụy có kể một câu chuyện như sau: “Sau khi đại tướng quân Bắc Ngụy

Vương Phiền qua đời, ông cùng mấy “người” đánh bài, uống rượu trong mộ của mình. Một tên trộm mộ “không có mắt” đào mộ lên, hấn tròn mắt, chờ người khi nhìn thấy bên trong là cảnh đèn lửa sáng trưng. Vương Phiền sai tùy tùng đưa cho hấn một ly rượu, hấn không dám không uống, nhưng đúng lúc hấn định chuẩn ra ngoài bỗng nhìn thấy một người dắt con ngựa đồng tùy táng đi ra phía cửa mộ. Hóa ra người này đi báo quan phủ, anh ta nhanh chóng đến trước cổng thành, nói với lính gác cổng thành rằng: “Ta là lính của tướng Vương Phiền, hôm nay có kẻ tới đào trộm mộ, ta đã dùng rượu nhuộm đen môi hấn, ngày mai hấn đến đây, hãy kiểm tra rồi bắt lại.” Khi tên trộm mộ đến cổng thành, người lính gác nhìn thấy môi hấn đen xì, liền tóm gọn giải đi. Mộ của Vương đại tướng quân giống hệt như phủ đệ của ông ở chốn dương gian, ở đó linh hồn của ông vẫn tiếp tục cuộc sống hưởng lạc và đầy uy nghiêm.”

Còn mộ phần của người dân thường lại chính là ngôi nhà nhỏ xinh, hàng xóm vẫn thỉnh thoảng qua lại hỏi thăm nhau. Quyển Bắc dị chí của Cốc Thần Tử, người thời Đường có kể câu chuyện của một viên lại huyện Hứa Châu, tên là Lý Trú. Nửa đêm, khi Lý Trú đang đi trên đường, bỗng nhìn thấy trên ngôi mộ bên đường có một cái lỗ to bằng chiếc đĩa, trong đêm, từ khe lỗ đó lộ ra ánh sáng đèn. Ông lập tức xuống ngựa bước tới gần, từ bên ngoài nhìn vào, “thấy năm người phụ nữ mặc trang phục người Hán, họ tụm lại với nhau dưới ánh nến, tay không ngừng khâu vá”. Cảnh tượng đó chẳng khác gì những cô gái thôn quê tập trung lại một chỗ để thêu thùa, vừa tiết kiệm dầu đèn vừa đỡ buồn tẻ. Nhưng Lý Trú đã phá vỡ khung cảnh đó, ông hắng giọng một tiếng, làm các cô gái sợ hãi biến mất, cuối cùng chỉ còn lại một màn đêm dày đặc.

Nếu là một bãi tha ma, vậy thì đó đương nhiên là một làng hoặc một thị trấn. Trong cuốn Thanh tảo cao nghị của Lưu Phủ, người đời Bắc Tống có một chương ghi chép về “nghĩa địa ký”: “Thư sinh Vương Xí, đêm hôm đi qua Từ Châu, trời tối đen như mực, anh ta bị lạc đường. Nhìn thấy phía xa xa có đốm lửa bập bùng, anh ta liền tiến về hướng có đốm lửa để tìm chỗ nghỉ đêm. Quả nhiên tìm thấy một làng nhỏ. Vương Xí xin ngủ nhờ trong nhà một ông lão, hỏi rằng: “Đây là nơi nào?” Ông lão trả lời rằng: “Thôn Tùng. Thôn này do một nhà giàu lập nên.” Ngày hôm sau, Vương Xí cáo từ, đi được một quãng thì gặp một người nông dân, lại hỏi: “Chỗ này đi từ bắc sang tây khoảng năm lý, có một làng nhỏ có chợ búa, nhà cửa, đó là chỗ nào?” Người nông dân trả lời: “Chỗ đó là bãi tha ma, không có nhà cửa, chợ búa gì cả.” Vương Xí giật mình nhớ lại việc đêm qua mình ngủ trong nghĩa địa, nằm giữa đám mộ mà không hề biết mình đang ở đâu. Có thể thấy, khi màn đêm buông xuống, những bãi tha ma không chỉ là nơi trú ngụ của ma quỷ, mà còn có thể biến thành thị trấn, làng mạc trong mắt người dương. Những câu chuyện như thế tồn tại không ít và được ghi chép lại trong các cuốn sách sử, nhưng vẫn không làm cho người ta cảm thấy thỏa mãn, có lẽ bởi chúng cũng chỉ là những sự việc ngẫu nhiên, không thường xuyên xảy ra.

Cũng chính quan niệm này đã gợi ý cho tầng lớp thống trị trong xã hội phong kiến dùng những cách vô cùng tàn nhẫn và vô nhân đạo để đối với những ai chống đối chúng. Ngoài việc dồn kẻ thù vào chỗ chết, chúng còn phải đào hết mộ phần tổ tiên của họ lên, mang xương cốt vứt đi hết. Nếu vẫn cảm thấy chưa thỏa mãn, chúng còn đào một cái hố sau ngay trên chính mộ phần đó, rồi đổ đầy nước thải, ném thêm xác chó mèo chết vào đó, như vậy sẽ đuổi hồn ma ra khỏi mộ phần, từ đó không còn chỗ dung thân nữa. Qua đây có thể thấy, việc chu di cửu tộc đối với những kẻ phản loạn vẫn không thỏa mãn được lòng dạ độc ác, thói tàn nhẫn của các vị hoàng đế ngày xưa, mà họ còn thực thi triệt để những biện pháp trừng phạt tàn nhẫn đến cực điểm, không chỉ khiến cho kẻ thù đoạn tử tuyệt tôn mà ngay cả tổ tiên đã mất của họ cũng không chịu được tha.

Nhân đây cũng xin đưa ra một quan niệm khác cũng liên quan đến nơi trú ngụ của các linh hồn, nơi đó được mang tên “địa phủ”. Đây là một nơi đồ hội sầm uất, và trung tâm là đám nha môn của Diêm Vương. Nơi đó không có sự xuất hiện của những ngôi làng, những mảnh vườn, hay những cánh đồng lúa bao la, bước vào địa phủ là chúng ta bước vào một cuộc sống mới, khiến cho người ta cảm thấy dường như đó mới chính là cuộc sống lý tưởng của mình. Tác gia nổi tiếng thời Tống, Lưu Nghĩa Khánh, trong cuốn U Minh ký có ghi lại một câu chuyện mang màu sắc Phật giáo rất rõ nét: “Ở huyện Ba Bắc có một thầy pháp sư tên là Thư Lễ bị chết, được thần Thổ Địa áp giải đến Quân sở phủ Thái Sơn. Trên đường đi, hai bên đường đều

là nhà cửa, đêm sơ sơ cũng phải hàng nghìn ngôi nhà, “giai huyền trúc liêm, màn trời chiếu đất, nam nữ ở hai khu phân biệt. Người ca hát, kẻ ngâm thơ, vui vẻ vô cùng”. Những người sau khi chết lại được sống một cuộc sống vui vẻ, ấy đều là các tín đồ Phật giáo, nhưng thầy pháp sư kia lại không nằm trong số đó nên đành chịu sự áp giải của đám đầu trâu mặt ngựa đi hành hình. Niềm vui bất tận của các linh hồn đó chỉ đơn giản là ăn cơm rồi tụng kinh, tụng kinh rồi lại ăn cơm, còn về cuộc sống của họ thì đương nhiên không tồn tại khái niệm “gia đình”, vì nam nữ không được phép chung đụng. Đến đây lại khiến người ta nhớ đến chế độ Thiên triều của Hồng Tú Toàn với hai cung phân biệt, Nam Cung và Nữ Cung, hóa ra đây cũng không hẳn là những dị giáo hoang đường, mà trong quan niệm dân gian Trung Quốc từ lâu đã mơ ước về một cuộc sống như thế.

Nhưng nếu tưởng rằng sự xuất hiện của các khu ở tập thể nơi âm phủ đó là do chịu sự chi phối của chế độ tăng lữ từ các tự viện thì cũng không hoàn toàn đúng. Tác gia đời Đường, Đới Phu trong Quảng dị ký có ghi chép về “Kiềm nhĩ Hàm Quang”, kể rằng vợ của Ngôn Hàm Quang chết khi còn rất trẻ, một lần lên chùa Trúc Sơn bái Phật, chàng tình cờ gặp được âm hồn của vợ mình là Lục Thị. Hai người gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Chàng liền hỏi thăm tình hình của vợ, Lục Thị chỉ tay bảo chàng nhìn sang hướng bắc, thấy có một tòa thành lớn, đó chính là nơi ở của Lục Thị sau khi chết. Sau khi vào thành, “phòng ốc tráng lệ không khác gì những tòa nhà lộng lẫy chốn nhân gian. Bên cạnh có một ngôi viện, trong viện đi về phía tây có mười gian phòng, Lục Thị sống ở căn phòng thứ ba”. Hai người chia tay nhau, ngày hôm sau Hàm Quang lại đến thăm vợ. Không ngờ ngồi còn chưa ấm chỗ thì một vị sử quan mặc áo gấm dẫn theo chục người hầu xông vào trong viện. Lục Thị vội vã bảo Hàm Quang chui xuống gầm giường để trốn. Nàng lắng nghe, thấy bên ngoài có tiếng hét lớn: “Lục Tứ Nương!” Lục Thị vội vã chạy ra. Lúc này trong viện đang có tất cả hai mươi tám cô gái, viên quan liền sai thuộc hạ giật hết búi tóc của họ ra, trói hai người một lại với nhau, ném vào nồi nước đang sôi sùng sục, cứ thế đun cho đến khi lửa tắt, đám quan sai mới rời đi. Các cô gái sau khi chịu xong hình phạt, liền lảo đảo ai về phòng người nấy. Có lẽ các bạn có thể nhận ra, đây cũng được coi là một khu nhà tập thể, nhưng nói một cách chính xác hơn, chỗ này không khác gì một khu trại giam nữ.

Vì thế, địa phủ, thực ra chỉ là sự cải tạo, thay đổi từ nhà ngục trần gian của Trung Quốc đối với thuyết địa ngục của Phật giáo mà thôi. Địa ngục Thái Sơn quả thật là quá tàn khốc, trong tưởng tượng của tôi, nơi đó có những lò lửa cao ngất, san sát như rừng rậm, lửa trong lò lúc nào cũng đỏ rực, khó mù mịt khắp nơi, các linh hồn cứ lần lượt nối đuôi nhau vào trong lò chịu hình phạt, khắp không gian ngập tràn những tiếng la hét, khóc than đau đớn. Cho nên, đôi lúc chúng ta cảm nhận được kiểu nhà tập thể này cũng đầy áp bức tình người, chỉ có điều các linh hồn không được tự do mà còn phải chịu sự giáo dục của quan sai, bị nấu trong lò lửa, đúng như ông A Tolstoy, người từng giành giải thưởng Stalin đã nói: “Nếu được ngâm trong nước tinh khiết ba lần, tắm trong máu ba lần, nấu trong nước muối ba lần thì chúng ta sẽ trở nên sạch sẽ đến mức không thể sạch sẽ hơn được nữa.” Nhưng nàng Lục Thị đã được nấu trong lò lửa nửa năm nay, tính ra cũng đã hơn một trăm lần mà vẫn không hết được tội nghiệt, nguyên nhân chỉ là vì trước lúc chết nàng đã quên viết bộ Kim quang minh kinh. Đối với những tôn giáo tà ma như vậy, chúng ta không tin cũng chẳng sao. Vì thế, dân chúng vẫn mong muốn để cho những người thân quá cố của mình được sống trong các ngôi mộ, là ngôi nhà dành riêng cho họ, cho dù như vậy sẽ không có cảnh gia tộc đoàn viên như trong các câu chuyện.

3

Căn cứ để cho rằng mộ là nơi cư trú của các linh hồn chính là bởi các linh hồn trú ngụ trong hài cốt. Hài cốt của người chết ở đâu thì vong hồn của họ ở đó. Nếu người chết không được mai táng, vậy thì linh hồn của họ cũng sẽ theo hài cốt phiêu bạt khắp nơi. Hiện tượng này xuất hiện rất nhiều ở thời cổ đại, như trường hợp bị hổ báo, thú dữ ăn thịt, mất tích, chết ngoài chiến trường, chết trong chiến tranh loạn lạc, bị nhấn chìm bởi những cơn đại hồng thủy hay bị chôn vùi dưới các lớp đất đá... Đây đều là lý do khiến người chết mà vong hồn không có chốn nương thân. Còn những người chết mà không được mai táng, linh hồn sẽ lang

bạt khắp nơi giống như những nạn nhân đi tha hương cầu thực vậy, không chỉ làm những người thân trong gia đình cảm thấy bất an mà còn khiến người đi đường cũng cảm thấy xót thương, trật tự trị an ở nơi đó cũng vì thế mà thêm phần phức tạp.

47. Chương 16 - Part 2

Tác gia Đường Dật Danh cũng đã ghi chép về các vong hồn vì phải phục dịch tòng quân mà chết thảm nơi đất khách quê người, thỉnh thoảng may mắn kiếm được bữa no nhờ sự thương hại của những người qua đường.

Khai nguyên lục niên, có người bơi thuyền qua sông Hà Mi, thấy có một xác khô bên bờ sông thì đặt cho ít đồ ăn, sau đó liền nghe văng vẳng bên tai tiếng cảm ơn, và thơ rằng: “Ngã bản Hàm Đan sĩ, chi dịch tử vu Hà Mi, bất đắc gia nhân khóc, lao quân hành lộ bi.”[3]

[3] Dịch thơ: Tôi đây là tráng sĩ Hàm Đan, chết trận trên sông Hà Mi. Không được tiếng khóc tiếc thương của người thân, vất vưởng nhờ chút lòng thương của người quân tử qua đường.

Đời nhà Tống trong cuốn Triệu Khang Thanh công vấn kiến lục có ghi lại việc u Dương Tu bơi thuyền qua sông Hán Giang, “đêm khuya tĩnh mịch vắng nghe có tiếng khóc, tiếng ca làm náo loạn cả khúc sông”, nhưng khi đến gần thì âm thanh lại im bật. Hỏi người làng, chỗ này có nghĩa địa không? Đều trả lời là không. Đi được hơn một dặm thì gặp tòa thành cổ được xây dựng từ thời Chiến Quốc, có tên là Miện Thành. Những u hồn tử sĩ đã lưu lạc ở đây từ hơn nghìn năm nay.

Đổng Cốc, người đời Minh đã ghi chép về chuyến đi Nam Kinh của mình trong cuốn Bích lý tạp tòn rằng: “Trên đường đi có quá nhiều thứ quỷ quái, khiến người qua đường không dám đi”. Những hồn ma chết trận thời xưa đều biến thành quỷ hoang, giống như một lũ thổ phỉ, trải qua hàng nghìn năm vẫn không siêu thoát, ngày đêm quấy nhiễu cuộc sống của người dân. Chu Nguyên Chương định đô ở Nam Kinh, quyết định này của ông không được sáng suốt cho lắm, thiết nghĩ đám đại quân tử kia khi thấy các tú tài thì khí nóng trong xương tủy lại càng mãnh liệt, càng quấy nhiễu nhiều hơn.

Bất luận thế nào thì những hồn ma hoang dại, không nơi nương tựa cũng luôn là nỗi ám ảnh của những con người chốn dương gian, tuy nhiên vẫn có một số ít ngoại lệ. Sưu thần hậu ký có ghi chép về đội thuyền nhạc đi theo chiến quân của Tào Tháo bị chìm ở cửa Nhu Tu, u hồn đội nhạc kỹ từ đó mãi mãi được ngao du trên sông Giang Phủ, cũng giống như giếng Yên Chi trên núi Kê Minh ở Nam Kinh, từ đó nơi đây trở thành một thắng cảnh nổi tiếng với cảnh sắc nên thơ, tráng lệ. Trên mặt sông lúc nào cũng nghe du dương tiếng đàn, tiếng sáo, lẫn trong mây nước là tiếng chèo thuyền của đoàn công Tào Công, thỉnh thoảng lại có tiếng quẫy của người cá, khi hoàng hôn buông xuống hay lúc đêm về thì tiếng đàn, tiếng sáo nghe lại càng du dương, thánh thót.

Hơn hai trăm năm trôi qua, trải qua bao thăng trầm lịch sử, thời đại cũng đã đổi thay, nhưng vẫn giữ được kiểu cách “quan thuyền”. Tào Mạnh Đức thất bại trên cửa sông Nhu Tu, biết bao nhiêu chiến thuyền đã gửi

lại trên sông Trường Giang này, chỉ riêng những tướng sĩ bị nhấn chìm ở nơi đây đã lên đến mấy nghìn người, và từ đó họ không tan biến vào hư vô, không có những câu chuyện văn thơ làm chủ đề đàm đạo cho các hương thân phụ lão mỗi khi trà dư tửu hậu. Đều là những kẻ vô tội phải vùi thân dưới đáy Trường Giang, nhưng cái chết của các tướng sĩ và đội nhạc kỹ lại có những ý nghĩa khác biệt rõ rệt, thật khiến người ta cảm khái. Sự đảo lộn giá trị của người đời có lẽ cũng từ đó mà ra. Lại nhớ đến loạn An Sử, sau khi loạn An Sử nổ ra, hài cốt của người dân và quan binh vẫn phơi sương phơi gió ngoài đồng hoang, những cung nữ già liềm học theo các nghệ nhân xưa, bắt đầu lưu truyền những câu chuyện kỳ quái nơi tam cung lục viện, những câu chuyện lấp lánh sắc màu quỷ quái, hư hư thực thực, nhưng dưới con mắt của kẻ nô tỳ thì tất cả đều vô cùng vĩ đại. Vậy là người nghe liền bị mê hoặc bởi những câu chuyện kỳ quái, tất cả những đau khổ đều tan biến, trận bạo loạn đảo lộn đất trời, với hàng ngàn, hàng vạn xác chết cũng bị một bàn tay vô hình che kín. Cho đến hàng trăm, hàng nghìn năm sau, những câu chuyện như thế vẫn chưa thể kết thúc.

Nhưng nói cho cùng, nếu chúng ta lo lắng, quan tâm đến các cô hồn thì hãy an táng hài cốt của họ thật chu đáo, để linh hồn của họ có nơi an nghỉ, hơn nữa, hầu hết các hồn ma đều mong mình được trở về với đất. Người xưa sau khi chết đi đều được an táng trong khu mộ riêng của gia tộc mình, còn những kẻ chiến bại trên sa trường thì đành chôn mình nơi đồng nội, không được trở về bên cạnh phần mộ của tổ tông, chết mà không ai phúng viếng, nhưng vẫn phải dùng xe ngựa thô sơ kéo về, kiếm cho họ cỗ quan tài nhỏ làm chỗ an thân, cũng có nghĩa là không cho họ quyền công dân nhưng cũng không được cướp đi quyền sinh tồn của họ. Vương Sĩ Trân, đời nhà Thanh có đoạn ghi chép về Lâm Tứ Nương trong Trì Bắc ngẫu đàm. Lâm Tứ Nương là cung nữ đời nhà Minh, sau khi triều Minh sụp đổ, vong hồn của cô phiêu dạt trên đất Bắc, đau thương kể lể nỗi ưu phiền của những u hồn lang thang. Cư sĩ đời Thanh, Thung Nột trong quyển hai, cuốn Chỉ văn lục có đoạn kể về “Trịnh tú tài”, có người thương nhân họ Ngô bị bọn cướp giết chết ngoài biển, vong hồn của ông liền hiện về, than thở rằng: “Tuy hài cốt tôi đã chìm dưới đáy biển sâu nhưng linh hồn này vẫn luôn hướng về nơi quê cha đất tổ.” Thử hỏi rằng, nỗi lòng nhớ quê hương, nhớ thương người thân da diết ấy có khác gì với cuộc sống của người trần!

Đối với những hồn ma phiêu dạt tha hương thì phải đưa họ trở về quê hương bản xứ, chỉ cần di dời hài cốt của họ trở về quê hương thì vong hồn của họ tự khắc cũng sẽ trở về với họ tộc. Đây được gọi là “lữ quỷ tùy hài phản hương”.

Đới Phủ, người đời Đường đã ghi lại chuyện đi cùng cha về nhậm chức ở Mật Châu trong cuốn Quảng dị ký, trong mơ ông thấy mình làm quen với một cô gái, ngày hôm sau lại mơ thấy cô gái đến từ biệt, giọng nói đầy vẻ thê lương: “Thiếp là con gái Trương sử trước, chết ở phía đông nam thành. Anh trai thiếp ngày mai sẽ đến đón thiếp về an táng, ngày cuối cùng đến đây vĩnh biệt chàng, trong lòng quả thật vạn phần không nỡ!” Hài cốt được đưa về quê hương, vong hồn cô gái từ đó cũng không quay lại nữa, tuy tình cảm với người thương vẫn còn bịn rịn không nỡ xa rời, nhưng không còn cách nào khác, không muốn đi cũng không được.

Những lữ quỷ gửi thân nơi đất khách, mặc dù bị trói buộc bởi chính hài cốt của mình, không thể tự trở về quê hương, nhưng thỉnh thoảng cũng có thể về nhà thăm tình hình của cha mẹ, người thân. Những câu chuyện về các vong hồn có thể vượt ngàn gian khó về thăm gia đình cực kỳ hân hữu, cho dù mình giới không có ràng buộc gì, nhưng vẫn có rất nhiều điều bất tiện. Hồng Mai trong quyển mười lăm Di kiên bính chí có đoạn kể về “thiếu phụ Nguyễn Lâm Châu”, nói rằng, những hồn ma từ nơi khác đến đều phải chịu sự quản giáo tạm thời của thổ thần địa phương, giống như thi thể của thiếu phụ họ Nguyễn được thác gửi nơi cửa Phật, chịu sự quản thúc của hộ pháp trấn giữ cửa chùa, “tuy có thể về nhà bất cứ lúc nào, nhưng khi có tiếng chuông sớm hoặc chuông chiều đều phải tức khắc trở về nhận lệnh, khổ cực vô cùng”. Họ được đối xử như phạm nhân vậy. Vì thế, cho dù có phải hỏa thiêu hài cốt thành tro bụi cũng nên nhanh chóng đưa họ về an táng tại quê nhà.

Thanh Thành Tử, người nhà Thanh trong tác phẩm Chí dị tục biên của mình có đoạn bàn về thuyết “hài

cốt là nơi cự ngụ của vong hồn” đã giải thích rằng, có một điều khá thú vị mà rất ít người biết là, nếu hài cốt hóa thành hư vô thì âm hồn tự nhiên cũng theo đó mà tan biến.

4

Mộ phần tuy có quy mô và kiểu cách khác nhau, nhưng tất cả các ngôi mộ đều có một điểm chung là, đều phải đào một cái hố trên mặt đất, đặt quan tài người chết vào đó, rồi lấp đất chôn. Đối với người sống, ngôi mộ đó dù là xây dựng nguy nga như cung điện dưới lòng đất, hay công trình thế kỷ đi nữa, thì nó cũng chỉ có một chỗ có tác dụng, đó là phần giữa ngôi mộ, nơi cất giữ thi thể người quá cố.

Đời Tác, đời nhà Tấn có ghi chép một câu chuyện, một lần đi đêm bị lạc đường, ông nhìn thấy phía xa xa có đóm lửa sáng, dường như có nhà dân, liền chạy thực mạng về phía đó, quả thật là có một ngôi nhà, nhưng đến ngày hôm sau khi tỉnh dậy, bước ra khỏi nhà mới phát hiện đó chỉ là một ngôi mộ. Những câu chuyện tương tự như thế được lưu truyền rất nhiều trong dân gian. Cẩn Đào Tiềm trong *Sưu thần hậu ký* cũng ghi lại rất nhiều những câu chuyện như thế, như huyện sử đời Hán, Ngô Tường vì không chịu nổi những phục dịch hà khắc chốn quan trường liền tìm cách bỏ trốn vào núi sâu. Đi đến một con suối thì trời tối. Đến đây ông gặp một thiếu nữ, liền theo cô về nhà, ngôi nhà chỉ là một túp lều nát. Hôm sau, khi tỉnh giấc chỉ thấy một mình nằm giữa nghĩa địa. Trong *Pháp uyển châu lâm* cũng ghi lại một câu chuyện tương tự, Chu Mỗ người Nghĩa Hưng, đời nhà Tấn cưới ngựa ra ngoài dạo chơi, chưa về đến nhà thì trời đã tối, thấy bên vệ đường có một ngôi nhà cỏ nhỏ, một cô gái từ trong nhà bước ra. Những túp lều rách nát hay những căn nhà nhỏ đơn sơ bên đường đều do những ngôi mộ nhỏ của những người dân lao động khốn khổ, hay những thiếu nữ bạc mệnh hóa thành.

Nếu như bạn lạc vào một khu nghĩa địa lớn, thì những ngôi mộ ở đó tự nhiên sẽ mọc thành những tòa nhà nguy nga tráng lệ. Lưu Nghĩa Khánh trong *U minh lục* có ghi chép, có một thương nhân sống ở thời nhà Ngô, tên Trần Tiên đi đêm, qua một ngôi nhà trống, cổng rộng tường cao, sáng hôm sau nhìn lại hóa ra chỉ là một khu nghĩa địa. Thái bình quảng ký có dẫn một câu chuyện rằng, Hoàng Môn dẫn Trương Vũ đi qua Đại Trạch Trung, trời sẩm tối chợt thấy một ngôi nhà lớn cổng mở toang. Trương Vũ liền lên trước thăm dò, thấy có một nữ tỳ ra hỏi, ông ta liền nghĩ muốn ngủ nhờ qua đêm. Nữ tỳ vào báo xong, liền kêu Trương Vũ vào. Vào nhà, ông ta thấy có một phụ nữ tuổi trạc ba mươi đang ngồi trong màn, xung quanh có đến hai mươi người hầu hạ, y phục vô cùng diêm dúa. Người phụ nữ đó chính là con gái thứ hai của thái thú Trung Sơn nên mới được sống trong ngôi nhà nguy nga với hơn hai mươi kẻ hầu người hạ như thế.

Những câu chuyện trích dân ở trên đều là truyện được những người của Lục triều ghi chép lại. Chuyện xảy ra dưới các đời Hán, Tấn, Tống... đều là các thời đại xa xưa không thể khảo cứu, nhưng có nguồn gốc dân gian đại thể vẫn có những giá trị nhất định. Những câu chuyện như trên đã trở thành một mô típ, vẫn được người đời sau kế thừa như những tiểu thuyết truyền kỳ, quái dị từ Lục triều đến nhà Đường, nhà Thanh. Như Lục Huân, người đời Đường trong *Chí quái lục* có ghi chép về câu chuyện Tôn Thiệu Tổ gặp một nhà dân ven đường, chợt nghe trong nhà vắng vắng tiếng đàn. Đoàn Thành Thúc trong cuốn mười ba *Tây dương tạp trở* kể về câu chuyện Thôi La Thập, người Thanh Hà, đêm khuya đi qua mộ phần của một vị phu nhân, thấy châu môn phần bích, lầu son gác tía. Qua một đêm tình cảm mặn nồng, trời sáng mới phát hiện, hóa ra đây là khu nghĩa địa của một gia đình danh gia vọng tộc. Minh thể vốn dĩ là cảnh tượng của người trần, là nơi diễn lại tất cả những gì xảy ra nơi trần thế. Địa vị, đẳng cấp của các linh hồn được thể hiện rõ ở việc ăn ở. Ở cõi nhân gian có nhà cao cửa rộng, lầu son gác tía, nhưng cũng có những nhà tranh vách đất, lều cỏ đơn sơ, ở cõi âm cũng vậy. Thân phận cao sang hay nghèo hèn lúc sinh thời của các linh hồn vẫn được giữ nguyên ở cõi âm, vì thế mộ phần của họ cũng có những ranh giới, đẳng cấp khác nhau, thậm chí còn có quy định nghiêm ngặt hơn việc xây nhà ở cho người dương thế gấp bội phần. Những quy định cụ thể về việc xây mộ phần đều được ghi chép rất tỉ mỉ trong thể chế lễ pháp của các thời đại. Kích cỡ, chiều cao, chiều dài,

số lượng tượng đá, ngựa đá đứng canh mộ đều được quy định rõ ràng, thậm chí cả những vật muốn chôn theo người chết xuống âm tào địa phủ cũng không được tùy ý sắp đặt.

Những điều này đều không đáng để quan tâm, nhưng người ta vẫn cứ bắt mình phải tin, mộ phần được xây dựng nguy nga hay chỉ là một đám cỏ, không chỉ có mối liên hệ chặt chẽ đến người chết, là ngôi nhà của các linh hồn, mà cũng khiến cho tâm hồn người sống được thoải mái hơn phần nào. Những quan niệm hoang đường này cũng là kết quả của sự bất lực về mặt tâm lý. Người ta không thể xây cho người chết một tứ hợp viện dưới lòng đất, nhưng cũng không đành lòng nhìn người thân của mình bị chôn vùi trong sáu mảnh gỗ, vì thế họ đành dần lòng, tưởng tượng cổ quan tài kia là một khu tứ hợp viện cho người chết, để yên lòng người quá cố cũng là để an ủi bản thân mình. Vì thế, trong Duyệt vi thảo đường bút ký có đoạn, có người khi mai táng cho người chết, lỡ chân đạp vỡ một mảnh ván, đêm mộng thấy bị Thành Hoàng giải đi, nói có người kiện anh ta phá hỏng nhà của họ. Minh chứng thuyết phục nhất cho điểm này là câu chuyện vào thời Ngụy Tấn, kể về việc người sống có thể đến thăm nhà của người đã khuất, thậm chí có thể sống thử một đêm để tìm hiểu cuộc sống cõi âm.

Theo lẽ thường, nơi ở của quỷ là chốn người phàm không thể vào được, cũng như người sống thì không thể vào trong mộ của người đã khuất, vì thế chỉ có phần hồn của người dương mới có thể đến được cõi âm, mà người ta thường gọi là quỷ sống. Như trong Quảng dị ký có phần Hà gian Lưu Biệt Giá, kể rằng Lưu Biệt Giá trên đường đi gặp một người đẹp, liền theo cô gái về nhà. Trần trọc canh thâu, anh ra bắt giắc cảm thấy có điều gì đó khác lạ, nửa đêm nằm trong chăn ấm đệm êm mà toàn thân lạnh toát, cơ thể rã rời, trong lòng thầm nghĩ về những việc kỳ quái đã xảy ra. Sáng sớm hôm sau, vừa tỉnh dậy, cả cô gái và lầu ốc đều tan biến, còn mình đang nằm trong một khu vườn hoang.

Trần trọc cả đêm, chắc chắn Lưu Biệt Giá không chỉ lẩn qua lẩn lại trên chiếc giường nhỏ, nhưng cho dù chàng đã thăm thú những đầu trong ngôi nhà ma quái đó thì ngôi nhà ấy cũng chỉ được gói gọn trong không gian sáu mảnh ván của cổ quan tài, và thể xác chàng Lưu thực chất vẫn nằm trên bãi cỏ hoang, không thể vào trong ngôi nhà âm đó được. Vậy thì cái “chăn ấm đệm êm” mà chàng Lưu cảm nhận được chẳng qua là đám cỏ hoang (ở đây có lẽ là do yếu khí biến thành), nên chàng mới cảm thấy lạnh lẽo, buổi sáng tỉnh giấc, thấy mình đang nằm giữa khu vườn bỏ hoang.

Chương thứ mười lăm trong Duyệt vi thảo đường bút ký có ghi chép việc Mỗ t dẫn vợ đến Cam Châu, đi được khoảng mười dặm về phía đông thì bị lạc đường, đành trú lại ở một trấn nhỏ. Đường xa mệt mỏi, vừa đặt lưng hai người liền thiếp đi ngay. Sáng hôm sau tỉnh dậy, giật mình phát hiện mình đang ở giữa một cánh đồng hoang. Còn người vợ ngủ trong căn phòng khác, không ngờ nửa đêm bị ma nam cường hiếp, sáng ra thấy trên mình không còn mảnh vải che thân, đầu tóc bù xù, quần áo bị mắc hết lên cành cao. Đây cũng là một minh chứng chứng tỏ rằng cơ thể người phàm không thể vào trong mộ phần của người đã khuất. Trong truyện Liêu trai có kể câu chuyện về Trương Hồng Tiệm. Trong truyện có ngôi nhà của gia đình hồ tiên chỉ hiện hình lúc đêm xuống, thực chất cũng là viết theo quy luật này mà thôi. Khi Trương Hồng Tiệm muốn ra ngoài dạo chơi, hồ tiên dẫn đi dẫn lại rằng, đợi khi trời tối mới được quay về. Chàng Trương nghe lời, đi sớm về muộn, trong vòng nửa năm cảm thấy mọi việc đều suôn sẻ. Nhưng một hôm, chàng về nhà sớm hơn bình thường thì chẳng thấy nhà cửa, làng xóm đâu. Đang trong cơn hoảng hốt thì nhà cửa bỗng chốc mọc lên như có phép màu, bản thân chàng không hề nhấc bước mà đã ở trong nhà từ lúc nào không hay. Dường như sự thoát ẩn thoát hiện của ngôi nhà hồ tiên chẳng qua chỉ là sản phẩm của sự hoang tưởng, nhưng đối với con người mà nói, đây chính là một vật thể có thật. Ngôi nhà cõi âm từ hư thành thực, rốt cuộc là sự biến đổi do yếu khí tạo ra khi trời tối, hay chính là sự thể nghiệm đặc biệt của người dương sau khi bị rơi vào trạng thái của các linh hồn? Hư hư thực thực, huyền huyền ảo ảo, cái ranh giới mong manh đó quả thực khó mà vạch ra rõ ràng được.

Vì vậy, hầu hết các câu chuyện ma quỷ đều không có mối liên hệ chặt chẽ với các thực thể, những ngôi mộ

đó không chỉ có người dương mà cả các loài vật thân thiết với con người như lừa, ngựa cũng có thể đăng đường nhập thất, cùng con người trải nghiệm cuộc sống dưới cõi âm. Những câu chuyện như thế ở thời Hán - Ngụy nhiều không kể xiết, cho đến đời Thanh, dân gian đều cho rằng đó là việc đương nhiên, hợp với lẽ thường.

Liêu trai chí dị có một phần kể về Ái Nô, viết rằng, chàng thư sinh được quý mời về làm thầy dạy, chàng mơ hồ không biết mình đang sống cùng quý trong ngôi mộ hoang. Trong một lần tức giận, chàng bỏ ra ngoài lúc trời sắp sáng. Vậy là phu nhân liền sai người hầu “tiễn chàng thư sinh rồi khóa chặt cửa nhà, cánh cửa vừa khép, chàng ta đi được mấy bước thì mặt trời chiếu rọi, mới thấy mình vừa bước ra từ bãi tha man. Chàng nhìn quanh tứ phía, toát mồ hôi lạnh, chỉ thấy sau lưng là một ngôi mộ cổ”. Một ngôi mộ cổ mà người dương lại có thể tự do ra vào, tuy cũng có cửa đóng then cài, nhưng điều này vẫn không hợp với lẽ tự nhiên. Tuy nhìn bên ngoài, đó chỉ là một ngôi mộ cổ, nhưng khi bước vào trong, ngôi mộ lại biến thành phủ đệ gia thế nguy nga, đêm xuống hiện nguyên hình một phủ đệ tráng lệ với cánh cửa lớn khắc hình hai con sư tử ở giữa, khi mặt trời lên thì lại kín cổng cao tường, điểm này thật khiến người ta khó mà lý giải. Có lẽ trong con mắt của người đương thời, điểm này cũng không bị coi là chi tiết vô lý, nhưng câu chuyện vốn dĩ không nên diễn ra theo hướng đó. Đối với ma quỷ, mộ phần chính là nơi ở, chín vì thế mà những đồ gốm sứ được mai táng theo người chết thường là đồ dùng gia đình.

Những câu chuyện ma quỷ ở các đời sau ít nhiều đã có những đổi khác, chú trọng nhiều hơn đến mối liên hệ nghiêm ngặt giữa các tình tiết truyện. Có những truyện với tình tiết diễn ra trong những giấc mơ của người dương thế, có truyện thì đào một lối đi riêng trong hầm mộ để tiện cho sự giao lưu giữa hai thế giới... Mặc dù các câu chuyện có những tình tiết gần gũi hơn với đời thường, nhưng dù thế nào cũng vẫn là những câu chuyện hoang đường, không thể trọn vẹn được. Nhân Trai Thị trong chương ba, Dạ đàm tùy lục kể về câu chuyện của Thiến Nhi: “Thiến Nhi mời chàng thư sinh về tề xá chuyện trò, hai người đi xuyên qua rừng cây từng một quãng thì đến một huyết mộ. Chàng thư sinh bị Thiến Nhi kéo vào trong đó, chỉ cảm thấy cơ thể mình như bị thu nhỏ lại còn một tấc, vào trong mộ cơ thể chàng lại trở lại như bình thường, thấy bốn bức tường đều làm bằng gỗ, sơn tinh xảo, đẹp mắt.” Có thể thấy trí tưởng tượng của tác giả cũng thật phong phú, để chàng thư sinh có thể chui vào huyết mộ, tác giả liền để cơ thể chàng thoát nhỏ rồi thoát trở lại hình dáng cũ. Thực chất điều này cũng do tác giả vẫn chịu lệ thuộc của các sự vật hiện hữu trong thực tế, vì thế có những tiểu tiết chưa hợp lý cũng là điều dễ hiểu.

48. Chương 17 - Part 1

Chương 17: Nhập thổ vẫn không yên

1

Còn nhớ đầu những năm 60 của thế kỷ trước, tôi theo bà nội đến Hương Sơn thăm người thân. Mặc dù triều đình Đại Thanh đã diệt vong từ nửa thế kỷ nay, nhưng ông cụ vẫn giữ túm tóc đuôi sam sau gáy, vì thế mọi người vẫn gọi ông là ông lão đuôi sam. Vừa vào trong nhà, mới chỉ trò chuyện qua loa đôi ba câu, ông lão đã vội vã dẫn bà tôi đi xem một món đồ. Tôi cứ tưởng đó là món bảo bối quý giá gì liền leo theo sau, không ngờ khi bước vào một căn phòng trống đập vào mắt tôi là một cỗ quan tài đen xì đặt ngay chính giữa. Sau đó ông lão giới thiệu một cách đầy tự hào về cỗ quan tài quý giá của mình. Lúc đó tôi không thể nào hiểu nổi vì sao ông lão lại cất giữ trong nhà một thứ xui xẻo như vậy, hơn nữa còn coi nói như báu vật. Sau này tôi mới hiểu ra rằng, quan tài chính là nơi trú ngụ của các vong hồn, cũng giống như ngôi nhà của người sống ở chốn dương gian. Các vị hoàng đế khi vừa kế vị đã lập tức bắt tay vào việc xây dựng lăng mộ

cho chính mình. Trong thời đại cũ, hầu hết các gia đình danh gia vọng tộc đều chuẩn bị trước hậu sự ỳnh ngay từ khi còn sống.

Nếu trong nhà không có sự chuẩn bị trước, vậy thì đành đợi đến lúc đó, người nhà tự lo liệu, nhưng với những người cầu toàn và kỹ tính, cho dù thành hồn ma cũng không yên tâm giao việc hậu sự cho người nhà, mà sẽ tự mình đến nơi bán quan tài để lựa chọn ỳnh một chiếc áo quan. Viện Mục trong chương hai mươi tư của Tử bất ngữ có ghi một câu chuyện, có một cậu con trai đi mua quan tài cho người cha đã khuất của mình, ông chủ tiệm quan tài hỏi: “Đêm qua, tôi thấy có một ông cụ râu tóc bạc phơ ngồi mãi trên một cỗ quan tài trong nhà, khi tôi cầm nến đến gần thì không thấy ông lão đâu nữa.” Nghe tả về tướng mạo người cha đã khuất của anh, thì đúng là rất giống ông lão hôm qua đã đến. Thế là anh con trai liền chọn mua ngay cỗ quan tài hôm qua ông lão đã ngồi. Nhưng câu chuyện này nghe ra có vẻ hơi mờ ám, có lẽ chín mươi phần trăm là thủ đoạn bán hàng của người bán quan tài. Cứ thử nghĩ xem, nếu người chết muốn tự chọn đồ hậu sự ỳnh thì tại sao chỉ đến mỗi hiệu quan tài để chọn áo quan, còn phải đến cả cửa hàng bán đồ khâm liệm, đèn nhang, hoa tươi... Như vậy, có lẽ trần gian của chúng ta đã biến thành chợ quỷ từ lâu rồi.

Tuy nhiên, việc ma quỷ tự mình đến các cửa hàng để mua đồ cũng không phải hoàn toàn không có. Đường nhiên chỉ rơi vào một số trường hợp đặc biệt. Đó là khi trong nhà không có sự chuẩn bị trước, khi chết cũng không có ai mua cho, đến lúc đó có lẽ chỉ còn nước chờ người ta đến thu lượm xác mà thôi. Từ Nhạc, đời nhà Thanh có câu chuyện mua áo quan ghi trong Kiến văn lục như sau: “Những năm cuối đời Sùng Trinh, nạn đói hoành hành khắp Giang Nam, dịch bệnh tràn lan, người chết nhiều vô kể, trong đó Hàng Châu là vùng chịu hậu quả nặng nề nhất. Nhà họ Tiền tổng cộng có bảy người lần lượt chết vì bệnh, lúc đó vì sợ lây bệnh, hàng xóm không ai dám đến phúng viếng. Hôm đó, có một người đến tiệm quan tài đầu làng, hỏi mua bảy cỗ quan tài, nhưng không mang đủ tiền, nên hẹn chủ tiệm cho người mang bảy cỗ quan tài về nhà rồi sẽ trả tiền đầy đủ. Khi về đến cửa nhà họ Tiền, chỉ thấy người đó vào trong hồi lâu mà không thấy ra, chủ tiệm đứng ngoài gọi mấy tiếng liền mà không có ai trả lời, đành đẩy cửa bước vào, thấy bảy thi thể nằm la liệt trong nhà, trong đó có một người chính là người đến hỏi mua áo quan khi nãy, hơn nữa, bên cạnh cái xác đó có một túi tiền, đếm ra vừa đủ số tiền mua bảy cỗ quan tài. Số tiền mua quan tài này là tiền thật. Còn trong Hứa tinh dương di cư đồ bát có nhắc đến câu chuyện xảy ra ở Bắc Kinh trước khi Minh triều bị diệt vong, ma quỷ ào ạt vào thành, gõ cửa nhà dân đòi mua áo quan ỳnh, nhưng tiền chúng dùng chỉ là tiền âm phủ.

Quan tài là nơi trú ngụ của hồn ma, trước khi vào nằm trong đó có lẽ các hồn ma cũng không để ý nhiều đến cỗ quan tài của mình, nhưng qua nhiều năm chôn vùi trong lòng đất, gỗ đá cũng mòn dần, nước mưa thấm qua ván, khiến các hồn ma không thể nào yên nghỉ, cũng giống như mái nhà của con người trên dương thế, nhiều năm không tu sửa sẽ ngày càng dột nát, không chống đỡ nổi bão táp phong ba. Kiền Bảo có ghi chép về một ngôi mộ bị ngập nước trong Sư thần ký như sau: “Vào cuối thời Đông Hán, Văn Dĩnh nửa đêm canh ba mơ thấy có người quỷ trước mặt mình, nói: “Nay nước đã tràn vào trong mộ, ván gỗ đã hỏng, nước ngập đến nửa người, tôi ngày đêm phải chịu giá rét, mong người cứu giúp, chuyển mộ phần lên chỗ cao ráo tránh nước giúp tôi.” Hồn ma cho Văn Dĩnh xem bộ quần áo của mình, quả thật đều sưng nước, dường như căn nhà của anh ta bị biến thành một cống nước vậy.

Nghiêm trọng hơn nữa, nếu mộ phần bị thiêu hủy thì giống như nhà chúng ta bị hỏa hoạn, ma quỷ sẽ không có chốn nương thân. Đới Phủ, người đời Đường có ghi lại trong cuốn Quảng dị ký câu chuyện về một ngôi mộ bị thiêu hủy. Ngôi mộ của một hồn ma có địa vị cao quý, sau khi ngôi mộ bị thiêu hủy, hồn ma hiện về với bộ dạng thảm thương, mặt mũi phồng rộp, quần áo tả tơi, không nơi nương tựa. Dù sao chúng ta vẫn còn may mắn hơn những âm hồn vì có nhà trọ, khách sạn để thuê phòng nghỉ qua đêm. Lại nói về điểm khác nhau giữa những ngôi nhà nơi trần gian và ngôi nhà của các hồn ma. Có thể thấy điểm khác nhau rõ nhất đó là một người giàu có ở chốn nhân gian có thể xây ngàn vạn ngôi nhà, sơn vàng dát ngọc, nhưng khi về với cõi âm thì tất cả đều như nhau, chỉ có một ngôi nhà duy nhất là mộ phần của mình, cho dù mộ có to đẹp đến đâu. Vì thế, có lẽ ngay cả hoàng đế, e rằng cũng không được phép coi thường.

Quan điểm này cho rằng, con cháu có nghĩa vụ phải thường xuyên chăm sóc, trùng tu mồ mả ông bà tổ tiên, giống như xây sửa nhà cửa cho chính bản thân mình vậy. Điều này nói ra nghe rất đơn giản nhưng không phải ai cũng làm được. Ngay cả những gia đình danh gia vọng tộc, trải qua bao thăng trầm của thời gian, thêm vào đó là thiên tai địch họa, chiến tranh loạn lạc, chia ly phân tán, mấy ai được trở về quê hương bản quán của mình, mà cho dù có tìm lại được gốc gác cũng không quan tâm đến mộ phần đã bị bỏ hoang từ mấy đời trước, vậy thì những người dân đen thấp cổ bé họng lại càng không cần nhắc đến nữa. Như câu chuyện về Lưu phu nhân trong Liêu trai chí dị kể rằng, Lưu phu nhân lúc sinh thời về làm dâu trong một gia đình quyền quý, sau khi bà mất, căn phòng bà ở được trang hoàng thành phủ đệ lộng lẫy, nhưng hậu thế của bà đều là những kẻ vô tâm dốt nát, kết quả là ngay cả mộ phần của bà cũng bị con cháu mang đi cầm cố, thậm chí cây cối xung quanh mộ cũng bị người ngoài chặt phá làm gỗ xây nhà. Nhận thấy không thể dựa giẫm vào con cháu, âm hồn của bà đã giúp một chàng thư sinh nghèo được thỏa ước nguyện, anh ta trở nên giàu có, lại lấy được vợ đẹp. Chàng thư sinh vì ân đức đó, muốn báo đáp Lưu phu nhân, liền chuộc mảnh đất có phần mộ của bà, xây sửa lại, trồng thêm cây xanh bên mộ, ngày đêm khói nhang, chăm sóc, từ đó âm hồn của bà mới được an nghỉ, tránh được kiếp khổ. Nhưng trong đám ma quý, những người có trí tuệ như Lưu phu nhân quả là rất hiếm.

2

Ngoài ảnh hưởng từ môi trường tự nhiên như phong ba bão táp, còn có những mối đe dọa khác đối với ngôi nhà của những người đã mất. Mối đe dọa đó đến từ hai phương diện, thứ nhất là người ta đào trộm, thứ hai là sự xâm chiếm của các hồn ma khác. Những hiểm họa này còn ghê gớm hơn sự phá hoại của tự nhiên rất nhiều, bởi lẽ đó là sự phá hủy đến triệt để, không chỉ nhà cửa tan hoang mà cả đến hài cốt cũng khó mà bảo toàn nguyên vẹn.

Chúng ta hãy nói về vấn đề đào trộm mộ trước.

Đối với sự phá hủy này, các hồn ma hầu như đều bất lực, nhiều nhất cũng chỉ có thể cầu cứu người dương qua những giấc mộng, cầu xin họ ra tay cứu giúp. Những câu chuyện như vậy quả thực rất nhiều, dưới đây xin được đưa ra hai ví dụ.

Thứ nhất, các hồn ma có thể cầu cứu đến pháp luật, hiện hồn báo mộng cho quan phủ, người có chức trách ở địa phương để họ ra tay ngăn chặn, nhưng đương nhiên bản thân mình phải có địa vị nhất định trong xã hội thì mới hy vọng nhận được sự giúp đỡ của quan phủ. Đào Tiềm trong Sư thần hậu ký có ghi chép về một người có tên là Thừa Kiệm, mười năm sau khi mất, ông hiện về báo mộng cho quan huyện, nói mộ phần của mình đang bị kẻ gian đào trộm, mong quan phủ ra tay cứu giúp. Viên huyện lệnh cũng là một người có trách nhiệm, lập tức dẫn trăm tên nha dịch đến hiện trường. Lúc này, ba tên trộm đã chui vào trong mộ, chúng bị bắt ngay tại trận, nhưng hai tên hoa tiêu thì trốn mất. Đêm đó, hồn ma Thừa Kiệm lại về báo mộng cho quan huyện, miêu tả chi tiết khuôn mặt, vóc dáng của hai tên trộm bỏ trốn. Sáng hôm sau, viên quan huyện liền theo lời miêu tả của Thừa Kiệm đi bắt người, quả nhiên bắt được hai tên trộm đưa về quy án. Nhưng điều đáng nói ở đây là, ngôi mộ của Thừa Kiệm có thể chứa được ba tên trộm một lúc, chứng tỏ đây là một ngôi mộ không tầm thường chút nào, sau khi phá được án, người nhà Thừa Kiệm chắc chắn sẽ mang không ít vàng bạc châu báu đến cảm ơn huyện lệnh lão gia.

Thứ hai, đôi khi có những hồn ma xử lý sự việc khá thông minh, đó là cầu xin và mua chuộc những tên trộm, để chúng nường tay. Trịnh Nguyên Hữu, người đời Nguyên ghi chép lại trong Toại xương tạp ký câu chuyện ở đầu đời nhà Nguyên, có tên trộm tên là Dương Liên Chân dạt xuống Giang Nam với âm mưu đào

trộm lăng mộ vua Tống, hấn rử thêm cả người đồng hương là Phùng Mỗ đi cùng. Cha con Phùng mỗ đều là hòa thượng, chúng chia nhau mười ngôi mộ, đào hết sáu ngôi mộ, đã chiếm được vô khối của cải, châu báu. Ngày hôm sau, khi chuẩn bị đào nốt bốn ngôi mộ còn lại, hai cha con Phùng Mỗ mơ một giấc mơ giống hệt nhau, thấy có một vị tướng mặc áo gấm từ trong rừng đi ra, vái chào rồi van xin rằng: “Hai vị đã đào sáu ngôi mộ, kiếm được không ít vàng bạc châu báu, còn chỗ này là nhà tôi ở đã lâu, cúi mong hai vị nể tình thương xót, tha cho tôi.” Năm đó nạn trộm cấp nổi lên như ong, cũng may hai tên trộm còn có chút tình người, được báo mộng xong liền bỏ đi, không đào tiếp nữa.

Nhưng cũng có chút những ngoại lệ, ma quỷ hiện hình, làm bọn trộm kinh sợ mà chạy mất. Câu chuyện về vị tướng ở trên cũng là một ví dụ. Còn có những hồn ma không biết từ niên đại nào nhưng đã có đạo hạnh, như câu chuyện Tào Mạnh Đức sai người giữ vàng inh. Hồng Mai trong Di kiên chi giáp có ghi chép câu chuyện mộ bà Lý cũng là một ví dụ khá điển hình. Tương truyền ở huyện Hạ Phi (một huyện thuộc tỉnh Giang Tô) có một ngôi mộ cổ, đó là mộ của bà Lý. Nghe đồn trong đó có chứa rất nhiều vàng bạc, châu báu. Có một nhóm đạo tặc nhóm ngó ngôi mộ đã lâu, một hôm, chúng kéo ba trăm người đến đào từ sáng sớm đến trưa mới đào được một cỗ quan tài. Chỉ thấy xác một bà lão, thân cao tầm bảy tấc, tóc trắng, da đen, hình dáng xấu xí, đang ngồi ngay ngắn trong quan tài. Đây dường như là một lão yêu đang hô phong hoán vũ. Đám người sợ hãi bỏ chạy, nhưng chạy cũng không thể thoát khỏi yêu pháp của lão yêu, chỉ trong vòng mấy tháng, hơn ba trăm người đó đều chết bất đắc kỳ tử, đúng là tự mình chuốc vạ vào thân.

Còn đối với mộ phần của những người dân thường, nếu như không bị ép vào đường cùng, họ sẽ không bao giờ dùng đến biện pháp tiêu cực đến thế. Chương hai, Di kiên chi mậu có viết về vợ của Tôn Đại như sau: “Tôn Đại sau khi chết để lại một người vợ, hai con trai và năm con gái. Con gái cả chẳng may qua đời sớm, sau đó Triết Tây có đại dịch, người chết nhiều như ngã rạ, rồi con trai, con dâu và hai người con gái nữa lần lượt qua đời. Vợ Tôn Đại cho rằng vì mộ của con gái cả không lành nên sau hai đứa cháu đào lên thiêu hủy. Hồn ma của cô con gái cả liền báo mộng, nhờ ni cô khuyên ngăn nhưng không được. Thế là cô đành tự mình giải quyết, đợi hai người kia đến đào mộ, lúc khiêng quan tài lên, cô hiện nguyên hình trong quan tài, gương mặt vẫn tươi tỉnh y như khi còn sống, nhìn trông trọc vào hai người mà cười rử rượi. Xác chết đột nhiên ngồi dậy, nhìn mình chăm chăm, lại cười rử rượi những âm thanh ma quái, khiến hai người kia sợ đến mức hồn bay phách lạc, chết ngất ngay tại chỗ. Sau khi tỉnh dậy, liền lập tức thắp hương tạ tội, rồi đắp lại mộ y như cũ.

Những câu chuyện như trên cũng không nhiều. Chúng ta cũng không rõ cô gái nhà họ Tôn đã dùng cách oan hồn nhập xác hay cách ma quỷ hiện hình, nhưng một ma nữ yếu đuối có thể đuổi được đám trộm mộ, thì ngoài việc cô ta có dũng khí còn phải xem vận may của cô ta nữa. Nếu như vận may không đến thì kết quả chắc sẽ không tốt đẹp như vậy. Đời nhà Tống, trong cuốn Triệu khang thanh công văn kiến lục có câu chuyện “khai mộ”, kể rằng ở Nam Kinh có người đào trộm một ngôi mộ mới, nhưng thi thể người chết không chịu hợp tác, liền giơ tay tát liên tục, đánh cho tên trộm một trận tối tăm mặt mũi. Không ngờ tên trộm này cũng thuộc loại to gan không sợ quỷ, thấy đối phương chỉ có một chiêu bạt tai duy nhất, hấn liền tức giận, chặt đứt hết chân tay của thi thể. Nếu như đặt mình vào địa vị đó, thì xác chết đó cũng không khác gì phải chịu cực hình ngũ mã phanh thây. Qua đây có thể thấy, người bị trộm nếu không thể hoặc không dám phòng vệ quá đáng một chút, thì bản thân mình sẽ là người chịu thiệt thòi, chi bằng hãy ngoan ngoãn nghe theo lời chúng vậy.

Hầu hết các câu chuyện đều kết thúc là ma quỷ không thể tự bảo vệ mộ phần của mình, nhưng cũng không bỏ qua cho những tên trộm mộ. Viên Mai trong Tử bất ngữ có kể câu chuyện về mộ phần của đại tư mã họ Lục. Lục Đại tư mã sau khi chết, người nhà ông đào mộ của đời trước lên làm mộ của Lục Đại tư mã. Hồn ma của kẻ bị đào mộ liền nhập vào thiêu gia nhà họ Lục, khiến cậu ta cứ liên tục tự vả vào má mình, sau đó Lục phu nhân và cả nhà phải mời tăng nhân về tụng kinh, đốt mười vạn vàng mã, cuối cùng vẫn không đưa được hồn của Lục thiêu gia trở về.

Những kẻ đào trộm mộ sớm muộn cũng phải chui báo ứng, đây chẳng qua chỉ là lời nguyên bất lực mà thôi.

Khả năng những ngôi mộ bị trộm hỏi thăm luôn tỷ lệ thuận với lượng khách đến chơi nhà của người chết lúc sinh thời. Cái đó được gọi là “nghèo thì ra đường chẳng ai thèm đếm xỉa, khi giàu thì họ hàng xa gần đều đến thăm”. Người nghèo suốt cuộc đời khổ cực, nay mới được an lành trong giấc ngủ ngàn thu, cũng chẳng có gì mang theo, có chăng cũng chỉ mang theo cái bát rách để kiếm cơm. Nhưng những kẻ lăm tiền nhiều của thì lại khác, sau khi chết thì người thân ở khắp nơi sẽ ùn ùn kéo về phúng viếng. Còn về nhà cửa dưới côi âm của tầng lớp quý tộc, quan đầu triều hay những kẻ nhà giàu nứt đổ đổ vách, không chỉ đào mộ rộng hơn những người khác gấp chục lần mà họ còn được lập bài vị, trở thành văn vật của địa phương, được chăm lo cho cuộc sống hưởng thụ của họ nơi côi âm, bên trong còn phải nhét đầy vàng ngọc, châu báu và những thứ quý giá khác. Vì vậy đương nhiên sẽ thu hút sự hỏi thăm của đám đạo tặc.

3

Bàn tiếp về sự xâm chiếm của các hồn ma.

Tôi đã từng dẫn một đoạn của Vương Sung trong Luật hành vào tác phẩm Cái chết của quỷ như thế này: “Giả sử như có quỷ, vậy thì từ thời vua Nghiêu, vua Thuấn, quỷ đã xuất hiện được bao nhiêu năm? Chẳng phải “trên mọi nẻo đường, mỗi bước chân người dương thế đều có bước chân của quỷ” sao?”

49. Chương 17 - Part 2

Chuyện của côi u minh có lẽ chúng ta không thể tìm hiểu tường tận được, nhưng nếu giữ lại tất cả các linh hồn đã mất từ khi chúng ta biết ghi chép lịch sử, vậy thì các nói “mỗi bước chân của người dương thế đều có bước chân của quỷ” quả là không quá đáng chút nào. Nhưng cũng may, con người thường nghĩ đến sự sống của bản thân trước, nếu phải đặt những ngôi nhà ở côi âm ti ấy thẳng hàng trên một con đường, thì chẳng thà hãy để cho chúng trùng khớp lại với nhau, hoặc là để cho những huyết mộ đào thải ma cũ tiếp nhận ma mới. Điều này cũng dẫn đến những xung đột không thể tránh khỏi về “quyền sử dụng đất” trong côi u minh.

Có lẽ những ngôi nhà dưới âm phủ của dân thường thì chẳng đáng để bàn ở đây làm gì. Cổ quan dày ba tấc, một mảnh đất con con, thậm chí không khác gì những kẻ ăn xin, làm trâu làm ngựa cho người khác chỉ để khi trút hơi thở cuối cùng có một nơi an nghỉ. Nhưng cũng không được mãi mãi, cho dù con cháu vẫn còn nhưng không phải coi sóc phần mộ tổ tiên từ mấy đời trước, vì vậy, hàng trăm năm trôi qua, lớp này chồng lên lớp khác, không biết có bao nhiêu ngôi mộ bị chồng lên nhau.

Đối với những người có tiền thì hơi khác một chút, lúc sinh thời được ở trong nhà cao cửa rộng, khi chết đi mộ phải cao tám thước, đất chiếm ba phần, rất ngông ngheeng bá đạo. Trước mộ còn phải lập một bia

đá, trong mộ còn đặt một tảng đá lên là “mộ chi danh”, đây cũng được coi như “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của người âm. Nhưng thời gian trôi qua, con cháu lãng quên, bỏ bê việc chăm sóc thì sẽ lại có kẻ nhà giàu khác ngấm trúng mảnh đất đó, hoặc bỏ tiền ra mua lại, hoặc cố tình xâm chiếm. Còn về kẻ đã sở hữu mảnh đất từ mấy đời nay, lúc này đành phải dời đi, hoặc lại lang thang phiêu bạt nơi cỏ nội đồng hoang, dần dần bay theo những cơn gió làm đề tài cho các thi nhân.

Đây là “hình tượng” được nhìn ở góc độ của người dương thế, còn đối với cõi u minh, việc xác định chủ nhân mảnh đất đương nhiên sẽ xảy ra tranh chấp rồi. Còn tranh chấp như thế nào, có phải mỗi người cầm một tấm khế ước quyền sử dụng đất đem đến nhờ Diên Vương phân xử hay không thì chúng ta không thể nào biết được, nhưng những câu chuyện hồn ma cãi vã, đánh nhau, thậm chí dùng đến cả đao kiếm thì có được ghi chép lại trong các câu chuyện lịch sử. Trong *Sưu thần hậu ký* có ghi câu chuyện hồn ma của Lỗ Tiêu, đời Đông Tấn giữ nhà: “Nhà Vương Bá Dương sống ở Kinh Khẩu (nay là Trấn Giang), phía đông nhà có một ngôi mộ lớn, tương truyền đó là mộ của Lộ Tiêu. Phu nhân của Vương Bá Dương xuất thân là con nhà quyền quý, năm đó lâm trọng bệnh qua đời, Vương Bá Dương liền san bằng ngôi mộ của Lộ Tiêu, rồi chôn vợ mình vào đó. Mấy năm sau, hồn ma của Lộ Tiêu mang mấy trăm binh mã xông thẳng vào phòng khách nhà Vương Bá Dương mà rằng: “Ta đây là Lộ Tử Kính, sống ở đây đã hơn hai trăm năm, có làm sao mà người lại phá nhà của ta?”, rồi quát một tiếng, ra lệnh đám lính ra tay. Đám quân ma quỷ liền lôi Vương Bá Dương xuống, lấy đao cửa vào cổ cho đến khi thấy Vương Bá Dương không thở được nữa, mới dừng tay. Khi Vương Bá Dương tỉnh lại, những chỗ thịt bị đao của đám âm binh cửa đều thối rữa, chẳng bao lâu thì ông cũng qua đời.” Nhưng cũng có một cách nói khác, cho rằng người chết không phải là vợ của Vương Bá Dương mà chính là ông ta. Khi các con đào huyệt mai tang cho Vương Bá Dương thì đào được một cỗ quan tài sơn màu đen, liền đem vớt lên Nam Cương. Đêm hôm ấy, con trai Vương Bá Dương mộng thấy Lộ Tiêu hiện về, tức giận quát: “Ta sẽ giết chết cha người.” Nhưng Vương Bá Dương lúc này đã chết rồi, nếu giết thêm lần nữa thì chẳng phải làm ma cũng không được hay sao? Một lát sau, Vương Bá Dương cũng hiện về báo mộng cho con trai, kể cho con nghe chuyện Lộ Tiêu đòi mộ ra sao, nếu như không đấu lại được ông ta, thì e rằng sau này hai cha con sẽ vĩnh viễn không được nhìn thấy nhau nữa. Kết quả của trận đấu này là Vương Bá Dương bị giết, hôm đó trên linh tọa của ông ta đột nhiên chảy ra một dòng máu đỏ tươi.

Người ta tưởng rằng Lỗ Đại tướng quân trung hậu như Đàm Phú Anh diễn trong *Thảo nguyên mượn tên*, thật không ngờ sau khi chết ông lại trở nên hung hãn như vậy. Nhưng nghĩ cho cùng, người ta là bậc thiếu niên anh hùng, biết cưỡi ngựa, bắn tên, được mệnh danh là “đứa trẻ hoang dã”, sau đó còn kế nghiệp Chu Lang, được phong làm Đại đô đốc, dám vượt sông bắt tiệc của Quan đại gia, một nhân vật có máu mặt như thế lại dễ tranh giành lắm sao? Vì vậy, nếu cứ coi những diễn trong tuồng, trong kịch là thật thì đúng là tự chuốc vạ vào thân. Những thứ câu hiền như nắng hạn mong mưa, thương dân như con như hoàng đế Vĩnh Lạc hau Lưu Cẩn trong *Pháp môn tự liệu* có tin được không?

Ngoài ra, nếu không phải việc nhà mình mà mang hài cốt của người khác chôn nhầm chỗ cũng sẽ tự chuốc họa vào thân. Trong chương ba trăm hai mươi ba, quyển *Thái bình quảng ký* có dẫn câu chuyện Thần quỷ lục, anh em Ngô Quân, Trương Thị mua được một căn nhà mới, trong lúc dọn dẹp chợt đào được một chiếc quan tài. Hai anh em liền mua một cái chum sành, đặt bộ hài cốt vào đó, rồi đem đi chôn ở chỗ khác. Không ngờ đêm đó có con ma đến gõ cửa, hét lớn: “Tại sao hai vị lại phá hoại chỗ ở của người khác để làm chỗ ở ỉn?” Hai anh em lập tức hiểu ngay là chuyện gì liền đáp rằng: “Chúng tôi đã mai tang các hạ ở chỗ mới tử tế rồi, chúng tôi có gì sai chứ?” Con ma liền đáp: “Các người đưa tôi đến bên cạnh mộ Ngồi Đại tướng quân, tôi chỉ là kẻ thấp cổ bé họng làm sao đấu lại được với ông ấy chứ? Ngày nào ông ấy cũng mang quân đến đập cửa đòi nhà. Nếu hai vị không tin thì đi theo tôi khác rõ.” Hai anh em liền mơ màng đi ra khỏi nhà, khi ra đến phần mộ hôm trước, quả nhiên nghe thấy trong mộ có tiếng đao kiếm chém giết.

Cõi u minh cũng giống như cõi trần, muốn được yên thân thì tốt nhất hãy tránh xa những gia đình quyền quý. Nhưng nếu gặp phải những kẻ lưu manh liều mạng thì cũng có những ngoại lệ. Câu chuyện tranh chấp

mộ phần nổi tiếng nhất trong lịch sử phải kể đến câu chuyện của Phùng Mộng Long trong Du thế minh ngôn. Tác giả miêu tả trận chiến long trời lở đất, khốc liệt vô cùng giữa Kinh Kha và tên lưu manh Dương Giác Ai. Dương Giác Ai mai tang người anh em kết nghĩa của mình là Tả Bá Đào tại góc mộ Kinh Kha, không ngờ hồn ma của Kinh Kha vô cùng hung dữ, hằng ngày đều dẫn quân xông vào mộ của Tả Bá Đào mắng rằng: “Người là tên nhãi chết đói chết rét đầu đường xó chợ, lại dám đặt mộ ngay trên vai ta, chấn hết phong thủy. Nếu không mau chuyển ra chỗ khác, ta đây sẽ đào mộ vứt thây ra ngoài rừng hoang cho chó tha!” Tả Bá Đào biết không thể chọc giận Kinh Kha liền báo mộng cho Dương Giác Ai, bảo Giác Ai nhanh chóng di dời mộ của mình ra chỗ khác để tránh diêm hung. Nhưng Dương Giác Ai không chịu nhượng bộ, liền đốt mấy chục hình nhân bằng cỏ gửi xuống làm âm binh, hộ vệ huynh đệ của mình. Trận chiến hôm đó Kinh Kha lại có Cao Tiệp Li đến trợ giúp, kết quả Tả Bá Đào thảm bại tháo chạy. Dương Giác Ai tức giận mà rằng: “Kinh Kha người có tên Cao Tiệp Li trợ sức, lẽ nào ta lại không thể tương trợ cho huynh đệ của ta sao?” Nói xong liền rút kiếm, cứa cổ tự vẫn, xuống âm phủ hỗ trợ cho huynh đệ của mình. “Canh hai đêm ấy chợt mưa gió âm ẩm, sấm chớp dữ dội, tiếng gào tiếng thét, tiếng gươm đao vang xa hơn mười dặm. Sáng hôm sau ra xem, thấy mộ của Kinh Kha bị sụt sâu như một cái huyết, xương cốt vương vãi đầy trước mộ, cây tùng bên mộ cũng bị đổ, bật hết cả gốc.”

Câu chuyện miêu tả về mối thâm tình sinh tử của hai huynh đệ kết nghĩa, nhưng đọc xong vẫn khiến người ta cảm thấy không thỏa mãn. Theo ý kiến cá nhân tôi, thương ngày áp bức, ức hiếp dân lành đều là những tên cường hào ác bá hoặc là những tên tiểu nhân mới phát, còn những người dám tuyên chiến với hôn quân bạo chúa thì sẽ luôn chung sống hòa bình với nhân dân, một người tính tình khảng khái, là đáng anh hùng trượng phu thì sao có thể gây ra chuyện hoang đường như thế được? Hơn nữa Kinh Kha mưu sát Tần Vương thất bại, lẽ nào Tở Long gia còn để cho ông được toàn thây? Tra lại nguyên tác của câu chuyện trong Liệt sử truyện, thì ra Kinh Kha vốn là Kinh tướng quân, một tướng tài của nước Sở, sau bị những kẻ nhiều chuyện sửa bậy. Hơn nữa câu chuyện xảy ra vào thời Sở Bình Vương thời Xuân Thu, nhưng lại đưa thi thể của Kinh Kha mấy trăm năm sau bị ngũ mã phanh thây ở thành Hàm Dương về an táng ở Hà Nam, đúng là hoang đường, không thể tin được. Những chuyện được biên soạn vô căn cứ, phỉ báng danh nhân để thu hút người đọc này đã là chuyện thường tình. Phùng Mã Long am hiểu lịch sử thời Xuân Thu, hơn nữa lại không phải người hay viết chuyện lừa thiên hạ, ông còn có cả một tác phẩm để đời là Lân kinh chỉ nguyệt, lẽ ra ông không nên mắc phải lỗi sai sơ đẳng này. Lại tra cứu tiếp về nhân vật Dương Giác Ai, hóa ra chuyện Dương Giác Ai quên mình vì bạn lại lấy từ Thanh bình sơn đường thoại của Hồng Biện, trong đó, tác giả cảm thấy để cho Sở Bình Vương Lễ Hiền chiếm đoạt con dâu là việc rất phi lý nên sửa lại thành Sở Bình Vương Lưu Giao thời Tây Hán, nhưng lại quên mất không sửa thời Xuân Thu thành thời Tây Hán.

Nói như thế không có nghĩa Kinh Kha là nhân vật dễ chọc. Nếu như đám ưng khuyển của Tần Thủy Hoàng đem mồ mả mà trấn áp lên đầu Kinh Kha thì hẳn cũng vẫn khuấy động cam qua, khi đó bè lũ vây cánh Trần Thắng, Ngô Quảng lại móc ngoặc, hòa vào với nhau, đem xương cốt rải trước mộ, có lẽ là chuyện ngàn năm có một.

Phụ ký

Dành đến hai phần để viết về vấn đề nhà ở cõi u minh, có lẽ những gì cần nói cũng đã nói hết cùng bạn đọc. Có lẽ chỉ còn một điểm chưa nhắc đến đó là khu nhà hung, nhưng chỉ khi người và ma cùng chung sống dưới một mái nhà thì mới thành nhà hung. Vấn đề này có lẽ tác giả sẽ bàn kỹ hơn ở một phần riêng. Ngoài ra còn một phần nhỏ mà tác giả cố tình không nhắc tới, mục đích không phải là muốn giấu bạn đọc, mà là vì những quan điểm đó sẽ làm nhiều những nội dung mà chúng ta đã nói ở trên.

Vong hồn và hài cốt có mối quan hệ mật thiết, nhưng không phải tất cả du luận trong xã hội đều thống nhất cho rằng hồn ma trú ngụ trong hài cốt đương nhiên sẽ có những chuyện kỳ quái ngoại lệ xảy ra cho dù không được đa số quần chúng tiếp nhận, ví như trời bỗng chốc âm u, xám xịt, nổi phong ba, làm mặt

nước mùa xuân đang phẳng lặng bỗng dựng dậy sóng, hơn nữa những kẻ khơi dậy những luận điểm này lại chính là các phần tử trí thức bậc cao. Dưới đây xin giới thiệu với bạn đọc hai luận điểm khác với cách nhìn nhận của đa số quần chúng, đều là những câu chuyện bắt đầu từ thời Ngụy Tấn cho đến ngàn năm sau vẫn có những tranh cãi không dứt.

Thứ nhất là về thuyết “hồn vô sở bất chi”. Trong Khổng Tử gia ngữ có kể một câu chuyện như sau: “Cuối thời Xuân Thu, Quý Trát người nước Ngô đi sứ nước Tề, trên đường về nước, con trai ông chết ở giữa ấp Danh và ấp Bắc (tên hai ấp của nước Tề). Khổng Tử nghi tin liền nói: “Từng nghe Quý Tử là người hiểu lễ nhất nước Ngô, ta muốn đi xem xem ông ta lo liệu việc ma chay thế nào.” Nói rồi liền tới nơi đó xem, thì thấy Quý Trát không mang thi thể con trai đưa về nước Ngô, mà liệm bằng quần áo thường, rồi chôn ngay ở nơi đất khách quê người, huyết không sâu, mả không cao, mà rằng: “Thi thể trở về đất, âu cũng là số mệnh, nhưng còn vong hồn thì không bị trói buộc.” Khổng Tử nghe vậy thì ca ngợi hết lời: “Quý Tử đúng là người hiểu biết, xử lý rất hợp tình hợp lý.”

Tại sao Quý Trát không đưa thi thể con trai mình về nước Ngô, bởi vì ông cho rằng, dù xương cốt bị chôn vùi trong đất nhưng linh hồn không bị chôn vùi theo mà là “vô bất chi”.

Khổng Tử gia ngữ được viết thành sách ở thời Ngụy Tấn, tương truyền tác giả chính là Vương Tiều, hầu hết những câu chuyện được viết lại trong đó đều là hư cấu. Quan điểm của Quý Tử có lẽ chính là đại diện cho quan niệm của một bộ phận trí thức thời bấy giờ. Nhưng Khổng Tử ở đây không phải nhân vật trong ngụ ngôn của Trang Tử, sự khẳng định của ông đối với quan điểm của Quý Trát là lấy căn cứ từ Nho học. Trong Lễ ký, Khổng Tử ủng hộ quan niệm “cổ bất tu mộ”, cho dù mưa gió làm hư hỏng phần mộ của phụ mẫu, thì cũng chỉ là sự biến chuyển theo thời gian, vì về mặt lý tính, ông cho rằng vong hồn của cha mẹ không ở trong mộ.

Còn về thuyết “vô bất chi” của Quý Trát, mặc dù có thể lý giải là “vô sở bất chi”, đồng tay nam bắc tứ bề đều không bị ràng buộc, có thể tự do phiêu bạt đến nơi mình muốn, nhưng cũng có thể hiểu là linh hồn của người ta sau khi chết phân tán khắp mọi nơi. Điều này tiềm ẩn một tư tưởng nguy hiểm hơn, đó là đưa quan điểm về linh hồn đến chỗ không tồn tại. Điều này được thể hiện rất rõ qua cuộc tranh luận giữa Hình Thiệu và Đỗ Bật về “hồn vô bất chi” và “danh lý”. Hình Thiệu là đại tài tử ở phương Bắc, nổi tiếng về văn chương. Ông cho rằng thuyết “vô bất chi” của Quý Trát muốn nói linh hồn sẽ bị phân tán khắp nơi, nếu sau khi bị phân tán, các mảnh hồn tự về với nhau thì trở lại thành “hồn”, vậy thì không cần phải nhắc nó là “vô bất chi”. Còn Phạm Chấn, đời Nam Triều lại cho rằng “hồn vô bất chi” có nghĩa là “hồn bị phân tán”, “hồn khí quy vu thiên” tức là “tan biến vô hình như mây khói về trời”, cuối cùng mới quy tụ về với nhau ở vô cực. Nếu độc giả có hứng thú, có thể tìm đọc thêm Bắc Triều thư - Đỗ Bật truyện để tìm hiểu thêm về cuộc tranh luận này. Có thể nói đây là một cuộc tranh luận bất phân cao thấp, sau đó Đỗ Bật và Hình Thiệu vẫn không ngừng thư từ qua lại để tranh luận, cuối cùng Hình Thiệu đuối lý, cuộc tranh luận mới đến hồi kết thúc.

Thời Nam Triều, đối thủ của Phạm Chấn là một đệ tử Phật giáo. Vào thời Bắc triều cũng nổ ra một cuộc tranh luận trong nội bộ Nho giáo. Nếu tư tưởng “thân diệt” của Phạm Chấn liên quan đến vấn đề tôn giáo, thì Hình Thiệu lại kiên trì quan điểm “vô cực luận”, ông muốn thách thức với luân lý xã hội thời bấy giờ, đương triều tư tưởng của ông không thể chiến thắng được luân lý của cả một xã hội, nhưng nó cũng cho thấy sự khí khái, chân thực của một đại tài tử tài ba.

Một quan điểm khác lại cho rằng, “hồn tê vô chủ”, vong hồn không trú ngụ ở thi thể trong mộ, mà ký thác ở bài vị thờ trong nhà.

Quan điểm này do Thái Ung cuối thời Đông Hán đưa ra. Trước đây, khi hoàng đế tế bái tiên nhân đều không tế bái ở lăng mộ mà mọi nghi thức đều được tiến hành ở miếu tế. Thái Ung nguyên bác, đa tài, là bậc vô song thời đó, hậu thế sau này cũng ít ai bì kịp ông. Những tư tưởng, quan điểm của ông luôn được đánh giá rất cao. Tào Tháo vẫn là người cùng thời với Thái Ung, hai người cũng có chút giao tình, sau khi Tào Tháo lên ngôi, Ngụy Vương liền hạ lệnh, sau khi ông mất, phải khâm liệm bằng quần áo đương thời, không được chôn vàng bạc châu báu gì theo. Điểm này hoàn toàn tương đồng với Quý Trát trong Khổng Tử gia ngữ. Nhưng con trai Tào Tháo là Tào Phi, sau khi kế vị, lấy danh nghĩa hoàng đế ban hành “Chung chế”, trong đó trích dẫn rất tỉ mỉ lời của Thái Ung: “Xương cốt không biết đau, nghĩa địa không phải nhà của các vong hồn... Áo quan chỉ là cái hòm chứa hài cốt, áo liệm chỉ để che hài cốt mà thôi.”

Con người sau khi chết, hồn tiêu phách tán, nếu không muốn hồn phách tan vào hư vô thì dựng cột gỗ, người sống thành tâm cầu nguyện, để vong hồn người chết vào trú ngụ trong đó. Cột gỗ phải được làm phép ở miếu tế, mọi người phải cùng nhau đến miếu làm lễ cúng bái. Còn thể xác vô tri, chôn vùi dưới đất chẳng qua là chúng nhanh chóng phân hủy mà thôi. Vì vậy, khi chọn đất an tang cần chú ý chọn những nơi “bất phong bất thụ”, thi thể nhanh chóng hòa vào với tự nhiên. Nếu cứ nói theo quan điểm trên thì những lễ tế chiêu hồn, xây dựng nghĩa địa chỉ là những trò vớ vẩn, dựng bia táo mộ cũng là việc dư thừa mà thôi. Với lý luận này, đừng nói là nhân dân mà cả những học sĩ bình thường cũng khó có thể chấp nhận được. Trong các tác phẩm kinh dị từ thời Ngụy Tấn như Sưu thần ký cũng đã xuất hiện vô số những câu chuyện về ngôi mộ của quỷ. Nguyên nhân sâu xa của các câu chuyện này có lẽ là nhằm mục đích chống lại thuyết “cổ vô mộ tế” mà thôi.

50. Chương 18 - Part 1

Chương 18: Tiên quỷ thê lương

Khái niệm “Tiên quỷ” mà chúng tôi muốn nhắc đến ở đây không phải là

“Tiên quỷ” trong Đạo giáo. “Tiên quỷ” trong quan niệm của Đạo giáo là

linh hồn người chết sang thế giới bên kia tu hành đắc đạo thành tiên, chỉ là có địa vị thấp hơn. “Tiên quỷ” ở đây là một cách gọi khác của những vật ma quỷ, đa số là do vong hồn của những đứa trẻ vô tội nhập vào, nhưng bị những tên pháp sư thao túng, có thể báo điềm lành hung cho người khác, thông linh tiếp vong, thậm chí làm cả những việc tà ma. Trong nhân gian những linh hồn này có rất nhiều tên gọi như thần Nhĩ Báo, thần Chương Liễu, Linh Ca Linh Tỷ, Linh Đồng, Minh Đồng, thần Đồng... Trong đó có những loài chỉ khác nhau về tên gọi, hoặc tên gọi giống nhau nhưng có những khác biệt nho nhỏ, tuy nhiên tính chất về cơ bản là giống nhau, thực ra chỉ là sự biến đổi của cùng một vật mà thôi. Ở đây chúng tôi xin được mượn cách gọi của người đời Thanh, thống nhất gọi bằng một cái tên là “tiên quỷ”.

Thần Chương Liễu

Vương Triệu Vân, người nhà Minh có ghi chép về “chương liễu đồng”, trong đó có một câu chuyện như sau: “Ở một thôn nhỏ của tỉnh Tô Châu có người tên là Trương Nhị giữ chức lý trưởng trong làng, cứ vào ngày Mười lăm hằng tháng là phải đến điểm danh ở phủ quan một lần, nên vào ngày hôm đó ông đều phải xuất

phát từ nửa đêm canh ba. Một hôm, trên đường vào phủ quan, trăng rất sáng, ông chợt giẫm phải một vật, liền nhặt lên xem, thì ra đó là một đĩa trẻ đeo bằng gỗ, dài khoảng ba tấc, mặt mũi sáng sủa, đầu tóc đầy đủ, quần áo kỳ dị. Ông tiện tay đặt nó lên mũ rồi lại thẳng bước vào phủ quan, từ lúc đó, trên đường đi ông luôn cảm thấy như có ai thì thầm bên tai rằng: “Trương Nhị, Trương Nhị, lên huyện điểm danh, bị đánh vào mông.” Trương Nhị ngoảnh đầu nhìn, thấy cả quãng đường vắng vẻ chỉ có một mình, chân tay bủn rủn, trong lòng vô cùng sợ hãi. Lên đến huyện phủ, quả nhiên vì đến điểm danh muộn nên bị một trận đòn nên thân. Trên đường về, Trương Nhị lại nghe có tiếng nói thầm bên tai: “Trương Nhị, Trương Nhị, vợ ông ở nhà đang ngoại tình với trai.” Trương Nhị nghe xong vô cùng lo lắng, chợt nhớ ra tên người gỗ đang để trên mũ, liền tức giận đập nát rồi ném vào một nhà xí bên đường.

Thần Chương Liễu ở đây là một con ma thích nói nhiều, tuy nhiên những gì nó nói đều là những lời nói thật, đây không phải là tội, chỉ là con ma không chịu nghe theo câu châm ngôn của Bậc Thượng: “Tín nhi hậu gian, vi tín tắc dĩ vi bang dĩ dã”, lại gặp phải Trương Nhị chỉ thích nghe tin vui, không muốn nghe tin rủi, nên kết quả là bị đập nát quăng vào nhà xí.

Câu chuyện trên sau khi được người đời Thanh chỉnh sửa, cải biên lại đã được sưu tầm vào Dạ vũ thu đăng lục, trong đó con búp bê gỗ nhỏ biến thành một sinh linh bé bỏng ngộ nghĩnh, đáng yêu.

Câu chuyện kể về một anh lính lệ chuyên đi thúc thuế ở quê tên là Trương Đại Nhân, canh năm xuất phát lên huyện, đến nha môn để nộp sưu thuế. Khi anh ta đến chỗ rẽ ở một cánh đồng thì mặt trời đã bắt đầu mọc, anh ta cảm thấy nóng bức liền dừng chân nghỉ dưới một gốc cây. Bỗng nghe trên cây có người đang hát, nhìn kỹ thì thấy một đĩa trẻ đeo bằng gỗ, mặt mũi được khắc tinh tế, mắt sáng, mày thanh, cao khoảng hai tấc, đang nấp trong đám hoa, mỉm cười tinh nghịch, nhưng tóc của cậu bé bị dính chặt vào cây, không thoát ra được. Trương Đại Nhân thầm nghĩ đây có lẽ là thần Chương Liễu vẫn được kể trong dân gian, có thể báo trước tương lai. Vậy là anh ta liền cắt phẳng mái tóc của đĩa trẻ, cho vào túi áo và lên đường đến nha môn.

Khi sắp vào đến huyện đường, thằng nhóc liền nhảy nhót loạn xạ, rất nghịch ngợm, Trương Đại Nhân đành nhét nó dưới đáy mũ cổ, lát sau chợt nghe có tiếng hát thầm bên tai: “Trương Đại Nhân thật to gan, đến bắt ta, được một nghìn đồng tiền, đánh ba mươi trượng.” Đại Nhân cho rằng đó là những lời nói vớ vẩn, không thèm để ý, nhưng khi vừa vào trong thành, thì gặp huyện lão gia đang lên miếu thắp hương, Đại Nhân chân tay luống cuống, liền bị mấy tên nha môn nghi là kẻ gian, bắt đến trước kiệu quan. Anh ta sợ đến mức toàn thân run cầm cập, nói không ra tiếng. Viên huyện lệnh tức giận nói: “Thoạt nhìn đã thấy không phải thứ tốt đẹp gì, lôi ra đánh ba mươi trượng cho ta.” Vậy là Đại Nhân bị dè ra giữa phố, lột quần đánh cho ba mươi trượng. Không ngờ Đại Nhân còn chưa kéo quần lên đã bật cười ha hả, quan huyện lấy làm lạ, hỏi mãi Đại Nhân mới kể câu chuyện đã được thần Chương Liễu báo trước tai họa nhưng hắn ta không tin. Đến khi quan huyện hiểu rõ mọi chuyện liền ra hiệu cho đám nha môn lấy một xâu tiền đưa cho Đại Nhân, coi như tiền bồi thường vì bị đánh oan, rồi không thêm một đồng nào, giật lấy con búp bê gỗ, cho vào túi áo rồi lên kiệu đi tiếp.

Chỉ cần nhìn cách tên quan huyện cướp con búp bê gỗ của Đại Nhân đã đủ biết lão ta chẳng phải thứ tốt đẹp gì, cho dù tác giả không thêm thái độ châm biếm trong lời kể của mình. Còn đứng ở góc độ của thần Chương Liễu có thể thoát khỏi móng vuốt của đám pháp sư giang hồ, được vào gia đình quyền quý, sống trong nhung lụa như nhà quan huyện đã là điều vô cùng may mắn rồi.

Đây là câu chuyện vô cùng thú vị, nghe nói sau này còn được Vương Tăng Kỳ cải biên thành tiểu thuyết. Nhưng trong tác phẩm của tác gia nổi tiếng này cũng có những điểm chưa được thỏa đáng, vô hình chung khiến cho độc giả hiểu nhầm, ngộ nhận rằng thần Chương Liễu đáng yêu tinh nghịch như những con búp bê

trong tranh của chàng họa sĩ Dương Liễu, trong khi thực tế thần Chương Liễu chỉ là hồn ma của một kẻ có số phận cực kỳ bi thảm, hơn nữa chúng cũng chẳng có bản lĩnh bảo trước điềm cát, hung gì cả.

Một con búp bê đeo từ gỗ có thể chạy nhảy ca hát được không cũng là điều rất khó nói, nhưng nếu nó có thể nói chuyện, hơn nữa còn có phép thần thông, dự cảm trước được mọi việc thì đúng là rất đáng để người ta coi như một vật quái dị hoặc một vật thần thánh. Nhưng việc nó có thể tiên đoán được tương lai hay không chỉ là chuyện nhỏ. Vương Đồng Quý, người đời Minh từng nhận định trong Nhĩ đàm rằng, nó chỉ có thể nói về mộ phần, gia trạch và những chuyện đã xảy ra trong quá khứ, còn Vương Sĩ Tính trong Quảng chí dịch lại nói: “Thần Chương Liễu tuy chỉ là một đứa trẻ, không tên không tuổi, không người thân, cũng không hiểu phép tắc, chỉ biết báo việc cho người ta biết trước, nhưng không dự báo được tương lai quá xa.” Còn trong Dạ vũ thu đăng lục lại kể một câu chuyện rằng, có người mua một thần Chương Liễu từ một thầy phù thủy, mong rằng nó có thể báo ỉn mọi điều hung cát, không ngờ, nó chỉ có thể dự đoán những chuyện vật vãnh trong nhà, lại rất nghịch ngợm, hay phá phách người khác, khiến người trong nhà không lúc nào được yên giấc. Chỉ có vậy mà thôi.

Trong Thoái tỉnh lư bút ký của Tôn Ngọc Thanh lại nói thần Chương Liễu có bản lĩnh khá lớn, nhưng phải có bùa phép do pháp sư niệm chú, đợi đến nửa đêm nó mới có thể nói chuyện được. Chuyện kể rằng, khi pháp sư hỏi chuyện làm ăn buôn bán hôm sau, thần Chương Liễu cũng chỉ nói mập mờ, khi hỏi những việc khác thì nó đều không biết, hỏi nhiều lại khiến nó nổi giận. Nhưng qua những gì thần Chương Liễu nói, pháp sư có thể dự đoán được lỗi lầm ngày hôm sau, điều này cũng rất đáng nghi. Nếu như nó có thể dự đoán được tình hình buôn bán trên thị trường thì chủ nhân của nó chuyển hẳn sang kinh doanh từ lâu rồi, không cần phải vất vả đi làm đạo sĩ giang hồ. Ngoài ra còn có một câu chuyện khác như sau, một ông nọ bỏ ra mười hai lạng bạc mua một thần Chương Liễu, mong có thể nhờ nó mà phát tài. Ông ta thử hỏi nó mấy lần, quả nhiên những gì nó nói đều rất linh nghiệm, nhưng đúng lúc ông ta định kiếm một mối làm ăn lớn thì nó lại không linh nữa. Tính ra sau khi mua nó về chỉ kiếm được có mười hai lạng, vừa đúng số vốn bỏ ra mua nó. Hóa ra đây chẳng qua là do tên đạo sĩ muốn chơi ông ta mà thôi.

Dù như thế có lẽ cũng đủ làm khó ón đồ đáng thương này. Chỉ là một hình nhân bằng gỗ mà lại thần kỳ đến thế, trước tiên sẽ làm cho người ta tò mò về chất liệu gỗ đeo nên nó, có lẽ là một loại gỗ rất đặc biệt.

Có người nhìn từ cái tên thần Chương Liễu mà cho rằng, người ta kết hợp gỗ cây nhãn và cây liễu làm chất liệu đeo nên nó, lại có người cho rằng “gỗ cây nhãn dùng để đeo bé trai, gỗ cây liễu dùng để đeo bé gái” (hồi mười lăm, Hải du ký). Nhưng cả hai cách nói này đều cho rằng “chương liễu” ở đây là tên hai loại gỗ. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng chỉ cần dùng gỗ cây liễu, thậm chí có người còn nói chỉ được dùng cành liễu để đeo. Nhưng tất cả các ý kiến trên hầu như đều tồn tại những điểm bất hợp lý, bởi lẽ gỗ cây nhãn và cây liễu là những loại cây quá bình thường, chỗ nào cũng có, vậy thì những thần Chương Liễu sẽ được làm ra nhan nhản, nói không chừng ít nhất mỗi người sẽ có một con giống như điện thoại di động của chúng ta bây giờ. Sự ra đời của linh vật này chắc chắn không tầm thường. Tác giả Ngũ tạp trở đã chỉ ra rằng, gỗ của nó không phải gốc cây nhãn hay cây liễu, mà là gốc của một loài thực vật mang tên “thương lục”. Muốn có loại cây này thì phải đem người chết chôn dưới gốc cây, sau đó cây lớn lên mới có hình hài giống người vậy.

Vì vậy đến đầu đời Thanh, Trương Nhĩ Kỳ cho rằng, tên gọi chính xác của thần Chương Liễu phải là “thần Chương Lục”, bởi vì “thương lục” còn gọi là “chương lục”, mà chữ “lục” với nghĩa là lục địa đồng âm với chữ “lục” với nghĩa là số sáu. “Vật được khắc từ gốc cây chương lục, giống hình người, được yểm thêm bùa, có khả năng tiên đoán họa phúc, gọi là thần Chương Lục.” Thương lục trong Nhĩ nhĩ còn gọi là “trúc thang”. Lý Thời Trân chỉ nói loài cây này có công hiệu của “trúc đương thủy khí”, chứ không hề chú ý đến phần gốc của nó. Trong Nhĩ nhĩ nghĩa sơ được viết thời nhà Thanh cũng nói khá tỉ mỉ, còn nhắc đến nói với cái tên Vương Mẫu liễu, hay còn gọi là “dạ hồ”, giống như một vật mang hình người mà chỉ có gốc của nó giống hình người, và rất hiếm gặp, đào hàng ngàn, hàng vạn gốc cây may ra mới gặp được một cây thương lục.

Trung Quốc thời cổ đại, tất cả những loài thực vật có phần gốc giống hình người đều rất được con người tôn sùng, như các loài nhân sâm, phục linh, hoàng thị... hoặc người ta cho rằng, nó có thể làm cho con người trường sinh, hoặc có phép thần thông quảng đại. Cây thương lục là một loài cây như thế.

Nhưng nói thần Chương Liễu là vật được đẽo từ thân cây liễu cũng không phải hoàn toàn không có căn cứ. Triệu Sĩ Lâm, người đời Minh có nhắc đến “trung châu” trong Kiến chỉ biên, nói rằng thân cây liễu mọc ra phần nhọn gỗ, hình dáng hệt như hình người. Có thể nói đây chính là một thần Chương Liễu do thiên nhiên tạo ra. Trên thân cây liễu lại mọc ra phần nhọt gỗ giống hệt hình người, nếu người thường nhìn thấy chắc sẽ không khỏi nổi da gà, nhưng những người có con mắt tinh đời sẽ nghĩ ngay đến việc mang về đẽo thành một thần Chương Liễu. Chàng thư sinh Triệu Sĩ Lâm lại nhớ đến một loại linh vật khác được ghi chép trong sách cổ tên là “phong quỷ”. Có người nói “phong quỷ” ở đây là cái nhọt gỗ trên thân cây phong, cũng có người nói nói chính là một loài tâm gửi đồng nhờ thân cây phong, nhưng đến đời Nam Triều bắt đầu được thần thánh hóa, trở thành một quỷ vật linh thiêng. Muộn nhất là đến đời Đường, mọi người dùng thiên bàn làm la bàn bởi tin vào phép linh của gỗ phong. Chất liệu chủ yếu lại là gỗ táo, cho nên nó có một tên gọi khác nuawxla “phong thiên táo địa.” Không chỉ vậy, Lưu Tuân trong Linh biểu dụ dị có ghi chép về công dụng của gỗ phong như sau: “Các vị pháp sư lấy gỗ phong khắc hình nhân thì chắc chắn linh nghiệm.” Điều này không khỏi làm người ta tò mò, có lẽ tiền thân của thần Chương Liễu xuất hiện từ thời nhà Đường. Hơn nữa cũng không thể nói đây là chứng cứ duy nhất, chúng ta có thể thấy trong Đậu dương tạp trở có đoạn kể về một đạo sĩ chuyên tâm tu luyện, không dám một ngày trễ nải. Bỗng một hôm, vị đạo sĩ mơ thấy một cái cây lớn, trên cây đột nhiên mở ra một cái động, rồi một thằng nhỏ chạy ra, khiến đạo sĩ giật mình tỉnh giấc. Nếu đứa trẻ kia có thể báo trước nhưng đem hung cát thì chẳng phải là tiền thân của thần Chương Liễu đó sao?

Nhưng một miếng gỗ hình người, bất kể là nó giống một cách tự nhiên hay được gia công lại thì linh khí trời đất trong mảnh gỗ đó cũng là thứ hữu hạn. Giống như Vương Triệu Vân đã nói: “Bất tất sinh nhân hồn sáng, chỉ dĩ thảo mộc hợp nhi vi chi.” Một miếng gỗ lại trở thành thần linh, dự báo được tương lai hay sao? Mục đích trục lợi của các vị pháp sư chế ra thần Chương Liễu đương nhiên không dễ dàng lật tẩy được.

Vương Sĩ Tính, người nhà Minh đã từng viết trong Quảng chí dịch, sở dĩ từ một miếng gỗ có thể đẽo thành hình người, lại có linh hồn như người thật, là bởi trước đây dưới gốc cây có chôn xác hai đứa trẻ nhà họ Liễu và họ Chương, ngày tháng trôi qua, linh khí hai đứa trẻ nhập vào gốc cây mà thành thần Chương Liễu. Nhưng trong tác phẩm cũng có nhắc, chỉ dùng gỗ đó đẽo thành hình đứa trẻ thì không thể lập tức linh ứng, mà pháp sư phải dùng kim châm vào tai nó và luyện phép qua bốn mươi chín ngày thì đứa trẻ mới có thể nói chuyện được, lúc đó mới rút kim ra.

Đọc đến đây, có lẽ người ta thậm cảm thấy cái gọi là thần Chương Liễu này phảng phất mùi máu của người chết, chứ không đáng yêu lạnh lợi như trong Dạ vũ thu đăng lục có nhắc đến.

Linh ca, Linh tỷ

Trong hồi mười lăm của Hải du ký có nói thần Chương Liễu cũng phân biệt giới tính nam nữ, được gọi với hai cái tên là Linh ca và Linh tỷ, cách luyện ra các Linh ca, Linh tỷ này là: “Lấy gỗ cây nhãn làm Linh ca, gỗ cây liễu làm Linh tỷ, dung thiên linh luyện bốn mươi chín ngày, nửa đêm đem chiên trên chảo dầu, nhốt hồn ma vào trong người gỗ, niệm chú một trăm ngày mới được một đôi Linh ca, Linh tỷ.”

Cách làm này dường như khó khăn và đáng sợ hơn gấp vạn lần so với việc Mai Siêu Phong luyện cửu âm bạch cốt trảo. Hải du ký là một tiểu thuyết ma quái tiêu biểu. Đem hồn ma quỷ nhốt trong thân hình người

gỗ là một cách liên tưởng khác hợp với tư duy của người Trung Quốc. Ngay cả những lão phu tử Nho gia chính thống khi giảng về đạo lễ tế cũng dạy các đệ tử rằng, chỉ cần con cháu hiếu thảo, thành tâm cầu khẩn thì sẽ khiến linh hồn của tổ tiên yên vị trên tấm bài vị đó thôi. Đương nhiên, linh hồn của tổ tông không thể dùng làm chất liệu để luyện thần Chương Liễu được, nên phải mượn vong hồn của người khác, cách làm này cũng rất hợp với những thủ đoạn của thời đại cũ. Có thể dùng cách bắt, bỏ tiền ra thuê, lừa về... nhưng tương truyền cũng có những hồn ma tự nguyện nhập vào đó để tìm chỗ yên thân.

51. Chương 18 - Part 2

Thẩm Bình Sơn trong Trung Quốc thần minh khái luận có nhắc đến “huyền thuật biên” và “liễu nhân dự báo thuật”, được coi là biến thể của thần Chương Liễu: “Thuật này được lưu truyền đã lâu, tương truyền chỉ cần hợp mệnh, thì những người am hiểu về đạo thuật đều biết thuật này. Khi luyện thuật này, trước tiên phải chọn được ngày lành, lấy một đoạn cành liễu mọc ở hướng đông, gần nguồn nước, đeo thành một bức tượng, cao khoảng hai tấc sáu, ấn đủ bảy huyết, tay trái giơ lên lấy khí dương, tay phải chỏ xuống lấy khí âm, mình mặc áo màu xanh lá, lại dùng cát đỏ viết lên tờ giấy màu vàng mấy dòng “tâm can tì thận phối”, cuộn lại, gói vào trong bụng. Tiếp đến dùng máu mào gà bôi lên miệng, ghi giờ, ngày, tháng, năm, đờn giáp tử, khấn thần nhất, tế lễ trong một căn phòng yên tĩnh, dùng gà trắng, cá khô, đầu thỏ, quả dưa làm đồ lễ. Hằng ngày, mỗi buổi sáng sớm niệm “nhĩ khí chú” trước, sau đó niệm “truy hồng hiện hình chú” bốn mươi chín lần, trưa và tối cũng lặp lại y như thế. Luyện đến ngày thứ hai mươi mốt thì lá cờ đỏ treo trên bàn thờ sẽ tự động phát lên, có nghĩa là hồn đã biến hình. Hai mươi lăm ngày sau thì thấy hiện hình, trong thời gian đó không được phép để chó mèo lại gần, người làm phép phải giữ mình chay tịnh, rồi đặt hình nhân vào trong lọ sứ, được vãi đồ, dùng que tre gõ nhẹ, sẽ thấy bên trong có tiếng nói, có thể dự báo chi chúng ta chuyện tương lai.

Mặc dù đã kể rất tỉ mỉ nhưng vẫn có những tình tiết khá mơ hồ. Viết tám chữ ngày, giờ, còn cả “truy hồng hiện hình chú”, đây rõ ràng pháp sư đã chọn được một hồn ma nào đó để luyện rồi, những hồn ma này được chọn hay bị dụ dỗ bằng cách nào thì không ai biết Lý Trần Thanh đời nhà Thanh có nhắc đến “nhĩ báo pháp” trong Tập dị tân sao, trong đó kể rất tỉ mỉ kinh nghiệm ông luyện thần Chương Liễu, trong đó phải kể đến chi tiết này, tuy cách luyện của ông không hoàn toàn giống cách chúng tôi vừa nhắc ở trên.

Theo những nguyên tắc của việc luyện pháp thuật, trước tiên phải chọn được hai người chết, một người thông minh và một người hung dữ bạo tàn, sau đó viết tên của họ lên bài vị, dụ thần trông coi nhà cửa và ông Táo vào trong mật thất, niệm chú bay ngày bảy đêm, hồn ma của họ sẽ tự khắc đến. Ban đầu, bên tai ta sẽ thấy có âm thanh như tiếng ruồi bay, sau đó âm thanh lớn dần như có một đàn ong đang bay đến. Tiếp đó hãy niệm “khai hầu chú” là có thể nghe được tiếng nói của hồn ma. Bây giờ mới bắt đầu thỏa thuận, giao kèo với hồn ma, bắt chúng phải nghe theo sự sai khiến của mình, nhưng thời gian chỉ được hạn định trong vòng một năm. Lý Trần Thanh đã từng thử cách này một lần nhưng công cốc, không thấy bóng ma cũng không nghe thấy có tiếng động nào. Sau đó, nhờ có sự trợ giúp của pháp sư Hoa Mỗ mới dụ được một con ma tới, nhập vào người pháp sư họ Hoa nói chuyện với Trần Thanh, không ngờ con ma đó lại chính là người bạn đã mất của ông. Người bạn nghe xong lý do tại sao ông lại gọi chính mình về, liền tức giận mắng rằng: “Lúc sinh thời chúng ta đã có mối thâm giao, tại sao lại phải dùng yêu thuật để sỉ nhục ta như thế!” Lần thử nghiệm thứ ba, Lý Trần Thanh định gọi hồn người hàng xóm, không ngờ mới luyện được chín ngày thì ông đổ bệnh hai tháng. Người ta đồn rằng sau đó ông cũng gọi được hồn về, nhưng chỉ gặp trong mơ có một lần, không được coi là chính thức. Xem ra, cả ba lần thử nghiệm của ông đều thất bại. Thế nên cuối

cùng tác giả đi đến kết luận, “đời này không ngộ được đạo ấy, nay đốt sách đoạn tuyệt”, dường như đã có chút giác ngộ, nhưng khi đọc lại những ghi chép của ông, mới thấy thực ra ông vẫn chưa tỉnh hẳn cơn mơ.

Nhưng tôi cảm thấy, đây đều là những pháp thuật mà các thầy phù thủy có thể công khai với người đời, tuy có đôi chút tà giáo, nhưng trên dương thế thường không có quy định nghiêm cấm chiêu hồn người đã khuất, cho dù có bị người ta nghe thấy cũng không sao. Còn về phép thần Chương Liễu mà họ thực sự đã dùng thì đương nhiên sẽ không để người khác biết. Tác giả cuốn Hồng lâu bình mộng có một quyển bút ký mang tên Minh trai tiểu thức, trong đó chương mười hai kể về câu chuyện “quỷ tiên”, mà “quỷ tiên” ở đây chính là thần Chương Liễu. Tiểu thư đồng của Phan Thành Chương nhặt được một cậu bé người gỗ dài hai tấc, mắt mũi, chân tay đều đủ cả. Cậu ta tưởng đó là một món đồ chơi liền giấu nó vào trong bụng. Không ngờ một lát sau, cậu bé người gỗ bắt đầu bắt chuyện, “tiếng nói nhỏ nhẹ như tiếng gà con, nói về những việc vặt trong nhà sau này, thằng bé họ Chu, sinh ra ở Hoa Đình, ba tuổi ở Phú Dương, nay hóa thành quỷ tiên”.

“Sinh ra ở Hoa Đình, ba tuổi ở Phú Dương” là ý gì? Tiền Vịnh, người đời Thanh, trong chương hai mươi tư, quyển Lữ viên từng thoại tiết lộ một bí mật: “Ở vùng giữa Ngô - Việt hiện nay có các thầy bói đạo, mỗi người đều dùng một hình nhân gỗ khắc tám chữ, dùng bùa chú nhốt linh hồn đứa trẻ vào hình nhân gỗ, được gọi là thần Chương Liễu.” Khoảng giữa Ngô Việt mà tác giả nói đến ở đây là vùng Phú Dương thuộc Chiết Tây, ở đó có một dãy các gia đình chuyên chế tác tượng thần Chương Liễu.

Niệm thần chú âm phủ nhốt linh hồn đứa trẻ vào trong người gỗ, hóa ra thần Chương Liễu là dùng linh hồn trẻ nhỏ tạo nên! Quỷ tiên đó vốn là người Hoa Đình, lúc ba tuổi bị pháp sư yểm bùa bắt mất hồn, mang đến Phú Dương, có lẽ là định luyện quỷ tiên ở đây. Đương nhiên thần Chương Liễu có khả năng tiên đoán sự việc, khi rơi vào tay bọn pháp sư ma tà thì chúng không đơn thuần là một món đồ chơi nữa, mà bọn chúng dùng những sinh linh bé bỏng để kiếm tiền.

Đỗ Tiên

Tương tự như thần Chương Liễu, Linh ca, Linh tỷ còn có một loại quỷ tiên chuyên chui vào bụng người, đó là Đỗ Tiên. Viên Mai trong chương mười bốn cuốn Tử bất ngữ có kể về chuyện ma quỷ chui vào bụng người, và xếp cả ba thứ quỷ vật này vào cùng một loại. Vợ của Tiêu cử nhân là Kim Thị mời một tên thầy bói mù đến nhà, tên thầy bói này kể những việc trong quá khứ của Kim Thị chính xác không sai một li, khiến Kim Thị vô cùng khâm phục, liền tặng cho rất nhiều vàng bạc và cung tiễn ra tận cửa. Nhưng đến nửa đêm thì trong nhà có vật tác quái. Trong bụng Kim Thị đột nhiên phát ra tiếng người: “Sư phụ tôi đã đi rồi, tôi đành sống nhờ trong bụng phu nhân vài ngày vậy.” Kim Thị hoài nghi đó là thần Chương Liễu, liền hỏi: “Người có phải là Linh ca không?” Người đó đáp: “Tôi không phải Linh ca hay Linh tỷ gì hết, sư phụ lệnh cho tôi phải chui vào bụng phu nhân để tác quái, lừa lấy tiền bạc.” Vừa dứt lời, Kim Thị liền cảm thấy đau bụng dữ dội.

Tiêu phu nhân hằng ngày nhàn rỗi không có việc gì làm, lại đi mời thầy bói về bói toán, đúng là tự chuốc vạ vào thân. Nói về tên quỷ quái trong bụng bà ta, tuy không phải là hình nhân bằng gỗ, nhưng cũng có thể gọi là thần Chương Liễu hoặc Linh ca, Linh tỷ. Trung Hoa toàn quốc phong tục chỉ có đoạn viết rằng: “Nghiệp thử giả tự vị hữu chương liễu thần, năng giới thiệu dĩ tử chi hồ dữ sinh nhân tiếp đàm, hầu gian tác thanh tức tức, văn giả bất minh, tất tu kỳ vi chi phiên dịch, phương năng minh liễu, vị chi “quản linh ca”.” Ở đây “quản” lẽ ra phải là “quan” trong “quan đồ tiên” hay “quan vong” của cả thầy phù thủy dân gian, cách gọi tắt của việc mời hồn người chết về nói chuyện, còn tiếng kêu trong bụng kia thực ra chỉ là “phức ngữ thuật” (tiếng nói riêng của bụng), là những Linh ca, Linh Tỷ ở trong bụng, tức Đỗ Tiên đang nói chuyện, Quan Đồ Tiên là quỷ vật phổ biến của các thầy phù thủy dân gian vùng Chiết Giang, không biết nó bắt nguồn từ đâu, nhưng ít nhất đã tồn tại từ cuối đời Minh cho đến cuối đời Thanh. Mộng xương tạc

trứ cho rằng Đỗ Tiên chỉ là một sinh linh, chuyên thông báo nơi ở của vong linh cho người thân của người đã khuất, tuy cũng nhằm mục đích kiếm tiền nhưng không có ác ý. Ngoài ra còn có một câu chuyện được lưu truyền trong dân gian thế này: “Có một lão bà thường ngày thờ Đỗ Tiên, dựa vào nó để kiếm tiền sinh sống. Sau khi lão bà chết, Đỗ Tiên không nơi nương tựa, thỉnh thoảng lại hiện hình, lấy tên là Vương Tú Anh, trang điểm lộng lẫy, dáng vẻ yêu kiều, một năm sau bỗng nhiên biến mất. Có thể thấy Đỗ Tiên thực ra cũng là một linh hồn, về bản chất chẳng có gì khác với thần Chương Liễu.

Đổng Ca

Các bà phù thủy vùng Từ Khê cũng nhờ vào Đỗ Tiên để kiếm tiền, đương nhiên là vì mục đích trục lợi, nhưng nếu vì thế mà mang tội giết người thì quả là việc làm đại dột. Vì thế nói một cách công khai, sở dĩ những hồn ma chui vào bụng người, chấp nhận chịu sự sai khiến của các pháp sư là bởi khi còn sống chúng nợ tiền họ. Hữu đài tiên quán bút ký có viết:

Tục truyền rằng, vùng Từ Khê có thứ tên là Đỗ Tiên, tương truyền là quỷ nợ, lúc sinh thời vay tiền của người ta mà không trả được, nên đành chui vào bụng người đó, dùng sức mạnh ma quỷ của mình để gọi hồn người chết trở về, vì thế người kia buộc phải trả thù lao, món nợ coi như xí xóa. Trả được nợ rồi, con ma tự khắc sẽ rời đi. Có khi chỉ có một con ma chui vào bụng, cũng có khi nhiều con ma cùng chui vào một lúc. Ban đầu, khi mới bị ma nhập, người đó sẽ ngã bệnh, ăn vào đều nôn ra. Người Từ Khê cực kỳ tin vào điều này.

Rốt cuộc cách trả nợ này khiến chủ nợ biến thành thầy phù thủy hay thần phù thủy cố tình đòi nợ, ép người thiếu nợ phải bán mình làm Đỗ Tiên, với trí lực người phàm như chúng ta quả thực khó lòng mà biết được, bởi vì ai cũng biết rằng, trên đời này, những người làm từ thiện mà trong bụng không có quỷ quả thật không nhiều.

Thẩm Đức Phù trong chương hai mươi tám, quyển Vạn lịch dã hoạch biên có câu chuyện Tam hiếu kiêm tác quỷ, kể về việc hồi nhỏ, khi ông ở Vô Tích, có thầy pháp sư họ Tôn đến hỏi thăm, người này luyện quỷ làm tay sai ình, con quỷ đó kể về những chuyện trong quá khứ như đang diễn ra trước mắt, hỏi những việc sau này cũng trả lời thông suốt, không những thế nó còn có tài thơ phú, quả là bậc kỳ tài. Trong lúc trò chuyện mới biết con quỷ này không chỉ là thành phần tri thức, mà còn từng đoạt giải nguyên, ít nhất cũng là một trạng nguyên đứng đầu một tỉnh. Hỏi anh ta tại sao lại không siêu sinh, cam phận làm trâu ngựa cho tên pháp sư đó, anh ta liền đáp rằng: “Vì lúc sinh thời nợ tiền của người ta, nên giờ phải trả đủ mới siêu sinh được.”

Những câu chuyện như trên đã cách chúng ta cả nghìn năm lịch sử, tài liệu sớm nhất mà tôi tìm được là câu chuyện trong Bắc mộng tảo ngôn của Tôn Quang Hiến. Hồn ma trong câu chuyện là một nhân vật danh tiếng lừng lẫy, đó là Điền Bố, giữ chức Ngự bác tiết lộ sứ dưới thời Đường Mục Tông, còn người sai khiến ông ta là bà bói già. Hỏi rằng: “Ngài chết oanh liệt, hà cớ gì phải hạ mình chịu sự sai khiến của một mụ đàn bà?” Vong hồn Điền Bố buồn bã đáp: “Tôi đây mang nợ người ta tám trăm nghìn quan tiền, nên đành phải nhặn nhục làm tay sai để trả nợ cho đến khi hết nợ mới thôi.” Mụ thầy bói kia kiếm tám trăm nghìn quan tiền dễ như trở bàn tay, vì thế có lẽ chuyện ma quỷ chịu sai khiến để trả nợ là chuyện rất khó tin, ngay cả thân phận Điền Bố kia cũng chưa chắc đã là có thật.

Trong Tục di kiên chí cũng có đoạn như sau: “Sau Nam Độ (chỉ kinh đô thời nhà Kim, do bị Mông Cổ uy hiếp phải dời đô đến Biện Lương), kinh sư xuất hiện một “Mãn sư” với một “thần đồng”, tương truyền đứa trẻ xuất thân dòng dõi quý tộc, họ A Bất Hân Thị. Lên tám tuổi, nước Kim rơi vào loạn lạc, buộc phải rời

kinh, đứa bé bị người ngựa giẫm chết. Vì khi sống còn nợ tiền Mãn sư chưa trả, nên khi chết phải trả nợ. Đứa trẻ có thể nói chuyện với người dương, hỏi chuyện gì cũng trả lời vanh vách.

“Mãn sư” ở đây chỉ các pháp sư Sa Mãn của Sa Mãn giáo, tộc người Nữ Chân. Đồng ca ở đây là vong hồn của một đứa trẻ, hơn nữa, đứa trẻ này chết do bị người ngựa giày xéo khi người Kim rút khỏi kinh đô cũ, vậy thì vị pháp sư kia không phải chịu trách nhiệm về cái chết của nó. Nhưng bất kể là đứa trẻ chết như thế nào thì vị pháp sư kia cũng không nên dùng linh hồn của nó làm nô lệ phục dịch mình, vì thế, cái có “trả nợ lúc sống” có thể coi là lý do hợp lý nhất.

Nhưng khiến người ta khó lý giải nhất là đứa trẻ xuất thân quyền quý, Điền Bố là một tiết độ sứ đại tướng quân, anh thứ sinh kia từng thi đỗ trạng nguyên, trong nhà có lẽ chẳng thiếu tiền bạc, lẽ nào lại để thiếu nợ người ta không trả được, món nợ từ kiếp trước không thể để đến kiếp sau, khi được đầu thai làm người lần nữa hoàn trả sao? Lẽ nào nhất định phải bắt người ta bán linh hồn làm tay sai cho đám phù thủy mới trả hết nợ? Trong các câu chuyện của Mephisto Pheies và Faust, nếu ma quỷ muốn sai khiến linh hồn người sống, đều phải ký kết thỏa thuận hoặc khế ước, như vậy ít nhất vong hồn nào đến đời bị ma quỷ sai khiến cũng có được đôi chút quyền lựa chọn, hoặc cũng có thể gọi là quyền “tri tình”, còn các vị pháp sư Trung Quốc thì hoàn toàn là phong các Hoàng Thế Nhân, không hiểu thế nào là “thương mại”, thế nào là “thiếu nợ”.

Từ Huyền, người đời Nam Đường có ghi chép trong Kê thần lục câu chuyện “thần thần”, cũng thuộc một lại Linh ca, Linh tử. Hồn ma này lúc sinh thời cũng là con nhà quyền quý, nhưng vì lúc sống thiếu nợ người ta mấy trăm nghìn đồng, nên sau khi chết đi phải làm “thần thần” chịu sự sai khiến của chủ nợ. Nhưng khác với các Linh ca kể trên, chủ nợ của “thần thần” không phải là những pháp sư chuyên nghiệp, mà chỉ là những quan quân nhỏ. Còn một điều đáng chú ý nữa, hồn ma này bắt buộc phải làm “thần thần” trả nợ bởi đây là phán quyết của địa phủ, có căn cứ và cơ sở pháp lý! Thực ra, nguyên nhân của nó cũng rất đơn giản, các vị pháp sư đều có thể tạo ra những khoản nợ giả, vậy thì một phán quyết giả của địa phủ đối với họ cũng chẳng có gì khó khăn cả, họ có biến ra cả một địa phủ giả cùng là chuyện bình thường.

Thần Độc Lâu

Năm Nguyên Thuận thứ ba, tức năm 1343, tại một địa phương thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc (nay thuộc khu tự trị Nội Mông) xảy ra một vụ án kỳ lạ làm kinh động một thời. Bởi nhân vật chính trong vụ án và nguyên cáo là những hồn ma không rõ mặt. Sự việc đã được đưa lên tới cấp lãnh đạo tỉnh Trung Thư và cấp trung ương nên được gọi là “Trung Thư quỷ án”. Tình tiết vụ án đại để như sau: Có một thầy phù thủy tên là Vương Vạn Lý sát hại một tiểu đồng bằng tà thuật, lấy linh hồn đứa trẻ rồi xui khiến linh hồn làm điều ác. Cuối cùng, linh hồn đứa trẻ đã hiển linh và vạch trần tội giết người của Vương Vạn Lý. Tình tiết vụ án đơn giản, trong đó có nhiều điều kỳ ảo, chúng tôi sẽ phân tích ở một văn bản khác mang tên Trung Thư quỷ án. Ở đây chỉ nói đến tà thuật này là do một kẻ tà đạo họ Lưu truyền cho. Để thực hiện bí quyết này đầu tiên phải xem quẻ, tính toán đầu ra đấy, rồi chọn những bé trai và bé gái thông minh, mê hoặc nó bằng cách yểm bùa và niệm thần chú. Sau đó cắt mũi, môi, lưỡi, tai, mắt của chúng, niệm thần chú để lấy hoạt khí. Tiếp đó cắt bụng, tim và gan mỗi loại một miếng nhỏ, phơi khô, băm nhỏ, sàng lấy bột mịn, gói lại bằng lụa ngũ sắc, rồi dùng giấy làm thành hình nộm, sau đó dùng cách niệm thần chú sai khiến linh hồn đi tác quái người khác. Trong suốt quá trình cắt lấy bộ phận cơ thể của đứa trẻ, không được để cho nó ngừng thở. Tình tiết câu chuyện nghe mà rợn cả người.

Trước thời nhà Nguyên là thời nhà Tống và nhà Kim. Thần tiên và ma quỷ lúc đó ngoài “Đồng ca” ra còn có “Độc Lâu” và “Minh Đồng”. Trong đó, “Minh Đồng” được tạo ra từ linh hồn người sống, cách tạo ra “Minh Đồng” cũng vô cùng tàn khốc.

“Thần Độc Lâu” xuất hiện trong quyển Hồ hải tân văn di kiên tục chí của tác giả Dật danh. Nội dung chủ yếu là những câu chuyện thời Tống và thời Kim. “Thần Độc Lâu” xuất hiện vào thời Nam Tống, cùng với “Đồng ca” tuy ranh giới phân chia hai miền Nam, Bắc nhưng hầu như xuất hiện cùng thời. Vào những năm Nam Tống Lý Tông Gia Hy, ở một lần nọ có một cháu nhỏ chừng mười tuổi bỗng nhiên mất tích. Người ta tìm khắp nơi nhưng đều bất vô âm tín. Hôm ấy, trong khi người làng đang bữa đi tìm cháu nhỏ thì trời bỗng mưa như trút nước, họ bèn tránh mưa ở mái hiên một nhà gần đó. Bỗng nhiên nghe thấy tiếng cháu nhỏ la hét, gọi tên ông nội, nghe đến kinh hoàng. Đến khi xác định chính xác đó là tiếng cháu nhỏ, họ liền đi trình báo. Sau khi quan quân lục soát, cuối cùng đã tìm thấy đứa trẻ được giấu ở một cái hòm của gia đình ấy trong trạng thái quất queo, dường như không còn nguyên vẹn hình người và chỉ còn thoi thóp thở. Khi được đưa đến cửa quan, đứa trẻ vẫn cố gắng kể đầu đuôi sự việc. Khi mới bị bắt, đứa trẻ được dỗ dành ngon ngọt, được ăn một bữa no. Sau đó bị bỏ đói. Hằng ngày, thầy phù thủy dùng giấy vẽ lên mình nó từ đầu đến chân và bị đóng đinh vào các khớp tay chân. Hành động hết sức dã man.

Đứa trẻ kể xong thì tắt thở, thế là tên phù thủy không thể chối tội, cả nhà y đã phải đền tội. Cuối cùng tác giả đã phán rằng:

Những người phán đoán về vận may rủi ngày nay đều dùng phép thuật bắt trẻ con như thế. Đợi đến khi đứa trẻ qua đời, nhặt lấy xương khô, nhập hồn phách vào để cô hồn báo mộng. Cô hồn đó gọi là thần Độc Lâu.

Cái tên “thần Độc Lâu” khiến người ta phải khiếp sợ. Hơn nữa, cách tạo ra vị thần này hết sức tàn nhẫn. Người ta nghi ngờ rằng, hai chữ “độc lâu” là thể biến âm của từ “chương liễu”. Bởi vì, vật này tuy đáng sợ nhưng không có quan hệ gì với “độc lâu”, do đó, “thần Độc Lâu” là do đọc nhầm từ một cái tên khác. Thực ra không phải như vậy, những bản lĩnh của “thần Độc Lâu” như người ta nói đều có căn cứ. Trong quyển Những chuyện khôi hài về Độc Lâu đã từng dẫn lời của Thích Tấn Ninh trong bài Đông Pha tiên sinh vật loại tương cảm chí, “độc lâu” được xuyên qua thân bằng cổ bông, hoặc bị trát bùn, dầu để trần cũng có khả năng dự báo điềm lành dữ, cát hung, đó chính là “thần Độc Lâu”, tà thuật này chưa hoàn toàn thất truyền. Từ đó về sau, cho đến tận đời nhà Thanh, có trường hợp người ta dùng xương người chết để tạo ra “thần Chương Liễu” là như vậy.

Ngoài ra, thời Nam Tống còn có một loại thần tên gọi “Minh Đồng”, cách tạo ra vị thần này cũng khá tàn nhẫn. Hơn nữa lại dùng thai nhi trực tiếp từ trong bụng mẹ. Như vậy là lại cướp thêm một sinh mạng nữa. Trong quyển hạ, cuốn Quý tân tạp thức của Chu Mật có ghi lại câu chuyện ở vùng An Cát, huyện Chiết Tây như sau:

Ở một làng nọ thuộc huyện An Cát, có một người phụ nữ đang mang thai. Hằng ngày đưa cơm cho chồng đi làm đồng, lần nào cũng đi men theo lối cạnh miếu. Thế rồi có một người hành nghề bói toán ở trước miếu nhìn thấy bèn theo dõi. Một hôm, nhân lúc người phụ nữ này đi qua, y bèn mời chào mà rằng: “Nay tôi làm cơm, mời nhà chị đến ăn cùng.” Người phụ nữ đồng ý, hai người cùng đi vào chỗ vắng trong miếu. Lúc đó, y cười và nói: “Bụng chị to lắm, nhất định là song thai.” Người phụ nữ hỏi lại rằng: “Cớ sao ông biết?” Y nói: “Chị thè lưỡi ra, ta xem, có thể đoán biết thai nhi là trai hay gái.” Người phụ nữ bèn thè lưỡi ra, để cho lão thầy bói dùng dây ngoắc lấy. Thế là người phụ nữ cả tin kia không sao mà kêu lên được. Y bèn mổ bụng chị ta ra, mẫu lên tế thần, sau đó nung đứa trẻ lên làm nến, tạo ra thần dự báo Minh Đồng.

52. Chương 18 - Part 3

“Minh Đồng” ở đây không phải là hồn ma làm từ gỗ, mà là làm bằng sáp thai nhi. Linh hồn vốn nặng trĩu, có thể không cần dùng thủ tục “luyện” mà vẫn thành, nhưng sự tàn nhẫn của nó có thể còn cao hơn.

Những câu chuyện cắt thân thể người sống như vậy đều do thầy phù thủy đóng vai trò chính, những câu chuyện truyền tụng trong dân gian như tà thuật dụ dỗ trẻ con, làm chúng hôn mê rồi cắt những bộ phận trên cơ thể xưa nay vẫn xảy ra. Nói một cách công bằng, những câu chuyện này cũng gần như những lời đồn đại ở phố xá, chưa chắc đã hoàn toàn đúng. Trong quá trình truyền miệng không tránh khỏi có nhiều yếu tố được phóng đại lên, nhưng cũng không thể nói là không có thực. Bất luận là sự việc có hay không, thực hay hư, vấn đề ở chỗ, khi người ta có thể tưởng tượng ra phép thuật như vậy thì đều phải có trạng thái tâm lý siêu phàm.

Câu chuyện về “Minh Đồng” xảy ra thời Nam Tống được nhiều người biết đến. Trong quyển hai của bộ sách Mật trai tùy bút do Tạ Thái Bá, người cùng thời viết dường như cũng bàn về nguồn gốc của Minh Đồng và cho rằng đó chính là “thần quân” mà Hán Vũ Đế tôn thờ. Thực ra, chức năng chủ yếu của các vị thần đại loại như “Minh Đồng - Chương Liễu” là dự báo. Nhưng thần quân thì không chỉ có vậy. Điều này đã được giới thiệu một cách tỉ mỉ trong quyển Phong thiển thư - Sử ký. Tuy nhiên, cội nguồn của thần Chương Liễu quả là rất xa xăm, không dừng lại ở đời nhà Tống, nhà Kim. Mà cũng không dừng lại ở đời Tây Han. Nếu suy diễn ra, có lẽ bắt đầu từ thuật phù thủy nguyên thủy.

Thần Nhĩ Báo

Trong các loại thần tiên, ma quỷ, còn có một cái tên được người ta biết đến, gọi là “thần Nhĩ Báo”. Trong phần nói về “thần Chương Liễu”, quyển hạ, cuốn Huy trần tân đàm của tác giả Vương Triệu Văn có viết: “Thuật nhĩ báo là đa đoan, cũng giống như thần Chương Liễu mà người đời truyền tụng.” Quyển bốn, sách Quảng chí dịch của tác giả Vương Sĩ Tĩnh có viết: “Ở Phụng Tân có vị thần Chương Liễu, tên tục là Nhĩ Báo.” Sách Kinh lâm tục ký của tác giả Chu Nguyên Vĩ lại gọi liền là “Nhĩ Báo - Chương Liễu thần”. Sách Tập dị tân sa của Lý Chấn Thanh nói rằng, việc luyện thần Chương Liễu được gọi là “Nhĩ Báo pháp”. Có thể thấy thần Chương Liễu là một loại của thần Nhĩ Báo, có điều là người ta dùng tên gọi này thì có thể nhấn mạnh chức năng do thám và truyền tin.

Danh từ “thần Nhĩ Báo” thường gặp trong tiểu thuyết thời Minh - Thanh. Hồi thứ tám mươi hai của Tây du ký có viết: “Tôn Ngộ Không biến hóa khôn lường, phía sau tai giống như hình Nhĩ Báo, nhưng khi nói duy chỉ có Tam Tạng nghe thấy.” Nhĩ Báo này chính là thần Nhĩ Báo, bởi vì thần này đã đặt lời nói thầm bên tai chủ nhân, khiến cho người khác không nhìn thấy, cũng không nghe thấy.

Hồi thứ bốn mươi bảy trong Hồng Lâu Mộng có đoạn ghi lại lời Giả Thái Quân như sau: “Không biết là đến để làm thần Nhĩ Báo, cũng không biết là đến để làm thám tử, thật là bí hiểm.” Trong hồi bảy mươi mốt, Phụng tiểu thư nói: “Đây lại là thần Nhĩ Báo của ai, mà sao nhanh thế?” “thần Nhĩ Báo” ở đây là một sự ví von. Nói theo kiểu hiện nay nghĩa là một thứ cực kỳ tinh quái trong việc dò la những điều riêng tư của người khác. Không những thế, nó còn có khả năng xuất quỷ nhập thần, truyền tin dò la được cho người khác, bởi vì đó là một vị thần. Nhưng trong dân gian, người này đương nhiên chưa đủ tư cách làm mật thám quan phủ, nên chỉ có thể truyền những tin giữa những người hàng xóm với nhau, đưa chuyện thị

phi mà thôi. Trên thực tế, mấy chục năm trước, danh từ “thần Nhĩ Báo” này còn xuất hiện trong ngôn ngữ thường nhật của người dân. Từ khi xuất hiện những danh từ như “đặc vụ”, “mật thám”, chúng mới thay thế cho danh từ “thần Nhĩ Báo”.

Lịch sử của thần Nhĩ Báo còn sớm hơn nhiều so với thần Chương Liễu, hơn nữa cũng không giống những trò tiểu xảo chỉ dùng để gọi hồn hay lừa gạt tiền tài như thần Chương Liễu. Thần Nhĩ Báo đã từng có một thời huy hoàng tham dự vào chính sự. Vì vậy, dù thế nào cũng không thể để nó bị mai một.

Phù thủy lợi dụng ma quỷ, thần tiên để gieo quẻ dự báo cho khách, đó cũng chính là một ngón kiếm tiền. Ngón này nếu gặp các bậc quý nhân hay vua chúa thì sẽ ra sao? Một khi đã vào tay những kẻ đáng mặt anh hào, sẽ trở thành một thứ trong kho vũ khí để mùa đông đám lính sử dụng, tiện tay giết người, từ đó trở thành trợ thủ đắc lực cho những kẻ đáng mặt anh hào xưng hùng xưng bá. Chức năng chủ yếu của thần Chương Liễu là “báo tin”. Nếu các bậc vua chúa nuôi một đội thần Nhĩ Báo, phối hợp với đội đặc vụ thì phải nói rằng nhất cử nhất động của quan lại cho tới muôn dân, ngay cả những ý nghĩ vừa lóe lên trong đầu cũng không lọt khỏi tầm giám sát của thần Nhĩ Báo.

Thực ra, ý tưởng này, các bậc vua chúa sáng tôi hiền ngày xưa đâu thể không nghĩ tới. Thư tịch cổ của người Trung Quốc cũng có ghi chép trong mục Sở ngữ của quyển Quốc ngữ. Sở Linh Vương - một vị hôn quân tàn bạo khi từ chối lời can gián của các bề tôi: “Trong tay đã có các linh hồn, mọi can gián ta đều nghe thấy hết.”

Thời Tam Quốc, có một người nước Ngô tên là Vi Thiện Chú nói rằng: “Trung, thân, dã, yểu tử viết thương. Thương cung, thương chi cư dã. Chấp, vị bả kỳ lục tịch, chế phục kỳ thân, tri kỳ cư xử, nhược kim thể vân năng sử thương dã.” Đại ý của câu này là nắm giữ các hồn ma người chết yểu thì có thể khống chế được chúng, dùng chúng để giám sát mọi ngôn hành cử chỉ của quan lại. Những bề tôi trong lòng có ý kiến gì không thống thiết phải viết thành văn bản nhưng cũng bị vua Sở phát hiện. Đó chính là thuật “sử thương” thời Hán - Ngụy.

Đương nhiên, người có thể khống chế được linh hồn ma quỷ phải là các thầy phù thủy chuyên nghiệp. Một học giả đời Thanh tên là Huệ Sỹ Kỳ đã soạn quyển Lễ thuyết, trong đó, đối với việc từ chối lời can gián của Sở Linh Vương, ông cho rằng đó chính là tận dụng thuật giáng thần của phù thủy. Huệ Sỹ Kỳ nói rằng: “Sử thương do hạ thương, sở vị vu giáng chi lễ cái như thử.” “Hạ thương” chính là thương thần giáng thế, mà “vu giáng” chính là thần giáng thế đã bám sát vào thân thể của phù thủy. Phần Thần Chương Liễu trong quyển năm, sách Hà ngoại quận tiết ghi lại những điều càng rùng rợn hơn: “Quỷ trung chính là quỷ thân. Thương cung chính là linh hồn trẻ nhỏ. Đó chính là thần Chương Liễu và thần Nhĩ Báo ngày nay.

Huệ Sỹ Kỳ trong quyển Lễ thuyết đã đưa ra một cách lý giải quan trọng là, các kẻ sách trị dân của tầng lớp thống trị ngày xưa thường sử dụng nhiều thuật phù thủy. Cuối thời Tây Hán, một vị đại thần Nho học tên là Sư Đan kiến nghị rằng, hãy để phù thủy trợ giúp việc đại sự quốc gia. Cách lý giải này của Huệ Sỹ Kỳ không phải là lập dị. Giai đoạn thống trị thời xa xưa sở dĩ có thể giành được ngôi vị cao như vậy phần lớn là vì họ có thể thực hiện một cách hữu hiệu thuật phù thủy. Xã hội tiến bộ đã dần dần làm mờ đi vai trò của các thầy phù thủy trong việc trợ giúp giai cấp thống trị, nhưng thuật phù thủy chưa từng biến mất trong kẻ sách thống trị. Điều đó có nghĩa là đến thời Tây Hán đọc tôn Nho thuật, nền chính trị Nho gia trong suốt quá trình phát triển của nó đều liên quan đến phương thuật, thậm chí bản thân các Nho sinh cũng trở thành kẻ sỹ phương thuật. Theo cách lý giải này, thuật “sử thương” của Sở Linh Vương cũng chưa hẳn do Sở Linh Vương sáng tạo ra, có khả năng từ trước đó đã là một trong những quốc sách được sử dụng ở miếu đường.

Thời Xuân Thu, nước Sở bị các nước chư hầu vùng Trung Nguyên coi là man di, điều này các nước chư hầu không nhắc tới. Có thể chính các nước chư hầu đã phát minh ra phép thuật này, cũng có thể xuất phát từ tác phẩm Quốc ngữ, nhưng trong thiên Chu ngữ thượng đã ghi lại câu chuyện về Chu Lệ Vương như sau: Lệ Vương bạo ngược, khắp nơi dân chúng đều ca thán. Vì vậy, Thiệu công tâu lên nhà vua rằng: “Dân chúng không chịu nổi nền chính sự hà khắc.” Lệ Vương tức giận ời phù thủy nước Vệ giám sát dân chúng xem kẻ nào hé miệng kêu ca thì trình lên Lệ Vương và hạ lệnh chém đầu. Ai nấy không dám hé răng, gặp nhau trên đường chỉ dám đưa mắt nhìn nhau. Lệ Vương mừng lắm, bèn nói với Thiệu công rằng: “Ta đã ngăn chặn được dân chúng rồi đấy, không kẻ nào dám kêu ca nữa.”

Độc giả ai cũng quen với câu chuyện lịch sử này nhưng chưa chắc đã chú ý đến nhân vật phù thủy nước Vệ. Vì Thiệu Chú cho rằng: “Phù thủy nước Vệ là người chuyên trong coi, giám sát của nước Vệ. Nhờ có vị phù thủy này mà Lệ Vương biết được những ai phản nản về chính sự.” Chu Lệ Vương mời phù thủy nước Vệ đến giám sát dư luận, đương nhiên thầy phù thủy nước Vệ đã sử dụng thuật phù thủy. Cái gọi là “Hữu báng tất tri” (Có ai báng nhạo đều biết hết) chính là vì trong tây đã có thần Nhĩ Báo, sử dụng phép thuật “Hữu chấp quỷ trung, tả chấp thương cung”. Vị phù thủy này chưa chắc là người nước Vệ, rất có thể là phù thủy được mời đến trợ giúp cho nước Vệ, sau đó được tiến cử lên thiên tử nhà Chu. Nước Vệ đương nhiên là nước thân cận với nhà Chu và là một trong những nước chư hầu. Thời Chu Lệ Vương sớm hơn ba trăm năm so với thời Sở Linh Vương, chúng ta làm sao có thể chuyển “quyền phát minh” ra “thương cung” cho nước Sở được?

“Nguyên liệu” tạo ra “sử thương” chính là tính mạng của những đứa trẻ. Đối với các chủ nô cỡ lớn và lãnh chúa phong kiến, những “nguyên liệu” này là rất tiện lợi. Họ không cần những tà thuật của hậu thế, mà chỉ cần chọn ra một số nô lệ tí hon, khi cần thì giết và phù phép là được. Do đó, chúng tôi cho rằng, quyền phát minh ra “sử thương” có lẽ thuộc về các nhân vật tầm cỡ thuộc tầng lớp trên, về sau mới lưu truyền đến tay các phù thủy trong dân gian.

Để có thể xui khiến những linh hồn bé bỏng, ngây thơ, bắt chúng phục vụ ục đích của mình, giai cấp thống trị đã giày vò thể xác cũng như linh hồn của những đứa trẻ này, để bắt chúng thuận theo mình, đi làm những điều tàn ác. Tội ác này khiến cho người đời của muôn kiếp sau nguyên rửa.

Trung thư[1] quỷ án

[1] Trung Thư tỉnh: tên của cơ quan chính quyền thời phong kiến

Năm Nguyên Thuận thứ ba, tức năm 1343, tại một địa phương của tỉnh Thiểm Tây - Trung Quốc, nay thuộc khu tự trị Nội Mông xảy ra một vụ án kỳ lạ làm kinh động một thời. Bởi nhân vật chính trong vụ án và nguyên cáo là những hồn ma không rõ mặt. Sự việc đã được đưa lên tới cấp lãnh đạo tỉnh Trung Thư và cấp trung ương nên được gọi là “Trung Thư quỷ án”. Tình tiết chủ yếu của vụ án này đã được ghi chép tường tận trong thiên Trung thư quỷ án, quyển mười ba, sách Nam thôn chuyết canh lục của tác giả Đào Tông Nghi, sống ở cuối thời nhà Nguyên - đầu nhà Minh. Lời tố tội của những linh hồn bị hại vô cùng bị thảm và thể lương. Thủ đoạn giết người của hung thủ vô cùng tàn nhẫn và ghê rợn, khiến độc giả không khỏi bị ám ảnh, rất lâu sau vẫn chưa thể giải tỏa được. Ngoài phần tư liệu do tác giả Đào Tông Nghi trích dẫn, các bậc hàn lâm học sĩ đương thời thừa chỉ Lý Hảo Văn, lại dựa vào tình tiết vụ án, viết một thiên ký sự. Sau đó, một người nước Yên tên là Lương Tãi lại viết lời tựa cho thiên ký sự ấy. Hai bài viết này đã trải qua nhiều lần xử lý về hình thức nghệ thuật, nhưng về sau người ta vẫn cảm thấy còn nhiều từ ngữ chưa được tinh tế, nên đành lược bỏ và viết lại một thiên có tên là Vương Bất truyện, truyện này còn lưu trong quyển hai của

bộ sách Tổng học sỹ văn tập. So với lời kể của Đào Tông Nghi thì đây vẫn là “bản tiểu thuyết” nguyên án. Cho nên về sau, Viên Mai đã chỉnh sửa đôi chút, đổi tên là Vương Bật, và chép vào quyển Tử bất ngữ, điều đó cũng là hợp lý. Ngoài ra, thiên Chu nhi trong Liêu trai chí dị của tác giả Bồ Liêu Tiên cũng được sáng tác dựa theo nguyên bản của Vương Bật truyện.

Một vụ “quỷ án” trong vòng bốn trăm năm đã được bốn, năm vị văn nhân cỡ lớn quan tâm, hơn nữa, góc nhìn của mỗi người không giống nhau. Vì thế, chúng tôi cho rằng cần phải giới thiệu với công chúng.

Nguyên cáo của vụ án là cư dân một vùng nọ tên là Vương Bật. Dưới đây chúng tôi căn cứ vào những tư liệu mà Vương Bật trình báo lên chính quyền địa phương, được ghi chép trong quyển Chuyết canh lục, xin giới thiệu khái quát tình tiết vụ án như sau:

Sự việc xảy ra vào tháng Chín năm 1343, Vương Bật sống ở phương Lễ Kính, phố Bát Trát. Hôm đó, Vương Bật đến quán Bình Dị, phường Nghĩa Lợi thì gặp một người làm nghề bói toán họ Vương từ phương xa đến. Người thầy bói này đang tạm cư ở đây và hành nghề gieo quẻ. Vương Bật thấy người thầy bói này lạ mặt nên lân la đến hỏi chuyện. Không biết vì sao hai người sinh ra cãi cọ, lát sau, hai bên đường như không chế được bản thân nên không đến mức giằng co quyết liệt, gây ra ẩu đả.

Chính vào đêm Hai mươi chín tháng này, Vương Bật ngủ cạnh cửa sổ, chốc chốc lại nghe thấy âm thanh lạ, giống như tiếng gió thổi trong hồ lô vậy. Tắc Bắc mùa thu đêm khuya thường hay nổi gió lớn, tiếng gió thổi trong hồ lô lẽ ra không đáng để người ta sợ hãi như vậy, nhưng Vương Bật lại có những dự cảm bất thường, trong lòng chác chác âm thanh quái dị này chắc chắn liên quan đến ma mãnh. Vậy là ông lập tức mời Lý pháp sư về làm phép “khiến tống” đuổi đi. Mới nghe tưởng như chuyện bé xé ra to, nhưng thực tế không hẳn thế. Khi thầy pháp tới, trong không trung bỗng vang lên tiếng nói: “Là một tên thầy bói sai tôi đến đây.” Nói xong liền bật khóc tức tưởi, luôn miệng kêu oan. Vương Bật liền ngẩng lên nói với người trong không trung: “Người là ma hay là thần? Mau khai thật cho ta biết.” Tiếp theo liền nghe tiếng con ma trả lời: “Tôi là Nguyệt Lạp, con gái ruột của quan ở Phong Châu. Ngày Mười bảy tháng Chín tôi ra vườn đi dạo thì bị ông Vương giết chết, bắt làm tay sai của ông ta, hôm nay ông ta lệnh cho tôi đến đây tác quái.” Vương Bật liền ghi chép lại tất cả những gì ma nữ vừa nói, rồi đem đi kiện lên quan phủ. Quan phủ liền phái người đi bắt kẻ gian, đến nhà tên họ Vương lục soát, khám được một hình nhân gỗ tét tóc hai bên, trên đầu cắm bốn cây kim, mặc trang phục nữ; tám hình nhân bằng giấy, trên người đều có mảnh lụa ngũ sắc, buộc cả chỉ ngũ sắc, một nắm đuôi tóc, một bình hồ lô buộc sợi thừng đỏ, bên trong đựng hai viên đá hổ bạch, bên ngoài buộc chỉ ngũ sắc, ngoài ra còn có một là bùa viết bằng Chu Sa.

Lúc này, chắc chắn tên Vương đã bị bắt giải lên quan, nhưng sự việc xảy ra đã cách đây một tháng, lúc đó quan phủ không định án, nên vụ án tiến triển không được thuận lợi như Vương Bật dự liệu, tên Vương nhất quyết không chịu thừa nhận sự việc như Vương Bật tố cáo, những thứ thu được ở nhà hắn đương nhiên hắn cũng phủ nhận và cho rằng mình bị người khác sắp xếp, vu oan giáng họa. Hơn một tháng sau, Vương Bật lại cung cấp thêm tình tiết mới cho vụ án:

Ngày mùng Ba tháng Mười một, có một con ma hiện về kể với Vương Bật rằng: “Tôi là con trai thứ hai của ông chủ ở phương Nam, đường Phong Nguyên, tên là Ngoan Lữ, năm nay mười tám tuổi, bị tên Vương và ba tên đồng bọn giết chết, rồi đổi tên thành Ngoan Đồng.”

Ngày Hai mươi hai, lại có một hồn ma khác tìm đến kể với Vương Bật: “Tôi là con trai nhà Lý Thiếp, tên là Lý Diên Nô, còn gọi là Thường Hôi, bị lão tặc này giết hại, đổi tên thành Mãi Mãi. Năm đó tôi mới mười bốn tuổi.”

Ba mạng người, ba vong hồn của ba đứa trẻ, tuy lúc này vẫn không có bất cứ chứng cứ thực tế nào, còn người làm chứng là Vương Bật cũng chỉ là người nghe lại câu chuyện qua lời kể của ma quỷ, nhưng đây vẫn là một vụ án đáng được quan tâm. Quan phủ áp dụng tất cả biện pháp cực hình, cuối cùng cũng thu được lời khai của tên Vương như sau:

Vương Vạn Lý, năm nay năm mươi một tuổi, người tỉnh Giang Tây, từng học thuật âm dương với thầy pháp Chu ở Hàm Dương. Tháng Ba năm Thuận Nhị (khoảng năm 1331 công nguyên đến năm 13 Chính Tam) đến phủ Hưng Nguyên, lại gặp một người họ Lưu. Ông Lưu nói: “Ta có thể dùng phép thuật sai khiến, mê học lòng người, thu nạp ma quỷ, sai đi tác oai tác quái nhà người ta để kiếm tiền, nay giao cho người một con.” Nói rồi liền rút trong người ra một miếng vải ngũ sắc, bên trong gói một nắm tóc, nói: “Tên quỷ này đã được đổi tên là Diên Nô. Muốn học tốt thuật này, cần phải kiếm được những đứa trẻ thông minh, lanh lợi, dùng lệnh bài và nước phép niệm chú, cắt sống mũi, môi, lưỡi, tai, mắt, lại niệm chú hút hết sinh khí, tiếp theo mổ bụng, lấy hết nội tạng, cắt thành từng khúc phơi khô, xương cốt đem nghiền nát, bọc lại bằng vải ngũ sắc, rồi đem tóc của nó tết lại, dùng giấy cắt thành hình người, mọi việc hoàn tất mới niệm chú, sai khiến nó đến nhà người ta tác oai tác quái.”

Tên pháp sư họ Lưu theo Vương đến nơi Vương ở. Đến đêm, Lưu liền thắp hương niệm chú, chỉ nghe thấy tiếng người mà không thấy bóng dáng đâu: “Sư phụ, người sai tôi đến nhà ai?” Tiếng nói đó chính là hồn ma của Lý Diên Nô. Lưu liền dặn dò Diên Nô rằng: “Người hãy hợp tác với người này đi.” Nói xong lại niệm chú, thu hồn ma lại. Vương Vạn Lý liền rút trong túi ra ngân phiếu bảy mươi lăm lượng, mua nắm tóc và mảnh vải ngũ sắc. Lưu còn nói, nếu không thích có thể đổi tên cho con ma rồi đem bán. Rồi lại truyền cho Vương Vạn Lý thêm lệnh bài và nước phép để sai khiến, thu hồn ma, cuối cùng dặn dò rằng: “Thịt bò và thịt chó là hai thứ đại kỵ, không được ăn vì nó có thể làm cho phép này mất thiêng.”

53. Chương 18 - Part 4 (hết)

Sau đó, Vương đi qua vùng núi Phưởng Châu, gặp người bạn cũ trước kia quen biết ở Quảng Châu. Người bạn này liền nói: “Ta cũng biết sai khiến ma quỷ, nếu muốn ta có thể bán lại cho.” Vương lại đưa một ngân phiếu hai mươi lăm lượng, tên kia liền lấy ra một hình nhân bằng giấy dán vải ngũ sắc và tóc tết, nói tên quỷ này là Ngoan Đồng. Vương Vạn Lý có trong tay hai tên tay sai, lại lên đường đến Phong Châu.

Đến tháng Tám năm Chính Nhị, Vương Vạn Lý đến nhà Chu Đại xem bói cho cô con gái tên là Nguyệt Lạp. Thấy cô bé thông minh, lanh lợi, liền nảy sinh ý đồ sát hại, thu nạp làm tay sai ỉn. Đến ngày Mười bảy tháng Chín, Vương Vạn Lý nấp ở góc tường trong sân nhà Chu Đại, nhìn thấy có bóng người đi ra sân sau, biết là Nguyệt Lạp, hắt liền niệm chú mê hoặc, dẫn cô bé đi về phía đông, lại dùng chú bắt Nguyệt Lạp đứng yên, cởi hết quần áo, dùng dao rạch một nhát từ trán xuống, cắt một lọn tóc của cô bé, dùng dây gấm tết lại, lấy hình nhân giấy và mảnh vải ngũ sắc, làm một hình nhân nữ. Sau đó lần lượt cắt các bộ phận mũi, miệng, lưỡi, tai, mắt, chặt rời mười đầu ngón tay, mười đầu ngón chân, rồi mổ bụng cô bé, moi hết nội tạng, cắt thành từng khúc, đem phơi khô rồi cho vào một cái lọ hồ lô nhỏ.

Tính đến tháng Chín năm Chính Tam, Vương Vạn Lý lại đến cửa hàng Bình Dị, mở sạp xem bói. Ở đây gã xảy ra tranh chấp với Vương Bật, vậy là khi đem về, gã liền sai Chu Nguyệt Lạp và hai tên yêu ma đến

nhà Vương Bất tác quái. Nhưng vì có lần hắn đi mua thịt ngựa về ăn, nhưng ông chủ bán nhầm cho hắn miếng thịt bò, kết quả là đã phá hết phép thuật của hắn, khiến hắn không thể thu được các hồn ma tay sai về nữa, nên mới có chuyện Nguyệt Lạp nhờ Vương Bất tố cáo hắn.

Trên đây là tất cả bản thú tội của Vương Vạn Lý. Về phía quan phủ điều tra thu được chứng cứ như sau:

Một người tên là Lý Phúc Bảo (tức Lý Thiếp) đã đến công đường làm chứng, nói rằng mình có một đứa con trai tên là Lý Diên Nô, vì hay bệnh tật nên cho xuất gia tại Ngũ Nhạc Quan, đổi tên là Thường Hôi. Đến tháng Hai năm Thiên Lịch Nhị (năm 1329), nhà chùa sai nó đi chăn trâu, từ đó không thấy trở về. Ngày đó đói kém loạn lạc, gia đình chỉ nghĩ là bị kẻ xấu hãm hại nhưng không tìm ra manh mối.

Tỉnh Trung Thư lại có công văn đến quan địa phương huyện Hàm Ninh, đường Phong Nguyên, và Phong Châu điều tra thân thể, được quan phủ địa phương trả lời quả thật Liễu Ngoan Đồng và Chu Nguyệt Lạp đều chết vì nguyên nhân giống nhau.

Cuối cùng hình bộ phán quyết như sau: Vương Vạn Lý tàn nhẫn bắt đạo, xử tội lăng trì, vợ con hắn phải chịu đi đầy ở Hải Nam.

Vụ án khép lại, không tìm ra một kẻ hở nào, từ ba cấp quan phủ, nhân chứng, vật chứng đều đầy đủ cả, lời cung khai của phạm nhân cũng được lập rất chân thực trong quá trình điều tra, nhưng chính vì câu chuyện quá hoàn mỹ như thế lại khiến người ta cảm thấy dường như có điều gì đó không ổn. Với tư cách là một câu chuyện, có lẽ nó cũng đơn thuần như bao câu chuyện khác, không có gì đáng nói, nhưng nếu đứng ở góc độ một vụ án hình sự làm kinh động đến cả các nhân vật lãnh đạo trung ương và các cơ quan tư pháp cao nhất, mà lại lắt léo nói của ma quỷ làm lời khai, hơn nữa, các quan tư pháp từ địa phương đến trung ương đều dùng lời khai giống hệt nhau, quả là từ cổ chí kim có một không hai.

Nhưng khi hình bộ phán Vương Vạn Lý tội lăng trì, thì Vương Vạn Lý đã chết “dũ tử” trong ngục từ lâu. Thời xưa, ở chốn quan binh, cách nói “dũ tử” là một cách nói khá mơ hồ, dùng để chỉ những người chết vì bệnh, chết vì chịu cực hình, bị mưu sát, tự sát... Tóm lại, những kẻ chết trong tù được gọi chung là “dũ tử”, như thế có thể giúp các cơ quan liên quan giữ bỏ được trách nhiệm. Vậy bị cáo Vương Vạn Lý đã chết, những chuyện phiên cung, hay kiện tụng lên cấp cao hơn cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa, phán quyết già thế nào già cũng chẳng thể kêu oan được nữa, nên phán quyết được đưa ra có vẻ cũng chẳng tốn bao nhiêu sức lực. Nhưng các tình tiết trong vụ án này lại bỏ qua một nhân vật vô cùng quan trọng, trong Vương Bất truyện có viết, phạm nhân không chỉ có một mình Vương Vạn Lý mà còn có tông phạm là đứa cháu cùng đi hành nghề với gã tên Vương Thượng Hiền, nhưng Hiền lại được phán là vô tội và được tha bổng. Hơn nữa, còn phải kể đến hai kẻ trọng phạm có liên quan đến vụ án (cũng là nhân chứng quan trọng) là tên họ Lưu và người bạn già quen ở Quảng Châu, thì trong chuyện lại không được, nên đành gác lại đây. Phạm nhân đã chết thì bị phán mức án cao nhất, còn kẻ tông phạm chưa chết thì lại không nằm trong bản án, quả là chuyện kỳ lạ hiển thấy xưa nay!

Đương nhiên chúng ta không thể tìm được những ghi chép chính xác về tình hình thực tế của vụ án, nhưng Lương Cung Thần, người nhà Thanh có ghi trong Bắc vông viên bút lục tử biên một kỳ án khác cũng tương tự như thế. Lương Cung Thần là một người vô cùng tin vào thuyết nhân quả báo ứng, nhưng cũng giống như quan lại đương thời, ông không công nhận tà thuật của kẻ yếu nhân. Vụ án mặc dù xảy ra ở bốn trăm năm sau, nhưng các tình tiết trong vụ án lại rất giống vụ án ma Trung Thư, so sánh hai vụ án, sẽ thấy nội tình vụ án ma Trung Thư dần dần được hé lộ.

Sự việc xảy ra vào năm Càn Long thứ bốn mươi mấy, huyện nọ có một thương nhân (do tác giả không nêu đích danh người và quê quán, nên tên người và tên địa danh đều bị giấu đi), nhờ nghề buôn bán mà ngày càng giàu có. Trong huyện có người tên là Ác Thân muốn hỏi vay tiền, nhưng người thương nhân nọ không đồng ý, gãi bày đủ mọi lý do, muốn vay với lãi suất cao, vay vì có việc công quan trọng... nhưng cuối cùng đều bị từ chối. Ác Thân hận thương nhân đến tận xương tủy. Đúng lúc đó, người hầu gái của thương nhân nọ có đứa con gái hai tuổi chết yểu, Ác Thân liền xui cô ta đến nhà môn tố cáo, nói con gái cô ta bị thương nhân nọ dùng Cừu thuật bắt mất linh hồn, nhưng quan huyện không chịu thụ lý vụ án. Ác Thân lại mê hoặc dân chúng đến công đường tố cáo, còn mình thì cưỡi ngựa đi khuyên Thái thú chuẩn cáo. Thái thú liền nói rằng: “Yêu thuật này, từ xưa không hề nói đến, nếu như từ xưa không có thì vụ án này làm sao mà giải quyết được?” Vậy là vẫn không chuẩn cáo. Ác Thân lại xúi giục người nhà đứa bé kiện lên quan tỉnh nhưng vẫn không được chuẩn. Lên cả ba cấp tư pháp huyện, phủ, tỉnh đều bế tắc, Ác Thân vẫn không chịu từ bỏ dã tâm, liền viết thư kể cho Đô Trung Đường Trục Giả nghe chuyện thương nhân nọ dùng yêu thuật âm phủ, Đường Trục Giả nhận được thư liền chuyển cho tuần phủ tỉnh xử lý, tuần phủ tỉnh lại sợ lớn chuyện sẽ ảnh hưởng đến tiền đồ của mình, cảm thấy một tên thương nhân chịu tội oan cũng chẳng có gì ghê gớm, liền hạ lệnh bắt thương nhân kia về tra xét. Cũng như các phạm nhân khác, sau khi bị dùng cực hình, thương nhân buộc phải nhận tội, vậy là tội chém đầu được cấu thành. Không ngờ, hôm thương nhân bị xử quyết trời bỗng thay đổi thất thường, nổi cuồng phong, trời đất xám xịt, tất cả mọi người trong thành đều than rằng: “Ông ta quả là bị chết oan!”

Chưa đến hai ngày, lại có người từ huyện đó đến, nói con trai của Ác Thân bỗng nhiên phát điên, suốt ngày gào khóc kêu oan cho thương nhân nọ. Vừa nhìn thấy Ác Thân, đứa con trai liền chỉ tay mắng lớn, vài hôm sau thì chết. Nghe đồn sau đó, Ác Thân cũng phát điên mà chết. Tuần phủ nghe tin vô cùng sợ hãi, liền sai ba, bốn người hầu lúc nào cũng đi bên để bảo vệ. Một hôm tuần phủ và viên tư đạo đang nghị sự, bỗng thấy tuần phủ hét lên rằng: “Kẻ giết người là Ác Thân, không phải ta, hà cớ chi lại đến kiếm ta?” Viên tư đạo liền cho người ở bên ngoài xông vào nhà, mới lang y đến cứu chữa, nhưng không được mấy ngày thì quan tuần phủ chết.

Mặc dù đoạn kết khiến người đọc sảng khoái, nhưng tính chân thực của nó lại vô cùng đáng ngờ. Trên đời này có bao nhiêu là oan hồn, nếu như tất cả đều làm như thương nhân nọ có lẽ thiên hạ sẽ đại loạn, nhất là những kẻ chấp pháp kia sẽ luôn phải đối mặt với sự đe dọa đến tính mạng. Điều đáng tin là thái độ của các quan tỉnh, huyện, phủ đối với vụ án này. Họ chưa chắc đã không tin sự tồn tại của yêu thuật, nhưng chỉ nói hồn ma của đứa trẻ bị người ta cướp đi, những việc như đuổi hình bắt bóng này quả thật không thể coi là chứng cứ trước pháp luật được. Còn về vụ án của Vương Bật, đưa lên cả bộ hình, bộ hình lại sai người về tra xét, Vương Bật miêu tả chuyện hồn ma hiển linh sinh động như thật, nhưng khi người của bộ hình tới thì hồn ma lại biến mất. Trong khi đó, Vương Vạn Lý đã chết từ trong ngục rồi. Những hồn với vai trò là nhân chứng không chịu xuất hiện trước công đường, vậy rõ ràng vụ án này không thể giải quyết được. May là ở cuối đời Nguyên, quan trường còn đang là một màn đêm đen tối, vậy nên cả ba cấp quan mới cùng thống nhất đi đến phán quyết xử lăng chi một kẻ đã chết, kẻ còn sống thì lập tức được thả, nhanh chóng kết thúc một vụ án ngớ ngẩn.

Cũng giống như nhân vật Ác Thân trong “án thái sinh”, nhân vật chính trong “án ma Trung Thư” trên thực tế chính là Vương Bật. Vụ án từ đầu đến cuối đều do một mình anh ta thao túng. Ở đời nhà Tống, trong Vương Bật truyện, Vương Bật dường như là một người trung thực, chính nghĩa, chuyên hành y cứu người, nhưng cũng không thể che giấu được thân phận thật của ông ta là quân sư của Tuyên úy tư, tương đương với chức quan cứu phẩm trong nhà môn thời bấy giờ. Địa vị này giúp ông ta có một tiếng nói nhất định với quan địa phương, người dân bình thường không ai dám động vào ông ta, nói gì đến một tên thầy bói lưu lạc goang hồ! Còn nguyên nhân khiến hai người họ xảy ra tranh chấp cũng được tường thuật chi tiết, tỉ mỉ trong Vương Bật truyện, đó là vì Vương Bật nghe nói có một thầy bói mới đến mở sạp trên phố liền đặc biệt đến hỏi thăm, kết quả là xảy ra một cuộc đấu khẩu nảy lửa, vì Vương Vạn Lý không hiểu phép

tắc, không biết nhún nhường nên Vương Bát mới ra uy dạy cho ông ta một bài học, trên thực tế là muốn phá đám việc làm ăn của ông ta. Chỉ từ câu chuyện tranh chấp cũng có thể nhìn ra Vương Bát là tên đầu xỏ khó chơi. Nhưng Vương Vạn Lý cũng không dễ dàng chịu khuất phục, chém luôn uy phong của Vương đại gia, khiến Vương đại gia nổi giận, bày ra trò ma quỷ để rửa hận. Vương Bát dù sao cũng đã từng lặn lội chốn quan trường, ông ta còn tìm được mười nhân chứng đứng về phía mình, cùng ký tên chứng nhận sự hiển linh của hồn ma Chu Nguyệt Lạp. Mười người cùng ký tên vào bản cáo trạng, lại thêm mối quan hệ khăng khít với đám nha môn, đặt thêm vật chứng trong phòng của Vương Vạn Lý, đó chỉ là chuyện nỏ như lông hồng mà thôi.

Nhưng cho dù màn kịch này được thiết kế tinh vi đến đâu, tìm được một trăm người làm chứng, kiếm được đầy một phòng vật chứng nhưng nếu không có sự hỗ trợ của đám quan sai thì dã tâm của Vương Bát cũng chẳng thể thực hiện được. Vì thế, từ dã tâm của Vương Bát trong vụ án này cũng đủ để nhận ra bức tranh chính trị đen tối ở giai đoạn cuối thời Nguyên. Đây cũng là điểm báo sự thống trị của người Mông Cổ sắp đến hồi kết thúc.

Nhưng điều khiến người ta kinh ngạc không phải vụ án mà từ giả thành thật, mà là hầu hết thành phần tri thức đương thời đều tin vào những chuyện ma quỷ này. Như Lý Hảo Văn, bắt đầu là phó hiệu trưởng, tiến sĩ của một trường đại học công lập, từng làm quan ngự sử giám sát, lập nhiều công lớn trong việc giải oan cho những người dân vô tội, diệt trừ bọn cường hào ác bá, cũng bỏ không ít công sức ghi chép lại vụ án “Trung Thư quỷ” thành một tác phẩm văn học để đời, tăng thêm hiệu quả tuyên truyền trong dân chúng. Những nhân vật anh tài của cả một thời đại lại có cách nhìn nhận như thế, quả là đáng buồn! Cho nên đến đầu đời Minh, Vương Bát vẫn được triều đình coi là một kẻ sĩ đặc đạo, triệu vào Nam Kinh, chỉ đến khi thấy ông ta thật sự không hề có tài điều yêu khiến quỷ, mới thưởng cho ông ta chiếc áo dài rồi đuổi cổ về quê, thế mới thấy tác dụng tuyên truyền dưới ngòi bút của các nhà văn lớn.

Đứng trên quan điểm ngày nay, vụ án “Trung Thư quỷ” đích thực là một vụ án oan, những người bị oan không phải là ba hồn ma kia mà chính là Vương Vạn Lý - kẻ chết rũ trong nhà tù. So với những tác giả như Tống Khiêm, có lẽ Đào Cửu Thành vẫn được coi là người khá tỉnh táo, nên tác phẩm ông biên soạn về “Trung Thư quỷ án”, trên thực tế là dùng những văn kiện Nguyên sử đối chiếu với tiểu thuyết và sử bút Lý Hảo Văn và Tống Khiêm. Nếu như đọc giả có hứng thú có thể tìm đọc Vương Bát truyện đối chiếu với Trung thư quỷ án, chắc chắn sẽ ngộ ra rất nhiều những điều mê hoặc trong các thể loại ghi chép truyện ký, hồi ký... Nhân đây cũng xin nói thêm, quyển Văn tập Tống học sĩ thì hơi khó tìm, nhưng Tử bất ngữ thì ở đâu cũng có. Nhưng qua việc Viên Tử đem Vương Bát truyện của các học sĩ đời Tống xếp vào đám “lực lượng ma quái” cũng đủ thấy quan điểm của ông rồi.

Nhắc đến Viên Tử Tài lại khiến người ta liên tưởng ngay đến Kỷ Hiểu Lam, bởi lẽ đây là hai nhân vật đều rất đáng yêu. Mà Kỷ Hiểu Lam có lần suýt chút nữa cũng gây ra một vụ án yêu trong đại ngục, nguyên nhân của nó ít nhiều có liên quan đến Trung thư quỷ án.

Hồi đó, Kỷ Hiểu Lam vì mắc lỗi nên bị điều đến Ô Lỗ Mục Tề, giữ chức quan tứ phẩm làm văn án cho Ôn Phúc đại tướng quân. Ông tuy thân mang trọng tội, nhưng vẫn không bỏ được kiêu thích khoe khoang thể hiện, mà kẻ văn nhân đã thích thể hiện thì thế nào cũng gây họa. Đương nhiên, ông sẽ lại lập công chuộc tội, tìm một tên đen đủi nào đó làm vật thể thân cũng là điều không quá khó khăn.

Ngày đó, Ô Lỗ Mục Tề có một đạo sĩ bán thuốc trong thành, dân chúng đồn nhau rằng đạo sĩ này có yêu thuật cao cường, hơn nữa, còn có người tận mắt chứng kiến trong quán trọ, thấy ông ta mỗi đêm trước khi đi ngủ đều lôi ra một bình hồ lô nhỏ, dốc ra hai viên gì màu đen, sau đó liền có hai thiếu nữ hiện ra chung chạ chung gối, đến khi trời sáng thì không thấy đâu nữa. Chuyện này không hỏi không được, nếu có hỏi

thì chắc chắn tên đạo sĩ cũng sẽ không thừa nhận sự việc. Điều tra thì không có bằng chứng, kẻ làm thì không chịu nhận, người khác thì không thêm quan tâm để ý, nhưng Kỳ Hiểu Lam là người có học vấn, lại có trí nhớ tốt nên lập tức nghĩ ra Vương Vạn Lý trong câu chuyện, liền tự nhủ rằng: “Hai cô gái đó chắc chắn là hai hồn ma được tên đạo sĩ thu phục, chỉ cần cho tên đạo sĩ đó ăn thịt ngựa thì khắc yêu thuật sẽ bị hóa giải!” (Kỳ Hiểu Lam quá tự tin vào trí nhớ của mình, thực tế trong truyện viết là phải ăn thịt bò mới hóa giải được yêu thuật), vừa đúng lúc một con ngựa trong doanh trại bị chết, Kỳ Hiểu Lam liền sai chân tay đến tìm chủ quán trọ, bảo ông ta hỏi đạo sĩ rằng: “Quán tôi đây đang có một ít thịt ngựa, không biết khách quan có nhã hứng thưởng thức hay không?” Không ngờ tay đạo sĩ lắc đầu nói: “Thịt ngựa ta không ăn!” Ông chủ quán lập tức báo cho Kỳ Hiểu Lam biết, lại khiến cho Kỳ Hiểu Lam nảy sinh nghi ngờ. Không ăn thịt ngựa bởi trong lòng đang có trò mờ ám, nếu không có điều gì mờ ám, tại sao lại không ăn thịt ngựa? Những suy luận kỳ quặc kiểu như thế lại càng làm cho Kỳ Hiểu Lam tin vào lời đồn, trong lòng cảm thấy tay đạo sĩ này chắc chắn là một yêu nhân, liền quyết định ra mặt giải quyết ông ta.

May mà có một người cộng sự tốt tên là Trần Đề Kiêu, thấy Kỳ Hiểu Lam sắp gây họa, liền nói: “Tên đạo sĩ đó dẫn con gái về, người có tận mắt nhìn thấy không? Hắn ta không ăn thịt ngựa, người cũng không hề nhìn thấy. Chuyện của Chu Nguyệt Lạp là chuyện trong tiểu thuyết của Đào Cửu Thành, ai biết là thật hay giả. Hơn nữa, cứ nói thịt ngựa có thể phá giải được yêu pháp nhưng cũng không ai biết nó có linh nghiệm thật hay không. Người lại đi tin vào những tin đồn vô căn cứ, thật là không biết phân biệt thị phi.” “Vậy việc này phải làm thế nào?” “Việc này không nên làm kinh động quá nhiều người, tôi thấy như thế cũng đủ rồi.” Kỳ Hiểu Lam lúc đó mới từ bỏ ý định diệt đạo sĩ để lập công chuộc tội.

Việc đó sau này đến tai đại tướng quan Ôn Phúc, ông liền nói với Trần Đề Kiêu và Kỳ Hiểu Lam rằng: “Kỳ Hiểu Lam xử lý việc này quả thật là hơi quá đáng. Nếu tên đạo sĩ đó bị cực hình ép vào đường cùng, ăn nói bậy bạ, khai bừa một vụ án khác, vật thì sự việc sẽ vô cùng nghiêm trọng, không thể không trị, mà trị thì lại không có chứng cứ, không thể trị tận gốc, lúc đó chúng ta phải làm thế nào? Còn Trần Đề Kiêu nói đuổi hắn ta ra khỏi thành lại càng “bất cập”. Nếu hắn ta lại chạy sang đất khác gây chuyện thị phi, nói rằng đã sống trên đất Ô Lô Mục Kỳ đã lâu, thì chúng ta chắc không tránh khỏi trách nhiệm. Đối với những kẻ có hành tung khả nghi phải khám xét cẩn thận, tìm ra chứng cứ rồi mới giao cho quan phủ xử lý được, nếu khám xét không thấy chứng cứ thì áp giải hắn trở về quê hương, tránh mê hoặc dân chúng, các người thử cách này có phải là tốt hơn không?” Hai người nghe xong đều khâm phục tướng quân sát đất.

Đối với những kẻ có hành tung khả nghi thì đương nhiên cần phải khám xét, nhưng nếu khám mà không thấy có chứng cứ gì thì dựa vào cái gì mà áp giải người ta về quê cũ? Những lý luận này tốt nhất không nên bàn nhiều ở đây, người ta không dẫn anh về nha môn ột trận đòn như tử đã là khá lắm rồi. Kỳ tiên sinh quá nghiêng về cánh tả, Trần tiên sinh lại quá thiên về cánh hữu, nói chung, những kẻ làm quan trước tiên phải lo giữ thân và củng cố địa vị trước đã, như vậy, có thể nói, dù sao đi nữa cách giải quyết của Ôn Phúc cũng là cách xử lý thỏa đáng nhất.

Khổng Phi Lực trong Gọi hồn cũng có nhắc đến vụ án “cắt tóc thu hồn”, đại khái chuyện này xảy ra không bao lâu, kiến thức của đại học sĩ Kỳ Hiểu Lam so với đám ngu dân đòi bắt hòa thượng Bà Du Phương và tướng lâm ông là yêu nhân hóa ra cũng có điểm tương đồng. Vậy thì đám quan trong phủ huyện mà Lương Cung Thần kể trong “án thải sinh” liệu có được xem là inh hơn Kỳ Hiểu Lam không? Chỉ có điều “án thải sinh” xảy ra sau “án gọi hồn” hơn mười năm, làm kinh động đến cả Vạn Tuế gia, các quan dưới không thể không thụ lý và tuân phủ nọ vì có công văn ép xuống của “Đương Trục Giả” mới thụ lý vụ án, sau đó lại ra một bản án xử tử “siêu tốc”, thực ra mỗi người bọn họ đều có những mẹo làm quan riêng của mình, chẳng qua về điểm này thì họ inh hơn Kỳ đại học sĩ mà thôi.

Nhưng cũng có một khả năng khác, ấy là Kỳ Hiểu Lam chỉ đang cố ý giáo hoạt, trong đoạn ký sự trên cố ý dành inh vai diễn một con chim ngu ngốc để đề cao sự anh minh của Ôn Phúc mà thôi.

Hết tập 1

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/tat-den-ke-chuyen-ma-tap-1>